TRUNG ƯƠNG HỘI KHOA HỌC
PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, NHÂN TÀI VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU DANH NHÂN

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU DANH NHÂN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

HÀ NỘI, 2023

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DANH NHÂN

Báo cáo Đề dẫn tại Hội thảo ngày 26-2-2023

NHẬN THỨC CHUNG VỀ DANH NHÂN VÀ NGHIÊN CỨU DANH NHÂN

GS.TS HOÀNG CHÍ BẢO
Chuyên gia cao cấp, nguyên Ủy viên
Hội đồng Lý luận Trung ương
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Danh nhân

1. Nhận thức chung về Danh nhân

Danh nhân, theo nghĩa chung nhất là chỉ những người nổi tiếng, có tài năng đặc biệt xuất sắc và có đạo đức, phẩm hạnh đặc biệt cao quý. Công trạng và sự nghiệp của danh nhân tỏa sáng lúc đương thời mà còn được lưu truyền ở hậu thế. Lịch sử tôn vinh các danh nhân bởi những cống hiến của họ, mà những cống hiến đó đã góp phần làm rạng rỡ dân tộc, tạo nên những tiến bộ, phát triển của đất nước, xây dựng đất nước phồn vinh, sự cường thịnh của quốc gia trong mỗi thời đại lịch sử cũng như tài trí, mưu lược của họ đã giúp cho quốc gia - dân tộc chiến thắng được ngoại xâm, vượt qua những thử thách hiểm nghèo.

Như vậy, danh nhân là người có *tầm ảnh hưởng rộng lớn và lâu bền, vượt qua thử thách của thời gian,* trong nhận thức, đánh giá của xã hội, của nhân dân với sự ngưỡng mộ, kính trọng và biết ơn sâu sắc. Lịch sử của mỗi quốc gia, của thế giới nhân loại, qua tất cả những biến cố thăng trầm, qua những thế kỷ anh hùng và bi tráng, qua những thời đại đánh dấu bước ngoặt huy hoàng của các nền văn minh cũng như lịch sử lao động và tranh đấu của các thế hệ con người kế tiếp nhau, trong đó những sáng tạo và phát minh, những tài năng trí tuệ xuất chúng, vượt trội của các bậc thiên tài, những tư tưởng mang ý nghĩa thức tỉnh con người về tự do và khát vọng giải phóng của các bậc vĩ nhân… *là những dấu ấn không thể phai mờ trong lịch sử. Thời đại Phục hưng* (cuối thế kỷ XIV đến thế kỷ XVI) mãi mãi được nhắc đến trong lịch sử nhân loại là thời đại điển hình như thế. Ăng ghen đánh giá rằng, đó là một thời đại khổng lồ, sản sinh ra những con người khổng lồ. Họ vĩ đại về mọi phương diện, tài năng, trí tuệ, cống hiến và phẩm giá nhân cách. Đó là thời đại được gọi là Phục sinh, chấm dứt đêm dài Trung cổ 900 năm ở Tây Âu, báo hiệu buổi bình minh của nền văn minh hiện đại. Chủ nghĩa nhân văn đề cao tự do và phẩm giá, con người, khát vọng sống trong tình yêu và hạnh phúc, khẳng định

cá nhân - "cái TÔI" - như một bản ngã độc lập, phải tồn tại, được sống và tự khẳng định hạnh phúc của mình, đó là những tư tưởng và giá trị cao quý. Thời đại Phục hưng là thời đại nở rộ các tài năng, nhất là trong văn học nghệ thuật và các loại hình của văn hóa tinh thần. Đó cũng là thời đại sản sinh ra rất nhiều danh nhân kiệt xuất.

Thời đại Khai sáng (hay *thế kỷ Ánh sáng)* cũng vậy. Tiếp nối thời đại Phục hưng, thời đại Khai sáng (Thế kỷ XVII-XVIII) là thời đại đề cao trí tuệ, lý trí sáng suốt của con người, thời đại hình thành và khẳng định *chủ nghĩa duy lý* như một thế giới quan triết học và một nhân sinh quan của tự do, mang sức mạnh trí tuệ giải phóng.

Những định đề nổi tiếng, có ý nghĩa Tuyên ngôn được nhắc đến: "Tôi tư duy nghĩa là tôi tồn tại" (Đề Các), "Hoài nghi để mà tin" (Bê Cơn), "Con người là một cây sậy trong tự nhiên nhưng là cây sậy có trí tuệ" (Patscan).

Nhờ thời đại Phục hưng và thế kỷ Ánh sáng mà chủ nghĩa tư bản đã hình thành và phát triển trong lịch sử cận đại và hiện đại của thế giới nhân loại. Đó cũng là những thời đại sản sinh ra các bậc danh nhân, những tài năng xuất chúng, góp phần thúc đẩy nhân loại phát triển về sau này. Đến giữa thế kỷ XIX, lịch sử tư tưởng nhân loại lại biết đến những thiên tài trí tuệ của Các Mác và Ăng ghen. Đó là những nhà bác học đồng thời là những chiến sĩ nêu cao khát vọng tự do, đề xướng tư tưởng cách mạng để giải phóng nhân loại cần lao ra khỏi ách áp bức, bóc lột, nô dịch của CNTB, thức tỉnh giai cấp công nhân và quần chúng lao động xây dựng chế độ xã hội tương lai cộng sản chủ nghĩa - chế độ xã hội xứng đáng nhất với tự do và phẩm giá của con người.

Mác (1818-1883) và Ăng ghen (1820-1895) là những người đặt nền móng cho chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa cộng sản khoa học, xây dựng học thuyết khoa học và cách mạng để xóa bỏ trật tự hiện tồn TBCN, xây dựng chế độ xã hội mới, thực hiện lý tưởng cao quý "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người", coi đó là *mục đích tự thân của lịch sử*.

Khi còn rất trẻ, ở tuổi thanh niên, Mác đã độc lập nghiên cứu và giành được học vị Tiến sĩ với bản luận án xuất sắc của mình và nhanh chóng được thừa nhận là "ngôi sao sáng nhất trong bầu trời tư tưởng châu Âu". Ăng ghen đã tự học và tự đào tạo mình mà đạt được trình độ kiến thức và tư tưởng *ngang tầm với Mác, trở thành "cái Tôi thứ hai" của Mác*. Các ông đã sát cánh bên nhau trong cả cuộc đời

và sự nghiệp, từ bỏ địa vị xuất thần của mình trong tầng lớp thượng lưu và giai cấp hữu sản để *dấn thân* và *dâng hiến* trọn vẹn đời mình cho cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân và toàn thể nhân loại.

Ở độ tuổi 30 (Ăng ghen có 28 tuổi), các ông đã cùng viết “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” (1848) và đã trở thành lãnh tụ của phong trào vô sản thế giới. Tư tưởng của họ là ngọn cờ dẫn đường cho cả phong trào đó và tác phẩm “Tuyên ngôn” của họ đã trở thành cương lĩnh *đầu tiên*, bản cương lĩnh có tuổi thọ lâu nhất, xuyên qua các thế kỷ XIX, XX và XXI hiện nay, có sức sống tới tận ngày nay trong phong trào công nhân, trong sự nghiệp cách mạng cộng sản toàn thế giới. Họ thực sự là những danh nhân, những vĩ nhân của thời đại, của thế giới. Học thuyết, chủ nghĩa do họ sáng lập ra được thừa nhận là đỉnh cao, kết tinh những thành tựu, những tinh hoa tư tưởng của nhân loại. Cho đến nay, Mác vẫn được thừa nhận và tôn vinh là nhà tư tưởng của thế kỷ XXI. Tiếp nối Mác - Ăng ghen mà bộ óc thiên tài của họ đã sản sinh ra hàng vạn tác phẩm, tạo nên tập đại thành trong lịch sử chủ nghĩa Mác là *Lênin của nước Nga và cách mạng Nga*. Ông là người chẳng những truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa đó vào thực tiễn cách mạng Nga, làm nên Cách mạng Tháng Mười Nga, 1917, sáng lập ra một Thời đại mới và khai sinh ra nước Nga Xô Viết, ra CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới mà còn là người bảo vệ xuất sắc nhất những chân giá trị của chủ nghĩa Mác trước sự xuyên tạc và tấn công của kẻ thù đủ mọi loại để khẳng định giá trị và sức sống của chủ nghĩa Mác trong đời sống tư tưởng nhân loại và trong thực tiễn cách mạng thế giới. Lênin mang tầm vóc Danh nhân - Vĩ nhân được ví như con chim phượng hoàng trên núi rừng đại ngàn, “*người cách mạng nhất* trong những nhà khoa học và *nhà khoa học nhất* trong những người cách mạng”. Ông còn là nhà cách tân đầu tiên trong lịch sử CNXH hiện thực, người tiên phong trong cải cách CNXH hiện thực với “Chính sách kinh tế mới” (NEP) nổi tiếng. Dù chỉ sống có 54 năm (1870-1924) nhưng di sản Lênin để lại cho nhân loại bao gồm 9000 tác phẩm. Nhờ đó, chủ nghĩa Mác mang hình thức hiện đại với tên gọi là chủ nghĩa Mác-Lênin. Ở Việt Nam, Hồ Chí Minh được biết đến là một *thiên tài tư tưởng và tổ chức*, nhà mác xít sáng tạo đầy bản lĩnh của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, *nhà biện chứng thực hành* đặc sắc, gắn liền tư tưởng với phương pháp, đạo đức và phong cách. Danh nhân, vĩ nhân Hồ Chí Minh, trong hành trình tìm đường cứu nước cứu dân kéo dài 30 năm (1911-1941) đã tạo nên bước ngoặt thay đổi cuộc đời và số phận của cả dân tộc, từ nô lệ tới tự do và làm chủ, từ vong quốc

nô trở thành độc lập. Từ *tìm đường, chọn đường, nhận đường,* Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trở thành *ngọn cờ dẫn đường* của dân tộc, của cách mạng Việt Nam. Tầm ảnh hưởng của Người không chỉ trong Dân tộc mà còn đến với thế giới nhân loại từ những dự báo, tiên tri Hồ Chí Minh đến nhân văn Hồ Chí Minh, văn hóa Hồ Chí Minh, kết tinh thành giá trị trong tư tưởng, tỏa sáng trong toàn bộ di sản và thức tỉnh, cổ vũ dân tộc mình và các dân tộc bị áp bức trong hành động, hoạt động của Người. Sức sống, sức hấp dẫn lớn của danh nhân, vĩ nhân Hồ Chí Minh là ở chỗ, một đời vì nước, vì dân. Suốt đời gần dân, gắn bó máu thịt với nhân dân mình và với nhân loại. Suốt đời chỉ theo đuổi, thực hiện một ham muốn, ham muốn tột bậc là Tổ quốc được độc lập, dân tộc được tự do, đồng bào ai cũng có hạnh phúc, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, được học hành. Người không chủ trương "lập" một cái gì cho sự nghiệp riêng của mình như nhiều người thường theo đuổi, nhưng cuối cùng, Hồ Chí Minh lại hội tụ cả: "Lập Đức" (Cần kiệm liêm chính), "Lập Công" (Giải phóng dân tộc, Phát triển dân tộc) và "Lập Ngôn" (Không có gì quý hơn Độc lập Tự do). Đó là sự đặc sắc, vĩ đại và cao thượng của danh nhân, vĩ nhân Hồ Chí Minh.

2. Từ những trình bày quan niệm, nhận thức chung về Danh nhân, có thể khái quát trong một vài nhận xét sau đây:

- *Thứ nhất,* nói tới danh nhân là nói tới những con người có trí tuệ lớn, nhân cách lớn, có những cống hiến xuất sắc, đặc biệt là có tầm ảnh hưởng rộng lớn trong lịch sử xã hội, trong cộng đồng dân tộc và nhân loại. Tiêu biểu và điển hình cho tầm vóc danh nhân là các bậc vĩ nhân thiên tài, ở thời nào cũng có, ở dân tộc nào cũng có. Lịch sử tư tưởng, văn hóa của dân tộc và của thế giới nhân loại *kết tinh* và *tỏa sáng* từ cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến nổi bật, vượt trội của các danh nhân, các vĩ nhân thiên tài.

- *Thứ hai,* mức độ cống hiến, phạm vi ảnh hưởng của danh nhân được xác định bởi *danh nhân của dân tộc* và *danh nhân mang tầm vóc thế giới*. Trong hàng ngũ danh nhân thế giới, Việt Nam đã có những đóng góp rất đáng tự hào với những tên tuổi và sự nghiệp của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Chu Văn An, Hồ Chí Minh, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu.

- *Thứ ba,* trong cơ cấu loại hình danh nhân có sự phong phú, đa dạng các lĩnh vực: khoa học, nghệ thuật, giáo dục, y học, kinh tế, quân sự, ngoại giao, chính trị… Song, nói tới danh nhân đặc biệt là các vĩ nhân thiên tài, trước hết phải nói đến *các nhà tư tưởng, các nhà bác học, các nhà văn hóa kiệt xuất* (Danh nhân Văn hóa)

mà những phát minh, phát kiến của họ về học thuyết, chủ nghĩa, trường phái, các cống hiến của họ trong một hoặc nhiều lĩnh vực khác nhau có tác dụng thúc đẩy lớn, tạo ra những thành tựu lớn của sự phát triển của dân tộc và thế giới.

- *Thứ tư*, sự tôn vinh danh nhân không chỉ tôn vinh về trí tuệ, tài năng kiệt xuất mà còn là *tôn vinh về đạo đức, nhân cách* của họ, không chỉ những cống hiến của họ đối với lịch sử mà còn là những tấm gương mà họ nêu lên cho đương thời và hậu thế về mục đích, động cơ, lẽ sống và lối sống với lý tưởng cao quý, với nghị lực phi thường, với tâm hồn cao thượng. Tấm gương danh nhân, vĩ nhân được nhắc đến và noi theo, *nhất là với thế hệ trẻ* là nguồn cảm hứng vươn tới *khát vọng sáng tạo, khát vọng phát triển và khát vọng cống hiến* vì đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân tộc cường thịnh, trường tồn như Đảng ta xác định.

- *Thứ năm,* Danh nhân xét trên quan điểm giá trị văn hóa Chân - Thiện - Mỹ, thì *nhân cách danh nhân phải là một nhân cách văn hóa.*

Người được gọi là danh nhân là một con người văn hóa. Tài năng và đạo đức của danh nhân, cuộc sống, sự nghiệp và những cống hiến của danh nhân phải thực sự là những tấm gương phản chiếu tinh thần và tâm hồn dân tộc mình, đất nước và nhân dân mình, sức sống và năng lực sáng tạo của dân tộc và thời đại, đóng góp xứng đáng vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước, vào nỗ lực chung kiến tạo *văn hóa hòa bình* và *văn hóa khoan dung* của các dân tộc trên thế giới. Nếu văn hóa chỉ biểu đạt những gì tốt đẹp, tiến bộ và phát triển, nó đối lập với phản văn hóa thì *Danh nhân chỉ nói tới những con người nổi tiếng về tài năng và đức hạnh mà những cống hiến của họ phải hữu ích cho cuộc đời, cho tự do và hạnh phúc của con người, trước hết trên quê hương, tổ quốc, trong cộng đồng dân tộc đã nuôi dưỡng và đào luyện nên họ.*

3. Nghiên cứu danh nhân - những khu biệt về đối tượng và những lựa chọn về phương pháp

- Nghiên cứu danh nhân với tư cách nghiên cứu khoa học, đó là sự kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Là nghiên cứu cơ bản, cần thiết phải xác định lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, trước hết là các quan điểm, nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu danh nhân. Thống nhất cách hiểu về danh nhân, có quan niệm khoa học về danh nhân, tìm hiểu mối liên hệ giữa những người nổi tiếng, thành danh, có danh, có sự nghiệp được biết đến, được đánh giá với những tài năng đặc biệt, đạo đức nổi bật, cống hiến to lớn, xuất sắc trong một hoặc

nhiều lĩnh vực khác nhau với danh nhân… là tiền đề của việc nghiên cứu, từ đó định hình đối tượng nghiên cứu.

Nghiên cứu danh nhân, trước hết là nghiên cứu một con người cụ thể, cá thể với những năng lực, phẩm chất sáng tạo *riêng có*, tạo nên những cống hiến của chính bản thân họ thông qua hoạt động và sự nghiệp.

Nghiên cứu danh nhân với tư cách là một lực lượng, một tập hợp đội ngũ trong thời gian và không gian xác định gắn liền với nghiên cứu lịch sử (lịch sử ngành và lịch sử dân tộc), rộng hơn là văn hóa. Xác định các loại hình danh nhân trong cơ cấu xã hội danh nhân, thế hệ, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trong đó có những danh nhân là *doanh nhân*, các yếu tố lịch sử - xã hội - văn hóa, nhất là truyền thống gia đình, dòng họ tạo nên danh nhân, các đặc điểm lao động sáng tạo của danh nhân là những nội dung nghiên cứu lý luận cơ bản về danh nhân cần được chú trọng.

- *Hướng nghiên cứu ứng dụng về danh nhân* lại đi sâu tìm hiểu tác động, ảnh hưởng của danh nhân đối với đời sống xã hội, đặc biệt là các *bài học rút* ra từ cuộc đời, sự nghiệp các danh nhân, *các tấm gương* về đạo đức, nhân cách, lối sống, về sự đam mê nghiên cứu, sự tâm huyết và cống hiến cho dân, cho nước của các danh nhân, nghị lực vượt khó để thành công trong sự nghiệp của các danh nhân cần được chú trọng trong giáo dục nhà trường, trong việc nuôi dưỡng và phát huy trong cộng đồng để giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, trách nhiệm noi gương các bậc tiền bối, phát huy các giá trị tinh thần, các di sản văn hóa, tạo động lực thực hiện khát vọng phát triển, khát vọng cống hiến trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

- Nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng về danh nhân góp phần vào nâng cao nhận thức xã hội, biết trân trọng các giá trị và di sản, quý trọng nhân tài, hiền tài, thấy ở đó nguồn trữ năng tinh thần vô giá, nguồn tài nguyên quý hiếm cần phát huy trong sự nghiệp chấn hưng văn hóa, phát triển dân tộc. Đó là một trong những nguồn lực nội sinh của dân tộc nằm trong văn hóa. Sức mạnh nội sinh từ văn hóa là sức mạnh không thể thiếu của phát triển bền vững. Do đó, nghiên cứu danh nhân góp phần cung cấp các dữ kiện lịch sử và văn hóa để xây dựng chiến lược, chính sách phát triển nhân tài, nhân lực, sử dụng có hiệu quả nhân tài, bồi dưỡng và trọng đãi tiền tài "nguyên khí của quốc gia" để phát triển đất nước.

- Danh nhân là một lĩnh vực nghiên cứu rất rộng, bao quát cả trong nước và trên thế giới, cả lịch sử và hiện tại, cả truyền thống và hiện đại. Trên cơ sở *những tiêu chí* nhận biết và đánh giá danh nhân, cần tập trung nghiên cứu trước hết là

danh nhân trong lịch sử dân tộc, đặc biệt là *danh nhân Hồ Chí Minh và danh nhân trong thời đại Hồ Chí Minh* với các cấp độ khác nhau, các lĩnh vực, loại hình khác nhau, cống hiến, giá trị, ý nghĩa khác nhau. Nghiên cứu danh nhân thế giới trong nỗ lực tìm kiếm các tinh hoa tư tưởng và văn hóa thế giới để hiểu thế giới, tham chiếu cho sự hiểu biết Việt Nam, thâu thái ngoại sinh và ngoại lực từ thế giới để phát triển nội sinh, nội lực của Việt Nam, đồng thời quảng bá, truyền tải tinh hoa văn hóa Việt Nam vào đời sống văn hóa nhân loại trong đổi mới, hội nhập và phát triển.

- Hiểu biết cuộc đời và sự nghiệp các danh nhân, hiểu rõ những cống hiến của các danh nhân, các bài học, các tấm gương của họ cần thiết cho việc xây dựng một phông văn hóa, tiềm lực tư tưởng, văn hóa của mỗi cá nhân đến cộng đồng xã hội. Trong xu thế chuyển đổi sang nền kinh tế số, xã hội số, kỷ nguyên số… từ trẻ em tới người lớn, từ các học giả trí thức, nhà lãnh đạo quản lý đến *người dân có học thức* và cùng phấn đấu làm cho dân tộc trở thành một *dân tộc thông thái* như kỳ vọng của Hồ Chí Minh, cần đem vào đời sống tinh thần của xã hội sự hiểu biết và năng lực cảm nhận, cảm thụ của con người hiện đại về các hiền triết từ thời cổ đại của nền văn minh Hy - La, của văn minh phương Đông với những thành tựu tư tưởng của Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại, của các thời đại bước ngoặt (Phục hưng, Khai sáng) tới ngày nay. Những Aritxtôt, Pla tông, những Khổng Tử, Lão Tử, những tư tưởng thâm thúy của Phật giáo trên quê hương sông Hằng Ấn Độ cho đến những tài năng bác học từ Anhxtanh, New Tơn, Ga Loa, những trí tuệ của Mông tét -xtri-ơ, Rút Xô, những thiên tài âm nhạc như Bet tô ven, Mô da, Sô panh, những nhà nhân văn chủ nghĩa Sếchxpia, Victo Huygô, Tagorơ, các nhà mỹ học vĩ đại Nga thế kỷ XIX: Biêlinxki, Técnư Xepxki, Đabòra Liubốp, các triết gia trong nền triết học cổ Đức: Kantơ, Hêghen, Phoiơbắc là tiền bối của Mác - Ăngghen… cho đến những tinh hoa tư tưởng hiện đại không thể thiếu vắng trong trí thức văn hóa của chúng ta. Văn hóa dân tộc cũng vậy, ta không thể không biết đến Đại thi hào Nguyễn Du, đến nhà tư tưởng vượt thời đại Nguyễn Trãi, đặc biệt là danh nhân Hồ Chí Minh.

Tri thức về danh nhân, thông tin quảng bá về danh nhân, học tập và noi gương danh nhân làm cho con người sống và trưởng thành trong môi trường văn hóa. Kết hợp bề rộng với chiều sâu, giáo dục nhận thức phổ thông và chuyên biệt, chuyên sâu về danh nhân, đó là trọng trách của những người nghiên cứu và truyền thông

về danh nhân hiện nay, góp phần tạo thêm năng lượng văn hóa cho con người và cuộc sống.

- Về các phương pháp nghiên cứu danh nhân, cần kết hợp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành và đa ngành, *trong đó nghiên cứu triết học, lịch sử và văn hóa cần được coi trọng.*

Đối tượng thụ hưởng kết quả nghiên cứu này *cần đặc biệt chú trọng tới lớp trẻ - học sinh, sinh viên* và gây dựng trong môi trường học đường - nhu cầu tìm hiểu, học tập, noi gương danh nhân, *truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ* là một trong những phương hướng, giải pháp giáo dục, hoàn thiện nhân cách cho họ.

4. Những vấn đề cần trao đổi, thảo luận

- *Thứ nhất,* làm rõ quan niệm về Danh nhân và danh nhân trong thời đại Hồ Chí Minh của Việt Nam.

- *Thứ hai,* nhận biết những dấu hiệu về Danh nhân và xác định tiêu chí đánh giá danh nhân.

- *Thứ ba,* đề xuất hướng nghiên cứu Danh nhân văn hóa Việt Nam, đặc biệt là Danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh.

- *Thứ tư,* khuyến nghị những giải pháp và chính sách phát triển nhân lực, nhân tài Việt Nam trong đổi mới và hội nhập quốc tế./.

MỘT GÓC NHÌN CỦA KHOA HỌC AN NINH VỀ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM

TRUNG TƯỚNG, PGS. TS. TRẦN VI DÂN
Ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương
Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an

1. Đặt vấn đề

Thế giới hôm nay đã có những bước phát triển mới về khoa học kỹ thuật, công nghệ và sản xuất vật chất với những thành tựu hết sức vĩ đại. Tuy nhiên, nền tảng, gốc rễ để tạo nên những kỳ tích đó của nhân loại, của các quốc gia, dân tộc, lại bắt nguồn từ ý chí và nghị lực, tinh thần và sâu hơn là nền tảng văn hóa. Đối với dân tộc Việt Nam, trải dài theo sự phát triển lịch sử cho đến hôm nay, cảm nhận này có đầy đủ cơ sở.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dạy “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” và văn hóa của dân tộc Việt Nam đã góp phần tạo nên thắng lợi vĩ đại của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Trong công cuộc đổi mới, những thành tựu hết sức vẻ vang mà đất nước, nhân dân ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng được tạo thành bởi nhiều yếu tố, trong đó quan điểm về văn hóa như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”. Văn hóa là bản sắc của dân tộc, lại tiếp tục để văn hóa trở thành bộ phận cấu thành nền tảng cho những thành công ấy.

Khi nghiên cứu về văn hóa của nhân loại và các dân tộc, thực tiễn đã khẳng định, sự hình thành, phát triển của văn hóa luôn gắn liền với vai trò của các danh nhân văn hóa. Khi nghiên cứu về danh nhân văn hóa, đã có nhiều cách tiếp cận của các khoa học khác nhau, tuy nhiên đến nay nghiên cứu về danh nhân văn hóa dưới góc độ của khoa học an ninh dường như chưa được quan tâm. Bài viết này sẽ chọn đây là chủ đề để trao đổi.

Trong dòng chảy lịch sử, bảo vệ an ninh quốc gia là mục tiêu tối thượng của mỗi triều đại, mỗi quốc gia dân tộc. Vì thế, nghiên cứu về danh nhân văn hóa Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước dưới góc nhìn của khoa học an ninh hiện nay, đòi hỏi dựa trên cứ liệu lịch sử, mô tả danh nhân văn hóa theo thời gian, không gian cụ thể; nghiên cứu công tác bảo vệ ANQG của cha ông ta đã diễn ra trong lịch

sử như thế nào[1]? Các nhà nghiên cứu cho rằng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta có một mặt trận mà những thành tựu của nó giữ vai trò to lớn đối với sự tồn vong của quốc gia, dân tộc, đó là mặt trận bảo vệ ANTT. Mặt trận quân sự cùng nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh ra đời khi có nhu cầu chiến tranh chống ngoại xâm, giữ gìn nền độc lập dân tộc. Trong khi đó, việc giữ gìn ANQG, đặc biệt là bảo vệ, duy trì TTXH, ra đời cùng với sự hình thành dân tộc, thậm chí trước đó, cùng với sự ra đời của xã hội loài người [1, 7].

2. Trải từ đời này qua đời khác, từ thời đại các Vua Hùng dựng nước đến thời đại Hồ Chí Minh, dân tộc ta đều sản sinh ra những anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa. Hơn một nghìn năm Bắc thuộc là hơn một nghìn năm dân tộc ta kiên trì chống Bắc thuộc. Qua mỗi cuộc nổi dậy, mỗi lần thất bại, bài học mới được rút kinh nghiệm, lưu truyền trong lịch sử. Bài học đầu tiên chống quân xâm lược từ phương Bắc là bài học cảnh giác. Cảnh giác, giữ gìn bí mật quốc gia, giữ gìn phương lược đánh, phòng trở thành phương châm chiến lược của mọi triều đại [1, 31]. Một trong những điểm đáng ghi nhớ của các danh nhân, nhân vật xuất chúng trong lịch sử phong kiến Việt Nam phải kể đến những câu nói bất hủ của họ. Chiến tranh chống xâm lược phương Bắc đã làm sáng lên tấm gương lẫm liệt của Hai Bà Trưng[2], Bà Triệu[3]. Đó là những chiến sĩ tiên phong trong công cuộc giải phóng dân tộc, ý thức toàn vẹn cương vực và ANQG [1, 25], đồng thời cũng là những chiến sĩ bảo vệ văn hóa dân tộc, chống lại sự đồng hóa của ngoại bang. Cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng đánh đổ ách thống trị của nhà Đông Hán, làm chấn động cõi Nam; là lời tuyên bố hào hùng về truyền thống yêu nước, lòng dũng cảm trong việc bảo vệ chủ quyền của dân tộc: "Một xin rửa sạch quốc thù/ Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng". Đây là một mốc bản lề khẳng định những giá trị của thời kỳ Hùng Vương và định hướng cho tương lai phát triển đất nước[4]. Vì tinh thần nghĩa hiệp, Bà Triệu Thị Trinh chiêu mộ hàng nghìn nghĩa sĩ với tâm

[1]Đó là điều tra thu thập tin tức tình báo, phát hiện âm mưu xâm lược của kẻ thù, ngăn chặn chiến tranh, góp phần quan trọng vào việc giữ vững nền độc lập dân tộc; là chống gián điệp, giữ gìn bí mật quốc gia; là bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhà vua, chống bạo loạn, lật đổ, là bảo vệ an ninh, an toàn cương giới lãnh thổ quốc gia [1].

[2]Hai vị nữ anh hùng dân tộc đầu tiên đã đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc để giành lại chủ quyền cho dân tộc. Về thời gian khởi nghĩa là mùa xuân, được Hai Bà Trưng tính toán kỹ, vì mùa xuân, tháng hai là tháng của sinh hoạt hội mùa, là chọn một nhân tố bất ngờ trong thời gian; kẻ địch bất ngờ không phòng bị trước mà nhân dân dễ dàng tập hợp lực lượng.

[3]Cuộc khởi nghĩa do Bà Triệu lãnh đạo có những nét bí mật, độc đáo, nhằm tác động tâm lý tập hợp quần chúng, gây thanh thế, phù hợp với tâm lý và đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân.

[4]dhannd.edu.vn/lich-su-y-nghia-ngay-8-3-va-khoi-nghia-hai-ba-trung-a-2019

nguyện "cứu dân ra khỏi nơi khổ ải", cương quyết chống lại bạo quyền (cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng giữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang san, dựng nền độc lập, cởi ách nô lệ). Những câu nói trên không đơn giản là lời nói bộc phát mà còn thể hiện tâm tư, nguyện vọng, thể hiện phẩm chất con người, hoàn cảnh thời đại đó. Khi ôn lại lịch sử chiến thắng chống quân Nam Hán với chiến thắng Bạch Đằng lịch sử (năm 938), chúng ta đã nhắc nhiều đến mưu lược quân sự nhưng cần bổ sung, thế trận quân sự tài tình đó được gắn kết với thế trận an ninh và thế trận lòng dân vững chắc, tạo thành thế trận tổng hợp, chiến lược nhấn chìm quân xâm lược.

Danh nhân văn hóa Đại Việt là đội ngũ những trí thức yêu nước mang hào khí của tổ tiên, mà lực lượng chủ chốt là những danh nhân văn hóa- chính trị. Họ là những danh tướng đã có công giành lại quyền tự chủ, thống nhất đất nước và khai sáng ra các triều đại mới, thì gọi là những *danh nhân chính trị* của quốc gia. Suốt thời gian trị vì, Lê Hoàn - người chèo lái con thuyền quốc gia Đại Cồ Việt - khi vận nước lâm nguy; chuyển nguy thành an, đưa thế nước đi lên; khơi mở nhiều điển lễ văn hóa; tập hợp, quy tụ, tổ chức, phát huy, nhân lên có hiệu quả nhân tài, sức mạnh quốc gia, dân tộc[5]. Ngoài ra, ông còn thi hành nhiều biện pháp phản gián chống lại hoạt động gián điệp của bọn sứ giả, phòng gian bảo mật[6], giữ gìn những tin tức quốc gia nơi cung đình cũng như trên khắp đất nước [1, 37]. Cùng với hoạt động trên lĩnh vực an ninh điều tra, thu thập tin tức tình báo, bảo vệ biên giới, an toàn nhà vua và chống gián điệp Tống, nhà Đinh - Lê[7] còn giành được những thành tựu trong việc giữ gìn TTXH: chống trộm cướp, nắm hộ, nắm dân đinh, bảo vệ nông nghiệp; sáng tạo ra nhiều biện pháp giữ gìn TTXH, quản lý nội trị như việc xây dựng mô hình tổ chức quân đội, nắm hộ dân đinh, quản lý con người. Trong xã hội phong kiến, kinh thành là mục tiêu bảo vệ có tầm quan trọng chiến lược số một, vì nó có liên quan đến vận mệnh quốc gia. Kinh thành thất thủ, nhà vua bị bắt hoặc bị giết, điều đó có nghĩa là mất nước. Niềm tin vào kinh đô là niềm tin vào

---

[5]Xem "Lê Hoàn- người tổ chức, phát huy và khơi mở nhiều truyền thống quý báu của văn hóa dân tộc" của PGS. TSKH. Nguyễn Hải Kế trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn, Nxb. Hà Nội, Hà Nội-2005.

[6]Hoạt động giữ gìn an ninh thời Lê còn bao gồm những nội dung, như: giữ gìn bí mật, giữ gìn ấn dấu của nhà vua, quản lý giấy tờ sắc chỉ quan trọng. Về giữ gìn bí mật, việc đầu tiên triều đình quan tâm là giữ bí mật cung đình, bí mật quốc gia. Ấn triện và những giấy tờ của nhà vua đều thuộc về quốc cấm, cần giữ gìn, chống việc làm giả, trộm cắp.

[7]Cùng với việc đưa ra những chính sách, biện pháp bảo vệ an ninh vùng rừng núi, nhà Lê còn quan tâm tới việc bảo vệ an ninh vùng biển ở một số địa điểm, trong đó có Vân Đồn, Vạn Ninh.

quốc thống. Khi đất nước thanh bình, đặc biệt khi chiến tranh xảy ra, việc bảo vệ kinh thành, bảo vệ an toàn nhà vua là rất quan trọng. Về quân sự, nhà Lý tổ chức và xây dựng theo chính sách "ngụ binh ư nông" (gửi binh lính ở nhà nông), thay phiên nhau trở về quê làm ruộng để tự túc, phù hợp với đặc điểm thời đó, đáp ứng được yêu cầu dựng nước và giữ nước. Nhà Lý đặc biệt chú ý xây dựng một lực lượng trung thành tuyệt đối với vua gọi là cấm quân hay thân quân, có nhiệm vụ bảo vệ trong khu vực cấm thành Thăng Long. Đây là thời kỳ bản lề mở ra những hoạt động giữ gìn ANTT[8] với những chiến công oanh liệt và cả bài học thất bại [1, 55]. Để giữ gìn và xây dựng đất nước, từ rất sớm, cùng với việc khai thác nguồn vật lực, Nhà nước phong kiến Việt Nam còn đặc biệt khai thác nguồn nhân lực. Những ông tổ của nền phục hưng dân tộc, như: Khúc Hạo, Ngô Quyền, giành được đất nước đã tiến hành ngay công việc nắm nguồn lực "cái gốc của nước" rất cụ thể, tỉ mỉ theo vùng lãnh thổ cư ngụ: "Lập sổ khai hộ khẩu, kê rõ họ tên, quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi" [1, 53]. Điều tra dân số, nắm hộ, nắm dân đinh đã là biện pháp hỗ trợ đắc lực cho việc giáo dục, lo công ăn việc làm cho người phạm tội, kẻ lưu tán, một trong những biện pháp giữ gìn trật tự thời Lý - Trần.

Hoạt động giữ gìn ANTT không thể tách rời hoạt động xây dựng thể chế chính trị, hệ thống hành chính, ngoại giao, pháp quyền, tư pháp và kinh tế- văn hóa, xã hội. Thời đại Lý[9]- Trần là thời kỳ dân tộc Việt Nam lập nên kỳ tích vĩ đại trên mặt trận chống ngoại xâm, phát triển kinh tế- văn hóa mà còn là thời kỳ nhân dân ta giành được những thành tựu lớn trên mặt trận giữ gìn ANTT. Khi được nội ứng báo tin nhà Tống muốn cử binh đi diệt Giao Chỉ; kết hợp các nguồn tin tình báo thu thập được, Lý Thường Kiệt đi đến quyết định táo bạo, độc đáo có một không hai trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta: mở cuộc tiến công vào các căn cứ của giặc trên đất chúng theo cách "tiên phát chế nhân". Nhiều tấm

[8]Nhiều nhà nước phong kiến từ sớm đã quan tâm đến công việc "nắm hộ, nắm dân đinh", quản lý con người, giữ gìn nội trị, đồng thời còn có nhiều biện pháp nắm và quản lý tốt người nước ngoài, chống hoạt động móc với bọn gián điệp thám báo xây dựng đội quân ngầm tiếp tay cho bọn xâm lược. Chính nhờ làm tốt công tác này, cha ông ta đã biết được hoạt động gián điệp của địch, hiểu lòng dân, tổ chức từng trận đánh, từng chiến dịch thắng lợi.
Thành tựu quan trọng của trận tuyến bí mật mà ông cha ta đã giành được là giữ gìn toàn vẹn chủ quyền an ninh quốc gia. Thành tựu vĩ đại này ở mỗi triều đại được biểu hiện dưới những đặc trưng khác nhau. Thời Lý là tuyên ngôn "Nam quốc sơn hà Nam đế cư"; thời Trần là sự phân định rõ ràng "Non sông đã định chia Nam Bắc"; thời Lê là "Không được theo phong tục nước Ngô", là nguyên tắc cứng rắn "Một thước núi, một tấc sông của vua Lê Thái Tổ để lại để làm mồi cho giặc thì kẻ đó phải bị trừng trị nặng"; thời Quang Trung là sự khẳng định đanh thép "Trong khoảng vũ trụ trời nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc chia nhau mà cai trị" [11, 9].

[9]Thắng lợi huy hoàng của cuộc kháng chiến chống quân Tống không thể không kể đến sự đóng góp của công tác tình báo và phản gián. Theo các nhà nghiên cứu, tư tưởng "tiên phát chế nhân" của nhà Lý không chỉ áp dụng trong lĩnh vực nghệ thuật quân sự mà chắc chắn còn được áp dụng trong hoạt động tình báo, điều tra thu thập tin tức.

gương sáng của những hoàng tộc, quan lại thanh liêm, chính trực, hết lòng trong việc điều tra[10], xét xử, góp phần tích cực giữ gìn giềng mối, kỷ cương xã hội. Trong điều kiện cuộc chiến tranh giữ nước hết sức gay go khốc liệt thời bấy giờ, nhà Trần dồn những người phương Bắc cư trú ở Đại Việt vào một khu vực riêng gọi là "an trí" để tiện việc theo dõi[11]. Nhiều quan lại nhà Trần có tác phong làm việc cẩn thận, tỉ mỉ trong việc điều tra, xét hỏi để tìm ra thủ phạm và minh oan cho người vô tội. Trần Nhật Duật không chỉ là một vị tướng cầm quân mưu trí, một hoàng tộc hào hoa, lịch lãm mà còn là một người "nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp". Trong khi tiến hành duyệt định hộ khẩu, Trần Thủ Độ ngoài việc nêu gương về lối làm việc cẩn thận, tỉ mỉ còn nêu tấm gương về lòng chính trực, biết đặt lợi ích quốc gia lên trên hết[12], dù là việc nhỏ [1, 90]. Cương trực và thẳng thắn góp phần đắc lực đấu tranh chống tội phạm là Chu Văn An, một tấm gương sáng được sử sách nêu gương đến muôn đời sau: Sửa mình trong sạch, bền giữ tiết tháo, không cầu danh lợi hiển đạt, dâng sớ chém bảy kẻ nịnh thần đều là người cầm quyền thế, vua yêu.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Minh là chiến công chung của quân và dân Đại Việt, trong đó có công lao to lớn của Lê Lợi[13], Nguyễn Trãi[14]. Những chiến thắng vang dội ở Tốt Động, Chúc Động, Chi Lăng- Xương Giang đều có sự đóng góp của tin tức tình báo [1, 333]. Nhờ thông tin tình báo, Nguyễn

---

[10]Phí Trực đã nêu tấm gương sáng về tinh thần trách nhiệm, thận trọng trong công tác điều tra, vì thế Thượng hoàng ban khen Phí Trực là quan điều tra giỏi.

[11]Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: Mùa đông, tháng 10 năm 1274, người Tống sang quy phụ… đem 30 chiếc thuyền chở đầy của cải và vợ con, vượt biển đến La Cát Nguyên. Đến tháng 12, dẫn về kinh, an trí ở phường Nhai Tuân (tức phố Hòe Nhai, Hà Nội).

[12]Hoàng thành được canh phòng cẩn mật, kiểm soát gắt gao chặt chẽ tất cả các quan lại quý tộc. Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: Linh từ quốc mẫu (vợ Trần Thủ Độ) có lần ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại, về dinh khóc bảo Thủ Độ: "Mụ này vợ ông, mà bị bọn quân hiệu khinh nhờn đến thế". Thủ Độ tức giận, sai người đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc là phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vặn hỏi trước mặt, người quân hiệu ấy cứ theo sự thực trả lời. Thủ Độ nói: "Ngươi ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa". Lấy vàng, lụa thưởng cho rồi cho về [12, 34].

Trần Thủ Độ có lần duyệt định sổ hộ khẩu, quốc mẫu xin riêng cho một người làm câu đương (chức dịch trong xã, giữ việc bắt bớ, giải tống). Thủ Độ gật đầu, rồi cho ghi họ tên, quê quán của người đó. Khi xét duyệt đến xã ấy, hỏi tên mỗ ở đâu, người đó mừng rỡ chạy đến, Thủ Độ bảo hắn: "Ngươi vì có công chúa xin cho được làm câu đương, không thể ví như những câu đương khác được, phải chặt một ngón chân để phân biệt với người khác". Người đó kêu van xin thôi mãi mới tha cho. Từ đó, không ai dám đến thăm vì việc riêng nữa [12, 34].

[13]Qua những nguồn tin thu thập được, Lê Lợi biết "lòng giặc xôn xao, ngày, đêm lo sợ" nên "càng củng cố quyết tâm, đoạn tuyệt ngoại giao, tuyên chiến với giặc". Ông phái những người tâm phúc vào hang ổ giặc trực tiếp dò xét thực lực và cách bố phòng của địch ở thành Nghệ An, chuẩn bị cho kế hoạch hạ thành.

[14]Nguyễn Trãi đã sử dụng nguồn tin nắm được, gây chiến tranh tâm lý, chia rẽ nội bộ địch, công phá tinh thần vốn đang hoang mang của giặc, làm cho chúng suy sụp.

Trãi viết thư cho tướng giặc vạch rõ nội tình nhà Minh, làm cho chúng mất niềm tin vào hậu phương. Đường lối đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, chiến lược *"mưu phạt tâm công*" (tác động vào lòng người), dẫn đến cuộc kháng chiến thắng lợi. Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi viết để tuyên cáo kết thúc cuộc kháng chiến, đồng thời khẳng định chủ quyền quốc gia Đại Việt: "Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước/ Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương/ Tuy mạnh yếu đời có khác nhau/ Mà hào kiệt thuở nào lại thiếu" [10, 515]. Lê Lợi có ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng vì trọng "gốc", trọng dân: "Ta không có tài dũng trí tuệ, một mình gánh vác công việc nặng nề sợ không làm nổi. Vì thế phải nhún mình cầu hiền, dốc lòng trọng sĩ cùng mưu việc lớn để cứu giúp dân. Ai tiến cử được người mưu dũng hơn người, hoặc tự tiến mình, đều cho làm thượng khanh, thượng tước" [10, 502]. Phải nhún mình lấy lòng thành khuyên các hào kiệt cùng nhau hết sức, cứu giúp muôn dân, chớ có giấu tài ẩn mình để cho thiên hạ bị lầm than mãi [10, 504]. *Mười điều quân luật*, trong đó có quy định: Canh phòng túc trực không siêng, hoặc ngủ say bỏ canh, bỏ hàng ngũ ngầm trốn về; Say mê nữ sắc, thả riêng cho người họ nhà vợ không đương quân dịch; Đem lòng ưa ghét riêng mà điên đảo công tội của người; Cùng mọi người không hòa, gian ác, cắp trộm [10, 504], đều bị chém. *Ba điều để răn các quan văn*, võ: Chớ vô tình; Chớ lừa dối, Chớ gian tham [10, 504]. Thời Lê, triều đình còn coi trọng xây dựng phên dậu nơi biên giới, nội địa, tạo nên những vành đai, những phòng tuyến an ninh nhân dân vững chắc giữ gìn toàn vẹn độc lập chủ quyền, bảo vệ vững chắc kinh thành, bảo vệ an toàn cho nhà vua "chớ cậy thời bình mà lơ là việc phòng bị" [13, 8].

Việc vương triều Lê sơ, đặc biệt vua Lê Thánh Tông lấy Bộ luật Hồng Đức làm điểm tựa để rèn tướng, luyện quân, trong đó đề cao vai trò của người làm tướng thể hiện tầm nhìn, tư duy vượt trội của nhà Vua cũng như các tướng khi được giao nhiệm vụ luyện quân. Đây chính là bài học quý cần được nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo trong rèn luyện cán bộ, chiến sĩ, xây dựng lực lượng Công an tinh, gọn, mạnh, tiến lên hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Việc vua Gia Long ban hành Quốc triều hình luật, trong đó có các luật về dân (nội dung về ruộng đất, hôn nhân, thuế khóa), luật về lính gác bảo vệ vua, kinh thành cùng việc hành chính quân sự, luật về lính gác, lính biên thùy, quân sự, luật về trộm, giặc (gồm các tội phản nghịch, phản loạn, mưu phản), luật về tội phạm, luật về tội tham nhũng, gian dối, luật về tạp phạm,

về bắt nã tội phạm, luật về xét xử tội phạm. Các điều luật, điều răn trên, đến nay vẫn giữ nguyên giá trị đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Trong hàng ngũ danh nhân văn hóa còn có những người có tư tưởng cải cách, bảo vệ ANTT, như: Hồ Quý Ly ở thế kỷ XV; như Lương Đắc Bằng, bậc hiền tài nhà Lê, đã dâng vua *14 kế sách trị bình*[15] [13, 55] (răn những điều đáng răn, lo những điều đáng lo, may ra đạo trời có thể thuận, đạo đất có thể yên, đạo người có thể ổn, để có thể đạt đến thái bình. Vua nghe theo), đến nay vẫn còn giá trị; như những cống hiến đối với lịch sử dân tộc của vua Mạc Thái Tổ (để bảo vệ ANTT, nhà Mạc cấm nhân dân các xứ không được mang gươm giáo, dao nhọn khi đi đường. Ai vi phạm cho phép các ty bắt giữ[16]); như *12 điều hiển thị* trong kinh, ngoài trấn của họ Trịnh để răn dạy quan, dân, ổn định TTXH[17]; như Quang Trung thế kỷ XVIII- vị tướng chỉ huy bách chiến bách thắng, khi làm vua, ông có chính sách khôn khéo khiến triều đình phương Bắc vị nể[18], có sáng kiến trong việc quản lý hộ khẩu bằng thẻ tín bài, cùng với thành tựu giành được trên lĩnh vực thu thập tin tức tình báo[19]. Phong trào Tây Sơn viết tiếp những trang sử vàng ông cha ta giữ

[15]Phải cảnh giác, răn ngừa để chấm dứt tai biến; Dốc lòng hiếu thảo để khuyến khích lòng trung hậu; Xa thanh sắc để làm chân chính gốc của tâm; Đuổi tà nịnh để làm trong sạch ngọn nguồn muôn việc; Dè dặt trao quan tước để thận trọng việc khuyến khích răn đe; Tuyển bổ công bằng để đường làm quan trong sạch; Tiết kiệm tiêu dùng để khuyến khích phong tục kiệm phác; Nên khen người tiết nghĩa để coi trọng đạo cương thường; Cấm hối lộ để trừ bỏ thói tham ô; Sửa sang võ bị để giữ thế thành đồng hào nóng; Lựa chọn quan cán gián để gây khí thế dám nói; Nới nhẹ việc lực dịch để thỏa lòng mong đợi của dân; Hiệu lệnh phải tín thực để thống nhất ý chí của bốn phương; Luật pháp, chế độ phải thận trọng để mở nền thịnh trị thái bình.

[16]Từ đó, mọi người đi đường đều chân tay không. Ban đêm không còn trộm, cướp. Trâu, bò thả chăn không phải mang về, chỉ cần mỗi tháng xem lại một lần, có trường hợp gia súc sinh đẻ cũng không biết của nhà mình. Trong thời gian vài năm, người đi đường không nhặt của rơi; khi đi ngủ không cần đóng cửa. Tình hình an ninh, trật tự ổn định, chợ búa các nơi tấp nập. Đời sống nhân dân phồn vinh trở lại.

[17]Trong đó quy định những điều, như: các quan sai khám xét kiện tụng phải theo lẽ công bằng; Trăm quan phải kính cẩn làm đầy đủ chức phận; Binh lính phải có kỷ luật, không được sinh lòng kiêu căng, lười biếng; Dân phải theo lệnh trên, các hào mục trong làng không được quấy nhiễu dân.

[18]Bang giao hòa hiếu, giữ vững an ninh quốc gia. Sau khi đại phá quân Thanh, trong biết bao công việc phải làm, một trong những công việc Nguyễn Huệ quan tâm đến trước tiên là bang giao lo mối hòa hiếu "dẹp việc binh đao" và đưa lại "phúc cho dân".

[19]Khẩn trương, táo bạo, khôn khéo và sắc bén; bí mật, đưa tin nhanh hơn, đưa về những tin tình báo quan trọng hoặc tung tin tâm lý, đánh đòn cân não làm nội bộ địch rối ren, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động quân sự tiến công chắc thắng. Quân Thanh "tuyệt vô âm tín" về cuộc tấn công của quân Tây Sơn. Hoạt động bí mật của phong trào Tây Sơn đã phối hợp chặt chẽ với hoạt động quân sự, giáng những đòn sấm sét vào đầu giặc, tiêu diệt quân xâm lược Thanh vào mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, giải phóng toàn bộ đất nước. (Các chú thích trên trong "Sơ thảo Lịch sử bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội" (cổ trung đại), Nxb. CAND hợp tác với Cục Khoa học và kỹ thuật Bộ Nội vụ, Hà Nội-1990)

gìn ANTT[20]; như Nguyễn Đăng Giai- danh nhân nhà Nguyễn- tài kiêm văn võ, đức phổ vạn dân, với công cuộc giữ yên bờ cõi, dâng vua *10 điều trần tấu* để ổn định TTXH[21]; như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch thế kỷ XIX, đã gửi liên tiếp hàng chục bản điều trần lên triều đình để phân tích về tình hình thế giới, bàn về điều lợi- hại, thế chiến- thế hòa và đề cập đến các việc quân sự, ngoại giao, đào tạo nhân tài nhằm giúp sức vào việc canh tân đất nước, thoát khỏi hiểm họa bị thực dân thôn tính; là phong trào Đông Du và Đông Kinh Nghĩa Thục vào đầu thế kỷ XX, với những tên tuổi như: Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh; là những lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp vào cuối thế kỷ XX, như: tiến sĩ Nguyễn Quang Bích, tiến sĩ Phan Đình Phùng, tiến sĩ Phan Trọng Mưu, lãnh binh Trương Định. Tên tuổi của những lãnh tụ nghĩa quân cùng với tinh thần hy sinh vì nghĩa cả của họ đã kết thành linh khí quốc gia, thức tỉnh người dân Việt nối tiếp cha anh quyết tâm dành lại độc lập, tự do cho đất nước [4, 95].

3. Ngay từ xưa, vai trò quan trọng của người trí thức- danh nhân đã được khẳng định trong đời sống xã hội. Thân Nhân Trung (1418-1499) - một danh thần đời Lê - đã nói: *"Hiền tài là nguyên khí của quốc gia"*. Hiền tài là nhân tố đầu tiên và cơ bản để quốc gia tồn tại và phát triển. Nếu vương triều nào biết trân trọng hiền tài, quốc gia sẽ hưng thịnh; nếu coi trọng bạo quyền, đất nước sẽ hỗn loạn, phân ly. Khi hiền tài được trọng dụng, hiền tài sẽ có, tri thức sẽ nhiều. Chủ tịch Hồ Chí Minh với tầm nhìn sâu rộng và sáng suốt đã cảm hóa, thuyết phục được nhiều nhân sĩ, trí thức lớn[22] từ bỏ cuộc sống nhung lụa, bất chấp hiểm nguy, lên chiến khu, vào bưng biền hòa mình vào cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, giành độc lập, tự do cho đất nước và gây dựng nền tảng mới cho nền khoa học nước nhà. Người hết sức quan tâm đến lịch sử dân tộc, tự hào với truyền thống văn hóa của dân tộc, của nền văn hiến Việt Nam và xem việc giáo dục lịch sử, khêu gợi truyền

---

[20]Nguyễn Huệ cho người lọt vào thành Phú Xuân dưới vỏ bọc các "thầy tướng số", dò la tin tức, "đánh đòn tâm lý" rằng quan trấn thành Phạm Ngô Cầu sẽ bị vận hạn trong năm nay; làm suy sụp hoàn toàn tinh thần vốn đã bạc nhược của Cầu. Phao tin đánh trúng tâm lý chủ tướng, tung tin ly gián chủ tướng với phó tướng, những "thày tướng số" của Tây Sơn bí mật giáng đòn hiểm vô hình vào tinh thần và ý chí các tướng tá nhà Trịnh, làm chúng mất hết sức chiến đấu.

[21]Trong đó quy định: Tội làm giặc; Tội lập đảng cướp của, giết người, đốt nhà, hiếp dâm; Tội giết người cố ý và vô ý; việc xử án, xét hình tội phải nghiêm minh; Lệ tra xét án kiện; Tội danh của người phạm tội phải công minh, chính xác; Việc giáng cấp, phạt trượng để quan quân có trách nhiệm hơn; Việc tuyên bố án sau khi xét xong phải hợp lý, công khai để tránh việc làm sai, làm ẩu; Quan lo việc xét án mà bị kiện thì bị cách chức và trị tội; Quan can gián việc thực hiện án phải thanh liêm, sáng suốt và chuẩn xác.

[22]Như: Trần Đại Nghĩa, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Tôn Thất Tùng, Trần Hữu Tước, Nguyễn Hữu Thọ…

thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc là một nội dung cơ bản để giác ngộ cách mạng [2, 286].

Hồ Chí Minh đã có những quan điểm tư tưởng về văn hóa hết sức sâu sắc, đến nay vẫn mang đầy đủ ý nghĩa chỉ đạo trong xây dựng nền văn hóa mới và trong phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (năm 1946), Người nói: "Tôi mong chúng ta đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ". Người nhấn mạnh mục tiêu cho các nhà văn hóa tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai (năm 1948): "Phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bây giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế" [9, 464]. Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021 được kỳ vọng sẽ khơi dậy khát vọng của toàn dân tộc, mở ra bước ngoặt mới trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam; tìm hiểu động lực và sức mạnh nội sinh của văn hóa trong sự phát triển của đất nước hiện nay.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, lực lượng CAND ra đời; trải qua 77 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành đã lập nhiều chiến công vang dội. Những thắng lợi đó không tách khỏi truyền thống của cha ông ta từ xưa. Các nhà nghiên cứu thống nhất cho rằng: Bài học lịch sử bao giờ cũng là một nhân tố tạo nên sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của dân tộc. Vì vậy, việc nghiên cứu, phát huy truyền thống tốt đẹp của danh nhân văn hóa Việt Nam trong lịch sử dân tộc là sự đòi hỏi khách quan đối với mỗi cán bộ, chiến sĩ CAND đang được Đảng, Nhà nước giao cho trọng trách chiến đấu trên mặt trận bảo vệ ANTT [1, 6]. Các nhà nghiên cứu chỉ ra những kinh nghiệm, giá trị nghệ thuật của hoạt động bảo vệ ANTT xuyên suốt mọi triều đại trên trận tuyến bí mật, đó là: Tích cực phòng ngừa-chủ động tiến công. Nội dung của tư tưởng ấy bao gồm giữ gìn bí mật phương lược đánh phòng, giữ gìn ANQG, bảo vệ độc lập, toàn vẹn chủ quyền cương vực bằng những biện pháp cụ thể: chống gián điệp hoạt động thu thập tin tức tình báo; quản lý tù hàng binh và người nước ngoài; bảo vệ căn cứ kháng chiến, kinh thành và nhà vua[23]; làm trong sạch nội bộ; xây dựng phòng tuyến an ninh biên giới [1, 329]. Là bài học về công tác nghiên cứu nắm tình hình địch "*không cứ lời của thám tử thực hư thế nào chưa rõ nhưng cái kế biên phòng vẫn phải như việc dọi nhà lúc*

[23]Lực lượng vũ trang triều Nguyễn chia làm 3 loại: Thân binh, cấm binh và tinh binh. Thân binh có nhiệm vụ bảo vệ nhà vua. Cấm binh bảo vệ hoàng thành. Tinh binh bao gồm bộ binh, thủy binh và tượng binh.

chưa mưa"[24]; về 24 điều giáo huấn để trên làm dưới bắt chước, mong mọi chốn đều yên; trị an đến lâu dài [13, 16], nghiệp lớn tiến mãi[25]; về "Việc hình ngục muốn nhanh gọn, ít đi và không đọng án thì cuối năm cũng cho tổng xét để đốc thúc công việc", "Việc dùng quan cốt ở dùng người. Quan ở gần dân, hiểu rõ địa phương nhưng cần tìm người có học, thanh liêm để giao việc chăm dân"[26]; *"việc dẹp ác để yên dân là việc trước nhất của chính trị"*[27], do đó, cần phải khuyến khích nhân dân cùng chung tay lùng bắt giặc cướp bằng chế độ ban thưởng thật hậu; về kiểm soát dân Việt kiều thông qua giấy thông hành… Những bài học kinh nghiệm này sẽ là cơ sở quan trọng để vận dụng trong xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng sức mạnh tổng hợp, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Lực lượng CAND giữ vai trò nòng cốt trong bảo vệ Tổ quốc từ bên trong, đó là phòng, chống các yếu tố bên trong gây mất ổn định chính trị xã hội, đe dọa vai trò lãnh đạo của Đảng, sự vững mạnh của chế độ XHCN, nền kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Kết quả của các nhà nghiên cứu đã chứng minh sức mạnh kỳ diệu của dân tộc phải tìm trong văn hóa dân tộc, trong đó có danh nhân, thần dân- những người đã nêu tấm gương xả thân vì đại nghĩa, vì sự tồn tại và phát triển của dân tộc [4, 44]. Sử học không phải chỉ là việc ghi chép những chuyện xảy ra trong triều, ngoại nội mà thực chất là cuốn sách giáo khoa về chính trị, nêu cao tấm gương đạo đức của người xưa để giáo hóa quần chúng, đồng thời lên án những kẻ phản thần, nghịch tử để răn đe mầm loạn. Nghiên cứu sử học nhằm "Ôn cũ hiểu mới", "biết ta biết địch", vì vậy, mỗi người chúng ta, nhất là cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng CAND, càng thêm tin tưởng, tự hào về truyền thống của cha ông ta, danh nhân văn hóa Việt Nam, để bước vào thế trận mới bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã tin cậy giao cho. Nói cách khác, giáo dục truyền thống thông qua việc phát huy gương danh nhân văn hóa cũng là một hướng tác động quan trọng, góp phần thúc đẩy sự nghiệp bảo vệ ANTT, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng trong tình hình hiện nay. Danh nhân

---

[24]Vua Minh Mạng cử người nắm tình hình các nước lân bang để chủ động phòng ngừa, bảo vệ đất nước.

[25]24 điều khuyên bảo nhân dân trong nước của vua Lê Hiến Tông (Một số điều quy định: trách nhiệm của cha mẹ dạy con cái; quan hệ vợ chồng phải có ân nghĩa; quan hệ anh em trong gia đình; hàng xóm phải quan tâm thương xót lẫn nhau; nhiệm vụ của kẻ sĩ; bổn phận của người điển lại; đạo đức của quân, dân; khuyên các quan giữ chức trách chăn dân; khuyên các xã trưởng, thôn trưởng, phường trưởng siêng năng dạy bảo dân).

[26]Vua Gia Long chuẩn y những điều lệ để an dân.

[27]Lời của Vua Minh Mệnh bàn với bộ Hình (bộ Hình đảm nhận việc thực thi pháp luật, hình án).

văn hóa Việt Nam đã cống hiến cho đất nước những tấm gương về tinh thần lao động sáng tạo và lối sống cao đẹp, mãi mãi, có sức cổ vũ đối với các thế hệ mai sau, trong có có cán bộ, chiến sĩ CAND. Kế thừa bài học kinh nghiệm trong lịch sử, phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ người trồng cây" của dân tộc, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương phát triển đa dạng các hình thức tri ân, lưu niệm danh nhân lịch sử, bao gồm các vị anh hùng dân tộc, các chiến sĩ cách mạng tiền bối và các danh nhân văn hóa[28].

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng xác định: tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước [8, 116]; xử lý đúng mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế- xã hội; trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh [8, 217]. Quan điểm trên của Đảng thể hiện Danh nhân văn hóa như là một nội lực để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Quan tâm, nghiên cứu danh nhân chẳng những là cách biểu thị lòng ngưỡng mộ, tri ân công lao to lớn của các bậc tiền nhân, mà còn là để hậu thế noi gương sáng ngời của họ trong lịch sử, nhằm kế tục và phát triển hơn nữa đối với sự nghiệp bảo vệ ANTT, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, lực lượng CAND tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ"; đặc biệt, chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân trong toàn lực lượng, góp phần "Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế" [8, 202], như Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra./.

T.V.D

[28]Đảng và Nhà nước đã có sự quan tâm đặc biệt đối với việc tưởng niệm các danh nhân, thể hiện ở việc ra các chỉ thị, nghị quyết, ban hành các đạo luật, pháp lệnh hoặc quyết định, nhằm thực hiện chủ trương bảo tồn và phát huy tác dụng của danh nhân nói chung, của anh hùng dân tộc và danh nhân cách mạng nói riêng. Việc hình thành hệ thống các nhà bảo tàng trong phạm vi toàn quốc, xây dựng nhà tưởng niệm cũng như việc xây dựng tượng đài, đặt tên đường, phố danh nhân, việc trao tặng các giải thưởng, danh hiệu cao quý cho các nhà hoạt động văn hóa, khoa học, giáo dục, quốc phòng, an ninh thời gian qua đã nói lên điều đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Nguyễn Hồng Dương- Phan Đại Doãn: *Sơ thảo lịch sử bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự xã hội Việt Nam (cổ trung đại)*, Nxb. CAND hợp tác với Cục Khoa học và kỹ thuật Bộ Nội vụ, Hà Nội 1990

[2]. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. CTQGST, Hà Nội-2017.

[3]. *Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1990

[4]. Diêm Thị Đường: *Bảo tồn và phát huy giá trị danh nhân văn hóa truyền thống Việt Nam*, Viện Văn hóa, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội-1998

[5]. TS. Nguyễn Minh Tường: *Nguyễn Trãi, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới*, Nxb. Văn hóa thông tin, Trung tâm bảo tồn UNESCO bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam, Hà Nội-2003

[6]. Giáo sư Đinh Xuân Lâm, Tiến sĩ Bùi Đình Phong: *Về danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội-2001.

[7]. Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh: *Đại thắng mùa Xuân 1975 sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình*, Nxb. CTQGST, Hà Nội-2015.

[8]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. CTQGST, Hà Nội-2021.

[9]. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 5, Nxb. CTQG, Hà Nội, 3/2001.

[10]. Dịch giả Cao Huy Giu, hiệu đính Đào Duy Anh: *Đại việt sử ký toàn thư*, Nxb. Văn học.

[11]. Nguyễn Hồng Dương: *Tìm hiểu trận tuyến bí mật trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. CAND, Hà Nội-1986.

[12]. Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1993.

[13]. Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội-1993.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA DANH NHÂN QUA CÁC THỜI ĐẠI

VƯƠNG TẤN VIỆT
Tiến sĩ Luật học Trường Đại học Luật Hà Nội
Thượng tọa Viện chủ Thiền tôn Phật Quang, Bà Rịa Vũng Tàu

TÓM TẮT

Danh nhân là những người được sử sách lưu truyền, được ca ngợi, tôn vinh bởi những đóng góp lớn lao của họ đối với cộng đồng, với đất nước và nhân loại. Các danh nhân trên nhiều lĩnh vực như khoa học, chính trị, xã hội, văn học… đã làm nên giá trị thật của mỗi quốc gia, góp phần thúc đẩy xã hội tốt lên từng ngày. Dù khác nhau về thời đại, văn hóa, lĩnh vực cống hiến nhưng chắc hẳn ở họ đều có những điểm chung nhất định. Với mong muốn tìm ra những đặc điểm chung của danh nhân qua các thời đại, chúng tôi đã sử dụng tài liệu lịch sử về danh nhân trong nước và trên thế giới để phân tích, tổng hợp, hệ thống thành bài viết này. Nổi tiếng, thành công, tài giỏi, đạo đức, sống có nghị lực, có lý tưởng, và có tương tác nhiều với xã hội là những điểm chung mà bài viết rút ra được. Chúng tôi mong rằng, những đặc điểm chung này sẽ là căn cứ góp phần xây dựng tiêu chí trong việc tiến hành nghiên cứu và bình xét tôn vinh các danh nhân.

Từ khóa: Danh nhân, đặc điểm, tôn vinh, xã hội, đạo đức, cống hiến.

1. Định nghĩa danh nhân

Danh nhân là những người mà tên tuổi của họ được đông đảo quần chúng biết đến trong sự ngưỡng mộ, yêu kính hoặc tôn thờ. Họ sở hữu tài năng xuất chúng, sự nghiệp lẫy lừng và tạo nên được những ảnh hưởng lớn lao tốt đẹp cho cộng đồng xã hội, quốc gia, thế giới.

Trong cuộc sống, cũng có nhiều người nổi tiếng và được yêu thích mến mộ nhưng không phải là danh nhân bởi vì họ chưa gây được cảm xúc kính trọng trong lòng người khác. Trước một danh nhân, chúng ta buộc phải khâm phục, kính ngưỡng bởi nghị lực phi thường, lý tưởng cao đẹp, cuộc đời cống hiến không mỏi mệt và đạo đức tuyệt vời của họ. Họ là tấm gương sáng để hậu thế noi theo học hỏi.

Tầm vóc của danh nhân được thể hiện ở phạm vi lan tỏa về danh tiếng. Tiếng thơm của họ có thể ở một vùng, một đất nước hoặc rộng khắp cả thế giới. Chẳng

hạn như vào thời xưa, những vị quan thanh liêm có lòng yêu nước thương dân, công trạng lớn trong vùng thường được người dân suy tôn như thần, nối đời thờ kính để nhớ ơn, họ là danh nhân của vùng ấy. Hoặc trải qua hàng nghìn năm lịch sử, đất nước ta có biết bao vị vua anh minh đức độ, mở mang bờ cõi, mang lại đời sống thái bình cho nhân dân và biết bao anh hùng kiệt xuất đã viết lên trang sử chói lọi vinh quang cho dân tộc. Họ là những danh nhân của cả đất nước. Hoặc có những danh nhân mà công trình của họ ảnh hưởng đến toàn nhân loại. Kiến thức họ khám phá ra được ghi vào sách vở để dạy trong các ngôi trường ở khắp các quốc gia, lời dạy của họ là lẽ sống cho hàng triệu con người đang có mặt trên hành tinh này, tầm vóc của họ là cả thế giới.

Sự vĩ đại của một danh nhân cũng được nhìn nhận qua thời gian tồn tại danh tiếng của họ. Có những danh nhân được biết đến nhiều trong một thời đại, một bối cảnh xã hội nhất định. Chúng ta có thể nêu ví dụ như: danh nhân trong thời chiến, danh nhân trong thời kỳ xây dựng đất nước, danh nhân trong công cuộc cách mạng khoa học - xã hội. Tên tuổi của họ gắn liền với những ký ức về thời đại đó. Nhưng cũng có những danh nhân, dù biết bao thế kỷ trôi qua, trước vô số những chuyển biến của xã hội và sự thay đổi trong tư tưởng của con người, tên tuổi của họ vẫn sống mãi trong niềm yêu kính của cộng đồng như một biểu tượng bất tử. Đức Phật, Khổng Tử, Chúa Jesus, Socrates, Pythagoras, Hippocrates… đều là những minh chứng điển hình.

Nhưng đi đến tận cùng ý nghĩa, phía sau sự vang dội về tiếng tăm, giá trị cốt lõi của các danh nhân chính là những ảnh hưởng tốt đẹp của họ đối với cộng đồng xã hội. Bất kỳ lĩnh vực nào trong cuộc sống con người, từ khoa học, y học, quân sự, văn hóa, nghệ thuật, hay đạo học… cũng đều có những cống hiến vượt trội của họ. Họ là động lực thúc đẩy tiến trình văn minh của nhân loại. Nhờ có những công trình của các danh nhân, con người đã mở mang hiểu biết của mình vươn tới vũ trụ mênh mông, chữa trị được nhiều căn bệnh nan y, tạo nên những tác phẩm tinh thần sâu sắc tinh tế, đặc biệt là biết đi tìm những lẽ sống nhân văn cao thượng, và biết ước mơ về một trình độ tâm linh cấp cao vượt lên khỏi đời sống thường tình. Nếu ai đó chưa thể mang lại được ảnh hưởng tốt đẹp gì cho cộng đồng thì người này cũng chưa xứng đáng để được gọi là danh nhân.

Danh nhân là kết tinh của rất nhiều giá trị tinh thần, văn hóa, đạo đức, trí tuệ tuyệt vời của nhân loại. Họ chính là những viên kim cương lấp lánh tô điểm cho vẻ đẹp và ý nghĩa của cuộc sống này.

2. Đặc điểm chung của Danh nhân

Chúng ta thường bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với các danh nhân bằng những danh xưng như bậc anh hùng, vị cứu tinh, nhà thiên tài, vị Thánh… bởi sự vượt trội của họ trên nhiều khía cạnh. Cuộc đời của mỗi danh nhân có những lúc thăng, lúc trầm, có những lúc vinh quang cũng có khi chịu thiệt thòi, oan ức. Nhưng cuối cùng họ đã vượt lên tất cả, để lại những đóng góp lớn lao và danh tiếng giữa cuộc đời. Dù trong lĩnh vực nào, thời đại nào, các danh nhân cũng đều là những con người đặc biệt bởi đạo đức, tài năng, nghị lực phi thường… khiến chúng ta khâm phục, ngưỡng mộ.

2.1. Danh nhân là những người đạo đức

Đối với những danh nhân, chúng ta không có cơ hội được tiếp xúc trực tiếp mà chỉ biết đến họ qua những giai thoại về cuộc đời, về những đóng góp lớn lao mà họ để lại. Nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng thẳm sâu trong tâm hồn, danh nhân là những người có đạo đức. Benjamin Franklin đã nói rằng: "*Không bao giờ có một người thực sự vĩ đại mà lại không phải là một người thực sự đạo đức*". Một người có đạo đức tầm thường sẽ không thể làm được những điều lớn lao cho cộng đồng với mục tiêu cao cả. Một người có đạo đức tầm thường cũng không thể gây được cảm xúc kính trọng trong lòng mọi người. Danh nhân không thể là người vi phạm pháp luật, vi phạm những tiêu chuẩn đạo đức xã hội như trộm cắp, lừa đảo, ác độc… Đạo đức của họ phải từ khá cho đến hoàn hảo.

Dù trong bất kỳ lĩnh vực nào, thẳm sâu trong mỗi việc làm của những danh nhân đều là tấm lòng thương yêu đối với con người, với quê hương, đất nước. Họ có những điểm tương đồng về đạo đức như lòng vị tha, nhân ái, dũng cảm, sự tận tụy, khiêm tốn…

Nhìn lại chặng đường lịch sử dựng nước và giữ nước của ông cha, những bậc danh nhân vĩ đại của dân tộc đều là những tấm gương sáng ngời về đạo đức, nổi bật nhất là lòng yêu nước, ý chí dũng cảm, kiên cường. Dù trong những hoàn cảnh nguy khốn nhất họ vẫn giữ được lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với nhân dân. Nhờ vào đạo đức trung kiên đó mà họ quy tụ được người tài, quy phục được lòng dân để tạo nên lực lượng lớn mạnh đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trường hợp của danh tướng Trần Bình Trọng đã để lại một bài học về lòng trung thành cho muôn đời sau. Khi bị giặc Nguyên Mông bắt và tìm cách mua chuộc, ông đã tuyên bố rằng "*Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc*". Đó là

một trong những lời tuyên bố đanh thép nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

Chúng ta sẽ thấy ở những nhà khoa học lỗi lạc niềm đam mê quên mình vì những vấn đề mà họ đang phát minh, tìm tòi. Đằng sau sự miệt mài nghiên cứu của họ là ước mơ đem lại những điều tốt đẹp cho cuộc đời. Archimedes là nhà phát minh vĩ đại nhưng cũng là một người yêu nước. Ông đã phát minh ra những máy móc đầu tiên ở Hy Lạp như súng bắn đá, gương hội tụ… để chống lại quân xâm lược Roma. Sau nhiều năm nghiên cứu, nhà nữ khoa học Marie Curie và chồng đã phát hiện và tinh luyện hai nguyên tố phóng xạ Polonium và Radium. Bà quyết định đưa sáng chế này lên hội đồng khoa học chứ không bán cho người khác dù cho họ tìm mọi cách mua nó với số tiền khổng lồ, bà cho rằng phát minh khoa học để mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại chứ không phải để trục lợi cá nhân. Trong thế chiến thứ nhất, bà đã dùng tiền từ giải thưởng và huy chương để đóng góp cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc và tình nguyện chăm sóc y tế cho những người bị thương trên chiến trường.

Trong nhiều tiêu chuẩn đạo đức của danh nhân thì yếu tố khiêm tốn là đặc biệt quan trọng. Khi đạt được một thành công nào đó người ta thường có tâm lý tự hào, thấy mình hơn người. Cho nên, một danh nhân dù thành công rất lớn mà vẫn giữ được sự khiêm tốn thì phải là một người rất đạo đức. Phẩm chất khiêm tốn của các danh nhân càng khiến mọi người thêm cảm phục, kính trọng. Tuy đã trở thành Chủ tịch, người đứng đầu một đất nước nhưng Bác Hồ vẫn luôn giữ lối sống giản dị, mộc mạc. Trả lời các nhà báo nước ngoài, Bác nói: "*Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận vậy...*". Nhà bác học Isaac Newton dù đạt được rất nhiều thành tựu trong vật lý và toán học nhưng vẫn khiêm tốn: "*Điều ta biết là giọt nước, điều ta chưa biết là đại dương*". Nhà vật lý thiên tài Einstein cũng từng nói: "*Tôi không có tài năng đặc biệt nào, tôi chỉ có sự tò mò đầy nhiệt huyết*".

Trong lịch sử văn minh thế giới, Đức Phật Thích Ca được tôn vinh là một danh nhân có đạo đức hoàn hảo. Đời sống của Ngài đơn sơ, giản dị nhưng vô cùng cao quý. Đối với nhân loại, Ngài là biểu tượng của tất cả phẩm hạnh như tâm từ bi, lòng vị tha, hạnh nhẫn nhục, sự bao dung, nội tâm thanh tịnh... Kinh điển và các tài liệu ghi lại được rất nhiều câu chuyện về Đức Phật, mà trong đó đức hạnh của Ngài đã thuyết phục và cảm hóa vô số con người, ở mọi tầng lớp, mọi hoàn

cảnh. Rất nhiều vua chúa, quan tướng, nhà tu hành, thương nhân, người bình dân, thậm chí cả những người cùng khổ ở dưới đáy xã hội, những người đã từng lầm lỗi ác độc cũng đều khuất phục, xin được làm đệ tử của Đức Phật để tu hành trở thành con người đạo đức thánh thiện. Trong cuộc đời, Đức Phật cũng đã phải nhiều lần đối diện với những hoàn cảnh khó khăn, bị người khác vu oan, hãm hại nhưng Ngài vẫn luôn bình an, trầm tĩnh, rộng lượng và tha thứ.

Tình thương yêu của Đức Phật rộng lớn và bình đẳng không giới hạn, Ngài dạy rằng: "Không có giai cấp khi dòng máu cùng đỏ, không có giai cấp khi nước mắt cùng mặn". Những tư tưởng và lời dạy của Ngài được thế giới công nhận là nhân văn, cao thượng, hòa bình, tiến bộ nhất trong tất cả các triết lý của nhân loại từ xưa tới nay. Cả cuộc đời Đức Phật đã sống vì chúng sinh không một chút vị kỷ cho bản thân mình. Ngài tu hành để tìm ra chân lý thoát khỏi khổ đau cho chúng sinh và hơn 45 năm Ngài đi khắp các nơi cũng để truyền dạy chân lý đó, giúp vô số chúng sinh đạt được sự giác ngộ. Sự giác ngộ theo Đức Phật phải chứa đựng trong đó lòng từ bi và vị tha tuyệt đối. Hơn 2500 năm qua, những đệ tử đi trên con đường của Ngài đều đã thay đổi đạo đức của mình và rất nhiều người cũng đã đạt được lòng từ bi và vị tha tuyệt đối như Đức Phật. Bởi những điều đó, xét trong phạm vi của bài viết, Đức Phật chính là một minh chứng thuyết phục nhất của một danh nhân đạt được sự hoàn hảo về đức hạnh.

Nhân loại dù có tiến bộ tới đâu thì đạo đức vẫn là nền tảng không thể thiếu, là điều mà thẳm sâu trong lương tâm con người ai cũng quý trọng. Đại văn hào Johann Wolfgang von Goethe đã từng nói: "*Trước một bộ óc vĩ đại tôi cúi đầu, trước một trái tim vĩ đại tôi quỳ gối*". Chúng ta ngưỡng mộ tài năng phi thường của các danh nhân bao nhiêu thì lại càng kính phục trước những nhân cách cao vời của họ bấy nhiêu.

2.2. Danh nhân phải là người có lý tưởng sống cao đẹp

Sống trên cuộc đời này, mỗi chúng ta đều cần một lý tưởng để sống bởi vì "*Lý tưởng là ngọn đèn sáng chỉ đường. Không có lý tưởng thì không có phương hướng xác định; không có phương hướng thì không có cuộc sống"* (Lev Tolstoy). Tuy nhiên, cũng có những người sống không có lý tưởng, họ để cuộc đời trôi qua một cách vô ích, thậm chí còn làm những điều sai lầm, tội lỗi chỉ để phục vụ cho lợi ích cá nhân. Danh nhân là người có lý tưởng cao đẹp, thấy rõ được điều đúng sai trong cuộc sống, vì vậy tự trong tâm họ luôn bị thôi thúc mãnh liệt phải làm điều thiện. Họ sẵn sàng đem cả cuộc đời mình cống hiến hy sinh vì những điều lớn

lao tốt đẹp cho cộng đồng, dù biết rằng con đường mà mình lựa chọn vô cùng vất vả, không hề dễ dàng.

Tiêu biểu cho lý tưởng sống cao cả đã trở thành huyền thoại đi vào lịch sử Việt Nam và thế giới là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người là biểu tượng đẹp nhất về sự hy sinh, cống hiến quên mình. Toàn bộ trái tim, tâm hồn, cuộc đời của Bác đã dành trọn cho dân, cho nước: "*Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*".

Một người học trò thân thiết của Bác là giáo sư Trần Đại Nghĩa, người được khâm phục không chỉ vì danh xưng "ông vua" vũ khí của Việt Nam mà còn vì lý tưởng sống cao cả mà ông theo đuổi ngay từ khi còn bé. Lời căn dặn của người cha trước lúc đi xa: *"Phải lo học hành đến nơi đến chốn, phải biết mang hiểu biết của mình giúp ích cho đời*" đã hình thành nên lý tưởng sống cao đẹp theo ông suốt cuộc đời. Chứng kiến cảnh người dân đau khổ, lầm than dưới ách thống trị của thực dân Pháp, ông đã nuôi chí đánh đuổi quân xâm lược. Khi có cơ hội sang Pháp du học, ông đã quyết tâm chọn nghiên cứu vũ khí, dù biết rằng đây là công việc nguy hiểm có thể ảnh hưởng đến tính mạng. Suốt 11 năm học tập và làm việc tại nước Pháp, ông một mình âm thầm nghiên cứu về vũ khí mong ngày được trở về phụng sự quê hương. Cuộc sống cao sang chốn Paris hoa lệ cùng với danh vọng chức tước không níu giữ được người trí thức yêu nước ấy. Khi có cơ hội, ông quyết định từ bỏ chức vụ kỹ sư trưởng ở Hãng nghiên cứu chế tạo máy bay Concorde với mức lương tương đương 22 lạng vàng một tháng để theo Bác Hồ về nước thực hiện lý tưởng phụng sự cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Thiếu tướng, Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa là tấm gương về một hoài bão lớn, một tấm lòng vì độc lập dân tộc. Cả cuộc đời ông đã sống trọn với khát vọng cống hiến tâm sức cho sự nghiệp đại nghĩa của dân tộc.

Chủ tịch Fidel Castro là nhà lãnh tụ cách mạng lỗi lạc. Xuất thân trong một gia đình giàu có, nhưng người thanh niên Fidel Castro lại quyết định từ bỏ môi trường sống thuận lợi để dấn thân vào con đường cách mạng vô sản, chấp nhận khó khăn nguy hiểm để tìm sự công bằng cho nhân dân lao động. Ngay cả khi rời khỏi các chức vụ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, ông vẫn tiếp tục đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Lý tưởng sống vì hòa bình của Fidel Castro đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Câu nói "*Vì Việt Nam, Cuba sẵn sàng hiến dâng cả máu của min*h" của chủ tịch Fidel Castro đã để lại niềm xúc động

trong trái tim của những người dân Việt. Nhân cách và lý tưởng sống cao đẹp của ông còn mãi với thời gian, là ngọn đuốc soi đường cho những thế hệ mai sau.

2.3. Danh nhân là những người có nghị lực lớn lao

Cuộc sống ở bất kỳ thời đại nào đều chứa đựng vô vàn sóng gió, thử thách nên khó khăn là điều không tránh khỏi. Với người bình thường, những chông gai, nghịch cảnh sẽ khiến họ chán nản, tuyệt vọng rồi bỏ cuộc, đầu hàng. Nhưng đối với một danh nhân thì những khó khăn, nghịch cảnh lại chính là cơ hội cho họ tôi rèn ý chí và nghị lực của mình. Nhờ có nghị lực phi thường họ mới có thể hoàn thành những công trình lớn lao cho cuộc đời. Để đạt được thành công, có những người đã phải nỗ lực vượt qua rất nhiều lần thất bại. Họ không chỉ đem sức lực, tài năng, khối óc mà còn dành cả cuộc đời, thậm chí cả thân mạng của mình để cống hiến cho xã hội những thành quả thiết thực và ý nghĩa.

Michael Faraday - một thiên tài trong lĩnh vực khoa học vật lý và hóa học, người được cả thế giới nể phục vì sự nỗ lực, quyết tâm vượt qua những thất bại, những khó khăn trên con đường nghiên cứu của mình. Trong cuốn sổ nhật ký 40 năm làm khoa học, mọi người ấn tượng với 16.041 thí nghiệm mà ông đã thực hiện. Riêng đề tài nghiên cứu về hiện tượng "Từ trường có thể sinh ra dòng điện hay không?", Faraday đã mất đến 10 năm mới thành công. Trong suốt 10 năm đó, ông đã cần mẫn ghi chép lại những thất bại của mình và đánh dấu bằng chữ "Sai" ở cuối trang. Khi thí nghiệm đã đạt được kết quả, ông vẫn tiếp tục thí nghiệm thêm nhiều lần nữa để kiểm chứng, sau cùng ông mới công bố rộng rãi thành tựu do mình khám phá. Nếu Faraday nản lòng, bỏ cuộc thì nền khoa học Vật lý của thế giới không thể có được "Định luật dẫn điện", động cơ điện, máy phát điện, lò đốt Bunsen…

Tìm hiểu về cuộc đời của Abraham Lincoln, bất kỳ ai trong chúng ta đều phải dành cho vị Tổng thống Mỹ này một sự kính nể đặc biệt. Bên cạnh thành công, cuộc đời của ông cũng gắn liền với vô số thất bại. Trong sự nghiệp kinh doanh và chính trị, ông đã đi qua từ thất bại này đến thất bại khác: mất việc làm, bị vỡ nợ, phá sản, thất bại trong các cuộc tranh cử nghị sĩ, tổng thống, thường bị đồng nghiệp, cử tri từ chối. Sau mỗi thất bại, ông không nản chí buông xuôi và bắt đầu lại từ con số không. Ông đắc cử và đảm nhận chức vụ Tổng thống giữa lúc đất nước đang chia rẽ sâu sắc về vấn đề nô lệ. Các bang miền Nam đã tuyên bố ly khai, nguy cơ nội chiến là điều không thể tránh khỏi. Trong thời gian đầu điều hành đất nước, Abraham Lincoln bị "công kích từ mọi phía", người bày tỏ thái độ khinh

miệt, lăng mạ, người tìm cách ám sát ông. Tuy nhiên, ông vẫn khoan hòa đối với những ai khác quan điểm, kiên nhẫn lắng nghe lời chỉ trích, trọng dụng tài năng của những người từng đối nghịch, xem thường mình. Với nghị lực mạnh mẽ, sự kiên trì bền bỉ, ông đã lãnh đạo Hoa Kỳ vượt qua được các giai đoạn khó khăn nhất trong lịch sử, huỷ bỏ chế độ nô lệ, khôi phục nền kinh tế, tài chính sau chiến tranh.

Vương Dương Minh là một nhà triết học, nhà tư tưởng và chính trị xuất sắc thời nhà Minh. Không chỉ thông hiểu đạo Khổng, đạo Phật, đạo Lão, ông còn là một vị tướng tài từng cầm quân chinh chiến dẹp loạn. Nhưng sự nghiệp quan trường của ông thật lận đận, nhiều đắng cay. Ông dùng lý lẽ để khuyên nhà vua nhưng bị bọn nịnh thần ghen ghét đố kỵ rồi mưu hại, vu khống. Vua sai quân đánh ông rồi cách chức, đầy ải ra chốn rừng thiêng nước độc. Sau này, dù tiêu trừ được phản tặc, đánh dẹp giặc giã các nơi, lập nên những công trạng to lớn nhưng ông vẫn bị nhiều kẻ hám danh gièm pha, bắt bẻ, tìm cách tranh công. Trước những sóng gió, Vương Dương Minh không bi quan, ấm ức hay buồn chán đau khổ, ông tiếp tục duy trì thái độ tích cực lạc quan, hết lòng phục vụ đất nước. Triết lý và tư tưởng sống cao đẹp của ông có sức lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống tinh thần của quần chúng nhân dân ở nhiều quốc gia. Lời dạy của ông đã định hướng con người phải sống có lý tưởng, có trách nhiệm, có lòng nhân nghĩa đến cùng dù bị đối xử bạc bẽo, bất công. Theo ông, đấng quân tử phải đem sở học của mình để thực hành, để tu nhân xử thế và phục vụ cho xã hội, không nên cầu công danh, phú quý cho riêng mình.

2.4. Danh nhân là những người tài giỏi, thành công.

Để làm nên những công trình mang giá trị cho loài người thì danh nhân buộc phải là những người tài giỏi, thành công. Yếu tố tài giỏi ở họ là sự kết hợp của tư chất thông minh và quá trình rèn luyện, học hỏi không ngừng nghỉ trong suốt cuộc đời. Lê Quý Đôn, nhà bác học vĩ đại của thế kỷ XVIII là một ví dụ tiêu biểu. Nổi tiếng thần đồng từ bé với sức học uyên bác và trí nhớ siêu phàm, nhưng ông lại tự nhận mình là "người nông cạn"[29], nên đi tới đâu ông cũng để ý tìm tòi, làm việc gì cũng dùng bút ghi chép để tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

Mức độ thành công của một danh nhân không đo bằng sự giàu sang, danh tiếng hay địa vị cá nhân mà được dựa trên những lợi ích thực tế mà họ đem đến cho cộng đồng, những thành tựu họ để lại ảnh hưởng như thế nào trong đời sống xã hội, có làm thay đổi thế giới theo hướng tích cực hay không.

[29] Lê Minh Quốc, Danh nhân khoa học Việt Nam, Tập 3, Nxb Trẻ, Tp. HCM 2009, tr.49.

Danh họa người Ý Leonardo Da Vinci được mệnh danh là thiên tài toàn năng trong lịch sử nhân loại. Không chỉ là một hoạ sĩ, nhà điêu khắc, ông còn là kiến trúc sư, nhạc sĩ, kỹ sư, nhà giải phẫu, nhà phát minh và nhà triết học xuất sắc. Nhiều tuyệt phẩm hội họa của ông là sự kết hợp tỉ mỉ, tinh tế của toán học, y học, âm nhạc. Ông là người có những ý tưởng đi trước thời đại như khái niệm về máy bay trực thăng, xe tăng, dù nhảy, sự sử dụng hội tụ năng lượng mặt trời, máy tính, sơ thảo lý thuyết kiến tạo địa hình cùng với nhiều sáng chế khác.

Chúng ta ngưỡng mộ danh nhân Lê Hữu Trác bởi những đóng góp lớn lao của ông cho nền y học nước nhà. Trong "*Lĩnh Nam bản thảo*" ông đã thừa kế 497 vị thuốc Nam của danh y Tuệ Tĩnh và chép thêm hơn 300 vị thuốc, khẳng định nguồn dược liệu phong phú có sẵn trong thiên nhiên. Bộ sách "*Y Tông Tâm Lĩnh"* được xem là "*bách khoa toàn thư*" y học của thế kỷ XVIII, và cũng là bộ sách y học xuất sắc nhất trong thời kỳ phong kiến[30]. Thành công của danh y Lê Hữu Trác không chỉ làm rạng rỡ y học nước nhà mà còn đóng góp cho nền y học thế giới.

Thomas Edison, nhà phát minh vĩ đại nhất thế kỷ XIX, bằng trí tuệ của mình đã góp phần đưa nhân loại tới gần hơn với thế giới hiện đại. Edison đã để lại một di sản khổng lồ với hơn 2000 phát minh và 1500 bằng sáng chế. Trung bình cứ 11 ngày lại có một phát minh mới được ra đời từ phòn0067 thí nghiệm của Edison, ròng rã trong suốt hơn 70 năm. Hàng trăm triệu chiếc đèn sợi đốt đã thay đổi nền kinh tế thế giới; hệ thống máy chiếu đưa nền công nghiệp phim ảnh vào kỷ nguyên mới… Những đóng góp của nhà khoa học Thomas Edison đã tạo tiền đề cho cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 được phát triển mạnh mẽ như ngày nay.

2.5. Danh nhân thường xuyên có sự tương tác với xã hội

Trên thực tế, có nhiều người thường xuyên tương tác với xã hội với mục đích khẳng định giá trị bản thân, muốn được quan tâm hoặc để tìm kiếm những lợi ích nào đó cho riêng mình. Danh nhân cũng là những người tương tác nhiều với xã hội nhưng họ không hướng đến mục tiêu cá nhân, sự tương tác của họ xuất phát từ mong muốn phục vụ lợi ích chung cho cộng đồng. Nhờ vào sự tương tác rộng rãi, họ có thể hiểu sâu sắc nhu cầu của đời sống, để từ đó tạo nên những đóng góp có

[30] Bộ sách "Hải Thượng Lãn Ông Y Tông Tâm Lĩnh" gồm 28 tập, 66 quyển. Đây là một đóng góp to lớn cho nền y học Dân tộc về y lý, phương dược, biện chứng luận trị về nội khoa, ngoại khoa, nhi khoa, cấp cứu, vệ sinh phòng bệnh... Đặc biệt "Y Huấn Cách Ngôn" là những lời giáo huấn, căn dặn mô phạm về y đức, thái độ tư cách của người hành nghề y.

giá trị thiết thực cho cộng đồng trên nhiều lĩnh vực, góp phần xây dựng và thúc đẩy xã hội ngày càng tiến bộ.

Các danh nhân đã sử dụng rất nhiều hình thức khác nhau để tương tác với quần chúng. Có những vị vua, vị công thần, những vị lãnh đạo đôi khi cũng trực tiếp đi vào đời sống của nhân dân để tìm hiểu thế sự, hỏi thăm, động viên, khuyến khích dân chúng.Từ đó góp phần đưa ra những quyết sách điều hành đất nước hiệu quả hơn, đó là hình ảnh của những vị danh nhân như vua Lê Đại Hành, vua Lê Thánh Tông, Trương Hán Siêu, Trần Quang Khải, Nguyễn Trung Ngạn… Các danh nhân giao tiếp với quần chúng bằng con đường giảng dạy nhằm truyền đạt những đạo lý, kiến thức và kinh nghiệm sống của mình như La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, Chu Văn An, Nguyễn Đình Chiểu… Ở lĩnh vực y học, nhiều danh nhân tương tác với xã hội bằng việc đem hết năng lực và tấm lòng của mình để chữa bệnh cứu người như bác sĩ Hippocrates, danh y Hải Thượng Lãn Ông, giáo sư Elizabeth Blackwell, nhà bác học Alexandre Yersin, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, giáo sư Tôn Thất Tùng…

Có những vị danh nhân, dù tên tuổi chỉ còn trong ký ức, trong lịch sử của nhân loại nhưng sự tương tác của họ vẫn hiện hữu, tồn tại thông qua những gì họ để lại cho cuộc đời. Đã 600 năm trôi qua nhưng tư tưởng sống cao đẹp của Nguyễn Trãi mãi mãi đi vào lòng người thông qua những tác phẩm văn học mà ông sáng tác tiêu biểu như Bình Ngô Đại Cáo, Quân trung từ mệnh tập, Ức Trai thi tập. Đến ngày hôm nay, tư tưởng nhân nghĩa của ông được cả thế giới tôn vinh, ca ngợi vì giá trị to lớn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước cũng như định hướng giáo dục lối sống cho thế hệ trẻ đương thời.

Sống trong thời đại phát triển của công nghệ thông tin, sự tương tác xã hội đã trở nên dễ dàng, thuận tiện hơn bao giờ hết. Các danh nhân sống trong thời đại hôm nay có rất nhiều cơ hội được tiếp xúc, chia sẻ, trao đổi và tiếp thu ý kiến đóng góp từ phía cộng đồng xã hội. Nhờ vậy mà sự đóng góp của họ được đánh giá, kiểm chứng, được bổ sung để ngày càng được hoàn thiện hơn.

3. Danh nhân trên một số lĩnh vực tiêu biểu

3.1. Danh nhân anh hùng

Trong tình huống nguy khốn của cộng đồng, có những cá nhân kiệt xuất đã xuất hiện để cứu nguy và lập nên những công trạng đặc biệt lớn lao giúp nhân dân, đất nước, nhân loại thoát khỏi nguy hiểm. Những người như vậy vừa được gọi là danh nhân mà cũng được gọi là anh hùng.

Nhắc đến những trận đại dịch cướp đi sinh mạng hàng triệu người, cả nhân loại ngày nay không thể nào quên được những nhân vật vĩ đại trong lĩnh vực khoa học, với tấm lòng nhân ái và tinh thần trách nhiệm to lớn như bác sĩ Edward Jenner, nhà hóa học Louis Pasteur, bác sĩ Alexandre Émile Jean Yersin…

Năm 1350 TCN, dịch bệnh đậu mùa (smallpox) đầu tiên đã nổ ra ở Ai Cập, sau đó lan ra khắp thế giới và kể từ đó nó lấy đi sinh mạng của hàng tỷ người. Năm 1796, châu Âu lao đao vì đậu mùa, 30% số người nhiễm bị tử vong ở tuần thứ hai. Lịch sử nhân loại đã sang trang mới khi bác sĩ Edward Jenner (1749-1823) tìm ra cách chữa bệnh đậu mùa bằng phương pháp chủng ngừa (vaccination)[31], đặt nền móng cho ngành miễn dịch học và thiết lập nên vacxin. Vacxin ra đời như một phát minh vĩ đại của nhân loại, một bước tiến vượt bậc trong lịch sử ngành y học. Chủng ngừa trở thành biện pháp phòng bệnh hiệu quả nhất giúp bảo vệ hàng tỷ người khắp hành tinh, tránh được nhiều trận đại dịch quy mô lớn và cứu sống nhiều người hơn bất kỳ can thiệp y tế nào[32], [33].

Hoặc việc chế tạo thành công vắc xin chống bệnh dại ở người, nhà bác học Louis Pasteur (1822-1895) đã giúp nhân loại có một vũ khí chống lại căn bệnh khủng khiếp vô phương cứu chữa này[34],[35]. Hay việc tìm ra vi khuẩn dịch hạch và điều chế thành công huyết thanh chống dịch hạch đầu tiên, cũng khiến bác sĩ

[31] Virus đậu mùa lan qua không khí, tấn công các tế bào da, lá lách, tủy xương và hạch bạch huyết của nạn nhân, gây sốt, nôn mửa, phát ban. Bác sĩ Jenner đã lấy dịch từ vết thương của người đã nhiễm bệnh đậu bò tiêm cho một đứa trẻ 8 tuổi, sau đó cho tiếp xúc trực tiếp với những người bị đậu mùa thì bé đã không bị mắc bệnh. Ông gọi cách chữa bệnh của mình là "vaccination".

[32] Tiêm chủng đã kiểm soát được ít nhất 14 căn bệnh nguy hại gây ra hàng chục triệu cái chết trên toàn thế giới như đậu mùa, bạch hầu, uốn ván, ho gà…. Riêng bệnh bại liệt đã giảm đến 99% nhờ tiêm chủng.
- https://www.sciencedirect.com/sdfe/pdf/download/eid/3-s2.0-B9781455700905000173/first-page-pdf - truy cập lần cuối 26/10/2022.

[33] Từ năm 2000 đến năm 2019, việc chủng ngừa các mầm bệnh (viêm gan B, viêm não Nhật Bản, sởi, rotavirus, rubella…) đã giúp ngăn chặn bệnh tật cho 37 triệu người ở 98 quốc gia có thu nhập thấp và trung bình.
- https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S014067362032657X?via%3Dihub - truy cập lần cuối 26/10/2022.

[34] Mỗi năm có trên 10 triệu người bị súc vật dại hoặc nghi dại cắn phải đi điều trị dự phòng bằng vacxin dại. Những năm gần đây, Mỹ và Canada phải sử dụng tới 1,2 triệu liều vacxin tại các trung tâm phòng dại. Ấn Độ có khoảng 3 triệu người phải tiêm vắc xin dại mỗi năm, trong đó 40% là trẻ em.
https://vncdc.gov.vn/benh-dai-nd14503.html - Bệnh dại, Cục y tế dự phòng. Truy cập lần cuối 27/10/2022.

[35] Ông còn là người nghiên cứu ra vacxin phòng bệnh than - một bệnh do vi khuẩn than (Bacillus anthracis) gây ra.Vi khuẩn than lây bệnh qua ba đường: qua da, qua đường tiêu hoá và hô hấp. Tỷ lệ tử vong ở thể hô hấp rất cao, lên đến 90%. Đồng thời ông cũng được coi là ông tổ của ngành vi sinh vật học, và nổi tiếng trong việc phát minh ra phương pháp thanh trùng, một trong những kỹ thuật bảo quản trọng trong ngành công nghiệp chế biến thực phẩm hiện nay.

Alexandre Émile Jean Yersin trở thành ân nhân cứu thế giới khỏi căn bệnh đã từng gây thảm họa đại dịch "Cái chết đen" làm 75 triệu người thiệt mạng thế kỷ XIV[36].

Trong lịch sử Việt Nam, những danh nhân anh hùng tiêu biểu có thể kể đến như Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Phạm Ngũ Lão, vua Quang Trung… Thế kỷ XX Việt Nam đã trải qua hai cuộc chiến tranh tàn khốc đầy đau thương. 80 năm thực dân Pháp đô hộ, gần 30 năm đế quốc Mỹ xâm lược đã lấy đi hàng triệu sinh mạng. Gắn liền với giai đoạn lịch sử này là tên tuổi của một vị tướng huyền thoại, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - một thiên tài quân sự của thế kỷ với trí tuệ mưu lược, tinh thần quyết thắng và một trái tim nhân hậu.

Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử làm nên tên tuổi của Đại tướng không chỉ bởi tài năng quân sự làm nên chiến thắng "chấn động địa cầu", mà còn bởi đó là *"Vị Tổng tư lệnh có trách nhiệm với từng vết thương và từng giọt máu của mỗi người lính"*[37]. Lúc đầu theo cố vấn của chuyên gia Trung Quốc thì phương thức đánh giành thắng lợi nhưng có thể mất 8 vạn quân. Đại tướng đã quyết định huỷ bỏ kế hoạch, xây dựng chiến lược mới, đề nghị kéo pháo xuống, chuyển từ "Đánh nhanh thắng nhanh" sang "Đánh chắc thắng chắc" và phải đảm bảo sự hy sinh là tối thiểu. Bác xem đồng đội chiến sĩ như em, như con của mình. Trước mỗi trận đánh, Bác luôn đau đáu trăn trở tìm cách giải bài toán giữa xương máu của đồng đội và chiến thắng trên chiến trường, để làm sao đạt được thắng lợi cao nhất mà hạn chế được thương vong tối đa.

Đằng sau thắng lợi của mỗi trận đánh, chiến dịch, chiến lược của quân và dân ta là cả trái tim và khối óc Đại tướng. Thế giới nghiêng mình ngưỡng mộ những chiến công lừng lẫy bao nhiêu thì lại càng kính phục Đại tướng bấy nhiêu bởi phẩm chất nhân văn tỏa sáng. Người là bậc danh nhân quân sự lỗi lạc, vị tướng của hòa bình, người anh hùng sống mãi trong lòng dân.

3.2. Danh nhân về đạo học

Thẳm sâu trong lòng ai cũng yêu quý cái đẹp của chân lý, điều thiện và đạo đức. Khát khao đi tìm chân lý như một lẽ tự nhiên trong tâm tư tình cảm con người mọi thời đại. Đạo học ra đời đáp ứng nhu cầu đó của nhân loại, hướng con người đến mục tiêu, lý tưởng cao thượng. Hệ thống triết lý của đạo học không chỉ bao gồm các chuẩn mực đạo đức mang tính phổ quát như lòng nhân ái, trung thực, vị

[36] https://www.abc.net.au/science/articles/2008/01/29/2149185.htm - ABC Science - Truy cập lần cuối 1/11/2022.

[37] Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - https://tienphong.vn/vo-nguyen-giap-ngon-hai-dang-sang-ngoi-post649115.tpo

tha, tránh xa điều ác… mà còn bao gồm các phương thức tu tập giúp con người vượt lên khỏi thân phận thường tình. Tên tuổi các danh nhân đạo học tồn tại rất lâu bền, dường như sống mãi với thời gian. Đức Phật, Khổng Tử, Chúa Jesus… là những bậc danh nhân lỗi lạc như thế, bởi tài sản lớn nhất các Ngài để lại cho nhân loại là kho tàng đạo lý mang giá trị đạo đức, tinh thần giúp con người hoàn thiện nhân cách, đóng góp vào sự hoà bình, phồn thịnh của hành tinh.

Triết gia Hy Lạp cổ đại Socrates (469-399 TCN), người đầu tiên đề ra chuẩn mực đạo đức cho triết học về con người. Với cung cách giản dị, khiêm tốn, chân thành ẩn trong một trí tuệ thông thái, ông dành cả cuộc đời để thuyết pháp với mong muốn lan tỏa những giá trị đạo đức tốt đẹp cho cộng đồng. Triết học Socrates đem đến những kết quả thiết thực cho sự thịnh vượng của xã hội lúc bấy giờ. Ông được coi là người đặt những nền tảng cho triết học phương Tây.

Hay đức Khổng Tử để lại hệ thống đạo đức, triết học xây dựng nên học thuyết của Nho giáo, quan điểm về cách trị quốc, an dân, xây dựng hình mẫu con người thực tế, quân tử, trung thực, liêm chính, đầy đủ "Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín". Ảnh hưởng của Nho giáo không chỉ trong đất nước Trung Hoa mà còn lan rộng sang nhiều quốc gia châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam. Dấu ấn của Nho giáo vẫn còn in đậm trong đời sống xã hội và tinh thần của người dân các nước, góp phần xây dựng đạo đức cho cộng đồng và ổn định nề nếp xã hội, như đức tính của người quân tử, tôn ti trật tự, tinh thần trách nhiệm đối với gia đình và xã hội (tôn sư trọng đạo, kính trên nhường dưới, trung quân ái quốc…).

Đại diện cho một tôn giáo lớn trong nền đạo học Đông phương chính là Phật giáo, với đấng giáo chủ là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bằng sự chứng ngộ tâm linh và trí tuệ siêu việt, Ngài để lại cho nhân loại hệ thống giáo lý đồ sộ thấm đẫm giá trị nhân văn. Giáo lý đạo Phật dạy con người nuôi dưỡng và thực hành tâm từ bi đến vô hạn, yêu thương nhân loại, yêu chuộng sự sống của muôn loài, tránh sát hại chúng sinh ngay cả cỏ cây muông thú. Đạo lý Từ bi hỷ xả, Vô ngã, vị tha là đạo đức cao đẹp, con đường đem đến hạnh phúc cho nhân sinh. Đạo lý đó biến thành sự cảm thông, lòng nhân hậu, thành hành động sẻ chia, giúp đỡ… giúp mọi người được an vui, hạnh phúc. Đồng thời, luật Nhân quả nghiệp báo là một đóng góp lớn lao của Phật giáo đối với đạo đức xã hội. Người tin Nhân quả sẽ không đi tìm hạnh phúc cho mình một cách ích kỷ, ác độc, mà bằng cách chia sẻ, cống hiến, đem niềm vui đến cho mọi người. Con người sẽ sống tích cực hơn, vị tha hơn và

như vậy họ đã đóng góp vào việc xây dựng một xã hội phồn thịnh, hạnh phúc, vững bền.

Hơn 2500 năm trôi qua, Phật giáo vẫn ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội ở nhiều quốc gia, trở thành truyền thống, nét đẹp văn hoá của nhiều dân tộc. Để tôn vinh những giá trị đạo đức, văn hoá, tư tưởng hòa bình và đoàn kết hữu nghị của Phật giáo, năm 1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã quyết định chọn ngày đản sinh của Đức Phật (Đại lễ Vesak) là một *Lễ hội Văn hóa Tôn giáo Quốc tế* của Liên Hiệp Quốc.

3.3. Danh nhân trong lĩnh vực chính trị xã hội

Danh nhân chính trị là những nhà lãnh đạo kiệt xuất, vì dân vì nước, có đạo đức sáng ngời, có tầm nhìn xa, trông rộng để hoạch định đường lối, chính sách chiến lược, làm định hướng dẫn dắt, có khả năng khởi xướng chính sách và tạo cảm hứng cho muôn người đi theo. Đặc biệt danh nhân trong lĩnh vực chính trị là những người có một lòng nồng nàn yêu nước, trung thành sắt son với Tổ quốc.

Gắn liền với vận mệnh dân tộc là những bậc minh quân, tướng tài lỗi lạc với những công trạng lừng lẫy như Lý Thái Tổ, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Quang Trung…

Dưới triều đại của vua Lê Thánh Tông, đất nước thái bình thịnh trị, nhân dân được ấm no, hiền tài được trọng dụng. Việc cho ra đời Bộ luật Hồng Đức đã biến Đại Việt thành Nhà nước pháp quyền sơ khởi sớm nhất thế kỷ XV. Những chính sách cai trị của Ngài hướng đến con người đầy tính nhân văn: "Bậc đế vương phải nuôi dưỡng bằng lòng dân, để đức trùm khắp tám phương, để dân sống no đủ, không còn đói rét, lưu vong. Thương yêu dân là trách nhiệm của quan lại, mọi việc lợi nên làm cho dân, mọi mối hại nên bỏ". Dưới sự trị vì của Ngài, Đại Việt trở thành đất nước hùng mạnh nhất Đông Nam Á thời bấy giờ. Sự hùng mạnh thể hiện ở tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục… khiến nhà Minh ở phương Bắc cũng phải kiêng nể không dám động binh nhòm ngó. Trong khi ở phía Nam, quân Ai Lao nhiều lần đem quân gây rối biên giới và cướp bóc ngư dân Đại Việt, nên năm 1470, Ngài đã thân chinh cầm hơn 20 vạn quân chinh phạt Chiêm Thành, giành được thắng lợi vẻ vang, mở mang bờ cõi. Ngài là vị vua anh minh, tài ba, một nhà văn hoá kiệt xuất, người đã tạo nên một thời đại huy hoàng của đất nước.

Cố Tổng bí thư Lê Duẩn là vị lãnh đạo có trí tuệ và tầm nhìn rộng lớn, gánh trên vai mình trọng trách nặng nề trong những năm tháng đầy thử thách và oanh

liệt của lịch sử dân tộc (1958 -1986). Ông là người có tư duy đổi mới, sáng tạo, táo bạo và quyết liệt. Bản lĩnh trung kiên, một dạ sắt son và lòng yêu nước đậm sâu đã tôi luyện nên chất thép trong con người ông, quyết bảo vệ từng tấc đất của Tổ quốc. Nhưng ẩn trong đó lại là một trái tim nhân hậu bao dung: "Anh thương vợ con anh như thế nào, thì anh cũng thương đồng bào, đồng chí của mình như thế, cho nên anh phải ở lại, cùng với đồng bào đồng chí miền Nam chiến đấu để giành độc lập thực sự"[38]; Người đã rơi nước mắt khi thấy đất nước hòa bình, thống nhất mà đồng bào mình vẫn không đủ ăn… Đất nước mãi ghi nhớ công ơn cố Tổng bí thư, nhà lãnh đạo lỗi lạc của cách mạng Việt Nam, người Đảng viên mẫu mực, liêm khiết - người mà ngày mất đi chẳng có gì để lại cho các con ông ngoài cái danh là "con của ba".

Sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước kể từ năm 1986 đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử lớn lao. Những thành công mang tính thời đại đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng cộng sản Việt Nam với lớp lớp thế hệ lãnh đạo ưu tú, mẫu mực, vì dân vì nước. Trong hàng lãnh đạo ấy có một người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà lãnh đạo cấp cao có tầm tư duy chiến lược, một nhà chính trị có phẩm chất đạo đức trong sáng, đó là Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Được đánh giá là một nhà lãnh đạo tài năng, khẳng khái, liêm khiết, cương trực, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trở thành vị Tổng tư lệnh trong cuộc chiến chống "giặc nội xâm". Nhiều vụ đại án, nhiều quan chức thuộc nhiều cấp thẩm quyền đã được đưa ra ánh sáng… thể hiện quyết tâm xây dựng và làm trong sạch Đảng. Những chỉ đạo quyết liệt và đầy mưu lược, nói đi đôi với làm, hiệu quả mà thuyết phục, đầy tính nhân văn trong cuộc chiến chống tham nhũng đã và đang rất được xã hội cùng nhân dân đồng tình ủng hộ, đặt trọn niềm tin. Niềm kính yêu đó càng được nhân lên khi biết đó là vị Tổng bí thư khiêm nhường, liêm khiết mà bình dị đến thân tình. Trên cương vị lãnh đạo cấp cao nhưng người vẫn dành những tình cảm trìu mến, trân trọng cho thầy cô giáo và bạn bè[39], không bao giờ lợi dụng việc

---

[38] TS. Lê Kiên Thành, con trai cố Tổng bí thư kể rằng: "Ngày ba tôi mất, ông dặn dò: "Ba chết chẳng có tiền để lại cho các con, chỉ để lại cho các con cái danh là con ba"" - https://dantri.com.vn/xa-hoi/con-trai-co-tbt-le-duan-ke-chuyen-suyt-bi-khai-tru-dang-vi-di-lam-kinh-te-20211221160220306.htm - Truy cập lần cuối 03/11/2022.

[39] Khi về thăm trường, Tổng bí thư nói: *"Xin cho em được để mọi chức tước ngoài căn phòng này. Em đến đây mãi mãi là học trò của các thầy, các cô ngày nào"*.

Chuyến công tác nào về Bình Định, Tổng Bí thư cũng tranh thủ đến thăm thầy hiệu trưởng cũ của mình: *"Bước vào nhà thầy, Nguyễn Phú Trọng trở thành học trò, vẫn giữ phong thái giản dị vốn có, không khác ngày xưa. Xóm tôi thấy người lạ đến, lại có nhiều xe nên họ tập trung trước cổng nhà tôi. Trọng ra hỏi thăm, bắt tay từng người, tươi cười bồng những em nhỏ gần bên"* .Lâu ngày không về thăm được, đồng chí lại gọi điện hỏi thăm sức khỏe thầy. - https://baobinhdinh.vn/viewer.aspx?macm=46&macmp=46&mabb=165124 - Truy cập lần cuối 29/10/2022.

công vào việc tư, không bao giờ lạm dụng chức quyền để đưa con mình vào các vị trí[40]. Tổng bí thư trở thành biểu tượng của lòng dân, được toàn thể nhân dân tin yêu, kính trọng. Người xứng đáng là nhân vật của một giai đoạn lịch sử, một thời kỳ mà nhiều người sẽ còn nhắc đến.

Danh nhân trong lĩnh vực xã hội là những nhà hoạt động thiện nguyện như từ thiện, vì an sinh xã hội, bảo vệ môi trường… có tầm ảnh hưởng lớn trong nước hoặc trên thế giới.

Ví dụ trong số những nhà hoạt động vì môi trường nổi tiếng trên thế giới, Wangari Maathai là một điển hình. Bà là chủ tịch Hội đồng Phụ nữ quốc gia, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên, Môi trường và Động vật hoang dã của Kenya. Việc chặt phá cây rừng tràn lan mà không trồng bù lại đã gây ra thảm họa ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại châu Phi với hàng loạt các vấn đề như ô nhiễm nguồn đất, nguồn nước, thiếu củi làm chất đốt, thiếu dinh dưỡng và môi trường sống cho động vật. Trước thực trạng báo động đó, từ năm 1977, Wangari Maathai đã khởi xướng thành lập Phong trào Vành đai Xanh với dự án trồng hơn 30 triệu cây xanh, giúp tạo công ăn việc làm cho người thất nghiệp, đồng thời ngăn ngừa xói mòn đất, ô nhiễm môi trường ở châu Phi. Với những đóng góp to lớn của mình trong việc đấu tranh cho quyền phụ nữ, chống áp bức chính trị và bảo vệ môi trường sinh thái, bà vinh dự là người phụ nữ châu Phi đầu tiên được nhận giải Nobel Hòa bình vào năm 2004.

3.4. Danh nhân văn học nghệ thuật

Sự kết tinh của cái đẹp trong cuộc sống và tâm hồn con người đã làm nên nghệ thuật. Trí tuệ, sự tinh tế trong tâm hồn của những người nghệ sĩ đã gửi gắm vẻ đẹp của tự nhiên, của tâm hồn con người qua những tác phẩm nghệ thuật của họ. Nghệ thuật giúp nâng cao phẩm giá của người thưởng thức hoặc có khi vực dậy cả đất nước. Nghệ thuật tồn tại dưới nhiều hình thức như: Kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, văn chương… Một Victor Hugo với những tác phẩm trường tồn mãi theo thời gian, một Mozart xuất chúng, một Leonardo Da Vinci thiên tài với tư duy đa chiều... đều là những nhà nghệ thuật tài ba có tầm ảnh hưởng lớn trong

[40] Một cán bộ cấp cao kể lại kỉ niệm với vị Tổng Bí Thư luôn nói "không" với quà biếu, phong bì: *"Quà cáp mang theo chẳng có gì đáng kể, chỉ là chai rượu ngoại, gói chè ngon, hộp bánh và cái phong bì trong đó có vài, ba triệu đồng tiền Việt Nam. Thủ trưởng rất vui, chúc sức khỏe mọi người và mong muốn năm mới tất cả sẽ sống tốt hơn, làm việc có hiệu quả cao hơn. Thế rồi, anh kéo ở túi quà ra chai rượu ngoại, tự tay rót mời mỗi người một ly nhỏ để thưởng thức lấy may nhân dịp năm mới. Số rượu đã uống chỉ hết khoảng 1/3 chai, còn lại, anh đậy nắp rất cẩn thận rồi bỏ lại vào túi quà bắt chúng tôi mang về"*. - Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng với tình cảm của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế, Báo Nhân Dân (tuyển chọn), Nxb Chính Trị Quốc Gia Sự Thật, 2019, tr.54.

lịch sử loài người và đã làm nên huyền thoại cho nhân loại. Tên tuổi và cống hiến của họ đã biến cái đẹp hữu hạn thành bất tử giữa cuộc sống muôn màu này.

Những tác phẩm âm nhạc của Mozart được coi là những gì tinh túy và thuần khiết nhất. Hơn 600 tác phẩm của ông đã định hình và hoàn thiện hình thức tuyệt vời của nhạc giao hưởng, hòa tấu, opera thời bấy giờ. Âm nhạc của Ông không chỉ được công chúng yêu mến mà còn ảnh hưởng lớn đến những nhà soạn nhạc vĩ đại sau này, tiêu biểu là Beethoven. Những vở opera của Mozart đã giúp cho mọi người có một cái nhìn sâu sắc về tâm lý con người đối với âm nhạc. Nhờ sự vui vẻ, tươi tắn trong mỗi giai điệu nhạc đã mang đến niềm vui và sự hài hòa trong tâm hồn con người. Hơn 250 năm qua, âm nhạc Mozart vẫn luôn sống nhân loại với bởi vẻ đẹp của sự bình dị luôn gắn liền cuộc sống một cách kỳ diệu. Biết bao tâm hồn được hưởng niềm hạnh phúc mà âm nhạc của ông mang lại.

Qua những áng thơ văn còn ghi lại trên trang giấy, các danh nhân văn học đã xây những viên gạch đạo đức cho cuộc đời bằng ngòi bút của nghệ thuật và sự sáng tạo. Tính giáo dục đạo đức - một giá trị nhân văn cao đẹp được “gói” trong mỗi tác phẩm đã nâng dậy được biết bao tâm hồn thêm sâu sắc và toàn diện hơn.

Đại thi hào Nguyễn Du là một thiên tài của dân tộc Việt Nam. Với tài năng thiên phú cùng tình yêu nước, thương người, ông vẫn luôn sống mãi trong lòng hậu thế qua di sản văn học quý giá mà ông để lại. Vẻ đẹp thiên nhiên cùng nét đẹp của con người như tài, sắc, đức tính vị tha, chí khí anh hùng đã được ông gửi gắm qua hàng trăm tác phẩm mà đỉnh cao là “Truyện Kiều”. Cho đến ngày hôm nay, tư tưởng vị nhân sinh và triết lý về sự cảm thông sâu sắc trước nỗi đau khổ của phận người nhỏ bé trong chốn bể dâu đã cảm ứng được bao trái tim của người dân Việt Nam và trên khắp thế giới. Tiếng thơ của Đại thi hào Nguyễn Du đã vượt khỏi thời gian, không gian và ngôn ngữ, đánh thức mầm thiện lành, đạo đức trong tâm khảm con người.

Được biết đến như một vì tinh tú của văn học nhân loại, Đại văn hào Victor Hugo đã thắp sáng niềm tin cho loài người bằng việc ca ngợi tình thương, sự công bằng trong thế giới. Những kiệt tác văn học như: Những người khốn khổ, Nhà thờ Đức Bà Paris... đã in sâu vào tâm trí mọi người hình ảnh những thân phận khốn khó, thấp kém, xấu xí nhưng sống chân chính với ước muốn vươn lên làm lại cuộc đời. Vẻ đẹp trong tình thương giữa người với người cùng khát vọng tiềm ẩn trong những con người nhỏ bé ấy là nguồn động lực to lớn, là điểm tựa

của niềm tin trong tâm hồn thế hệ sau không ngừng nỗ lực cố gắng sống một cuộc đời có ý nghĩa.

Qua những trang văn thơ nghĩa tình, các tác giả đã tôn vinh nét đẹp trong phẩm chất của con người như lý tưởng sống cao cả, ý chí nghị lực lớn lao, tình yêu nước cháy bỏng. Lev Tolstoy với tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình”, Nikolai Alekseyevich Ostrovsky với tác phẩm “Thép đã tôi thế đấy” là những thành công tiêu biểu. Sự cảm nhận tinh tế và sâu sắc qua từng diễn biến tâm trạng của các nhân vật trong các tác phẩm đã đánh thức con người trước ranh giới thiện ác nằm sâu trong tâm hồn. Những tác phẩm như vậy luôn là động lực giúp mọi người học cách sống và vươn tới những điều cao đẹp.

Và còn rất nhiều danh nhân như William Shakespeare, Ernest Hemingway, Felix Bartholdy Mendelssohn, Beethoven,... đã để lại nhiều tác phẩm gây được ảnh hưởng lớn cho xã hội. Thông qua nghệ thuật, họ đã thực hiện sứ mệnh giáo dục đạo đức con người một cách hoàn hảo. Nghệ thuật chân chính đã nâng dậy, hoàn thiện biết bao tâm hồn, có khi cứu được cuộc đời của những người cùng đường tuyệt vọng. Quả thực, những đóng góp của các danh nhân văn học nghệ thuật thật to lớn.

3.5. Danh nhân khoa học

Ngày nay, những kiến thức khoa học đang đưa thế giới tiến bộ từng ngày với những phát minh về công nghệ ngày càng hiện đại, đem lại nhiều tiện nghi cho con người. Nền khoa học kỹ thuật phát triển là nhờ vào những công trình vĩ đại của những nhà nghiên cứu lỗi lạc mà đến nay những kiến thức đó được truyền dạy cho nhiều thế hệ học sinh trên thế giới. Nhìn lại quá trình phát triển của nền khoa học gồm các lĩnh vực toán học, vật lý, hóa học, y sinh… chúng ta biết ơn và khâm phục những nhà khoa học thiên tài bởi kho tàng tri thức vô tận mà họ đã để lại cho nhân loại.

Hy Lạp cổ đại được coi là quê hương sản sinh ra những nhà khoa học có kiến thức uyên bác trên nhiều lĩnh vực và để lại nhiều thành tựu lớn lao. Họ đã phát minh và đặt cơ sở cho môn số học, hình học. Những định lý, định đề, định luật vẫn được sử dụng trong toán học và vật lý hiện đại như định lý Pitago, định lí Thales, định luật Acsimet, định đề Euclid…. Trong số đó, Pythagoras là người đem lại nhiều biến đổi cho nền toán học thế giới. Ông cùng các học trò của mình đã tổng kết những tri thức về số học, thiết lập nhiều công thức, định lý và chứng minh bằng suy luận logic, trong đó có định lý Pitago “*Trong một tam giác vuông, tổng bình*

phương của hai cạnh góc vuông bằng bình phương của cạnh huyền". Pythagoras còn là nhà thiên văn học tiến bộ thừa nhận trái đất hình cầu, chuyển động theo một quỹ đạo nhất định. Những kiến thức khoa học thời kỳ này đã đặt nền tảng cho sự phát triển khoa học kỹ thuật về sau.

Nhà khoa học Isaac Newton là nhà vật lý, toán học, thiên văn học người Anh. Ông được thế giới tôn vinh là người sáng lập ra cơ học cổ điển. Cống hiến lớn khiến tên tuổi của ông trở thành bất tử là nguyên lý vạn vật hấp dẫn tìm ra sức hút giữa các vật thể. Ông còn có thành tựu nổi bật trong lĩnh vực quang học, phân tích ánh sáng trắng thành các thành phần đơn sắc khác nhau. Trong toán học, ông đã tìm ra nhị thức giải tích được gọi là "nhị thức Newton". Ông còn xây dựng nên một mô hình toán học có tên "khoa học của sự liên tục", là cơ sở cho các phép tính vi tích phân sau này.

Albert Einstein là một trong những nhà khoa học nổi tiếng nhất mọi thời đại. Ông có những đóng góp lớn lao trong các lĩnh vực của vật lý hiện đại. Trong đó, lý thuyết tương đối rộng đã làm thay đổi những hiểu biết của con người về vũ trụ. Thuyết tương đối rộng tiên đoán và giải thích được nhiều hiện tượng bí ẩn trong vũ trụ như thấu kính hấp dẫn, sự giãn nở của vũ trụ, sự tồn tại của hố đen... Nhiều tiên đoán đã được xác minh bằng thực nghiệm, và nhiều chủ đề vẫn đang tiếp tục được nghiên cứu. Năm 1921, ông được giải Nobel về vật lý cho công trình nghiên cứu về hiện tượng quang điện. Einstein đã lập lên phương trình nổi tiếng E=mc^2 chuyển đổi tương đương giữa khối lượng và năng lượng, là tiền đề cho sự phát triển về năng lượng hạt nhân.

3.6. Những danh nhân đặc biệt

Trong lịch sử, nhiều bậc danh nhân có tài năng vượt trội trên nhiều phương diện, họ để lại những cống hiến có giá trị và tầm ảnh hưởng rất lớn trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống. Những danh nhân như vậy thường có tầm nhìn bao quát và sâu sắc về mọi vấn đề trong đời sống xã hội. Việt Nam may mắn có được hai trường hợp là chủ tịch Hồ Chí Minh và đức vua Trần Nhân Tông, vừa là anh hùng, vừa là danh nhân trên lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hoá, văn học và đạo học. Trên thế giới, có những danh nhân đa tài như: Aristotle là người có những cống hiến to lớn ở nhiều lĩnh vực như vật lý học, toán học, thi ca, âm nhạc, văn học, chính trị…; Leonardo da Vinci nổi tiếng là một hoạ sĩ xuất sắc, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ, nhà toán học, giải phẫu học, nhà địa chất, nhà thực vật học và nhà văn nổi tiếng thời kỳ Phục Hưng; Gottfried Wilhelm Leibniz là

một thiên tài trong nhiều lĩnh vực bao gồm cả pháp luật, tôn giáo, lịch sử, văn học, logic, siêu hình học.

Một trường hợp đặc biệt nữa là những người đầy đủ các tố chất, các đặc điểm của một vị danh nhân nhưng người đời lại hiếm ai biết gì về họ. Trong lịch sử đã có những người rất nổi tiếng vì sự thành đạt, vì sự đóng góp đối với xã hội. Nhưng người khác không biết rằng âm thầm phía sau có công lao của người vợ, của những người phụ nữ không tên tuổi, hay của những người trợ lý, những người bạn đã giúp đỡ âm thầm.

Hoặc những người làm tình báo, từ xa xưa cho đến nay, dù là thời chiến hay thời bình, họ vẫn luôn là lực lượng nòng cốt của đất nước. Họ là những người anh hùng thầm lặng với đức hy sinh cao cả, ngày ngày đi trên lằn ranh sinh tử nhưng lúc nào cũng giữ lòng sắt son trung thành với Tổ quốc. Chắc chắn rằng trong số họ luôn có những con người nổi bật lên với những công tích vĩ đại, với tấm lòng cao thượng, và họ xứng đáng là danh nhân của đất nước. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của công việc họ đang làm nên chúng ta không thể biết gì về họ, chúng ta có thể gọi họ là Ẩn danh nhân. Trong cuộc đời còn rất nhiều những con người thầm lặng mà vĩ đại như thế. Do đó khi ta ngưỡng mộ danh nhân, ta vẫn dành một góc nhỏ trong tâm thức tôn vinh và dành một phút tưởng niệm cho những Ẩn danh nhân này, những người ta không hề biết đến họ, nhưng ta biết chắc một điều là công lao của họ đối với cộng đồng, đối với xã hội rất là lớn.

KẾT LUẬN

Danh nhân là những con người lỗi lạc của thời đại, họ không những là kết tinh của tài năng trí tuệ, của lòng trung quân ái quốc, của nghị lực phi thường, mà còn là biểu trưng cho lý tưởng sống cao thượng và sự cống hiến không mệt mỏi cho xã hội.

Mỗi quốc gia ít nhiều đều đem đến cho đời những con người tiêu biểu của thời đại. Sự xuất hiện của họ làm cho thế giới ngưỡng mộ và học hỏi, chính vì vậy họ ảnh hưởng lớn lao đến nhân loại. Tài sản quý giá nhất của mỗi quốc gia có lẽ không phải được đánh giá bằng số lượng tài sản của quốc gia đó, hay số lượng tỷ phú được vinh danh trên bảng xếp hạng thế giới, mà chính là các danh nhân với những đóng góp họ đã để lại cho cuộc đời. Họ là biểu tượng cao đẹp sống mãi trong ký ức, trong tâm tưởng của lịch sử. Một dân tộc có truyền thống tôn vinh các anh hùng, các bậc danh nhân, vĩ nhân, trọng người tài là một dân tộc có đạo đức, có chính nghĩa và quốc gia đó sẽ phát triển vững bền, chính vì vậy, chúng ta không cho phép mình để công ơn của họ bị quên lãng.

Vì thế, một hệ thống đặc điểm chung về danh nhân cũng như các tiêu chí quan trọng để đánh giá đúng tầm mức cụ thể những phẩm đức, những cống hiến của họ là một điều hết sức cần thiết. Chính nhờ sự đánh giá khắt khe, cẩn trọng như thế mà vị thế tôn quý của các danh nhân không bao giờ bị suy giảm. Nghiên cứu và tôn vinh các danh nhân là giúp lưu truyền giá trị văn hoá qua các thế hệ, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người cho thời đại, hôm nay và mai sau.

THAM GIA LÝ LUẬN VỀ NHÂN TÀI

ÔNG VŨ NGỌC PHƯƠNG
Chủ tịch Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân Lực - Nhân Tài Việt Nam

Chúng ta đều biết nhiều, luận nhiều về sự quan yếu, cốt tử của Nhân Tài và trọng dụng Nhân Tài. Ngay từ khi xã hội loài Người có Lịch sử thành văn cũng đã bàn nhiều, trải hàng chục nghìn năm ở những nền Văn minh tối cổ như Lưỡng hà - Ân độ, sông Nin - Ai Cập, sông Hoàng Hà - Trường Giang Trung Hoa, nền Văn minh Hy - La,. . . Trong đó Văn minh Lạc Việt là một trong những Nền Văn minh sớm, rực rỡ đã được Lịch sử Khảo cổ học chứng minh. Văn minh Nhân Loại đã nghiên cứu, bình luận nhiều về Người Tài, về Kẻ sĩ, về Anh hùng, Hào Kiệt,... Tuy nhiên cho tới nay chưa lập thành một Hệ thống nghiên cứu hoàn chỉnh, một công trình Khoa học Lý luận có hệ thống lozic về Nhân Tài.

Hôm nay, Viện nghiên cứu Danh Nhân do Viện trưởng Giáo sư Tiến sỹ Hoàng Chí Bảo thuộc Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân Lực - Nhân Tài Việt Nam tổ chức Hội thảo lần thứ nhất (12/2022) về Nghiên cứu Nhân Tài tiến tới xây dựng hệ thống Lý luận Nhân Tài là một vấn đề lớn, hệ trọng của Quốc gia - Dân tộc. Chúng ta đã liều mình khai phá rừng rậm để mở một lối mòn đầu tiên cho xây dựng Học thuyết Nhân Tài cho nhiều năm sau kết nối - Điều chưa từng có ấy đòi hỏi sự Dũng cảm Trí thức, sự tập trung cao độ trí tuệ của tập thể các Nhà Khoa học trong Nước và Quốc tế. Đây là Một Học Thuyết rất cần sự kiên trì, nhẫn nại lao động khổ mình, nhọc sức của nhiều thế hệ, trong đó chúng ta có vinh hạnh là người mở đầu. Quả thực là một vấn để rất quan trọng nên mấy nghìn năm thường bàn đến, nhưng lập thành Lý luận Khoa học thì chưa, nếu như thời nay chúng ta không thành công cũng là lẽ thường. Điều đó chỉ chứng minh là chúng ta không đủ tầm trình độ khi làm một việc quan trọng. Nhưng chúng ta cũng đã là người tập hợp và mở đầu cho sự hình thành Khoa học Lý luận về Nhân Tài.

Khi nói về Nhân Tài ở Việt Nam, chúng ta thường nhắc lại câu: *" Hiền Tài là Nguyên khí của Quốc gia"* khắc bia Tiến sỹ năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đặt tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám củaTiến sĩ Thân Nhân Trung, chữ Hán: **申仁,** 1419 - 1499, tự Hậu Phủ - chữ Hán: 厚甫, *(Sách Đăng Khoa lục còn ghi ông có tên là Thân Trọng Đức sinh năm 1418 mất năm 1499)*, ông từng giữ các chức Đông

các Đại học sĩ kiêm Tế tửu Quốc tử giám, kiêm Thượng thư bộ Lễ, Phó đô Nguyên súy Tao đàn Nhị thập bát Tú, Trưởng Hàn lâm viện sự, Thượng thư Bộ Lại, Nhập nội Phụ chính dưới triều Vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) và Vua Lê Hiến Tông (1497 - 1504).

Xã hội loài người từ thời cổ đại đã nhận thức để trọng dụng Nhân Tài. Trong các thư tịch cổ của Việt Nam cũng đã có viết về Nhân Tài, tư liệu còn đọc được là phiên bản sách Đại Việt sử ký của Lê văn Hưu (chữ Hán: 黎文休;1230 - 1322). Năm Đinh Mùi (1247), ông đỗ Bảng nhãn khi mới 17 tuổi. được giữ chức Kiểm pháp quan, rồi Binh Bộ Thượng thư, Hàn Lâm Viện Học sĩ kiêm Quốc sử Viện Giám tu. Ông cũng là thầy dậy học của Thượng tướng Trần Quang Khải. Ông viết *Đại Việt sử ký* gồm 30 quyển dưới triều vua Trần Thánh Tông (1258 - 1278), đây là bộ quốc sử đầu tiên của Việt Nam. Bộ sách này đến nay không còn nhưng nhờ nó mà Ngô Sĩ Liên đã dựa vào để soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Lê Văn Hưu dự khoa thi đầu tiên ở nước ta có đặt ngôi Tam khôi. Nguyễn Hiền 12 tuổi đỗ Trạng nguyên, Đặng Ma La 14 tuổi đỗ Thám Hoa. Sự kiện những thiếu niên thi đỗ rồi được bổ ngay làm quan Đại thần dưới Triều Nhà Trần đã cho thấy sự trọng dụng Nhân Tài của Nhà Trần đến như thế nào.

Nếu như Nhân Lực là sức của Toàn Dân, thì Nhân Tài là người có năng lực nổi trội để lãnh đạo, quản lý, đứng đầu một nhà nước, một tổ chức, một nhóm cộng đồng dân cư. Một Quốc gia - Dân tộc chỉ tồn tại được khi có Nhân Lực. Hiện nay chúng ta thường đặt nhiệm vụ Phát triển Nhân Lực kỹ thuật, Nhân Lực kỹ thuật cao là để một Cộng đồng Dân tộc có sức mạnh Tri thức. Tuy nhiên nếu không phát hiện, trọng dụng Nhân Tài ở nhiều cấp độ thì không thể tập hợp Tri thức Kỹ thuật thành Một sức mạnh Đoàn kết - Phát triển.

Xin đưa ra một ý kiến để chúng ta cùng phân tích, phê bình, xây dựng: - Nhân Tài khi có giới hạn về lịch sử, về vị trí địa lý là Người Tài trong một Cộng đồng. Nhân Tài đã vượt qua được giới hạn về địa lý Vùng - Miền thường là các Danh Nhân. Danh Nhân mà vượt được giới hạn lịch sử, thay đổi được một thời kỳ lịch sử của một Quốc gia - Dân tộc là Thiên Tài.

Không riêng ở Việt nam, trên thế giới cho đến nay việc trọng dụng Nhân Tài chỉ dừng ở chính sách, không có Luật, vậy nên khi thời cuộc thay đổi thì chính sách trọng dụng Nhân Tài cũng thay đổi. Các quan niệm về Nhân Tài gần như một cảm tính, do đó Nước lúc thịnh, lúc suy. Cổ nhân có câu*: “Minh quân, Lương tướng tao phùng dị / Tài tử, Giai Nhân tế ngộ nan”*, nghĩa là:*” Vua sáng, Tôi hiền*

(Tài) không mấy đời có / Người con trai Tài, Người con gái Đẹp khó gặp nhau" cổ ngữ này nói lên quy luật khắc nghiệt của sự trọng dụng Nhân Tài hướng Thiện.

Ngay từ khi thành lập Nhà nước Cách mạng năm 1946, Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã có chính sách trọng dụng Nhân Tài. Người đã tập trung được rất nhiều Nhân Tài dưới Cờ đỏ Sao Vàng vừa kiến quốc, vừa chống ngoại xâm giành Độc lập, Tự do cho Dân tộc. Trải qua rất nhiều biến cố, thăng trầm của hơn 92 năm, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt nam nền Kinh tế - Xã hội nước ta từ năm 1986 đến nay đã bước vào Công cuộc Đổi Mới đạt được nhiều thành tựu làm thế giới ngạc nhiên, khâm phục. Chúng ta đều biết Nhân Tài là một trong những trụ cột phát triển của Nhân loại. Không có Nhân Tài - Sức Người, Sức Của sẽ không thể trở thành Hàng hóa chất lượng cao để thành công sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa Quốc gia - Dân tộc trở thành Cường quốc.

Chấp hành chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ tại công văn số: 9727/ VPCP - GGVX về việc xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện và trọng dụng Nhân Tài. Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam đã dự thảo văn bản Dự Luật (Nghị định) về phát hiện và trọng dụng Nhân Tài xin ý kiến của các Nhà khoa học sau đó trình lên Lãnh đạo Đảng - Nhà nước. Đây là một dự Luật (Nghị định) mới lần đầu tiên được thực hiện trong Lịch sử nước ta với sự gửi gắm hy vọng của xã hội là Dự án Luật phát hiện và trọng dụng Nhân Tài sớm được các Bộ, các Ngành chỉnh sửa, bổ sung trình Quốc Hội thông qua hoặc sử dụng một số điểm đề xuất phù hợp để ban hành chính sách hoặc Luật, văn bản dưới Luật (Nghị định Chính Phủ) bước đầu mở đường **phát hiện, trọng dụng Nhân Tài** cho Đất nước.

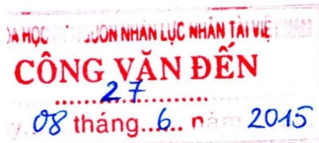
VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 885 /VPCTN-TH
V/v thông báo chuyển công văn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

Kính gửi: Trung ương Hội Khoa học phát triển Nguồn nhân lực – Nhân tài Việt Nam
(Địa chỉ: P705/Tòa nhà số 20, phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội)



Văn phòng Chủ tịch nước nhận được Tờ trình số 62/TTr-TWH ng 19/5/2015 của Trung ương Hội Khoa học phát triển Nguồn nhân lực – Nhân Việt Nam về đề xuất dự án Luật (Nghị định) phát hiện và trọng dụng nhân tài.

Thực hiện ý kiến của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước đã chuy Tờ trình trên tới các cơ quan gồm: Văn phòng Quốc Hội, Văn phòng Chính pl Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động, Thương bi và Xã hội để nghiên cứu xử lý trong phạm vi thẩm quyền.

Văn phòng Chủ tịch nước trân trọng thông báo để Trung ương Hội liên biết kết quả giải quyết./.

TL. CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NU
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔNG HỢP
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Hải Lưu

Nơi nhận:
- Như trên;
- CN VPCTN (để báo cáo);
- PCNTT VPCTN (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ TH (03b).

Phát hiện, trọng dụng Nhân Tài ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực đều rất phức tạp, hệ trọng. Chúng ta phải dựa vào Nhân Dân Việt Nam có truyền thống yêu nước rất sâu sắc, ý chí tự cường, bất khuất. Lịch sử Việt Nam đã minh chứng Thời đại Hồ Chí Minh là Thời đại Huy hoàng - Hiển hách nhất vì lần đầu tiên có Chính quyền Cách Mạng từ Nhân Dân mà ra, vì Nhân Dân mà chiến đấu. Sau Khởi nghĩa Tháng Tám 1945 Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *"NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN*

CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương đều do dân cử ra." - Hồ Chí Minh Toàn tập.

Trong bài viết *"Yêu Bác lòng con trong sáng hơn - phỏng vấn nhà thơ Tố Hữu"* của Bế Kiến Quốc, in trong tập sách *"Tố Hữu, về tác giả và tác phẩm"* - NXB Giáo dục, tháng 4-1999, tr.145-146 có ghi lại Nhà thơ - Nhà Cách mạng Tố Hữu nói: *"Nhân đó mình mới hỏi Bác: "Bọn cháu ở bí mật ra, không hiểu chính quyền, xin Bác cho kinh nghiệm để về làm". Bác nói: "Bác cũng mới làm. Bác có làm chủ tịch bao giờ!". "Dạ, nhưng xin Bác chỉ vẽ cho. Bác cho ý kiến như ở Huế thì nên làm thế nào?". "Ờ, cứ hỏi dân, dân ưng cái gì, không ưng cái gì.* ***Người ta ưng cái gì thì làm, không ưng cái gì thì đừng có làm. Làm thế nào cũng hỏi dân****.* ***Cử ai làm, cũng phải hỏi dân****". Tóm lại, chính quyền theo Bác chỉ có ba câu. Sau này ta nói: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra - theo tôi có lẽ không rõ bằng ba câu của Bác. Bác là vậy".*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9727/VPCP- KGVX V/v trả lời kiến nghị xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài	*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2014*

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực - nhân tài Việt Nam có văn bản số 98/CV-TWH ngày 18 tháng 11 năm 2014 gửi Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kiến nghị Đảng, Nhà nước có kế hoạch khẩn trương xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện và trọng dụng nhân tài *(bản chụp kèm theo)*. Về việc này, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến như sau:

Giao Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, có ý kiến trả lời Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực - nhân tài Việt Nam.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để Quý Bộ biết, thực hiện/.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các PTTg: Nguyễn Xuân Phúc, Vũ Đức Đam (để b/c);
- TW Hội KHPTNNL-NT Việt Nam (để biết);
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Khắc Định, Trợ lý TTg, các Vụ: TCCV, TH;
- Lưu: VT, KGVX (3b). P 15

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM



Nguyễn Khắc Định

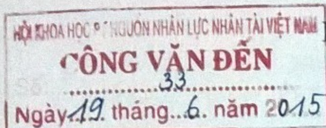
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2119 /BKHCN-TCCB

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2015

V/v đề xuất trình dự thảo Luật phát hiện và trọng dụng nhân tài



Kính gửi: Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam

Sau khi nghiên cứu đề xuất dự án Luật (Nghị định) phát hiện trọng dụng nhân tài tại Tờ trình số 62/TTr-TWH ngày 19/5/2016 của Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền kiến nghị xây dựng luật, nghị định:

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05/3/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể gửi kiến nghị xây dựng luật, nghị định đến bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực bằng văn bản hoặc thông qua Trang thông tin điện tử của các cơ quan này. Như vậy, Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam có quyền kiến nghị xây dựng luật/nghị định.

2. Về thẩm quyền tiếp nhận và xử lý kiến nghị của Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam:

Nội dung của dự án luật/nghị định phát hiện và trọng dụng nhân tài do Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam soạn thảo không chỉ đề xuất các chính sách áp dụng đối với nhân lực, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ) mà còn liên quan đến chính sách áp dụng đối với nhân lực, nhân tài trong các lĩnh vực khác nhau (thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ khác) như kinh tế, văn hóa, nghệ thuật .v.v.. Vì vậy, kiến nghị xây dựng văn bản của quý cơ quan nên được gửi đến các Bộ quản lý các lĩnh vực có liên quan. Trường hợp không xác định được địa chỉ cụ thể để gửi kiến nghị, Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam có thể gửi kiến nghị đến Bộ Tư pháp (nếu xây dựng luật) hoặc Văn phòng Chính phủ (nếu xây dựng Nghị định).

3. Nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách phát hiện và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

Chính sách trọng dụng nhân lực, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công

nghệ, hiện nay đã được quy định trong Luật khoa học và công nghệ; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam; Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 ban hành Điều lệ sáng kiến. Tương tự, đối với nhân lực, nhân tài trong các lĩnh vực khác cũng đã có chính sách, pháp luật của nhà nước về phát hiện, trọng dụng. Vì vậy, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam nghiên cứu, rà soát những quy định pháp luật hiện có khi xây dựng dự thảo chính sách phát hiện và trọng dụng nhân tài để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

4. Về các nội dung cụ thể của dự thảo chính sách: Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục tham gia ý kiến sau khi những vấn đề cơ bản liên quan đến ban hành chính sách (loại văn bản; cấp ban hành; phạm vi, đối tượng áp dụng...) đã được xác định cụ thể.

Trên đây là ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ với đề xuất của Trung ương Hội Khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam về chính sách phát hiện và trọng dụng nhân tài. Xin gửi Quý cơ quan để nghiên cứu, tham khảo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Khánh

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Lưu VT, Vụ TCCB.

Tôi xin nêu lên một số ý kiến để chúng ta cùng thảo luận:

- Một là người Tài phải là người có công đáng kể cho lợi ích Cộng đồng, cho Dân tộc và được cộng đồng,được đa số người trong xã hội công nhận. Người Tài nói chung có Thiện và Ác, có Chính có Tà.Trong nghiên cứu và xây dựng lý luận, tôi cho rằng cần nghiên cứu cả hai khuynh hướng Thiện và Ác của Người Tài, đây là sự lozic phát triển, mâu thuẫn của hai mặt đối lập Âm - Dương, Sáng - Tối, Nước - Lửa cùng song hành trong Lịch sử loài Người. **Ác là Bản năng** dễ theo, dễ học. **Thiện là Lý trí Nhân cách** phải được truyền dậy từ khi trẻ mới lọt lòng - Sự dậy Thiện chính là cách dậy của Ông, Bà, Cha Mẹ sau mới đến Nhà trường. Cộng đồng. Giáo dục Nhân cách Thiện lấy Gương Mẫu là Chính yếu. Ngạn ngữ Việt có câu: *“ Dậy con tự thủa còn thơ,.../ Bé không vin cả gẫy cành, .../ Người không học như ngọc không mài, Học khôn đến chết, học nết đến già,../ Ân sâu nghĩa nặng chớ quên,../Làm con phải giữ lấy nền phong gia,.../ Học ăn, học nói, học gói, học mở / Khi măng không uốn thì tre trổ vòng / Làm người mà được khôn ngoan. Cũng nhờ học tập mọi đường mọi hay / Rừng như biển thánh khôn dò. Nhỏ mà không học, lớn mò sao ra /Con có cha như nhà có nóc. Con có mẹ như bẹ ấp măng. / Con cái khôn ngoan vẻ vang cha mẹ. / Làm con cho đáng nên con. Trong tròn hiếu đạo, ngoài tròn giá danh./ Học là học để làm người. Biết điều hơn thiệt biết lời thị phi. / Mẹ dạy thì con khéo, cha dạy thì con khôn*, …”. Dân tộc Việt có hàng vạn, hàng triệu câu ca dao, tục ngữ về nuôi dậy con - Tất cả đều chú trọng giáo dục Nhân cách. **Nhân cách bao gồm Lễ và Nghĩa**, đó là quy luật Hưng Thịnh muôn đời. Bá Di liệt truyện nói: *“ Đạo Trời Đất không thân với ai, thường thân với Người Thiện”.*

Tôn chỉ của Đảng Cộng sản Việt Nam *“ Dân giầu, Nước mạnh, Dân chủ, Công bằng, Văn minh”* là Chân lý khát vọng của Nhân loại rất gian nan để thành hiện thực. Nhưng trong gian khó thì **sự gian khó nhất chính là Công bằng** - mà **Công bằng chính là Nhân cách**. Không có đa số người có Nhân cách trong Xã hội thì không thể Công bằng. Từ cổ xưa, không có Nhân cách là một tai họa vô cùng, Kinh Dịch viết: *“ Sai một hào, một ly, lầm đến nghìn dặm, cho nên nói: Tôi giết Vua, con giết Cha, không phải duyên cớ một sớm, một chiều mà ra, cái đó đã ngấm ngầm từ lâu rồi,…Vì không biết nghĩa lý, nên bị tai tiếng không sao tránh khỏi. Chỉ vì không hiểu cái thâm thúy của Lễ và Nghĩa mà đến nỗi Vua không ra Vua, Cha không ra Cha, Con không ra Con. Vua không ra Vua thì phạm tội với Lễ*

Nghĩa. Tôi không ra Tôi thì phải giết. Cha không ra Cha thì vô đạo. Con không ra Con thì bất hiếu."

Người Tài trên cả hai phương diện Thiện và Ác đều có cấp độ, tạm gọi là đẳng cấp. Xin nêu một ý kiến để Hội nghị thảo luận, tôi sơ bộ tạm thời phân định có 04 thứ hạng Nhân Tài:

- Một là Vĩ Nhân: là Người có sự nghiệp làm thay đổi và khai sinh ra một thời đại, thậm chí là cả một kỷ nguyên mới về ý thức hệ kinh tế, xã hội, triết học, văn hoá,...Có nhiều dẫn chứng về những Vĩ nhân. Người gần với chúng ta nhất là Hồ Chí Minh - Người đã khai sinh ra một chế độ xã hội với triết học hoàn toàn mới ở Việt Nam.Thế giới coi Hồ Chí Minh là một trong những Vĩ Nhân cuối cùng của Thế kỷ XX có nhiều Công đức Thiện không chỉ với Việt Nam vì đã khởi đầu cho sự phá bỏ hệ thống Thực dân đã kéo dài hơn 300 năm trên toàn thế giới. Do sự nghiệp của Vĩ Nhân tác động làm thay đổi cả một Thời đại nên sự nghiệp và danh tiếng của Vĩ Nhân chỉ được một phần Thế giới kính phục, một phần khác của Thế giới lại căm ghét. Đó là quy luật cuộc đấu tranh Thiện - Ác, khi Thiện mạnh Ác yếu thì thế giới ôn hòa. Khi Ác mạnh Thiện yếu thì thế giới bạo loạn, chiến tranh. Cuộc chiến Thiện - Ác không thể chấm dứt trên Thế gian này.

- Hai là Danh Nhân: là Người mở đầu hay khai sáng - nâng cao và phát triển hơn nữa một lĩnh vực lớn trong Xã hội như Triết học,Văn học Nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật, Kinh tế, Chính trị,...Danh Nhân trong lịch sử loài người từ Thượng cổ đến nay kể có hàng triệu người. Đặc điểm của Danh Nhân là có sự nghiệp hướng Thiện là chính, vì vậy khi Danh Nhân Thiện đã qua đời nhiều thế hệ sau vẫn sử dụng thành quả của họ,học tập họ ở nhiều mặt từ phong cách tư duy đến học thuật. Lịch sử Nhân loại thường biểu hiện sự kính trọng đối với Danh Nhân Thiện ở mọi Thời đại.

- Người có Danh Vị: là Người thường có vị trí nổi trội so với đồng nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định. Họ là các Nhà lãnh đạo Chính Trị, Quản lý Kinh doanh,Văn hoá Nghệ thuật, Khoa học kỹ thuật, Dịch vụ,...Tác dụng của họ có tính chất đi đầu cộng đồng. Đánh giá về công lao của Người có Danh vị làm được Thiện căn thường rất khó vì có đặc trưng hoà lẫn trong hành động Tập thể mà vì thế Người có Danh Vị dù Thiện hay Ác sau khi rời khỏi vị trí, thường ít được nhắc đến. Sự nổi tiếng có giới hạn về thời gian, thường là do thông tin đại chúng có tính Thời sự nên dễ nhớ, mau quên. Vì vậy chỉ Những Nhà lãnh đạo Chính trị

có Công Đức lớn hoặc gây ra Tai họa lớn trong cả một thời kỳ phát triển của một Quốc gia - Dân tộc mới được lịch sử nhắc đến.

- Người Tài Năng: Là những người nổi trội so với những đồng nghiệp trong một giới hạn nhất định, có thể là rất ngắn rồi sau đó gần như bị lãng quên. Có thể dẫn chứng những vận động viên được huy chương vàng, học sinh, sinh viên đạt thứ hạng cao trong học tập, các ca sỹ, ... Kể cả những Tội phạm làm việc xấu, ác. Thường sự cảm nhận và đánh giá tác động hay cống hiến của những Người Tài Năng chỉ giới hạn trong một cộng đồng.

Tôi nhận rằng thực tiễn hai thứ hạng Nhân Tài đầu tiên là Vĩ Nhân và Danh Nhân được nêu trên đều không liên quan đến Học vị, bằng cấp, . . . Mà phải xét bằng **Giá trị Thực tiễn** họ đã cống hiến cho Dân tộc và cao hơn là cho Nhân loại.

Vấn đề **rất quan yếu** là Nhân Tài được hình thành như thế nào? Có đào tạo được Nhân Tài không? Đây là hai vấn đề rất cần được nghiên cứu sâu làm cơ sở cho phát hiện Nhân Tài chưa bộc lộ và đào tạo Nhân Tài. Có những Nhân Tài ở cấp độ hẹp do đào tạo mà có, nhưng những Nhân Tài ở cấp độ cao, rộng thường do Tự thân rèn luyện. Vì vậy phân chia khoa học thứ hạng Nhân Tài để trọng dụng, để đào tạo là rất quan trọng, rất cần thiết. **Người Tài dù là thứ hạng nào về bản chất** phải có hai tố chất: - Thứ nhất là trí Thông minh bẩm sinh do di truyền của Cha Mẹ hoặc thậm trí là gien ẩn trội về Thông minh từ đời ông bà, tổ tiên Nội, Ngoại truyền qua Cha Mẹ thì lặn, đến con cháu mới trội lên.

Bản chất của Nhân Tài dù thứ hạng nào, Thiện hay Ác phải có **sự tự rèn luyện, thậm chí là khổ luyện**.Tố chất thứ hai hãy nói Nhân Tài Thiện là có sự khởi đầu từ **Gia phong - Nhân cách.** Người xưa có câu: *"Sống để Đức cho con cháu"* là nói đến truyền thống Gia phong. Thực tế Lịch sử Xã hội cho thấy những gia đình nề nếp, gia giáo không nhất thiết phải có bằng cấp, học vị thì con cháu đều thành đạt và ít nhiều đều ở một trong bốn thứ hạng của Nhân Tài. Sự thành đạt còn ẩn chứa cả di truyền và trong hoàn cảnh sống mà thường là khó khăn nhưng có Gia phong nếp nhà:*" Đói cho sạch, Rách cho thơm"* và "*Giấy rách thì giữ lấy lề"* dù trong cảnh bần hàn không bị biến chất.

Cổ nhân có câu "*Mới hay loạn thế xuất Anh hùng"* hoàn cảnh sống chính là thử thách để phân định Người đó có là Người Tài dù là Thiện - Ác hay không nên có câu ca dao:

"Gừng già,Gừng rụi,Gừng cay,
Anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân."

Chúng ta cần hiểu rõ và sâu từ " Anh hùng", đây là một khái niệm tương đối. Như xâm lược chẳng hạn, đối với cộng đồng, dân tộc chống Ngoại xâm thì đó là Kẻ Cướp Nước. Đối với nước đi xâm lược lại là anh hùng. Sự này cũng giống như giết giặc ngoại xâm là Anh hùng, nhưng giết người vô tội trong xã hội lại là Tội phạm.

Sự rèn luyện tự học hỏi là yếu tố Đủ để trở thành Tài. Không có sự tự rèn luyện thì dù có thông minh mấy thì cục thép tốt cũng như cục gang. Có khổ luyện thép mới trở nên sắc bén, sáng bóng. Còn gang thì ngược lại, càng tôi rèn càng nứt gẫy, càng đen xấu, rèn quá mức còn tan vỡ ! Đến đây, tôi thấy sự phát hiện Nhân Tài có thể thực hiện trên cơ sơ nghiên cứu và xây dựng trắc nghiệm khoa học từ các môn khoa học Tâm lý học, Nhân Chủng học và một môn Khoa học tối cổ rất hệ trọng là Nhân Tướng học.

Tôi đã có điều kiện từ gia đình được đọc về Tướng học từ thủa thiếu thời. Những cuốn sách như "Thần tướng Toàn biên" của Hứa Phụ đời Nhà Đường đã để lại cho tôi những ấn tượng sâu sắc về xét đoán tính cách con người thông qua nét mặt, hình dáng, tiếng nói, đi đứng, nằm, ngồi.Trải nghiệm qua cuộc đời nhiều gian truân, càng thấy Nhân tướng học rất kỳ diệu, uyên thâm.Có thể xét đoán một người không quen biết về quá khứ,về hiện tại, về tương lai đúng tới 60% ~ 70%. Khi người xét đoán (Người xem Tướng) trong lúc có sức khoẻ tốt, tinh thần minh mẫn thì sự chính xác đạt tới 80% ~ 95% mà không cần biết tên, năm sinh hay bất cứ thông tin nào của người được xem.

Tục ngữ ca dao Việt Nam có rất nhiều câu nói về Tướng học như :

Người khôn con mắt đen sì,
Người dại con mắt nửa, nửa thau.

hay:

Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.
Những người thắt đáy lưng ong,
Đã khéo chiều chồng lại khéo nuôi con.
Những người béo trục béo tròn,
Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày.
Những người mặt nạc đóm dầy,
Mo nang trôi sấp biết ngày nào khôn.

Nhân Tài và sự xét đoán, nghiên cứu, phát hiện, trọng dụng Nhân Tài là câu chuyện của nghìn vạn năm trước sau không bao giờ hết. Trên đây tôi cũng xin mạo muội góp một số thiển ý về Nhân Tài để các Nhà khoa học tham khảo.

Việc cầm quyền Quốc gia - Dân tộc quan yếu nhất là Dân Yên thì Nước Thịnh. Trong Bình Ngô Đại cáo, Nguyễn Trãi đã viết *“ Việc Nhân nghĩa cốt ở yên Dân”.* Mọi sự trong lịch sử loài người đều nhằm mục đích sao cho có kết quả tốt nhất để giải quyết ba mục tiên “ Ăn - Mặc - Ở” trong đó Ăn quan trọng hàng đầu. Sử ký Tư Mã Thiên ghi: *“ Thiên tử coi Dân là Trời. Dân coi miếng Ăn là Trời”* đủ thấy việc lo cho Dân No - Ấm hệ trọng như thế nào đến bình ổn một Quốc gia. Ngày nay tất cả các chính sách, pháp luật của tất cả các quốc gia đều ưu tiên Phát triển Kinh tế - Dân giầu rồi Nước mới mạnh. Chính trị - Kinh tế - Xã hội đều là những trụ cột lớn nhất, trong đó Chính trị sai lầm và Tham nhũng là tiền đề cho sự bất ổn của một Quốc gia - Dân tộc.

Lịch sử loài người từ khi có tiền và giai cấp thì Người kinh doanh - Nay gọi chung là Doanh nhân - sản xuất rồi đưa hàng từ nơi thừa đến nơi thiếu. Sức lao động, Tài nguyên chỉ trở thành Hàng hóa nếu có Doanh nhân. Từ xưa, dân gian ta vẫn gọi chung là Thương nhân và ít có phân biệt giữa buôn bán và sản xuất, quan niệm này đến nay lại đúng với Học thuyết Kinh tế học hiện đại. Do chuyện Thương nhân mua rẻ, bán đắt hay biến việc bán tất cả các loại sản phẩm thành Hàng hóa có lãi nên trong gần hết chiều dài lịch sử xã hội loài người từ cổ xưa đến cận đại đều coi khinh Doanh nhân cho họ là xảo trá, tham ác là loại người thấp kém nhất trong xã hội.

Chế độ phong kiến ở Việt Nam cũng như nhiều nước phương Tây thời cổ đều có Luật, Lệ cấm không cho con nhà Thương nhân được đi học, đi thi, không được ra làm quan. Đến gần nửa đầu thế kỷ XVI, khi các giáo sỹ và thương nhân Tây phương đến Việt Nam vào năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533) đời Vua Lê Trang Tông cho mãi đến gần cuối thế kỷ XIX, lần đầu tiên vào Năm Tân Tỵ *(1881 - Tự Đức thứ 34)* có Quan Lê Đĩnh đi sứ ở Hương Cảng (Hongkong) về tâu: *"Các nước Thái Tây mà phú cường là chỉ cốt ở việc binh và việc buôn bán. Lấy binh lính mà bênh vực buôn bán, lấy việc buôn bán mà nuôi binh lính. Nước ta, người khôn ngoan, lại có lắm sản vật, nên người ta mà làm thì cũng có thể giữ được quyền độc lập của nước nhà"*.Vua Tự Đức nghe xong nói:*" Được"* rồi giao cho các quan bàn.

Hàn Lâm Viện Phan Liêm viết sớ tâu *: "Cho mở rộng sự buôn bán, sự chung vốn lập hội, cho người đi học nghề khai mỏ,..."* Vua Tự Đức giao cho đình thần xét

thì các quan bàn việc buôn bán không tiện (!) Vua Dực Tông (Tự Đức) khuyên các quan nghĩ cho kỹ, nên làm cho tiến bộ, ... Chiếu ban ra viết:*" Xét lời ấy thì không phải Vua không muốn thay đổi. Chỉ vì Vua ở trong cung điện, việc đời không biết rõ, phải lấy các quan làm tai làm mắt, mà các quan thì lại số người biết thì ít, số người không biết thì nhiều,... Lại có lắm người tự nghĩ mình đã có quyền cả ngôi cao, thì tất giỏi hơn người, chứ không hiểu rằng cái tài giỏi không cần phải nhiều tuổi, sự khôn ngoan không phải là làm quan to hay quan nhỏ. **Cái phẩm giá con người cốt ở tư tưởng, học thức, chứ không phải ở tiền của hay là ở quyền tước**"*.

Nhưng cũng không ai thi hành!

Sau thời gian này lần đầu tiên trong sử sách nước có xếp hạng dân là ***" Sỹ, Nông, Công, Thương"***. Như vậy Doanh nhân vẫn là dân loại bét. Sau khi xếp hạng dân, lệ Vua ban ra cứ 3 năm thi Hương, các quan từ Kinh đi ra coi thi có dương biển lên phía trước đề*: "Phụng chỉ cầu Hiền"*. Mới thấy ý nghĩa của thi cử ngày trước khác bây giờ, không phải để lấy bằng cấp, mà để tìm người Hiền Tài, nhưng rút cục sự trớ trêu là con nhà Thương nhân vẫn không được tham gia thi cử!

Sự hạn chế lịch sử này giải thích hai sự việc trước đó,năm Bính Dần (1866 - Tự Đức thứ 19) có Nguyễn Đức Hậu, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Điều ở nghệ An đi học ở Tây về có viết điều trần về văn minh ở Tây lên Vua Dực Tông (Tự Đức) vua giao cho đình thần xét duyệt, xem xong bảo nói càn, bỏ đi. Lại đến năm Mậu Thìn (1868 - Tự Đức thứ 21) có Đinh văn Điền người Ninh Bình dâng sớ tâu Vua Tự Đức phải cho *:" mở doanh điền, khai thác mỏ vàng, làm tầu hỏa, cho người Tây vào buôn bán để luyện tập sỹ tốt, thêm lương thực, bớt sưu dịch cho dân, thưởng người có công, nuôi người bị thương, người tàn tật,..."* Vua giao cho đình thần xét, cho là không đúng, bác bỏ đi - *Việt Nam sử lược, Đại Nam Thực lục chính biên - sách đã dẫn.*

Tại các nước phương Tây, sau Cách mạng Tư sản Hà Lan 1566 - 1572, cuộc Công nghiệp lần thứ nhất đã bắt đầu đưa vị trí Doanh nhân là Động lực quốc gia. Ở Việt Nam, thời kỳ phong kiến và tàn dư tư tưởng phong kiến còn kéo dài đến tận thời hiện đại. Sự định kiến cố hữu Doanh nhân (Tư nhân) từ thời phong kiến vẫn còn đến tận ngày nay nên đã có lúc lấy cơ bản cho Quốc gia chỉ có *" Công - Nông",* sau thì thêm *"Trí"*. Đến sau Đổi Mới 1986, định kiến này mới dần được chỉnh sửa với chính sách cho phép 5 thành phần kinh tế cạnh tranh bình đẳng,

nhưng Tham nhũng, Lãng phí, Tiêu cực chỉ dần hạn chế từ sau Đại Hội toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII / 2016 đến nay.

Ở đây, quan điểm NHÂN DÂN chưa được xác nhận rõ ngay cả từ câu chữ, chúng ta không thấy trong ngôn ngữ tiếng Việt chữ *“ Tư Nhân”* là chỉ một thực thể Người trong Cộng đồng Dân tộc, vì vậy Tư nhân là bao gồm nhiều người chính là NHÂN DÂN. Vậy thì sự phân biệt Doanh nghiệp Nhà Nước với Doanh nghiệp Tư Nhân không thể kinh doanh bình đẳng, lành mạnh nếu không có Nhân Dân! Ở đây cần phân biệt các Đại gia Kinh tế làm giầu bất chính khi là “Nô tài” cho quan chức thoái hóa, biến chất, tham nhũng lũng đoạn chính trị, kinh tế, xã hội đang dần bị bắt đưa ra xét xử.

Trước đây trong giai đoạn suy thoái lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa của một bộ phận Cán bộ Đảng viên đã xa rời Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lý tưởng Cộng sản. Tại sách Hồ Chí Minh tuyển tập có ghi: "*Tháng 2/1951, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ Tịch Hồ Chí Minh nói: “Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của Dân tộc Việt Nam”. Và đến nay trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng khoá X ghi “Đảng CSVN là đội quân tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc”.*Vấn đề lớn như vậy đã gây không ít những bất bình xã hội trong những năm trước 2016. Trên đây chúng ta sơ lược những vấn đề lịch sử xã hội dẫn đến hạn chế Nhân Tài - Doanh Nhân chân chính trong sản xuất kinh doanh ở Việt Nam.

Vậy thế nào là Doanh nhân - là Người Tài trong sản xuất kinh doanh ở hoàn cảnh kinh tế xã hội Việt Nam không coi trọng doanh nhân? Trước hết nói về Người Tài - Nhân Tài, đây là phạm trù rộng, đã và đang gây tranh cãi trong suốt lịch sử loài người từ khi có giai cấp đến nay. Tuy nhiên có thể cùng có chung một điểm là: *“Người có năng lực vượt lên trên những người trong một nhóm, một cộng đồng hay trong một xã hội tại một không gian, thời gian nhất định”* - Nếu với khái niệm này, người Tài bao hàm cả Thiện và Ác, Tốt và Xấu. Người Tài dù là thứ hạng nào về bản chất phải có hai điều kiện Cần và Đủ:

- Một là điều kiện Cần : Thứ nhất là trí thông minh và ý chí do di truyền của Cha Mẹ hoặc thậm trí là gien trội về thông minh từ đời ông bà, tổ tiên Nội, Ngoại truyền qua Cha Mẹ thì lặn, đến con cháu mới trội. Trí thông minh thì không bồi dưỡng đào tạo được, đây là một bí ẩn của Tạo hóa vì ngay trong những gia

đình được xã hội tôn vinh là DANH GIA VỌNG TỘC thì mỗi đời, thậm chí mấy đời mới có một vài người được xã hội coi là Nhân Tài. Ngạn ngữ Việt nam có nhiều câu đúc kết như: *" Con Dòng,Cháu Giống,../Lấy vợ kén Tông, Lấy chồng kén Giống,.../ Con nhà Tông không giống Lông cũng giống Cánh."*

- Hai là điều kiện Đủ: Thứ hai là phải có sự tự rèn luyện, thậm chí là khổ luyện. Tố chất thứ hai này có sự khởi đầu là ở Gia phong , người xưa có nói:*"Sống để Đức cho con cháu"* là nói đến Gia phong. Thực tế lịch sử xã hội cho thấy những gia đình nề nếp, gia giáo - có GIA PHONG, không cứ là giầu nghèo, sang hèn *(Ở đây là nghĩa Hán Việt .Chữ SANG là chỉ người có địa vị, chữ HÈN chỉ người Dân không có địa vị, không phải theo nghĩa là hèn hạ, hèn nhát)....* thì con cháu đều thành đạt cấp độ có khác nhau nhưng ít nhiều đều ở một trong các thứ hạng của Nhân Tài. Xét thấy con các Gia đình giầu có thường ít Người Tài. Sự thành đạt còn ẩn chứa cả di truyền và trong hoàn cảnh sống mà thường là khó khăn nhưng có nếp nhà là: *"Đói cho sạch, Rách cho thơm"* và "*Giấy rách thì giữ lấy lề"* dù trong cảnh bần hàn không bị biến chất. Cổ nhân còn có câu "*Mới hay Loạn Thế xuất Anh hùng"* hoàn cảnh sống chính là thử thách để phân định Người đó có là Người Tài hay không, lại có câu ca dao:*"Gừng già, Gừng rụi, Gừng cay. Anh Hùng càng cực, càng dày nghĩa Nhân."*

Sự rèn luyện tự học hỏi là yếu tố Đủ để trở thành Tài. Không có rèn luyện thì dù có thông minh mấy thì cục thép tốt cũng như cục gang. Có khổ luyện thép mới trở nên sắc bén, sáng bóng. Còn gang thì ngược lại, càng rèn giũa càng nứt gẫy,càng đen xấu, rèn quá mức còn tan vỡ - Đây chính là tố chất di truyền ẩn sâu bên trong của Nhân Tài. Tôi cho rằng trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực kinh tế nên dùng danh xưng cho những người lãnh đạo, quản lý này là DOANH NHÂN có lẽ dễ hiểu hơn. Nếu như chúng ta tạm đưa ra một khái niệm Doanh Nhân là: *"Người sống hưởng lợi từ năng lực kinh doanh của mình"*, cũng như Người Tài, Doanh nhân cũng sẽ có Thiện - Ác, Tốt - Xấu.

Khảo sát và nghiên cứu tại Việt Nam cũng như nhiều nước phát triển trên thế giới về động cơ mục đích Doanh nhân, thì nguyên nhân chính, mục đích chính ban đầu đưa con người tham gia vào sản xuất kinh doanh **là do sự đói khổ phải kiếm sống** cho bản thân, gia đình rồi trải nhiều gian nan, tự học, tự rèn luyện vượt lên trở thành những Doanh nhân lớn thì họ mới chú ý tới lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia. Sự việc này rất dễ thấy khi quan sát người buôn bán nhỏ ngoài chợ, để bán được nhiều hàng, có lãi và bán hàng bền vững, họ phải tự rèn luyện, học hỏi

không ngừng để tồn tại giữ lợi ích cho bản thân, mà vì thế cộng đồng, xã hội được hưởng lợi từ hàng hóa dịch vụ tốt của họ. Trong lịch sử Việt Nam, cũng như Thế giới, những Doanh nhân *" Thuần túy hay Hoàn hảo"* gần hết không tham gia chính trị vì một lẽ đơn giản - Họ đã chọn và đeo đuổi một mục đích là - **Lợi**.

Trên cõi Trần gian này con người ta tranh giành không ngừng chỉ vì hai mục đích: ***Danh và Lợi***. Người khôn ngoan thì chỉ chọn một trong hai thứ đó vì Lợi lớn thành Danh, Danh lớn có Lợi. Kẻ tham tối thì cùng theo đuổi cả hai nên thường không lâu bền. Đôi khi kết cục rất bi thảm !

Thực sự Người Tài hay Doanh nhân trong sản xuất kinh doanh mới được coi trọng từ sau công cuộc Đổi Mới 1986 do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng đến nay. Khi mà môi trường xã hội chưa hoàn thiện về lối sống *" Dở Tây, dở Tầu"*, pháp luật chồng chéo, chưa thi hành Luật nghiêm túc, sản xuất chủ yếu là khai thác xuất khẩu nguyên liệu thô không qua chế biến, gia công nguyên liệu bán thành phẩm, lại tập trung kinh doanh trong một số tổ chức độc quyền *" Bố làm Chính sách, Con làm Kinh tế"* . . . Vì vậy tệ Người Giả thì có Hàng Giả là tất yếu. Lẽ dĩ nhiên Người giả, Hàng giả chưa thể chấn chỉnh trong một sớm một chiều, nhưng đang dần thui chột trước chiến dịch bài trừ Tham nhũng, Tiêu cực ngày một sâu rộng từ sau Đại Hội Đảng khóa XII / 2016 đến nay đã thắng lợi được thể hiện trên bề nổi là tệ nạn xã hội, buôn lậu Heroin, tín dụng Đen,... cùng nhiều thứ " TỆ" khác đang biến dần vào bóng tối. Trong Nước ta có không ít các Doanh nhân Chân chính, lao động khổ mình, nhọc sức cả đời để có tiền của, họ có cuộc sống cá nhân đơn giản, uyên thâm trải đời qua nhiều gian nan nên giấu mình. Thực ra quy luật sống của những người này không khác mấy những Tỷ Phú Dolars trên thế giới như nhận định của tạp chí FORBES - Mỹ: *" Nếu hỏi họ là ai thì ở ngay chính quê hương không ai biết họ là tỷ phú"*. Phim ảnh, các tiểu thuyết, phóng sự, báo chí, . . . với mục đích lỳ kỳ, giật gân để kiếm tiền đã từ một vài tỷ phú xa hoa dựng thành một hình ảnh tiêu biểu, méo mó cho tất cả Doanh Nhân Việt Nam cũng như trên Thế giới. Những hình ảnh Doanh nhân trên quảng cáo, trên phim ảnh chỉ đúng với các Đại Gia Nô tài rửa tiền.

Tôi xin trích một đoạn ngắn khá trữ tình trong Lời giới thiệu cuốn sách " Honda sự thành công trên đất Mỹ " xuất bản năm 1993 của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia mà tôi cho rằng rất hay *" Thực tế cuộc sống cho thấy rằng, kinh doanh không phải là thứ có sẵn trời cho, càng không phải ai cũng biết kinh doanh. Kinh doanh đã trở thành một nghề có tính công nghệ và nghệ thuật cao. Vì vậy, để có*

thể thành công trong nghề kinh doanh không phải là một việc đơn giản. Nó đòi hỏi phải dày công khổ luyện và học hỏi, phải lăn lộn vất vả trong trường đời, đôi khi còn phải kiên nhẫn gánh chịu thất bại, đắng cay trong buổi ban đầu dựng nghiệp".

Nhân Tài Doanh nhân phát sinh từ cuộc đấu tranh tồn tại giữa Đói Khổ và Giầu Có một đời người vì vậy không thể đào tạo được Doanh nhân. Sự đào tạo quản trị kinh doanh ở Thế giới và nước ta duy nhất tạo ra các Chuyên gia làm công, ăn lương để làm một công việc chuyên trách như quản lý, hành chính, hậu cần, hoặc kế toán trong một tổ chức kinh doanh - Những người này gần như không bao giờ trở thành Doanh nhân. NHÂN TÀI là chữ đã Việt hóa bao hàm tất cả, dễ viết, dễ hiểu. Nhân thì ai ai cũng biết là Người - xin nhắc lại lời Thánh Nhân Nguyễn Ái Quốc trong Hồ Chí Minh tuyển tập:

"Suy cho cùng mọi sự ở Đời là Sống và Làm Người"

Chữ Việt đa ngôn rất Ác khi nói: *"Người - Ngợm, Con - Người,...."* Vì vậy LÀM NGƯỜI không dễ, hãy trở lại quan điểm đánh giá phẩm giá làm Người của Vua Tự Đức: "*Cái phẩm giá con người cốt ở tư tưởng, học thức, chứ không phải ở tiền của hay là ở quyền tước"* rồi hãy nói đến trọng dụng Nhân Tài. Thiên Khổng Tử Thế gia - Sử ký Tư Mã thiên ghi Khổng tử nói: *"Cái mà thật cứng mài cũng không mòn, cái mà thật trắng nhuộm cũng không đen".*

Ở Hoa Kỳ, trong Toà nhà Quốc Hội ở Washington D.C có tượng các Danh Nhân, các nhà Tỷ phú đã có công đáng kể vào xây dựng sự hùng cường của nền Kinh tế - Văn Hóa Mỹ. Tôi hy vọng rồi đây tại Việt Nam sẽ có tượng những Danh nhân và Doanh nhân Chân chính đã đóng góp xứng đáng vào kỳ tích xây dựng phát triển Văn hóa - Kinh tế - Xã hội cho Công cuộc Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá Nước nhà trở thành Cường quốc trong tương lai gần. Trên đây tôi cũng xin mạo muội góp một số thiển ý để tham gia Hội thảo.

NHỮNG PHẨM CHẤT CAO QUÝ CỦA DANH NHÂN

GS.TS PHẠM TẤT DONG

Mấy lời nói đầu:

Năm 1869, Frencis Galton (1822 – 1911) cho ra đời tác phẩm "Thiên tài được di truyền: Khảo cứu về các quy luật và hậu quả của nó. Bằng phương pháp thống kê để phân loại những con người xuất chúng và họ hàng của họ theo trình độ năng khiếu, Galton đưa ra một luận điểm: "*Năng lực và tài năng phụ thuộc cả vào tính di truyền lẫn môi trường xã hội"*.

Sau Galton nhiều năm, ta thấy xuất hiện V.Efroimson trong lĩnh vực nghiên cứu di truyền và tài năng. Tại Đại hội toàn liên bang Xô Viết về di truyền học năm 1978, Efroimson công bố một phần kết quả của mình, đáng chú ý là một tổng kết với một cụm từ: Tam đoạn thức của tài năng[41]:

- Sự nảy sinh tài năng tiềm tàng - đó là vấn đề sinh học và di truyền học.
- Sự phát triển và hình thành tài năng - đó là vấn đề sinh học - xã hội.
- Sự thực hiện tài năng - đó là vấn đề xã hội.

Bình luận về "Tam đoạn thức của tài năng", M.Golubovsky viết: *Nếu tính xấp xỉ đại khái thì tần số sản sinh những người tài năng lớn vào khoảng một trên vài ba nghìn người. Nhưng người có khả năng phát triển thành tài năng thực sự trên thực tế chỉ vào khoảng một trên một triệu người. Và cuối cùng, số tài năng đặc biệt (thiên tài – tác giả chú thích) chỉ có khoảng một trên mười triệu người.*

Golubovsky nhấn mạnh: "Bà mẹ tự nhiên" đã gửi đến cho thế giới những tài năng với số lượng khá nhiều. Song các yếu tố sinh học – xã hội và xã hội đã có tác dụng như một cái lọc, một cái van, chỉ để cho một số ít tài năng lọt qua".

Tuy tạo hóa tỏ ra rất hào phóng ban cho mỗi người khả năng phát triển thành tài, nhưng để thành tài lại chỉ thấy ở một số ít. Trong "Bình Ngô đại cáo", Nguyễn

[41] Xem M.Golubovsky – Tạm đoạn thức của tài năng. Bản tiếng Nga, Thế Trường dịch sang tiếng Việt, Phạm Hoàng Gia hiệu đính. Bản tiếng Nga trong Tạp chí "Tri thức", số 9/1986. Tài liệu tham khảo trong tủ sách của Ban Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.

Trãi đã nói rằng, trong thiên hạ, “*nhân tài ít như lá mùa thu, tuấn sĩ thưa như sao buổi sớm”* là như vậy.

Khi viết tác phẩm về trí thức Việt Nam, tôi nhờ Giáo sư Phan Huy Lê cho ý kiến về sự xuất hiện các thiên tài ở Việt Nam, ông cho biết, nói những thiên tài như Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Hồ Chí Minh thì trong gần 10 thế kỷ (tính từ khi xây dựng Quốc Tử Giám đến thời điểm kết thúc nền Nho học ở nước ta) chỉ thấy có 7 người, và các nhà khoa bảng thì chỉ có 2898 vị. Quy luật hình thành và phát triển tài năng trong các nước trên thế giới là hoàn toàn như nhau. Nếu tìm đến những tên tuổi như Mozart, Betthoven, Léona de Vinci, Isaac Newton, Gauss, Puskin, Vichto Hugo, Napoléon, Karl Marx... thì vì tất đã đạt con số 500 người!

Cha ông ta dùng từ nói về danh nhân rất chính xác – những bậc **Hiền tài** – những con người **tài giỏi** và **đức độ** và khẳng định **Hiền tài** mới là **nguyên khí quốc gia.**

Những Danh nhân, những bậc hiền tài là những người học cao, hiểu rộng, nhìn xa..., nhưng lại là người mà thiên hạ biết ơn họ ở sự đóng góp to lớn cho xã hội, ở lòng yêu nước, ở tinh thần phục vụ vô điều kiện cho người dân. Danh nhân là người có học, còn những người học nhiều mà không gắn sự nghiệp của mình với sự hưng thịnh quốc gia, với sự tồn vong của dân tộc và với sự đóng góp cho nhân loại thì chỉ là người được học mà thôi.

Xã hội cất công đào tạo nhân tài và kỳ vọng nhân tài mang trí tuệ, sức lực của mình phục vụ xã hội, đúng như Hoàng đế Quang Trung viết trong “Chiếu cầu hiền”: *Nhân tài mà ẩn giấu đi thì không đúng với ý Trời sinh ra người tài vậy.*

II. Những nét đặc trưng của các bậc hiền tài

1. Suốt đời gắn bó với dân

Những người thành danh trong xã hội đều sống trong lòng dân vì một lẽ dễ hiểu: Họ luôn vì dân. Học được dân coi là những **trí nhân**. Trí là sự hiểu biết, là sự trong sáng, tỏ tường, thông minh. Trí là kết quả học tập, tu dưỡng lâu dài.

Nói một cách khái quát, người thành đạt đến bậc trí giả *luôn thấy trước được điều mà người khác chưa thấy, luôn lo trước những việc mà người khác chưa lo*. Họ có được phẩm chất ấy do họ luôn sống vì dân, và biết ơn dân. Daisaku Ikeda – nhà triết học, nhà giáo dục, chủ tịch danh dự của Soka Gakkai (Nhật Bản) – viết rằng: “Trí thức luôn thấy mình mắc nợ xã hội, vì xã hội đã ứng trước học vấn cho họ”. Điều này tạo nên lẽ sống của danh nhân. Ikeda nhấn mạnh rằng, *người trí thức, bậc trí nhân không gắn mình với nhân dân thì chính họ đã làm mất sự thông tuệ của mình.*

2. Suốt đời thực hiện những hành trình hướng tới và kiến tạo tri thức

Hồ Chí Minh là một điển hình về con người thực hiện hành trình hướng tới tri thức (The Journey to get knowlegde) và hành trình kiến tạo tri thức (The Journey for creating knowlegde): tìm kiếm tri thức cứu nước để tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, tìm kiếm tri thức để tiến hành sự nghiệp thống nhất nước nhà để chỉ đạo cuộc chiến tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam, thống nhất Tổ quốc. Hai hành trình tìm kiếm tri thức và sáng tạo tri thức nối tiếp nhau tạo thành những chu kỳ, và khi chu kỳ này kết thúc thì ngay lập tức lại bắt đầu một chu kỳ mới. Các chu kỳ đó diễn ra trong suốt đời, mà đời nay, nhân loại gọi đó là "Học tập suốt đời" "Lifelong Learning). Hồ Chí Minh đúc kết hành trình hướng tới tri thức và sáng tạo tri thức thành một "tam đoạn thức học tập".

"Học không bao giờ cùng
Học mãi để tiến bộ mãi
Càng tiến bộ, càng thấy cần phải học thêm[42]"

Mọi danh nhân, mọi nhân tài đều đi trên con đường này. Không ai thành danh mà lại không học, không ai học ít mà thành danh. Học tập trong trường học, học tập tại gia đình, học tập tại nơi làm việc, học tập trong các phòng thí nghiệm, trong các đợt nghiên cứu khoa học... phải là một hành trình tiếp cận, truy cập, chiếm lĩnh, sử dụng và sáng tạo tri thức mới. Đó là cái nghiệp của các người tài (nhân tài), của người thành đạt và thành danh.

Trong lịch sử Việt Nam, những nhà khoa bảng thời Nho học có 2898 vị. Tất cả xuất thân từ sự khổ công học tập – Đoàn Tử Quang (1818 – 1928) là một điển hình: Tính đến khi 66 tuổi, ông đã đi thi 20 lần, nhưng chỉ đỗ Tú tài lần thứ nhất vào năm 49 tuổi và lần thứ hai vào năm 66 tuổi. Đến năm 1990, do yêu cầu của dân làng và của mẹ già, Đoàn Tử Quang đi thi lần thứ 21, khi đó đã 82 tuổi.

Thời hiện đại, ở Việt Nam có hàng nghìn nhà khoa học, nhà văn, nhà chính trị thể hiện nghị lực học phi thường. Điển hình như Phạm Quang Lễ tức Trần Đại Nghĩa (13/9/1913 – 9/8/1997), đã tốt nghiệp cử nhân toán và kỹ sư tại trường Bách Khoa Paris (École Polytechnique), Đại học Mở Paris (École national supérieure des mines), Đại học Điện (École Électrique), Đại học Sorbone, Đại học Cầu – Đường (École de la route et des ponts), sau đó làm việc ở trường Quốc gia Hàng Không và Vũ Trụ của Pháp (École nationale supérieure de l'aéronautique et de l'espace).

[42] Hồ Chí Minh. Thư gửi "Quân nhân học báo" (4/1949). Toàn tập, Tập V, Nhà XB Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.213.

Ông là tác giả của súng Bazooka, súng không giật (SKZ), bom bay và nhiều loại vũ khí khác, Ông được Nhà nước ta phong là Viện sĩ và Thiếu tướng quân đội Nhân dân Việt Nam.

3. Suốt đời học hỏi, tu dưỡng để thực hiện đức liêm chính trong cuộc sống

Trong gần 10 thế kỷ Nho học, những nhà khoa bảng được bổ dụng làm quan thường giữ chữ Liêm hàng đầu. Nhân dân nhìn vào nhà lãnh đạo và đều đánh giá cao những quan **thanh liêm.**

Liêm là một phẩm chất đạo đức được xã hội coi trọng. Tô Hiến Thành (1102 - 1179) là quan đại thần qua 2 triều vua nhà Lý: Lý Anh Tông và Lý Cao Tông, là một tấm gương thực hiện chữ Liêm suốt đời mình.

Vua Lý Anh Tông có con là Long Xưởng là Thái tử, nhưng hư hỏng nên nhà vua truất ngôi, cho con thứ là Long Trát (Long Cán) thế vào. Khi Lý Anh Tông mất, mẹ Long Xưởng cho vợ Tô Hiến Thành rất nhiều vàng bạc, châu báu nhằm Tô Hiến Thành làm di chiếu giả, đưa Long Xưởng lên ngôi. Nhưng, vàng bạc châu báu đã không lay chuyển được ông.

Long Cát lên ngôi năm 1 tuổi, hiệu là Lý Cao Tông. Khi Lý Cao Tông lên 7 tuổi, Tô Hiến Thành ốm nặng, Thái hậu đến thăm và hỏi ông người mà ông chọn thay mình (làm Thái phó nhà Lý), ông đã tiến cử Trần Trung Tá, gián nghị đại phu của Triều đình. Thái hậu ngạc nhiên hỏi:

- Sao ông lại chọn Trần Trung Tá, người ít qua lại với ông, trong khi quan tham tri chính sự Võ Tán Đường thường xuyên túc trực thuốc thang cho ông thì ông lại không giới thiệu?

Tô Hiến Thành đã trả lời rằng, “nếu cần người lo đại sự quốc gia thì cần cử Trần Trung Tá, còn nếu cần người phục dịch cơm nước thì không ai hơn Võ Tán Đường”.

Hồ Chí Minh đã giải thích cho cán bộ về chữ **Liêm** như sau[43]:

- Dìm người giỏi để giữ địa vị và danh tiếng của mình là **tham danh đạo vị.**
- Gặp việc phải mà sợ khó nhọc, nguy hiểm, không dám làm là **tham dật úy lao.**
- Gặp giặc mà rụt rè, không dám đánh là **tham sinh úy tử.**

Những thái độ như thế là **bất liêm.**

Do bất liêm mà đi đến tội ác trộm cắp. Công khai hay bí mật, trực tiếp hay gián tiếp. **Bất liêm tức là trộm cắp**.

Ngày nay, tham nhũng đã trở thành quốc nạn, giống như bạo bệnh ung thư đã di căn tới nhiều tổ chức trong xã hội. Chống tham nhũng chính là chống nạn bất

[43] Hồ Chí Minh – “Cần, kiệm, liêm, chính”. Toàn tập, tập V, Nhà XB Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.231.

liêm đang có nguy cơ tràn lan khắp nơi, đe dọa sự sống còn của quốc gia. Chính vì thế, chúng ta lại càng đòi hỏi ở những người có địa vị cao trong xã hội, những người được nhân dân giao phó công việc phải thật liêm chính, suốt đời trong sạch trong phục vụ nhân dân.

4. Suốt đời cống hiến cho dân, cho nước

Hồ Chí Minh viết:

Sự dân nguyện tận hiếu
Sự quốc nguyện tận trung
(Thờ dân trọn đạo hiếu,
Thờ nước vẹn lòng trung)

"Trung với nước, hiếu với dân" là **lẽ sống** của danh nhân, của những người thành danh trong xã hội từ lịch sử đến hiện đại. Những danh nhân Việt Nam trong thời đại nào, trong lĩnh vực nào cũng có như Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Nguyễn Trãi, Phạm Ngũ Lão, Chu Văn An, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng v.v... Họ là những người sống trong lòng dân, bởi mỗi việc làm của họ đều vì dâu, vì nước.

Ngày nay, đất nước đã có những đổi mới kỳ diệu mà kết quả đó không thể tách rời với sự đóng góp của những danh nhân. Mấy trăm năm trước, Lê Quý Đôn đã tổng kết những yếu tố cơ bản làm nên sự hưng thịnh quốc gia bằng 4 câu ngắn gọn:

"Phi công bất phú.
Phi thương bất hoạt.
Phi nông bất ổn.
Phi trí bất hưng"

Trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước đẩy mạnh các lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế tri thức theo hướng tiếp cận cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Việt Nam đã có một vị trí được thế giới biết đến và tôn trọng.

Tiếc rằng, trong lúc này, không ít cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, một số doanh nhân lớn, một số nhà chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục, y tế, ngoại giao, an ninh, quốc phòng... đã từng có nhiều đóng góp cho xã hội, lại dính vào vòng lao lý. Điều này bắt nguồn từ sự bất liêm, từ việc lẽ sống của họ đã có sự lệch hướng.

III. Tương lai phát triển những tài năng

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và sự chuyển đổi số trong xã hội hiện đại đang thai nghén những mẫu người mới, và những lớp người sinh ra trong thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI trở về sau sẽ có những năng lực mới, những phẩm chất đạo đức mới, và từ đó sẽ **nảy sinh ra những tài năng có sức mạnh tầm cỡ hành tinh, sức mạnh địa chất làm biến đổi bộ mặt trái đất**. Câu nói này của V.I.Vernatsky sẽ rất đúng vào lúc này.

Lực lượng lao động chính trên thế giới hiện nay gồm chủ yếu những người thuộc thế hệ Y (Generation Y – Gen Y). Thế hệ Y còn được gọi là Thế hệ Millennials, tức là thế hệ thiên niên kỷ, trưởng thành trong giai đoạn chuyển giao thế kỷ XX – thế kỷ XXI. Họ là những người đầu tiên tiếp xúc với những công nghệ của thời đại kỹ thuật số. Thế hệ này làm quen dần với thế giới ảo, với mạng xã hội, với các forum hay với blog[(44)]. Ở Việt Nam, vào năm 2020, 37% dân số nằm trong Gen Y[(45)].

Con em Gen Y là Thế hệ Z (Generation Z, Gen Z) sinh ra trong khoảng thời gian 1997 – 2012. Gen Z được gọi là Zoomer Generation. Tính đến năm 2022, thành viên trẻ nhất của Thế hệ Z vừa tròn 10 tuổi và lớn tuổi nhất mới đạt 27 tuổi. Trên báo chí, thế hệ Z được gọi bằng nhiều tên khác nhau như “Thế hệ công nghệ” (Gen Tech), “Thế hệ mạng” (Gen Net). Thế hệ Z thể hiện một lối sống khác rất nhiều so với thế hệ Y, chẳng hạn, họ say mê Smartphone, qua đó kết nối bạn bè rộng rãi, cập nhật thông tin nhanh chóng, trao đổi quan điểm với nhiều người, bắt đầu sống trên mạng xã hội nhiều hơn đàn anh và thành thạo trong việc sử dụng các dịch vụ trực tuyến.

Thế hệ Z đang trải nghiệm thế giới VUCA[46] và sau những đối đầu với những biến động xã hội, họ sẽ trở nên một thế hệ sắc sảo.

Sau thế hệ Z là thế hệ Alpha (Generation Alpha – Gen A), lớp người ra đời vào khoảng thời gian 2013 – 2027. Các cháu nhỏ đang được gửi vào Nhà trẻ hay đang học Mẫu giáo và Tiểu học hiện thuộc vào Gen A. Vào sau năm 2030 mới bắt đầu có lao động thuộc thế hệ này.

Ở những nước phát triển, trẻ em thuộc Gen A được tắm mình vào môi trường số (Digital environment) ngay lúc lọt lòng. Chúng lớn lên cùng với những thế hệ

---

[44] Michael Dimock có bài báo “Defining generation: Where Millennials end and Generation Z begins”, Tháng 3/2018, có thể tham khảo để hiểu sâu hơn về Gen Y.

[45] Thế hệ Y sinh ra trong khoảng thời gian 1981 – 1996.

[46] VUCA là cái tên được ghép bằng 4 chữ cái: V (Volatility: biến động), U (Uncertainty: bất định), C (Complexity: phức tạp), A (Ambiguity: mơ hồ)

công nghệ hiện tại nối tiếp nhau để tạo nên xã hội thông minh. Vì thế, nhiều người coi thế hệ Alpha là những Digital Natives – những người có tố chất kỹ thuật số bẩm sinh. Thế hệ Alpha được gọi bằng nhiều tên như thế hệ kính (Glass generation), thế hệ màn hình (Generation Screenager), thế hệ Internet (iGeneration)...

Người lớn tin tưởng rằng, thế hệ Alpha sẽ tạo ra những khác biệt so với thế hệ cha ông như:

- Sự bùng nổ của những công nghệ cao sẽ giúp cho thế hệ Alpha có năng lực kết nối toàn cầu.

- Thế hệ Alpha là những công dân toàn cầu, sống trong ngôi nhà toàn cầu, ở đó không có bất cứ rào cản nào về ngôn ngữ và văn hóa.

- Thế hệ Alpha sẽ định nghĩa lại những thuật ngữ ta đang dùng hiện nay như Quốc gia, biên giới quốc gia, trường học, hệ thống giáo dục v.v...

- Con em thế hệ Alpha sẽ tạo nên một thế giới ảo và một lối sống và văn hóa sống trong đó.

Chắc chắn, trong cái tương lai ấy sẽ xuất hiện những tài năng kiệt xuất, những danh nhân thời đại mới. Nhưng, dù thay đổi thế nào thì những danh nhân trong lịch sử nhân loại từ ngàn năm qua vẫn được tôn thờ và ghi nhớ đời đời

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Tất Dong (2010). Những phẩm chất nhân cách đặc trưng của người Thăng Long – Hà Nội, Nhà XB Hà Nội, Hà Nội.

2. Phạm Tất Dong (2013). Khuyến tài, Nhà XB Dân trí, Hà Nội.

3. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (2005). Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nhà XB Giáo dục, Hà Nội.

4. P.S Taranov (2000), 106 nhà thông thái. Nhà XB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Ngô Đức Thọ, chủ biên (1993). Các nhà khoa bảng Việt Nam. Nhà XB Văn hóa, Hà Nội.

DANH NHÂN VIỆT NAM TRONG LĨNH VỰC QUÂN SỰ GIỮ NƯỚC

PGS. TS. NGUYỄN VĂN HỮU

Danh nhân nghĩa gốc là tên gọi của những con người cụ thể nào đó và nó có vai trò rất quan trọng trong đời sống của mỗi cá nhân, cộng đồng xã hội. Trong tiến trình lịch sử phát triển ngôn ngữ, trên cơ sở nghĩa gốc, thuật ngữ danh nhân được mở rộng nội hàm, chỉ những người có tài năng xuất chúng, có nhiều cống hiến, đóng góp cho tiến bộ xã hội, có sức lan tỏa, thu hút, tập hợp quần chúng trong cộng đồng noi theo trong suy nghĩ và hành động. Từ nghĩa danh tính (tên gọi) của những con người trong xã hội, Danh nhân là phạm trù được hiểu theo hướng *vinh danh*, ghi nhận, suy tôn công trạng của những cá nhân tài năng, đức độ, có công lao đối với sự tiến bộ của cộng đồng trong các lĩnh vực đời sống xã hội.

Từ điển từ và ngữ Việt Nam quan niệm: "Danh nhân: Người có tiếng tăm lừng lẫy"[47]. Được gọi là danh nhân, khi một cá nhân nào đó có tiếng tắm, có ảnh hưởng sâu rộng tích cực trong cộng đồng ở một hay nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. "Tiếng tăm lừng lẫy" đã ẩn ý trong đó sự ca ngợi, đó là thứ "tiếng tăm" theo nghĩa tốt đẹp. Điều đó cũng khẳng định rằng, không phải người nào đó cứ có "tiếng tăm" trong cộng đồng thì được coi là danh nhân. Trong thực tiễn, chỉ trở thành danh nhân khi cá nhân đó được xã hội suy tôn tài năng, đức độ, công trạng làm thay đổi cộng đồng xã hội theo hướng tích cực, tiến bộ và điều đặc biệt là nó được sàng lọc qua thời gian, trầm tích thành di sản văn hóa. Trở thành di sản văn hóa, trường tồn trong lòng Nhân dân thành biểu tượng bất diệt đó là những danh nhân đích thực nhất, cao cả nhất.

Quan niệm mà *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* cũng như ở nhiều sách Từ điển khác thì các yếu tố tạo nên để được thừa nhận cá nhân nào đó là danh nhân còn chung chung, trừu tượng, chưa có sự định tính và định lượng rõ ràng. "Tiếng tăm lừng lẫy" vẫn chỉ là một cụm từ hàm chứa, nghiêng về sự cảm tính, khó mà đo, đếm được. Mặc dầu đã có nhiều công trình nghiên cứu về Danh nhân, tìm ra được khá nhiều người có tài năng, đức độ, có công trạng, … nhưng cho đến nay chưa có một công trình, một văn bản có tính pháp lý đủ sức thuyết phục về Tiêu chí đánh

[47] Nguyễn Lân, *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, trang 481.

giá, suy tôn, công nhận *danh nhân*. Cho đến nay, việc nghiên cứu những người đã *thành danh* này trong lịch sử quốc gia – dân tộc chỉ là sự tiếp tục làm rõ công trạng, đóng góp, ảnh hưởng, tác động của họ đến đời sống đương đại và các thời đại lịch sử tiếp theo. Yêu cầu có được bộ tiêu chí chuẩn mực đánh giá *thế nào là một danh nhân* ở trong các lĩnh vực đời sống xã hội đang là một sự đòi hỏi đặt ra cần được đáp ứng. Hi vọng Cuộc hội thảo này và nhiều nghiên cứu tiếp theo sẽ có được những ý kiến sát thực, làm cơ sở cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền đưa ra được những chuẩn mực có tính pháp lý để việc nghiên cứu danh nhân của đất nước được thuận lợi hơn. Điều này nếu được khẳng định cũng là một cơ sở để tránh sự tùy tiện khi xác nhận suy tôn danh nhân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm cho *tính khách quan* trong đánh giá, suy tôn danh nhân có cơ sở vững.

Tuy chưa có bộ tiêu chí để xác định danh nhân nhưng trong thực tế đời sống xã hội thì các danh nhân vẫn cứ xuất hiện, được quần chúng trong các dạng cộng đồng xã hội suy tôn và có thể có một chính thể chính trị - xã hội nào đó xác nhận. Tùy theo mức độ tài năng, sự cống hiến và nhiều yếu tố khác nữa…mà "tầm cở", cấp độ, sức lan tỏa của danh nhân đó được ghi nhận, đánh giá, suy tôn một cách tương ứng. Gần như đời sống xã hội có những lĩnh vực hoạt động nào, có bao nhiêu vùng miền, cộng đồng, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp…thì ở đó đều có những danh nhân xuất hiện. Danh nhân có thể được hiểu như người tiêu biểu, đi đầu, có nhiều công trạng với mỗi cộng đồng trong những phạm vi không gian, thời gian nhất định nào đó. Theo đó, có danh nhân ở cộng đồng xã hội ở quy mô nhỏ (vùng miền, ông tổ nghề nghiệp, ngành khoa học…), có danh nhân ở tầm quốc gia – dân tộc…và có không ít danh nhân mà tài năng, đức độ, có công trạng, ảnh hưởng sâu rộng ở tầm nhân loại.

Quân sự là một lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội - lĩnh vực tổ chức và hoạt động đặc thù trong các xã hội có đối kháng giai cấp. Theo nghĩa hẹp, nói đến lĩnh vực quân sự thường là nói đến tổng hợp các tổ chức và hoạt động gắn liền với những thiết chế xã hội đặc biệt như quân đội, cảnh sát, lực lượng phòng vệ dân sự... Thuật ngữ quân sự còn có thể được dùng theo một nghĩa rất hẹp để chỉ tính chất nghiêm minh, dứt khoát, quyết đoán, nghiêm ngặt, sự điều tiết các quan hệ giữa người với người theo thể thức mệnh lệnh - phục tùng, nhiều khi được dùng cả bên ngoài lực lượng vũ trang. Song, theo nghĩa rộng nhất thì thuật ngữ quân sự được dùng để chỉ một lĩnh vực trong toàn bộ đời sống, hoạt động của con người và cộng đồng để phân định với các phạm trù kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội…

của đời sống xã hội nói chung. Tổ chức và hoạt động quân sự thường được hiểu là tổng hợp các dạng thức tổ chức và hoạt động xã hội của một quốc gia, trong thời bình hoặc thời chiến, nhằm xây dựng, củng cố, tăng cường và sử dụng có kế hoạch tiềm lực quân sự mọi mặt để tiến hành chiến tranh - có thể là chiến tranh xâm lược của tổ chức và hoạt động quân sự của các nước đế quốc, hoặc là chiến tranh bảo vệ đất nước khi bị xâm lược. Lĩnh vực quân sự cũng không chỉ hiểu một cách thuần túy là lực lượng quân sự, tác chiến quân sự…mà nó hàm chứa trong đó nhiều thành tố như chính trị quân sự, kinh tế quân sự, hậu cần quân sự, kỹ thuật quân sự, tư tưởng quân sự, đường lối quân sự, chiến lược quân sự, nghệ thuật quân sự…

Trong đời sống của xã hội mấy nghìn năm dựng nước, giữ nước Việt Nam, quân sự là một lĩnh vực chiếm tỷ trọng khá nổi trội so với các lĩnh khác. Là một quốc gia – dân tộc hình thành, phát triển từ rất sớm lại có vị trí đắc địa trên nhiều phương diện nên Việt Nam từ lúc lập quốc đến nay phải chống chọi không biết bao nhiêu là thứ giặc, trong đó đặc biệt là giặc ngoại bang xâm lược. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, kể cả những lúc phát triển cao, thì nước ta vẫn là một nước dân số không quá đông, đất không rộng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng có hạn. Nước Trung Hoa phong kiến láng giềng là nước đông người, phát triển nền văn minh sớm, một nước mạnh với tư tưởng đại bá, coi nước mình là trung tâm Thiên hạ, các dân tộc Man, Di, Nhung, Địch xung quanh hiển nhiên là phải thần phục. Trong các hướng bành trướng của tập đoàn thống trị phương Bắc bấy giờ thì hướng Nam là thuận lợi và quan trọng nhất. Do đó, Việt Nam luôn là trọng điểm bành trướng của các vương triều phong kiến Trung quốc. Bởi chiếm được Việt Nam, không những để cướp đoạt đất nước này, mà còn mở đường xuống Đông Nam Á và xoá bỏ được một ngọn cờ, một tấm gương chống xâm lược của các dân tộc bị áp bức ở Nam Trung Quốc. Tất cả các triều đại phong kiến thống trị ở Trung Quốc: Tần, Hán, Tuỳ, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh - các đế chế mạnh bậc nhất thế giới lúc đó - ít là một lần, nhiều là ba lần, xâm lược thống trị nước ta. Khi không trực tiếp gây chiến tranh xâm lược thì họ cũng thường xuyên nhòm ngó, khiêu khích lấn chiếm, gây mất ổn định đối với nước ta. Đến thời cận hiện đại, dân tộc ta lại còn phải đương đầu với những đế quốc mạnh bậc nhất thế giới: Pháp, Nhật, Mỹ,…

Ít có dân tộc nào như Việt Nam, trong mấy ngàn năm lịch sử đã có hơn 1.000 năm phải trực tiếp cầm vũ khí chống ngoại xâm. Nếu chỉ tính từ khi có sử liệu ghi chép rõ ràng thì từ cuộc kháng chiến chống Tần xâm lược nước Âu Lạc đến nay,

22 thế kỷ, dân tộc ta đã phải trực tiếp kháng chiến suốt 13 thế kỷ, trong đó có khoảng 100 cuộc khởi nghĩa quy mô lớn và hơn 10 cuộc kháng chiến giữ nước. Một đất nước sinh ra và phát triển trong cuộc vật lộn không cân sức, trải nhiều biến cố như vậy, cho nên mọi hoạt động vật chất, tinh thần của dân tộc ta luôn phải tuân theo quy luật xuyên suốt: dựng nước đi đôi với giữ nước. Chính trong cuộc trường chinh trực diện chống xâm lược, đề phòng với sự rình rập, đe dọa, lăm le xâm lược, lấn chiếm của các thế lực ngoại bang… của nhân dân Việt Nam mà những tài năng xuất chúng, có cống hiến to lớn trong lĩnh vực quân sự cứu nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc của Việt Nam đã xuất hiện.

Việt Nam có vô số những danh nhân có sức sống trường tồn trong lòng tuyệt đại quần chúng nhân dân và được các chính thể ở tầm quốc gia – dân tộc (Quốc Tộc) ghi nhận. Các danh nhân ở tầm cao ấy đã trở thành quốc hồn, quốc túy, là người "đại diện", niềm tự hào kiêu hãnh của nhân dân, của Quốc gia – Quốc tộc Việt Nam. Do hoàn cảnh lập quốc, dựng và giữ nước và nhiều yếu tố khác chi phối mà trong mấy nghìn năm lịch sử của Quốc Tộc Việt Nam danh nhân được nhân dân suy tôn cũng như các chính thể xác nhận liên quan đến sự nghiệp quân sự giữ nước (danh nhân quân sự) có số lượng rất lớn, chiếm tỷ trọng cao so với các dạng danh nhân trong các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Từ điển thuật ngữ quân sự quan niệm "Danh nhân quân sự: Người có tài năng, danh tiếng trong các lĩnh vực hoạt động quân sự được nhà nước đánh giá, ghi nhận và được nhân dân thừa nhận, suy tôn. Danh nhân quân sự phải là người có đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giành và giữ nền độc lập, tự do của dân tộc hoặc phải có những thành tựu đặc biệt xuất sắc trong nghiên cứu và phát triển lý luận khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật quân sự, khoa học xã hội nhân văn quân sự"[48].

Sự định tính về các yếu tố suy tôn và cộng nhận danh nhân trong lĩnh vực quân sự ở quan niệm này là khá rõ. Tuy nhiên, việc nghiên cứu danh nhân trong lĩnh vực quân sự cũng không phải là công việc dễ dàng mà gặp không ít những khó khăn, phức tạp.

Các danh nhân trong lĩnh vực quân sự của lịch sử truyền thống dân tộc từ trước năm 1930, về cơ bản họ đã được nghiên cứu, làm rõ. Họ là người đã *thành danh*, được tuyệt đại quần chúng nhân dân trong các thời đại lịch sử suy tôn, ghi

[48] Bộ Quốc phòng-Trung tâm Từ điển quân sự, Từ điển thuật ngữ quân sự, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007, trang 204.

nhận tài năng, đức độ, công trạng với quốc gia – dân tộc. Việc tiếp tục nghiên cứu của giới khoa học, của các cơ quan chức năng hiện nay chủ yếu là bổ sung, làm rõ thêm tài năng, đức độ, công lao của các danh nhân. Cá biệt mới có những chứng kiến khác nhau về một danh nhân nào đó. Điều này có thể do có thêm những nguồn sử liệu mới hoặc có thể có sự khác nhau về quan điểm xem xét, đánh giá và những biến chuyển trong cách nhìn nhận các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

Qua thực tiên hoạt động nghiên cứu danh nhân nói chung, danh nhân trong lĩnh vực quân sự nói riêng, tôi nhận thấy, việc nghiên cứu danh nhân Việt Nam xuất hiện trong thời kỳ đương đại tưởng là thuận lợi nhưng không hẳn vậy mà ở góc độ nào đó còn khó khăn hơn so với nghiên cứu danh nhân trong truyền thống lịch sử của dân tộc. Nghe qua có vẻ là nghịch lý, nhưng thực tế có nhiều vấn đề đúng vậy.

Trong khuôn khổ bài tham luận Hội thảo, tác giả bài viết không có ý định trình bày bức tranh tổng thể và cụ thể về danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực quân sự giữ nước, bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề đó đã được thể hiện khá rõ trong nhiều công trình khoa học cũng như trong chính đời sống xã hội. Chúng ta có thể tìm hiểu trong các công trình nghiên cứu trực tiếp về danh đã được công bố, như: *Danh tướng Việt Nam* (trọn bộ 5 tập) Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội 1996-2004 của tác giả Nguyễn Khắc Thuần; *Tư tưởng nhân văn quân sự của các danh nhân tiêu biêu trong lịch sử dân tộc Việt Nam* (5 tập), Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2017, của nhiều tác giả thuộc Viện Khoa học Xã hội Nhân văn quân sự Bộ Quốc phòng; và rất nhiều sách khác …

Các danh nhân trong lĩnh vực quân sự giữ nước Việt Nam có xuất thân từ nhiều nguồn khác nhau. Họ có thể là từ người nông dân lao động, là quan lại ở địa phương, ở triều đình, có thể là quan võ hay quan văn không hoạt động chuyên trách về quân sự. Nhưng điểm có chung là, khi trở thành danh nhân trong lĩnh vực quân sự thì trước thời điểm đó họ đã có quá trình gắn liền với các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống ngoại bang xâm lược. Hay nói khác hơn, tuy nguồn xuất thân khác nhau, nhưng các danh nhân quân sự trong đều có quá trình gắn bó, trưởng thành với hoạt động quân sự giữ nước. Họ có thể là lãnh tụ của một phong trào khởi nghĩa chống xâm lược, có thể là một tướng lĩnh trong một cánh quân và cũng có thể là vị vua điều hành chiến tranh chống xâm lược ở tầm quốc gia…và cũng không ít những danh nhân quân sự khi họ chỉ là một chiến sĩ tiên phong trước mũi sung quân thù.

Dù ở cương vị nào, là danh nhân trong lĩnh vực quân sự họ đều có những người con tài năng, sáng tạo, mưu trí, dũng cảm kiên cường, bất khuất, luôn sẵn sang xả thân vì sự nghiệp cứu nước, cứu dân. Họ là những Anh hung, mãi mãi là tấm gương sáng, là biểu tượng cao đẹp của một dân tộc Anh hung.

Các danh nhân trong lĩnh vực quân sự giữ nước Việt Nam luôn có tư tưởng gần dân, dựa vào dân, tập hợp, quy tụ lòng dân để tạo nên sức mạnh vô địch trước mọi đối thủ là quân xâm lược. Chính các danh nhân quân sự giữ nước Việt Nam trên từng cương vị nhất định, họ chính là lớp người tiên phong trong các thời kỳ lịch sử đương đại dẫn dắt, quy tụ, tập hợp quần chúng nhân dân thực hiện các cuộc khởi nghĩa toàn dân, các chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện để đủ sức kháng cự, chiến thắng mọi kẻ thù hung bạo, giành, giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc Việt Nam.

GIỮ GÌN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DANH NHÂN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC THỜI KỲ MỚI

TS. NGUYỄN DANH HỮU
Học viện Quân y
TS. NGUYỄN THỊ KIM OANH
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Chủ tịch Sáng lập Viện Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ Đào tạo Nguồn nhân lực
Viện Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ và Phát triển Nhân lực, Nhân tài Việt Nam
Viện Nghiên cứu Danh nhân

Từ điển từ và ngữ Việt Nam, nêu quan niệm: "Người có tiếng tăm lừng lẫy"[49]. Đây là một khái quát trung tính. Cần thấy rằng, bản thân *Danh nhân,* hiểu theo nghĩa *danh giá* thì đó phải là người có công trạng to lớn cho cái có ích, theo chuẩn chân, thiện, mỹ, tạo nên động lực thúc đẩy phát triển con người, xã hội theo hướng tiến bộ, nhân văn.

Như thế, không phải cứ có tiếng tăm "lừng lẫy" thì được đều đứng trong hàng ngũ Danh nhân. Ngay cụm từ "tiếng tăm lừng lẫy" cũng đã là một thuật ngữ đâu dễ thống nhất trong nhận thức khi nó là một định vị nội hàm, thước đo để xác nhận danh nhân. Các yếu tố cấu thành danh nhân và chuẩn đánh giá danh nhân luôn hàm chứa trong đó sự chi phối của hệ tư tưởng chính trị, của chuẩn mực đạo đức, phong tục, tập quán trong các dạng cộng đồng người, cộng đồng xã hội ở những thời gian, không gian xác định. Các thành tố của danh nhân và cách xem xét danh nhân vừa có tính lịch sử (sự trầm tích), tính giai cấp, tính cộng đồng, tính nghề nghiệp, tính vùng miền, tính quốc gia - dân tộc, tính nhân loại… Danh nhân theo hệ chuẩn của tư tưởng chính trị này chưa chắc đã là của cộng đồng người khác theo hệ tư tưởng chính trị khác. Điều này cũng dẫn đến tính tương đối trong quan niệm, xác nhận, thừa nhận, công nhận danh nhân của một chủ thể, đối tượng nào đó trong đời sống xã hội nói chung.

Cần thấy rõ tính phức tạp, phong phú, đa dạng…và những khó khăn trong định chuẩn đánh giá và lựa chọn, xác nhận, xếp loại danh nhân sao cho khoa học,

[49] *Từ điển từ và ngữ Việt Nam,* Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2000, tr.481

tạo được sự đồng thuận cao "tâm phục, khẩu phục" trong các tổ chức chính trị xã hội và mỗi thành viên cộng đồng.

Phạm vi, mức độ tác động, ảnh hưởng của từng danh nhân đến đời sống con người, xã hội tùy thuộc vào tầm vóc mà danh nhân có được; đồng thời chịu sự tác động của môi trường chính trị - xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, điều kiện kinh tế - xã hội… của mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia - dân tộc trong các giai đoạn, thời kỳ lịch sử khác nhau.

Danh nhân cũng chính là những cá nhân tiêu biểu của mỗi cộng đồng, là người đi đầu, tiên phong của mỗi cộng đồng xã hội trong từng lĩnh vực, từng giai đoạn lịch sử mà danh nhân đó xuất hiện. Xét theo chiều lịch đại hay đồng đại của xã hội loài người, các danh nhân hợp thành một lớp người tiêu biểu trong các lĩnh vực của đời sống. Lớp người này có tác động to lớn đến sự phát triển của xã hội. Họ chính là một động lực mang tính "đầu tàu", cao hơn là tính mở đường, tạo nên những bước ngoặt của lịch sử ở những thời khắc có tính quyết định chiều hướng vận động của sự vật, hiện tượng xuất hiện trong lịch sử.

Danh nhân có thể xuất hiện trong tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế xã hội của các cộng đồng người, các quốc gia - dân tộc ở mọi giai đoạn, thời kỳ lịch sử. Danh nhân luôn gắn với các lĩnh vực hoạt động sống của con người, xã hội như các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, khoa học, kỹ thuật… Theo đó, đã xuất hiện các cụm từ: Danh nhân văn hóa, danh nhân quân sự, danh nhân ngoại giao, danh nhân khoa học kỹ thuật, danh nhân hội họa,…Đây chính là những người có nhiều cống hiến xuất sắc trong các lĩnh vực gắn với cuộc đời hoạt động của mỗi danh nhân.

Danh nhân văn hóa là một loại hình cụ thể của tập hợp các dạng danh nhân. Tuy nhiên, văn hóa lại là một phạm trù mà cho đến nay được nhận thức hết sức phong phú. Đã có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn quan niệm về văn hóa tùy theo cấp độ, góc nhìn mà các nhà các học giả tiếp cận.

Hiểu theo nghĩa rộng, chung nhất thì văn hóa là cái khác với tự nhiên. Theo hướng này, các danh nhân văn hóa là những người có được những sáng tạo kiệt xuất các sản phẩm văn hóa vật chất, sản phẩm văn hóa tinh thần (vật thể, phi vật thể). Hiểu theo nghĩa hẹp hơn, danh nhân văn hóa là những người hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, sáng tạo ra nhiều sản phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao, được suy tôn, thừa nhận.

Ở một góc độ khác, danh nhân gắn liền với những sáng tạo sản phẩm vật chất, tinh thần của họ trong những lĩnh vực nhất hay có thể là vài lĩnh vực, mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Sản phẩm sáng tạo của danh nhân đạt đến mức nào phụ thuộc vào tầm cỡ của mỗi danh nhân. Về lí thuyết cũng như trong thực tế, không có sự giới hạn sức sáng tạo của bất kỳ ai. Nhưng dù mức độ nào, thì sáng tạo của con người nói chung, trong đó có sáng tạo của các danh nhân đều có thể được trầm tích thành sản phẩm văn hóa. Con người, đồng thời vừa là chủ nhân sáng tạo sản phẩm văn hóa, vừa là "cái" "mang vác" văn hóa. Hơn ai hết, các danh nhân nói chung, điển hình là danh nhân văn hóa là hiện thân rõ nhất của sự "mang vác" này. Càng được thừa nhận (đạt chuẩn) là danh nhân có tính phổ quát rộng, tác động tích cực càng sâu, càng lớn trong đời sống kinh tế - xã hội thì hàm lượng giá trị văn hóa trong các sáng tạo của họ càng hoàn thiện theo đích chân, thiện, mỹ và phổ lan tỏa giá trị văn hóa càng sâu rộng theo cả chiều đồng đại và chiều lịch đại, có sức sống bền bỉ, trường tồn.

"Giữ gìn" và "phát huy" là hai thuật ngữ có nội hàm riêng nhưng có mối quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Trong một mối quan hệ cụ thể nào đó, đây có thể được coi là phạm trù kép cùng chung một hướng mục tiêu là làm cho giá trị của đối tượng xác định được bảo toàn, hoàn thiện, được khai thác đến mức cao nhất. Trong đó, giữ gìn giá trị nhấn mạnh đến khía cạnh tu bổ, bảo dưỡng, bảo tồn, đảm bảo cho giá trị của sự vật không chỉ được giữ nguyên vẹn mà ngày càng tốt hơn. Giữ gìn được giá trị của sự vật là điều kiện tiên quyết của việc phát huy nó theo mục tiêu đặt ra của chủ thể. Phát huy giá trị nhấn mạnh đến khía cạnh hiện thực hóa mục tiêu sử dụng giá trị sự vật theo hướng ngày càng đạt hiệu quả, kết quả cao hơn.

Dựng nước gắn liền với giữ nước là quy luật sinh tồn và phát triển của bất cứ cộng đồng quốc gia - dân tộc nào. Tùy điều kiện cụ thể mà sự nghiệp dựng nước và giữ nước của mỗi dân tộc có những sắc thái biểu hiện khác nhau. Việt Nam không là ngoại lệ, dựng nước và giữ nước là hai mặt không thể tách rời; là nội dung cơ bản xuyên suốt toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam. Thành tựu lập quốc, xây dựng đất nước, đấu tranh chống xâm lược và đô hộ, bảo vệ độc lập chủ quyền của quốc gia - dân tộc Việt Nam là vô cùng vĩ đại.

Lập quốc ở nơi thiên nhiên có nhiều ưu đãi nhưng cũng không ít những khó khăn khắc nghiệt với cư dân trong suốt hàng nghìn năm chủ yếu dựa vào nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước. Để đảm bảo đời sống, xây dựng quốc gia, nhân dân

Việt Nam đã phải trải qua muôn vàn những khó khăn thử thách trong chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt như bão tố, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh và sự phá hoại mùa màng của các loại cầm thú.

Đặc biệt là, bên cạnh đối chọi với thiên nhiên, thì trong mấy nghìn năm dựng nước, nhân dân Việt Nam phải đối phó với quá nhiều kẻ thù ngoại bang xâm lược. Trên thế giới, hiếm thấy dân tộc nào phải trải qua quá trình đấu tranh chống ngoại xâm liên tục, lâu dài, gian khổ và hy sinh to lớn như dân tộc Việt Nam. Nhân dân ta thường phải chống lại những thế lực đế quốc xâm lược có tiềm lực kinh tế, tiềm lực quân sự mạnh hơn hẳn, quyết thôn tính, thiết lập ách nô dịch bằng được với nước ta. Nhưng, cuối cùng nhân dân Việt Nam đã chiến thắng, bảo vệ được sự trường tồn của quốc gia - dân tộc.

Cũng chính từ trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước lâu dài, kiên cường, anh dũng, đầy tính sáng tạo để vượt qua sự chế ngự của thiên nhiên, chiến thắng mọi kẻ thù ngoại xâm hung bạo đã làm nẩy sinh hàng triệu những người con ưu tú trên các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội của quốc gia - dân tộc Việt Nam. Không ai khác, họ chính là những người đi tiên phong, có nhiều sáng tạo, cống hiến cho đất nước. Tên tuổi của họ được lưu truyền trong dân gian, sử sách. Họ là danh nhân trong các dạng cộng đồng trên các lĩnh vực hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội thuộc quốc gia - dân tộc Việt Nam.

Trên toàn cõi Việt Nam, không nơi nào tên tuổi của các danh nhân lại không hiện diện ở những khu phố, con đường, trường học, thôn làng, cơ sở sản xuất…. Sự hiện diện của các danh nhân trên mọi địa bàn của đất nước, và sâu sắc hơn là trong tâm trí của người dân, trở thành một động lực thúc đẩy mọi suy nghĩ, hành động yêu nước, cách mạng của nhân dân ta đã khẳng định mối liên hệ, vai trò, giá trị to lớn của Danh nhân Việt Nam với quốc gia - dân tộc Việt Nam. Các danh nhân Việt Nam, trong đó có danh nhân văn hóa Việt Nam đã có vai trò to lớn, là một trong những động lực có tính quyết định đến mọi chiến công của quốc gia - dân tộc Việt Nam trong lịch sử đã qua, hiện nay và trong cả mai sau.

Vai trò của danh nhân Việt Nam trong đó có danh nhân văn hóa Việt Nam vừa có tính mặc nhiên nhưng cũng vừa phụ thuộc vào sự nỗ lực giữ gìn, phát huy của chính con người, xã hội ở từng giai đoạn, từng cộng đồng trong dòng chảy tiến hóa chung của quốc gia - dân tộc. Trong mọi thời đại lịch sử Việt Nam, kết quả thu được từ sự tác động của danh nhân, trong đó có danh nhân văn hóa Việt Nam một phần là xuất phát từ chủ nhận tiếp nhận giữ gìn, phát huy nó.

Sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam luôn đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực của đất nước. Trong tình hình hiện nay, khi mà trên thế gới và trong nước, bên cạnh những thuận lợi, thì sự nghiệp phát triển đất nước đang đứng trước nhiều thách thức mới, khôn lường và không thể xem thường.

Để giữ gìn và phát huy giá trị danh nhân văn hóa Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đòi hỏi phải giải quyết một cách đồng bộ các vấn đề đặt ra:

Một là, nghiên cứu, làm rõ quan niệm Danh nhân văn hóa Việt Nam, từ khái niệm, nội hàm khái niệm; các danh nhân văn hóa Việt Nam trong lịch sử dựng nước, giữ nước; vai trò, tác động của danh nhân văn hóa đến đời sống kinh tế - xã hội; trong đó tập trung làm rõ mối quan hệ (tác động) giữa giá trị danh nhân văn hóa Việt Nam với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong mối quan hệ với sự phát triển của yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Đây chính là cơ sở xuất phát để xác định rõ mục tiêu, chủ thể, lực lượng, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp…giữ gìn, phát huy giá trị danh nhân văn hóa Việt Nam đối với vấn đề đặt ra. Để đáp ứng được vấn đề đặt ra, đòi hỏi Đảng, Nhà nước, các cơ quan chức năng,…phải có sự đầu tư về mọi mặt cho hoạt động nghiên cứu từ việc nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, tổ chức triển khai của các chủ thể lãnh đạo, quản lý, lực lượng nghiên cứu…đến đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, tăng cường công tác đảm bảo…

Hai là, không ngừng tuyên truyền, giáo dục, làm cho giá trị của danh nhân văn hóa Việt Nam thấm sâu vào mọi người dân. Đây là một trong những động lực làm cho mọi người dân Việt Nam hiểu sâu sắc về truyền thống hào hùng của dân tộc, tôn vinh, noi gương những người có công với nước, tự giác góp sức mình vào công cuộc dựng nước, giữ nước, trong đó có góp sức vào đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình hiện nay.

Ba là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn các sản phẩm xấu độc; đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch, xuyên tạc, hạ bệ uy tín của các danh nhân, trong đó có danh nhân văn hóa Việt Nam.

PHÁT HIỆN VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NĂNG TẠO NGUỒN DANH NHÂN CHO TƯƠNG LAI

PGS.TS MAI VĂN HƯNG
Đại Học Quốc Gia Hà Nội

Đặt vấn đề

Trong lịch sử tiến hóa của nhân loại có không ít danh nhân đã có những biểu hiện tài năng khác biệt ngay từ thời thơ ấu, người ta thường gọi đó là các "thần đồng". Có bao nhiêu thần đồng được phát hiện và có thể phát triển thành tài năng để họ có thể trở thành danh nhân trong các lĩnh vực khác nhau ở tương lai? Nếu không được phát hiện và phát triển thì đó là sự khiếm khuyết của nền giáo dục, sự lãng phí chất xám phát triển tiến bộ xã hội. Chúng ta hãy bắt đầu từ chiến lược phát hiện và có chiến lược bồi dưỡng học sinh giỏi trong các trường học. Vậy "học sinh giỏi" là gì? trong chúng ta những người chuyên đào tạo các thế hệ học sinh giỏi có mấy ai quan tâm đến khái niệm này? Và trong thực tế cũng không mấy người định nghĩa được đầy đủ về nó. Cơ quan Giáo dục Hoa Kỳ miêu tả khái niệm "Học sinh giỏi là những học sinh có khả năng thể hiện xuất sắc hoặc năng lực nổi trội trong các lĩnh vực trí tuệ, sự sáng tạo, khả năng lãnh đạo, nghệ thuật, hoặc các lĩnh vực lý thuyết chuyên biệt. Những học sinh này thể hiện tài năng đặc biệt của mình từ tất cả các bình diện xã hội, văn hoá, kinh tế,…" Bài viết này như một góc nhìn về chiến lược phát hiện và phát triển các tài năng để từ đó họ có thể trở thành danh nhân trong tương lai.

1. Một vài đặc điểm trí tuệ của Người Việt

Ngược dòng thời gian tìm về quá khứ, khi bàn đến các giá trị tinh thần của dân tộc, cha ông chúng ta cũng đã từng có những nghiên cứu về sự thông minh của người Việt Nam trên khắp đất nước. Từ những năm đầu của thế kỷ trước, nhà sử học Trần Trọng Kim (1919) đã nhận xét: *"Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả tính xấu lẫn tính tốt. Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu,* khéo chân tay, *nhiều người sáng dạ nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, quí sự lễ phép, mến điều đạo đức, lấy sự nhân, lễ, nghĩa, trí tín làm 5 đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy vẫn hay có tính tinh vặt, cũng có khi quỷ quyệt và hay bài bác, nhạo chế*", (Việt Nam sử lược).

Đến năm 1938, học giả Đào Duy Anh lại khẳng định *"Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh, những xưa nay ít người có trí tuệ lỗi lạc phi thường. Sức ký ức thì phát đạt lắm, mà giầu trí nghệ thuật hơn là trí khoa học, giàu trực giác hơn luận lý. Phần nhiều người có tính ham học, song thích văn chương phù hoa hơn là thực học, thích thành sáo và hình thức hơn là tư tưởng hoạt động,...não sáng tác thì ít, nhưng mà bắt chước, thích ứng và dung hoá thì rất tài"* (Việt Nam văn hoá sử cương)

Như vậy có thể thấy ngay từ đầu thế kỷ trước các học giả đều khẳng định người Việt chúng ta "đại khái" thông minh, được cái "nhớ lâu", ít "sáng tạo" mà hay "bắt chước". Tại sao lại là "đại khái" mà không phải là "chắc chắn"?. Gần đây hơn Nhà nghiên cứu văn hoá GS. Trần Ngọc Thêm cho rằng *"Về đặc điểm tính cách, người Tây là duy lý, người Tàu là duy ý chí còn người Việt là duy tình. Chữ tình, nói theo chữ của GS Thêm, là lối sống giàu tình cảm, trọng tình nghĩa của người Việt*". Nhà nghiên cứu văn hoá Vương Trí Nhàn cho hay *"duy tình không là một niềm tự hào vì sự kém duy lý (vận dụng đến cùng trí tuệ) và kém duy ý chí (sự thôi thúc của tham vọng) đều góp phần kìm hãm sự phát triển của chúng ta. Kém lý trí dẫn đến nông nổi, cạn nghĩ. Kém ý chí dẫn đến ngắn hơi, ăn xổi. Cái gọi là duy tình rút lại là đồng nghĩa với bột phát, tùy tiện, lúc thế này lúc thế khác, và thường không dẫn đến sự sáng suốt cùng những quyết sách hợp lý, nhất là trong xã hội hiện đại".*

Xem ra cái sự đánh giá trí tuệ con người ở nước ta vẫn còn nhiều cảm tính và mang nặng tính chủ quan lại còn chịu ảnh hưởng của tư duy đậm màu sắc tình cảm. Ngay trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh có giáo viên còn cộng điểm "ngoan", thậm chí các trường đại học đang có thêm điểm "chuyên cần" trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên, có lẽ để chống lại việc trốn học của họ trong thời "tín chỉ". Nếu chúng ta mãi nhìn nhận cách đánh giá con người bằng triết lý duy tình, bằng sự "thông cảm", có những nhà quản lý còn nhận xét khả năng làm việc của nhân viên theo kiểu "trông có vẻ được đấy" hay mạnh dạn hơn "hơi ngu tí nhưng được cái ngoan". Đánh giá năng lực trí tuệ mà cảm tính như vậy không những không chọn được người tài năng thực sự mà còn gây thất thoát tài năng, có thể coi đó là sự tham nhũng trí tuệ, hậu quả của nó có thể còn nguy hiểm hơn sự tham nhũng về thời gian và tiền bạc.

2. Năng khiếu - nguồn nguyên liệu của tài năng

Năng khiếu (giftedniss): Có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm năng khiếu, tuy nhiên, các nhà tài năng học quan niệm rằng: Năng khiếu là hệ thống tiền đề bên trong dựa trên những tư chất bẩm sinh di truyền cho phép con người giải quyết được một hay vài yêu cầu nhất định nào đó của cuộc sống, mặc dù chưa được đào tạo. Như vậy, có thể quan niệm năng khiếu như một dạng của năng lực tự nhiên và mỗi người bình thường đều có một năng khiếu nhất định. Tuy nhiên, năng khiếu không đa dạng như tư chất mà chỉ được thể hiện trong một lĩnh vực hoạt động nhất định như: Năng khiếu kinh doanh, hội họa, âm nhạc vv…, năng khiếu muốn phát triển tốt cần được đặt trên một chương trình giáo dục. Nếu không pháp hiện được kịp thời để bồi dưỡng, luyện tập thì năng khiếu sẽ bị mất đi.

***Năng khiếu cao (high giftedniss)*:** Thuật ngữ năng khiếu cao được đề cập nhiều trong các tài liệu về tài năng đầu thế kỉ 20 ở các nước tiên tiến trong các công trình như: Chuẩn đoán và hỗ trợ năng khiếu dưới góc độ tâm lý học của tác giả W.Stern (1916), Chọn lựa những năng khiếu thanh thiếu niên của tác giả Brahn (1919), Năng khiếu của Engelman (1953), Năng khiếu cao của Micre (1958) vv….

Trong tài năng học hiện đại, năng khiếu cao được hiểu là hệ thống tiền đề bên trong dựa trên những tư chất bẩm sinh di truyền của con người, cho phép họ giải quyết với chất lượng rất cao một hay vài yêu cầu của hoạt động nào đó, dù chưa được giáo dục và đào tạo.

***Năng khiếu cao tiềm năng (potential high giftedniss)*:** Đây là thuật ngữ giúp chúng ta đánh giá trước được việc con người sẽ có được những thành tích vượt trội trong một lĩnh vực nào đó. Năng khiếu cao tiềm năng là những năng lực tự nhiên cao trên một lĩnh vực nhất định, có nhiều hứa hẹn nhưng hiện chưa hoàn toàn được tỏa sáng. Nếu đứa trẻ được hỗ trợ tốt thì khi trưởng thành có thể thành những tài năng thực sự hoặc đạt kết quả cao trên một lĩnh vực nào đó. Thực chất việc nhận dạng năng khiếu cao ở trẻ em là sự nhận dạng năng khiếu cao tiềm năng của trẻ trên một lĩnh vực nhất định. Ở Việt Nam, một số tên gọi như: học sinh năng khiếu, học sinh chất lượng cao, học sinh chuyên vv…cũng có thể coi như là những trẻ có năng khiếu cao tiềm ẩn.

Tài năng (talent)

Khái niệm tài năng được sử dụng như một thuật ngữ khoa học nhưng cũng có thể được coi như một thuật ngữ dùng trong đời thường. Trong đời thường, một người nào đó làm việc đạt hiệu quả cao nhưng tốn ít sức lực, nhẹ nhàng thì được

coi là tài năng - như vậy tài năng sẽ chỉ được xác nhận khi có kết quả hoạt động. Tuy nhiên, trong khoa học, chúng ta không thể chờ đợi một người nào đó có kết quả mới được đánh giá là tài năng mà cần phải đưa ra các tiêu chí để nhận dạng sớm: liệu một trẻ em có thể trở thành tài năng sau này khi là người trưởng thành hay không. Hiện nay, các nhà tài năng học cho rằng, tài năng (talent) là một tổ hợp các điều kiện bên trong và bên ngoài thuận lợi tạo ra khả năng đạt thành tích hoạt động rất cao, tuy những thành tích này về cơ bản vẫn thuộc khuôn khổ những điều đã đạt được của xã hội loài người ở thời điểm đó.

Như vậy, tài năng được dựa trên những năng khiếu cao nhưng cũng đòi hỏi cả những điều kiện bên ngoài thuận lợi - trong đó giáo dục và đào tạo đóng vai trò rất quan trọng. Việc từ năng khiếu cao đến tài năng là một chặng đường phát triển khó khăn. Một trẻ nhỏ có năng khiếu cao là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhưng để đạt đến tài năng cần có các điều kiện bên ngoài. Tuy nhiên, có những trẻ không bộc lộ một năng khiếu đặc biệt gì khi nhỏ nhưng khi trưởng thành lại trở thành những tài năng. Ví dụ, Albert Einstein - nhà bác học thiên tài người Mỹ gốc Đức là một ví dụ điển hình. Hồi nhỏ, ông đi học muộn đến mức cha mẹ sợ con họ có những vấn đề về trí tuệ, ở tiểu học không bộc lộ một năng khiếu gì, là một học sinh trung bình tại trường trung học và thi hỏng vào trường kĩ thuật tổng hợp và lần thứ 2 mới đỗ vào trường này. Với sự quyết tâm học tập và lòng yêu toán vô bờ bến, ông đã trở thành một tài năng lớn, thậm trí là một thiên tài của thế kỉ 20.

Thiên tài (genius)

Thuật ngữ thiên tài chỉ mức độ cực cao của năng lực, cho phép con người đạt được những thành tựu vô song trong lịch sử. Khác với tài năng, thiên tài dẫn đến những giá trị mới hoàn toàn trên bình diện toàn nhân loại, mở ra một thời kì mới, một bậc mới của sự phát triển trong một hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động nào đó, như một mốc son đánh dấu một bậc phát triển cao hơn của xã hội loài người. Nguồn gốc của thiên tài vẫn là bí ẩn đối với khoa học. Tuy nhiên, có thể hiểu thiên tài nảy sinh khi có sự gặp gỡ một cách hoàn hảo và hiếm hoi giữa năng khiếu cao thiên bẩm với tất cả hoặc một số yếu tố khác như lòng say mê cao độ, tính kiên nhẫn, điều kiện xã hội lịch sử thuận lợi vv…

3. Phát hiện bồi dưỡng năng khiếu thành tài năng

Để phát hiện năng khiếu của học sinh có nhiều biện pháp khác nhau tuỳ theo năng lực của nhà giáo dục, tuy nhiên muốn phát hiện năng khiếu của ai đó điều quan trọng là hãy tạo ra môi trường cho họ bộc lộ năng khiếu của chính mình.

Giáo dục khai phóng - mảnh đất bộc lộ năng khiếu của học sinh

Trong thời cổ xưa, giáo dục khai phóng "liberal arts education", gắn liền với những con người tự do (tiếng Latinh: Liber nghĩa là "tự do") không giống như sự thiếu giáo dục, hoặc phụ thuộc vào công việc chân tay của dân tầng lớp thấp và nô lệ. Giáo dục khai phóng thời Trung Cổ bao gồm bảy nghệ thuật đó là: văn học, ngôn ngữ học, triết học, lịch sử, toán học và khoa học, các lĩnh vực trên cho thấy chúng có mối quan hệ chặt chẽ với các loại trí tuệ khác nhau của Gardner sau này.

Khai phóng coi việc truyền đạt kiến thức cho học sinh phải được thực hiện một cách tổng quát với mục tiêu nhằm phát triển năng lực trí tuệ của con người theo các hướng khác nhau. Giáo dục khai phóng không giống như việc dạy chuyên nghề, chuyên kĩ thuật, hoặc các chương trình giảng dạy chuyên môn (thường có ở bậc đại học) mà thay vào đó là sự tập trung giáo dục tổng quát. Giáo dục khai phóng đương đại ở nước ta bao gồm các môn học khác nhau đang thực hiện tại các trường phổ thông. Đây chính là nơi các nhà sư phạm có điều kiện thuận lợi để phát hiện năng khiếu của học sinh thông qua kết quả học tập từng môn học hoặc các hoạt động ngoại khoá do nhà trường tổ chức. Tuy nhiên điều này đòi hỏi sự nhạy cảm cao của giáo viên bởi việc năng khiếu học sinh chỉ bộc lộ khi có điều kiện thuận lợi, nhiều học sinh thể hiện năng khiếu không chỉ ở phạm vi môn học mà còn ở các mức độ sâu hơn trong từng phân môn. Ví dụ: có những học sinh có năng khiếu về Hình học nhưng lại học kém về Số học hay Lượng giác, hay có em học giỏi về Văn học nhưng Ngôn ngữ lại không tốt lắm,…

Học sinh trường chuyên trong một chừng mực nào đó đang học lệch theo các môn chuyên điều này đi ngược lại truyền thống của giáo dục khai phóng. Nếu may mắn các em lệch theo hướng sở trường thì điều đó có thể dẫn đến thành công, tuy nhiên trong thực tế nhiều học sinh đang bị sức ép của nhiều giá trị khác nhau nên buộc phải đi một đường mà mắt dõi theo hướng khác.

Khai phóng là cởi mở về tư tưởng, học thuật, tạo điều kiện cho việc tiếp nhận và sáng tạo cái mới. Có khai phóng mới tạo ra được những lớp người dám nghĩ, dám làm. Học sinh trường chuyên thường tiếp thu nhanh và có nhiều sáng kiến nhưng năng lực tưởng tượng chưa cao, do đó ít có khả năng tạo ra những bước đột phá. Điều này có thể xuất phát từ mô hình xã hội đến mô hình phát triển kinh tế, công nghệ, chúng ta thường nhập khẩu hoặc mô phỏng sáng kiến nước ngoài. Thêm nữa, mặc dù về năng lực tư duy học sinh của chúng ta khá tốt nhưng sự kìm hãm tự do tư tưởng và sự thiếu thốn về cơ sở vật chất kéo dài hàng nghìn năm từ chế

độ phong kiến phương Đông cho đến trước thời kỳ Đổi mới đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự khai mở sáng tạo của giáo viên đối với sự phát triển tư duy học sinh.

Trường chuyên cần đổi mới phương pháp giáo dục theo tinh thần khai phóng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để giải phóng tư duy con người khỏi tầm nhìn hạn hẹp, tạo ra những bước ngoặt về chất lượng học tập, giúp học sinh tự nhận diện và phát triển được năng khiếu của chính họ. Giáo dục với tinh thần khai phóng còn giúp các nhà giáo dục có điều kiện phát hiện năng khiếu của học sinh từ đó phân chia theo 8 loại trí tuệ của Gardner nhằm bồi dưỡng và phát huy năng khả năng sở trường của từng học sinh trong việc thích ứng với cuộc sống.

Trắc nghiệm trí tuệ - công cụ phát hiện năng khiếu học sinh

Việc sử dụng các công cụ trắc nghiệm tâm lý đánh giá các loại năng lực trí tuệ là một trong những biện pháp khoa học, khách quan nhằm phát hiện năng khiếu của học sinh trường chuyên khá hiệu quả và đáng tin cậy.

Trắc nghiệm tâm lý (Psycholocial Test) là một công cụ đã được tiêu chuẩn hóa, dùng để đo lường khách quan một hay nhiều khía cạnh của nhân cách hoàn chỉnh, qua những mẫu trả lời bằng ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ hoặc những loại hành vi khác (Freeman, 1971). Về trắc nghiệm trí tuệ có 4 loại: Trắc nghiệm về các năng lực trí tuệ nhận thức (Mental Abilities); Trắc nghiệm về trí tuệ cảm xúc (Emotional Intelligence); Trắc nghiệm về trí tuệ sáng tạo (Creation); Trắc nghiệm nhân cách (Peronality Test).

Trắc nghiệm về các năng lực trí tuệ nhận thức (Mental Abilities) chia thành ba tiểu loại bao gồm:

Các trắc nghiệm trí thông minh (Intelligence Tests) trắc nghiệm này đo năng lực trí tuệ chung và dự định đánh giá tiềm năng trí tuệ hơn là những kiến thức học được trước đây hoặc đã tích lũy được. Các bộ công cụ đo trắc nghiệm trí thông minh được sử dụng khá rộng rãi trên nhiều lĩnh vực, để đo chỉ số thông minh (intelligence Quotient -IQ) người ta đã xây dựng tới 6000 bộ test phù hợp với các nhóm đối tượng khác nhau.

Các trắc nghiệm về năng lực (Aptitude Tests) nhằm đánh giá các kiểu năng lực trí tuệ đặc biệt như năng lực cơ khí, năng lực ngôn ngữ, năng lực tri giác không gian ...và dự báo một cá nhân có thể làm được gì sau này khi được đào tạo phù hợp. Các trắc nghiệm này được dùng để khảo sát những người xin việc và những người dự thi vào trường đại học.

Các trắc nghiệm về thành tích học tập (Achievement Tests) đánh giá các trí thức về một môn học nào đó. Loại trắc nghiệm này được dùng để kiểm tra, đánh giá về kết quả học tập.

Ngày nay người ta thường dùng nhiều bộ trắc nghiệm để đo các dạng trí tuệ khác nhau như trắc nghiệm cảm xúc *(EQ - Emotional Quotient)*, trắc nghiệm vượt khó *(AQ-Adversity Quotient)*, trắc nghiệm tò mò *(CQ - Curiosity Quotient),* trắc nghiệm đam mê *(PQ - Passion Quotient),...*

Nghiên cứu về IQ, EQ và AQ cho thấy các chỉ số này có sự liên quan chặt chẽ với nhau trong việc làm nên sự thành công của mỗi cá nhân, đồng thời khẳng định dù không có chỉ số thông minh cao nhiều cá nhân vẫn đạt được những thành công trong cuộc sống.

Kết quả định lượng các chỉ số trí tuệ cũng giải thích được hiện tượng không ít học sinh trường chuyên dù có IQ cao nhưng không phải học sinh nào cũng thành công khi tiếp cận với thực tiễn cuộc sống.

Trắc nghiệm trí tuệ học sinh giúp các nhà giáo dục có được phương pháp tối ưu nhằm không chí phát huy năng lực trí tuệ mà còn giúp những học sinh giỏi có sự thích ứng cao với cuộc sống đương đại.

Bất kì một trắc nghiệm tốt nào cũng phải hội đủ ba tiêu chuẩn: Phải có độ tin cậy, Phải ứng nghiệm và phải được tiêu chuẩn hóa:

+ Tính tin cậy (Reliability): Khi ta dùng các hình thức khác nhau của cùng một trắc nghiệm hoặc tiến hành cùng một trắc nghiệm nhiều lần trên cùng một khách thể (cá nhân hay nhóm) thì kết quả thu được phải giống nhau.

+ Tính ứng nghiệm (Validity): Trắc nghiệm phải đo được chính cái mà chúng ta định đo

+ Tính tiêu chuẩn hóa (Standardization): Trắc nghiệm phải được thực hiện theo một thủ tục tiêu chuẩn và phải có những quy chuẩn (norms) căn cứ theo một nhóm chuẩn (sample) và nhóm chuẩn này phải đông đảo và mang tính chất giống với những người sau này đem ra trắc nghiệm, nghĩa là nó phải đại diện cho quần thể. Các quy chuẩn của nhóm chuẩn phải là một hệ thống chuẩn để giúp lí giải các kết quả trắc nghiệm về bất cứ một cá nhân hay nhóm nào.

Những trắc nghiệm nào hội đủ được cả 3 tiêu chuẩn trên thì sẽ được công nhận và ghi vào danh sách các trắc nghiệm chuẩn (Standard Tests).

Kết luận

Như vậy, một trong số những con đường để trở thành danh nhân thì tài nguyên trí tuệ từ các học sinh giỏi vô cùng quan trong và có ý nghĩa khả thi cao. Tuy nhiên, để trở học sinh giỏi không đơn thuần chỉ là học giỏi, bởi nếu chỉ học giỏi mà không thích ứng được với cuộc sống thì học giỏi không mấy ý nghĩa. Tuy nhiên muốn thích ứng tốt với môi trường sống đòi hỏi học sinh phải phát huy được "sở trường" và hạn chế "sở đoản" của mình, tài năng là dấu hiệu thể hiện sở trường của mỗi con người, vì thế việc phát hiện tài năng của mỗi cá nhân học sinh là một vấn đề rất quan trọng đối với các nhà giáo dục, đặc biệt là ở những nơi có mật độ trí tuệ cao như các trường THPT chuyên. Để có thể phát hiện được tài năng của học sinh chúng ta cần phải hiểu rõ "năng khiếu là nguồn nguyên liệu của tài năng" và tài năng là nguồn nguyên liệu để xuất hiện các danh nhân trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

[1]. Đỗ Hồng Anh (1991), "Tình hình dùng test tâm lí ở Việt Nam", *Nghiên cứu giáo dục*, (10), tr.44-45.

[2]. Trịnh Văn Bảo (1993), "Một số ý kiến về ảnh hưởng của di truyền và môi trường đến việc hình thành tài năng". *Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng văn hóa nghệ thuật*, Nxb văn hóa, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Chương (1997), "Sự tăng trưởng và phát triển của não và vấn đề phát triển trí tuệ", *Bàn về đặc điểm tăng trưởng người Việt Nam*, Đề tài KX-07-07, Hà Nội, tr.401-442.

[4]. Trịnh Bỉnh Dy (1996), "Quá trình hình thành tư duy", *Chuyên đề sinh lí học,* I, Nxb Y học, Hà Nội, tr.187-199.

[5]. Phạm Hoàng Gia (1993), "Bản chất thông minh", *Nghiên cứu giáo dục*, (11), tr.1-4.

[6]. Goleman D. (2002). Trí tuệ xúc cảm: Làm thế nào để biến những xúc cảm của mình thành trí tuệ. Nhà xuất bản khoa học xã hội. Hà Nội. (Người dịch: Lê Diên).

[7]. Goleman D. (2007). Trí tuệ xúc cảm: Ứng dụng trong công việc. Nhà xuất bản Tri thức. (Người dịch: Phương Thúy, Minh Phương, Phương Linh).

[8]. Nguyễn Kế Hào (1991), "Khả năng phát triển trí tuệ của học sinh Việt Nam", *Nghiên cứu giáo dục*, (10), tr.2-3.

[9]. Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Quý (1997), *Những trắc nghiệm tâm lí I*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[10]. Bùi Văn Huệ (1996), "Về bản chất của năng lực trí tuệ", *Nghiên cứu giáo dục,* (9), tr.11-12.

[11] Nguyễn Công Khanh. (2003). Các mô hình lý thuyết về trí thông minh xúc cảm. Tạp chí Giáo dục, 61: 14-15.

[12]. Đặng Phương Kiệt (1990), *Cơ sở sinh lí thần kinh của hoạt động tâm lí*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

[13] Phan Trọng Ngọ, Dương Diệu Hoa, Nguyễn Lan Anh. (2001). Tâm lý học trí tuệ. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

[14]. Piaget J (1998), *Tâm lí trí khôn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[15]. Nguyễn Thạc, Lê Văn Hồng (1993), "Nghiên cứu chẩn đoán sự phát triển trí tuệ của học sinh", *Nghiên cứu giáo dục,* (11), tr.21-22.

[16]. Trần Trọng Thủy (1998), "Vấn đề về đo lường trí tuệ", *Thông tin khoa học giáo dục*, (67), tr.18-23

[17] Nguyễn Huy Tú. (2005). Tài năng - Quan niệm, nhận dạng và đào tạo. Nhà xuất bản Giáo dục.

[18] P.Chartier (2007) Giới thiệu bộ trắc nghiệm « suy luận trên lá bài » (test R.C.C) . Phiên bản dành cho học sinh (Người dịch: Trịnh Văn Minh)

[19] Worchel S., Shebilsue W. (2007). Tâm lý học - Nguyên lý và ứng dụng. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. (Người dịch: Trần Đức Hiển).

Tiếng Anh

[20]. Lashley K,SW (1964), Brain mechanisms and intellegence, *Hafner Publishing company*, New York and London.

[21]. Terman L, (1937), *Measuring intellegence*, Boston.

[22]. Wechsler D, (1955), *Wechsler aldult intellegence scale* (WAIS), New York.

[23] Mai Van Hung, Duong Thi Nguyet (2002). "Research on intelligence quotient of Vietnamese students" *Symposium on Educational and Psychological Issues for Secondary and High School Students*, pp. 208 – 212.

[24] Mai Van Hung (2008). "The impact of environment and education conditions on intelligence quotient of high school students in Vietnam" *International Conference on the Strategy of Technology Education in the Paradigm Shift for Creation and Innovation,* Korea, pp. 430-436

VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VỚI VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU DANH NHÂN QUÂN SỰ THÀNH TỰU VÀ MỘT VÀI NHẬN XÉT

THIẾU TƯỚNG. TS NGUYỄN HOÀNG NHIÊN
Viện trưởng Viện Lịch sử quân sự/Bộ Quốc phòng

1. Các công trình nghiên cứu về danh nhân quân sự

Bên cạnh chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức công tác lịch sử quân sự và tổng kết chiến tranh trong toàn quân, Viện Lịch sử quân sự còn phối hợp, trực tiếp chủ trì, tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản nhiều công trình, đề tài lịch sử quân sự, tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, trong đó có chủ đề danh nhân quân sự. Kết quả nghiên cứu đã từng bước góp phần làm rõ thân thế, sự nghiệp, những cống hiến to lớn, quan trọng của các vị lãnh đạo, tướng lĩnh trên lĩnh vực quân sự trong suốt tiến trình lịch sử Việt Nam; đồng thời phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử quân sự, nghiên cứu khoa học và huấn luyện ở các nhà trường, đơn vị, góp phần đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái của các thế lực phản động, bảo vệ uy tín, qua đó giữ vững đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vị trí, vai trò cùng những chiến công của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trên cơ sở thống kê kết quả nghiên cứu thể hiện trong Bảng 1, tính từ năm 1990 đến năm 2022, Viện Lịch sử quân sự đã tổ chức biên soạn 15 công trình về danh nhân quân sự. Trong đó, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5.1890-19.5.1990), Viện được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, biên soạn công trình *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Đề tài được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Hội đồng tướng lĩnh và các nhà khoa học gồm Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp, Thượng tướng Trần Văn Quang, Thượng tướng Hoàng Minh Thảo, Trung tướng Hoàng Phương… Công trình *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh* là công trình đầu tiên nghiên cứu về danh nhân quân sự của Viện Lịch sử quân sự tính từ ngày thành lập đơn vị (1981). Công trình được nghiên cứu công phu, nghiêm túc, tái hiện sinh động, chân thực những hoạt động lý luận và thực tiễn về quân sự trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cũng trong năm 1990,

Viện Lịch sử quân sự tổ chức nghiên cứu, biên soạn công trình *Hồ Chí Minh - Biên niên những sự kiện và tư liệu quân sự*[50]. Cuốn sách được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in ấn và phát hành năm 1990. Trên cơ sở lựa chọn những tư liệu súc tích từ các bài viết, bài nói và ghi chép những hoạt động quân sự của Người từ năm 1921 đến năm 1969, cuốn sách đã cung cấp cho bạn đọc những nét cơ bản về quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên lĩnh vực quân sự.

Bảng 1. ***Các công trình nghiên cứu về danh nhân quân sự***

TT	Tên công trình	Nhà xuất bản	Thời gian
1	Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Quân đội nhân dân	1990
2	Hồ Chí Minh - Biên niên những sự kiện và tư liệu quân sự	Quân đội nhân dân	1990
3	Hồ Chí Minh - Về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân - Biên niên những sự kiện và tư liệu	Quân đội nhân dân	1995
4	Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Tái bản lần thứ nhất)	Quân đội nhân dân	1995
5	Trần Hưng Đạo - Nhà quân sự thiên tài	Chính trị quốc gia-Sự thật	2000
6	Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh	Quân đội nhân dân	2022
7	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập I	Quân đội nhân dân	2004
8	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập II	Quân đội nhân dân	2006
9	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập III	Quân đội nhân dân	2008
10	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập IV	Quân đội nhân dân	2012
11	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập V	Quân đội nhân dân	2014
12	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập VI	Quân đội nhân dân	2015
13	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập VII	Quân đội nhân dân	2018
14	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập VIII	Quân đội nhân dân	2019
15	Danh nhân quân sự Việt Nam, tập IX	Quân đội nhân dân	2022

Bảng 1 cho thấy, sau 4 công trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử quân sự tổ chức nghiên cứu, biên soạn về Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, tức

[50] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Hồ Chí Minh - Về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân-Biên niên những sự kiện và tư liệu,* Nxb QĐND, H.1995.

Trần Hưng Đạo. Cuốn sách *"Trần Hưng Đạo - Nhà quân sự thiên tài"*[51] được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in ấn và phát hành năm 2000. Thông qua các nguồn tư liệu, thân thế, sự nghiệp, tư tưởng và tài năng quân sự của Trần Hưng Đạo được phản ánh gắn liền với điều kiện lịch sử, xã hội đương thời, đặc biệt là 3 cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của quân dân Đại Việt trong thế kỷ XIII.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam phải thường xuyên đương đầu với nhiều thế lực xâm lược. Để chiến thắng những kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn, dân tộc ta không ngừng vươn lên, phát huy cao độ ý chí kiên cường, trí tuệ và năng lực sáng tạo, thực hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, cả nước đánh giặc. Qua mỗi cuộc kháng chiến, ở thời nào, dân tộc ta cũng có những anh hùng hào kiệt, nhiều tướng lĩnh tài năng, có nhiều cống hiến quan trọng trong công cuộc giữ nước và giữ nước, để lại nhiều kinh nghiệm và bài học có giá trị sâu sắc cho các thế hệ sau. Nhằm tri ân các danh nhân quân sự, đồng thời làm tài liệu phổ biến và giáo dục truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc, từ năm 2004, Viện Lịch sử quân sự tổ chức nghiên cứu, biên soạn đề tài *Danh nhân quân sự Việt Nam*. Công trình gồm nhiều tập giới thiệu các danh nhân quân sự Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho đến thời đại Hồ Chí Minh. Sau gần 20 năm nghiên cứu liên tục, tính đến năm 2022, công trình *Danh nhân quân sự Việt Nam* đã được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in ấn và phát hành 9 tập, đề cập đến 181 nhân vật là danh nhân quân sự.

Danh nhân quân sự Việt Nam, Tập I nghiên cứu và biên soạn về 32 nhân vật từ thời An Dương Vương đến đời Trần, gồm Cao Lỗ, Trưng Trắc, Lê Chân, Bà Triệu, Lý Bí, Phạm Tu, Triệu Quang Phục, Dương Thanh, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền, Phạm Bạch Hổ, Đinh Bộ Lĩnh, Phạm Cự Lạng, Lê Hoàn, Tô Hiến Thành, Lý Thường Kiệt, Lê Phụng Hiểu, Trần Thủ Độ, Lê Tần, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Nguyễn Thế Lộc, Trần Khát Chân[52].

Danh nhân quân sự Việt Nam, Tập II nghiên cứu và biên soạn về 40 nhân vật từ triều Hồ đến triều Tây Sơn, gồm Hồ Nguyên Trừng, Đặng Tất, Đặng Dung, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích, Đinh Lễ, Lý Triện, Lưu Nhân Chú, Lê

---

[51] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Trần Hưng Đạo - Nhà quân sự thiên tài*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, H.2000.

[52] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập I, Nxb QĐND, H.2004.

Ngân, Bùi Bị, Trần Nguyên Hãn, Phạm Vấn, Trịnh Khả, Lê Sát, Đinh Liệt, Nguyễn Lý, Lê Văn An, Nguyễn Xí, Phạm Văn Xảo, Lê Khôi, Lê Thánh Tông, Đào Duy Từ, Lê Duy Mật, Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm, Đặng Tiến Đông, Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, Ngô Văn Sở, Nguyễn Thiếp, Võ Văn Dũng, Nguyễn Văn Tiếp, Đặng Xuân Bảo, Nguyễn Văn Lộc[53].

Danh nhân quân sự Việt Nam, Tập III nghiên cứu và biên soạn về 35 thủ lĩnh, lãnh đạo kháng chiến và các vị chỉ huy trực tiếp cầm quân tiêu biểu từ sau triều đại Tây Sơn đến cuối phong trào Cần Vương, chống thực dân Pháp xâm lược, gồm Lê Văn Duyệt, Phan Bá Vành, Nguyễn Mậu Kiến, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Phạm Văn Nghị, Hoàng Kế Viêm, Ông Ích Khiêm, Hồ Bá Ôn, Lê Trung Đình, Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, Trần Xuân Soạn, Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Phạm Tuân, Mai Xuân Thưởng, Cao Thắng, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân, Cao Bá Điển, Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Xuân Tiết (Đốc Tít), Tạ Hiện, Nguyễn Cao, Nguyễn Đức Ngữ (Đốc Ngữ), Bùi Như Quảng (Đốc Đen), Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp[54].

Danh nhân quân sự Việt Nam, tập IV, nghiên cứu, biên soạn về 30 danh nhân quân sự tiêu biểu từ khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913) đến khởi nghĩa Yên Bái (1930), gồm Hoàng Hoa Thám, Vương Văn Vang (Đội Văn), Lương Văn Nắm (Đề Nắm), Đặng Thị Nhu (Bà Ba Cẩn), Võ Trứ, Bơ Trang Long, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Học Lãm, Nguyễn Thành, Đặng Thái Thân, Hồ Trọng Phấn (Đội Phấn), Tăng Bạt Hổ, Mai Lão Bạng, Nguyễn Thượng Hiền, Hoàng Trọng Mậu, Trần Hữu Lực, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Lương Ngọc Quyến, Trịnh Văn Cấn, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính, Đoàn Trần Nghiệp, Nguyễn Thị Giang, Nguyễn Văn Cung (Đội Cung)[55].

Danh nhân quân sự Việt Nam, tập V nghiên cứu, biên soạn 12 danh nhân yêu nước, cách mạng, có nhiều đóng góp vào việc xây dựng đường lối quân sự trong thời kỳ Đảng mới thành lập, gồm Trần Phú, Lê Hồng Phong, Trần Tử Bình,

[53] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập II, Nxb QĐND, H.2006.

[54] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập III, Nxb QĐND, H.2008.

[55] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập IV, Nxb QĐND, H.2012.

Nguyễn Bình, Lê Thiết Hùng, Phùng Chí Kiên, Trương Vân Lĩnh, Hồ Tùng Mậu, Trần Đăng Ninh, Hoàng Sâm, Nguyễn Sơn, Lương Văn Tri[56].

Danh nhân quân sự Việt Nam các tập VI, VII, VIII, IX nghiên cứu, biên soạn danh nhân quân sự có cống hiến nổi bật trên các mặt hoạt động quân sự như lý luận quân sự, tổ chức lực lượng, tham mưu, chỉ huy chiến đấu, khoa học và nghệ thuật quân sự... Trong đó *Danh nhân quân sự Việt Nam* tập VI nghiên cứu và biên soạn về 8 nhân vật, gồm Nguyễn Chánh, Cao Văn Khánh, Trần Đại Nghĩa, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Chí Thanh, Đàm Quang Trung, Vương Thừa Vũ[57]. *Danh nhân quân sự Việt Nam* tập VII nghiên cứu và biên soạn 8 nhân vật gồm, Nguyễn Hữu An, Nguyễn Văn Bứa, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Định Định, Trần Quý Hai, Lê Quang Hòa, Vũ Lăng, Tạ Xuân Thu[58]. *Danh nhân quân sự Việt Nam* các tập VIII, nghiên cứu và biên soạn về 8 nhân vật, gồm Lê Quảng Ba, Nguyễn Anh Đệ, Bằng Giang, Song Hào, Đỗ Xuân Hợp, Đoàn Khuê, Phạm Kiệt, Lê Hiến Mai[59]. Danh nhân quân sự Việt Nam, Tập IX nghiên cứu và biên soạn về 8 nhân vật, gồm Nguyễn Minh Châu, Lê Quang Đạo, Nguyễn Đệ, Đặng Vũ Hiệp, Vũ Lập, Chu Huy Mân, Trần Sâm và Trần Văn Trà[60].

2. Các cuộc hội thảo khoa học về danh nhân quân sự

Bên cạnh chức năng tham mưu, nghiên cứu, biên soạn lịch sử quân sự, tổng kết chiến tranh, trong những năm qua, Viện Lịch sử quân sự cũng tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học về các danh nhân quân sự. Thống kê trong Bảng 2 cho thấy, *"Quang Trung- Nguyễn Huệ với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789)"* là cuộc hội thảo đầu tiên về danh nhân quân sự được Viện Lịch sử quân sự tổ chức, kỷ yếu được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân in ấn và phát hành năm 1992[61]. Tính đến năm 2022 đã có 17 cuộc hội thảo với chủ đề về danh nhân quân sự, chiếm 13,26% tổng số các cuộc hội thảo do Viện Lịch sử quân sự tổ chức.

Các danh nhân quân sự được tổ chức hội thảo gồm Quang Trung - Nguyễn Huệ, Hồ Chí Minh, Nguyễn Chí Thanh, Trần Quốc Tuấn (Trần Hưng Đạo), Phùng Chí

[56] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập V, Nxb QĐND, H.2014.

[57] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập VI, Nxb QĐND, H.2015.

[58] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập VII, Nxb QĐND, H.2018.

[59] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập VIII, Nxb QĐND, H.2019.

[60] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập IX, Nxb QĐND, H.2022.

[61] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Quang Trung- Nguyễn Huệ với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789,)* Nxb QĐND, H.1992.

Kiên, Đoàn Khuê, Chu Huy Mân, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Sơn, Văn Tiến Dũng, Song Hào, Lê Đức Anh, Võ Nguyên Giáp.

Bảng 2: ***Các cuộc hội thảo khoa học về danh nhân quân sự***

TT	**Tên công trình**	**Nhà xuất bản**	**Thời gian**
1	Quang Trung- Nguyễn Huệ với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (1789)	Quân đội nhân dân	1992
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội nhân dân	Quân đội nhân dân	1994
3	Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - Nhà chiến tranh, quân sự lỗi lạc	Quân đội nhân dân	1997
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh về dựng nước và giữ nước	Quân đội nhân dân	2000
5	Anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định	Quân đội nhân dân	2020
6	Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam	Quân đội nhân dân	2007
7	Phùng Chí Kiên - Người cộng sản mẫu mực, kiên trung, nhà chính trị, quân sự song toàn	Quân đội nhân dân	2009
8	Đại tướng Đoàn Khuê - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng	Quân đội nhân dân	2010
9	Đồng chí Chu Huy Mân với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An	Chính trị quốc gia-Sự thật	2013
10	Đồng chí Nguyễn Chí Thanh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế	Chính trị quốc gia-Sự thật	2013
11	Đại tướng Lê Trọng Tấn - Nhà quân sự đức độ, mưu lược của cách mạng Việt Nam	Quân đội nhân dân	2014
12	Đại tướng Hoàng Văn Thái - Nhà quân sự tài năng, đức độ của cách mạng Việt Nam	Quân đội nhân dân	2015
13	Thiếu tướng Nguyễn Sơn - Người chiến sĩ cộng sản kiên trung	Quân đội nhân dân	2016

14	Đại tướng Văn Tiến Dũng với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nội	Chính trị quốc gia-Sự thật	2017
15	Thượng tướng Song Hào - Người cộng sản kiên trung, mẫu mực, nhà chính trị, quân sự xuất sắc của Quân đội nhân dân Việt Nam	Quân đội nhân dân	2017
16	Đồng chí Lê Đức Anh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên - Huế	Chính trị quốc gia-Sự thật	2020
17	Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Một tài năng quân sự xuất chúng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của cách mạng Việt Nam	Chính trị quốc gia-Sự thật	2021

Bên cạnh các cuộc hội thảo do đơn vị chủ trì, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam còn phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, các học viện, nhà trường và địa phương tổ chức nhiều cuộc hội thảo về các danh nhân quân sự. Năm 2000, Viện lịch sử quân sự Việt Nam phối hợp với Học viện Quốc phòng tổ chức cuộc hội thảo *"Tư tưởng Hồ Chí Minh về dựng nước và giữ nước"*[62]; phối hợp với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định tổ chức cuộc hội thảo *"Anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định"*[63]. Năm 2007, Viện phối hợp với Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự tổ chức cuộc hội thảo*"Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam"*[64]. Năm 2009, Viện được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ phối hợp với Tỉnh ủy Nghệ An tổ chức cuộc cuộc hội thảo *"Phùng Chí Kiên - Người cộng sản mẫu mực, kiên trung, nhà chính trị, quân sự song toàn"*[65]. Năm 2010, Viện phối hợp với Bộ Tư lệnh Quân khu 5 tổ chức hội thảo *"Đại tướng Đoàn Khuê - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng"*[66]. Năm 2013, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Đại tướng Chu Huy Mân và Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bộ Quốc phòng phối hợp với tỉnh ủy Nghệ An, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Học viện

[62] Học viện Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dựng nước và giữ nước,* Nxb QĐND, H.2000.
[63] Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Anh hùng dân tộc, thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định,* Nxb QĐND, H.2000.
[64] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Viện Khoa học xã hội và nhân văn quân sự, *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sản xuất xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam,* Nxb QĐND, H. 2007.
[65] Bộ Quốc phòng, Tỉnh ủy Nghệ An, *Phùng Chí Kiên - Người cộng sản mẫu mực, kiên trung, nhà chính trị, quân sự song toàn,* Nxb QĐND, H.2009.
[66] Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Đại tướng Đoàn Khuê - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng,* Nxb QĐND, H.2010.

chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức cuộc cuộc hội thảo *"Đồng chí Chu Huy Mân với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An"*[67]; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế tổ chức cuộc hội thảo "*Đồng chí Nguyễn Chí Thanh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế*"[68]. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh Đại tướng Lê Trọng Tấn, Đại tướng Hoàng Văn Thái, Đại tướng Văn Tiến Dũng, Đại tướng Lê Đức Anh, Bộ Quốc phòng giao Viện Lịch sử quân sự Việt Nam lần lượt tổ chức cuộc hội thảo *"Đại tướng Lê Trọng Tấn - Nhà quân sự đức độ, mưu lược của cách mạng Việt Nam*" vào các năm 2014[69]; cuộc hội thảo *"Đại tướng Hoàng Văn Thái - Nhà quân sự tài năng, đức độ của cách mạng Việt Nam"* vào năm 2015[70]; cuộc hội thảo "*Đại tướng Văn Tiến Dũng với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nội*" vào năm năm 2017[71], cuộc hội thảo "*Đồng chí Lê Đức Anh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên - Huế"* vào năm 2020[72]. Trong năm 2016, nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày mất "Lưỡng quốc tướng quân" Nguyễn Sơn, Bộ Quốc phòng giao Viện Lịch sử quân sự tổ chức cuộc hội thảo khoa học "*Thiếu tướng Nguyễn Sơn - Người chiến sĩ cộng sản kiên trung*"[73].

Đặc biệt, kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25-8-1911/25-8-2021), thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Chính phủ và Tỉnh ủy Quảng Bình tổ chức cuộc hội thảo khoa học *"Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp - Một tài năng quân sự xuất chúng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của cách mạng Việt Nam"*[74]. Hội thảo được tổ chức theo hình thức trực tuyến tại 15 điểm cầu, với 2 điểm cầu chính là Thủ đô Hà Nội và tỉnh Quảng Bình.

[67] Tỉnh ủy Nghệ An, Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước, Học viện chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, *Đồng chí Chu Huy Mân với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An*, Nxb CTQGST, 2013

[68] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, *Đồng chí Nguyễn Chí Thanh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế,* Nxb CTQGST, 2013.

[69] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Đại tướng Lê Trọng Tấn - Nhà quân sự đức độ, mưu lược của cách mạng Việt Nam*, Nxb QĐND, H.2014.

[70] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Đại tướng Hoàng Văn Thái - Nhà quân sự tài năng, đức độ của cách mạng Việt Nam,* Nxb QĐND, H.2015.

[71] Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Thành ủy Hà Nội, *Đại tướng Văn Tiến Dũng với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Nội,* Nxb CTQGST, 2017.

[72] Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Chủ tịch nước và Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế , *Đồng chí Lê Đức Anh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên - Huế,* Nxb CTQGST, H.2020.

[73] Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Thiếu tướng Nguyễn Sơn - Người chiến sĩ cộng sản kiên trung*, Nxb QĐND, H.2016.

[74] Bộ Quốc phòng, Ban Tuyên giáo Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Tỉnh ủy Quảng Bình, *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp một tài năng quân sự xuất chúng nhà lãnh đạo có uy tín lớn của cách mạng Việt Nam*, Nxb CTQGST, H.2021.

3. Thành tựu và một vài nhận xét

Các danh nhân quân sự được tiếp cận từ nhiều nguồn tài liệu, qua phân tích, đối chiếu, so sánh đã trình bày và làm rõ thân thế và sự nghiệp gắn liền với những cống hiến của từng nhân vật trong các mặt hoạt động cụ thể như lý luận quân sự, nghệ thuật quân sự, kỹ thuật quân sự, tổ chức chỉ đạo thực tiễn kháng chiến...

Tính đến năm 2022, Viện lịch sử quân sự đã nghiên cứu và công bố về 187 danh nhân quân sự, trong đó có 74 nhân vật thuộc giai đoạn cổ trung đại, 51 nhân vật thuộc giai đoạn cận đại và 62 nhân vật thời kỳ hiện đại. Các danh nhân quân sự thời kỳ cổ trung đại chủ yếu được thể hiện trong công trình *Danh nhân quân sự Việt Nam*, tập I và tập II, trong đó có các nhân vật tiêu biểu như Cao Lỗ, Trưng Trắc, Lê Chân, Bà Triệu, Lý Bí, Phạm Tu, Triệu Quang Phục, Dương Thanh, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền, Phạm Bạch Hổ, Đinh Bộ Lĩnh, Phạm Cự Lạng, Lê Hoàn, Tô Hiến Thành, Lý Thường Kiệt, Lê Phụng Hiểu, Trần Thủ Độ, Lê Tần, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Nguyễn Thế Lộc, Trần Khát Chân, Hồ Nguyên Trừng, Đặng Tất, Đặng Dung, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai, Nguyễn Chích, Đinh Lễ…

Giai đoạn từ khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913) đến khởi nghĩa Yên Bái (1930) là một thời kỳ lịch sử đầy biến động, diễn ra nhiều xu hướng tư tưởng giải phóng dân tộc, nhưng dòng chủ lưu chính là "trực tiếp đấu tranh chống Pháp". Trong thời kỳ này, mặc dù đế quốc Pháp cơ bản đã bình định xong nước ta (1896) và có ưu thế về vũ khí, kỹ thuật quân sự cũng như kỹ năng tác chiến, nhưng nhân dân ta vẫn kiên quyết chiến đấu chống ách áp bức thực dân, giải phóng dân tộc. Từ trong cuộc đấu tranh đầy thử thách và gian nan đó đã có nhiều người nêu cao chí khí, cống hiến tài năng, hy sinh quên mình vì sự nghiệp cứu nước, tiêu biểu là Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Lương Ngọc Quyến, Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn), Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, Nguyễn Văn Cung (Đội Cung)...

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930) đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi (1975) là thời kỳ lịch sử đầy thử thách, khó khăn nhưng vô cùng oanh liệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã bền bỉ đấu tranh, giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Từ trong cuộc đấu tranh sôi động và hào hùng đó, nhiều người đã phát huy cao độ

ý chí kiên cường, trí tuệ tài ba và năng lực sáng tạo, có nhiều công hiến trong lĩnh vực quân sự, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, tôn vinh. Tiêu biểu là các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Trần Phú, Lê Hồng Phong; Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Lê Quang Đạo.

Những người trực tiếp cầm quân, chỉ huy chiến đấu lập nhiều chiến công trong khởi nghĩa vũ trang cũng như trong thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược như Nguyễn Hữu An, Lê Quảng Ba, Trần Tử Bình, Nguyễn Bình, Nguyễn Văn Bứa, Nguyễn Chánh, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Anh Đệ, Nguyễn Thị Định, Bằng Giang, Trần Quý Hai, Song Hào, Đặng Vũ Hiệp, Lê Quang Hòa, Đỗ Xuân Hợp, Lê Thiết Hùng, Cao Văn Khánh, Phùng Chí Kiên, Phạm Kiệt, Đoàn Khuê, Vũ Lăng, Vũ Lập, Lê Hiến Mai, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Sâm, Nguyễn Sơn, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Chí Thanh, Trần Văn Trà, Đàm Quang Trung, Tạ Xuân Thu, Vương Thừa Vũ.

Trong số 187 nhân vật được nghiên cứu và công bố có 11 danh nhân là chủ đề trong các công trình nghiên cứu và hội thảo khoa học gồm Văn Tiến Dũng, Song Hào, Phùng Chí Kiên, Đoàn Khuê, Hồ Chí Minh, Quang Trung - Nguyễn Huệ, Nguyễn Sơn, Lê Trọng Tấn, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Thái, Trần Quốc Tuấn. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhân vật có tần số xuất hiện nhiều nhất, gồm 3 công trình nghiên cứu và 2 cuộc hội thảo khoa học, trong đó chuyên khảo "*Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*" sau lần xuất bản đầu tiên vào năm 1990 được Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tái bản lần thứ hai vào năm 1995. Trần Quốc Tuấn được thể hiện trong 2 công trình và 1 cuộc hội thảo khoa học. Quang Trung - Nguyễn Huệ là chủ đề của 1 công trình và 1 cuộc hội thảo khoa học. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh được công bố trong 1 công trình và 2 cuộc hội thảo khoa học. Các nhân vật Văn Tiến Dũng, Song Hào, Phùng Chí Kiên, Đoàn Khuê, Nguyễn Sơn, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái là chủ đề nghiên cứu trong 1 công trình và 1 cuộc hội thảo khoa học.

Các danh nhân quân sự là người đứng đầu các chính quyền tự chủ và triều đại quân chủ độc lập được nghiên cứu gồm Lý Bí, Phùng Hưng, Lê Hoàn, Đinh Bộ Lĩnh, Mai Thúc Loan, Lê Lợi, Hàm Nghi, Triệu Quang Phục, Ngô Quyền, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông, Quang Trung - Nguyễn Huệ, Trưng Trắc. Các đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam được nghiên

cứu gồm Trần Phú, Lê Hồng Phong là các danh nhân quân sự thời đại Hồ Chí Minh.

Các danh nhân quân sự là hai cha - con được Viện Lịch sử quân sự nghiên cứu gồm danh tướng Đặng Tất và danh tướng Đặng Dung thời nhà Hồ. Danh nhân là hai anh - em gồm danh tướng Nguyễn Nhạc và danh tướng Nguyễn Huệ thời Tây Sơn. Danh nhân là hai vợ - chồng gồm nữ tướng Bùi Thị Xuân và danh tướng Trần Quang Diệu thời Tây Sơn; Hoàng Hoa Thám và Đặng Thị Nhu, Nguyễn Thái Học và Đặng Thị Giang trong thời kỳ cận đại.

Các danh nhân quân sự thuộc các dân tộc ít người được nghiên cứu bao gồm Cầm Bá Thước, người dân tộc Thái, quê ở chòm Lùm Nưa, tổng Trịnh Vạn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Hà Văn Mao sinh ra trong một gia đình người Mường, quê ở tổng Điền Lư, châu Quan Hoá (nay thuộc xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá). Bơ Trang Long là người dân tộc M’Nông, thuộc bộ lạc Biệt, quê ở Bu Par (Bu Pơr), một buôn nằm ở khu vực sông Đắk Rtih (ĐakRtih) bắc cao nguyên Đăk Lăk. Thượng tướng Đàm Quang Trung, dân tộc Tày, quê ở bản Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Ông nguyên là Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu I, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, kiêm Chủ tịch Hội đồng dân tộc. Thiếu tướng Lê Quảng Ba, người Tày, ở bản Nà Nghiềng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Các nữ danh nhân quân sự tiêu biểu gồm Lê Chân, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Giang, Đặng Thị Nhu, Trưng Trắc, Bà Triệu, Bùi Thị Xuân.

Trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, đặc biệt trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt Nam luôn không ngừng vươn lên, phát huy cao độ ý chí kiên cường, trí tuệ và năng lực sáng tạo của toàn dân, thực hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, cả nước đồng lòng, toàn dân đánh giặc. Từ trong các cuộc đấu tranh gian lao, anh dũng đó đã xuất hiện nhiều tướng lĩnh tài năng, đức độ, có nhiều đóng góp xuất sắc trên lĩnh vực quân sự. Cống hiến to lớn, có ý nghĩa quan trọng của các danh nhân trong lĩnh vực quân sự luôn được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận, tôn vinh.

Hoạt động lý luận và thực tiễn của các danh nhân quân sự không chỉ góp phần to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giành, giữ nền độc lập dân tộc mà còn để lại nhiều kinh nghiệm và bài học sâu sắc cho các thế hệ. Tuy nhiên, công việc nghiên cứu về các danh nhân quân sự vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các nhân

vật thuộc giai đoạn cổ - trung - cận đại. Với những sự kiện lịch sử đã chìm sâu vào trong quá khứ dân tộc, bị lớp bụi thời gian bao phủ, trong tình trạng sử liệu phần nhiều khuyết thiếu, có nhiều vấn đề lịch sử hầu như không thể nghiên cứu, phục dựng chính xác được, chưa nói đến mong muốn đánh giá cho thấu đáo, công bằng.

Những di sản của các danh nhân quân sự thực sự là tài sản vô giá của dân tộc, rất cần được chú trọng nghiên cứu công phu, khai thác và phát huy trong thời kỳ mới. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu danh nhân quân sự nói chung, danh nhân quân sự thời hiện đại nói riêng là cần thiết, có ý nghĩa khẳng định, tôn vinh những cống hiến to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta, đồng thời, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu lịch sử quân sự dân tộc, truyền thụ kinh nghiệm và bồi đắp truyền thống cách mạng cho các thế hệ.

SUY NGHĨ VỀ VIỆC ĐẨY MẠNH KHAI THÁC GIÁ TRỊ CỦA CÁC DANH NHÂN VĂN HÓA TRONG GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CHO THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM

PGS.TS ĐÀO TUẤN THÀNH
Trường ĐHSP Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử của mỗi dân tộc, các danh nhân là những đại diện xuất sắc cho nền văn hóa, bản sắc dân tộc. Thế giới biết đến danh tiếng của mỗi quốc gia, một phần là nhờ tầm ảnh hưởng, sự lan tỏa các giá trị mà danh nhân trên các lĩnh vực khác nhau (văn hóa, quân sự, khoa học, nghệ thuật v.v…) lan tỏa ra bên ngoài biên giới quốc gia. Những thập niên đầu thế kỷ XXI, nhân loại đang chứng kiến sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa trở thành một xu thế không thể đảo ngược. Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế. Càng hội nhập quốc tế sâu rộng, việc giữ gìn bản sắc dân tộc của các quốc gia nói chung, Việt Nam nói riêng trở thành mối quan tâm hàng đầu, không chỉ của các nhà lãnh đạo, mà còn của cả những người tâm huyết với lịch sử, văn hóa dân tộc.

Làm thế nào mà trong tiến trình phát triển, Việt Nam vừa tiếp thu tối đa những thành tựu văn hóa, văn minh của nhân loại, lại vừa không mất đi bản sắc dân tộc, nhận diện được bản sắc Việt Nam trên thế giới, luôn là một việc không dễ, nhưng phải làm cho được. Trong các danh nhân, Danh nhân văn hóa luôn có tầm ảnh hưởng rất lớn, lâu dài đối với đất nước, có lợi thế khi quảng bá các giá trị vô giá đến cộng đồng quốc tế.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả muốn góp phần làm sáng rõ một số nội dung liên quan đến Danh nhân văn hóa như: (1) Khái niệm "Danh nhân" và "Danh nhân văn hóa"; (2) Tầm quan trọng của các Danh nhân văn hóa; (3) Sự cần thiết phải đẩy mạnh khai thác giá trị của tầm ảnh hưởng của Danh nhân văn hóa trong giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay và mai sau, phục vụ cho sự phát triển của nền văn hóa dân tộc, trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

2. Nội dung

Theo tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Khoa học Liên hợp quốc (UNESCO), thuật ngữ "danh nhân thế giới" ("great personalities") để chỉ những nhân vật nổi tiếng, kiệt xuất góp phần xây dựng, phát triển nền văn minh nhân loại. Những nhân vật này có nhiều đóng góp quan trọng cho nền Văn hóa, Giáo dục, Khoa học thế giới. Còn theo cố GS. AHLĐ Vũ Khiêu, "Danh nhân là những người trong lúc sinh thời đã có nhiều đóng góp cho đất nước, cho quê hương. Từ khi qua đời, họ vẫn tiếp tục sống trong lòng mọi người, được mọi người quý trọng và noi gương"[75]. Còn cố GS TS Phan Ngọc Liên thì có quan điểm cho rằng "Danh nhân là người có tài, đức nổi tiếng trong lịch sử, được ghi công và nhân dân truyền tụng"[76].

Có thể thấy, Danh nhân là những người kiệt xuất, tài năng, có nhân cách đáng kính, nổi tiếng trong lịch sử. Danh nhân văn hóa là những người có nhiều công trình để lại cho hậu thế, các nghiên cứu hay sư sáng tạo của họ có ảnh hưởng lâu dài, lớn lao đối với nền văn hóa dân tộc. Những đóng góp của họ nhiều khi không chỉ dừng trong biên giới quốc gia mà còn cả ở tầm khu vực hay quốc tế. Nhân cách, sự nghiệp của các danh nhân được cộng đồng ghi nhận, nhân dân kính trọng và tôn vinh.

Về phân loại danh nhân lịch sử, có thể tạm xếp loại danh nhân theo loại hình hoạt động/lĩnh vực nghề nghiệp gồm: danh nhân văn hóa, danh nhân giáo dục, danh nhân quân sự, danh nhân khoa học v.v… Còn nếu xét danh nhân lịch sử theo tầm ảnh hưởng thì có thể xếp danh nhân theo cấp độ như Danh nhân thế giới; Danh nhân quốc gia; Danh nhân địa phương và Danh nhân dòng họ. Dù ở mức độ nào, danh nhân lịch sử trên các lĩnh vực luôn là những người có ảnh hưởng trong xã hội, người đời sau nhớ về họ, noi gương theo họ, họ cũng là những người truyền cảm hứng cho những giá trị đẹp đẽ, nhân văn.

Danh nhân văn hóa là tác giả của những trước tác văn học, sử học, triết học, nghệ thuật, phương pháp chữa bệnh hoặc công nghệ nổi tiếng v.v…, có giá trị nhân văn sâu sắc, có ảnh hưởng lớn tới đời sống nhân dân qua nhiều giai đoạn lịch sử, được lịch sử ghi nhận và đánh giá cao. Cuộc đời và sự nghiệp của họ có những

---

[75] Dẫn theo GS Vũ Khiêu, *Hội thảo các Phương pháp sử dụng tiểu sử danh nhân phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học ở các nước châu Á*, NXB Đại học Sư phạm, 2003, trang 55.

[76] Dẫn theo Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Từ điển thuật ngữ lịch sử phổ thông*, NXB Giáo dục, 2005, trang 133.

đóng góp to lớn trong xây dựng và phát triển tri thức, nền văn hóa dân tộc, góp phần phát triển văn hóa, văn minh nhân loại.

Trong lịch sử Việt Nam, những nhân vật lịch sử sau có thể xếp là những Danh nhân văn hóa: *Chu Văn An* (1292-1370) - người được nhân dân tôn vinh là Vạn thế sư biểu (Người thầy của muôn đời); *Hải Thượng Lãn ông Lê Hữu Trác* (1724-1791) - tác giả của bộ Bách khoa toàn thư của nền y dược học cổ truyền Việt Nam; Nguyễn Trãi (1380-1442) - người được Vua Lê Thánh Tông ban tặng câu thơ: "Ức trai tâm thượng quang Khuê tảo" ("Lòng Ức trai sáng tựa sao Khuê"); *Nguyễn Du* (1766 - 1820) –-người được Đại Hội đồng Tổ chức Văn hóa Giáo dục của Liên hợp quốc (UNECO) tôn vinh là Danh nhân văn hóa thế giới năm 2013, do có tinh thần tự hào dân tộc và tình yêu mãnh liệt với tiếng mẹ đẻ, người đã dũng cảm sử dụng chữ Việt (chữ Nôm) để sáng tác văn chương, đỉnh cao là kiệt tác Truyện Kiều, niềm tự hào của Việt Nam v.v…

Danh nhân lịch sử nói chung, Danh nhân văn hóa nói riêng là những nhân vật lịch sử có nhân cách đạo đức cao đẹp trong cuộc sống, tài năng kiệt xuất trong lĩnh vực mà họ hoạt động. Vì thế, cuộc đời và sự nghiệp của họ luôn là tấm gương cho hậu thế, có giá trị giáo dục, có tầm ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đối với các thế hệ sau. Chính vì vậy, trong bối cảnh Việt Nam phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; toàn cầu hóa nói chung, toàn cầu hóa về văn hóa nói riêng trở thành xu thế không thể đảo ngược hiện nay, việc tăng cường phát huy giá trị giáo dục của các danh nhân lịch sử, trong đó có Danh nhân văn hóa trong giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ là rất cần thiết. Điều này sẽ góp phần rất lớn vào việc gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc trong kỷ nguyên hội nhập quốc tế. Hoạt động này sẽ giúp cho thế hệ trẻ Việt Nam nhận diện được bản thân khi giao lưu với bè bạn quốc tế, qua đó, góp phần bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, củng cố niềm kiêu hãnh quốc gia.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, kinh tế Việt Nam phát triển mạnh mẽ, vị thế của quốc gia không ngừng cải thiện, sự giao lưu với thế giới bên ngoài được tăng cường, ngày càng có nhiều người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ sẽ đi du học, công tác ở nước ngoài. Thực tế đó, để phát triển bền vững, nhận diện được bản sắc Việt Nam trong cộng đồng quốc tế, thiết nghĩ, chúng ta cần đánh giá đúng vai trò của "Danh nhân văn hóa" trong nỗ lực phát triển tri thức và nền văn hóa dân tộc, đó cũng chính là một cách để "bồi dưỡng sức dân".

3. Thay cho lời kết

Trong hoạt động giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ, "Danh nhân văn hóa" luôn là nguồn cảm hứng để khơi dậy trong các em lòng tự hào dân tộc, nuôi dưỡng niềm đam mê, tấm gương về nhân cách đạo đức, đức tính kiên trì, nỗ lực vượt khó để đi đến thành công, xây dựng và bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của dân tộc, hiện thực hóa lòng mong mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với các em học sinh, đó là, phấn đấu để Việt Nam thịnh vượng, sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Để tăng cường và phát huy giá trị của các Danh nhân văn hóa trong giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ Việt Nam, theo quan điểm của cá nhân tác giả bài viết, chúng ta cần: (1) Nhận diện đầy đủ, chính xác sự nghiệp và công lao, đóng góp của các Danh nhân văn hóa: (2) Cần có chính sách đúng đắn, theo kịp thực tiễn của Nhà nước trong phát triển văn hóa, coi văn hóa là kim chỉ nam dẫn đường, chỉ lối cho quốc dân đi trong tiến trình phát triển của đất nước. Sự chung tay, đồng lòng của các cấp chính quyền, sự nỗ lực của các nhà giáo dục, của nhà trường của tất cả các cấp học sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát huy tối đa giá trị giáo dục của cuộc đời, sự nghiệp của các Danh nhân văn hóa. Còn văn hóa là còn dân tộc. Điều đó vẫn đúng dù thế giới đổi thay nhanh chóng và sâu sắc.

PHẦN THỨ HAI
THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU VỀ DANH NHÂN

ĐẾN VỚI DANH NHÂN HỒ CHÍ MINH QUA BỨC CHÂN DUNG TỰ HỌA TRONG "NGỤC TRUNG NHẬT KÝ"

GS. PHONG LÊ
Nguyên Viện trưởng Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Với bài viết này tôi muốn minh chứng một chân lý về sự nhất trí giữa tác phẩm và tác giả, giữa văn và người; một nhất trí làm nên bản lĩnh, cốt cách, tầm vóc và sự trường cửu các giá trị nhân văn ở một Con người đã trở thành Anh hùng giải phóng dân tộc và Danh nhân văn hóa nhân loại.

1. 135 bài thơ chữ Hán trong *Ngục trung nhật ký*, được Hồ Chí Minh viết trong khoảng thời gian từ tháng 8-1942 đến 9-1943, nơi các nhà ngục ở Quảng Tây - Trung Quốc là một sự kiện rất đặc biệt, và cũng có thể là bất ngờ đối với tác giả. Đặc biệt, bởi, theo tôi hiểu, tác giả dường như chưa có một chuẩn bị gì cho sự kiện này. Nói theo Giáo sư Đặng Thai Mai, đây là tập thơ Hồ Chí Minh ngẫu nhiên mà hái lượm được. Có nghĩa là một tập thơ bỗng dưng mà có; bởi - ít nhất có bốn khả năng khiến cho tập thơ không chào đời; và do vậy sẽ không có trong danh mục tác phẩm của Hồ Chí Minh, và trong lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX.

Đó là:

- Thứ nhất, Bác không có công việc gì để sang Quảng Châu vào thời gian đó.
- Thứ hai, Bác có việc sang Trung Quốc nhưng không bị bắt.
- Thứ ba, Bác có bị bắt, nhưng thời gian giam giữ là ngắn, chứ không phải là 14 tháng; nghĩa là người tù có thể làm thơ, nhưng lượng bài là ít hơn, hoặc rất ít.
- Thứ tư, *Ngục trung nhật ký* được viết xong nhưng Bác đã không giữ được bản thảo; có biết bao lý do để bản thảo không trở về với chủ - là tác giả, sau ngót mười năm kháng chiến đã trở về thủ đô. Và như vậy cũng sẽ không có sự hiện diện của bản thảo trong Viện Bảo tàng cách mạng, rồi chuyển sang Viện Văn học (thành lập năm 1959); để từ địa chỉ này mà có sự bận rộn của Tố Hữu, Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Nam Trân - những người tổ chức việc dịch và in ấn rất khẩn trương cho sự ra đời *Nhật ký trong tù* vào tháng 5-1960, kịp đón sinh nhật lần thứ 70 của tác giả.

Khả năng cuối cùng này, may mắn đã không xẩy ra. Thế nhưng, cho đến nay hành trình của nguyên tác vẫn còn nhiều chỗ chưa sáng tỏ. Ai đã giữ hộ cho Bác tập thơ? Ai đã gửi tập thơ về Hà Nội? Từ Hà Nội hành trình của nguyên tác là đi theo những con đường nào? Đến với Triển lãm Cải cách ruộng đất ở phố Bích Câu? Trở về kho lưu trữ của Trung ương Đảng? Rồi chuyển về Bảo tàng cách mạng? Tất cả hành trình đó là do chủ ý của Bác hay của một tổ chức nào? Đã có một số bài báo và luận án Tiến sĩ về đề tài này, nhưng tất cả theo tôi vẫn chỉ là các giả thuyết. Giá Bác có trực tiếp nói về câu chuyện này - ngay từ 1954, sau khi về thủ đô; hoặc sau 1960, khi bản dịch *Nhật ký trong tù* ra đời; hoặc giả Bảo tàng Hồ Chí Minh có một công trình chính thức về câu chuyện này mà tôi chưa được đọc, thì cho phép tôi được xin lỗi, để trình bày lại.

Trong ý tưởng thứ hai này tôi chỉ muốn khẳng định: *Ngục trung nhật ký* là một tập thơ ngẫu nhiên mà có trong một hoàn cảnh đặc biệt: Bác sang Trung Quốc và bị giam giữ ở nhiều nơi trong 14 tháng. Nếu không có hoàn cảnh đó, chắc chắn sẽ không có tập thơ. Một tập thơ Bác làm từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943; nhưng phải 17 năm sau bản dịch tiếng Việt mới đến được với công chúng rộng rãi trong nước, và qua các bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài mà đến được với công chúng thế giới. Với điểm dừng cuối cùng là Bảo tàng cách mạng, như được nói trong *Lời nói đầu* bản dịch *Nhật ký trong tù*, in lần đầu năm 1960; và với khoảng cách 17 năm trong im lặng của nó, chứng tỏ người viết không quá quan tâm đến một sản phẩm do chính mình làm ra; nói cách khác, phải chăng Hồ Chí Minh đã không xem đó là một áng văn chương, hoặc có giá trị văn chương thực sự?

2. Trong 14 tháng bị giam giữ và giải tới giải lui qua nhiều huyện thị của tỉnh Quảng Tây; trong hoàn cảnh sinh hoạt rất mực gian khổ của người tù mà nhờ vào hình thức thơ - nhật ký ta được biết, Hồ Chí Minh đã làm 135 bài thơ. Đó là cả một kỷ lục!

Điều tôi quan tâm ở đây là Hồ Chí Minh đã chọn chữ Hán và thể thơ Đường luật bảy chữ - bốn và tám câu, sau 23 năm viết bằng chữ Pháp và chữ Việt. Vì sao có một chọn lựa như thế? Câu trả lời nên chăng là, việc làm thơ, việc bộc lộ các ý tưởng và cảm xúc của mình, đối với Bác, chỉ chữ Hán mới là phương thức chuyên chở và thể hiện thích hợp nhất. Bởi nguồn gốc xuất thân, môi trường đào luyện nhân cách và học vấn của Bác là nằm trong truyền thống Nho học có lịch sử hàng ngàn năm cho kẻ Sỹ ở xứ ta, mà gia đình Bác là thuộc giòng chân Nho. Ở tuổi ngoài 50, dẫu có 30 năm xa xứ, nói và viết bằng nhiều thứ tiếng nước

ngoài, khi trở về với riêng mình, thì chữ Hán vẫn là phương tiện cô đọng và hàm súc nhất cho việc phô diễn và tự sự. Vậy thì, sau khai mở là bài *Thượng sơn* - năm 1941, ngay sau ngày về nước, bây giờ là lúc mạch nguồn ấy được khơi dậy, để thành một giòng chảy cho con người thơ trong trạng thái tự nhiên có dịp soi vào, và nhận diện.

Lý do thứ hai, theo tôi hiểu, với *Ngục trung nhật ký*, khác với tất cả các tác phẩm viết trong 23 năm về trước, đó là tập thơ Bác chỉ *viết cho riêng mình*. Không phải cho công chúng của tiếng Pháp khi ở phương Tây, hoặc của tiếng Việt sau khi về nước, ở đây là một nhu cầu ghi chép thực tại, và các trạng huống của nội tâm, mà người đọc không có ai khác ngoài bản thân mình. Để hiểu bốn câu trong bài *Khai quyển*:

Ngâm thơ ta vốn không ham
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do

(Nam Trân dịch)

Hiện tượng tìm đến chữ Hán, trong thể Đường luật, theo tôi hiểu là với các lý do như thế, chứ không phải vì bất cứ lý do gì khác, như là phải "giữ bí mật" đối với kẻ thù là bọn quản giáo của Quốc dân đảng! Bác ở trên đất Tàu, và viết bằng chữ Tàu thì có gì là bí mật đối với họ?

3. Như vậy, *Ngục trung nhật ký* đã được ra đời một cách ngẫu nhiên, không có chuẩn bị. Cũng có nghĩa tác giả ở đây là *một nhà thơ không chủ định*. Không có ý định làm thơ, *không ham* làm thơ, như bốn câu thơ trong bài *Khai quyển*, thế nhưng giá trị thơ lại được khẳng định ngay sau khi ra mắt, trên cả hai văn bản chữ Hán và chữ Việt, vào tháng 5-1960; và trên các bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, như Pháp, Nga, Anh, Tây Ban Nha, Ả Rập, Thụy Điển, Tiệp Khắc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Kể từ 1960 trở đi, trên số lượng hàng triệu bản in, hàng chục bản dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài; với hàng trăm công trình giới thiệu, hàng nghìn buổi nói chuyện của những học giả và thi nhân hàng đầu trong nước và trên thế giới, *Ngục trung nhật ký* đã có thể can dự một cách tích cực vào sinh hoạt văn hóa, tinh thần của dân tộc và nhân loại.

Một nhà thơ không chủ định, nhưng những gì được viết ra trong hoàn cảnh bị giam giữ, mất tự do lại mang theo chất thơ và những giá trị thơ đích thực, đó là

câu chuyện đã được bàn kỹ lưỡng và thấu đáo qua nhiều thế hệ học giả và độc giả, tôi cảm thấy không có tư cách để nói gì hơn, nhằm tránh sự trùng lặp và nhàm tẻ.

4. *Viết về mình* trong tính chất một nhật ký - thơ ghi chuyện hàng ngày; *và viết cho mình*, gần như không nhằm vào bất cứ một đối tượng nào khác ngoài mình, *Ngục trung nhật ký* có tất cả ưu thế để trở thành một *chân dung tự họa*, trung thực nhất và sâu sắc nhất của Hồ Chí Minh. Một tự họa không cần đến bất cứ sự tô điểm nào, hoặc bất cứ sự che dấu nào; để lần lượt, từ bài này qua bài khác, Hồ Chí Minh hiện lên trước mắt ta trong rất nhiều tư thế: nhà cách mạng mất tự do, với khát vọng lớn nhất là được tự do; một tù nhân với muôn nỗi khổ; một nạn hữu với bao cảm thông với những người thấp bé; một hồn thơ gắn bó với thiên nhiên; một con người không trốn tránh những phút yếu lòng nhưng luôn luôn chiến thắng ngoại cảnh... Như vậy là có nhiều con người trong một con người qua cách tự biểu hiện ở 135 bài thơ. Nhưng nếu thu lại cho thật gọn thì chỉ còn hai con người - đó là một *chiến sĩ cách mạng* và một *thi nhân*, với *chất thép* và *chất thơ* - như được đúc kết trong bài *Khán "thiên gia thi hữu cảm"*.

Thơ xưa thường chọn thiên nhiên đẹp
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông
Nay ở trong thơ nên có thép
Nhà thơ cũng phải biết xung phong

(Nam Trân dịch)

"Nay ở trong thơ nên có thép". Quả chất thép là cần vì sự định hướng cao cả và triệt để cho hoạt động của con người nhằm vào *cái tốt, cái thiện*. Nhưng đây lại là chất thép trong thơ; và như vậy, chất thơ lại cần cho sự phát triển và hoàn thiện con người, như một sản phẩm của tự nhiên và xã hội nhằm vào *cái đẹp*. Có cái trước để có cái sau. Rất cần nhấn mạnh tầm quan trọng của cái trước, nhưng cái sau mới là hệ quả, là mục tiêu mà con người cần theo đuổi. Những ai nói đến Hồ Chí Minh như là người theo đuổi đến cùng mục tiêu cách mạng, nếu có dịp dừng lại, đi sâu vào phẩm chất nghệ sĩ này sẽ thấy đó là con người luôn tạo được thế hài hòa, luôn tìm được sự bù đắp và thư giãn cho mình trong những hoàn cảnh gieo neo, khốc liệt. Và đó chính là biểu hiện, là bản lĩnh của sự kết hợp giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ.

Con người đó, cho đến hôm nay, trong sự soát xét lại các giá trị của thời gian, vẫn nguyên vẹn sự trọn vẹn như trong câu thơ của Tố Hữu:

Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng
Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay
(Theo chân Bác)

Với *Nhật ký trong tù*, ta may mắn có được *bức chân dung tự họa* của con người Hồ Chí Minh. Rồi với cuộc đời Hồ Chí Minh ta càng hiểu thêm giá trị *Nhật ký trong tù*. Không có độ chênh giữa tác phẩm và tác giả. Hơn, và khác với bất cứ ai khác, có thể có độ chênh ít nhiều, thậm chí có khi khác biệt giữa văn và người, với Hồ Chí Minh, con người thực là bảo đảm bằng vàng cho thơ. Dẫu vậy, thơ chỉ mới nói được một phần nhỏ về người. Con người Hồ Chí Minh lớn hơn bất kỳ sự thể hiện nào trong thơ. Nhưng thơ, để hiểu con người, và để hiểu rộng ra nhiều điều khác nữa; và thơ - trong những lay động sâu xa về tình cảm, và khát vọng hướng tới cái Đẹp, cái Cao thượng… như trong *Nhật ký trong tù* lại là một sản phẩm quý giá, không gì thay thế được, càng không gì so sánh được.

Kể từ *Yêu sách của nhân dân An Nam* (1919) đến *Di chúc* (1969), trên hành trình 50 năm viết, qua rất nhiều thể, loại thơ và văn, Hồ Chí Minh đã để lại hai tác phẩm như hai tượng đài kề sát nhau, đó là *Ngục trung nhật ký* (1943) và *Tuyên ngôn độc lập* (1945). Một được viết trong tư cách người tù. Một trong tư cách lãnh tụ dân tộc - Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Một như là viết cho riêng mình. Một là viết cho 25 triệu công dân Việt và hàng triệu bạn bè, anh em trên thế giới.

Nói Hồ Chí Minh, bất cứ ở phương diện nào cũng là nói đến một tầm vóc lớn, một chân dung lớn, với khát vọng cao đẹp nhất là *độc lập cho dân tộc và tự do cho con người*: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"[(1)]. Hai khát vọng được biểu trưng một cách đột xuất trong *Ngục trung nhật ký* - năm 1943 và *Tuyên ngôn độc lập* - năm 1945, cả hai gắn nối với nhau để cùng xuất hiện trong một thời điểm trọng đại của lịch sử dân tộc Việt.

Tháng 11 - 2022
P.L

[(1)] *Trả lời các nhà báo*; tháng 1-1946; *Hồ Chí Minh - Tuyển tập*; Nxb. Sự thật; 1980; tr.381.

ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP BẬC DŨNG TƯỚNG VÀ NHÂN TƯỚNG TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH

THIẾU TƯỚNG, NHÀ GIÁO NHÂN DÂN,
GS.TS NGUYỄN VĂN TÀI
Nguyên Phó giám đốc Học viện Chính trị
Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Danh nhân

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Tổng Tư lệnh đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng - vị tướng của nhân dân, vị tướng vì hoà bình, mãi lưu danh lịch sử, niềm tự hào của con người Việt Nam và sự ngưỡng mộ sâu sắc của bạn bè năm châu. Ông là bậc dũng tướng và nhân tướng trong thời đại Hồ Chí Minh:

"Võ công truyền quốc sử.
Văn đức quán nhân tâm".

Đại tướng, sử gia Anh Peter Macdonald - tác giả cuốn Giap - an assessment, bản tiếng Pháp Giap - les deux guerres d'Indochine[77] đã viết: *"30 năm trước, trước khi nổ ra cuộc Đại chiến thế giới lần thứ I, ngày 25 tháng 8 năm 1911, ở làng An Xá (tỉnh Quảng Bình), gần vĩ tuyến 17, đã sinh ra một con người sẽ là một trong những người hiếm hoi làm chuyển dịch dòng chảy của lịch sử. Người ấy sẽ xuất hiện trước toàn thế giới như vị tướng của một quân đội sơ khai nhưng đã chiến thắng hai cường quốc phương Tây, đó là Đại tướng Võ Nguyên Giáp".*

Đại tướng Võ Nguyên Giáp sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho, thuộc một dòng họ lớn, có tiếng tăm, từng tham gia Phong trào Văn Thân và Phong trào Cần Vương. Ông có bố và vợ đều là liệt sỹ, hy sinh trong thời kỳ chống Pháp.

Ký giả nổi tiếng Oriana Fallaci, trong bài phỏng vấn nhan đề "*Mỹ sẽ thua, tướng Giáp khẳng định"* (Americans will lose, says General Giap), đăng trên báo Washington Post, ngày 6 tháng 4 năm 1969, mô tả về ấn tượng khi được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp như sau: *"Đôi mắt của Giáp! Hẳn đây là đôi mắt thông minh nhất mà tôi từng được thấy. Sắc sảo, linh lợi, tươi vui, dữ dội - tất thảy mọi*

[77] https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B5_Nguy%C3%AAn_Gi%C3%A1p#cite_note-tuoitre-126

thứ. Một đôi mắt long lanh như hai tia sáng, xuyên thấu người ta tựa như hai lưỡi kiếm, ánh mắt đầy quyết đoán, uy nghi".

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, bằng ý chí và nghị lực phi thường, sự phấn đấu không ngừng nghỉ, Đại tướng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, xứng đáng với sự tin tưởng của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam. Đại tướng là nhà quân sự xuất chúng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta.

Có thể nói, bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Võ Nguyên Giáp là ngày 3 tháng 5 năm 1940, với bí danh là Dương Hoài Nam, ông đã cùng Phạm Văn Đồng lên Lào Cai rồi vượt biên sang Trung Quốc để gặp Hồ Chí Minh. Từ đây, ông đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp giáo dục, rèn luyện. Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương trong năm này và bắt đầu các hoạt động của mình trong Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội, một tổ chức chống phát-xít và đấu tranh cho độc lập của Việt Nam. Mùa xuân năm 1941, Võ Nguyên Giáp cùng Hồ Chí Minh trở về Cao Bằng. Trong thời gian ở hang Pác Bó, giữa lúc Cách mạng Việt Nam đang rất khó khăn, Hồ Chí Minh tiên đoán chuẩn xác cách mạng sẽ thành công vào năm 1945: *"Trong 5 năm nữa (tính từ 1941) cách mạng sẽ thành công, điều chúng ta mong đợi sẽ tỏa sáng"*. Lời tiên đoán chuẩn xác đó đã giúp Võ Nguyên Giáp và các đồng chí có thêm niềm tin vào tương lai.

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, ông thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại chiến khu Trần Hưng Đạo với 34 chiến sỹ, được trang bị vũ khí thô sơ. Đây là tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngay sau đó hai ngày (25 tháng 12 năm 1944), ông đã chỉ huy đội quân này lập chiến công đầu tiên là tập kích diệt gọn hai đồn Phai Khắt và Nà Ngần, mở đầu truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông được cán bộ, chiến sĩ Quân đội yêu mến, kính trọng, suy tôn là *"Người Anh Cả"* của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1945, ông trở thành uỷ viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là ủy viên Thường vụ Trung ương, tham gia Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Trong thời kỳ ở Việt Bắc, nhiều người bối rối dao động, e ngại làm sao Cách mạng thành công khi không có súng để đánh địch. Những lúc ấy, ông không bao giờ quên lời dạy của Hồ Chủ tịch, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân: *"Chúng*

ta sẽ dựa vào sức mình là chính cùng với một ít viện trợ từ nước ngoài. Mọi việc đều do nhân dân mà nên. Người trước súng sau, có nhân dân là có tất cả.".

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ông là một trong những người sáng lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, được đánh giá là "người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Năm 1946, cả nước lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Dưới ngọn cờ bách chiến, bách thắng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã góp phần làm nên những chiến thắng vĩ đại, trở thành một vị tướng huyền thoại, một thiên tài quân sự... và được sự ngưỡng mộ, kính trọng của nhiều, chính khách, học giả và đông đảo nhân dân thế giới.

Mặc dù không được đào tạo tại bất kỳ trường quân sự nào trước đó, không phải trải qua các cấp bậc quân hàm trong quân đội, nhưng ông được phong quân hàm Đại tướng vào ngày 28 tháng 5 năm 1948 (theo sắc lệnh 110/SL Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 20 tháng 1 năm 1948) trở thành Đại tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam khi 37 tuổi.

Ông là Tư lệnh kiêm Chính uỷ, Bí thư Đảng uỷ của các chiến dịch trong cuộc Kháng chiến chống Pháp (1946-1954). Đặc biệt, năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng tin tưởng trao cho toàn quyền chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ. Trước khi ra trận, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn dò: *"Trận này chỉ được thắng không được thua*" và trao cho toàn quyền *"Tướng quân tại ngoại*". Ông lên kế hoạch và chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam tấn công Điện Biên Phủ. Sau 56 ngày đêm, đội quân nhà nghề được trang bị hiện đại của Liên hiệp Pháp bị đánh bại. Chiến thắng này đã chấm dứt lịch sử 83 năm đô hộ của Pháp tại Đông Dương và đã đưa Võ Nguyên Giáp đi vào lịch sử thế giới như là một danh nhân quân sự Việt Nam, một người hùng của các nước Thế giới thứ ba đang bị thực dân đô hộ.

Robert Templer đã viết: Đã viết: "*Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một người lính tự học, và ông đã trở thành một trong những chỉ huy quân sự quan trọng nhất của thế kỷ XX. Ông đã sử dụng uy tín của mình và kỹ năng chiến thuật để biến đổi một đội ngũ nhỏ du kích Việt Nam thành một quân đội đánh bại cả Pháp và Mỹ... năm 1954, ông đã biến nhóm du kích này trở thành Quân đội nhân dân Việt Nam và đã đánh bại Pháp ở trận Điện Biên Phủ. Sự đầu hàng của quân Pháp sau*

cuộc bao vây 55 ngày trong khu thung lũng ở tây bắc Việt Nam là dấu chấm hết cho chủ nghĩa thực dân ở Đông Dương"

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, người dân ở các nước thuộc địa bị nô dịch đã xem Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp là ngọn cờ để hạ quyết tâm lật đổ chế độ thực dân giành lại nền độc lập dân tộc của mình. Năm 1962, nhà lãnh đạo giải phóng dân tộc Ferhat Abbas, sau này trở thành tổng thống đầu tiên của Algerie, trong lời đề tựa cuốn "Đêm thực dân" (La Nuit Coloniale) đã viết: *"Điện Biên Phủ không chỉ là một chiến thắng quân sự. Đó là khẳng định của người dân châu Á và châu Phi trước người châu Âu. Đó là xác nhận về nhân quyền quy mô toàn cầu. Tại Điện Biên Phủ, nước Pháp đã đánh mất sự hiện diện hợp lý duy nhất, đó là lý lẽ của kẻ mạnh".* Các dân tộc châu Phi và Mỹ La-tinh tin rằng chiến thắng Điện Biên Phủ do ông chỉ huy là khởi nguồn cho nền độc lập ngày nay của họ.

Trong cuộc Kháng chiến chống Mỹ (1955-1975), Đại tướng Võ Nguyên Giáp lại bước vào cuộc trường chinh giải phóng dân tộc. Cuối năm 1972, Võ Nguyên Giáp tham gia chỉ huy chiến dịch 12 ngày đêm chống lại cuộc ném bom oanh tạc miền Bắc bằng B-52 của không quân Mỹ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp phê chuẩn phương án tác chiến đã được Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và tập thể lãnh đạo Bộ Tổng tham mưu trực tiếp thông qua (cuối tháng 11 năm 1972). Đêm 26 tháng 12 năm 1972, từ sở chỉ huy tối cao, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã biểu dương các đơn vị lập công bắn rơi B 52 và ra lời kêu gọi: *"Kẻ địch thua đau và nhất định sẽ bị thất bại hoàn toàn. Nhưng, chúng vẫn ngoan cố kéo dài cuộc tập kích. Các đơn vị hãy bắn rơi nhiều B52 nữa, hãy giáng cho quân Mỹ một đòn "Điện Biên Phủ" ngay trên bầu trời Hà Nội, Thủ đô thân yêu của chúng ta."* Tên gọi *"Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không"* xuất hiện từ đó. Thất bại trong chiến dịch này buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Paris.

Cuối năm 1974, ông đã tiếp thu các ý kiến của Bộ Chính trị để hoàn thiện bản *"Kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà*", và tiến hành tổ chức tiến hành tổng tấn công, giải phóng hoàn toàn miền Nam 30/4/1975. Mệnh lệnh nổi tiếng đi vào lịch sử của Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ đạo Chiến dịch Hồ Chí Minh là *"Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng phút, từng giờ, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam, quyết chiến và toàn thắng".*

Sau cuộc Kháng chiến chống Mỹ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng là người chỉ huy lực lượng vũ trang trong các cuộc Chiến tranh tranh bảo vệ Tổ quốc ở hai đầu biên giới (1978 - 1979). Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người chỉ huy quân sự cấp chiến lược tài năng xuất chúng, đã có công lao to lớn trong các cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Suốt cuộc đời hoạt động quân sự của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lần lượt đọ sức và đánh thắng 10 đại tướng của Pháp và Mỹ (*4 Pháp và 6 Mỹ*), chưa kể đến nhiều viên đại tướng của chính quyền nguỵ Việt Nam Cộng hoà. Các tướng lĩnh Mỹ khi nhắc đến tên ông vẫn rất kính nể, William Westmoreland gọi ông là "*Tướng huyền thoại*" (Legendary Giap)... Trong bách khoa toàn thư của Mỹ và của nhiều nước, tên và hình ảnh của ông được ghi lại như là một trong những vĩ nhân quân sự hiển hách nhất.

Trên cương vị là Tổng Tư lệnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người có đóng góp cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng các Quân binh chủng, các binh đoàn chủ lực lớn mạnh, xây dựng đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh trên bộ và đường Hồ Chí Minh trên biển chi viện kịp thời cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là nhà chỉ huy quân sự có tài thao lược kiệt xuất, mà còn là bậc thầy về chiến lược, nghệ thuật quân sự, đã để là nhiều công trình, nhiều tác phẩm về nghệ thuật quân sự có giá trị. Những kiến thức và tài năng quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều do tự nghiên cứu từ lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam và lịch sử quân sự thế giới; tự rèn luyện, tự đúc kết kinh nghiệm qua thực tiễn chiến đấu của Quân đội ta, được thế giới khâm phục, suy tôn là một trong những danh tướng trong lịch sử nhân loại.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp có công lao to lớn trong việc hình thành, phát triển học thuyết quân sự Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, kế thừa, phát triển và phát huy truyền thống lịch sử chống giặc ngoại xâm của ông cha vào thời đại mới. Ông nói: *Cho dù có sức mạnh quân sự, người Mỹ đã tính toán sai những hạn chế trong sức mạnh của mình. Trong chiến tranh chỉ có hai yếu tố - con người và vũ khí. Dù vậy, cuối cùng con người vẫn là nhân tố quyết định. Con người! Con người!*

Đại tướng Võ Nguyên Giáp chú trọng nghệ thuật lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy thô sơ thắng hiện đại. Tư tưởng quân sự nổi tiếng của Đại tướng về Chiến tranh nhân dân là dựa trên cơ sở lý luận quân sự Mác-Lênin, tư tưởng

quân sự Hồ Chí Minh, tư tưởng nghệ thuật đánh giặc của tổ tiên, tinh hoa tri thức quân sự thế giới, và được đúc rút từ kinh nghiệm cá nhân được liên tục cập nhật trong thực tiễn nhiều cuộc chiến tranh. Ông nói: "*Nghệ thuật quân sự của chúng ta, là lấy tinh thần chế ngự vật chất, lấy yếu chế ngự mạnh, lấy thô sơ chế ngự hiện đại. Chúng ta đánh bại quân đội đế quốc hiện đại bằng tinh thần yêu nước của nhân dân cùng với chủ nghĩa Anh hùng Cách mạng.*

Đại tướng Võ Nguyên Giáp tổng kết: "*Dân tộc ta có thể tự hào rằng: Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, chúng ta đã chứng minh một chân lý vĩ đại. Chân lý đó là trong thời đại ngày nay một dân tộc thuộc địa bị áp bức, khi đã biết đứng dậy đoàn kết đấu tranh, kiên quyết chiến đấu cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội thì có đầy đủ khả năng để chiến thắng quân đội xâm lược hùng mạnh của một nước đế quốc chủ nghĩa*".

Trong tư tưởng quân sự của Võ Nguyên Giáp vừa kế thừa những tư tưởng quân sự từ Lê Lợi, Trần Hưng Đạo…, vừa tiếp thu tinh hoa quân sự của Tôn Tử, Napoleon, của Thomas Lawrence và nhiều người khác. Ông tạo nên những nét sáng tạo của chính mình về lý luận chiến lược quân sự, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. *"Tài thao lược của tướng Giáp về chiến lược, chiến thuật và hậu cần được kết hợp nhuần nhuyễn với chính trị và ngoại giao... Sức mạnh hơn hẳn về kinh tế, tính ưu việt về công nghệ cùng với sức mạnh áp đảo về quân sự và hỏa lực khổng lồ của các quốc gia phương Tây đã phải khuất phục trước tài thao lược của một vị tướng từng một thời là thầy giáo dạy sử".* - Bách khoa toàn thư quân sự Bộ Quốc phòng Mỹ (xuất bản năm 1993)

Là người tổ chức quân đội nhân dân, ông Giáp đã thực hiện được một sự tổng hợp độc đáo các học thuyết quân sự mácxít kết hợp nhuần nhuyễn với truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, vận dụng khôn khéo vào những điều kiện của một quốc gia có đất đai tương đối hẹp. Võ Nguyên Giáp đã chứng minh rằng ông có những đức tính ngoài tầm cỡ bình thường trên mọi lĩnh vực lớn của cuộc chiến tranh". - Bách khoa toàn thư Pháp, mục từ về Võ Nguyên Giáp

"*Ông không chỉ trở thành một huyền thoại mà còn là một trong những vị tướng tài năng nhất về chiến tranh nhân dân và là một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của tất cả các thời đại…. Nếu Karl von Clausewitz - chiến lược gia quân sự bậc thầy của nước Phổ - sống lại chắc hẳn phải kính cẩn cúi chào vị tướng này*" - Nhà sử học quân sự Mỹ Cecil Currey

"Võ Nguyên Giáp là một trong 21 vị danh tướng của thế giới trong 25 thế kỷ qua, từ thời Alexandre Đại đế đến Hannibal rồi đến thời cận hiện đại với Kutuzov, Zhukov..., những người đã có chiến công tạo nên bước ngoặt của nghệ thuật chiến tranh. - Duncan Townson, sách Những vị tướng lừng danh

"Trong suốt thời gian đó [quá trình chỉ huy quân đội của vị tổng tư lệnh], ông không chỉ trở thành một huyền thoại mà có lẽ còn trở thành một thiên tài quân sự lớn nhất của thế kỷ XX và một trong những thiên tài quân sự lớn nhất của tất cả các thời đại... Ông Giáp là vị tướng duy nhất trong lịch sử hiện đại tiến hành chiến đấu chống kẻ thù từ thế vô cùng yếu, thiếu trang bị, thiếu nguồn tài chính, dù mới đầu trong tay chưa có quân, vậy mà vẫn liên tiếp đánh bại tàn quân của đế quốc Nhật Bản, quân đội Pháp (một đế chế thực dân số 2) và quân đội Mỹ (một trong hai siêu cường thế giới)... Ông Giáp là chuyên gia hiện hữu vĩ đại nhất về chiến tranh nhân dân... là một vị tướng hậu cần vĩ đại của mọi thời đại. - Nhà sử học quân sự Mỹ Cecil Currey, trong tác phẩm "Chiến thắng bằng mọi giá - Sự thiên tài của Đại tướng Võ Nguyên Giáp của Việt Nam"

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Được sống, làm việc và được Người giáo dục, rèn luyện, Đại tướng đã nỗ lực phấn đấu học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong, lối sống và làm theo gương Bác Hồ vĩ đại. Đại tướng là một trong những người sớm nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách cơ bản, toàn diện, hệ thống và có nhiều đóng góp quan trọng trong việc vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong các lĩnh vực như giáo dục - đào tạo, khoa học - kỹ thuật, ngoại giao, văn hóa, lịch sử…, Đại tướng đều có những đóng góp quan trọng, thực sự là con người văn - võ song toàn.

Đại tướng là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*; về sự liêm khiết, giản dị, khoan dung, nhân hậu, khiêm tốn, đoàn kết, sống có tình nghĩa, hết lòng thương yêu đồng chí, đồng bào; về tấm gương luôn học tập suốt đời, tinh thần trách nhiệm cao, phong cách làm việc khoa học, nguyên tắc nhưng hết sức linh hoạt, luôn đề cao vai trò của tập thể, phục tùng tổ chức; luôn coi trọng thực tiễn, tin tưởng vào sức mạnh của quần chúng, liên hệ và gắn bó mật thiết với Nhân dân; phấn đấu không mệt mỏi xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đem hết trí tuệ, sức lực để hoàn thành tốt bất kỳ công việc gì mà Đảng, nhân dân và Quân đội giao phó.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn ghi nhớ và thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Làm cách mạng là phải *"Dĩ công vi thượng"*, nghĩa là phải đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết - coi đó làm phương châm sống và phấn đấu trong suốt cuộc đời.

Các nước trên thế giới khi nhắc đến tên Võ Nguyên Giáp đều bày tỏ sự ngưỡng mộ sâu sắc. Khi ông mất, hàng chục chính phủ các nước đã gửi điện chia buồn. Tổng thống Uruguay, Jose Mujica gọi ông là "vị tướng huyền thoại", người đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh chống áp bức và *"gieo niềm tin rằng yếu tố con người chính là chìa khóa của thắng lợi"*.

Tổng thống Algérie - Abdelaziz Bouteflika - gọi ông là người anh hùng quân đội của nền độc lập Việt Nam, là nhà chiến lược vĩ đại đã khiến cho thực dân Pháp phải kinh hoàng ở Điện Biên Phủ, và tên tuổi ông *"sẽ vẫn mãi khắc sâu trong ký ức của nhân dân Algeria."*

Nghiên cứu cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - nhà quân sự xuất chúng của Đảng, quân đội, nhân dân; vị tướng văn võ song toàn, tiếp tục làm sâu sắc thêm những quan điểm, kinh nghiệm chỉ huy, những cống hiến đặc biệt xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng của Đại tướng, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ hôm nay và mai sau./.

DANH NHÂN VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH CÁC PHƯƠNG DIỆN BIỂU HIỆN VÀ ĐẶC ĐIỂM

PGS, TS. TRẦN THỊ MINH TUYẾT
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhân vật lịch sử vĩ đại mà còn là danh nhân văn hóa kiệt xuất với những đóng góp đa diện cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam và thế giới. Trong bài viết này, thông qua việc tìm hiểu các phương diện biểu hiện và đặc điểm của danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh, tác giả muốn làm rõ nhân cách độc đáo, sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh dưới góc độ văn hóa.

Từ khóa: Danh nhân văn hóa, Hồ Chí Minh, Việt Nam…

Bài viết:

Chủ nghĩa Mác - Lênin dù khẳng định quần chúng là người làm nên lịch sử nhưng không phủ nhận vai trò của cá nhân ưu tú, đặc biệt là của các danh nhân lịch sử, danh nhân văn hóa - những đại diện chân chính cho ý chí, lợi ích của quần chúng và dẫn dắt quần chúng trong cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội. Hồ Chí Minh được thế giới tôn vinh là danh nhân văn hóa kiệt xuất. Vị thế cao quý đó của Người được tạo thành bởi một sự nghiệp văn hóa đồ sộ với những biểu hiện hết sức đa dạng và những đặc điểm riêng có của Người. Việc tìm hiểu Hồ Chí Minh với tư cách là danh nhân văn hóa giúp chúng ta hiểu rõ hơn tầm vóc, sự độc đáo của con người "đã trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống" như thế giới từng ca ngợi.

1. Các phương diện biểu hiện tầm vóc danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh

"Danh nhân" là từ để gọi những người "có danh" trong sử sách vì những cống hiến to lớn của họ cho sự phát triển của dân tộc và nhân loại. Tùy vào lĩnh vực hoạt động và góc độ cống hiến mà gọi đó là danh nhân lịch sử hay danh nhân văn hóa. Theo Nghị quyết 24C/18.65 của khóa họp 24 Đại hội đồng UNESCO - Tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Khoa học của Liên Hợp quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh của dân tộc Việt Nam được tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc đồng thời là danh nhân văn hóa kiệt xuất. Trên thực tế, không phải nhà yêu nước nào cũng thành công trong sứ mệnh giải phóng để trở thành anh hùng giải phóng dân tộc. Tương tự, không phải ai hoạt động, sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa cũng có thành tựu đủ

lớn để trở thành "Danh nhân văn hóa". Vào năm 1987 - thời điểm Việt Nam đang bị cô lập, cấm vận và sự đối đầu về ý thức hệ vẫn rất nặng nề, việc UNESCO thông qua Nghị quyết tôn vinh Hồ Chí Minh với danh hiệu "kép" đã thể hiện uy tín, cống hiến ở tầm nhân loại của Người. Điều làm nên vị thế "Danh nhân văn hóa kiệt xuất" của Hồ Chí Minh chính là sự nghiệp văn hóa đồ sộ với những biểu hiện vô cùng phong phú.

Danh hiệu "Danh nhân văn hóa" thuộc về Hồ Chí Minh trước hết do *sự nghiệp mà Người suốt đời theo đuổi là một sự nghiệp mang tính văn hóa*: Giải phóng dân tộc và nhân loại khỏi ách đô hộ tàn bạo của chủ nghĩa thực dân. Tiến hành xâm lược các thuộc địa, những kẻ thực dân luôn giương cao khẩu hiệu "khai hóa văn minh" cho các dân tộc lạc hậu nhưng Hồ Chí Minh đã gọi đó là "công cuộc khai hóa giết người"[78]. Yêu cái thiện và căm ghét cái ác, cái bất công, Hồ Chí Minh đã trở thành người đại diện cho các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh vì quyền dân tộc tự quyết. Lãnh đạo một dân tộc phần đông còn mù chữ vùng dậy đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, chống đói nghèo, dốt nát và xây dựng chế độ dân chủ thì đó không chỉ là một sự nghiệp chính trị phi thường mà còn là sự nghiệp văn hóa cao cả. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập đã làm tan vỡ hệ thống thuộc địa, làm thất bại cả chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới trên quy mô toàn thế giới. Nhà bác học người Anh Béctơrăng Rútxen đã viết: "Sự nghiệp vô tư và quên mình của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho nền độc lập và thống nhất của Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ nay đã làm Người trở thành không những là người cha của dân tộc Việt Nam mà còn là kiến trúc sư nổi tiếng của thế giới đã thoát khỏi chủ nghĩa thực dân"[79]. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng khẳng định: "Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa"[80]. Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đánh giá: "Sự nghiệp văn hóa lớn lao nhất, quan trọng nhất của Hồ Chí Minh là đã huy động sức mạnh của truyền thống 4000 năm văn hiến

[78] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.1, tr.346.

[79] *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, H, 1970, t.2, tr.111.

[80] Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam*: Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1995, tr.21.

của dân tộc, kết hợp với văn hóa của thời đại, lãnh đạo thành công sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành lại cho nhân dân ta quyền làm người, quyền được sống một cuộc sống xứng đáng với con người. Sự nghiệp đó trả lại địa vị xứng đáng cho nền văn hóa Việt nam, cũng là sự nghiệp có ý nghĩa to lớn đối với nền văn hóa thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, từng bước tiến lên thanh toán chủ nghĩa thực dân, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử và trong nền văn hóa của loài người"[81]. Dưới sự lãnh đạo của Người, nhân dân Việt Nam đã đánh thắng ba đế quốc to, đẩy lùi cuộc xâm lược của thế lực bành trướng, quét sạch chủ nghĩa diệt chủng - những thế lực đã mang bao hiểm họa cho nhân loại và từng bước xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tính nhân văn cao cả trong sự nghiệp mà Hồ Chí Minh trọn đời hiến dâng đã thể hiện tầm vóc thời đại của một danh nhân văn hóa kiệt xuất.

Hồ Chí Minh đích thực là danh nhân văn hóa bởi Người là *biểu tượng cao quý của văn hóa dân tộc và văn hóa nhân loại*. Văn hóa là toàn bộ giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra để phục vụ con người và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội loài người. Được hình thành trong điều kiện địa - chính trị - lịch sử cụ thể, văn hóa là "thẻ căn cước" của mỗi dân tộc. Điều làm cho Việt Nam, dù trải qua hàng ngàn năm Bắc thuộc vẫn không bị "Hán hóa" chính là nhờ sức mạnh của văn hóa với các truyền thống nổi bật như yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, tương thân, tương ái, cần cù, sáng tạo... Sự in đậm văn hóa dân tộc trong nhân cách Hồ Chí Minh đã giúp Người dù "tha hương" nhưng không "tha hóa" và trở thành tinh hoa, khí phách của dân tộc Việt Nam.

Người Việt Nam có đặc tính độc đáo: Không bao giờ chấp nhận ách đô hộ ngoại bang nhưng sẵn lòng dung hợp tinh hoa văn hóa của dân tộc khác sau khi tinh lọc nó qua "lăng kính" của chủ nghĩa yêu nước. Kế thừa tinh thần đó, Hồ Chí Minh khẳng định: "Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra nền văn hóa Việt Nam"[82]. Là người "nói đi đôi với làm", tư tưởng và phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhị các giá trị văn hoá Đông - Tây. Người tiếp thu ở Nho giáo tư tưởng "Nước lấy dân làm gốc", đề cao giá trị đạo đức; từ Phật giáo tư tưởng cứu độ chúng sinh, tinh thần đoàn kết, bình đẳng; từ Lão giáo tình yêu thiên nhiên, nếp sống thanh bạch, đạo lý khiêm nhường. Không dừng ở văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh tiếp thu từ văn hóa phương Tây tinh thần duy lý,

[81] Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb CTQG, H, 2012, tr.255-256.

[82] Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Bảo tàng Hồ Chí Minh, H, 1997, tr.350

tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của cách mạng tư sản; lòng nhân ái, đức khoan dung của Kitô giáo; tư tưởng đề cao con người của văn hóa Phục hưng; tư tưởng dân chủ, dân quyền và nhà nước pháp quyền của các nhà Khai sáng thế kỷ XVIII... Khi tìm đến chủ nghĩa Mác - Lênin, Người tiếp nhận từ đó thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng và chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử để trở thành nhà macxít sáng tạo và lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế. Người đã kết hợp hài hòa các giá trị văn hóa Đông - Tây vốn đầy khác biệt để tạo ra một sắc thái mới - sắc thái Hồ Chí Minh từ tư tưởng cho đến phong cách. Danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh thực sự là "một con người gồm kim - cổ, Đông - Tây/ Giàu Quốc tế, đậm Việt Nam từng nét".

Văn hóa, suy cho cùng là khả năng chung sống với người khác, dân tộc khác nên Hồ Chí Minh trở thành "Danh nhân văn hóa" bởi Người *là biểu tượng của văn hóa hòa bình, là sự kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính và tinh thần quốc tế trong sáng*. Kế thừa đặc tính hòa hiếu, trọng đạo lý của ngoại giao Đại Việt, Hồ Chí Minh luôn mong muốn dùng *đối thoại văn hóa* để giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ quốc tế. Trở thành nguyên thủ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người đưa ra "Thông điệp hòa bình": "Nhân dân Việt Nam vĩnh viễn không để cho bất cứ kẻ nào xâm lược nước mình, đồng thời cũng vĩnh viễn không xâm lược nước khác. Nhân dân Việt Nam luôn luôn ủng hộ tất cả những cuộc đấu tranh chống xâm lược và bảo vệ hòa bình thế giới"[10]. Tuy nhiên, đây phải là hòa bình thực sự, tức hòa bình trong độc lập, tự do. Với quan niệm đó, Người đã nỗ lực giải quyết xung đột bằng con đường đàm phán hòa bình, coi chiến tranh là giải pháp cuối cùng, kiên trì thực hành phương châm "còn nước còn tát" để đẩy lùi chiến tranh nhưng cũng kiên quyết tiến hành chiến tranh chống xâm lược để bảo vệ nền hòa bình chân chính. Khi kẻ thù sa lầy và muốn "xuống thang", Hồ Chí Minh sẵn sàng đàm phán để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, tạo điều kiện cho đối phương rút lui trong danh dự… Văn hóa hòa bình của Hồ Chí Minh hiển hiện ở chủ trương làm bạn, hợp tác với tất cả các quốc gia - dân tộc trên thế giới, không phân biệt thể chế chính trị và sẵn sàng bình thường hóa quan hệ với những quốc gia đang gây chiến ở Việt Nam với điều kiện họ phải rút lui, thực sự tôn trọng nền độc lập của Việt Nam. Jean Sainteny - đại diện của chính phủ Pháp từng đàm phán với Hồ Chí Minh giai đoạn 1945-1946, bình luận: "Đây chính là sự tinh tế trong tâm hồn châu Á của Hồ Chí Minh, nhân vật đã suốt đời chiến đấu chống đế quốc Pháp lại vui vẻ đề xuất ý tưởng Việt Nam sẽ là nước đầu tiên tham gia xây dựng khối Liên hiệp

Pháp"[83]. Thủ tướng Nêru của Ấn Độ từng nói: "Thế giới ngày nay đang trải qua một cuộc khủng hoảng... Cái cần bây giờ là tiếp cận hòa bình, hữu nghị và tình bạn. Tiến sĩ Hồ Chí Minh là biểu tượng cho sự tiếp cận đó"[84].

Vị thế "danh nhân văn hóa" thuộc về Hồ Chí Minh vì Người là *nhà hoạt động xuất sắc trên nhiều lĩnh vực văn hóa.* Con người này thực sự là một tài năng đa diện: Nhà tư tưởng, nhà văn, nhà thơ, nhà báo, dịch giả, nhà giáo dục và ở góc độ nào, Người đều có những cống hiến đặc sắc. Xuất thân từ một nước phương Đông lạc hậu nhưng Hồ Chí Minh đã trở thành nhà lý luận mácxit với hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của Người không chỉ là tài sản vô giá của dân tộc Việt Nam mà còn phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới và không gian mới. Người đã để lại một di sản văn xuôi đa dạng với tiểu thuyết du ký, truyện viễn tưởng, truyện ngắn, ký, kịch, văn chính luận với bút pháp đa dạng, hiện đại. Người là nhà thơ cách mạng với những thi phẩm được đánh giá "đứng ngang với thơ Tống, thơ Đường" và làm "xáo trộn tâm hồn nhân loại". Người đã khai sinh, dẫn dắt nền báo chí cách mạng Việt Nam và có một gia tài đồ sộ khoảng 2000 bài báo được viết bằng các thứ tiếng khác nhau như Anh, Pháp, Nga, Hoa, Việt... Để phục vụ cho công tác tuyên truyền cách mạng, Người đã dịch *Binh pháp Tôn Tử* từ tiếng Trung Quốc, *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* từ tiếng Nga sang tiếng Việt bằng văn phong hàm súc, giản dị, cốt nắm lấy tinh thần của tác phẩm. Người cũng tạo dựng nền giáo dục mới để đào tạo "những công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có"[85] của người học bằng các nguyên tắc đúng đắn như như thực hiện giáo dục toàn diện nhưng đạo đức là gốc, học phải đi đôi với hành, rèn luyện cho con người tư duy độc lập, sáng tạo, tinh thần tự học và ý thức học tập suốt đời... Tính đúng đắn của triết lý giáo dục Hồ Chí Minh được minh chứng bằng "sản phẩm" là những con người đã làm nên bao kỳ tích của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX.

Hồ Chí Minh thực sự là "danh nhân văn hóa" kiệt xuất bởi Người là *hiện thân của lối ứng xử văn hóa*. Đây không phải là "nghệ thuật xã giao", là "xảo thuật xử thế" mà bắt nguồn từ tình yêu con người, tấm lòng đôn hậu, trí tuệ sắc sảo và sự trải nghiệm

---

[83] Jean Sainteny: *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Nxb Công an nhân dân, H, 2004, tr.227

[84] Dẫn theo Võ Nguyên Giáp: *Một số vấn đề nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Công an nhân dân, H, 2004, tr.240.

[85] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Sđd, t.4, tr.34.

sâu sắc lẽ đời của bậc đại nhân, đại trí, đại dũng. Với bản lĩnh văn hóa hiếm có, cách ứng xử của Người có sự kết hợp hài hòa những đặc tính tưởng chừng đối lập: Chân thành mà tinh tế; nồng hậu mà kín đáo; giản dị mà lịch lãm; linh hoạt mà thủy chung; kiềm chế mà chủ động; cứng cỏi mà nhã nhặn; kiên nhẫn mà quyết đoán; khiêm nhường mà tự tin; khoan dung mà nguyên tắc; có lý mà có tình; hướng về "đại cục" mà chu đáo, tỉ mỉ; thiết thực mà lãng mạn cách mạng… Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Người đều tìm ra cách ứng xử phù hợp nhất. Đối với đồng bào, đồng chí thì "Hồ Chí Minh là người cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, chói sáng mà không gây choáng ngợp, gặp lần đầu mà như thân thuộc từ lâu"[86]. Với đối phương thì Người đã "thức tỉnh lại một phần lương tri dù chỉ còn ít ỏi ở một số con người"[87] và làm cho chúng bớt phần hung hãn. Trong ứng xử ngoại giao, đôi khi Người không tuân theo quy ước lễ tân nhưng kỳ lạ là sự "phá cách" của Người lại trở nên hết sức ấn tượng, chân tình, tao nhã. Sức cảm hóa của Hồ Chí Minh chính là sức cảm hóa của chính nghĩa và lối ứng xử nhân văn.

Trên thế giới, ai được tôn vinh là danh nhân văn hóa cũng đều có cống hiến thiết thực cho một lĩnh vực nào đó nhưng thiết tưởng, ít ai có cống hiến đa diện, to lớn như danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh. Người đại diện không chỉ cho văn hóa Việt Nam, cho thời đại chống chủ nghĩa thực dân trên quy mô toàn thế giới mà còn cho "một nền văn hóa tương lai", cho lẽ phải, lương tri và giá trị vĩnh hằng của nhân loại. Vì thế, ngay khi Mỹ đang tiến hành cuộc chiến tranh hủy diệt ở Việt Nam thì từ nước Mỹ vẫn vang lên lời ca ngợi: "Những ai muốn biết thế nào là một con người chân chính, đâu là vẻ đẹp của thế giới, đâu là sự thắng lợi của lý tưởng trên trái đất này, đâu là mùa xuân, thì phải tìm hiểu cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tìm hiểu cuộc sống mẫu mực của người anh hùng này của thời đại chúng ta… Cuộc hành trình của Người là cuộc hành trình của tự do qua con đường gian khổ của thời đại"[88].

2. Đặc điểm của danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh

Thế giới đã phát hiện ra điều trái ngược thú vị ở Hồ Chí Minh: "Có lẽ bạn sẽ không nhận ra Người trong một đám đông quần chúng, và sẽ không phân biệt được Người vì Người cũng giống như mọi con người khác thôi. Nhưng không thể không

[86] Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, NXb Sự thật, H, 1990, tr.17.

[87] Võ Nguyên Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb Quân đội Nhân dân, H, 2001, tr.90.

[88] Rơne Đipet: Báo Phong trào (Mỹ), tháng 10.1969, in trong Đỗ Hoàng Linh - Phạm Hoàng Điệp: *Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*. Nxb CTQG, H, 2009, tr.114.

nhận ra Người, bởi lẽ Người không phải như mọi con người. Người là Hồ Chí Minh"[89]. Ở con người này có những đặc điểm để Người "hòa" mà không "đồng" với tất cả mọi người, ngay cả với các danh nhân văn hóa khác. Tổ chức UNESCO đã tôn vinh nhiều danh nhân văn hóa, ở Việt Nam đến nay đã có sáu danh nhân (Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hồ Chí Minh, Chu Văn An, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Xuân Hương) nhưng Hồ Chí Minh vẫn là hiện tượng văn hóa chói sáng nhất, độc đáo nhất bởi ở Người định hình những đặc điểm mang tính "hy hữu".

Thứ nhất, *Hồ Chí Minh vừa là anh hùng giải phóng dân tộc, vừa là danh nhân văn hóa kiệt xuất.*

Đến nay, trên thế giới, ngoài Hồ Chí Minh, chưa có ai được tôn vinh bằng danh hiệu "kép" nhưu thế.

Sinh ra trong bối cảnh "nước mất, nhà tan", nhà văn hóa - người đại diện cho trí tuệ, tâm hồn dân tộc, tất yếu phải trở thành nhà cứu quốc. Với tinh thần "Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách", người trí thức trẻ Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước. Trước một thế giới mênh mông với vô vàn các học thuyết, các tổ chức chính trị, các thiên hướng phát triển, bằng óc phân tích và sự nhạy cảm của một thiên tài, Nguyễn Tất Thành đã dùng *phương pháp loại trừ* để lựa chọn một hướng đi đúng đắn cho dân tộc. Người không chỉ nhận ra hạn chế trong các phong trào giải phóng dân tộc của cha anh mà còn thấy rõ, chủ nghĩa tư bản không phải là sự lựa chọn tốt vì ở đó vẫn tồn tại áp bức giai cấp và là nguồn gốc nảy sinh chủ nghĩa thực dân đê tiện, tàn bạo đang bóp nghẹt dân tộc mình. Người tin và đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc không phải là cái cơ sẵn mà hoàn toàn do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh xác lập nên. Lý luận ấy đi vào thực tế không chỉ đem lại nền độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam mà còn mở ra phong trào giải phóng dân tộc trên quy mô toàn thế giới. Nghị quyết của UNESCO về việc kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Thế giới còn thừa nhận: "Hồ Chí Minh là một trong những người hiếm có của thời đại chúng ta… Không có Người, lịch sử đã đi

[89] Dẫn theo Đỗ Hoàng Linh - Phạm Hoàng Điệp: *Hồ Chí Minh trong ký ức bạn bè quốc tế*, Sđd, tr.99-100.

theo một con đường khác”[90]. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng các dân tộc bị áp bức và đem lại cho họ một chân lý, một niềm tin chưa từng có: Một dân tộc đất không rộng, người không đông, kinh tế không phát triển nhưng nếu có một đảng chân chính lãnh đạo, nếu biết đoàn kết, hy sinh thì có thể chiến thắng những tên đế quốc hùng mạnh nhất.

Là “ngọn hải đăng” của các dân tộc bị áp bức, vị thế người anh hùng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh trong lòng nhân loại là điều hiển nhiên nhưng đó là người anh hùng rất văn hóa và một nhà văn hóa rất anh hùng. Ở Hồ Chí Minh, hai đặc tính đó không không chỉ luôn hòa quyện làm một mà còn là điều kiện của nhau. Là một nhà văn hóa đích thực luôn nung nấu khát vọng giải phóng con người, Hồ Chí Minh đã tiến hành cuộc cách mạng để xua tan bóng tối của chủ nghĩa thực dân, của dốt nát, đói nghèo, bệnh tật vốn đè nặng lên cuộc sống của các dân tộc nhỏ và trở thành người anh hùng giải phóng dân tộc mang tầm vóc thời đại. Ngược lại, người anh hùng giải phóng dân tộc Hồ Chí Minh đã dẫn dắt dân tộc Việt Nam đến thắng lợi trong cuộc đối đầu không cân sức với các thế lực đế quốc và xây dựng nên chế độ mới trên đống tro tàn của chiến tranh là do Người đã biết khai thác sức mạnh của văn hóa. Ở góc độ nào - anh hùng giải phóng dân tộc hay danh nhân văn hóa, Hồ Chí Minh đều là hiện thân trọn vẹn nhất của các khái niệm đó.

Thứ hai, *Hồ Chí Minh chỉ bằng con đường tự học mà trở thành danh nhân văn hóa.*

Sinh ra trong thân phận của người dân nô lệ, ở một đất nước mà nhà tù nhiều hơn trường học, Hồ Chí Minh không có điều kiện học thành tài ở nhà trường. Người từng nói: “Về văn hóa: Tôi chỉ học hết lớp tiểu học... Về hiểu biết phổ thông: Năm 17 tuổi, tôi mới thấy ngọn đèn điện lần đầu tiên, 29 tuổi mới nghe rađio lần đầu tiên”[91]. Muốn cứu nước, ý chí “dời non, lấp bể” là chưa đủ mà phải có tri thức. Vì thế, dù phải kiếm sống vất vả và tham gia hoạt đông cách mạng, ở đâu và lúc nào, Người cũng dành thời gian thích đáng để học tập. Người *chăm chỉ học ngoại ngữ* mà trước hết là tiếng Pháp vì đó là công cụ để Người tiếp cận tri thức và thâm nhập đời sống xã hội. Trong những ngày lao động trên biển, Người học tiếng Pháp bằng cách viết các từ cần học lên cánh tay để vừa làm vừa học; đến cuối ngày chữ mờ dần thì Người cũng nhớ hết những từ cần học. Sau đó, Người

[90] Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Sđd, tr.185.

[91] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.13, tr.187.

chủ động sang Anh để học tiếng Anh. Ở bên Anh, dù phải làm các công việc khác nhau như cào tuyết, đốt lò, bồi bàn... hết sức vất vả, "hàng ngày, buổi sáng sớm và buổi chiều, anh Ba ngồi trong vườn hoa Haiđơ (Hyde), tay cầm một quyển sách và một cái bút chì. Hàng tuần vào ngày nghỉ, anh đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý"[92]. Nguyễn Ái Quốc quyết tâm đến nước nào phải học ngay tiếng nước đó. Vì thế, chỉ sau hai ngày kể từ lúc đặt chân đến nước Nga Xô viết, Người đã nói được vài từ tiếng Nga và cần mẫn học tiếp. Với sự siêng năng hiếm có và phương pháp học tập khoa học, Người nhanh chóng làm chủ được nhiều ngôn ngữ lớn trên thế giới. Người thường đọc Đíchken, Sêchxpia bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa và Huygô, Dôla bằng tiếng Pháp[93]... Năm 1935, trong tờ khai lý lịch của đại biểu tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Người ghi: Biết các thứ tiếng Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga... Thực ra, danh mục ngoại ngữ mà Người nắm vững còn nhiều hơn thế. Xét trên ba phương diện là điều kiện học tập khó khăn, số lượng ngoại ngữ nắm vững và mức độ thành thục khi sử dụng ngôn ngữ, thiết tưởng, ít ai sánh được với Hồ Chí Minh.

Cứu nước là vấn đề "đại sự quốc gia" nên đương nhiên, người cách mạng *phải có tri thức chính trị*. Tuy nhiên, vốn hiểu biết của Nguyễn Tất Thành lúc đầu tương đối hạn hẹp. Người tự nói: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp nhưng "tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị... Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào... Tôi biết rất ít về Cách mạng Tháng Mười và về Lênin; về cảm tính tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin"[94]. Thực tiễn cách mạng đòi hỏi Nguyễn Ái Quốc phải tự nghiên cứu lý luận và thư viện trở thành nơi học tập của Người. Trong báo cáo của mật thám Pháp đề ngày 10/12/1919 có câu: "Ông ta (tức Nguyễn Ái Quốc - tác giả chú thích) dành cả ngày để học hỏi, đọc tất cả những sách bằng tiếng nước ngoài đã đề cập đến Đông Dương"[95]. Một báo cáo khác của mật thám Pháp viết vào tháng 3/1920 còn khẳng định: "Hiện thời Quốc đang dịch một đoạn L'Esprit des Loi (*Tinh thần Luật pháp*) của Môngtexkiơ sang quốc ngữ"[96]. Chỉ ở nước Nga, trong giai đoạn 1923-1924, Người mới được học lý luận ở học lớp ngắn hạn tại

[92] Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Nxb CTQG, H, 2015, tr.36.

[93] Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Sđd, tr.47.

[94] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.583.

[95] Thu Trang*: Nguyễn Ái Quốc ở Pari,* Nxb CTQG, H, 2000, tr.78.

[96] Thu Trang*: Nguyễn Ái Quốc ở Pari,* Sđd, tr.111.

trường *Đại học phương Đông*; trong giai đoạn 1934-1938, vì lý do chính trị mà Người được cử đi học ở *Trường Quốc tế Lênin* và cuối năm 1936, chuyển sang làm nghiên cứu sinh tại *Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Thời gian được học ở nhà trường chính quy không nhiều nên thực tiễn cách mạng chính là trường học lớn nhất của Người. Những tri thức xác đáng được bộ óc vĩ đại "chưng cất" từ thực tiễn sinh động, phong phú đã đưa Người trở thành nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp và nhà lý luận mácxit- lêninnít sáng tạo của phong trào cộng sản thế giới.

Với bất cứ ai, học tập đều là việc suốt đời nhưng lãnh tụ cách mạng càng phải học bởi quyết định của họ trên nền tảng tri thức hiện hữu có liên quan đến số phận dân tộc và tiến trình cách mạng. Khi đã trở thành nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh vẫn không ngừng tự học. Người tâm sự: "Bác đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm. Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời"[97]. Với bất kỳ ai, học mà không có thầy, có trường lớp và chương trình chính thức, đều rất khó khăn; nó đòi hỏi tính kỷ luật, sự bền bỉ, kiên nhẫn cao độ. Tự học mà thành "Chí Minh", thành lãnh tụ dân tộc, chính khách lỗi lạc của thời đại thì điều đó không chỉ thể hiện nghị lực phi thường mà còn là đặc điểm riêng có của danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh.

Thứ ba, *Hồ Chí Minh là người kiến tạo nền văn hóa mới ở Việt Nam.*

Nhà văn hóa thực sự không trau dồi tri thức nhằm mục đích "vinh thân, phì gia" mà là để mang ánh sáng văn hóa soi đường cho dân tộc và nhân loại. Hồ Chí Minh là "hình mẫu" lý tưởng của nhà văn hóa chân chính. Hành trình tìm đường cứu nước của Người thực chất là một hành trình khám phá văn hóa - văn hóa cách mạng, văn hóa thời đại để tìm ra con đường cứu nước mới. Khi nhận ra "bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin"[98], Người đã đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin soi rọi cho cách mạng Việt Nam. Sớm nhận ra bản chất, vai trò, chức năng của văn hóa, từ tháng 8/1943 - thời điểm cách mạng chưa thành công và Hồ Chí Minh còn bị quản thúc bên Trung Quốc, Người đã đưa ra định nghĩa về văn hóa và nêu rõ định hướng phát triển của văn hóa Việt Nam: Văn hóa phải góp phần xây dựng tâm lý, luân lý, xã hội, chính trị, kinh tế ; văn hóa không thể đứng ngoài mà "phải ở trong kinh tế và chính trị"[99]. Nếu trên thế giới, đến năm 1990, Liên

[97] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.113.

[98] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Sđd, t.2, tr.289.

[99] Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Sđd, t.7, tr.246.

hợp quốc mới đề ra chương trình xóa mù chữ thì ở Việt Nam, ngay sau cách mạng Tháng Tám (năm 1945), Hồ Chí Minh đã phát động phong trào *Bình dân học vụ* để xóa mù chữ và coi chống "giặc dốt" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách không kém gì so với chống "giặc đói", "giặc ngoại xâm". Người luôn khát khao dân tộc Việt Nam sẽ trở thành một dân tộc thông thái, đủ sức "sánh vai cùng các cường quốc năm châu". Trong lời tuyên bố của Người, rằng "văn hóa soi đường cho quốc dân đi" là chủ trương khái thác sức mạnh của văn hóa để xây dựng, phát triển đất nước. Vì thế, bên cạnh việc giữ gìn các truyền thống văn hóa dân tộc, Người phát động phong trào *Đời sống mới* với mục tiêu văn hóa phải sửa đổi các thói tục xấu như tham lam, lười biếng, phù hoa xa xỉ, mê tín dị đoan và làm cho mỗi người dân đều có lý tưởng độc lập, tự chủ, xứng đáng là công dân của một nước độc lập. Tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ độc lập dân tộc, Người đề ra chủ trương "kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến", tức là văn hóa phải trở thành động lực và mục tiêu của cuộc kháng chiến. Người quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng là để "biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc"[100], đưa những người thất học thành chủ thể thụ cảm và sáng tạo văn hóa. Người còn được mệnh danh là nhà văn hóa môi trường vì từ thập kỷ 60 của thế kỷ XX, đã chú trọng công tác bảo vệ sinh thái và phát động "Tết trồng cây". Tầm vóc danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh thực sự vĩ đại vì Người đã làm cho dân tộc mình, từ sự tối tăm, không tên tuổi bỗng "rũ bùn đứng dậy sáng lòa" và trở thành thước đo của lương tri, phẩm giá con người.

Suốt đời phấn đấu, hy sinh, Hồ Chí Minh đã làm nên một sự nghiệp đồ sộ dường như ít ai có thể sánh với, không ai có thể vượt qua. Thế giới thừa nhận: Đúng như tên của Người, Hồ Chí Minh là sự sáng suốt tột cùng về trí tuệ, là sự trong ngần về tâm hồn, phẩm hạnh và "Người đã thành công trong việc gieo trồng những giá trị văn minh nhất, nhân đạo nhất trong tâm trí của mỗi công dân Việt Nam. Chắc chắn Người cũng là vị lãnh đạo xã hội chủ nghĩa nhân đạo, văn minh, vĩ đại nhất chưa từng có trong thời đại của chúng ta"[101]. Nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới hết lòng yêu kính Người vì những gì Người đã làm cho họ và vì những giá trị văn hóa cao quý nhất mà Người là hiện thân. Cùng với thời gian, số lượng các danh nhân văn hóa sẽ ngày càng nhiều thêm nhưng danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi giữ một vị thế không thể thay thế trong lịch sử, văn hóa Việt Nam và nhân loại./.

---

[100] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.11, tr.92.

[101] *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ Tịch*, Sđd, t.3, tr.123.

DANH NHÂN HỒ CHÍ MINH NHÌN TỪ TƯ TƯỞNG - PHƯƠNG PHÁP, NGHỆ THUẬT VÀ PHONG CÁCH NGOẠI GIAO THIÊN TÀI CỦA NGƯỜI

GS TS VŨ DƯƠNG HUÂN
Học viện Ngoại giao

Đặt vấn đề:

Danh nhân là "Người có danh tiếng và được xã hội công nhận".1 Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu Đảng, Nhà nước, có lúc làm cả nhiệm vụ thủ tướng chính phủ, kiêm cả bộ trưởng ngoại giao. Chủ tịch Hồ Chí Minh là danh nhân văn hoá thế giới, danh nhân chính trị, danh nhân ngoại giao….Trong 30 đi tìm đường cứu nước (1911-1941), Người đặt chân đến 56 quốc gia và vũng lãnh thổ2. Khi trở thành người đứng đầu nhà nước, Hồ Chi Minh đã đi thăm chính thức 14 nước, trong đó có 5 quốc gia đã từng đến trước đó. Như vậy, Bác đã đến 65 nước và vùng lãnh thổ3. Bác tiếp xúc với các dân tộc khác nhau, các loại người khác nhau. Bác biết 29 ngoại ngữ4. Đó chính là điều kiện thuận lợi để tiến hành công tác ngoại giao, hình thành thiên tài ngoại giao.

Trong quá trình gần 60 năm hoạt động cách mạng sôi động, phong phú, đa dạng, trong đó có hoạt động ngoại giao, Hồ Chí Minh đã để lại tư tưởng, phương pháp, nghệ thuật và phong cách ngoại giao, là kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Bác là nhà ngoại giao thiên tài của dân tộc.

Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là gi? Theo Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng "Toàn bộ những tư tưởng của Hồ Chí Minh về hoạt động ngoại giao như: biết đánh giá, dự báo tình hình, nắm bắt thời cơ, tổ chức lực lượng, nhận rõ bạn

---

[1] *Từ điển tiếng Việt 1997*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng-1997, tr. 233.

[2] Lady Borton: *Hồ Chí Minh-Một hành trình*, Nxb. Thế giới, Hà Nội-2012, tr.21.

[3] GS TS Vũ Dương Huân: *Tư tưởng Hồ Chí minh về đối ngoại, ngoại giao*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội-2022, tr. 307.

[4] Tác giả Vũ Khoan cho rằng Bác thành thạo 9 ngoại ngữ, https://dantri.com.vn/the-gioi/nguyen-pho-thu-tuong-vu-khoan-tiet-lo-bi-quyet-luyen-ngoai-ngu-cua-bac-ho-20200228000316270.htm. Còn theo GS Hoàng Chí Bảo, Bác biết 29 ngoại ngữ, http://www.baobinhthuan.com.vn/…/nghe-giao-su-hoang-chi-bao…

thù, tranh thủ đồng minh, cô lập kẻ thù chủ yếu, kiên định về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược, biết thắng từng bước để tiến tới thắng lợi hoàn toàn, độc lập tự chủ gắn liền với đoàn kết quốc tế” [5]… Đại tướng Võ Nguyên Giáp khái quát tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh “Là hệ thống quan điểm và đường lối chiến lược, sách lược (bao gồm mục tiêu, đối tượng, lực lượng, tổ chức và phương pháp) đối với các vấn đề quốc tế, chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta, là bộ phận hữu cơ của tư tưởng tồ Chí Minh về đường lối cách mạng Việt Nam”[1]. Nguyên Ngoại trưởng Nguyễn Dy Niên cũng đã viết: “Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh bắt nguồn từ tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh, là một bộ phận hữu cơ tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là hệ thống những nguyên lý, quan điểm, quan niệm về các vấn đề thế giới và thời đại, về đường lối quốc tế, chiến lược, sách lược đối ngoại và ngoại giao Việt Nam thời kỳ hiện đại. Tư tưởng này còn thể hiện trong hoạt động đối ngoại thực tiễn của Hồ Chí Minh và Đảng, Nhà nước Việt Nam”[2].

Với nhận thức như trên, tư tưởng ngoại giao gồm 4 nội dung: tư tưởng, phương pháp, nghệ thuật và phong các ngoại giao. Tư tưởng ngoại giao hay tư tưởng đối ngoại? Đối ngoại và ngoại giao là hai mặt của một vấn đề. Đối ngoại là đề ra chủ trương, chính sách trong quan hệ với các chủ thể khác nhau trên trường quốc tế(mục tiêu), trên cơ sở lợi ích quốc gia -dân tộc, còn ngoại giao là công cụ hòa bình thực mục tiêu đối ngoại. Đối ngoại và ngoại giao gắn bó chặt chẽ với nhau, có thể coi là hai từ đồng nghĩa, cho nên sử dụng khái niệm tư tưởng ngoại giao hay tư tưởng đối ngoại đều không có gì khác biệt.

1.Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

Một là, lợi ích quốc gia-dân tộc là trên hết. Tại Hội nghị Ngoại giao lần thứ ba (1/1964), Người căn dặn các nhà ngoại giao: “Muốn làm gì cũng cần vì lợi ích dân tộc mà làm”[3]. Đây là tư tưởng nền tảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đối ngoại và ngoại giao Việt Nam. Có thể, Người đã tiếp thu tư tưởng này của Henry John Temple Palmerston(1784-1865), Thủ tướng, Ngoại trưởng Anh quốc giữa thế kỷ XIX: “Chúng ta không có những người bạn Đồng minh vĩnh cửu, mà cũng không có kẻ thù vĩnh cửu. Chỉ có quyền lợi của chúng ta là vĩnh hằng không thay

[1] Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb, CTQG- Hà Nội- 2000, tr. 130-131.

[2] Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, Hà Nội- 2002, tr. 89.

[3] Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Hà Nội -1994, tr.13.

đổi. Theo đuổi quyền lợi đó chinh là chức trách của chúng ta"[1]. Tư tưởng của Hồ Chí Minh lần đầu tiên đã được Đại hội XI (2011) của Đảng tiếp thu và phát triển. Đại hội khẳng định: lợi ích quốc gia-dân tộc vừa là mục tiêu, vừa là nguyên tắc chính sách đối ngoại Việt Nam. Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Đảm bảo cao nhất lợi ích quốc gia-dân tộc"[2].

Tư tưởng lợi ích quốc gia-dân tộc là trên hết được thể hiện trong tất cả hoạt động ngoại giao của Đảng và Nhà nước ta.

Hai là, độc lập tự chủ, đoàn kết và hợp tác quốc tế**.** Theo Hồ Chí Minh, "Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào"[3]. Liên quan đến độc lập tự chủ, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh quan điểm tự lực, tự cường, tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính. Trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa, do Nguyễn Ái Quốc thành lập (1921) Người viết: "Công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em"[4]. Trong "Đường cách mệnh" (1925) Người nêu quan điểm "…nếu thợ thuyền An Nam biết tổ chức thì Quốc tế đã hết lòng giúp cho mà làm cách mệnh. Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã"[5]. Nói chuyện với các nhà ngoại giao (1/1964), Người khẳng định: "cái gốc, cái điểm mấu chốt về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại giao của ta là tự lực cánh sinh"[6].

Độc lập tự chủ không có nghĩa là biệt lập, cô lập, trái lại gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế, mà hợp tác quốc tế theo ngôn ngữ ngày nay là hội nhập quốc tế. Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên đưa ra quan điểm gắn cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới. Người nêu quan điểm: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả"[7].

Trong đoàn kết và hợp tác quốc tế cần phải có nguyên tắc. Trong nhiều thư gửi Quốc hội và Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: **"**Chỉ cần nước

---

[1] Trần Triều, Hồ Lễ Trung: *Thập đại tùng thư. 10 nhà ngoại giao lớn thế giới*, Nxb., Văn hóa Thông tin, Phong Đảo dịch từ tiếng Trung Quốc, Hà Nội-2003, tr. 70.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội XIII*, Nxb. CTQG, Hà Nội-2021, t 1, tr.161.

[3] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội-2011, t. 5, tr.162.

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.138.

[5] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.320.

[6] Bộ Ngoại giao: *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao. Một vài kỷ niệm về Bác*, Nxb. CTQG, Hà Nội-2008, tr. 61.

[7] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t 2, tr. 329.

Pháp công nhận nền độc lập của chúng tôi thì nước Pháp sẽ chiếm được trái tim và tình cảm của tất cả những người Việt Nam"[1]. Với Chính phủ Mỹ, Người kiên quyết yêu cầu như vậy. Người còn lưu ý đoàn kết và hợp tác quốc tế phải trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Ba là, thêm bạn bớt thù, chinh sách đối ngoại rộng mở

Tư tưởng chính sách đối ngoại thêm bạn, bớt thù, rộng mở đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập từ rất sớm. Khi Đảng chưa nắm được chính quyền, Bác đã chủ trương đoàn kết rộng rãi với giai cấp vô sản, với các dân tộc thuộc địa. Tháng 9/1947, trả lời phỏng vấn nhà báo Mỹ Ely Maysi, Người nói: "Việt Nam "muốn làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không thù oán với ai"[15].

Tinh thần rộng mở quan hệ đối ngoại lại được Bác nhấn mạnh trong Tuyên bố 1/1950: "Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của Việt Nam, để cùng bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới"[16].

Chính sách đối ngoại mở rộng còn thể hiện trong câu nói nổi tiếng của Bác: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết". Theo Bác, đó là đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân và đoàn kết quốc tế, trước hết là giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

Phương châm mở rộng quan hệ đối ngoại được Đảng vận dụng sáng tạo từ tuyên bố: "Việt Nam muốn là bạn", rồi "sẵn sàng là bạn," đến "là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế"[2] vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong các luận điểm trung tâm trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên phá thế biệt lập của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam, đặt nền móng vững chắc cho đường lối quốc tế đúng đắn của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đó là dựa vào thực lực của dân tộc mình để tranh thủ hợp tác quốc tế và kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Dân ta có lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta.

---

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4 , tr.348.

[15] Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 3. tr. 459.

[16] Hồ Chí Minh: Toàn tập, t. 6, tr. 8.

Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và lũ cướp nước"[1]. Sức mạnh thời đại bao gồm trước hết là những xu thế lớn, tiến bộ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học công nghệ… cùng những lực lượng quyết định chiều hướng của hoà bình, dân chủ, bình đẳng và thịnh vượng của các quốc gia. Cách mạng Tháng Mười mở ra thời đại mới, tạo điều kiện để gắn cách mạng Việt Nam vào dòng chảy chung của nhân loại.

Hồ Chí Minh đã khẳng định ý nghĩa quan trọng của việc kết hợp yếu tố sức mạnh dân tộc với sự giúp đỡ, ủng hộ từ bên ngoài. Người nói: "Không có một sức mạnh thống nhất của cả nước, không có sự giúp đỡ mạnh mẽ của bên ngoài, công cuộc vận động giải phóng khó mà thành công được"[2]. Hồ Chí Minh đặt vấn đề sau khi giành chính quyền phải tranh thủ hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài kể cả của Pháp để xây dựng và phát triển đất nước. Cuối năm 1946, Hồ Chủ tịch gửi thư cho người đứng đầu các nước Anh, Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ và Liên hợp quốc nêu rõ Việt Nam thực hiện "chính sách mở cửa và hợp tác" và mời các nhà đầu tư công nghệ nước ngoài vào kinh doanh tại Việt Nam. Ngày 22/6/1947, trả lời nhà báo nước ngoài, Người bày tỏ hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước cộng tác thật thà với Việt Nam.

Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại là sợi chỉ đỏ xuyên suốt của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Năm là coi trọng và ứng xử khôn khéo với các nước lớn

Nước lớn đóng vai trò quan trọng trong nền chính trị thế giới. Do vị trí địa chiến lược của nước ta, nên luôn có sự chú ý của các cường quốc. Theo Hồ Chí Minh, đời sống và xã hội hiện nay phụ thuộc trước hết vào những trung tâm công nghiệp lớn mạnh và Người nhấn mạnh: "Hòa bình thế giới thực hiện được hay không là do nước lớn"[3].Trong quan hệ với nước lớn, Người lưu ý việc ứng xử "dàn xếp cho đại sự thành tiểu sự và tiểu sự thành vô sự". Đặc biệt, Bác đã dặn dò Bộ trưởng Xuân Thủy, Trưởng Đoàn đàm phán của VNDCCH trước khi lên đường sang Paris, Bác nói: "Mỹ là nước lớn đứng đầu thế giới tư bản, buộc đàm phán, thương lượng là thất bại rồi, vì thế Bác yêu cầu không được làm Mỹ mất mặt. Phải

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập: Sđd, t. 7, tr. 38.

[2] Hồ Chi Minh: Toàn tập, Sđd, t.3, tr. 480.

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t. 8, tr. 475.

tế nhị, khôn khéo, lúc cương, lúc nhu thì mới gọi là đàm phán hòa bình, mới đạt kết quả…Chiến tranh sẽ còn kéo dài, đàm phán phải kiên trì, không được nóng ruột"[1]. Người khẳng định: sẵn sàng "trải thảm đỏ" hay nối "nhịp cầu vàng"[2] để Mỹ rút quân về nước. Năm 1968 khi Bác đi nước ngoài, có chủ trương dong giặc lái Mỹ bị bắt diễu các dường phố Hà Nội để cảnh cáo Mỹ. Khi về Bác đã phê phán gay gắt chủ trương này, gọi đó là việc làm "dại dột" sẽ không được dư luận thế giới ủng hộ [3]. Trường hợp các nước lớn vi phạm độc lập chủ quyền của chúng ta, nhân dân Việt Nam kiên quyết đứng lên chống xâm lược như đối với thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Sáu là, Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng các nước láng giềng

Người ta có thể thay đổi bạn thù, song không ai thay đổi được láng giềng. Các nước láng giềng liên quan chặt chẽ đối với an ninh và phát triển của mọi quốc gia. Quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu bền với láng giềng là quy luật của mối quan hệ địa chính trị quốc tế. Đó cũng là truyền thống "Bán anh em xa mua láng giềng gần" của cha ông ta. Trong quan hệ với các nước láng giềng, thì quan hệ với Trung Quốc chiếm vị trí trung tâm trong những mối quan tâm đối ngoại của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã kiên trì hòa hoãn, lôi kéo, phân hoá tránh đối đầu và tránh xung đột với Tưởng. Hồ Chí Minh đã có cống hiến to lớn tạo dựng quan hệ Việt -Trung mới.

Với Lào và Cămpuchia: Việt Nam, Lào, Cămpuchia cùng nằm trên bán đảo Đông Dương, có chung số phận, cùng chung kẻ thù, có ý nghĩa chiến lược đối với an ninh và phát triển của mỗi nước. Hội nghị cán bộ về công tác giúp đỡ Lào, Cămpuchia (2/1949) đề ra bốn phương châm**: i)** Không đứng trên lợi ích của Việt Nam mà làm công tác Lào, Miên; ii) Nắm chắc nguyên tắc dân tộc tự quyết do Lào, Miên tự quyết định lấy; iii) Không đem chủ trương, chính sách và nguyên tắc của Việt Nam ứng dụng vào Lào, Miên như lắp máy; iv) Cần giúp đỡ Lào, Miên để bạn tự làm lấy[4]**.** Đó chính là chỉ đạo của Bác trong quan hệ với Lào, Cămpuchia.

Hồ Chí Minh cũng dành quan tâm lớn cho quan hệ với các nước Đông Nam Á khác như Thái Lan, Miến Điện, Inđônêxia… Năm 1947, trong thư gửi kiều bào ta ở Thái Lan, Hồ Chủ tịch đã dẫn câu "Bán anh em xa, mua láng giềng gần".

---

[1] Hồi ký Nguyễn Minh Vỹ: Tuần báo Quốc tế, số 20, tháng 5 /1995.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.14, tr. 450.

[3] Hoàng Tùng: *Những kỷ niệm về Bác Hồ*, trong sách Ban Nghiên cứu lịch sử ngoại giao: *Một số tài liệu tham khảo về Hồ Chí Minh, Hà Nội-2008, tr. 13.*

[4] Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thắng lợi và bài học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-1996, tr. 389.

Bẩy là, ngoại giao là một mặt trận. Ngoại giao có vị trí và vai trò quan trọng trong việc bảo vệ củng cố độc lập dân tộc, phát triển đất nước và phát huy ảnh hưởng quốc tế. Ngoại giao có quan hệ chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, với kinh tế, văn hoá. Ngoại giao truyền thống ra đời và phát triển cùng Nhà nước từ Văn Lang-Âu Lạc đến Đại Việt. Ngoại giao của ông cha có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong thời bình, với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo "trong xưng đế, ngoài xưng vương" với thiên triều và chính sách ngoại giao linh hoạt, kiên quyết với các nước láng giềng phía Nam, ông cha ta đã giữ gìn độc lập tự chủ, biên cương quốc gia, mở rộng lãnh thổ, phát triển đất nước. Trong thời chiến, ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với mặt trận quân sự vừa đánh vừa đàm, tiến hành ngoại giao tâm công, vừa mềm dẻo vừa cứng rắn góp phần đánh thắng kẻ thù kết thúc chiến tranh, giải quyết hậu quả, nhanh chóng bình thường hoá quan hệ

Sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh và Đảng xác định: "Sau vấn đề phòng thủ, ngoại giao là một vấn đề cần yếu cho một nước độc lập"[1]. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng ta đã khẳng định "Tiến công ngoại giao là một mặt trận quan trọng có ý nghĩa chiến lược…"[2].

Sức mạnh của ngoại giao tùy thuộc vào nội lực quốc gia. Hồ Chí Minh viết: "Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn"[3]. Đảng xác định: "…muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực"[4] . Hồ Chí Minh nhận xét: "...đánh thắng lợi thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng nhưng cái chính là mình phải đánh thắng"[5]. Ngược lại, thắng lợi ngoại giao tác động đến chiến trường; ngoại giao có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế-xã hội. Tháng 11-1945, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Ngoại giao và kinh tế có ảnh hưởng lẫn nhau. Nếu mình có một chương trình về kinh tế có lợi cho người ngoại quốc, họ có thể giúp mình" [6].

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội-2000, t.8, tr. 290.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập (Nghị quyết của BCT số 188-NQ/TW ngày 10/5/1969 về tình hình và nhiệm vụ) Nxb. CTQG, Hà Nội-2004, t. 30, tr.134

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t, 4, tr.147.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.8, tr. 27.

[5] Bộ Ngoại giao: *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao…,* Sđd, tr. 72.

[6] Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. CTQG, Hà Nội-2016, t.3, tr.72.

Cũng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh việc phối hợp ngoại giao của VNDCCH và ngoại giao Mặt trận, "tuy hai là một, tuy một là hai". Vận dụng tư tưởng ngoại giao là một mặt trận, Đảng ta chủ trương xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại gồm đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Ngoài các tư tưởng trên, Người còn để lại những quan điểm rất sâu sắc về thêm bạn, thù về bảo vệ chủ quyền biển đảo, và văn hóa hòa bình…

2. Phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh

Phương pháp là "toàn bộ những cách thức, với tính chất là một hệ thống các nguyên tắc xuất phát từ các quy luật tồn tại và vận động của đối tượng, khách thể đã được nhận thức, để định hướng và điều chỉnh hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn của con người, nhằm tác động vào đối tượng, khách thể để thực hiện mục đích đã định"[1]. Hồ Chí Minh nhấn mạnh các phương pháp sau đây:

Một là, dự báo thời cơ và nắm bắt, tạo thời cơ

Thời cơ là khái niệm phổ biến được bàn tới trong nhiều ngành khoa học: quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao… Đó là thời điểm hội tụ toàn diện các yếu tố khách quan, chủ quan, cả không gian, thời gian, cả thế và lực, cả bên trong và bên ngoài, để có thể hành động đột phá tạo ra những bước ngoặt lớn hay mở ra vận hội lớn đi đến thắng lợi. Hay nói cách khác như ông cha ta đúc kết "thiên thời, địa lợi, nhân hòa".

Khoa học chính trị, chính trị đối ngoại (ngoại giao) vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Người có những tiên đoán tài tình các bước phát triển của cách mạng Việt Nam và thế giới; tận dụng được các cơ hội đưa cách mạng tiến lên.

Hồ Chí Minh là người đi đầu trong dự báo sớm về khả năng bùng nổ cách mạng ở châu Á- Thái Bình Dương; phán đoán đúng nguy cơ Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ và khái quát khá chuẩn xác quy mô, chiều hướng phát triển cũng như những bước ngoặt và những hệ quả to lớn của chiến tranh thế giới đối với các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Khi nước Pháp thua trận, từ Pác Bó (6-6-1941), Người đã đưa ra nhận định: "Nay cơ hội giải phóng đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, càng không thể cứu bọn thống trị Pháp ở ta"[2]. Tháng 2-1942, trong bài Diễn ca lịch sử nước nhà, Hồ Chí Minh khẳng định:"Việt Nam độc lập: 1945". Tháng 10-1944, Người cho rằng phe xâm lược gần đến ngày bị

[1] GS Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, Hà Nội- 1997, tr.24-25.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 230.

tiêu diệt. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong một năm hoặc một năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp ta phải làm nhanh. Cách mạng Tháng Tám nổ ra và giành thắng lợi trên toàn quốc về cơ bản diễn ra như kịch bản về thời cơ cách mạng mà Hồ Chí Minh đã soạn thảo 4 năm về trước, với sự bố trí sắp xếp của Đảng và Mặt trận Việt Minh. Người cũng dự báo kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhất định thắng lợi…

Ngoài dự báo đúng, song quan trọng hơn là chuẩn bị tốt để đón thời cơ.

Hai là, ngoại giao tâm công

Ngoại giao tâm công là một trong các phương pháp ngoại giao cổ truyền của dân tộc đã được Hồ Chí Minh vận dụng một cách tài tình, khéo léo. Ngoại giao tâm công là đánh vào lòng người, chinh phục trái tim khối óc, mối thiện cảm của người, bằng chính nghĩa, lẽ phải, đạo lý, hoặc bằng những cách thức, cách biểu đạt có hướng đích. Cũng là "đánh bằng tấm lòng".

Cơ sở của tâm công là bản tính hướng thiện của mỗi con người và sự chia sẻ các giá trị chung của nhân loại tiến bộ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Tuy phong tục mỗi dân mỗi khác, nhưng có một điều thì dân nào cũng giống nhau. Ấy là dân nào cũng ưa sự lành và ghét sự dữ"[1]. Đôi với Hồ Chí Minh, ngoại giao tâm công là:

Với các bạn bè quốc tế, láng giềng, Hồ Chí Minh thể hiện tình cảm chân thành "vừa là đồng chí, vừa là anh em" trên tinh thần trong sáng, thủy chung, phát huy đoàn kết, hữu nghị, hợp tác. Bác làm thơ khi tiễn Vua Lào thăm chính thức Việt Nam; khi thăm Ấn Độ, Hồ Chí Minh đem từ Hà Nội sang một cây đại để trồng tại nơi kỷ niệm Thánh Gandhi; đưa vòng hoa để tưởng niệm cụ thân sinh ra đương kim Thủ tướng Ấn Độ Nêru...

Với đối phương, Hồ Chí Minh đấu tranh lý lẽ, đề cao chính nghĩa, lẽ phải, thức tỉnh lương tâm, đồng thời tỏ rõ lòng mong muốn hòa bình, hợp tác cùng có lợi, quan tâm đến lợi ích chính đáng của nước đối phương về kinh tế, văn hóa. Bác căn dặn: "Đối với người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng… Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ không vì tư thù, tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh"[2],

Ngoài ra, có vô vàn những câu chuyên về sự quan tâm chu đáo, chân thành của Hồ Chí Minh, gây xúc động cho khách nước ngoài, như đưa mũ lông của mình

[1] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr.397.

[2] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 29-30.

đang đội cho Phó Chủ tịch Trung Quốc Tống Khánh Linh giữa trời tuyết rơi mùa Đông; cởi khăn của mình quàng vào cổ một bạn Đức thăm Việt Nam bị ho; tặng hoa hồng cho khách nữ; cởi áo khoác cho một tù binh Pháp đang lạnh run giữa thời tiết mùa Đông Việt Nam… Ngoại giao tâm công Hồ Chí Minh đã tăng sức mạnh tiến công của ngoại giao Việt Nam.

Ba là, "Dĩ bất biến ứng vạn biến"

Trong đời sống chính trị thường có những thay đổi hết sức nhanh chóng, thậm chí trong khoảnh khắc. Chính vì vậy, mà càng cần phải có những ứng biến mau lẹ, chuẩn xác. Ngày 31-5-1946, trước khi lên đường thăm nước Pháp, Bác đã nói với Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng: "Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ 'dĩ bất biến, ứng vạn biến'"[1].

"Dĩ bất biến" có nghĩa là luôn luôn kiên định mục tiêu chiến lược, bảo vệ lợi ích lớn của dân tộc, trung thành với lý tưởng cách mạng: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là sợi chỉ đỏ xuyên xuốt toàn bộ quá trình cách mạng Việt Nam, đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt, phù hợp yêu cầu của tình hình qua từng giai đoạn. Còn 'ứng vạn biến' có nghĩa là tuỳ thời thế, đối tượng mà có cách ứng phó, giải quyết vấn đề tinh tế, linh hoạt và có hiệu quả.

Đây là một nguyên tắc phổ biến và có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đấu tranh ngoại giao đặc biệt là đối với Việt Nam, một nước nhỏ mà thường phải đối phó với đối thủ lớn trong bối cảnh quốc tế phức tạp.

Bốn là, nhân nhượng có nguyên tắc

Trong đấu tranh ngoại giao, "Dĩ bất biến, ứng vạn biến", gắn chặt với thoả hiệp, nhân nhượng. Nhân nhượng và thoả hiệp phải trên cơ sở nguyên tắc và có đi có lại. Đây cũng là một trong các phương pháp ngoại giao của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã thực hiện chính sách Câu Tiễn đối với Tưởng và Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp (6/3/1946), mẫu mực nhân nhượng có nguyên tắc. Chúng ta phải nhận nhượng rất nhiều với Tưởng, đặc biệt phải chia sẻ quyền lực chính trị, song không làm thay đổi bản chất chính quyền cách mạng; với thực dân Pháp chấp nhận Việt Nam chi là quốc gía tự do, 15 nghìn quân Pháp ra Bắc, trưng cầu dân ý ở Nam Bộ, song đều có nguyên tắc.

Năm là, lợi dụng mâu thuẫn đối phương, thêm bạn bớt thù

[1] Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Sđd, t.3, tr. 197 .

Lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng, đặt biệt là trong hoàn cảnh phải đấu tranh với đối thủ mạnh hơn. Lênin nói: "Chỉ có thể thắng một kẻ địch mạnh hơn bằng một sự nỗ lực hết sức lớn, và với điều kiện bắt buộc là phải lợi dụng một cách hết sức tỷ mỷ, hết sức chăm chú, hết sức cẩn thận, hết sức khôn khéo bất cứ một "rạn nứt" bé nhỏ nhất nào giữa kẻ thù, bất cứ những mâu thuẫn bé nhỏ nhất nào về lợi ích giữa giai cấp tư sản của từng nước, cũng như phải lợi dụng mọi khả năng dù bé nhỏ nhất để có được một bạn đồng minh mạnh về số lượng, dù đó là bạn đồng minh tạm thời, bấp bênh, có điều kiện, ít chắc chắn và ít tin cậy... Người nào, trong một thời gian khá dài và trong những tình hình chính trị khác khác nhau, mà không chứng tỏ được trong thực tiễn rằng mình biết ứng dụng chân lý ấy vào thực tế thì người đó cũng chưa biết cách giúp đỡ giai cấp cách mạng trong cuộc đấu tranh của họ để giải phóng toàn thể nhân loại khỏi tay bọn bóc lột"[1].

Hồ Chí Minh và Đảng đã lợi dụng thời cơ khi phe phát xít, nhất là Nhật đầu hàng Đồng minh và Nhật- Pháp bắn nhau để làm Cách mạng Tháng Tám. Người lợi dụng sự khác nhau trong quan điểm giải quyết vấn đề Đông Dương để tranh thủ Mỹ có lợi cho cách mạng. Hồ Chí Minh đã khôn khéo lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp và Tưởng cùng mâu thuẫn trong nộ bộ Tưởng, nội bộ Pháp giai đoạn1945-1946, góp phân bảo vệ và giữ vững chính quyền cách mạng non trẻ, lợi ích cao nhất của nhân dân ta lúc đó.

Sau là, phối hợp quân sự, chính trị và ngoại giao

Nghị quyết 13/TW (1/1967) viết: "Đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị ở Miền Nam là nhân tố chủ yếu quyết định giành thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phán ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất cuộc đấu tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động"[2].

Chúng ta kết hợp rất khéo léo, tài tình giữa chiến trường và đàm phán ngoại giao. Đánh thúc đẩy đàm, đàm bó chân, bó tay địch trên chiến trường, củng cố thắng lợi quân sự và kết thúc cuộc chiến. Trong những năm 1965-1966, Mỹ đưa ra rất nhiều đề nghị hòa bình, song chỉ sau thắng lợi phản công hai mùa khô năm

[1] V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, t. 41, tr.69.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, 28 , tr. 174.

1965-1966 và 1966-1967, chiến lược tìm diệt của Mỹ, cũng như chiến tranh phá hoại Miền Bắc thất bại một bước, chúng ta mới quyết định mở mặt trận ngoại giao, kết hợp đánh, đàm. Cũng chỉ sau tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu thân 1968, Mỹ mới mới chịu chấm dứt ném bom và ngồi vào thương lượng. Năm 1971, Mỹ thúc ép ta chuyển sang đàm phán thực chất, chúng ta không bị động theo đối phương mà chỉ sau chiến thắng Xuân- Hè (1972) đánh địch trên khắp các mặt trận từ Bình Trị Thiên đến đồng bằng sông Cửu Long, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, tạo chỗ đứng cho chủ lực trở về, chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ bị thất bại nghiêm trọng, phong trào đấu tranh ở đô thị lên cao, so sánh lực lương thay đổi lớn, chúng ta mới quyết định chuyển sang đàm phán thực chất. Đập tan chiến dịch ném bom B.52 cuôi năm 1972 trên bàu trời Hà Nội, chúng ta đã buộc Mỹ ký hiệp định Paris theo điều kiện của ta.

Bẩy là, biết giành thắng lợi từng bước

Đây là một nghệ thuật xuất phát từ thực tiễn Việt Nam. Việt Nam luôn phái chiến đấu với kẻ thù mạnh hơn nhiều lần, cho nên muốn thắng phải biết giành thắng lợi từng bước. Giành thắng lợi từng bước song, luôn hướng tới mục tiêu cuối cùng. Đấu tranh ngoại giao của chúng ta đều theo phương sách này. Nếu Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946), Việt Nam chỉ được công nhận là quốc gia tự do, có chính phủ, quân đội, tài chính riêng, thành viên Liên bang Đông Dương. Đến Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, Pháp và các nước phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Cămpuchia và Miền Bắc nước ta được giải phóng, là hậu phương lớn cho cách mạng dân tộc dân chủ ở Miền Nam. Đến Hiệp định Paris(1973), Điều 1 viết: "Hoa Kỳ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương đã công nhận"[1]. Ngoai ra, Hoa Kỳ còn phải công nhận Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai vùng kiểm soát, ba lực lượng chính trị. Ngày 30/4/1975, cả nước thống nhất, non sông thu về một mới.

3. Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh

Nghệ thuật dùng để biểu đạt một hành động điêu luyện, hoàn thiện, hoàn mỹ, khéo léo tinh tế. Có ba yếu tố cơ bản cho việc hình thành nghệ thuật trong hoạt động của con người là uyên bác, tài năng bẩm sinh và sự khổ luyện. Ngoại giao là một hoạt động chính trị - xã hội, là khoa học và nghệ thuật. Đó là nghệ thuật của

[1] Hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ỏ Việt Nam, sách Bộ Ngoại giao: Cuộc đàm phán lịch sử, Nxb. CTQG, Hà Nội-2009, Phụ lục II.

những khả năng, nghệ thuật ứng xử, nghệ thuật đàm phán… Nghệ thuật ngoại giao thể hiện tập trung ở phương pháp và phong cách vận dụng chiến lược, sách lược đối ngoại một cách nhạy bén, uyển chuyển và sáng tạo, đạt được hiệu quả có lợi nhất và cao nhất có thể có trên cơ sở tương quan lực lượng và điều kiện cụ thể tại những thời điểm lịch sử nhất định, đặt biệt là trong những tình thế hiểm nghèo.

Nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh là tài năng trong hoạt động đối ngoại nhằm biến những điều khó có thể hoặc không thể đối với người khác thành hiện thực, trong đó có việc biến 'nguy' thành 'an', biến 'đại sự' thành 'tiểu sự' và biến 'tiểu sự' thành 'vô sự'; là sự khéo léo, uyển chuyển trong ngoại giao tâm công; trong dự báo thời cơ, đặc biệt là tận dụng thời cơ, tạo thời cơ; trong "dĩ bất biến ứng vạn biến", và nhân nhượng thoả hiệp có nguyên tắc; trong lợi dụng mâu thuẫn đối phương để thêm bạn bớt thù tăng cường lực lượng của mình; trong ứng xử ngoại giao, trong trả lời lòi phỏng vấn báo chí… Như vậy, tất cả các phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh đều đã trở thành nghệ thuật.

Đặc biệt ứng xử ngoại giao là nghệ thuật rất đặc sắc của Hồ Chí Minh. Tác giả Vũ Dương Huân, giới thiệu 15 câu chuyện về nghệ thuật ứng xử của Hồ Chí Minh[1].

Xin được nêu ứng xử với các tướng của Tưởng trong giai đoạn 1945-1946.

Ngày 10/9/1945, Tướng Tiêu Văn đến Hà Nội, ngày 14/10/1945, Tướng Lư Hán, rồi Tướng Chu Phúc Thành, Tổng tham mưu trưởng Hà Ứng Khâm với mục tiêu "diệt cộng cầm Hồ" để dựng lên Chính phủ tay sai. Người nói tiếng Tầu "kiểu cách Vân Nam" với Tướng Lư Hán; "kiểu cách Lưỡng Quảng" với Tướng Tiêu Văn; "kiểu cách Bắc Kinh" với Tướng Hà Ứng Khâm…Tiêu Văn đã từng biết Hồ Chí Minh từ lúc Người ở trong các nhà tù Quảng Tây và thán phục tầm hiểu biết uyên thâm quảng bác Đông Tây, Kim, Cổ của Người. Nhưng Tiêu Văn ngạc nhiên sao Người biết ông gốc Quảng Đông, cấp bặc, chức vụ trong quân ngũ. Còn với lần gặp đầu tiên ngày 16/9/1945, Lư Hán gần như bối rối khi Người nói về nét đẹp y phục, phong tục, tập quán của bộ tộc Lôlô và những kỷ niệm đã từng được chung sống với người Lôlô Vân Nam. Tướng Lư Hán liền nói: Thưa Chủ tịch, bản nhân là bộ tộc Lôlô. Hồ Chủ tịch hé mở tiếp: Tôi cũng đã có dịp quen biết tướng Long Vân trước ngày Tướng Long Vân nhậm chức Thống đốc Vân Nam và tướng Long Văn có quan hệ họ hàng với tướng quân ? Tướng Lư Hán gần như bị động, ông đứng dậy năng ly Mai Đào: "Thưa Chủ tịch Hồ Chí Minh…thật hạnh ngộ…hạnh

[1] GS TS Vũ Dương Huân: *Tư tưởng đối ngoại /ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội- 2022, tr. 230-249.

ngộ. Chủ tịch thật là thông quyền đạt biến. Thống đốc Long Vân là em của thân mẫu bản nhân". Tướng Lư Hán hai tay cầm chặt tay Bác Hồ: "Ngộ ngã lương bằng… Ngộ ngã lương bằng…" Và ông ta tiễn Hồ Chủ tịch ra tận xe và đứng đợi cho xe chuyển bánh đưa tay vẫy chào theo mới quay trở vào.

Từ phút ban đầu cho suốt cả cuộc hội kiến Tướng Lư Hán mất chủ động, ông ứng đáp theo Bác không còn hạch sách kiểu nước lớn, giọng kể cả như trước và Tướng Lư Hán tỏ ra kính phục sự thông tuệ, lịch thiệp của Bác bằng cử chỉ đứng dậy. Bác nhận xét: nhiều người đồn đại Lư Hán là tướng rợ Lôlô, quân phiệt. Khi thấy Bác biết rõ quan hệ giữa Tướng Lư Hán và Tướng Long Vân, Thống đốc Long Vân ngộ nạn. Tướng Lư Hán bày tỏ: cả hai chúng ta ngộ biến. Sức mạnh của Thống đốc Long Vân là dựa vào thế lực của Tướng Lư Hán. Tướng Lư Hán bị điều sang Việt Nam là kế sach triệt hạ thế lực của Tướng Long Vân, Tướng Lư Hán đã phải thốt lên: "Ngộ ngã lương bằng" coi chúng ta là bạn tốt. Chứ không thế là "Diệt cộng cầm Hồ".

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận xét: "Hồ Chí Minh là bậc thầy trong việc nắm vững quy luật cách mạng, nắm vững thời và thế, biết cách tạo thời và thế, từ đó mà phấn đấu giành thắng lợi từng bước, từ nhỏ đến lớn, từ thấp đến cao, biết tiến, biết thoái, có lúc thoái một bước để tiến hai bước, luôn nắm vững mục tiêu từng lúc, kiên trì phấn đấu, tập trung lực lượng đạt tới mục tiêu đó"[1].

4. Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh

Theo nghĩa rộng, "phong cách là lề lối, cung cách, cách thức, phong thái, phong độ và phẩm cách đã trở thành nền nếp ổn định của một người hay một lớp người, được thể hiện trong tất cả các mặt hoạt động như lao động, học tập, sinh hoạt, ứng xử, diễn đạt… tạo nên những giá trị, những nét riêng biệt của chủ thể đó" [2]. Phong cách người cách mạng liên quan mật thiết với tư tưởng, đường lối và phương pháp cách mạng. Tư tưởng, đường lối có tính chất quyết định, còn phương pháp là những cách thức có tính nguyên tắc để đưa đường lối vào cuộc sống. Phương pháp dù chung hay riêng chỉ được thông qua hoạt động cụ thể với những trình độ, khí chất và phong cách khác nhau.

Ngoại giao vừa là khoa học vừa là chính trị. Ngoại giao muốn đạt mục đích đề ra phải có phương pháp và nghệ thuật, qua đó tạo nên phong cách. Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh là "lề lối, cung cách, cách thức, phong thái, phong độ và

---

[1] Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, Hà Nội- 1998, tr.33.

[2] GS Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*…, Sđd, tr. 154.

phẩm cách đã trở thành nền nếp ổn định" của Người trong công tác ngoại giao. Phong cách ngoại giao của Người liên quan chặt chẽ đến tư tưởng của Người về đối ngoại, phương pháp và nghệ thuật ngoại giao. Tư tưởng đối ngoại chỉ đạo hành động còn phong cách, phương pháp và nghệ thuật biến tư tưởng đường lối chính sách đối ngoại thành hiện thực và hiệu quả. Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh có cac đặc trưng sau đây:

Một là, tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo

Đây là nét độc đáo trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh; là cơ sở cho việc hình thành những luận điểm đặc sắc mang dấu ấn Hồ Chí Minh, tạo nên sự khác biệt giữa Hồ Chí Minh với nhiều nhà tư tưởng, tiền bối và đương thời. Độc lập là không phụ thuộc, không bắt chước, không theo đuôi, giáo điều, tránh đường mòn và tự mình phải luôn tìm tòi, suy nghĩ. Tự chủ là tự mình làm chủ suy nghĩ, làm chủ bản thân và công việc của mình. Sáng tạo là vận dụng đúng quy luật chung cho phù hợp với cái riêng, cái đặc thù; sẵn sàng từ bỏ những cái cũ, lạc hậu, tìm tòi, đề xuất những cái mới để có thể trả lời được những đòi hỏi của thực tiễn đặt ra.

Nhờ tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra quy luật của cách mạng Việt Nam, dựa trên các quy luật phát triển chung. Người đã phát hiện nhiều luận điểm rất mới, phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Người soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Cương lĩnh đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chủ trương tập hợp, đoàn kết lực lượng cách mạng cả nước cũng như giải quyết vấn đề độc lập dân tộc của Việt Nam, hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, xu thế phát triển của thời đại, thể hiện tầm nhìn vượt thời gian. Về lĩnh vực đối ngoại, Người cũng có quan rất khoa học về chủ thể chính của quan hệ quốc tế, là quốc gia - dân tộc, không phải là các giai cấp, về bản chất quan hệ quốc không hẳn chỉ là đấu tranh môt mất một còn giữa CNXH và CNTB theo quan điểm của Chủ ngĩa Mác -Lênin. Người có quan điểm mới về lợi ích quôc gia -dân tộc, coi trọng các nước lớn, nước láng giềng, ngoại giao là mặt trận...

Cơ sở để Hồ Chí Minh có tư duy độc lập tự chủ sáng tạo vì Người đều lấy thực tế Việt Nam làm điểm xuất phát; Bác cũng không ngừng học tập, nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn trong và ngoài nước; và quá trình hoạt động thực tiễn sinh

động, phong phú, với nhiều vị trí công tác, thăng trầm trong quá trình hoạt động cách mạng.

Hai là, trong đấu tranh ngoại giao Hồ Chí Minh rất cứng rắn, kiên định về các vấn đề chiến lược, các vấn đề nguyên tắc, lợi ích sống còn của quốc gia- dân tộc, song rât linh hoạt mềm dẻo về sách lược. Ứng xử với Pháp, Tưởng những năm 1945-1946 là ví dụ nổi bật của phong cách này của Hồ Chí Minh. Với danh nghĩa quân Đồng minh, Tưởng vào miền Bắc Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật, cho nên Hồ Chí Minh và Đảng ta rất mềm dẻo, nhân nhượng thoả hiệp với Tưởng nhiều vấn đề như chấp nhận tiêu tiền quan kim mất giá, cung cấp lượng thực cho quân đội Tưởng ở Việt Nam, cho phép tay sai Tưởng có 70 ghế trong Quốc hội khoá I không qua bầu cử và tham gia chính phủ liên hiệp với nhiều bộ quan trọng. Song Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng kiên quyết không để Tưởng can thiệp sâu vào chính quyền, không cho phép Tương đặt cố vấn quân sự trong Bộ Quốc phòng, giữ vững bản chất chính quyền và thế hợp pháp của chính quyền cách mạng, tập trung sức chống Pháp tái xâm lược ở miền Nam.

Trong đấu tranh với thực dân Pháp, Người rất kiên quyết giữ vững quan điểm, lập trường về những vấn đề cốt tử của quốc gia như độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quyết không đổi chác, nhân nhượng. Trước sau như một, Người đòi Pháp công nhận nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Đồng thời, Người rất linh hoạt, mềm dẻo trong đấu tranh với Pháp, sẵn sàng nhân nhượng, thoả hiệp với Pháp về những nội dung có thể thoả hiệp được. Khi đàm phán về Hiệp định Sơ bộ với Pháp, chính vì Người linh hoạt dùng từ Việt Nam là "nước tự do" có quân đội, chính phủ riêng, tài chính riêng… thay cho từ "độc lập", nhân nhượng cho Pháp nhiều lợi ích kinh tế, văn hoá, chấp nhận tham gia Liên bang Đông Dương… mà ký được Hiệp định Sơ bộ trong bối cảnh cực kỳ cấp bách.

Đối với Hồ Chí Minh, cứng rắn về nguyên tắc và mềm dẻo về sách lược, song cứng rắn và mềm dẻo đều có "độ". Xác định điểm "dừng" của những nhân nhượng là nghệ thuật ngoại giao. Về điểm "dừng" ký Hiệp định Sơ bộ, Trung ương Đảng phân tích: "Vấn đề lúc này, không phải muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình, biết người, nhận một cách khách quan các điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng"[1].

Ba là, Hồ Chí Minh rất quyết đoán, không do dự trong việc thông qua các quyết định, nhất là vào những thời điểm bước ngoặt quan trọng. Những ngày cuối

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 43-44.

tháng 8/1945, mặc dù ốm mệt, song Người chỉ thị: phải quyết tâm giành cho được độc lập dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn. Theo nhận thức của Người, thời cơ đã chín muồi và nếu để muộn, quân Đồng minh vào Việt Nam, cách mạng sẽ khó thành công. Trong tình thế hiểm nghèo, trước sức ép của quân Tưởng, và ý kiến nội bộ rất khác nhau. Người quyết định "giả tán" Đảng để có thê lập chính phu liên minh với tay sai của Tưởng. Đàm phán Việt-Pháp thất bại, Người quyết định ký Tạm ước 14/9/1946 với Pháp, dù phải nhân nhượng nhiều hơn. …

Bốn là, chủ động tiến công, nhiều sáng kiến cũng là phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh. Chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám, Bác Hồ và Đảng đã rất khẩn trương tổ chức Đại hội Quốc dân Tân Trào, chuyển ngay Uỷ ban Giải phóng thành Chính phủ lâm thời, soạn thảo và tuyên đọc Tuyên ngôn Độc lập, ra mắt Chính phủ lâm thời… Đây là những biện pháp đối nội, song là giải pháp mang tính đối ngoại. Bác đã chạy đua với thời gian, triển khai các hoạt động trên nhằm đạt cho được cái đích là: trở thành người chủ, để tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Trong những năm 1945-1946, Bác Hồ liên tiếp đưa ra các sáng kiến ngoại giao với Tưởng, với Pháp, và cả Mỹ, luôn chủ động tiến công….

Do mâu thuẫn, bất đồng với Liên Xô, năm 1964 gần đến sinh nhật Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô, Khơrustxốp tròn 70 tuổi, Trung Quốc đề nghị các Đảng anh em từ nay không gửi điện chúc mừng. Để không làm mếch lòng Trung Quốc, và vẫn tỏ rõ tình cảm đối với Liên Xô, Bác đã mời Đại sứ Liên Xô lên gặp và gửi lời chúc mừng miệng đến nhà lãnh đạo Liên Xô. Triển khai Nghị quyết Trung ương 13 về kết hợp đánh đàm, chúng ta thúc đẩy tiếp xúc, đàm phán với Mỹ để giải quyết chiến tranh Việt Nam. Trung Quốc không ủng hộ "vừa đánh vừa đàm" nên tạm dừng các tiếp xúc chính trị giữa hai nước. Để có thể tiếp xúc với lãnh đạo Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh gợi ý cử Đoàn đại biểu Trung ương Cục miền Nam thăm Trung Quốc để thông báo tình hình đấu tranh và quyết tâm chiến đấu của đồng bào miền Nam Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng tham gia Đoàn. Sau khi tiếp Đoàn, Chủ tịch Mao Trạch Đông nhận xét: Việt Nam đánh giỏi mà đàm cũng giỏi, biểu thị ủng hộ chủ trương đánh đàm của Việt Nam[1].

Năm là, trong giao tiếp với khách nước ngoài, phong thái ung dung, nho nhã, kiến thức uyên thâm, vế sự chân thành, giản dị, khiêm nhường của Hồ Chí Minh có tính thuyết phục rất cao đối với người đối thoại. Trong quá trình hoạt động cách mạng, lãnh đạo quốc gia, Hồ Chí Minh đã gặp gỡ, tiếp xúc, đàm phán

[1] Ban Nghiên cứu lịch sử ngoại giao: Tư liệu đã dẫn.

với nhiều đối tượng khác nhau: bạn bè, đồng chí, kẻ thù, nhà lãnh đạo quốc gia, các nhà chính trị có các xu hướng khác nhau, sĩ quan, nhà khoa học, nhà văn hoá, người dân bình thường… song tất cả đều nể trọng, cảm phục, bị Người thuyết phục. Samdec Norodom Sihanúc viết: “Từ lâu, tôi đã rất ngưỡng mộ “Bác Hồ”. Người không chỉ thuộc về Việt Nam, mà cả Đông Dương, cả châu Á và có thể cả thế giới, vì Người luôn bảo vệ những quyền lợi của các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa… Đối với riêng tôi, Người cũng là “đồng chí”. Người đã gửi cho tôi những bức thư trìu mến, và tôi cũng đã luôn ước mong được gặp Người”[1].

Thay lời kết luận:

Hồ Chí Minh là nhà ngoại giao thiên tài, là danh nhân ngoại giao của dân tộc Việt Nam. Người đã để lại cho hậu thế những di sản lớn không chi về tư tưởng, phương pháp, nghệ thuật và phong cách ngoại giao rất đặc sắc, là kim chỉ nam cho hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, tao thành Trường phái Ngoại giao Hồ chí Minh[2]. Chúng ta có nhiệm vụ vận dụng sáng tạo và phát triển di sản của Người trong bối cảnh mới. Đó chính là nguồn gốc của thành công trong công tác đối ngoại của chúng ta. Đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã từng nói: "Làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì thắng lợi, đi chệch con đường đó thì gặp khó khăn và dẫn đến thất bại"[3].

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH:

1) Ban Nghiên cứu lịch sử ngoại giao: *Một số tài liệu tham khảo về Hồ Chí Minh*, Hà Nội-2008.

2) Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thắng lợi và bài học,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-1996.

3)Bộ Ngoại giao: *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao. Một vài kỷ niệm về Bác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-2008.

[1] Chủ tịch Hồ Chí Minh với các chính khách quốc tế (Biên soạn: Trần Đương, Nguyễn Thị Minh Hương), Nxb. Thông Tấn, (Tái bản lần thứ nhất), Hà Nội 2007, tr. 134.

[2] Vũ Dương Huân: Đôi điều về Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh, http://nghiencuuquocte.org/2021/09/08/doi-dieu-ve-truong-phai-ngoai-giao-ho-chi-minh/.

[3]Ông Nguyễn Dy Niên: Cố Tổng Bí thư Trường Chinh gọi tới nhà khóa cửa hỏi về đổi mới đối ngoại, https://nld.com.vn/chinh-tri/doi-moi-tu-duy-doi-ngoai-co-luc-rat-gian-truan-mat-an-mat-ngu-2020090211594598.htm. Truy cập ngày 2/9/2020.

4) Lady Borton: *Hồ Chí Minh-Một hành trình*, Nxb. Thế giới, Hà Nội-2012

5) Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb, Chính trị quốc gia- Hà Nội- 2000.

6) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-2000, tập 8.

7) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-2003, tập 28.

8) Đảng Cộng sàn Việt Nam: *Văn kiện Đại hội XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-2021, tập 1.

9) Trần Đương, Nguyễn Thị Minh Hương: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với các chính khách quốc tế,* Nxb. Thông Tấn, (Tái bản lần thứ nhất), Hà Nội 2007.

10) Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Hà Nội -1994.

Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội- 2016.

11) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội-2011.

12) Vũ Dương Huân: *Đôi điều về Trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh*, http://nghiencuuquocte.org/2021/09/08/doi-dieu-ve-truong-phai-ngoai-giao-ho-chi-minh/.

13) GS TS Vũ Dương Huân: *Tư tưởng Hồ Chí minh về đối ngoại, ngoại giao*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội-2022.

14) GS Đặng Xuân Kỳ (Chủ biên): *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. CTQG, Hà Nội- 1997.

15) Nguyễn Dy Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội- 2002.

16) Ông Nguyễn Dy Niên: *Cố Tổng Bí thư Trường Chinh gọi tới nhà khóa cửa hỏi về đổi mới đối ngoại*, https://nld.com.vn/chinh-tri/doi-moi-tu-duy-doi-ngoai-co-luc-rat-gian-truan-mat-an-mat-ngu

17) Trần Triều, Hồ Lễ Trung: *Thập đại tùng thư. 10 nhà ngoại giao lớn thế giới,* Nxb., Văn hóa Thông tin, Phong Đảo dịch từ tiếng Trung Quốc, Hà Nội-2003

18) *Từ điển tiếng Việt 1997*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng-1997.

19) Nguyễn Minh Vỹ: *Hồi ký Tuần báo Quốc tế*, số 20, tháng 5 /1995.

DANH NHÂN HỒ CHÍ MINH
HIỆN TƯỢNG LIÊN VĂN HOÁ TIÊU BIỂU, ĐẶC SẮC

PGS.TS NGUYỄN THANH TÚ
Viện Trí Việt

I. Liên văn hóa - Lược sử, khái niệm

Cả thế giới đang bước vào kỷ nguyên cách mạng 4.0 với sự phát triển chóng mặt về kinh tế, khoa học, y tế,... Là thời của vi điện tử, của kết nối vạn vật, của người máy...nên con người đứng trước cơ hội được thụ hưởng những văn minh mới mẻ nhưng cũng phải đối mặt với những thử thách ghê gớm: nạn thất nghiệp, ô nhiễm môi sinh, dịch bệnh... Trước sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày càng lớn, con người càng phải cần đến nhau hơn, để đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ, san sẻ. Như trong Đại dịch covid 19 càng thấy rõ sự chi phối giữa các quốc gia càng trở nên mạnh mẽ và cũng gay gắt hơn bao giờ hết. Đó là tiền đề cho sự giao lưu văn hóa diễn ra như một tất yếu và ngày càng sâu sắc. Do vậy nghiên cứu liên văn hóa được đặt ra như là một nhu cầu tự thân. Vì là thành tố cơ bản của văn hóa nên trong văn học, liên văn hóa biểu hiện tập trung và sinh động nhất. Đó cũng là một quy luật phát triển của văn chương luôn có sự kế thừa, tiếp nối, phát triển và nâng cao.

Như một cây xanh cắm sâu chùm rễ khỏe khoắn vào các mảnh đất truyền thống dân tộc và nhân loại rồi vươn cao lá cành quang hợp ánh sáng tư tưởng của thời đại, nên lẽ tự nhiên, những trái cây tác phẩm của nhà văn hóa đã kết tinh trong nó những giá trị tinh hoa để tỏa ra hương vị tư tưởng đặc sắc. Quá trình ấy chính là liên văn hóa được biểu hiện cụ thể trong tác phẩm. Cũng tất nhiên mức độ liên văn hóa đậm nhạt, giàu có, phong phú... khác nhau tùy thuộc vào cái tôi chủ thể nhà văn hóa. Như cấu trúc một tòa lâu đài có nền móng vững chắc là văn hóa dân tộc, cái thân lầu là tư tưởng, tâm hồn, trí tuệ được trổ nhiều cửa sổ ngôn ngữ để đón các luồng gió văn hóa bốn phương, có nhiều cửa chính đón độc giả từ khắp nơi ghé thăm, chiêm ngưỡng, học tập... thế nên càng là nhà văn lớn tính liên văn hóa càng rõ.

Thuật ngữ "đa văn hóa" gần gũi nhưng không đồng nhất với "liên văn hóa". Đa văn hóa là sự tiếp xúc của nhiều nền văn hóa, là sự cộng gộp mang tính số học giản đơn, bên ngoài. "Liên văn hóa" không chỉ là sự tiếp xúc mà còn là sự xuyên

thấm, tương tác, đối thoại lẫn nhau giữa các nền văn hóa, chú ý tới sự phân tích, chọn lựa, hiệu quả giao tiếp, tiếp thu những tri thức mới tạo ra các giá trị văn hóa mới. Về điểm này ta thấy "điển cổ" mà văn chương trung đại hay dùng là một "liên văn hóa". Đây không phải là câu chuyện "nệ cổ" hay "sùng ngoại" như từng hiểu một cách cực đoan hẹp hòi mà là kết quả của một sự giao thoa văn hóa.

Hiện nay người ta khuôn các dạng tác giả cơ bản tham gia vào quá trình liên văn hóa, gồm:

- Tác giả nhập cư (đến từ nước khác).
- Tác giả viết bằng ngôn ngữ nước khác không phải ngôn ngữ mẹ đẻ.
- Tác giả sống, trải nghiệm nhiều nền văn hóa
- Tác giả chịu ảnh hưởng mạnh từ văn hóa nước ngoài.
- Tác giả là người dân tộc thiểu số viết bằng cả hai ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông.

Vì giao tiếp làm nên văn hóa, cũng đồng thời văn hóa làm nên giao tiếp, do vậy thuật ngữ liên văn hóa (intercultural) thực chất là giao tiếp liên văn hóa (Intercultural communication). Nó còn được gọi tên khác là giao tiếp giao thoa văn hoá (Cross-cultural communication). Người đầu tiên sử dụng khái niệm liên văn hóa là nhà nhân học Edward Hall trong công trình *The Silent Language* (1959)[147]. Hướng nghiên cứu liên văn hóa phát triển mạnh từ những năm 70 của thế kỷ XX để lý giải sự kết hợp, giao lưu, tiếp biến giữa các cộng đồng có những phương thức, tập quán, thói quen sống và quan niệm, nhân sinh quan khác nhau biểu hiện ở các khía cạnh quan hệ truyền thống và hiện đại, dân gian và bác học, bản địa cụ thể và nhân loại phổ quát. Liên văn hóa trong một tác phẩm cụ thể biểu hiện ở việc học tập, kế thừa, phát triển và nâng cao văn hóa dân tộc, ở tiếp nhận văn hóa có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu có văn hóa nước nhà. Nó được thể hiện ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật, ở nhiều cấp độ nhưng biểu hiện tập trung ở biểu tượng, nhân vật, ngôn ngữ.

Bước vào thời toàn cầu hóa, liên văn hóa được mở rộng, khái quát thành trào lưu triết học liên văn hóa (The Intercultural Philosophy) hướng đến những điểm tương đồng trên nền tảng của những khác biệt văn hóa. Trong nghệ thuật, liên văn hóa cũng là một xu hướng tất yếu, không chỉ là nhận thức đời sống từ cái nhìn dân tộc, mà đa chiều hơn, hướng đến những giá trị phổ quát, nhân loại, hay được gọi

[147] E.T. Hall. *The silent language*, New York: Doubleday, 1959

là mẫu số chung của văn hóa toàn cầu. Hiện nay ở nhiều nước ra đời môn học *Phân tích giao tiếp liên văn hoá* (Intercultural Communication Analysis gọi tắt là ICA) có ở nhiều môn học khoa học xã hội. Môn này rất chú tới hiệu quả giao tiếp thể hiện thành các giá trị văn hóa, như một "phần mềm tinh thần" (mental software), là những tiêu chuẩn, những điều mong muốn tác động đến sự lựa chọn văn hóa.

Xét theo nghĩa hẹp, liên văn hóa có trong một nền văn hóa (quan hệ chiều dọc truyền thống/hiện đại), còn gọi là giao tiếp nội văn hoá (intracultural communication). Theo nghĩa rộng là sự mở ra giao tiếp với các nền văn hóa khác. Vì quá nhiều vấn đề như vậy nên liên văn hóa hiện nay chủ yếu hiểu theo quan niệm là sự giao tiếp giữa những nền văn hóa khác nhau.

Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa kiệt xuất, một hiện tượng liên văn hóa kết tinh những tinh hoa giá trị văn hóa của phương Đông và phương Tây, của dân tộc và nhân loại, của truyền thống và hiện đại... nên chúng tôi cũng chủ yếu xem xét những biểu hiện của sự giao tiếp với các nền văn hóa khác. Đối chiếu với các dạng nhà văn liên văn hóa ở trên thì Bác Hồ có ở cả 4 dạng: là tác giả nhập cư (đến từ Việt Nam); là tác giả viết bằng ngôn ngữ nước khác không phải ngôn ngữ mẹ đẻ (tiếng Pháp, Hán, Anh, Nga...); là tác giả sống, trải nghiệm nhiều nền văn hóa (Bác đi 30 năm, tới 54 nước, trải nghiệm sâu sắc nhiều nền văn hóa của phương Đông, phương Tây); là tác giả chịu ảnh hưởng mạnh từ văn hóa nước ngoài (văn hóa Pháp, Trung Quốc, Nga...).

II. Hồ Chí Minh – Hiện tượng liên văn hóa tiêu biểu, đặc sắc, độc đáo.

1. Tiểu sử và thời cuộc "liên văn hóa".

Lên 5 tuổi Nguyễn Sinh Cung theo cha vào Huế. Sau này, Nguyễn Tất Thành vào dạy học ở Phan Thiết, vào thăm cha ở Bình Khê, đến Sài Gòn... Năm lên bảy tuổi cậu bé Côn đã học thông sách Luận ngữ, rồi sớm học tiếng Pháp. Như vậy Nguyễn Tất Thành đã được tiếp xúc với nhiều vùng/nền văn hóa khác, tinh thần "liên văn hóa" đã có từ rất sớm ở Danh nhân văn hóa thế giới này. Ngày 5/6/1911 một người con ưu tú của dân tộc lấy tên Văn Ba rời cảng Nhà Rồng lên con tàu Đô đốc Latouche – Tréville bắt đầu cuộc hành trình 30 năm. Người thanh niên ấy sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, theo số liệu mới nhất, đã đi 54 nước, làm 12 nghề khác nhau, thông thạo ít nhất 12 ngoại ngữ[148].

[148] TS Josephine Stenson, Giáo sư sử học trường đại học Florida Atlantic, Hoa Kỳ, người đã dành phần lớn thời gian trong cuộc đời nghiên cứu tìm hiểu về Hồ Chí Minh cho biết Bác Hồ thành thạo 12 ngôn ngữ. Xin xem *Hồ Chí Minh, một nhân cách lớn của thời đại*. Hồn Việt, số 156, tháng 3/2021.

Dưới góc nhìn "liên văn hóa" hiện đại, thế giới hôm nay nhìn thấy ở Nguyễn Ái Quốc là sự hội tụ tuyệt đẹp ba luồng văn hóa: văn hóa yêu nước Việt Nam; văn hóa hòa bình, bình đẳng, bác ái của nhân loại tiến bộ, đặc biệt là ở các nước Pháp (châu Âu) và Mỹ (châu Mỹ - Latinh); văn hóa giải phóng con người của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Mục đích đi tìm đường cứu nước: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập..."

Để hiện thực hóa lý tưởng "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi", trong khoảng thời gian từ 1917 đến 1940, Nguyễn Ái Quốc đồng thời tiến hành ba cuộc đối thoại với chủ nghĩa thực dân và chế độ phong kiến; với đồng bào An nam và nhân dân các nước thuộc địa; với các đồng chí của mình. Mục đích, nội dung các cuộc đối thoại cũng rất rõ ràng, chính nghĩa, công lý, nhân tính,... nói chung là vì con người. Lên án, tố cáo, vạch trần tội ác để dừng lại, trước hết là giảm thiểu tính chất của tội ác. Thức tỉnh nô lệ để kêu gọi con người ý thức được nhân tính để đòi trả lại nhân tính. Muốn vậy trước hết phải đòi chủ nghĩa thực dân đế quốc trả lại môi trường có nhân tính. Chia sẻ, động viên, kêu gọi (đồng chí), xét đến cùng là nhận chân kẻ thù chung và cùng nhau giải phóng con người.

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đáp ứng đầy đủ nhất các yếu tố cơ sở của đối thoại văn hóa để Người trở thành con người của đối thoại văn hóa. Chính Người đã khiêm tốn khẳng định: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê su, Mác, Tôn Dật Tiên đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội… Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy"[149]. Cuộc đời hoạt động và trước tác của Bác đã chứng minh Bác học tập, kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo những tinh hoa tư tưởng của các bậc thầy vào điều kiện hoàn cảnh cách mạng Việt Nam. "Còn những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin". Đó chính là một biểu hiện của một hiện tượng "liên văn hóa" sinh động nhất, sâu sắc nhất.

[149] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện nghiên cứu tôn giáo: *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng*, NXB Khoa học xã hội, H.1996, tr. 152.

Tòa lâu đài nhân cách Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh có cái nền móng vững chãi là tình yêu thương, cái khung kết cấu là trí tuệ. Nhờ có nhiều những ô cửa sổ ngoại ngữ nên đón được nhiều luồng gió nhân văn từ khắp chân trời văn hóa nên lâu đài ấy luôn lộng gió thời đại, chan hòa hương thơm và ánh sáng tinh hoa của cả nhân loại. Nhờ vậy Người đã đáp ứng đầy đủ nhất các yếu tố cơ sở để trở thành con người của đối thoại văn hóa. Không ngẫu nhiên ngay sau ngày Nước Việt Nam mới ra đời Bác Hồ kiêm nhiệm và hoàn thành cực kỳ tốt đẹp vai trò Bộ trưởng Ngoại giao. Người đã trở thành hiện thân cũng là hình mẫu của ngoại giao văn hóa. Thế giới hôm nay đồng thanh khẳng định Hồ Chí Minh đi trước thời đại, là người đặt nền móng cũng là tấm gương của đối thoại văn hóa với quan điểm "làm bạn với tất cả các nước dân chủ" và không "gây thù chuốc oán" với một ai. "Vĩnh viễn không bao giờ xâm lược nước khác" và cũng "vĩnh viễn không để nước khác xâm lược". Lịch sử Việt Nam và thế giới hiện đại đã chứng minh và khẳng định tư tưởng vàng về đối ngoại của Hồ Chí Minh không chỉ là tài sản văn hóa của dân tộc mà còn là tài sản tinh thần của toàn nhân loại.

3. Vai trò kết nối những nền văn hóa bằng khát vọng giải phóng và tình yêu thương con người.

Sinh thời Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định về Bác Hồ: "Sự nghiệp văn hóa quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xóa đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa"[150]. Chỉ là một cá nhân nhưng suy nghĩ, việc làm của Bác mang tầm thời đại, tầm đất nước, dân tộc. Bác thay mặt những người An Nam bị áp bức đối thoại với chủ nghĩa thực dân để đòi quyền sống cho dân tộc và cho những người bị áp bức trên thế giới. Bác kêu gọi cả nhân loại đau khổ thức tỉnh. Bác kêu gọi cả Quốc tế thứ Ba hành động vì các dân tộc thuộc địa. Cuộc Hội thảo khoa học Quốc tế về Hồ Chí Minh gần đây nhất có tên Hồ Chí Minh và Ấn Độ (*Ho Chi Minh and India*) ngày 14/5/2022 tại Kolkata[151]. Trước đó tại Mỹ, tháng

[150] Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia- Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam: *Chủ tịch Hồ Chí Minh-Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.21.

[151] Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam phát trực tiếp trên kênh Youtube 10h sáng Ấn Độ, 11h30 giờ Việt Nam ngày 14/5/2022.

10/2019 có Hội thảo Hồ Chí Minh toàn cầu (*Global Ho Chi Minh*) được tổ chức tại thành phố New York. Các Hội thảo đều khẳng định ở Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là sự hội tụ tuyệt đẹp ba luồng văn hóa: văn hóa yêu nước Việt Nam; văn hóa hòa bình, bình đẳng, bác ái của nhân loại tiến bộ và văn hóa giải phóng con người của Chủ nghĩa Mác. Không chỉ là vị anh hùng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh còn là cầu nối giữa Việt Nam với thế giới và nhân cách của Người còn mang tầm ảnh hưởng toàn cầu. Điều này khẳng định sự tôn trọng của giới học giả thế giới đương đại với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng và những giá trị văn hoá cao đẹp của Người đang được cả nhân loại đón nhận.

Nhờ con đường liên văn hóa Hồ Chí Minh đã tiếp thu, học tập, kế thừa tinh hoa mỹ học Việt nam và thế giới để góp phần tạo ra một tư tưởng mỹ học Hồ Chí Minh độc đáo, kiệt xuất sau này.

Hồ Chí Minh có sự kết hợp rất đẹp giữa con người nghệ sĩ và con người chiến sĩ, thể hiện sinh động trong việc Người dùng nghệ thuật để hoạt động cách mạng, phục vụ cách mạng. Điều này góp phần lí giải cuộc đời hoạt động cách mạng đầy huyền thoại của Người hình thành những nguyên tắc độc đáo, đặc sắc: *cuộc sống hóa nghệ thuật* và *nghệ thuật hóa cuộc sống*. Hai nguyên tắc này luôn song hành, tương ứng trong mối quan hệ biện chứng thống nhất tuyệt đẹp đã góp phần tạo nên một tâm hồn nghệ sỹ Hồ Chí Minh vừa khác lạ vừa thân quen; vừa bình thường vừa phi thường; vừa phương Đông lại rất phương Tây; truyền thống, cổ điển mà hiện đại, mới mẻ…

Với mối quan hệ thẩm mỹ hai chiều này Hồ Chí Minh nâng vị thế cách mạng lên một tầm cao mỹ học, cách mạng không chỉ là bạo lực, là ý chí, quyết tâm, là khởi nghĩa, là trí tuệ, vũ khí... mà còn là cả một nghệ thuật – nghệ thuật cách mạng. Xét đến cùng đó là nghệ thuật vì con người. Đó cũng là mục đích của hệ hình mỹ học Hồ Chí Minh!

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

(1) Nhiều tác giả - *Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ, văn nghệ sĩ với Hồ Chí Minh* (10 tập), Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội 2010.

(2) *Hồ Chí Minh toàn tập* (15 tập), Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.

(3). Stephen Norris (2004) – *Thomas Kuhn's Impact on Science Education: What lessons can be learned*? Science Education Volumn88, Issuel January. Pages 90-118.

(4). Thomas Kuhn (2008) – *Cấu trúc các cuộc cách mạng khoa học*. Nxb Tri thức. Chu Lan Đình dịch.

(5). Sokolovski (1998) - *Hệ hình của dân tộc học*. In trong *Căn tính tộc người*. Viện thông tin khoa học xã hội. Nghiêm Văn Thái dịch

(6). L.G. Ionin (2008) – *Hệ hình là gì*?. Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 285, 3/2008. Từ Thị Loan dịch.

(7) J.Brecher (1993), *Global visions beyond the new world order*, Boston.

(8) Thomas L.Friedman (2005), *The world is flat: a brief history of the twenty-first century*, http: //www. Thomaslfriedman.com/worldisflat.htm

NGHIÊN CỨU DANH NHÂN THỜI TRUNG ĐẠI QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP DANH NHÂN NGUYỄN TRÃI

GS.TS LÃ NHÂM THÌN
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Nghiên cứu danh nhân thời trung đại, trước hết cần thấy được những đặc điểm nổi bật của loại hình danh nhân này để từ đó có quan điểm và phương pháp nghiên cứu thích hợp. Bên cạnh những đặc điểm chung của danh nhân - người nổi tiếng, có công trạng với xã hội, được xã hội ghi nhận - danh nhân thời trung đại có những đặc điểm riêng.

1. Những đặc điểm nổi bật của danh nhân thời trung đại

Thứ nhất, danh nhân thời trung đại có tài năng về nhiều mặt

Dẫn đến đặc điểm này có nhiều nguyên nhân như thời trung đại việc phân chia các ngành khoa học chưa chuyên sâu đến mức chuyên ngành (rộng hoặc hẹp) như thời hiện đại. Do vậy, một người am tường lĩnh vực này thì đồng thời cũng am hiểu nhiều lĩnh vực khác. Lại nữa, người tài theo quan niệm xưa phải là người uyên bác "trên thông thiên văn, dưới tường địa lí", "văn võ song toàn". Người tài, khi được trọng dụng, có thể cùng một lúc đảm nhận nhiều công việc khác nhau.

Nhìn vào lịch sử trung đại Việt Nam, chúng ta thấy nhiều danh nhân - có người ở tầm vĩ nhân đều là những người có tài năng về nhiều mặt. Xin nêu một số danh nhân tiêu biểu. Trần Nhân Tông với tài năng xuất chúng "ba trong một": vị hoàng đế, thiền sư, nhà thơ, ở phương diện nào cũng tột cùng, đỉnh điểm. Trần Hưng Đạo là danh tướng văn võ song toàn, "học vấn tỏ ra ở bài hịch" (Ngô Sĩ Liên). Lê Thánh Tông là vị hoàng đế - thi nhân. Nguyễn Bỉnh Khiêm là sự hội tụ nhiều "nhà" trong một: nhà chính trị, nhà hiền triết, nhà giáo, nhà thơ. Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, là danh nhân văn hóa được thế giới vinh danh. Lê Hữu Trác vừa là thầy thuốc, vừa là nhà văn. Ngô Thì Nhậm là nhà ngoại giao, nhà triết học uyên áo về Phật học, nhà thơ, nhà văn chính luận nổi tiếng. Nguyễn Đình Chiểu là thầy thuốc, thầy giáo đồng thời là nhà thơ lớn, v.v…

Thứ hai, danh nhân thời trung đại có nhiều đóng góp đối với dân tộc ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Là người có tài năng về nhiều mặt nên danh nhân thời trung đại có những đóng góp to lớn đối với dân tộc trên nhiều phương diện.

Trần Nhân Tông với cương vị hoàng đế đã hai lần lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng đội quân xâm lược Nguyên - Mông hùng mạnh nhất lúc bấy giờ, bảo vệ và mở mang bờ cõi, xây dựng quốc gia Đại Việt cường thịnh. Ở cương vị thiền sư, ông là đệ nhất tổ, sáng lập thiền phái Trúc Lâm mang bản sắc Phật giáo Việt Nam. Trong lĩnh vực văn chương, Trần Nhân Tông thuộc số những tác gia văn học lớn nhất thời Trần, là một trong những người đầu tiên sử dụng chữ Nôm trong sáng tác, góp công lao to lớn khơi mở dòng văn học tiếng Việt. Cuộc đời và sự nghiệp của Trần Nhân Tông có hai trường đoạn lớn, trường đoạn thứ nhất là trường đoạn làm vua, ở trường đoạn này, Trần Nhân Tông là một vị vua anh minh, một đấng minh quân, một anh hùng dân tộc lãnh đạo nhân dân Đại Việt hai lần đánh thắng quân xâm lượng Mông Nguyên; trường đoạn thứ hai ông là một nhà tu hành đặc đạo. Hành trình tu hành, đắc đạo, thuyết pháp, độ tăng, xây dựng tông phái, an nhiên hoá Phật của vua Trần Nhân Tông mô phỏng hành trình tu hành thành Phật của đức Thích Ca Mâu ni, trong hành trình đó, Yên Tử là nơi Điều Ngự tu hành, thuyết pháp, độ tăng; Ngọa Vân là điểm kết thúc trọn vẹn hành trình tu hành, thành Phật, ẩn chứa phía sau hành trình tu hành thành Phật của vua Trần Nhân Tông chính là quá trình Việt hoá Phật giáo, thông qua đó thể hiện tư tưởng, tạo dựng nên những nét riêng biệt của Phật giáo Đại Việt. Ở ông hội tụ giá trị nhân bản với những giá trị: Nhân, Trí, Dũng và Từ Bi.

Trần Quốc Tuấn là nhà quân sự đại tài, đóng góp vào kho tàng quân sự nước nhà cuốn *Binh thư yếu lược* nổi tiếng. Với bài *Dụ chư tì tướng hịch văn* (thường gọi là *Hịch tướng sĩ*) giới thiệu và khích lệ tướng sĩ học tập *Binh thư yếu lược*, Trần Quốc Tuấn đã để lại kho tàng văn học dân tộc áng văn chính luận kiệt xuất. Lê Thánh Tông là vị hoàng đế anh minh đã đưa chế độ phong kiến Việt Nam phát triển tới đỉnh cao cực thịnh và thời đại Hồng Đức là thời đại hoàng kim nhất trong lịch sử nước ta thời trung đại. Ở cương vị Tao Đàn nguyên súy, Lê Thánh Tông được xem là người đầu tiên sáng lập, tổ chức hình thức hội thơ Việt Nam, là người sáng tác cả thơ và văn, cả chữ Hán và chữ Nôm với những thành tựu rực rỡ. Nguyễn Bỉnh Khiêm chưa một lần làm quan tướng nắm binh quyền nhưng ảnh hưởng chính trị của ông không những hết sức lớn đối với triều đình nhà Mạc mà còn tác động tới vương triều Lê - Trịnh, tác động tới nhà Nguyễn trong giai đoạn đầu khởi nghiệp, tạo nên những biến chuyển lớn của lịch sử Việt Nam. Đóng góp nổi bật của Nguyễn

Bỉnh Khiêm trong lĩnh vực văn học là thơ triết lí và thơ thế sự, với hàng nghìn bài thơ chữ Hán, hàng trăm bài thơ chữ Nôm. Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, với kiệt tác *Truyện Kiều*, đóng góp của tác giả không chỉ trong lĩnh vực văn chương khi tạo ra bước phát triển lớn về thể loại và ngôn ngữ văn học mà còn kết tinh, lan tỏa nền văn hóa dân tộc với triết lí nhân sinh về con người, về cuộc đời, với văn hóa ứng xử giàu giá trị nhân văn. Sự kết hợp thầy giáo - thầy thuốc, nhà yêu nước - nhà văn làm nên giá trị nhiều mặt của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: y thuật, y đức chữa bệnh cho người, đạo học, đạo lí cứu nước, cứu dân. Sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là đỉnh cao nhất của văn chương tuyên truyền đạo lí và văn chương yêu nước nửa cuối thế kỉ XIX. Còn có thể kể ra tên tuổi những danh nhân khác của thời trung đại có đóng góp nhiều mặt đối với dân tộc như Trần Quang Khải, Chu An, Lê Quý Đôn, Nguyễn Công Trứ…

Thứ ba, nhiều danh nhân thời trung đại là "người xưa của ta nay".

Dùng cách nói "người xưa của ta nay" để khẳng định danh nhân thời trung đại là những con người của quá khứ lịch sử nhưng đang đồng hành với thời đại ngày nay. Với tư cách là một con người của lịch sử, các danh nhân và ngay cả bậc vĩ nhân cũng giới hạn bởi thời đại lịch sử. Nhưng với tư cách là danh nhân, là bậc vĩ nhân thì tư tưởng, tầm nhìn của họ nhiều khi vượt thời gian, vượt thời đại để đến cùng mai hậu. Họ đồng hành với thời đại ngày nay bằng những vấn đề đặt ra trong di sản của họ - những vấn có ý nghĩa đối với đương đại. *Binh thư yếu lược* của Trần Quốc Tuấn vẫn mang giá trị là những bài học dùng binh trong lĩnh lực quân sự ở thời hiện đại. Làm tan đi lớp sương mờ huyền thoại của sấm kí Trạng Trình, ta vẫn thấy những suy lí rút ra từ *Kinh dịch* để nắm bắt quy luật, dự đoán về tương lai là có cơ sở khoa học trong sáng tác của Nguyễn Bỉnh Khiêm. Ngôn ngữ *Truyện Kiều* vẫn được sử dụng trong giáo tiếp của con người thời hiện đại, làm nên nét đẹp văn hóa, nét đẹp thẩm mĩ trong lời ăn tiếng nói của người Việt Nam, v.v…

Với những đặc điểm nổi bật của danh nhân thời trung đại như phân tích ở trên, nhà khoa học cần có quan điểm và phương pháp khoa học phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Những điều này sẽ được tiếp tục làm sáng tỏ qua nghiên cứu trường hợp danh nhân Nguyễn Trãi.

2. Nghiên cứu trường hợp danh nhân Nguyễn Trãi

Vận dụng nghiên cứu trường hợp (Case study) để nghiên cứu sâu một hiện tượng có tính chất tiêu biểu, điển hình cho nhiều trường hợp khác, để qua "điểm" thấy "diện" và ngược lại "diện" được khái quát từ "điểm" là cách làm khoa học.

Chọn nghiên cứu trường hợp Nguyễn Trãi là chọn hiện tượng tiêu biểu, điển hình cho danh nhân thời trung đại.

2.1. Nguyễn Trãi là thiên tài hội tụ nhiều tài năng

Nguyễn Trãi mang đặc điểm của danh nhân thời trung đại khi ông là người có tài năng về nhiều mặt. Điều cần nhấn mạnh ở Nguyễn Trãi là nhiều tài năng kiệt xuất hội tụ trong một thiên tài.

Từ phương diện lịch sử xã hội, Nguyễn Trãi là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà ngoại giao kiệt xuất. *Bình Ngô đại cáo* là bản tuyên ngôn về nhân nghĩa, về độc lập dân tộc đồng thời là tiếng nói khẳng định sự hợp pháp của chính thể vương triều Lê sau khi đại thắng quân Minh xâm lược. Trong phần cuối bài Đại cáo, Nguyễn Trãi thể hiện tư tưởng duy tân đất nước: Sự thay đổi nhưng thực chất là sự phục hưng (bĩ rồi lại thái, hối rồi lại minh), là nguyên nhân, là điều kiện để thiết lập sự vững bền. Ngược lại, sự vững bền trên cơ sở đổi mới là sự vững bền trong phát triển. *Quân trung từ mệnh tập* thể hiện cả tầm nhìn chiến lược và sự vận dụng chiến thuật trong đấu tranh quân sự và ngoại giao của Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn mà người thực hiện, viết lên thành văn bản là Nguyễn Trãi. Ở *Quân trung từ mệnh tập*, mỗi bức thư là một khâu, một mắt xích trong cuộc luận chiến kéo dài giữa ta và giặc; cái trước chuẩn bị cho cái sau, cái sau thể hiện và phát huy cái trước, phối hợp giữa "đánh" và "đàm" để cuối cùng đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Ở bình diện tư tưởng, triết học, Nguyễn Trãi là người am hiểu sâu sắc cả Nho giáo, Phật giáo và Lão - Trang. Trên tất cả, ở Nguyễn Trãi có sự kết hợp giữa tư tưởng "nhân giả vô địch" tích cực của Nho giáo với truyền thống yếu nước, truyền thống nhân đạo của dân tộc trong kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong hòa bình xây dựng đất nước.

Ở lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, Nguyễn Trãi là nhà văn chính luận kiệt xuất, là nhà thơ trữ tình sâu sắc, sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm, cả văn học chức năng và văn học nghệ thuật. Ông giỏi về âm nhạc (từng được vua Lê Thái Tông giao cho việc sửa định nhã nhạc của triều đình), giỏi về địa lí (từng soạn *Dư địa chí* trình bày về vị trí địa lý, hình thế sông núi, lịch sử, thổ nhưỡng, đặc sản, một số nghề thủ công truyền thống và tập quán của cư dân các đơn vị hành chính), giỏi về lịch sử (từng soạn *Lam Sơn thực lục* ghi lại một cách súc tích cuộc khởi nghĩa Lam Sơn). Nguyễn Trãi còn là nhà giáo dục mà nền tảng triết lí và nội dung giáo dục của ông là sự kết hợp giữa đạo lí Nho gia với đạo lí dân tộc.

Cũng cần nói thêm, Nguyễn Trãi là danh nhân tiêu biểu cho những tài năng trong quá khứ ở phương diện anh hùng và bi kịch: anh hùng và bi kịch đều ở mức tột cùng. Đặc điểm này như lưu ý nhà khoa học một điều: nghiên cứu về Nguyễn Trãi là phải tới chiều sâu tận cùng của vấn đề, tránh sự phiến diện, nửa vời.

2.2. Nguyễn Trãi có vị trí và đóng góp to lớn với dân tộc, mang tầm vóc quốc tế của một vĩ nhân

Một thiên tài hội tụ nhiều tài năng kiệt xuất như vậy, tất nhiên đóng góp của Nguyễn Trãi là rất lớn đối với dân tộc và mang tầm vó quốc tế.

Đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc, văn hóa dân tộc, Nguyễn Trãi có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống Minh. Tư tưởng chiến tranh nhân dân "lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức" và đường lối chiến lược "tâm công" đánh bằng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã góp phần đưa cuộc khởi nghĩa Lam Sơn tới thắng lợi huy hoàng - thắng lợi trọn vẹn nhất và ít đổ xương máu nhất cho sinh linh hai nước. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã thủ tiêu hoàn toàn ách đô hộ của giặc Minh, mở đường đi lên cho lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam và lịch sử dân tộc Việt Nam.

Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai trong lịch sử dân tộc. Ở bản tuyên ngôn này, ý thức về dân tộc đạt tới đỉnh cao nhất trong thời trung đại Việt Nam. Một ý thức về dân tộc vừa toàn diện và sâu sắc. Toàn diện bởi lẽ nếu ý thức về dân tộc trong *Nam quốc sơn hà* được xác định chủ yếu trên hai yếu tố là lãnh thổ (*Định phận tại thiên thư*) và chủ quyền (*Nam đế cư*) thì đến *Bình Ngô đại cáo*, dân tộc được xác định trên năm yếu tố. Hai yếu tố tiếp tục được khẳng định là lãnh thổ (*Núi sông bờ cõi đã chia*) và chủ quyền (*các đế nhất phương*), đồng thời ba yếu tố nữa được bổ sung: văn hiến (*Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*), phong tục (*Phong tục Bắc Nam cũng khác*), lịch sử (*Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập*). Ý thức về dân tộc sâu sắc bởi vì Nguyễn Trãi đã thấy được "văn hiến" là yếu tố cơ bản, là hạt nhân để xác định dân tộc và khẳng định vị thế của dân tộc. Sự khẳng định, đề cao nền văn hiến dân tộc không chỉ thể hiện trong *Bình Ngô đại cáo* mà còn được nhấn mạnh trong *Quân trung từ mệnh tập*: "Nước Nam ta tuy xa ở ngoài Ngũ Linh mà có tiếng là nước thi thư, những bậc trí mưu tài thức đời nào cũng có" (*Thư dụ thành Bắc Giang*)[1] Ý thức về dân tộc trong *Bình Ngô đại cáo* với năm yếu tố tạo thành hệ thống, có thể xem đó là học thuyết về dân tộc. Với chúng

[1] . Những dẫn chứng văn thơ của Nguyễn Trãi được lấy từ *Nguyễn Trãi toàn tập* (Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Văn Tân dich và chú giải), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nộ, 1976.

ta ngày nay học thuyết ấy rất gần gũi và còn giá trị thời sự, đồng thời mang tầm vóc quốc tế.

Đối với sự phát triển của văn học dân tộc, Nguyễn Trãi là người đầu tiên có một quan điểm văn học mang tính hệ thống, nhất quán, khá hoàn chỉnh và tiến bộ. Trong hệ thống quan điểm văn học của Nguyễn Trãi có quan điểm về chức năng văn học, bản chất xã hội và bản chất thẩm mĩ của văn học, mối quan hệ giữa văn chương với đời sống, quan niệm về người sáng tác... Nội dung quan điểm văn học của Nguyễn Trãi có yếu tố Nho giáo, có yếu tố dân tộc và thời đại, về cơ bản mang tính cách tân. Quan điểm văn học của Nguyễn Trãi đánh dấu bước phát triển văn học Việt Nam: người viết bước đầu tự giác về lí luận và lí luận sẽ tác động tới sáng tác. Với Nguyễn Trãi, văn học dân tộc xuất hiện kiểu tác giả - thi sĩ, bên cạnh kiểu tác giả - nhà nho, tác giả - thiền sư đã có từ trước đó. Cũng với Nguyễn Trãi, văn học Việt Nam đã có nhà văn chính luận, chứ không như trước kia mới chỉ có tác phẩm văn học chính luận. Nguyễn Trãi là nhà văn chính luận kiệt xuất, là "người viết văn, thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời" (Lê Quý Đôn). Ở lĩnh vực thơ ca, Nguyễn Trãi là nhà "khai sơn phá thạch", người đặt nền móng xây dựng mọt thể thơ mới cho văn học dân tộc: thơ Nôm Đường luật, đặc biệt là thơ Nôm Đường luật lục ngôn xen thất ngôn. *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi có vị trí là "tác phẩm mở đầu nền văn học cổ điển Việt Nam" (Xuân Diệu)[1].

2.3. Phương pháp nghiên cứu danh nhân Nguyễn Trãi

Phương pháp nghiên cứu về Nguyễn Trãi vừa xuất phát và phù hợp với trường hợp Nguyễn Trãi, vừa có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu danh nhân thời trung đại nói chung.

2.3.1. Đặt tác giả và tác phẩm trong một hệ quy chiếu

Như trên đã nói, danh nhân thời trung đại có tài năng về nhiều mặt, riêng Nguyễ Trãi là một thiên tài hội tụ nhiều tài năng kiệt xuất. Vì vậy cần nghiên cứu tác phẩm, tác giả Nguyễn Trãi trong một hệ quy chiếu mới hiểu được, dù chưa thể nói là hiểu hết con người và sáng tác của một danh nhân tầm cỡ vĩ nhân.

Để hiểu, để phân tích *Bình Ngô đại cáo* cần đặt áng "thiên cổ hùng văn" này trong hệ quy chiếu của những tri thức về lịch sử (sử dân tộc, sử cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, sử Trung Hoa), về tư tưởng, văn hóa (tư tưởng Nho giáo về nhân nghĩa, thân dân, truyền thống yêu nước, nhân đạo, văn hiến của dân tộc), về văn học (những

[1] Xuân Diệu: *Quốc âm thi tập, tác phẩm mở đầu nền thơ cổ điển Việt Nam*, trong *Nguyễn Trãi - khí phách và tinh hoa dân tộc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.

đặc trưng của thể cáo về mục đích chức năng, về nội dung, về lời văn), v.v…Ngay đến một chữ, một từ cũng có khi phải huy động kiến thức của nhiều ngành. Ví dụ như từ "đế" trong câu "Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương". Phải hiểu "đế" khác "vương" như thế nào về vị trí, về quyền lực ("đế" là vua thiên tử, duy nhất, toàn quyền, còn "vương" là vua chư hầu, có nhiều và phụ thuộc vào đế) mới thấy được ý thức độc lập về chủ quyền và niềm tự hào dân tộc của Nguyễn Trãi cao tới mức nào. Lại nữa, phải thấy được sự tiếp nối tư tưởng "đế" từ "Nam đế cư" ở *Nam quốc sơn hà* đến "các đế nhất phương" trong *Bình Ngô đại cáo* mới thấy được sự phát triển của ý thức độc lập dân tộc từ bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất sang bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai.

2.3.2. Nghiên cứu đến tận cùng những vấn đề đặt ra từ tác phẩm

Nghiên cứu tác phẩm của một con người mà anh hùng và bi kịch đều ở mức tột cùng như Nguyễn Trãi thì cần phải nghiên cứu đến tận cùng điểm "mút" của vấn đề, tránh sự hời hợt, nửa vời. Ví dụ câu thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi trong bài *Vãn hứng* (Hứng buổi chiều), có thể đã từng bị ghi nhầm một chữ, dẫn đến đọc sai, hiểu chưa thật đúng về Nguyễn Trãi, chưa thấy hết tầm vóc nhân loại của bậc vĩ nhân. Câu thơ có thể bị ghi nhầm: *Kim cổ vô cùng giang mạc mạc / Anh hùng hữu hận diệp tiêu tiêu* (Xưa nay thời gian không cùng, sông rộng bát ngát / Anh hùng mang mối hận (như) lá rụng veo veo). Với tri thức về phép đối trong thơ Đường luật, ta không khó nhận ra: "vô cùng" đối với "hữu hận" là không chuẩn, là chưa đúng. Phải chăng đã có sự ghi nhầm chữ "hạn" (限) thành chữ "hận" (恨) vì hai chữ này gần giống nhau về tự dạng. Chỉ khác một chữ thôi - "hạn" thay cho "hận" mà hợp cả về đối và nghĩa: "vô cùng" đối với "hữu hạn", người anh hùng Nguyễn Trãi không chỉ mang nỗi hận cá nhân, dù nỗi hận ấy tiêu biểu cho nhiều tài năng trong quá khứ lịch sử. Nỗi hận của Nguyễn Trãi thành nỗi đau về sự hữu hạn của con người trước sự vô cùng, vô tận của thiên nhiên: *Kim cổ vô cùng giang mạc mạc / Anh hùng hữu hạn diệp tiêu tiêu*. Thiên nhiên là thực thể vô cảm thì vĩnh hằng, con người là một thực thể hữu cảm và đầy khát vọng thì lại hữu hạn. Nỗi đau trước trước nghịch cảnh éo le này là nỗi đau mang giá trị nhân bản, là nỗi đau nằm trong tâm thức nhân loại từ cổ đến kim.

2.3.3. Đặt tác giả, tác phẩm trong bối cảnh thời đại và trong bối cảnh tương lai

Là một con người của lịch sử, Nguyễn Trãi phản ánh những vấn đề của thời đại mình đồng thời lí giải vấn đề ở đỉnh cao của thời đại. Là một thiên tài, Nguyễn

Trãi vượt thời gian với những vấn đề đặt ra ở tương lai.

Nguyễn Trãi trong bối cảnh thời đại tác giả

Đặt tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trong thời đại cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nhà nghiên cứu sẽ lí giải được tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống xâm lược, hay nói như ông Phạm Văn Đồng: "Triết lí nhân nghĩa của nguyễn trãi chẳng qua là lòng yêu nước thương dân, cái nhân nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt bạo tàn vì độc lập của đất nước, hạnh phúc của nhân dân". Câu văn mở đầu *Bình Ngô đại cáo*: "*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân / Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*" nêu lên nguyên lí nhân nghĩa, tuyên ngôn về nhân nghĩa, nhưng đặt trong hoàn cảnh lúc bấy giờ thì nhân nghĩa lại gắn liền với yêu nước chống xâm lược. Bởi lẽ, người dân mà Nguyễn Trãi nói tới là người dân mất nước. Do đó muốn "yên dân", muốn người dân an hưởng thái bình thì trước hết phải lấy lại đất nước cho họ. Lấy lại đất nước cho người dân mất nước là lòng yêu nước, thương dân. Kẻ tàn bạo mà tác giả nói tới là giặc Minh xâm lược. Vì vậy "trừ bạo" là trừ diệt kẻ xâm lăng. Chống lại kẻ đi xâm lược là hành động yêu nước. Phạm trù nhân nghĩa của Nho giáo, từ thời Khổng - Mạnh chủ yếu là nói về mối quan hệ giữa người với người, ít nói về mối quan hệ giữa dân tộc với dân tộc, dù đã có nói về mối quan hệ giữa bang (nước) lớn với bang (nước) nhỏ. Phạm trù nhân nghĩa, với Nguyễn Trãi không chỉ được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa người với người mà còn được nhìn nhận từ mối quan hệ dân tộc với dân tộc. Ở thư trả lời Phương Chính, Nguyễn Trãi viết: "Nước người nhân dịp họ Hồ lỗi đạo, mượn tiếng điếu dân phạt tội, kì thực làm việc bạo tàn, lấn cướp đất nước ta (…) Nhân nghĩa mà như thế ư ?" (*Quân trung từ mệnh tập*, bức thư số 8). Như vậy có thể thấy, quan niệm của Nguyễn Trãi: một dân tộc đi xâm lược dân tộc khác là phi nghĩa, là không nhân nghĩa; ngược lại một dân tộc chống xâm lược bảo vệ đất nước là chính nghĩa, là nhân nghĩa. Nhân nghĩa gắn với gắn với yêu nước chống xâm lược là xuất phát từ yêu cầu thời đại lúc bấy giờ, là xuất phát từ yêu cầu của lịch sử dân tộc.

Nguyễn Trãi trong bối cảnh tương lai

Nguyễn Trãi là con người của lịch sử nhưng đang đồng hành cùng con người thời đại ngày nay, bởi tác phẩm của ông đặt ra nhiều vấn đề cơ bản, thiết yếu trong đời sống hiện đại. Nguyễn Trãi là "người xưa của ta nay" trên khá nhiều phương diện. Ở đây chỉ đề cập tới vấn đề tư tưởng thân dân và vấn đề môi trường từ góc nhìn phê bình sinh thái.

Tư tưởng thân dân là một tư tưởng lớn, rất tiến bộ trong sáng tác của Nguyễn Trãi. Tư tưởng thân dân bao hàm đầy đủ cả *thương dân, trọng dân và ơn dân*. Tấm lòng thương dân, tinh thần trọng dân của Nguyễn Trãi, nhiều bài nghiên cứu đã đề cập đến. Điều cần nhấn mạnh thêm là: thương dân ở Nguyễn Trãi là hướng nhiều tới những "dân đen, con đỏ"- những người vô tội, những con người nhỏ bé, những số phận đau khổ: *Thương sinh tại niệm độc tiên ưu* (Vì dân đen thường tâm niệm, một mình ta lo trước - *Mạn hứng*, Bài 2); *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn / Vùi con đỏ dưới hầm tai vạ… Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng* (*Bình Ngô đại cáo*). Trọng dân ở Nguyễn Trãi là hướng tới những người dân manh (dân cày li tán), người dân lệ (người tôi tớ, đi ở): *Yết can vi kì, manh lệ chi đồ tứ tập* (*Bình Ngô đại cáo*). Chính những người dân manh, dân lệ tập hợp dưới lá cờ đại nghĩa đã góp phần to lớn làm nên thắng lợi huy hoàng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Trong một bản tuyên ngôn trọng đại như *Bình Ngô đại cáo*, những người dân manh, lệ được nói đến một cách công khai, trịnh trọng như vậy "cũng là chưa thấy xưa nay".

Điều thật sự mới, thật sự tiến bộ ở Nguyễn Trãi là tư tưởng ơn dân. Nguyễn Trãi đã từng ơn vua, ơn xã tắc như nhiều danh nhân thân dân thời trung đại: *Bát cơm xoàng nhờ ơn xã tắc* (*Ngôn chí* - Bài 14). Nhưng chưa ai ơn dân mà ơn đến kẻ cấy cày như Nguyễn Trãi: *Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày* (*Bảo kính cảnh giới* – Bài 19). Nguyễn Trãi đã nhìn vượt qua khâu trung gian để thấy được người đích thực cho mình lộc là kẻ cấy cày lam lũ. Nguyễn Trãi - một ông quan dưới thời quân chủ mà biết ơn đến những người dân chân lấm tay bùn "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời" thì "cũng là chưa thấy xưa nay".

Tư tưởng thân dân kết hợp với ý thức về cộng đồng dân tộc, ngay từ thế kỉ XV những câu thơ của Nguyễn Trãi đã khơi gợi tinh thần đoàn kết dân tộc hết sức sâu sắc: *Đồng bào cốt nhục nghĩa càng bền / Cành bắc, cành nam một cội nên* (*Bảo kính cảnh giới* - Bài 15). Những người sinh từ bọc trăm trứng Âu Cơ gắn kết với nhau trong hai chữ "đồng bào" rất thiêng liêng mà gần gũi. Đó là sự gắn kết bền chặt như xương với thịt, như cây có cành phía bắc, có cành phía nam nhưng tất cả đều sinh ra, lớn lên từ một gốc. Câu thơ của Nguyễn Trãi làm ta nhớ tới lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Năm ngón tay cũng có ngón vắn, ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp lại nơi bàn tay. Trong mấy chục triệu người, cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta" (*Thư gửi đồng bào Nam Bộ*, 6 - 1946). Một tinh thần đại đoàn kết dân tộc như vậy vừa phát huy truyền thống yêu nước, tự hào dân tộc, vừa thấm đượm chủ nghĩa nhân văn.

Từ góc nhìn phê bình sinh thái, tác phẩm của nguyễn Trãi, về ý nghĩa khách quan, như đang đồng hành với chúng ta trong vấn đề môi trường.

Nguyễn Trãi lên án giặc Minh tham lam tàn bạo vơ vét của cải, tài nguyên nước ta: "Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc", "Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng", "bắt dò chim trả chốn chốn lưới chăng", "bắt bẫy hươu đen nơi nơi cạm đặt". Nhưng về mặt ý nghĩa khách quan những câu văn trong *Bình Ngô đại cáo* có thể dùng để lên án, tố cáo những kẻ lâm tặc, hải tặc thời hiện đại đang tàn phá rừng, tàn phá biển? Xuất phát từ đức hiếu sinh, Nguyễn Trãi lên án, tố cáo những kẻ "tàn hại cả côn trùng cây cỏ", gây ra cảnh "sạch không đầm núi". Nhưng về mặt ý nghĩa khách quan, những câu văn ấy có thể dùng để lên án, tố cáo những kẻ hủy hoại môi trường sống trong thời hiện đại?

Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên, sống hòa mình với thiên nhiên, coi thiên nhiên là láng giêng, bầu bạn: *Núi láng giềng, chim bầu bạn / Mây khách khứa, nguyệt anh tam*" (*Thuật hứng* – Bài 19), *Cò nằm hạc lặn nên bầu bạn* (*Ngôn chí* - Bài 2). Yêu thiên nhiên, nâng niu vẻ đẹp thiên nhiên đến mức nhà thơ không nỡ đưa nhát chổi vì sợ làm tan vỡ bóng hoa in xuống hiên nhà: *Quét hiên ngày lệ bóng hoa tan* (*Bảo kính cảnh giới* - Bài 33). Chúng ta không hiện đại hóa Nguyễn Trãi, nhưng câu thơ viết về tấm lòng của thi nhân đối với thiên nhiên: *Rừng tiếc* (mong) *chim về ngại phát cây* (*Mạn thuật* - Bài 6) lẽ nào lại không gợi lên vấn đề bảo vệ môi trường ?

Nghiên cứu danh nhân thời trung đại nói chung, nghiên cứu Nguyễn Trãi nói riêng cần thấy được "người xưa của ta nay" từ trong di sản. Danh nhân Nguyễn Trãi đồng hành cùng chúng ta hôm nay, cũng vì thế mà Nguyễn Trãi đang đồng hành cùng nhân loại.

Hà Nội, tháng 1 năm 2023

NỮ DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC TRONG SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ HIỆN NAY

GS .TS LÊ THỊ QUÝ
Chủ tịch Quỹ Văn Hiến Việt Nam

1. Hoàn cảnh lịch sử của đất nước tạo nên các nữ danh nhân Việt Nam

Lịch sử Việt Nam nếu tính từ lúc có mặt con người sinh sống thì đã có hàng vạn năm trước Công nguyên, còn tính từ khi cơ cấu nhà nước được hình thành thì mới khoảng từ năm 700 năm trước công nguyên. Những người Việt tiền sử trên vùng châu thổ sông Hồng – Văn minh sông Hồng và sông Mã đã khai hóa đất để trồng trọt, tạo ra một hệ thống đê điều để chế ngự nước lụt của các sông, đào kênh để phục vụ cho việc trồng lúa và đã tạo nên nền văn minh lúa nước và văn hóa làng xã.

Do sự thiếu thốn về tài liệu nên bài viết này chỉ có thể đưa ra những bằng chứng từ khi chúng ta có lịch sử thành văn, nghĩa là từ thế kỷ I đến thế kỷ XXI. Đây là thời kỳ Việt Nam trải qua nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc. Do điều kiện địa lý, tài nguyên, khoáng sản, con người nên Việt Nam luôn có sức hấp dẫn đối với thế giới và không tránh khỏi sự thèm muốn của một số nước đế quốc. Lịch sử phát triển của dân tộc, vì thế gắn liền với các cuộc đấu tranh cách mạng để bảo vệ và xây dựng tổ quốc.

Năm 111 TCN, đội quân của Hán Vũ Đế xâm chiếm nước Nam Việt và sáp nhập Nam Việt vào đế chế Hán. Người Trung Quốc muốn cai quản miền châu thổ sông Hồng để có điểm dừng cho tàu bè đang buôn bán với Đông Nam Á. Trong thế kỷ I, các tướng Lạc Việt vẫn còn được giữ chức, nhưng Trung Quốc bắt đầu chính sách đồng hóa các lãnh thổ bằng cách tăng thuế và cải tổ luật hôn nhân để biến Việt Nam thành một xã hội phụ hệ để dễ tiếp thu quyền lực chính trị hơn. *(Bách khoa toàn thư mở, Wikipedia)*

Chế độ quân chủ độc lập được tái lập sau chiến thắng của Ngô Quyền trước quân Nam Hán. Sự kiện này mở đường cho các triều đại độc lập kế tiếp và trong giai đoạn lịch sử trung đại, đất nước tiếp tục chiến thắng trước các cuộc chiến tranh xâm lược từ phương Bắc và dần mở rộng về phía nam. Các nhà nước trong lịch sử

Việt Nam có những quốc hiệu khác nhau như *Xích Quỷ*, *Văn Lang*, *Đại Việt*, *Đại Nam* hay *Việt Nam*.

Sang đến thời kỳ cận đại, Việt Nam lần lượt trải qua các giai đoạn Pháp thuộc và Nhật thuộc. Sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh, lãnh thổ Việt Nam cũng như Liên bang Đông Dương bị các cường quốc thắng trận tạo điều kiện cho Pháp thu hồi. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo ra đời khi chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 sau thành công của Cách mạng Tháng Tám.

Sau Hiệp định Genève (1954), Việt Nam bị chia cắt thành hai vùng tập kết quân sự, lấy ranh giới là vĩ tuyến 17, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chỉ kiểm soát được phần phía Bắc, còn phía Nam do chính quyền Việt Nam Cộng hoà kiểm soát và được Hoa Kỳ hậu thuẫn. Xung đột về vấn đề thống nhất Việt Nam đã dẫn tới Chiến tranh Việt Nam trong gần 21 năm và kết thúc với chiến thắng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam cùng sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hoà vào năm 1975. Sau đó một năm, ngày 02/7/1976, Quốc hội khóa VI nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa quyết định đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*Bách khoa toàn thư mở, Wikipedia*)

Việt Nam có nền văn hóa đa dạng: từ vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Thanh - Nghệ với văn hóa làng xã và văn minh lúa nước; Những sắc thái văn hóa bản địa của các dân tộc miền núi tại Tây Bắc và Đông Bắc; nền văn hóa Chăm Pa của người Chăm tại Nam Trung Bộ; Các bộ tộc Tây Nguyên, cùng vùng đất mới Nam Bộ kết hợp với văn hóa các sắc tộc Hoa, Khơmer. 54 dân tộc có những phong tục, những lễ hội đa dạng mang ý nghĩa sinh hoạt cộng đồng, tín ngưỡng, sự khoan dung trong tính cách người Việt và tư tưởng tôn giáo, sự phong phú trong ngôn ngữ của văn học, nghệ thuật *(Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Lương Ninh, 1991)*

Về khía cạnh truyền thống, văn hóa chủ lưu của người Việt được coi là thuộc vùng văn hóa Đông Á (cùng với Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản). Tuy nhiên Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp thế kỷ XIX, phương Tây trong thế kỷ XX và toàn cầu hóa từ thế kỷ XXI, Việt Nam đã có những thay đổi về văn hóa theo các thời kỳ lịch sử.

Thời kỳ đầu Việt Nam có truyền thống tôn trọng phụ nữ. Tục thờ Mẫu và các cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu và rất nhiều vị thần, thành hoàng làng là phụ nữ đã chứng minh điều đó.

Một số bằng chứng cho thấy Nho giáo được truyền vào Việt Nam từ thế kỷ 1 trước Công nguyên, khi nhà Tây Hán ở Trung Quốc đã đánh bại tập đoàn phong kiến họ Triệu và giành lấy quyền thống trị và cho lập 3 quận tại Bắc Bộ, Tuy nhiên tầm ảnh hưởng Nho giáo còn rất hạn chế. Đến thế kỷ X, sau chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền, khi người Việt bước sang kỷ nguyên độc lập, tự chủ và bắt đầu xây dựng nền văn minh Đại Việt trong khuôn khổ của một nhà nước quân chủ tập quyền, thì xã hội Việt Nam lúc này mới đặt ra những yêu cầu đối với sự tồn tại và phát triển của Nho giáo ở Việt Nam, nhằm củng cố quyền lực trung ương, duy trì trật tự xã hội. Tuy nhiên, ở các triều đại quân chủ đầu tiên sau khi Việt Nam giành độc lập, Nho giáo vẫn chưa có vai trò đáng kể trong đời sống chính trị, tinh thần của xã hội Việt Nam.

Năm 1070, nhà Lý cho xây dựng Văn Miếu, năm 1075 mở khoa thi Nho học đầu tiên với tên gọi "*Thi minh kinh bác học*" và "*Nho học tam trường*", chính thức khai sinh cho lịch sử thi cử Nho giáo lâu dài ở Việt Nam. Năm 1076, nhà Lý cho lập Quốc tử giám và "chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám". Từ đây, con em quý tộc họ Lý chính thức được đào tạo chủ yếu theo Nho giáo. Cũng từ đây, nền đại học Việt Nam được khai sinh. Năm 1156, nhà Lý cho lập miếu riêng thờ Khổng Tử. Nho giáo từng bước định hình lối sống, sinh hoạt, đạo đức, đối nhân xử thế trong xã hội Việt Nam. Các phạm trù đạo đức của Nho giáo, như *trung, hiếu, nhân, nghĩa, tiết hạnh*... đã được vận dụng vào lĩnh vực chính trị và ngày càng trở thành chuẩn mực đạo đức cho hành vi của con người trong xã

Một phần quan trọng trong Nho giáo là tư tưởng "Trọng nam, khinh nữ" đã tạo ra thân phận và địa vị khác nhau giữa nam và nữ. Giáo lý phong kiến đã ngăn cấm hoặc không thừa nhận phụ nữ tham gia vào công việc xã hội, đẩy họ xuống vị trí phụ thuộc, thậm chí nô lệ trong gia đình và xã hội. Chẳng hạn như mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình không chỉ dựa trên tình yêu thương mà còn trên cơ sở của pháp luật phong kiến. Những quan niệm của chủ nghĩa gia trưởng, thói coi thường phụ nữ " Chồng chúa, vợ tôi", "*Tam tòng*: phụ nữ ở nhà phục tùng cha, lấy chồng phục tùng chồng, chồng chết phục tùng con trai trưởng" đã rất phổ biến. Quan điểm về *Tứ đức*: *công, dung , ngôn, hạnh* đã cột chặt phụ nữ vào gia đình thành một người phục vụ cha, mẹ, chồng, con vô điều kiện đến mức quên bản thân mình.

Trong xã hội xưa, phụ nữ không được đi học vì kiến thức với họ có thể là sức mạnh là vũ khí để họ chống lại chế độ thống trị và bóc lột họ. Những quy tắc khắt khe trong gia đình và xã hội luôn trói buộc họ biến họ thành " những máy đẻ", những " nội tướng" trong bốn bức tường gia đình. Người vợ phải phụ thuộc hoàn toàn vào chồng, là đối tượng chịu sự dạy dỗ của chồng, "phu xướng, phụ tùy" phải nhìn vào sắc mặt, thái độ của chồng để cư xử. Nạn bạo lực gia đình mà phụ nữ và trẻ em là nạn nhân chính đã được pháp luật cho phép, bảo vệ. Phụ nữ là nạn nhân của nạn đa thê, bị mua bán, bỏ rơi, giết hại...*(Đặng Cảnh Khanh- Lê Thị Quý, 2007)*

Trong hoàn cảnh đó, phụ nữ cũng như nam giới đã hình thành nhân cách văn hóa của mình theo các chiều hướng khác nhau: nhân cách của người thống trị và nhân cách của người lệ thuộc. Nhiều cống hiến của phụ nữ đã bị chìm trong khói bụi lịch sử. Tuy nhiên ngoài việc luôn sát cánh với nam giới trong sản xuất, xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc, phụ nữ đã có công sinh đẻ và nuôi dạy các thế hệ anh hùng của Việt Nam.

2. Một số nữ Danh nhân tiêu biểu:

Trong điều kiện sống khắt khe, không bình đẳng, không được khuyến khích phát triển, phụ nữ muốn vươn lên trở thành những nhân vật xuất chúng thì họ phải có nghị lực phi thường và gấp đôi nam giới. Điều này cắt nghĩa tại sao danh nhân nữ lại ít hơn nam giới trong khi số lượng của họ trong dân số là ngang bằng hoặc cao hơn nam giới.

Các nhà chép Sử trước đây đã ghi chép rất ít về các tấm gương phụ nữ. Tuy nhiên có những phụ nữ vĩ đại mà câu chuyện của họ đã vượt cả không gian và thời gian khiến cho người đương thời và hậu thế vô cùng kính phục, ngưỡng mộ. Bằng cách đó, họ đã ghi danh vào lịch sử dân tộc và sánh vai cùng danh nhân nam giới. Các danh nhân nữ xuất hiện nhiều hơn trong các cuộc khởi nghĩa, cách mạng khi mà đất nước lâm nguy, mọi người công dân đều có trách nhiệm " Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh". Bài viết này đã chọn ra 15 nữ danh nhân trên tất cả các lĩnh vực đại diện cho hàng trăm triệu phụ nữ trong lịch sử. Đây là những tấm gương tiêu biểu, niềm tự hào cho không chỉ nữ giới mà cả dân tộc Việt Nam.

2.1 Trong lĩnh vực quân sự, chính trị

Hai Bà Trưng

Thuật ngữ " Con cháu bà Trưng, bà Triệu" để chỉ phụ nữ Việt Nam đã trở nên quen thuộc trong xã hội hiện đại. Đó là niềm tự hào thiêng liêng mà hàng triệu phụ nữ gìn giữ trong trái tim mình. Lịch sử thành văn của dân tộc Việt Nam mở

đầu bằng những người phụ nữ dũng cảm trong cuộc khởi nghĩa vĩ đại năm 40 sau Công nguyên - Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng tại Mê Linh.

Hai Bà Trưng (Trưng Trắc, Trưng Nhị, 14 - 43) là hai chị em sinh đôi trong một gia đình quyền quý. Các nữ tướng là các cô gái còn rất trẻ. Tiêu biểu là Thánh Thiên công chúa, Lê Chân, Bát Nàn công chúa, Trương Tử Nương, Xuân Nương, Vương Thị Tiên, Đàm Ngọc Nga, Lê Thị Hoa…đã viết lên những trang Sử đầu tiên của dân tộc khi đánh đuổi quân xâm lược Đông Hán, giành lại độc lập trong 3 năm. Khi tiến quân vào Luy Lâu, các bà đã khiến viên Thái thú Tô Định phải "cắt tóc, cạo râu, vứt bỏ ấn tín, trà trộn vào đám loạn quân tháo chạy về nước".

Hai câu thơ như lời tuyên thệ của Hai Bà đã vang mãi trong lịch sử dân tộc: “Một xin rửa sạch nước thù. Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng**.”** Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Hai Bà Trưng vốn họ Lạc, là dòng dõi Lạc tướng ở Mê Linh. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách cũng là con Lạc tướng. Khi lên ngôi, Hai Bà mới đổi sang họ Trưng. Sách “ Đại Việt sử ký toàn thư” coi Trưng Trắc là vị vua đầu tiên trong lịch sử Việt Nam với tên gọi Trưng Nữ Vương. Triều đình phong kiến Trung Quốc đã phải cử tên tướng già Mã Viện sang đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. Hai bà gieo mình xuống sông Hát để giữ tròn khí tiết.

Sử gia Lê Văn Hưu viết:” Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương” *(Đại Việt sử ký toàn thư)*

Triệu Thị Trinh (Bà Triệu)

Nối tiếp tinh thần của Hai Bà Trưng, sau gần 2 thế kỷ, vùng núi Cửu Chân (Thanh Hóa) xuất hiện một phụ nữ anh hùng **Triệu Thị Trinh** (**Bà Triệu,** 226-248) tại quận Cửu Chân, tỉnh Thanh Hóa. Từ nhỏ, bà sớm tỏ ra có chí khí hơn người**.** Lịch sử còn truyền tụng các câu nói đầy khí phách của bà: “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tỳ thiếp người!”

Năm 248, **Bà Triệu** cùng anh trai là Triệu Quốc Đạt phất cờ khởi nghĩa ở vùng núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hóa). Đông đảo nhân dân khắp hai quận Cửu Chân, Giao Chỉ (Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) nổi dậy hưởng ứng. **Bà Triệu** đã chỉ huy nghĩa quân đánh thắng nhiều trận, quân Ngô tan rã. Cả Giao Châu chấn động.

Nhà Ngô phải cử tên tướng Lục Dận đem quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng, kiên cường nhưng vì lực lượng quân sự còn

yếu nên đã thất bại. Bà **Triệu Thị Trinh** hy sinh ngày 4/4/248 trên núi Tùng (Hậu Lộc, Thanh Hóa).

Linh Từ Quốc Mẫu Trần Thị Dung

Trần Thị Dung (1193?- 1259) là vợ vua Lý Huệ Tông, mẹ vua Lý Chiêu Hoàng và Thuận Thiên công chúa. Đầu năm 1258, quân Nguyên Mông kéo đến xâm lược Việt Nam lần thứ nhất. Trong lúc đất nước lâm nguy, triều đình nhà Trần đề ra chiến lược "thanh dã" (vườn không nhà trống), để cho giặc vào tạm chiếm kinh đô Thăng Long, rồi sẽ tạo thời cơ phản công. Buổi đầu thực hiện chiến lược ấy, bà phụ trách việc "sơ tán" hoàng gia, hoàng tộc và nhân sự triều đình ra khỏi Thăng Long. Bà còn đứng ra thu thập quân khí ở nơi "sơ tán", cung cấp cho quân đội đánh thắng địch ở giai đoạn sau của cuộc kháng chiến. Công việc hậu cần đã được bà đảm trách chu toàn.

Sử gia Ngô Sĩ Liên ở thế kỷ XV, đã bình luận về Trần Thị Dung: "Công của bà giúp nhà Trần trong việc nội trị, thật là nhiều." Ông còn đánh giá cao vai trò của Trần Thị Dung, trong việc điều hòa mâu thuẫn nội bộ nhà Trần, vào năm 1237. An Sinh Vương (Trần Liễu) có hiềm khích với vua Thái Tông (Trần Cảnh), Linh Từ đã điều đình hòa giải, lại tình nghĩa anh em như xưa!". "Lời bình" của sử thần Ngô Sĩ Liên "Thế mới biết trời sinh Linh Từ là để mở nghiệp nhà Trần"

Đô đốc Bùi Thị Xuân

Đô đốc Bùi Thị Xuân (1752-1802) là một trong "Tây Sơn ngũ phụng thư" của vương triều Tây Sơn. Bà là vợ của quan Thái phó Trần Quang Diệu.

Sinh trưởng trong một gia đình khá giả, **Bùi Thị Xuân** sớm được học văn và học võ. Tương truyền bà vừa có sứ khỏe vừa có sắc đẹp, nữ công khéo, chữ viết đẹp, nhưng thích múa kiếm, đi quyền như con trai. Nghe kể chuyện Hai Bà Trưng, bà Triệu cưỡi voi đánh giặc, Bùi Thị Xuân náo nức muốn được theo gương các bà. Lúc nhỏ đi học bà thường mặc áo con trai, lớn lên tự chế kiểu áo các nữ hiệp vẽ trong sách mà mặc. Trong đội ngũ quân đội của vua Quang Trung, bà chiến đấu rất dũng cảm.

Một sử gia đánh giá: Người ta cảm phục Bùi Thị Xuân chẳng riêng chỗ bà có nhan sắc hơn người, mà còn ở chỗ có gan dạ và trí lược của một đại tướng. Bà đã có công gây dựng một phần sự nghiệp của chồng và của ba anh em vua Tây Sơn, đã bao phen xuất nhập chiến trường, vào sinh ra tử…

Anh hùng Nguyễn Thị Minh Khai

Bà Nguyễn Thị Minh Khai tên khai sinh là Nguyễn Thị Vịnh (1910 – 1941) là một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930–1940.

Năm 1927, bà tham gia hoạt động trong phong trào công nhân ở Vinh và tham gia thành lập Tân Việt Cách mệnh Đảng, sau đó được bầu làm Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ. Năm 1930, bà gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau đó, bà sang Hương Cảng làm thư ký cho lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở văn phòng chi nhánh Đông phương bộ của Quốc tế Cộng sản. Năm 1931, bà bị bắt tại Hương Cảng, bị kết án và giam ở đây. Năm 1934, bà ra tù và được Đông phương bộ Quốc tế Cộng sản cử làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản tại Moskva cùng với ông Lê Hồng Phong.

Năm 1936, bà được cử về nước truyền đạt chỉ thị của Quốc tế Cộng sản và được cử vào Xứ ủy Nam kỳ, giữ chức Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, một trong những người lãnh đạo cao trào cách mạng 1936-1939 ở Sài Gòn. Ngày 30 tháng 7 năm 1940, bà bị bắt. Tuy nhiên, bà vẫn liên lạc với bên ngoài và vẫn tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh. Sau khi Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, bà bị thực dân Pháp kết án tử hình và bị bắn tại Hóc Môn.

Anh hùng Võ Thị Sáu

Võ Thị Sáu (1933–1952), sinh ra và lớn lên tại Đất Đỏ, Bà Rịa, một miền quê giàu truyền thống yêu nước. Do phải chứng kiến cảnh thực dân Pháp giết chóc đồng bào, chị Sáu đã không ngần ngại cùng các anh trai tham gia cách mạng.

Tháng 11/1948, mới 15 tuổi, **Võ Thị Sáu** mang theo lựu đạn, trà trộn vào đám người đi làm căn cước. Giữa buổi, chị ném lựu đạn vào nơi làm việc của tên Tòng, rồi hô to “Việt Minh tấn công” rồi kéo mấy chị em cùng chạy. Lựu đạn nổ, tên Tòng bị thương nặng nhưng không chết. Tuy nhiên, vụ tấn công khiến bọn lính đồn khiếp vía, không dám truy lùng Việt Minh ráo riết như trước.

Tháng 2/1950, **Võ Thị Sáu** tiếp tục nhận nhiệm vụ ném lựu đạn, tiêu diệt hai chỉ điểm viên của thực dân Pháp là Cả Suốt và Cả Đay rồi không may bị bắt. Trong hơn một tháng bị giam tại nhà tù Đất Đỏ, dù bị giặc tra tấn dã man, chị không khai báo. Địch phải chuyển chị về khám Chí Hòa. **Chị Sáu** tiếp tục làm liên lạc cho các đồng chí trong khám, cùng chị em tại tù đấu tranh đòi cải thiện cuộc sống nhà tù.

Thực dân Pháp và tay sai mở phiên tòa, kết án tử hình đối với nữ chiến sĩ trẻ. Chúng chuyển chị cùng một số người tù cách mạng ra nhà tù Côn Đảo. Nhờ sự kiên cường, dũng cảm, trung thành, **Võ Thị Sáu** được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam và công nhận là Đảng viên chính thức ngày đêm trước khi hy sinh.

Nữ tướng Nguyễn Thị Định

Nguyễn Thị Định (1920 – 1992), còn được gọi là bà Ba Định có bí danh là Bích Vân, Ba Tấn, Ba Nhất và Ba Hận là nữ tướng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Bà xuất thân từ gia đình nông dân tại xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và bắt đầu tham gia Cách mạng từ phong trào Đông Dương đại hội năm 1936 với vai trò liên lạc, rải truyền đơn, vận động bà con chống lại sự áp bức, bóc lột ở địa phương.

Bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1938 và tiếp tục tham gia các Phong trào cách mạng. Trong quá trình đó, bà đảm nhận chức vụ Phó bí thư Tỉnh ủy bến Tre, và là người trực tiếp chỉ đạo cuộc Đồng khởi Bến Tre đợt I (17/1/1960) ở ba điểm xã Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp, đạt được nhiều thắng lợi, mở đầu cho phong trào Đồng khởi. Sau cuộc Đồng khởi, bà làm Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Mặt trận Giải phóng tỉnh Bến Tre. Bà được Liên Xô trao tặng Giải thưởng Hòa bình Lê Nin năm 1968.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước như: Ủy viên Trung ương Đảng, Đại biểu Quốc hội VIệt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,... và Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Bà được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1995. Đền thờ bà được lập tại ấp Phong Điền, xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, tên của bà cũng được đặt cho nhiều tuyến đường và trường học ở Việt Nam.

2.2 Trong lĩnh vực kinh tế:

Nguyên phi Ỷ Lan

Có sách ghi tên bà là Lê Thị Yến, có sách ghi là Lê Thị Yến Loan hoặc Lê Thị Khiết (1044 – 1117). **Bà** là phi tần của Hoàng đế Lý Thánh Tông, mẹ của Hoàng đế Lý Nhân Tông, thụy hiệu là Linh Nhân Phù Thánh hoàng hậu. Bà đã hai lần đăng đàn nhiếp chính, đưa đất nước dưới triều Lý phát triển hưng thịnh, có nhiều đóng góp cho triều Lý nhất là về Phật giáo và tài năng trị nước của bà đã được các sử gia khen ngợi.

Tháng 2 năm Kỷ Dậu (1069), vua Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành, Nguyên phi được vua trao quyền điều khiển chính sự với sự giúp sức của Thái sư Lý Đạo Thành, dân gọi bà là Quan Âm. Bà đã đề xuất nhiều chính sách để phát triển nông nghiệp như cấm giết trâu, bò; Giải phóng những cung nữ già cho về quê lấy chồng… Tuy vậy, để có thể có quyền hành nhiếp chính đất nước lần thứ hai, bà đã dùng mưu kế dựa vào Lý Thường Kiệt, phế truất và sát hại Thái hậu Thượng Dương. Lúc này, bà được tôn làm Hoàng thái hậu nhiếp chính. Việc làm này đã gây nên nhiều tranh cãi xung quanh bà.

***2.3 Trong lĩnh vực ngoại giao*:**

Huyền Trân công chúa

Huyền Trân công chúa (1287-1340), là công chúa đời nhà Trần, con gái của vua Trần Nhân Tông, em gái của vua Trần Anh Tông, hoàng hậu của vua Chế Mân (Chiêm Thành). Câu chuyện về Huyền Trân công chúa được truyền tụng trong dân gian, không chỉ vì lý do chính trị, ngoại giao mà còn về khía cạnh văn hóa cũng như nghệ thuật sân khấu. Điều này khiến Huyền Trân công chúa trở thành công chúa nổi tiếng nhất trong lịch sử Việt Nam.

Năm 1306, Huyền Trân công chúa được gả cho Quốc vương Chiêm Thành là Chế Mân để đổi lấy hai châu Ô, Lý (từ đèo Hải Vân, Thừa Thiên Huế đến phía bắc Quảng Trị ngày nay). Một năm sau, Chế Mân chết.

Theo *Đại Việt sử ký* toàn thư, vua Trần Anh Tông khi đó nghe rằng theo tục nước Chiêm, Quốc vương chết thì Vương hậu phải lên giàn hỏa để tuẫn tang. Trần Anh Tông liền cử Hành khiển Trần Khắc Chung vờ sang viếng tang, tìm cách cứu công chúa. Trần Khắc Chung thành công, cứu được công chúa và đưa xuống thuyền, đưa công chúa về Đại Việt bằng đường biển. Cuộc hải hành này kéo dài tới một năm. Huyền Trân công chúa được ca ngợi là đã biết hy sinh lợi ích riêng vì lợi ích của quốc gia, lấy hôn sự của mình để mở rộng bờ cõi.

Nguyễn Thị Bình (1927-)

Bà sinh năm 1927 là một nữ chính trị gia nổi tiếng của Việt Nam. Bà giữ cương vị Trưởng phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, rồi Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tham gia Hội nghị 4 bên về hòa bình cho Việt Nam tại Paris trong giai đoạn 1968-1973. Bà là một trong những người đại diện các bên ký hiệp định Paris năm 1973 và là người phụ nữ duy nhất đặt bút ký vào Hiệp định. Bà cũng từng giữ chức vụ **Phó Chủ tịch nước Việt Nam** từ 1992 đến 2002.

Sau khi nghỉ hưu vào năm 2002, bà tiếp tục làm Chủ tịch của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam. Năm 2003, bà thành lập Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam và làm Chủ tịch của tổ chức này cho đến nay. Ngoài ra, bà cũng là Chủ tịch danh dự của Hội nạn nhân chất độc da cam/điôxin Việt Nam kể từ khi hội này được thành lập vào tháng 1/2004. Năm 2001, Chủ tịch nước Trần Đức Lương trao tặng cho bà Huân chương Hồ Chí Minh để ghi nhận những công lao to lớn của bà đối với đất nước.

2.4 Trong lĩnh vực văn hóa

Ngọc Hân công chúa

Ngọc Hân công chúa (1770 – 1799) hay Bắc Cung Hoàng hậu tên thật là Lê Ngọc Hân, là con gái vua Lê Hiển Tông và Chiêu nghi Nguyễn Thị Huyền. Bà là người tài sắc vẹn toàn. Năm 1786, vâng mệnh vua cha, bà kết duyên cùng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ. Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung đã phong cho Ngọc Hân làm Hữu Cung Hoàng hậu. Đến năm 1789, sau khi đại thắng quân Thanh, ông lại phong bà làm Bắc Cung Hoàng hậu.

Khi Quang Trung băng hà (năm 1792), bà đã viết bài văn Tế vua Quang Trung và Ai Tư Vãn để bày tỏ nỗi đau khổ cùng cực cũng như niềm tiếc thương vô hạn cho người anh hùng dân tộc. Các tác phẩm của bà có giá trị cao về lịch sử và văn hóa và được coi là tài liệu quý giá về vua Quang Trung và thời đại chống quân xâm lược Mãn Thanh. Bà mất năm 1799.

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm

Đoàn Thị Điểm (1705-1749) là người làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Lúc trẻ, bà Điểm có tiếng thông minh, đẹp người, đẹp nết, chăm học, có tài văn và giỏi cả việc nữ công. Suốt thời gian từ lúc ấu thơ đến tuổi trưởng thành, bà thường sống với cha và anh là ông Đoàn Doãn Luân ở nơi cha dạy học là làng Lạc Viên (huyện An Dương, tỉnh Kiến An; nay thuộc thành phố Hải Phòng). Năm bà 25 tuổi (1729), cha mất, bà cùng với gia đình của anh dời đến ngụ ở làng Vô Ngại, huyện Đường Hào (nay là thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên).

Chẳng bao lâu sau anh mất (năm 1735), bỏ lại một đàn con nhỏ, một mình Đoàn Thị Điểm phải vừa làm thuốc, vừa dạy học để có tiền nuôi mẹ và giúp đỡ chị dâu nuôi các cháu.

Theo *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, bà đã được vời vào cung làm Giáo thụ để dạy các con vua chúa. Đến năm 1739, nhân trong nước có loạn, bà xin từ

chức về ngụ ở xã Chương Dương (nay thuộc Thường Tín, ngoại thành Hà Nội) tiếp tục làm nghề dạy học.

Bấy giờ, có nhiều đến hỏi, trong đó có cả những người quyền quý, nhưng bà đều từ chối. Mãi đến năm 37 tuổi (1742), bà mới nhận lời lấy Nguyễn Kiều, một Tiến sĩ nổi tiếng hay chữ đã góa vợ. Nhưng vừa cưới xong, Nguyễn Kiều lại phải đi sứ sang Trung Quốc ba năm. Năm 1748, ông được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Đoàn Thị Điểm cùng đi với chồng, nhưng trên đường đi, bà bị cảm nặng, chạy chữa không khỏi, cuối cùng mất ở Nghệ An vào ngày 11 tháng 9 (âm lịch) năm Mậu Thìn, 1748, lúc 43 tuổi

Đoàn Thị Điểm, hiệu Hồng Hà Nữ Sĩ. Bà là tác giả tập Truyền kỳ tân phả (chữ Hán), và tác giả của truyện thơ Chinh phụ ngâm (bản chữ Nôm- 412 câu thơ) được bà dịch từ nguyên bản Chinh phụ ngâm khúc (viết bằng chữ Hán của Đặng Trần Côn). Bà còn viết tập Nữ trung tùng phận gồm 1401 câu thơ và bài Bộ bộ Thiềm-Thu từ (tức Bộ bộ thiềm - Bài hát mùa thu) . Ngoài ra còn có một số bài thơ văn khác của bà (gồm chữ Hán, chữ Nôm) được chép trong tập Hồng Hà phu nhân di văn của tiến sĩ Nguyễn Kiều (chồng bà) mới được phát hiện gần đây.

Bà là người được đánh giá là bậc nhất về sắc đẹp lẫn tài văn trong những nữ sĩ danh tiếng nhất, bên cạnh các bà Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan và Sương Nguyệt Anh.

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương

Bà Chúa Thơ Nôm Hồ Xuân Hương (1772 - 1822), hiện nay vẫn chưa rõ lai lịch) là một nữ thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, mà hiện tại vẫn khiến nhiều học giả tranh cãi. Năm 2021, bà cùng Nguyễn Đình Chiểu là hai nhà thơ của Việt Nam được UNESCO vinh danh là "danh nhân văn hóa thế giới". Di tác của bà hoàn toàn là thơ và đa số đều được viết bằng chữ Nôm. Có nhiều người cho rằng đặc sắc của thơ bà là "thanh thanh tục tục".

Không có bất cứ tư liệu cổ điển nào chép về Hồ Xuân Hương, ngoài cuốn sách *Giai nhân di mặc* của học giả Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, ấn hành tại Hà Nội năm 1916. Cũng vì thế, việc có hay không một nhân vật tên Hồ Xuân Hương hiện còn là câu hỏi ngỏ.

Theo *Giai nhân di mặc*, Hồ Xuân Hương là con gái của Sinh đồ Hồ Phi Diễn, (1704 – 1786), người Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Gia đình bà sống ở Tây Hồ, thành Thăng Long.

Hồ Xuân Hương cũng được cưới gả từ rất sớm nhưng dẫu qua hai lần đò đều không viên mãn. Lần đầu bà làm lẽ của một hào phú là Chánh tổng Nguyễn Bình Kình có biệt hiệu Tổng Cóc. Chung sống với Tổng Cóc được một thời gian khá lâu thì Hồ Xuân Hương dứt áo ra đi.

Lần thứ hai Hồ Xuân Hương làm lẽ của Tú tài Phạm Viết Ngạn làm tri phủ Vĩnh Tường. Nhưng duyên phận chỉ được 27 tháng thì ông tạ thế. Hồ Xuân Hương được cho là mất vào năm 1872

Một tác phẩm thơ Hồ Xuân Hương bằng Pháp văn còn lưu giữ ở viện Viễn Đông Bác Cổ năm 1968. Thơ của bà được trình bày theo phong cách thất ngôn bát cú hoặc thất ngôn tứ tuyệt, bút pháp được nhận định là điêu luyện nhưng phần chữ Nôm đặc sắc hơn chữ Hán. Ý tưởng trong thơ cũng rất táo bạo, dù là điều cấm kị đối với lễ giáo đương thời. Cho nên, Hồ Xuân Hương được xem như hiện tượng lạ của dòng thi ca cổ điển Việt Nam khi đưa ra cái nhìn đối lập với truyền thống đạo đức cũ kỹ, lạc hậu của chế độ phong kiến đương thời..

Bà Huyện Thanh Quan

Bà tên thật là Nguyễn Thị Hinh (1805 – 1848), là người phường Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận, gần Hồ Tây (nay là phường Quảng An, quận Tây Hồ), Hà Nội. Cha bà là Nguyễn Lý (1755-1837), đỗ thủ khoa năm 1783, đời vua Lê Hiển Tông.

Bà là học trò của danh sĩ Phạm Quý Thích (1760-1825), và là vợ của Lưu Nghị (1804-1847). Ông đỗ cử nhân năm 1821 (Minh Mạng thứ 2), từng làm tri huyện Thanh Quan (nay là một phần huyện Đông Hưng và huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình), nên người ta thường gọi bà là Bà Huyện Thanh Quan

Dưới thời vua Minh Mạng, bà được mời vào kinh giữ chức Cung Trung Giáo Tập để dạy học cho các công chúa và cung phi. Khoảng một tháng sau khi chồng mất, bà lấy cớ sức yếu xin thôi việc, rồi dẫn bốn con về lại Nghi Tàm và ở vậy cho đến hết đời. Bà là một trong số nữ sĩ tài danh hiếm có trong thời đại, hiện còn để lại sáu bài thơ Đường luật.

Có lẽ hồn thơ của bà không chỉ bắt nguồn từ cái nôi của gia đình khoa bảng, mà trên hết, chính là từ mảnh đất quê hương bà, làng Nghi Tàm, nơi công chúa Từ Hoa, con gái vua Thần Tông nhà Lý vào thế kỷ XII đã lập trại dạy cung nữ trồng dâu nuôi tằm. Bà huyện Thanh Quan sáng tác không nhiều, hầu hết viết bằng chữ Nôm, theo thể Đường luật. Hiện có những bài như: “Thăng Long thành hoài cổ; Qua chùa Trấn Bắc; Qua Đèo Ngang; Chiều hôm nhớ nhà; Tức cảnh chiều thu; Cảnh đền Trấn Võ; Cảnh Hương sơn.”

Các tác phẩm của bà đều gây được tiếng vang lớn trên thi đàn Việt Nam, thể hiện tấm lòng nhớ nước thương nhà hồn hậu, đau đáu khôn nguôi; một tài năng thiên bẩm về thi phú mà không phải ai cũng có được. Nổi bật nhất trong sự nghiệp văn chương của nhà thơ có thể kể đến tác phẩm "Qua đèo Ngang", một bức tranh tả cảnh và tình đẹp, vừa diễn tả được thiên nhiên heo hút, vừa truyền tải được tâm sự u buồn trước thời cuộc đang đảo điên nhiều biến động.

2.5 Trong lĩnh vực khoa học

Tiến sỹ Nguyễn Thị Duệ

Bà Nguyễn Thị Duệ (1574 -1655 ?), người phụ nữ đầu tiên và duy nhất đỗ tiến sĩ trong lịch sử khoa bảng thời đại phong kiến. Đây là thời kỳ tư tưởng "trọng nam khinh nữ" theo Nho giáo đã không cho giới nữ được bình đẳng với nam giới, đặc biệt trong việc học hành, thi cử. Bà là người con gái tài sắc, đức độ, trí tuệ đã vượt qua luật lệ khắt khe đó, giả trai đi thi và đạt tới học vị tiến sĩ.

Bà sinh trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống hiếu học tại làng Kiệt Đặc, nay thuộc xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương. Vốn là người thông minh, có nhan sắc nên mới hơn 10 tuổi, bà đã biết làm văn bài, được bà con trong làng vô cùng kính phục. Bà đã được nhiều nhà quyền quí đến xin hỏi cưới, nhưng bà không thuận. Bà rất hiếu học, song luật lệ lúc đó không cho phép con gái được học hành thi cử, bà phải giả trai để đèn sách đi thi. Năm Giáp Ngọ (1594) nhà Mạc mở khoa thi Hội, sĩ tử tham dự rất đông, Bà đỗ thủ khoa, trong khi chính thầy dạy chỉ đỗ á khoa. Như vậy là, tròn 20 tuổi bà trở thành nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất của khoa cử phong kiến Việt Nam.

Trong buổi Ngự yến đãi các tân khoa, vua Mạc Kính Cung thấy vị tiến sĩ trẻ tuổi, dáng mảnh mai, mặt mày thanh tú nên sinh lòng ngờ vực. Nhà vua liền xét hỏi và phát hiện bà giả trai. Nhưng bà Nguyễn Thị Duệ không những không bị khép tội mà còn được vua khen ngợi. Cảm phục tài năng của bà , vua Mạc còn mời bà vào cung để dạy các phi tần rồi tuyển làm phi, phong là Tinh Phi có nghĩa là Bà Chúa Sao, ngụ ý khen bà vừa xinh đẹp vừa sáng láng như một vì sao.

Năm 1625, quân Lê - Trịnh tiến lên Cao Bằng diệt nhà Mạc và giải bà về kinh nộp cho chúa Nghị Vương. Nghe tiếng tăm của bà Nguyễn Thị Duệ, chúa Trịnh rất sủng ái, phong cho bà chức Cung Trung Giáo Tập, rồi Lễ Nghi Học Sĩ để trông coi việc dạy học trong vương phủ. Người dân tôn sùng gọi bà là Nghi ái Quan. Bà đã có nhiều đóng góp cho nền giáo dục đương thời. Bà rất quan tâm đến việc thi cử, bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia. Phần lớn các kỳ thi Đình, thi

Hội, tất cả bài vở đều qua tay bà chấm chọn. Bà thường viện dẫn nghĩa lý kinh sử, sự tích cổ kim rành mạch. Các biểu sớ, văn bài thi Đại khoa, chúa đều nhờ bà khảo duyệt lại.

Bà Nguyễn Thị Duệ được coi là người khởi đầu hình thức đào tạo từ xa của đất nước. Bà soạn ra các bộ đề thi rồi gửi về địa phương để tổ chức thi. Sau khi kết thúc, bài thi sẽ được gửi lên cho bà chấm, kết quả được gửi trở lại các địa phương. Bà cũng khuyến khích phong trào học tập, giúp đỡ học trò nghèo hiếu học, đề cao các nhân tài giúp nước. Đó là hình thức khuyến học đầu tiên của nước ta.

Sau khi mất, bà được triều đình ban sắc phong, cho đúc tượng, dựng bảo tháp, khắc bia, người dân địa phương lập đền thờ, tôn bà làm Phúc thần. Trong Hậu cung Văn Miếu Mao Điền ở Hải Dương, bà được thờ cùng Khổng Tử và bảy vị Đại khoa danh tiếng của Việt Nam là Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, thần toán Vũ Hữu, nhà giáo Chu Văn An, Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, Nhập nội Hành khiển Phạm Sư Mạnh và danh y Tuệ Tĩnh.

3. Bài học của các nữ danh nhân trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ hiện nay

Trong " Bình Ngô đại cáo ", năm 1428, thế kỷ XV, danh nhân Nguyễn Trãi đã viết: "Như nước Đại Việt ta thuở trước; Vốn xưng nền văn hiến đã lâu"…và cụ khẳng định: "Song hào kiệt đời nào cũng có"…

Các hào kiệt (hoặc danh nhân) cả nam lẫn nữ đều sống một cuộc đời oanh liệt làm rạng rỡ thời đại của họ và để lại cho đời sau những bài học quý giá. Điều đó đã góp phần đưa tới các hệ giá trị của dân tộc và con người Việt Nam. Nhìn chung những giá trị đó được xây dựng trên những nền tảng chung của đất nước, dân tộc nhưng đôi với phụ nữ cũng có những nét riêng được quy định bởi giới tính và thân phận, địa vị phụ nữ trong xã hội phong kiến. Bài viết này xin điểm lại những nét chung và riêng đó.

Những nét chung:

- *Tinh thần yêu nước.* Tất cả các nam và nữ danh nhân dù ở lĩnh vực nào cũng đều thể hiện tinh thần yêu nước, yêu quê hương tha thiết. Tinh thần yêu nước là một vật báu ẩn chứa trong lòng mỗi người. Mỗi khi đất nước bị giặc ngoại xâm tấn công thì lòng yêu nước lại bùng lên đốt cháy quân xâm lược. Lòng yêu nước đã hội tụ thành sức mạnh trong cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu… kéo dài từ thế kỷ thứ nhất đến hiện nay. Người phụ nữ không chỉ hy sinh thân mình vì nước trên chiến trường, trong nhà tù của giặc mà còn trong các tình huống đặc biệt

khác như mặt trận ngoại giao. Hình ảnh An Tư công chúa, Huyền Trân công chúa mãi ghi vào lịch sử như những sức mạnh to lớn mà các mỹ nhân mang lại. Phụ nữ cũng đã hy sinh cả gia đình, người thân, của cải cho dân tộc như 5 mẹ con bà Lê Thị Hoa, mẹ Thứ, bà Út Tịch, mẹ Suốt…Chính lòng yêu nước đã đưa phụ nữ lên đỉnh cao của sự vinh quang và trường tồn cùng dân tộc. Lòng yêu nước cũng là một di sản truyền từ đời này đến đời khác và không chỉ được gìn giữ trong các nhà bảo tàng, khu tưởng niệm mà còn trong trái tim những con dân đất Việt.

- *Tình yêu tự do, bình đẳng, công bằng và hạnh phúc cá nhân*

Cùng với lòng yêu nước, *tình yêu tự do, bình đẳng, công bằng và hạnh phúc cá nhân* cũng là những đặc điểm nổi bật của các nữ danh nhân. Đó cũng là những bài học quý giá cho đời sau. Lòng khao khát tự do của Bà Triệu, nữ tướng Bùi Thị Xuân, ý chí vươn lên sự bình đẳng, công bằng và hạnh phúc cá nhân của Ỷ Lan phu nhân, Hồ Xuân Hương, vợ ba Cai Vàng, nữ tướng Nguyễn Thị Định…Chính đó là động lực và tạo ra sức mạnh cho các nữ danh nhân, đồng thời đã động viên hàng trăm triệu phụ nữ hướng tới mục tiêu của đời mình. Mỗi câu chuyện về các nữ danh nhân đều truyền tải sự xúc động sâu sắc về những người” liễu yếu, đào tơ” nhưng có ý chí mạnh hơn gang thép. Đây cũng là những chất liệu để tạo nên những tính cách đa dạng, phong phú, giàu cá tính của các nữ danh nhân.

Những nét riêng của nữ danh nhân:

- Sự đảm lược, quyết đoán, lòng dũng cảm không sợ gian khổ, tự tôn, tự trọng, xây dựng và khẳng định những giá trị của mình trong xã hội:

Những tính cách trên đây đã xuất phát từ thân phận bất bình đẳng của phụ nữ trong xã hội phong kiến thực dân. Trong tất cả các tấm gương nữ danh nhân, những đặc điểm quý giá này đã xuyên suốt cuộc đời của họ, tạo nên sự thành công và tính cách phi thường của những người bị coi là “phái yếu” trong mắt đàn ông. Bằng cách đó, họ trở thành các tượng đài được kính trọng, được cảm phục của mọi người dân Việt Nam và bạn bè thế giới. Trong suốt thời kỳ phong kiến, với sự thống trị khắc nghiệt và toàn diện của Nho giáo đối với phụ nữ thì đây là những biểu hiện vĩ đại của các nữ danh nhân. Lịch sử đã không chỉ ghi công các nữ anh hùng như Hai Bà Trưng, Bà Triệu mà còn ghi danh sự đảm lược của Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung, sự bất khuất của các anh hùng hiện đại Nguyễn Thị Minh Khai, cô Giang, cô Bắc, liệt sỹ Võ Thị Sáu, Lê Thị Hồng Gấm, Trần Thị Lý, nữ tướng Nguyễn Thị Định…

- *Tinh thần ham học:*

Mặc dù bị kìm hãm không được học hành như nam giới nhưng những nữ

danh nhân Việt Nam đã truyền dạy cho thế hệ sau lòng khao khát học tập và coi đây là chìa khóa để phụ nữ vươn lên ngang bằng nam giới. Những phụ nữ lỗi lạc như tiến sỹ Nguyễn Thị Duệ, Ngọc Hân công chúa, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan Nguyễn Thị Hinh, nữ sỹ Sương Nguyệt Anh, nữ sỹ Đạm Phương, nguyên Phó chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Nguyễn Thị Bình… đã không chỉ lưu danh trên các văn đàn mà còn sống mãi trong lòng nhân dân, phụ nữ Việt Nam. Trước việc tiến sỹ Nguyễn Thị Duệ giả trai đi thi và tài năng xuất chúng của bà làm các vị vua Mạc Kính Cung, chúa Trịnh Nghị Vương cũng vô cùng cảm phục, không những không trách phạt mà còn ban chức, trọng dụng bà. Thái độ tôn trọng học vấn của phụ nữ của các bậc vua chúa đã hoàn toàn trái ngược với quan niệm của Nho giáo coi rằng" phụ nhân nan hóa" (đàn bà khó dạy).

Danh nhân Việt Nam trong đó có nữ danh nhân đã cùng với dân tộc viết lên những trang sử tốt đẹp nhất để đưa Việt Nam sánh ngang tầm thế giới. Giải phóng phụ nữ sẽ không chỉ là khẩu hiệu mà một phần từ tấm gương của các nữ danh nhân. Phụ nữ Việt Nam sẽ soi chung những tấm gương này để tự khẳng định và hoàn thiện mình.

Tài liệu tham khảo

(1) Tài liệu của Hội LHPN Việt Nam

(2) Lê Minh Quốc, *Các vị nữ danh nhân Việt Nam*, NXB Trẻ, Hà Nội

(3) Viện Sử học (2001), *Lịch sử Việt Nam, tập 1*, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội. Hà Nội

(4) Đại Việt Sử Ký toàn thư

(5) Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Lương Ninh (1991), *Lịch sử Việt Nam tập 1*, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội

(6) Đào Duy Anh (2005), *Lịch sử cổ đại Việt Nam*, Nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin. Hà Nội

(7) Trang thông tin điện tử *Phổ biến giáo dục pháp luật* tỉnh Tây Ninh

(8) Vietnam-Wikipedia tiếng Việt

(9) Lê Thị Quý (2010), *Giáo trình Xã hội học Giới*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

(10) Đặng Cảnh Khanh- Lê Thị Quý, (2007), *Gia đình học*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội

TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN VỚI SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC: TƯ TƯỞNG, TẦM NHÌN, BẢN LĨNH VÀ NHỮNG CỐNG HIẾN XUẤT SẮC

TS. VŨ DƯƠNG THÚY NGÀ

Tự bao đời nay, các danh nhân, hiền tài luôn làm rạng danh đất nước. Tư tưởng cùng những cống hiến của họ góp phần quan trọng viết nên những trang sử vàng trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Tổng Bí thư Lê Duẩn là một trong những danh nhân xuất sắc của Việt Nam thế kỷ 20. Ông đã có những cống hiến to lớn trong sự nghiệp Cách mạng của Đảng ta, nhân dân ta. Lê Duẩn tên thật là Lê Văn Nhuận, sinh ngày 07/4/1907, tại làng Bích La Đông, xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, trong một gia đình giàu truyền thống yêu nước. Là người sớm giác ngộ tinh thần cách mạng, đồng chí Lê Duẩn gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Năm 1930, ông trở thành một trong đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Ông đã được Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân tin cậy, giao đảm nhận nhiều cương vị, trọng trách: Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ (1931), Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ (1937 - 1939); Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ (1946 - 1947); Bí thư Xứ ủy Nam Bộ (1947 - 1951); Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1951 - 1954); Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1960 - 1976), Tổng Bí thư [TBT] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1976 - 1986). Ở bất cứ cương vị công tác nào, đồng chí đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, luôn thể hiện rõ bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất và tài năng của người cộng sản chân chính, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Trong Điếu văn của Đảng ta do đồng chí Trường Chinh đọc đã khẳng định TBT Lê Duẩn "đã có những đóng góp quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Lý tưởng và hoài bão suốt đời của đồng chí là Tổ quốc độc lập và thống nhất, nhân dân có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của mình… Cống hiến của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta thật là to lớn" [1]. Hơn 36 năm đã trôi qua kể từ ngày TBT Lê Duẩn đi xa, những nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của ông vẫn tiếp tục được thực

hiện khẳng định và làm sáng tỏ thêm về tầm vóc và những công lao đóng góp của ông đối với Đảng, với đất nước, nhân dân.

Trong phạm vi hội thảo hôm nay, theo đề nghị từ phía Ban Tổ chức, chúng tôi xin được đóng góp 1 tham luận về danh nhân Lê Duẩn với những cống hiến xuất sắc của ông trong Cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Tham luận được chia thành 2 phần:

1. Tư tưởng, tầm nhìn của TBT Lê Duẩn trong Cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc

Khi tìm hiểu cuộc đời và sự nghiệp của TBT Lê Duẩn, nhiều người đã khẳng định vai trò to lớn của tư tưởng, tầm nhìn và tư duy sáng tạo của TBT Lê Duẩn trong Cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta", TBT Lê Duẩn luôn nỗ lực thực hiện lời căn dặn của Bác "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa... song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Điều đáng chú ý là trong những thời khắc cam go nhất, chính Lê Duẩn là người đã đề xuất với Bác với Đảng về con đường giải phóng miền Nam. Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, nước ta bị chia cắt thành 2 miền. Tình hình thế giới lúc đó có nhiều diễn biến phức tạp, bất lợi cho Việt Nam. Cùng trong phe XHCN nhưng Liên xô khuyên Việt Nam nên "chung sống hòa bình", "thi đua kinh tế" giữa hai miền, miền Bắc thắng, nước nhà sẽ thống nhất. Trung quốc lại khuyên "trường kỳ mai phục", chờ đợi thời cơ. Trong khi đó, Mỹ - Diệm trắng trợn chà đạp Hiệp định Giơ-ne-vơ, thẳng tay khủng bố tàn sát đồng bào và các cơ sở cách mạng, gây bao đau thương, tang tóc, miền Nam rơi vào cảnh nước sôi lửa bỏng. Bằng trực cảm đặc biệt và năng khiếu chính trị nhạy bén, với tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, Lê Duẩn đã lăn lộn từ miền Tây Nam Bộ lên Bến Tre rồi Sài Gòn, Đà Lạt để chỉ đạo phong trào. Ông đã nung nấu suy nghĩ và dự thảo *Đề cương cách mạng miền Nam* năm 1956. Trong đó chỉ rõ: "Nhân dân ta ở miền Nam chỉ có một con đường là vùng lên chống lại Mỹ - Diệm để cứu nước và tự cứu mình. Đó là con đường cách mạng. Ngoài con đường đó không có con đường nào khác". Ba nhiệm vụ cách mạng đã được xác định là:

- Củng cố thật vững chắc miền Bắc.
- Đẩy mạnh đấu tranh cách mạng ở miền Nam.

- Tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, độc lập dân tộc và dân chủ trên thế giới. [2]

TBT Lê Duẩn đã xác định phương pháp cách mạng miền Nam là vừa phải sử dụng đấu tranh hòa bình, vừa chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang khi tình hình thay đổi và đề ra chủ trương xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất để tập hợp lực lượng. Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn tưởng chừng bế tắc lúc bấy giờ, Đề cương cách mạng miền Nam có giá trị đột phá, làm cho nhân dân phấn khởi, tin tưởng đi theo cách mạng. Và không chỉ thế, ý nghĩa to lớn của Đề cương còn ở chỗ góp phần chuẩn bị cơ sở lý luận và chính trị cho Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 (năm 1959), tiếp đó là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9-1960). Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15, các cuộc đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ ở một số địa phương miền Nam đã bùng lên thành phong trào Đồng Khởi năm 1960 đưa cách mạng miền Nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang tiến công. Sau Đồng khởi, cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn mới, từ khởi nghĩa vũ trang, phát triển thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng.

Từ năm 1957, Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh điều động đồng chí Lê Duẩn ra Hà Nội nhận trọng trách mới. Dưới sự chủ trì của Bác và cùng tập thể Bộ Chính trị, đồng chí Lê Duẩn đã góp phần quan trọng hoạch định đường lối chính trị và chiến lược giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn cách mạng trong phạm vi cả nước.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào ông luôn luôn có nhãn quan cách mạng rộng mở, tầm nhìn và sự nhạy cảm chính trị. Ông đã thấy trước được những gì mà nhiều người chưa thấy. Năm 1954, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, cán bộ và chiến sĩ ta ở miền Nam thực hiện tập kết ra Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã tiên đoán: *"Nếu ta đánh và thắng Pháp trong 9 năm, thì phải có hai lần thời gian đó để thắng Mỹ*". Vào đêm đầu năm 1955, khi ôm hôn chia tay người bạn chiến đấu gần gũi của mình là đồng chí Lê Đức Thọ trên chiếc tàu viễn dương Ki-lin-sky của Ba Lan, đồng chí Lê Duẩn đã xúc động nói**:** *“15 - 20 năm nữa, chúng ta sẽ gặp lại nhau”*. Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà lời hẹn đó đã trở thành sự tiên đoán khoa học, được thực tế lịch sử kiểm nghiệm và xác nhận.

Đọc “Thư vào Nam” chúng ta sẽ thấy rõ tầm nhìn và sự chỉ đạo hết sức tài tình, cụ thể, sát hợp trong từng thời kỳ, ở từng bước ngoặt của chiến tranh của đồng chí Lê Duẩn. Phương hướng chiến lược là tiến công và mục tiêu cuối cùng là toàn

thắng, nhưng nghệ thuật chỉ đạo là phải biết thắng từng bước cho đúng, và không phương hại đến đại cục. Tư duy đó đã tạo khả năng làm chủ các quá trình và xu thế phát triển trên cơ sở nắm vững tính quy luật diễn biến trong cuộc chiến giữa ta và địch, từ thắng lợi từng bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn. Chiều sâu, tầm cao trí tuệ của đồng chí Lê Duẩn được thể hiện trong các văn bản chỉ đạo, trong Đề cương cách mạng miền Nam , những bức "Thư vào Nam", trong tác phẩm nổi tiếng "Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới", viết năm 1970. Với ông "không có và sẽ không bao giờ có một công thức duy nhất về cách tiến hành cách mạng thích hợp với mọi hoàn cảnh, mọi thời gian", vì thê đòi hỏi người cách mạng phát huy trí sáng tạo, "Cách mạng là sáng tạo; không sáng tạo thì cách mạng không thể thắng lợi ".

Ngay từ năm 1961, trong bức thư gửi Anh Mười Cúc [đồng chí Nguyễn Văn Linh] và các đồng chí ở Nam Bộ, ông đã phân tích: "Vùng Tây Nguyên là xương sống chiến lược, là địa bàn để ta tiến lên tiến công địch, đồng thời là căn cứ để ta xây dựng và bảo vệ lực lượng cách mạng. Nông thôn đồng bằng là chỗ dựa chính để ta xây dựng và bảo vệ lực lượng cách mạng. Thành thị là đầu não của địch. Để đối phó với mọi tình huống khó khăn phức tạp, chúng ta phải xây dựng cho được căn cứ ở Tây Nguyên" [3].

Phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo là nét rất đặc trưng ở đồng chí Lê Duẩn. Luôn suy nghĩ, tìm tòi, trăn trở với những vấn đề do cuộc sống đặt ra là bản tính của đồng chí Lê Duẩn. Chính ý chí gang thép, dũng khí cách mạng kiên cường kết hợp với tư duy khoa học, tính kiên định là nguồn cội của sự sáng tạo ở TBT Lê Duẩn.

Năm 1970, khi Mỹ đánh sang Campuchia, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, biến Đông Dương thành một chiến trường, Lê Duẩn đã dự đoán một cách tài tình về khả năng thắng lợi trong khoảng cùng một thời gian của cả 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Điều đó đã thành hiện thực.

Đầu xuân 1973, TBT Lê Duẩn trực tiếp vào thăm và kiểm tra Đoàn 559, đang xây dựng đường xuyên Việt, đông Trường Sơn, chủ động đón thời cơ. Với tầm nhìn xa cho con đường chiến lược này, ông đã ghi trong Sổ vàng của bộ đội Trường Sơn: "Đường Trường Sơn là con đường của ý chí quyết thắng, của lòng dũng cảm, của khí phách anh hùng. Đó là con đường nối liền Nam-Bắc, thống nhất nước nhà, là con đường tương lai giàu có của Tổ quốc ta... Chúng ta nhất định tiếp tục đi con đường này để tiến đến thắng lợi hoàn toàn".

Năm 1974, kế hoạch giải phóng miền Nam được liên tục rút xuống trong hai năm, xuống 1 năm, 6 tháng, và cuối cùng là 2 tháng. Tại Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 và tháng 01- 1975, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã kết luận dứt khoát: "Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện Tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng tư năm nay (tức năm 1975), không để chậm". Cũng chính từ sự chỉ đạo có tầm chiến lược này chúng ta đã chiến đấu và chiến thắng. Trân trọng tầm nhìn của TBT Lê Duẩn, nhân dân, cán bộ chiến sĩ và trí thức Nam Bộ đã thân ái gọi ông là "Ngọn đèn 200 nến". Nhà báo Phan Quang đã nhận xét: "Xưa nay, tầm nhìn là tính cách và đặc trưng nổi trội ở mọi vĩ nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta là một người như thế. Là học trò xuất sắc của Hồ Chủ tịch, Lê Duẩn có tầm nhìn sáng tỏ vào những bước chuyển hoặc giờ phút khó khăn của đất nước" [4].

2. Bản lĩnh Lê Duẩn và những cống hiến xuất sắc của ông trong giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, TBT Lê Duẩn luôn là người có bản lĩnh kiên cường, bất khuất. Ông đã 2 lần bị thực dân Pháp bắt và kết án, lần lượt bị giam ở các nhà tù Hỏa Lò, Sơn La, Côn Đảo. Cùng với các chiến sĩ cộng sản khác, đồng chí Lê Duẩn đã tỏ rõ bản lĩnh và phẩm chất cách mạng của mình, vượt qua thử thách, một lòng kiên trung với Đảng, với dân tộc. Ông đã tham gia hoạt động ở cả ba miền: Bắc, Trung, Nam, dám dấn thân vào nơi nước sôi, lửa bỏng, vào sinh ra tử. Sự tàn bạo của kẻ thù không làm ông khuất phục, trái lại, càng tôi luyện thêm ý chí, rèn đúc thêm bản lĩnh, trí tuệ và phẩm chất của người chiến sỹ cách mạng trong ông. Khi chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm công khai xé bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chiến dịch "diệt cộng" với những tội ác rùng rợn, gây hoảng loạn trong xã hội, TBT Lê Duẩn xin Bác Hồ được ở lại sát cánh cùng đồng bào, đồng chí miền Nam. Ông đã có mặt khắp nơi trên địa bàn miền Nam để động viên, khích lệ quần chúng và chỉ đạo phong trào.

Kiên cường, giữ vững tư tưởng cách mạng tiến công, ý chí sắt đá là vậy nhưng đồng chí Lê Duẩn cũng luôn dùng tình tình thương và lẽ phải để khích lệ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân xây dựng, giữ vững khối đại đoàn kết và tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Với cương vị Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã luôn quan tâm đến củng cố khối đoàn kết toàn dân và chỉ đạo tăng cường chính sách ngoại giao để tranh thủ sự ủng hộ của

nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Các nước yêu chuộng hòa bình đã ủng hộ lập trường chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, lên án mạnh mẽ đế quốc Mỹ xâm lược. Tại nhiều nước khắp nơi trên thế giới, tiêu biểu như Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên, Anbani, Cuba, Hunggari, Cộng hòa Dân chủ Đức, Nhật bản, Thụy Điển, các nước châu Phi và châu Mỹ La tinh... đã có nhiều người đã tình nguyện hiến máu và quyên góp để gửi tặng nhân dân ta. Tình hữu nghị, đoàn kết Việt Nam, Lào, Campuchia đã hình thành và phát triển trong cuộc đấu tranh chung chống thực dân Pháp đến thời kỳ chống Mỹ càng được củng cố thêm. Đặc biệt, Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa đã giúp Việt Nam đắc lực không chỉ về vật chất mà còn hỗ trợ các cố vấn, chuyên gia kỹ thuật. [5] Chính sự hỗ trợ quý báu đã tiếp thêm sức mạnh cho Việt Nam.

Bản lĩnh của đồng chí Lê Duẩn đã thể hiện ở niềm tin sắt đá vào sự chiến thắng. Lòng tin của ông vững vàng trước những thành công cũng như thất bại tạm thời của cách mạng, lúc cao trào cũng như lúc thoái trào. Trong những năm đen tối dưới chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đồng chí đã thấy rõ khả năng thắng lợi của nhân dân và cách mạng Việt Nam.

Năm 1969, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đồng chí Lê Duẩn đã kế tục sự nghiệp của Bác. Dưới ánh sáng của đường lối của Đảng, đứng đầu là TBT Lê Duẩn, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân cả nước ta đã trở thành thiên anh hùng ca với bao chiến công oanh liệt.

Kế thừa và phát huy nghệ thuật quân sự của dân tộc “lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều”, đồng chí Lê Duẩn đã chỉ đạo quân dân ta từng bước làm thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cuối cùng kết thúc thắng lợi bằng trận quyết chiến chiến lược - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975. Qua những bức Thư vào Nam, TBT Lê Duẩn đã thể hiện sự quan tâm đến đồng bào, chiến sĩ miền Nam và luôn có những chỉ đạo sáng tạo, quyết liệt, sâu sát với từng giai đoạn cụ thể. Ông đã đề ra nhiều giải pháp quan trọng trong chuẩn bị lực lượng cho cách mạng miền Nam. Ông luôn chú trọng đến việc xây dựng lực lượng gắn với tạo “thế và lực của ta ngày càng vững mạnh, lại biết nắm vững thời cơ và tạo được bất ngờ” để luôn chiếm ưu thế trước quân địch. Đây là vấn đề cơ bản của nghệ thuật chỉ đạo chiến lược của TBT Lê Duẩn trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.[3]

Thời kỳ “Chiến tranh đặc biệt”, trong thư gửi đồng chí Nguyễn Văn Linh, ông phân tích: “Xét cho cùng, cách mạng là do tương quan lực lượng quyết định;

trong tương quan đó, lực lượng của ta gồm có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang. Hiện nay về lực lượng chính trị có thể nói ta chiếm ưu thế tuyệt đối so với Mỹ - Diệm, nhưng về lực lượng vũ trang thì ta kém hơn địch nhiều", vì thế phải phát động quần chúng đấu tranh chính trị, phát triển lực lượng chính trị, xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang, đánh địch cả về chính trị và quân sự". Với chủ trương đó, ta làm thất bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của địch.

Thời kỳ "Chiến tranh cục bộ", mặc dù Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, nhưng ông không hề nao núng và khẳng định cuộc chiến lâu dài, quân Mỹ nhất định sẽ thất bại. Ông chỉ đạo: "Phải tăng cường lực lượng và trình độ tác chiến của bộ đội địa phương; phát triển thật mạnh, thật rộng mạng lưới du kích xây dựng làng, xã chiến đấu, trang bị thêm cho du kích những vũ khí thông thường"; chăm lo củng cố, phát triển đội quân chính trị của quần chúng, phát động các tầng lớp nhân dân đứng lên làm chủ thôn, xã; gấp rút xây dựng bộ đội chủ lực gồm những binh đoàn gọn, nhẹ; chú trọng xây dựng lực lượng dự bị cho cả quân chủ lực và quân du kích. Với chủ trương đó, ta đã chuẩn bị đủ lực lượng đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, tạo sức mạnh tổng hợp làm cho "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ hoàn toàn bị phá sản.

Thời kỳ "Việt Nam hóa chiến tranh", Mỹ cho rằng ta không đủ sức đánh lâu dài thêm nữa và muốn có lợi cho việc đàm phán, nên với tiềm lực dồi dào chúng triển khai chính sách dùng người Việt đánh người Việt. Trước bối cảnh mới, TBT Lê Duẩn xác định phải làm kịp thời việc đưa lực lượng về các vùng trọng yếu để làm thay đổi so sánh lực lượng tại chỗ, tạo điều kiện cho dưới đủ sức đánh bại lực lượng quân sự địa phương của địch. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ đã bị phá sản, buộc người Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri ngày 27-01-1973, chấm dứt các hoạt động quân sự và rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Với tư duy chiến lược và khả năng làm chủ cuộc chiến, TBT Lê Duẩn không chỉ biết khởi sự, biết điều khiển tiến trình mà còn biết kết thúc chiến tranh đúng lúc và có lợi nhất. Trong Kết luận đợt 1 Hội nghị lịch sử Bộ Chính trị năm 1974, ông đã chỉ rõ: Lúc này chúng ta đang có thời cơ chiến lược để giải phóng miền nam. Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn. Có thể điểm lại một số bức thư vào Nam để thấy rõ công lao vô cùng to lớn của TBT Lê Duẩn:

Ngày 21/3/1975, ông đã chỉ đạo "Tình hình chuyển biến nhanh, cần tranh thủ thời gian hành động khẩn trương".

Ngày 14/4/1975. Ông viết: “ Mong các anh tranh thủ thời gian chuẩn bị thật tốt để giành thắng lợi thật to lớn. Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

Ngày 22/4/1975, ông xác định : “Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để kịp thời phát động tiến công. Hành động trong lúc này là đảm bảo chắc chắn để giành thắng lợi hoàn toàn”. [3]

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là chiến công cực kỳ vĩ đại và rất đáng tự hào của dân tộc Việt Nam. Nó gắn liền với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh; gắn liền với tên tuổi và những đóng góp to lớn của Tổng Bí thư Lê Duẩn, người đã nhiều năm giữ trọng trách trong Bộ chỉ huy tối cao của Đảng ta và dân tộc ta.

Kết thúc bài tham luận, tôi xin được nhắc lại đề xuất trong bài viết *Những kỷ niệm không thể nào quên* của ông Lê Toàn Thư: “Tôi nghĩ rằng các thế hệ mai sau sẽ còn phải tiếp tục tìm hiểu về những cái hay, cái đẹp, cái xuất sắc, cái vĩ đại, cái sáng tạo, cái rất Việt Nam trong anh Ba Lê Duẩn rất đỗi kính yêu của chúng ta” [6]. Chính những cái hay, cái đẹp, cái xuất sắc, cái vĩ đại, cái sáng tạo, cái rất Việt Nam của TBT Ba Lê Duẩn đã góp phần tạo nên giá trị Việt Nam và khơi dậy niềm tự hào và khát vọng cống hiến của con người Việt Nam hôm nay và mai sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Điếu văn do đồng chí Trường Trinh đọc tại lễ truy điệu đông chí Tổng Bí thư Lê Duẩn// Báo Nhân dân.- 1986.- Ngày 16 tháng 7

2. Lê Duẩn. *Đề cương cách mạng miền Nam*//Tuyển tập. T1. H. - Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 1987

3. Lê Duẩn. *Thư vào Nam*, H. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015

4. Phan Quang. Tầm nhìn Lê Duẩn. Truy cập tại: https://tuyengiao.vn

5. Vũ Dương Thúy Ngà. *Quan điểm và đóng góp của đồng chí Lê Duẩn trong xây dựng khối đại đoàn kết* // Đồng chí Lê Duẩn, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng, người con ưu tú của Quê hương Quảng Trị.- H.: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2017

6. Lê Toàn Thư. *Những kỷ niệm không thể nào quên* // Bí thư Xứ ủy Nam bộ - Bí thư Trung ương Cục miền Nam Lê Duẩn hoạt động tại Cà Mau.- Cà Mau: Nxb Phương Đông, 2012

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ THÂN DÂN VÀ NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH NHÂN DÂN CỦA TRẦN QUỐC TUẤN

TS. NHỊ LÊ
Nguyên Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

Trần Quốc Tuấn sinh năm 1228, giữa buổi họ Trần vừa thay thế nhà Lý làm vua, khi đất nước đang trong vòng đói kém, loạn ly và nguy cơ ngoại xâm đe dọa.

Cuộc đời Ông trải một lần gia biến, ba lần quốc nạn, nhưng tất cả như mài rũa, tôi luyện và làm tỏa sáng tư tưởng, khí phách và nhân cách của một bậc hiền tài của muôn đời. Tư tưởng và hành động của Ông là một trong những cội rễ không chỉ góp phần quyết định những chiến công vang dội chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nguyên vẹn bờ cõi của dân tộc mà còn làm rực sáng và vẻ vang một nền chính trị quân chủ nhân nghĩa, thân Dân của triều đại nhà Trần lúc thịnh trị trong toàn bộ dòng chảy tư tưởng chính trị Việt Nam.

Một cách tự nhiên, những tư tưởng và hành động của Ông là một trong những giá trị đặc thù nhất và quý giá nhất trong lịch sử tư tưởng chính trị đương thời, giữ vị trí xứng đáng chi phối sự phát triển của dân tộc, đóng góp quyết định thắng lợi của công cuộc bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước, chống áp bức bóc lột và thúc đẩy tiến bộ xã hội Việt Nam, thời Ông sống và phụng sự và tỏa sáng.

Và, càng tự nhiên, đây là một mốc son chói lọi xét trong toàn bộ lịch sử tư tưởng chính trị, quân sự và xã hội các danh nhân Việt Nam.

I - Tầm nhìn tư tưởng chính trị thân Dân của Trần Quốc Tuấn

Trần Quốc Tuấn lớn lên giữa buổi thịnh Trần, khoảng thời gian tỏa sáng những giá trị độc đáo về văn hóa chính trị, trong đó có tư tưởng thân dân được đặc biệt đề cao, trở thành một hệ tư tưởng chính trị chính thống, chi phối toàn bộ văn hóa chính trị đương thời, với những biểu hiện rõ nét, độc đáo hơn hẳn so với các triều đại quân chủ khác trong lịch sử Việt Nam.

Vào thế kỷ XIII, nhà Trần phải đối mặt với sự xâm lược của thế lực hùng mạnh nhất thế giới - đế quốc Nguyên - Mông (ba lần xâm lược Đại Việt vào các năm 1258, 1285, 1287). Với chiến lược tấn công ào ạt, chớp nhoáng, trong vòng nửa thế kỷ, quân Nguyên - Mông đã biến các quốc gia từ Âu sang Á trở thành nô lệ hoặc bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Trước yêu cầu bảo vệ nền độc lập, giai

cấp phong kiến nhà Trần đã trở thành lực lượng ưu tú, đại diện cho quyền lợi dân tộc, thực hiện chính sách thân dân nhằm đoàn kết toàn dân tộc. Tư tưởng thân Dân thời Trần còn là kết quả kế thừa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và sự thẩm thấu giá trị văn hóa độc đáo: “tam giáo đồng nguyên” - hiện tượng ba tôn giáo gồm Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo cùng tồn tại, dung hợp trên nền tảng văn hóa dân tộc.

Do đó, tư tưởng thân dân vừa có sự hòa quyện, thẩm thấu tư tướng từ bi, bác ái theo tinh thần Phật giáo, vừa đề cao vai trò của nhân dân theo tinh thần Nho giáo, vừa thể hiện tính quy luật, hợp ý trời lòng Dân trong trị nước theo tinh thần Đạo giáo, trên nền tảng chủ đạo là truyền thống yêu nước, thương dân sâu sắc của dân tộc. Nhờ tinh thần khoan dung tôn giáo, nhà Trần đã thu phục được nhân tâm, cố kết được lòng người, tạo nên ngọn nguồn sức mạnh đoàn kết dân tộc trước họa ngoại xâm.

Vì vậy, ở các chính trị gia nhà Trần có sự gặp gỡ thống nhất giữa nhà trí thức, nhà tư tưởng, người phật tử và tỏa sáng lấp lánh mà vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn chính là biểu tượng kết tinh tiêu biểu.

Có thể hình dung, tư tưởng thân Dân của Trần Quốc Tuấn trên 3 phương diện chính yếu.

Thứ nhất, thân dân là Ông trong Dân, thương Dân.

Nhìn lại lịch sử tới thế kỷ thứ XIII, có thể nói, thật hiếm có triều đại quân chủ phong kiến nào, vua quan giữ cách ứng xử hòa mục, gần gũi với người dân như thời thịnh Trần. Những lúc chiến tranh loạn lạc hay khi đất nước gặp cảnh nguy nan, vua tôi nhà Trần từng cùng nông dân chia nhau bát cơm gạo xấu hay thân chinh đi xem sửa sang đê điều khi nước sông lên to. Vua Trần Minh Tông đã để xác định trách nhiệm trước đồng bào: “Sinh dân nhất thị ngã đồng bào/Tứ hải hà tâm sử khốn cùng?” (Ta với dân cùng một bọc mà ra. Cớ sao lại làm cho bốn biển phải khổ?). Đặc biệt đáng nói ở thời thịnh Trần, tình cảm yêu thương của bậc thiên tử với trăm họ rộng lớn và bao phủ khắp các tầng lớp xã hội, kể cả hạng nô tỳ, gia nô.

Trong bầu không khí chính trị ấy, hơn ai hết, Trần Quốc Tuấn luôn đặt mình trong quan hệ ruột thịt với cộng đồng dân tộc. Trong quân đội, giữa tướng lĩnh và binh lính cũng thân thiết như cha con. Trần Quốc Tuấn từng căn dặn các tướng sĩ: “trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc điều trị; quân có người chết tướng phái khói hương (...) cho nên tướng với binh có cái ôn hòa rượu và hút

máu"[(1)]. Ông thường lại cùng uống rượu với các dân binh trên đường chinh chiến. Sự gần gũi trên đã tạo nên mối quan hệ "hòa mục", đoàn kết giữa vua quan và nhân dân, giữa tướng lĩnh và binh lính, được nhân dân hết lòng ủng hộ, giúp sức.

Chính những ứng xử chính trị cận nhân tình ấy của Ông đã góp phần tạo ra bầu không khí đại đồng, cởi mở trong xã hội nước ta thời thịnh Trần. Rõ ràng, do "xuất thân dân chài ven biển, nhà Trần mang lên kinh đô Thăng Long chất dân dã, chất biển, cái tinh thần phóng khoáng, khỏe khoắn và cởi mở hơn"[(2)]. Tư tưởng thân Dân bắt gặp luồng gió khai phóng ấy của nhà Trần đã được nâng cánh, vượt ra ngoài những giới hạn của đẳng cấp hay kiềm tỏa của Nho giáo, làm nên màu sắc độc đáo cho văn hóa chính trị giai đoạn này.

Sử thần Ngô Sỹ Liên nhận xét: "Nhà Trần khoan hậu thì có thừa…"[(3)].

Thứ hai, thân Dân là Ông rất mực trọng Dân, tôn quý Dân.

Tư tưởng thân dân không chỉ biểu hiện ở phương diện tình cảm mà đã được nâng lên thành nhận thức chính trị, lý luận chính trị cho người cầm quyền trong quá trình trị nước. Đây cũng là điểm phát triển của tư tưởng thân dân thời Trần so với các triều đại trước đó. Ở đây, là sự nhận thức của nhà cầm quyền đối với vai trò, vị thế của Dân trong đời sống chính trị. Bao trùm nhận thức chính trị của thời đại vẫn là sự thẳng thắn, khách quan và rất trân trọng khi nhìn nhận vai trò quyết định của dân chúng đối với thành bại của cá nhân anh hùng.

Từ nhận thức *quyền lực thuộc về dân*, nhà Trần luôn coi việc lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của dân là nhiệm vụ hàng đầu trong đạo trị nước. Từ việc đi vi hành, để "ngầm nghe lời nói của dân để xét ý muốn của họ, ngõ hầu thấu hiểu sự khó nhọc của họ thế nào" nhằm ban những quyết sách kịp thời, phù hợp trong quá trình trị nước đến việc lắng nghe ý kiến của thần dân trước những quyết định quan trọng, đại sự quốc gia, nhà Trần trao cho Dân quyền quyết định vận mệnh dân tộc, tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của Dân.

Theo đó, những cá nhân anh hùng chỉ có thể làm nên sự nghiệp khi biết dựa vào sự giúp đỡ, ủng hộ, đồng lòng của dân chúng. Với hội nghị Diên Hồng, triều Trần là triều đại duy nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam đã tổ chức

---

[(1)] Trần Quốc Tuấn: *Binh thư yếu lược,* Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002, tr.76-77

[(2)] Trần Quốc Vượng: *Văn minh Việt Nam thế kỷ X-XV*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (198), 1981, tr.4 – 10.

[(3)] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. *Khoa học Xã hội*, Hà Nội, 2004, t. 2, tr.102.

một hội nghị "đại biểu toàn dân", để hỏi ý kiến dân (đại diện là các bô lão) về một quyết sách chính trị có tính chất sống còn đối với vận mệnh quốc gia. Với việc làm này, nhà Trần đã biến chủ trương đánh giặc cứu nước của triều đình thành ý chí chung của toàn thể dân chúng, huy động được tối đa sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc.

Trần Quốc Tuấn, một đại diện cho anh tài, tinh hoa của thời đại, từng khẳng định vai trò của gia nô, gia tướng: "Chim hồng hộc muốn bay cao thì phải nhờ ở sáu trụ cánh. Nếu không có sáu chiếc trụ cánh ấy thì cũng chỉ là chim thường thôi"[(4)]. Ông khẳng định vai trò sáng tạo lịch sử cũng như tính năng động của người Dân. Hơn nữa, Ông là người thông hiểu lẽ đời, chú ý cả tới những việc nhỏ thường ngày để tránh sự hiềm nghi, yên lòng quan, yên lòng dân, đoàn kết tất cả mọi người vì nghĩa lớn dân tộc. Với vị thế của ông, đây là một tư tưởng vô cùng tiến bộ, vượt qua ranh giới chật hẹp của đẳng cấp.

Đối với nhà cầm quyền thời thịnh Trần, *sức mạnh của Dân là cội nguồn sức mạnh quốc gia.*Và Dân, trong các quyết sách của nhà Trần, trở thành một thực thể chính trị có vai trò quyết định trong sự nghiệp chiến tranh giữ nước cũng như trong duy trì trật tự xã hội hay phát triển đất nước. Dù trong khuôn khổ của tư duy phong kiến, tư tưởng đó thể hiện niềm tin vào sức mạnh của người dân, một nguyên tắc quan trọng của thuật trị nước và xây dựng nền chính trị tiến bộ.

Đối với các vị lãnh đạo thời thịnh Trần, dân chúng là lực lượng chiến đấu hùng mạnh, là nơi hội tụ những tiềm lực về kinh tế và quốc phòng bảo đảm cho sự vững chắc của nền độc lập và chủ quyền quốc gia. Với niềm tin "chúng chí thành thành" (ý chí nhân dân là bức thành vững chắc), Trần Quốc Tuấn chủ trương lấy nông dân làm nguồn bổ sung dồi dào, vô tận cho quân đội thông qua hình thức "bách tính giai vi binh" (trăm họ đều là binh lính), "tận dân vi binh" (mỗi người dân là một người lính). Lịch sử dân tộc còn ghi lại hình ảnh bà hàng nước ở bến đò Rừng đã chỉ cho Trần Quốc Tuấn biết con nước sông Bạch Đằng để bố trí trận mai phục... Từ trong nhân dân, những người tài giỏi xuất chúng đều được tiến cừ cầm quân đánh giặc, như Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão... Dân chúng được đặt ở *vị trí trung tâm* trong chiến lược quân sự giữ thành, giữ nước và việc nới sức dân là kế sách lâu dài của sự hưng thịnh trường tồn của quốc gia: "Khoan thư sức

(4) *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.2, tr. 55.

dân làm kế sâu rễ bền gốc" Trong cuộc kháng chiến hào hùng ấy, mỗi người dân đã trở thành một chiến sĩ đóng góp sức mình cùng triều đình chống giặc.

Đó là biểu tượng cao đẹp của tư tưởng "nước lấy dân làm gốc", sự tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân: "chúng chí thành thành" ý chí của dân chúng là bức tường thành kiên cố, vững chắc nhất đề bảo vệ đất nước.

Triết lý này của Ông không chỉ *mang tính phổ biến* của mọi cuộc chiến tranh chính nghĩa chống xâm lược mà còn là *bài học giữ nước sâu sắc* cho không chỉ các triều đại quân chủ ở nước ta về sau này.

Thứ ba là, thân dân là Ông tận tâm vị dân, tận sức an dân.

Sinh thời, Ông không chỉ từ nâng tình cảm lên thành nhận thức lý luận, tư tưởng thân dân còn được thể hiện quyết liệt bằng góp phần hoạch định các chính sách của nhà Trần sao cho vị Dân, an Dân.

Trước nhất là chăn lo phát triển kinh tế, rường cột là trọng nông. Ông góp phần chăm lo cho đời sống người dân bằng chú trọng phát triển kinh tế, đặc biệt là chính sách trọng nông. Nhà Trần ra lệnh bán ruộng công cho nông dân làm ruộng tư. Việc giảm thuế hay miễn thuế cho dân mỗi khi thiên tai, mùa màng thất bát được triều đình kịp thời thực hiện… Nhờ đó, nhà Trần đã sớm khắc phục tình trạng suy thoái kinh tế, đói kém, loạn ly, phiêu tán trong dân, phát sinh từ cuối thời nhà Lý, đồng thời đưa nền kinh tế phát triển vững mạnh, vừa có tác dụng an dân trong thời bình, vừa tạo tiềm lực kinh tế quan trọng cho thời chiến.

Thứ hai là chăm lo đoàn kết, hòa hợp dân tộc, tôn giáo. Thời Trần là thời đại khoan dung, khai phóng hiếm có trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam, trong đó, lĩnh vực tôn giáo luôn được rộng mở, khéo léo biến những giáo lý ngoại sinh thành những tín điều yêu nước, thương dân, phù hợp với văn hóa dân tộc và nguyện vọng, tâm thức của người dân cả nước. Từ đây hạn chế tối đa các cuộc chiến tranh phân quyền, cát cứ, *nồi da xáo thịt*, hóa giải binh lửa, lầm than, ly tán cho nhân dân. Với chính sách ngoại giao khôn khéo kết hợp với nội trị mềm dẻo, nhà Trần tạo được quan hệ hòa bình, hữu nghị, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên nền sự đoàn kết các dân tộc anh em cả nước.

Thứ ba là chính sách phòng, chống tham nhũng. Tham quan ô lại là nguồn gốc sự thống khổ của dân lành. Vì vậy, phòng chống tham nhũng là một cách để nhà Trần an dân. Trong lúc nước nhà lâm nạn ngoại xâm, trước khi ra trận, Trần Quốc Tuấn đã ra quân luật cho tướng sĩ, vương hầu: "Các vương hầu và tướng

sĩ, ai nấy cần phải giữ phép tắc, đi đâu không được nhiễu dân"[5]. Đó là những ứng xử nhỏ nhưng thể hiện tầm tư tưởng lớn, nhất quán, thái độ kiên quyết, nghiêm khắc của Ông. Những việc làm trên giúp an lòng dân chúng, góp phần bình trị thiên hạ.

Quan điểm coi dân như ruột thịt, trao cho dân quyền quyết định vận mệnh dân tộc và khoan thư sức dân để lấy kế sâu rễ bền gốc cũng như nỗ lực thực thi chính sách an dân… của thời thịnh Trần, mà Trần Quốc Tuấn là một trong những rường cột tư tưởng căn bản, có thể coi như triết lý chính trị cho mọi thời đại, cho tất cả những nhà cầm quyền trong quá trình thực hiện đường lối chính trị tiến bộ, yêu nước, nhân nghĩa.

Chính sách an dân, vì dân làm nền tảng cho Đại Việt có cuộc sống ổn định, thực túc, binh cường, dân giàu, nước mạnh. Đó là một trong những ngọn cờ để tập hợp sức mạnh hùng hậu của toàn dân, giúp Đại Việt trở thành quốc gia đầu tiên của Đông Nam Á đánh bại được quân đội Mông Nguyên hùng mạnh và hiếu chiến. Ngoài ra, thân dân cũng chính là một trong những "phương thuốc tích cực nhất để giải nọc độc vọng ngoại, giải Hán hóa"[6]. Có thể nói, thời thịnh Trần để lại những mốc son chói lọi, không chỉ vì những chiến công hiển hách mà vì nền văn hóa chính trị nhân văn, dựa vào con người, vì con người, hợp lòng người. Tư tưởng thân dân đã thành cơ sở của đường lối trị nước thời thịnh Trần.

II - Trần Quốc Tuấn và tư tưởng "Lòng dân không chia, cả nước góp sức đánh giặc" – nền tảng của chiến tranh nhân dân

Nước ta đất không rộng, người không đông, tiềm lực hạn chế, lại luôn phải đối phó với sự xâm lăng của các quốc gia lớn mạnh hơn mình gấp bội. Muốn đứng vững, tồn tại và phát triển với tư cách là một nước độc lập, tự chủ, không bị đồng hóa, không bị thôn tính và biến thành nước chư hầu của phong kiến phương Bắc, cộng đồng người Đại Việt phải đoàn kết chặt chẽ, lựa chọn kế sách, tìm ra nghệ thuật giành thắng lợi trước ngoại xâm.

Vào thế kỷ XIII, trong 30 năm (1258 - 1288), Đại Việt ba lần đại thắng quân Nguyên Mông. Vì sao và bằng cách nào, nước Đại Việt nhỏ bé, quân ít, dân không đông, tiềm lực có hạn lại đánh thắng một đội quân xâm lược khổng lồ, hùng mạnh,

[5] *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.II, tr. 5.

[6] Trần Quốc Vượng: *Văn minh Việt Nam thế kỷ X-XV*, *Tạp chí đd,* tr.4 – 10.

tàn bạo nhất trong lịch sử, có trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh đầy đủ và đã từng chinh phục các nước rộng lớn chạy dài suốt từ châu Á sang châu Âu? Vì sao, vẫn đội quân xâm lược ấy, phải đau đớn thua trận tới ba lần?

Bước đầu, câu trả lời có thể là: Thực tiễn ba lần đại thắng quân Nguyên Mông là một điển hình cho sự vận dụng sáng tạo, hiệu quả *tư tưởng chiến tranh nhân dân vệ quốc của nhà Trần, mà chung đúc tiêu biểu ở vị Tổng Tư lệnh quân đội Trần Quốc Tuấn.*

Muốn nên việc lớn, phải cẩn thận từ việc nhỏ. Ông là người thông hiểu lẽ đời, như đã trình bày, Ông *chú ý cả từ những việc nhỏ thường ngày để tránh sự hiềm nghi, yên lòng quan trước hết trong hoàng tộc, tới yên lòng Dân, đoàn kết tất cả mọi người, mọi dân tộc vì nghĩa lớn đất nước, để đánh giặc ngoại xâm.* Ông viết: "Nếu giặc đến chậm như cách tằm ăn, không cần của dân, không cần được chóng, thì phải chọn dùng người giỏi, xem xét quyền biến như đánh cờ vậy, tùy thời mà làm, có thu được quân lính một lòng như cha con thì mới dùng được, và khoan thư sức Dân để kế sâu gốc bền rễ. Đó là thượng sách để giữ nước"[(7)]. *Đó chính là tư tưởng Nhân dân.*

Trong Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn cho rằng, người tướng phải xứng đáng là một "trung thần nghĩa sĩ", "dĩ thân tuẫn quốc". Người tướng mà ông yêu cầu phải có lòng trung, công minh, chính trực, phải có lòng "phụ tử" với binh sĩ. Và, do đó, nhà cầm quân tài ba Trần Quốc Tuấn có thể huy động được sức mạnh của tướng sỹ, muôn Dân với khí thế Sát Thát, rực rỡ hào khí Đông A và tinh thần Đại Việt vô địch. Hội nghị Diên Hồng được coi là một trong những *biểu tượng ngời sáng của chú nghĩa yêu nước, ý chí và khát vọng độc lập, tinh thần đoàn kết dân tộc, tạo nên nét độc đáo trong tư tưởng thân Dân*.

Trong chiến tranh giữ nước, một mặt ta phải tuân theo *những quy luật chung* của chiến tranh, nhưng mặt khác, ta cũng phải có *quan điểm riêng* về cách ứng xử, cách đánh phù hợp với điều kiện của mình để chiến thắng quân xâm lược lớn mạnh. Nước ta nhỏ, nước địch lớn; quân ta ít, quân xâm lược đông, Trần Quốc Tuấn chính là người đã kết hợp hài hoà và nhuần nhuyễn các yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa (tam tài). Giặc Nguyên xâm lược Đại Việt không phải một lần mà tới ba lần, chúng ta phải có mưu lược và nghệ thuật quân sự tài giỏi và Trần Quốc tuấn thu phục nhân tâm bằng chính sách khoan thư sức dân, làm nền tảng để xây

[(7)] *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.II, tr. 79.

dựng khối đại đoàn kết dân tộc, khi có chiến tranh sẽ huy động được toàn bộ sức người, sức của, sức mạnh của khối đại đoàn kết đó để chiến thắng kẻ thù.

Với chính sách *lòng dân không chia, cả nước góp sức chống giặc* của Trần Quốc Tuấn đã tạo *nền móng xây dựng quân đội thường trực và các đội dân binh, nhiều tầng, nhiều lớp để sẵn sàng ứng phó có hiệu quả, chống lại kẻ thù hùng mạnh*. Tư tưởng đánh giặc sáng tạo của Trần Quốc Tuấn bắt nguồn sâu xa từ lịch sử, từ điều kiện khách quan của đất nước, từ kế sách dựng nước và giữ nước của Nhà nước Đại Việt đương thời và dựa trên *sức mạnh cố kết của dân tộc*. Cả nước nhất tề đứng dậy theo hiệu triệu của triều đình: Tất cả các quận huyện trong nước nếu có giặc ngoài đến phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng.

Trần Quốc Tuấn chủ trương xây dựng quân đội: "Cần tinh chứ không cần nhiều, dù như Bồ Kiên có trăm vạn quân mà có làm được gì đâu". Khi đề xuất chiến lược Lấy đoản chế trường cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông, ông đã để ý nghiên cứu rất kỹ các trận đánh trong lịch sử Trung Quốc mà đội quân nhỏ thắng đội quân lớn để có thể áp dụng vào điều kiện cụ thể ở nước ta. Ví như trận Phì Thủy, một trăm vạn quân của Bồ Kiên đã bị quân đội nước Tấn nhỏ hơn đánh cho tan tác. Các lực lượng quân đội, vũ trang được xây dựng nhanh chóng từ con em của các nông hộ, lực lượng gia nô và dân binh của các đồng bào dân tộc miền núi. Ở kinh thành, người dân tự nguyện đốt nhà cửa của mình, thực hiện kế "thanh dã", đào hào dựng lũy lập làng chiến đấu" ". Trong cuộc kháng chiến hào hùng ấy, mỗi người Dân đã trở thành một chiến sĩ đóng góp sức mình cùng triều đình chống giặc. Lịch sử dân tộc còn ghi lại hình ảnh bà hàng nước ở bến đò Rừng đã chỉ cho Trần Quốc Tuấn biết con nước sông Bạch Đằng để bố trí trận mai phục... Từ trong Nhân dân, những người tài giỏi xuất chúng đều được tiến cử cầm quân đánh giặc, như Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão... Chúng chí thành thành!

Trần Quốc Tuấn *đặc biệt quan tâm tới sức mạnh tinh thần của quân dân, tướng sỹ.* Tinh thần đó là một trong những yếu tố cơ bản bảo đảm thắng lợi của cuộc chiến. Nên trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ ba, ông đã dự đoán được sự thất bại không thể tránh khỏi của kẻ thù. Trần Quốc Tuấn đã nói với vua Trần Anh Tông rằng: "Quân Nguyên, nếu nó lại sang thì quân ta đã quen việc đánh dẹp, mà quân họ thì ngại về đi xa; vả lại họ đã cạch về sự thất bại của Hằng Quán, không có lòng chiến đấu nữa. Cứ ý thần xem thì ta đánh tất được".

Nhất quán với *tư tưởng chính trị lòng dân không chia, cả nước góp sức,* Trần Quốc Tuấn đã tạo ra một thế trận khiến cho giặc Nguyên Mông bị đánh khắp

nơi, cả phía trước lẫn phía sau. Đó chính là sự phối hợp tác chiến giữa những trận tập kích mạnh mẽ của đội quân chủ lực nhà Trần với những trận đánh du kích lẻ tẻ của các đội dân binh của Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền ở miền xuôi và của Hà Đặc, Hà Chương, Nguyễn Địa Lô, Nguyễn Lĩnh… ở miền núi. Sự gần gũi trên đã tạo nên mối quan hệ "hòa mục", đoàn kết giữa vua quan và nhân dân, giữa tướng lĩnh và binh lính, được nhân dân hết lòng ủng hộ, giúp sức. Tư tưởng tiến bộ này được sử gia Phan Huy Chú đánh giá rất cao: "Thời Trần dùng người thật công bằng... Việc kén dùng chỉ cần tài là được... chỉ cần người dùng được, chứ không câu nệ đường xuất thân"[(8)]. Thế trận trùng trùng điệp điệp được giăng khắp, làm cho kẻ thù khiếp sợ, mất phương hướng và thất bại đến với chúng là không tránh khỏi.

Trong lúc vận mệnh đất nước hiểm nguy, dưới sự lãnh đạo của vua tôi nhà Trần, mỗi người dân Đại Việt đã đóng góp công sức vào việc giữ vừng nền độc lập của đất nước. Tư tưởng dựa vào Dân để đánh giặc đã trở thành *nền tảng cho một cuộc chiến tranh nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc.* Nhờ vậy, một nước Đại Việt, đất không rộng, người không đông nhưng đã ba lần đánh tan đội quân Nguyên Mông xâm lược, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của đất nước. Và, sau này, Nhà Bác học Lê Quý Đôn nhận xét: "Nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi mà không bó buộc, hòa nhã mà có lễ độ, cho nên nhân vật trong một thời có khí tự lập, hào hiệp cao siêu, vững vàng vượt qua thói thường, làm rạng rõ trong sử sách, trên không hổ với trời, dưới không thẹn với đất. Ôi như thế, người đời sau còn có thể theo kịp thế nào được"[(9)]. Và, Sử gia Ngô Sĩ Liên cho rằng: "May mà vua tôi cùng lo, quân dân chung sức, cuối cùng diệt trừ được giặc Bắc và hoàn thành võ công đại định"[(10)].

Năm 1300, Trần Quốc Tuấn ốm nặng, vua Trần tới thăm và hỏi ông về kế sách giữ nước. Trần Quốc Tuấn đúc kết kinh nghiệm trong suốt cuộc đời đánh giặc giữ nước của mình một cách súc tích: "Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng được người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được

[(8)] Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 98).

[(9)] *Lê Quý Đôn toàn tập: Kiến văn tiểu lục,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, t.II, tr. 258 -259.

[(10)] Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, quyển V, tr. 28.

quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy"[11].

Một trong những yếu tố then chốt cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước là đoàn kết dân tộc trên cơ sở "hòa mục". Muốn vậy, trong thời bình, lực lượng cầm quyền phải giảm nhẹ sức đóng góp cho Nhân dân, chăm lo đời sống của Nhân dân. Chỉ khi lo liệu cho Nhân dân an cư lạc nghiệp, sống no ấm trong thời bình thì trong thời chiến nhà nước mới có thể đứng vững như cây có rễ sâu, dựa vào sức dân để mà tổ chức cuộc chiến tranh cứu nước thắng lợi. Một nhà nước mà được sự ủng hộ hết lòng của Nhân dân thì không kẻ thù nào đánh bại được.

Hơn nữa, tư tưởng "lấy dân làm gốc" của Trần Quốc Tuấn: Dựa vào dân để xây nghiệp dài lâu. *Đây là đạo lý giữ nước, giữ chế độ ngàn đời nay* không chỉ của riêng dân tộc Việt Nam mà của tất cả các dân tộc trên thế giới. Bởi vì có dân là có tất cả, mà mất lòng dân thì sẽ mất tất cả vậy. Và, tài nghệ quân sự tuyệt vời của Trần Quốc Tuấn trên nền tảng tư tưởng làm nên hình thái chiến tranh nhân dân đã *góp phần quyết định* trong công cuộc đại phá Nguyên của quân dân Đại Việt ở thế kỷ XIII, đặt nền *móng xây dựng và phát triển khoa học quân sự Việt Nam.*

Tư tưởng đó là sự chiêm nghiệm về lịch sử thăng trầm hàng ngàn năm của dân tộc ta, trực tiếp là ba lần kháng chiến chống tên đế quốc hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. Đây cũng được coi là *bài học lịch sử không chỉ có ý nghĩa đương thời, mà còn để lại cho hậu thế.*

*

* *

Chính vì tài nghệ và những công lao to lớn đó mà Trần Quốc Tuấn được các học giả quân sự nổi tiếng thế giới xếp vào danh sách những nhà quân sự tài ba của thế giới cùng với Nguyễn Huệ - Quang Trung và Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Và, đánh giá về Ông, ngay cả người ngoại quốc cũng viết:

"Địa chuyển ngã Việt chủng cư Bắc phương, Âu châu cảnh nội vô Mông kỵ tung hoành thiên vạn lý/ Thiên sinh thử lương tài ư Tống thất, Trung Quốc sử tiền miễn Nguyên triều đô hộ nhất bách thiên".

---

[11] *Đại Việt sử ký toàn thư* , *Sđd,* tập II, tr. 76 -77.

(Nghĩa là: Đất mà hoán chuyển cho người Việt lên ở phương Bắc, thì ngựa Mông Cổ không thể nào tung hoành ngàn vạn dặm đất Châu Âu - Trời mà sinh đấng lương tài này (tức Trần Hưng Đạo – N.L) trên đất Tống thì lịch sử Trung Quốc không có chuyện bị Nguyên triều cai trị 100 năm).

Thiển nghĩ, lời ca ngợi như thế là tột đỉnh của sự ca ngợi.

Nhưng, ở đây, không phải của người đương thời mà là của những người hậu thế. Và, những lời ấy là của ngay chính người Trung Hoa vậy.

Thay cho lời gói lại bản tham luận, chỉ xin đề một câu: Ông ôm chứa một tấm lòng son thân Dân, hòa trong Nhân dân, tư tưởng ấy muôn đời xán lạn chiếu sử xanh!

25-10-2022

VỀ MỘT SỐ THẦN ĐỒNG NỔI TIẾNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

TS. LÊ QUANG CHẮN
Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Trong lịch sử Việt Nam thời quân chủ, "nước lấy người làm gốc. Trong đó nhân phẩm có cao thấp không giống nhau. Trên có vua, quan sửa sang chỉnh đốn việc nước, dưới có các sĩ phu, kẻ xuất người xử. Người hiền hay không có khác nhau, thì nước trị hay loạn do đó mà có khác. Cho nên bàn đến việc đời, phải phân biệt nhân tài"[154]. Ở nước ta, "phong khí đã mở mang, khí tinh hoa đều họp lại. Trong khoảng đó, vua hiền chúa sáng kế tiếp nổi lên, danh khanh lương tá thường xuất hiện ra. Các danh tài tuấn kiệt đời đời đều có, hoặc có người được ghi công vào đỉnh vạc, hoặc có người lập công với lưỡi búa cờ mao, có người nổi tiếng ở làng văn, có người tỏ khí tiết trong lúc cùng, đều là những người có nhiều tài năng đáng chép, có công nghiệp danh vọng đáng khen, mà trên dưới một nghìn năm xuất hiện lũ lượt"[155].

Căn cứ ghi chép trong các tài liệu thư tịch, bài tham luận này sẽ tập trung giới thiệu khái quát một số thần đồng nổi tiếng của Việt Nam, từ đó nêu ra những nhận xét, đánh giá về vấn đề này trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát huy "thần đồng" thời nay.

1. Bảng nhãn Lê Văn Hưu (1230-1322)

Lê Văn Hưu, người làng Phủ Lý huyện Đông Sơn (nay thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa). Ngay từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng là thần đồng (theo bản *Lê thị gia phả* ở làng Kẻ Rỵ). Từ xưa đến nay, nhân dân nơi đây và trong vùng vẫn lưu truyền nhiều giai thoại gắn với Lê Văn Hưu là người "khôi ngô, tuấn tú, tư chất thông minh", "thông minh, nhanh nhẹn", "học một biết mười", "khả năng đối ứng mau lẹ, trí tuệ phi thường", "thần đồng Hưu"...

Với tài năng vượt trội của mình, khi 18 tuổi, ông đã đỗ Bảng nhãn (vị trí thứ hai trong Tam khôi) khoa thi Thái học sinh (tương đương Tiến sĩ) năm Đinh Mùi, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (1247) đời vua Trần Thái Tông. Sau

---

154 Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 219.

155 Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 219.

khi đỗ đại khoa, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng, như: Kiểm pháp quan (chức quan trông coi việc hình luật), Hàn lâm viện Học sĩ kiêm Quốc sử viện Giám tu, Binh bộ Thượng thư, tước Nhân Uyên hầu.

Tên tuổi và sự nghiệp của ông gắn bó mật thiết với bộ *Đại Việt sử ký - bộ Quốc sử đầu tiên của nhà nước quân chủ Việt Nam,* đúng như nhận xét của cố GS. Phan Huy Lê: "Trong lịch sử phát triển của nền sử học Việt Nam, *Đại Việt sử ký* giữ vị trí *Bộ quốc sử đầu tiên"*[156] và vì thế ông cũng được coi là *Tổ nghề Sử Việt Nam*[157]. Năm 2022, nhân kỷ niệm 700 năm mất của ông, tại Hội thảo khoa học cấp quốc gia *Lê Văn Hưu và bộ Đại Việt sử ký,* UBND tỉnh Thanh Hóa đã có chủ trương xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị Tổ chức Khoa học, Giáo dục và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) vinh danh Lê Văn Hưu là Danh nhân văn hóa thế giới, xứng đáng với tài năng và đóng góp của ông đối với lịch sử Việt Nam thời Trần nói chung, đối với giới sử học nước ta nói riêng.

2. Trạng nguyên Nguyễn Hiền (1234-1256)

Nguyễn Hiền, người xã Dương A, huyện Thượng Hiền (nay thuộc thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, Nam Định). Ông không chỉ là vị Trạng nguyên trẻ tuổi nhất trong lịch sử giáo dục và khoa cử Nho học thời quân chủ của nước ta[158], mà còn nổi tiếng là thần đồng.

Tương truyền, khi mới 10 tuổi, ông tham gia học với thầy đồ ở chùa. Khi thầy viết được 10 trang giấy, ông liền đọc và thuộc ngay. Năm 11 tuổi, tiếng tăm của ông đã nổi danh ở kinh đô Thăng Long và được mệnh danh là thần đồng. Bấy giờ có một người họ Đặng tự thấy mình đã đọc hết các sách, nghe tiếng tăm của ông nên muốn đến thử tài văn bút, liền tìm đến nhà, dùng đầu đề theo bài phú "Phượng hoàng sào a, kì lân du úc" để ra hạn đề về số câu, mỗi câu đều có tiếng chỉ về một loài cầm thú. Ông đã ứng khẩu đáp rằng: *Phi long kiên chiểu/Mã bất xuất hà /Ý bỉ Hữu Hùng chi thế/ Ấp vu Duyên Lộc chi a* (nghĩa là: *Rồng không bay lên nơi ao, hồ/Ngựa không từ sông phi ra/ Đẹp thay đời có họ Hữu Hùng/Làm nhà*

---

[156] Phan Huy Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư: tác giả, văn bản, tác phẩm,* trong *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, Sđd, tập 1, tr.19.

[157] Chữ dùng của cố GS Trần Quốc Vượng trên bài viết "Xứ Thanh: Vài nét về lịch sử - văn hóa", trong: *Việt Nam: Cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật xuất bản, 1998, tr.278.

[158] Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* (tập 2, Sđd) có chép: "Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 [1247], thi đại tỷ, lấy đỗ 48 người (mới đặt Tam khôi). Trạng nguyên: Nguyễn Hiền (khi đỗ mới 13 tuổi, người xã Dương A, huyện Thượng Hiền)".

ở nơi Duyên Lộc). Người họ Đặng hết sức thán phục và tấm tắc khen "Thiên tài! Thiên tài!".

Năm Đinh Mùi (1247), khi triều đình mở khoa thi kén chọn nhân tài, ông tham dự và đỗ Trạng nguyên. Nhận thấy tuổi trẻ tài cao, phong thái đĩnh đạc, ứng đối trôi chảy, vua Trần Thái Tông rất ngạc nhiên, hỏi vị tân khoa: *Trạng nguyên học ở đâu?* Ông tâu rằng: *Thần xin tâu bệ hạ, thần chỉ học thần… và thỉnh thoảng có hỏi sư ông ở chùa làng thêm đôi ba chữ*. Tài năng của ông còn được thể hiện rõ ràng trong việc tiếp đón sứ thần nhà Nguyên, khi chúng ra một vế đối: Lưỡng Nhật bình đầu Nhật/Tứ Sơn điên đảo Sơn/Nhị vương tranh nhất quốc/Tứ khẩu tung hoành gian. Ông liền trả lời ngay: *Đó là chữ Điền vậy*. Viên sứ thần nhà Nguyên rất thán phục.

Cuộc đời tài hoa nhưng ông lại mất sớm (thọ 21 tuổi). Hiện nay, tại đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Hiền ở làng Dương A còn lưu giữ nhiều tài liệu, hiện vật, trong đó có đôi câu đối: *Thập nhị tuế khôi khai lưỡng quốc, Vạn niên thiên tuế lập tam tài* (nghĩa là: *Mười hai tuổi khai khoa hai nước, Nghìn năm ghi mãi chữ tam tài*). Cảm mến và ghi nhận tài năng của Trạng nguyên Nguyễn Hiền, huyện Thượng Hiền được đổi tên thành huyện Thượng Nguyên để tránh phạm đến tên húy tên ông.

3. Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370)

Nguyễn Trung Ngạn, người làng Thổ Hoàng huyện Thiên Thi (nay là thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, Hưng Yên). Ngay từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, hay chữ, được người đương thời tôn xưng là thần đồng. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* khi chép về khoa thi năm Giáp Thìn (1304), Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên, Bùi Mộ đỗ Bảng nhãn, ông đỗ Hoàng giáp và được đánh giá "(Nguyễn) Trung Ngạn mới 16 tuổi, đương thời gọi là thần đồng"[159].

Dù đỗ cao nhưng ông không ra làm quan. Vua Trần Anh Tông phải làm bài thơ *Chiêu ẩn,* vài năm sau mới xuất chính, từ đó về sau trải nhiều chức nhiệm quan trọng như Gián quan, Thông phán châu Viêm Lãng, An phủ sứ Thanh Hóa, Đại doãn Kinh sư, Tri thẩm hình viện sự, Quốc sử viện Giám tu quốc sử, Nhập nội đại hành khiển, tước Thân Quốc công… Thông qua ghi chép về sự kiện đón tiếp sứ nhà Nguyên vào năm Giáp Tý (1324), khi "Mã Hợp Mưu, Dương Tông Thụy sang báo tin lên ngôi và trao cho 1 quyển lịch. Bọn Mưu đi ngựa đến tận đường ở cầu Tây Thấu Trì không xuống. Những người biết tiếng Hán, vâng lệnh tiếp chuyện,

[159] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 88.

từ giờ Thìn đến giờ Ngọ, khí giận càng tăng. Vua sai Thị ngự sử Nguyễn Trung Ngạn ra đón. Trung Ngạn lấy lẽ bẻ lại, Hợp Mưu đuối lý, phải xuống ngựa bưng chiếu đi bộ. Vua rất hài lòng"[160] đã khẳng định tài năng uyên bác của ông.

Ông cũng nổi tiếng là người có bản tính cương trực, luôn muốn khẳng định bản thân. Bài thơ sau đây đã nói lên điều đó: *Giới Hiên tiên sinh lang miếu khí, Diệu kinh dĩ hữu thốn ngưu chí, Niên phương thập nhị thái học sinh, Tài đăng thập lục sung đình thí, Nhị thập hựu tứ nhập gián quan, Nhị thập hựu lục Yên kinh sứ* (nghĩa là: *Giới Hiên tiên sinh tài lang miếu, Có chí nuốt trâu từ niên thiếu, Tuổi mới mười hai thái học sinh, Vừa đến mười sáu dự thi đình, Hai mươi bốn tuổi làm quan gián, Hai mươi sáu tuổi sứ Yên Kinh*).

Công lao và sự trạng của ông được đánh giá rất cao, người "giữ chức trọng yếu, bảo toàn được tiếng tốt" và là một trong mười "Người phò tá có công lao tài đức" thời Trần, nhất là thơ ca của ông "hùng hồn mạnh mẽ, sở đắc nhiều phong cách thơ của Đỗ Thiếu Lăng (tức Đỗ Phủ đời Đường)".

4. Trạng Lường Lương Thế Vinh (1441-1497)

Lương Thế Vinh, người làng Cao Hương huyện Thiên Bản (nay thuộc xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, Nam Định). Ngay từ lúc 6 tuổi, ông đã là người tinh thông chữ nghĩa, "đã từng có tiếng khen là thần đồng"[161].

Khoa thi Quý Mùi (1463), ông đỗ Trạng nguyên (khi mới 22 tuổi), vào thi ứng chế (trực tiếp do vua Lê Thánh Tông ra đề và chấm đỗ), tên của ông cũng đứng đầu tiên. Việc đỗ đại khoa của ông cũng gắn với giấc mơ của Hoàng Thái hậu Quang Thục Ngô Thị Ngọc Dao, khi bà "có mộng thấy đến chỗ Thượng đế, Thượng đế cho một tiên đồng làm con nối và một tiên đồng giúp việc. Tỉnh dậy có mang, sinh ra Thánh Tông. Đến khoa ấy lấy ông đỗ, Thái hậu ngắm hình dáng, đúng như đồng tử thấy ở trong mộng, trong bụng lấy làm lạ, có bảo với vua, vua cũng cho việc ấy là lạ. Vả vua thích văn chương ông, mới cho ông luôn luôn gần mình giúp về thư từ"[162].

Sau khi thi đỗ đại khoa, ông từng giữ nhiều chức nhiệm, như Công khoa Cấp sự trung, Hàn lâm viện Trực học sĩ, Hàn lâm viện Chưởng viện sự, kiêm quản cả Sùng văn quán và Tú lâm cục… Tài năng của ông không chỉ gắn với công trình *Đại thành toán pháp* (nhất là khả năng tính toán và đo lường, cho nên dân gian

---

[160] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập 2, *Sđd*, tr. 109.

[161] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 285.

[162] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 285.

thường gọi ông là Trạng Lường), mà còn nổi danh với nước lân bang, vì "phàm việc từ bồi giao thiệp với nước ngoài, ông đều vâng mệnh nghĩ soạn, tiếng sang đến Trung Quốc, người Minh khen là nước ta có người giỏi"[163].

5. Tiến sĩ Đàm Văn Lễ (1452-1505)

Đàm Văn Lễ, người xã Lãm Sơn huyện Quế Dương (nay thuộc huyện Quế Võ, Bắc Ninh), "lúc bé ông đã nổi tiếng thần đồng, thi Hương đỗ Giải nguyên; năm 18 tuổi, mới đi một lần đã đỗ Đồng tiến sĩ khoa Kỷ Sửu năm Quang Thuận thứ 10 (1469)"[164].

Sau khi đỗ, ông từng giữ các chức Hàn lâm viện Hiệu lý, Hàn lâm viện Thị thư, Đông các Hiệu thư, Phó đô Ngự sử, Tả xuân phường Hữu dụ đức, Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ… Ông có hai lần đi sứ nhà Minh (năm 1488 và 1500), hai lần được tín nhiệm để soạn văn bia là bia Chiêu Lăng (ca ngợi vua Lê Thánh Tông) và bia Kính Lăng (viết về vua Lê Túc Tông), đặc biệt ông là người trực tiếp tham gia "biên tập chính sự Quốc triều (triều Lê) gồm 100 cuốn (ghi chép đủ các chế độ, luật lệ, điều lệ, cáo sắc của cả một thời), khi biên tập xong, đề nhan sách là *Thiên Nam dư hạ tập*, nhà vua thân đề tựa"[165].

Vì liên quan đến sự biến cùng lập tờ di chiếu đưa Lê Túc Tông lên ngôi, không ủng hộ Lê Tuấn, cho nên sau khi lên nối ngôi (tức vua Lê Uy Mục), ông bị giáng chức, điều đi Quảng Nam, rồi cho người bức cùng tử tận, ông đã gieo mình xuống xông tự vẫn. Sau này vua Lê Tương Dực đã xem xét, truy phong và tế ông để nêu tiết nghĩa.

6. Bảng nhãn Lương Đắc Bằng (1472-1522)

Lương Đắc Bằng, người làng Hội Trào huyện Hoằng Hóa (nay thuộc xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hóa, Thanh Hóa), "lúc bé đã có tiếng là thần đồng. Năm 28 tuổi, đỗ Hội nguyên khoa Kỷ Mùi năm Cảnh Thống thứ 2 (1499) đời Hiến Tông, rồi thi Đình đỗ Nhất giáp tiến sĩ tên thứ hai; khi ứng chế được thưởng thứ nhất"[166]. Ông là cha của Lương Hữu Khánh, một "danh thần đời Trung hưng, quan đến Binh bộ Thượng thư, tước Đạt Quốc công" và là ông của Lương Khiêm Hanh, "lúc bé có tiếng thần đồng, đỗ Hoàng giáp khoa Mậu Tuất niên hiệu Quang Hưng (1598), làm quan đến Cấp sự Lễ khoa"[167].

[163] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 285.

[164] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 291.

[165] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục,* tập 1, Sđd, tr.1122.

[166] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 301.

[167] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 313.

Ông đã từng trải nhiều chức nhiệm như Hàn lâm viện Thị độc, Lễ bộ Tả thị lang, Lại bộ Tả thị lang, Đông các Đại học sĩ, hầu giảng ở Kinh diên. Sự nghiệp chính trị của ông nổi bật nhất là dâng biểu *Sách trị bình 14 bước* lên vua Lê Tương Dực để xem xét, từ đó "xin lựa chọn mà thi hành, răn những điều đáng răn, lo những điều đáng lo, may ra đạo trời có thể thuận, đạo đất có thể yên, đạo người có thể ổn, có thể đạt đến thái bình"[168]. Mặc dù được vua khen ngợi và nhận lời, song có thi hành hay không, sử sách không cho biết, tuy nhiên có thể coi đó là tâm huyết và cũng là trọng trách của bề tôi, vì "mỗi khi thần nghĩ đến thời thế, đến nghĩa vụ thì suốt đêm không ngủ, ngày đến bữa không ăn, lòng báo đáp không sao bỏ qua được".

8. Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585)

Nguyễn Bỉnh Khiêm, người làng Trung Am huyện Vĩnh Lại (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng). Khi mới "sinh ra mặt mũi tinh anh, khôi vĩ, đầy một năm đã biết nói. Năm ông lên bốn, mẹ đem những câu chính văn trong Kinh Truyện ra dạy. Ông miệng đọc thuộc làu ngay"[169].

Khi nhà Mạc lên ngôi, "các thân thích bạn bè đều khuyên ông ra làm quan… Năm 44 tuổi, ông mới đi thi và đỗ đầu kỳ thi Hương. Mùa xuân Ất Mùi năm Đại Chính thứ 6 (1535), ông đến thi ở tỉnh, cả bốn trường đều đỗ đầu, vào thi Đình đỗ Trạng nguyên cập đệ"[170], sau làm quan trải các chức Lại bộ Tả thị lang, Đông các Đại học sĩ, Lại bộ Thượng thư, Thái phó, tước Trình Quốc công (nên dân gian thường gọi với tên thân mật là Trạng Trình).

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Bỉnh Khiêm gắn bó mật thiết với nhiều lời "sấm truyền" rất ứng nghiệm, như câu "sau này nếu có biến cố thì đất Cao Bằng dẫu nhỏ cũng có thể hưởng phúc lâu được vài đời" để chỉ về nhà Mạc có thể kéo dài thêm 70 năm ở đất này, hay câu "thờ Phật thì được ăn oản" ý chỉ nói việc họ Trịnh cứ tôn nhà Lê thì sẽ được hưởng lộc dài lâu, hoặc câu "Một dải Hoành Sơn đủ để nương thân"[171] để nói về việc Nguyễn Hoàng vào trấn thủ trấn Thuận Quảng…

Tài năng, phẩm hạnh của ông được vua Mạc rất kính nể, tôn như bậc thầy. Sứ thần nhà Thanh là Chu Xán cũng khen ngợi, "người Lĩnh Nam, biết lý học chỉ

---

[168] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập 3, *Sđd*, tr. 55.

[169] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 447.

[170] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 448.

[171] Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (tập 1, Sđd, tr. 147) có lời chú rằng: "Giữa thế kỷ thứ XVI, Nguyễn Bỉnh Khiêm (Trạng Trình) bảo Nguyễn Hoàng: "Hoành Sơn thất đái, khả dĩ vạn đại dung thân" (một dải Hoành Sơn, có thể dung thân được muôn đời)".

có ông Trình Tuyền (hầu). Đủ thấy người Nam, người Trung Quốc ngưỡng mộ ông như vậy"[172]. Bản thân Phan Huy Chú cũng khẳng định, "về thời Mạc, có Nguyễn Bỉnh Khiêm ở làng Trung Am, đỗ Trạng nguyên, có tài giỏi lưu tiếng nghìn đời"[173].

9. Trạng nguyên Nguyễn Kỳ (1518-?)

Nguyễn Kỳ, người xã Bình Dân huyện Đông Yên (nay thuộc thôn Bình Dân, xã Tân dân, huyện Khoái Châu, Hưng Yên). Ông là người đỗ đạt cao nhất của xã Bình Dân và của huyện Đông Yên khi đó, đồng thời là một trong 8 vị Trạng nguyên của tỉnh Hưng Yên ngày nay.

Tương truyền, khi ông mới lên 3 tuổi, được cha mẹ đem gửi vào nhà chùa xin làm con nuôi. Năm lên 4 tuổi, ông chỉ nghe nhà sư tụng kinh, đã thuộc nhiều kinh Phật. Các nhà sư và du khách đến vãn cảnh chùa đều gọi là thần đồng trong vùng. Sau đó, ông được nhà chùa sáng cho đến trường học, chiều trở về nhưng vẫn phải làm mọi việc trong chùa, còn tối đến, ông chăm chỉ học hành nhờ vào ánh sáng các ngọn nến từ điện thờ Phật hắt ra.

Năm Tân Sửu (1541), "họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Kỳ, Phạm Công Sâm, Nguyễn Thế Lộc đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Ngô Quang 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Nguyên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân"[174]. Sử gia Phan Huy Chú cho biết thêm thông tin về khoa thi niên hiệu Quảng Hòa thứ nhất (1541), Nguyễn Kỳ là người đỗ đầu kỳ thi Đình (Đình nguyên) và được vua Mạc Phúc Hải chọn là người đỗ đầu Đệ nhất giáp (Trạng nguyên). Sau khi đỗ, ông làm quan đến chức Hàn lâm viện Thị thư.

Tên tuổi của Trạng nguyên Nguyễn Kỳ hiện nay vẫn được lưu danh bia đá tại Văn chỉ Bình Dân (huyện Khoái Châu), Văn miếu Xích Đằng (tỉnh Hưng Yên) và Văn miếu Quốc Tử Giám Thăng Long (Hà Nội).

10. Thám hoa Nguyễn Minh Triết (1578-1673)

Nguyễn Minh Triết, người làng Dược Sơn huyện Chí Linh (nay là thôn Lạc Sơn, phường An Lạc, thành phố Chí Linh, Hải Dương). Ngay từ thuở nhỏ, "ông nổi tiếng là ngang với thần đồng làng Hoạch Trạch[175], văn học giỏi"[176].

---

[172] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 451.

[173] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 145.

[174] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư,* tập 3, *Sđd*, tr. 122.

[175] Đó là Nhữ Đình Toản ở làng Hoạch Trạch, "lúc trẻ đã thông minh, việc học hỏi sẵn nếp nhà", sau đó được người "thời bấy giờ khen là danh thần".

[176] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 458.

Ông là một tấm gương học tập không ngừng cho sĩ tử thời bấy giờ, dù tương truyền khi ông đến cầu mộng ở chùa Hương Hải, được thần nhân báo mộng "có học đến già cũng không đỗ", nhưng ông vẫn quyết chí theo gương của Hàn Dũ khi xưa "càng không đỗ càng học". Kết quả là, tuy đỗ đạt muộn (khi đã 54 tuổi) nhưng mức đỗ của ông lại cao (Thám hoa) và đỗ đầu tất cả các kỳ thi từ thi Hội, thi Đình đến thi Ứng chế. Cảm phục tài năng, nghị lực của ông, trực tiếp vua Lê Thần Tông đã ngự bút đổi tên thành Nguyễn Thọ Xuân.

Nguyễn Minh Triết "là người văn hay học rộng, được thời ấy suy tôn. Nhưng, thi đỗ muộn, tiến lên cõi thọ gần trăm tuổi, cũng là việc ít thấy ở đời. Truy tặng Hộ bộ Thượng thư, tên thụy là Văn Đẩu"[177].

11. Bảng nhãn Lê Quý Đôn (1726-1784)

Lê Quý Đôn, người xã Duyên Hà huyện Duyên Hà (nay thuộc xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).

Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng là thần đồng ham học, thông minh và có trí nhớ siêu đẳng, cho nên người đương thời truyền tụng: *Thiên hạ vô tri vấn Bảng Đôn* (nghĩa là: Thiên hạ có điều gì không biết thì cứ đến hỏi Bảng Đôn), bởi vì ông là *Túi khôn của thời đại,* là nhà bác học lớn của nước ta thời quân chủ. Với tài trí của mình, ông đã đỗ Giải nguyên (đỗ đầu kỳ thi Hương), Hội nguyên (đỗ đầu kỳ thi Hội) và Bảng nhãn (vì khoa thi này không lấy Trạng nguyên nên ông là người đứng đầu). Sử gia Phan Huy Chú từng đánh giá: "Năm lên 2 tuổi đã biết hai chữ "chi, vô", thử hàng trăm lần cũng không sai. Năm lên năm tuổi ông học *Kinh Thi*, đọc được 10 dòng một lúc, chữ nào ngờ không bao giờ phải hỏi một lần nữa. Năm 12 tuổi ông học khắp kinh, truyện, các sử, các sách của bách gia chư tử, không sách nào là không thông suốt. Văn ông rộng rãi, tao nhã, sâu sắc, cầm bút là xong ngay. Năm 16 tuổi, thi một lần đỗ Giải nguyên. Năm 29 tuổi, đỗ Nhất giáp tiến sĩ, tên đứng thứ 2 khoa Nhâm Thân năm Cảnh Hưng thứ 13 (1752); từ thi Hương đến thi Đình đều đỗ thứ nhất. Vì đỗ cao ra làm quan nên nổi tiếng trong triều ngoài nội"[178].

Sau khi thi đỗ, ông được bổ dụng và giữ nhiều chức nhiệm ở trong triều ngoài trấn, như Hàn lâm viện Thừa chỉ, Bí thư các Học sĩ, Quốc sử quán Toản tu, Quốc Tử Giám Tư nghiệp, Công bộ Thượng thư... Đặc biệt, ông là người đi nhiều, nghe nhiều, biết nhiều và hiểu nhiều, cho nên các tác phẩm để lại của ông rất có giá trị tham khảo cao về lịch sử, văn hóa, cụ thể như *Đại Việt thông sử*, *Phủ biên*

[177] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 458.

[178] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 465.

tạp lục, *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn tiểu lục*…, xứng đáng là người có "tư chất khác đời, thông minh hơn người mà giữ tính nết thuần hậu, lại chăm học không biết mỏi. Tuy đỗ đạt vinh hiển, tay vẫn không rời quyển sách. Bình sinh làm sách rất nhiều. Bàn về kinh sử thì sâu sắc, rộng rãi, mà nói về điển cố thì đầy đủ rõ ràng. Cái sở trường của ông vượt hơn cả, nổi tiếng ở trên đời"[179].

Người cha của ông là Lê Trọng Thứ (1693-1783, đỗ Tiến sĩ năm Quý Mão - 1723) cũng nổi tiếng là thần đồng của xứ Sơn Nam khi đó.

12. Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm (1875-1929)

Nguyễn Văn Cẩm, người làng Trung Lập phủ Tiên Hưng (nay là xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).

Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo nhưng đã sớm nổi tiếng là thần đồng. Chỉ trong mấy hộm đọc, ông đã thuộc hết sách *Tam tự kinh,* lên 7 tuổi đã lầu thông kinh sử và các thể thơ, phú; 8 tuổi đã tham dự kỳ thi khảo hạch ở tỉnh để chọn người dự kỳ thi Hương. Các quan trong Hội đồng khảo hạch thấy ông còn quá nhỏ, liền thử tài bằng vế đối: *Bát tuế nhân xưng kỳ, kỳ phùng hữu nhật* (nghĩa là: *Tám tuổi người khen lạ, có ngày gặp chuyện lạ*). Ông liền đối lại: *Thất niên thân dĩ sĩ, sĩ chính cập thời* (nghĩa là: *Bảy tuổi đầu đã là sĩ tử đi thi*). Cảm mến tài năng của ông, quan cho người dâng sớ tâu về triều đình Huế. Vua Tự Đức xem và ban cho hai chữ Kỳ Đồng.

Tài năng của ông cũng được người Pháp rất quan tâm, muốn thu phục nhưng đều bị ông từ chối. Trong một bức thư viết bằng tiếng Pháp năm 1908 có đánh giá về ông, khi "7 tuổi đã có khả năng hiểu biết trời cho, cả nước biết tên. Người Pháp nghi kỵ, bèn đem đi an trí, cuối cùng không thể làm hại được, đành cho vào trường học. Sau 3 năm đèn sách, đã tốt nghiệp phổ thông. Khắp các kỹ thuật sở trường cốt yếu các nước, không gì không rõ".

Không dừng lại ở đó, ông cương quyết chống Pháp, cho nên chúng bắt ông và đày đi Tahiti và mất ở đó vào năm 1929.

Bên cạnh 12 nhân vật nổi tiếng là "thần đồng" nêu trên, qua các nguồn tài/tư liệu khác nhau, còn có thể kể đến những nhân vật được người đương thời ngợi ca tài giỏi, có tiếng là "thần đồng", đó là: Đặng Nghiêm, Đào Sư Tích (1350-1396); Lê Nại (1479- ?), Hoàng Bồi (1525-1592), Phó Thanh Chủ (1607-1674), Đoàn Thị Điểm (1705-1748), Nguyễn Trung Mậu (1785-1846), Phan Thúc Trực (hay Phan Dưỡng Hạo: 1808-1852), Đặng Huy Trứ (1825-1874), Vũ Phạm Hàm (1865-

[179] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 466.

1906), Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939), Nguyễn Văn Cừ (1912-1941), Hàn Mặc Tử (1912-1940), Trần Đăng Khoa (sinh năm 1958)[180]…

Qua phần trình bày ở trên, tác giả tham luận rút ra một số nhận xét sau đây :

1. Thần đồng (神 童), nguyên nghĩa là chỉ những trẻ em đặc biệt thông minh và có tài năng hơn người. Sách *Từ Hải* có giải thích, "chỉ trẻ em thông minh khác thường"[181]. Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc và đến đời nhà Hán, sử sách đã có nhiều ghi chép về những trẻ em có khả năng đặc biệt này nhưng vẫn chưa gọi là Thần đồng mà chỉ gọi là Đồng tử lang. Hai chữ Thần đồng xuất hiện lần đầu tiên ở Trung Quốc là trong sách *Nam sử* khi ghi chép về mục truyện Lưu Hiếu Xước, "ông thông minh mẫn tiệp. 7 tuổi thuộc làu thơ văn. Cậu là Vương Dung đang làm quan Trung thư lang nhà Nam Tề thường ngợi ca ông trước mặt bạn bè thân hữu và gọi ông là Thần đồng"[182]… Phan Huy Chú khi chép về Lệ trí sĩ, có đoạn "thần đồng mà nộp đơn đi thi, vừa mới đến tuổi trưởng thành đã ra ứng phó việc đời, hăng hái trên đường làm quan…" đã giải nghĩa "thần đồng là trẻ con mà học giỏi như thần"[183].

Căn cứ theo ý nghĩa đó, cứ những trẻ em nào mà học giỏi như thần, có trí nhớ siêu phàm, tài năng thiên bẩm về một hay nhiều lĩnh vực, thì đều được gọi là thần đồng. Chính vì vậy, những thần đồng phần lớn là do thiên bẩm, vốn sẵn có tư chất thông minh, tài giỏi từ khi mới sinh ra. Bản thân họ vỗn sẵn trí tài, lại được truyền thống gia đình, dòng họ hun đúc, bồi đắp thì tài năng càng rực sáng (đó là trường hợp của ba thế hệ họ Lương ở làng Hội Trào); nhiều trường hợp tài năng được thể hiện và phát huy sớm nhưng vì còn nhỏ tuổi nên cần được tiếp tục bồi dưỡng thêm trước khi bổ nhiệm hay tham gia quan trường (đó là trường hợp của Nguyễn Hiền, Nguyễn Văn Cẩm); hay cũng có cá nhân nổi danh trí tuệ từ bé nhưng con đường thi cử, làm quan lại rất lận đận, gian truân (đó là trường hợp của Nguyễn Minh Triết)… Tựu trung, những người nổi tiếng là thần đồng có một đặc điểm chung là họ thông minh, tài giỏi ngay từ khi còn nhỏ, thi đỗ cao trong các kỳ thi

---

180 Còn rất nhiều nhân vật khác nữa, ví như sách *Lịch triều tạp kỷ* của Ngô Cao Lãng chép, "ông Nguyễn Quang Thành có tiếng là thần đồng, 24 tuổi thi đỗ tiến sĩ xuất thân năm Canh Thân, Lê Chính Hoà (1680). Ông làm quan trong triều giữ chức Thiêm đô ngự sử", hay trong bài viết "Các nhà khoa bảng Bắc Ninh được mệnh danh là thần đồng", tác giả Lê Viết Nga đã thống kê về Lý Đạo Tái (1254-1334), Nguyễn Nghiêu Tư (1383- ?), Dương Như Châu (1448- ?), Nguyễn Siêu Hải (1651-1709), Quách Giai (1660-1730)…

181 *Từ Hải*, Nxb. Từ thư Thượng Hải, 1979, tr.1583.

182 Lý Đại Sư, Lý Diên Thọ, *Nam sử,* quyển 59, Trung Hoa thư cục, 1975.

183 Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 662.

(Hương, Hội, Đình, Ứng chế…), tham gia nhiều chức vụ quan trọng ở trong triều ngoài quận, có nhiều đóng góp to lớn trên các lĩnh vực chính trị, bang giao, văn hóa, giáo dục…, được sử sách ghi nhận, nhân dân kính ngưỡng, tôn thờ. Đây là truyền thống rất cần được trân trọng gìn giữ, phát huy, bởi họ trở thành những tấm gương sáng trong ý chí quyết tâm học tập, đỗ đạt thành danh và đóng góp cho quê hương, đất nước.

2. Thần đồng không chỉ là những người trẻ con nổi tiếng mà còn trở thành tên gọi của một khoa thi. Trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí,* Phan Huy Chú cho biết, "đời Tống có khoa thi Thần đồng"[184].

Phần "Tuyển cử" trong sách *Tống sử* có chép: "Phàm là trẻ em từ 15 tuổi trở xuống, có thể đọc thông kinh, biết làm thơ phú, từ các châu gửi về triều đình và được Thiên tử đích thân ra đề để chọn lựa. (Sau khi trúng tuyển) bổ nhiệm những người đó làm quan, miến cử theo cách thức thông thường". Dựa vào đoạn ghi chép này, có thể thấy rằng, khoa thi Thần đồng đời Tống có sự điều chỉnh là độ tuổi tham gia: Nếu như đời Đường, trẻ em tham gia kỳ thi này là từ 10 tuổi trở xuống[185], thì đến nay số tuổi đã tăng lên là 15. Quy trình và cách thức thực hiện cũng giống như các khoa thi thường lệ. Nhân vật nổi tiếng nhất là Thần đồng thời kỳ này, đó là Yến Thù (991-1055, người của phái Uyển Ước), khi 14 tuổi ông đỗ khoa thi Thần đồng, được ban là Tiến sĩ xuất thân, sau đó được bổ nhiệm chức quan Mật thư Chính tự.

Năm Thuần Hy thứ 8 (1181) đời vua Tống Hiếu Tông (1127-1194), khoa thi Thần đồng có sự điều chỉnh về nội dung và cách thức thi theo chiều hướng tăng độ khó cho người tham gia. Sách *Tống hội yếu tập cảo* cho biết, người dự thi ngoài việc đọc thông thạo Lục kinh, còn phải biết sáng tác văn chương, thơ phú, nếu đủ thì được xếp vào hạng Thượng đẳng, được bổ nhiệm làm quan; nếu chỉ thông kinh sách thì xếp vào hạng Trung đẳng, sau này khi tham gia khoa cử sẽ được miễn kỳ thi Hương, thi Hội; nếu chỉ đọc thông kinh thư thì xếp vào hạng Hạ đẳng, sau này tham gia khoa cử sẽ được miễn kỳ thi Hương. Nhiều nhân vật là Thần đồng của nhà Tống xuất hiện, ngoài Yến Thù, còn có Dương Ức, Sài Bá Hy, Lý Thúc, Uông Châu, Phương Trọng Vĩnh, Chu Hồ Thần, Tư Mã Quang, Vương An Thạch…

[184] Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí,* tập 1, Sđd, tr. 662.

[185] Đời nhà Đường, dưới triều vua Đường Cao Tông (628-683), đã bắt dầu có khoa thi dành cho trẻ em có tài năng hơn người, được gọi là "(khoa thi) Tuyển chọn Thần đồng - 神童举".

Trong số đó, cố Vương An Thạch (1021-1086) sau này trở thành nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, khi ông giữ chức Tể tướng dưới triều vua Tống Thần Tông.

Trong khi đó, giáo dục và khoa cử Nho học của Việt Nam có tham khảo và kế thừa nhiều từ Trung Quốc, song không thấy ghi chép cụ thể gì về khoa thi Thần đồng ở nước ta. Trong 6 khoa thi Nho học dưới thời Lý (vào năm Ất Mão - 1075, Bính Dần - 1086, Nhâm Thân - 1152, Ất Dậu - 1165, Ất Tỵ - 1185 và Quý Sửu - 1193), chỉ có khoa thi năm Ất Tỵ, niên hiệu Trinh Phù thứ 10 (1185), đời vua Lý Cao Tông (1176 - 1210) được ghi chép đầy đủ hơn cả về *tên kỳ thi*, *tuổi người dự thi*, *số người lấy đỗ* và *người đỗ đầu*. Các cuốn chính sử có những ghi chép khác nhau về kỳ thi này. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* đều ghi: Mùa Xuân, tháng Giêng, thi sĩ nhân trong nước, người nào từ 15 tuổi mà thông Thi, Thư thì được vào hầu học ở Ngự diên, lấy đỗ bọn Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm 30 người, còn thì đều ở lại học[186]. *Việt sử Cương mục toát yếu* lại chép: Mùa Xuân, tháng Giêng, thi sĩ nhân trong nước để làm Ngự điện Thị học sĩ. Người nào 10 tuổi thông Thi, Thư thì được chọn bổ. Bọn Đỗ Thế Diên, Bùi Quốc Khái, Đặng Nghiêm gồm 30 người thi đỗ[187]. Về độ tuổi người tham dự khoa thi này, dù chưa có sự thống nhất[188] nhưng có điểm chung là độ tuổi thấp, dao động khoảng từ 10 đến 15 tuổi.

Sang thời nhà Trần, khoa thi năm Đinh Mùi, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (1247) đời vua Trần Thái Tông cũng là khoa duy nhất trong số các khoa thi thời Trần có ghi chép kỹ về tuổi thi đỗ của ba người đậu Tam khôi[189]. Đặc biệt, tác giả Lê Quý Đôn trong sách *Kiến văn tiểu lục* cho biết chi tiết, "khoa này (1247) Nguyễn Hiền 13 tuổi người huyện Thượng Nguyên đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu 18 tuổi người Đông Sơn đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La 14 tuổi người Mỹ Lương đỗ Thám hoa"[190]. Vì cả 3 vị Tam khôi đều thi đỗ khi còn rất trẻ, cho nên đã

---

[186] Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr. 328; Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục,* tập 1, Sđd, tr. 422.

[187] Đặng Xuân Bảng: *Việt sử Cương mục toát yếu,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 138.

[188] Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám Cương mục* đều ghi là 15 tuổi, *Việt sử Cương mục toát yếu* ghi là 10 tuổi, *Đăng khoa lục* ghi là 19 tuổi, còn *Các nhà khoa bảng Việt Nam* ghi là từ 15 tuổi trở lên.

[189] Tham khảo bài viết "Khoa cử thời Trần - Khoa thi năm Đinh Mùi (1247) và Bảng nhãn Lê Văn Hưu", *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Lê Văn Hưu và Đại Việt sử ký,* Thanh Hóa, 2022.

[190] *Lê Quý Đôn toàn tập* (1977), tập 2: *Kiến văn tiểu lục*, Sđd, tr.79.

tạo nên sự chú ý của giới trí thức xuất thân Nho học đương thời và hậu thế, bởi rằng, việc lấy đỗ, thi đỗ khi đều còn rất trẻ như vậy "cũng là sự lạ"[191].

Như thế, những người tham dự và đỗ đầu của hai khoa thi Ất Tỵ (1185) đời Lý và khoa thi Đinh Mùi (1247) đời Trần đều có độ tuổi thấp, chủ yếu ở trong khoảng từ 10 đến 15 tuổi. Điều này tương đối phù hợp với quy định về độ tuổi trong các khoa thi Thần đồng của nhà Tống. Từ đó giúp chúng ta có thể suy đoán rằng, khoa cử Nho học thời Lý và Trần vẫn chịu sự ảnh hưởng sâu sắc từ khoa cử Nho học của nhà Tống. Riêng về khoa thi Thần đồng ở nước ta, dù không ghi rõ, cụ thể tên là như vậy, song từ độ tuổi của những người tham dự và đỗ đầu, có thể xếp hai khoa thi (mà sử liệu cho biết rõ ràng về độ tuổi) năm Ất Tỵ (1185) và năm Đinh Mùi (1247) vào dạng khoa thi như thế.

3. Ở nước ta hiện nay, khái niệm Thần đồng cũng được quan tâm và có nhiều hình thức tổ chức và thực hiện khác nhau, từ đó đưa đến những nhận thức, hiệu quả không giống nhau. Theo sách *Từ điển tiếng Việt,* Thần đồng là "đứa trẻ có năng khiếu xuất chúng, nhiều khi tuy chưa được học tập một cách có hệ thống, thậm chí có khi còn chưa cắp sách đến trường, đã bộc lộ những năng khiếu đặc biệt, như biết đọc, biết tính toán, sáng tác âm nhạc". Vì lẽ đó, trong thời gian gần đây, nhiều thần đồng trên các lĩnh vực xuất hiện, như "thần đồng âm nhạc" Tin Tin (tên thật là Dương Quốc Anh), Quách Hoàng Nhi, Phan Thiên Bạch Anh, Đặng Thái Sơn; "thần đồng ngôn ngữ" Lê Anh Đức; "thành đồng biết tuốt" Phùng Nguyễn Minh Khang, "thần đồng ngoại ngữ" Đoàn Ngọc Minh Anh, Lê Nguyễn Bảo Chung, Đỗ Nhật Nam; "thần đồng lịch" Phạm Tuấn Minh, "thần đồng quốc huy" Nguyễn Quang Bình, "thần đồng tính nhẩm" Gia Hưng, "thần đồng tính nhanh" Phạm Viết Thiên Phước, "thần đồng sáng tạo" Nguyễn Dương Kim Hảo, "thần đồng tiểu thuyết" Nguyễn Bình… Đây đều là những tài năng, năng khiếu thiên bẩm, đã được phát hiện qua nhiều hình thức khác nhau (chủ yếu là các cuộc thi/gameshow trên truyền hình). Nếu những thần đồng đó được phát hiện đúng lúc và có cách nuôi dưỡng, đào tạo một cách phù hợp, họ sẽ trở thành những tài năng xuất chúng sau này; ngược lại, nếu không phát hiện kịp thời, hoặc có những hình thức ứng xử máy móc, khiên cưỡng, không phù hợp, sẽ làm mai một, thậm chí là thui chột tài năng của họ.

---

[191] *Lê Quý Đôn toàn tập* (1977), tập 2: *Kiến văn tiểu lục*, Sđd, tr.79.

Trong ngành giáo dục và đào tạo của Việt Nam, ở cấp phổ thông, đã có chương trình đào tạo năng khiếu nhằm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng… cho những người có năng khiếu, để sau này họ được phát triển theo hướng chuyên sâu. Riêng ở góc độ của các Thần đồng, sau khi đã được phát hiện, cần phải tạo môi trường đặc thù để đào tạo, tức là phải có một chế độ đào tạo riêng, vì "nhân tài đã là vốn quý, thiên tài thì hiếm lắm"[192]./.

[192] Quan điểm của Trần Thị Thu Mai trong bài viết "Hiểu sao cho đúng về hiện tượng Thần đồng", *Báo Người Lao động Online,* số ra ngày 11/01/2007.

DANHNHÂN HỌ NGUYỄN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

TS. NGUYỄN VĂN KIỆM

I. VAI TRÒ CỦA DÒNG HỌ ĐỐI VỚI DÂN TỘC, QUỐC GIA

Cố Giáo sư Vũ Khiêu trong bài "Vai trò của các dòng họ Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử" có viết: "Ở Việt Nam, sự phát triển của mỗi dòng họ và mối quan hệ đồng tâm, đồng chí, đồng hành giữa các dòng họ lại có một ý nghĩa quan trọng nhất trong mọi diễn biến lịch sử. Mọi thành công của đất nước nhiều hay ít, nhanh hay chậm đều gắn với mức độ tham gia của các dòng họ. Lịch sử lâu đời luôn luôn chứng tỏ điều này. Sự tồn tại phát triển của đất nước, thành quả to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước đều nói lên rằng sự đoàn kết các dòng họ và giữa các dòng họ với nhau luôn là yếu tố hàng đầu trong mọi thắng lợi"

(http://hovuvovietnam.com/).

Các Dòng Họ là gốc của Dân tộc làm nên Quốc gia. Trong sự sống của mỗi quốc gia, theo thời gian mà hình thành nhiều hình thái cộng đồng người trong đó có cộng đồng dòng họ. Từ khi có hôn nhân mới có gia đình và để tranh việc đồng huyết, cận huyết thì từ đó mà dần dần có dòng họ

Chỉ loài người được Thượng đế ban riêng cho bộ đại não để từ đó mà biết thiết chế hóa, văn minh hóa sự sống, trong đó có sự hình thành và xây đắp dòng họ. Trong thành tựu thiết chế hóa đa diện này, trên phương diện đời sống tinh thần, có lòng hiếu thảo, biết ơn những người đã sinh thành mình, gần nhất là cha mẹ, ông bà, rộng ra là tổ tiên bao đời. Từ đó có đạo thờ Tổ tiên được triết lý hóa bằng các mệnh đề " *Vật bản hồ thiên / Nhân sinh do tổ*" (muôn vật sinh ra là nhờ ở trời / con người sinh ra là nhờ có Tổ tiên), " *Ẩm thủy tư nguyên"*(uống nước nhớ nguồn), " *Kính tông pháp tổ*" (kính trọng và tuân theo phép tắc của Tổ tông).

Có gia đình, dòng họ mới có làng xã từ đó mới có **dân tộc, quốc gia**. Tình quê hương, tình làng xóm nảy nở từ tình gia đình gắn với điều kiện không gian sinh sống. Gia đình một khi phát triển theo thời gian thì không gian sống cũng mở rộng. Hiện tượng một dòng họ có mặt ở nhiều tỉnh thành, ở khắp cả nước, thậm chí ở cả nước ngoài là bởi có sự phát triển đó.

Tâm lý, ý thức về dòng họ của người Việt Nam ta đã nằm sâu trong tâm thức bao đời nay. Dấu vết của tâm thức đó đã và đang thể hiện trong cách xưng

hô với nhau là: bà con, cô bác, bác cháu, chú cháu, cô cháu, dì cháu, anh em, chị em không chỉ trong phạm vi gia đình họ tộc mà cả ngoài xã hội và trong cơ quan nhà nước.

Cộng đồng dòng họ một khi đã phân chi, phân phái, lan tỏa ra nhiều nơi thì sự gắn kết ở đây chủ yếu là thuộc về đời sống tâm linh, về mặt tâm lý, tinh thần được thiêng hóa trong hai tiếng *huyết thống* (cùng một dòng máu) dù có loãng đến đâu vẫn không mất. “ *Một giọt máu đào hơn ao nước lã”*.

Cầu mong là sự mong muốn và là bản chất của con người, nhất là mỗi khi ta gặp sự lâm nguy. Trong cầu mong, trước hết là cầu mong ở lực lượng siêu hình mà ở đó thì không gì bằng Tổ tiên đã sinh ra và yêu thương con cháu hơn ai hết.

Trong văn hóa của người Việt, trọng tâm là vấn đề thờ phụng Tổ Tiên. Trong đó việc đầu tiên là lập nhà thờ. Cùng với việc lập nhà thờ, việc xây dựng lăng mộ của dòng họ cũng là điều rất được coi trọng. Nhất là với mộ TỔ đã trở thành vật thiêng vô cùng lớn.

Thực thể dòng họ đã xuất hiện và tồn tại trong sự sống nói chung, trong đó có sự sống tinh thần, sự sống tâm linh trọng đại của nhân loại, đặc biệt là với người Việt Nam ta từ bao đời nay.

Theo cố GS Trần Quốc Vượng cho biết thì ở Pháp, Viện sĩ Jean Poirier trong công trình nghiên cứu về Tộc người và văn hóa dựa trên 3 nguyên lý lớn:

+ Nguyên lý cùng - dòng họ

+ Nguyên lý cùng - nơi cư trú

+ Nguyên lý cùng - lợi ích

Dòng họ là nguyên lý đầu tiên của ba nguyên lý này. Vậy thì quên nó, coi nhẹ nó sao được.

Ở thời trung đại, dưới chế độ phong kiến, các dòng họ Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn là những dòng họ nắm vương quyền của đất nước. Các triều đại này đã tạo dựng được nền văn hóa vẻ vang cho đất nước và chính dòng họ của mình. Vương triều nhà Trần đã tạo nên một dòng họ đại quí tộc. Nhà Lê tạo nên một nền văn hóa sừng sững trong lịch sử. Nhà Nguyễn là một dòng họ văn hóa bề thế hiếm có. Từ thời vua Tự Đức, người đương thời đã làm đôi câu đối: *“Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán. Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường”*, tức là văn như hai ông Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát thì đời tiền Hán cũng phải chịu, thơ như hai ông Tùng Thiện công và Tuy Lý công thì thơ đời thịnh Đường không còn đáng kể. Hai câu đó đã lưu truyền bao đời nay.

Trên đất nước ta có một triết lý nhân sinh đã thành văn hóa đó là ‘ *nhân bất học bất tri lý*” (người mà không học thì không biết lẽ phải) và từ đó, giáo dục thực sự đã là quốc sách hàng đầu, nó là con đường độc đạo dẫn đến chấp chính, điều hành quốc sự. Vì thế con vua cũng phải được học hành và có thầy dạy riêng.

Trong lịch sử sinh tồn và cũng là lịch sử văn hóa của đất nước Việt Nam, sự hiện diện của cộng đồng dòng họ và văn hóa dòng họ đã quyện vào nhau là một.

Ở Việt Nam mối quan hệ giữa các dòng họ thật là khăng khít, khi ta xây dựng gia đình thì thường là từ 2 dòng họ và nhiều trường hợp lại đổi từ họ cha sang họ mẹ và nhiều người lại được vua ban cho họ như vậy có thể một người lại mang hai họ... Nhiều cuộc đổi họ trong quá trình lịch sử cũng đã xảy ra. Năm 1225, nhà Lý suy vong, Trần Thủ Độ đã bắt con cháu của dòng họ Lý chuyển sang họ Nguyễn. Khi Hồ Quý Ly lật đổ nhà Trần, ông ta đã giết rất nhiều con cháu của dòng họ Trần. Vì thế, sau khi nhà Hồ sụp đổ, con cháu của họ Hồ vì sợ trả thù nên tất cả đã đổi sang họ Nguyễn. Năm 1592, nhà Mạc suy tàn, con cháu của dòng họ Mạc cũng lại đổi họ sang Nguyễn...

Cả nước Việt Nam có không biết bao nhiêu dòng họ, nhưng trong tâm thức của người Việt vẫn coi như đều từ một bụng mẹ mà ra nên có từ đồng bào**,** ca dao cổ có câu :“*Bầu ơi thương lấy bí cùng / Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”. Tất cả người Việt Nam vẫn nhận mình là con cháu vua Hùng. Câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là dựa theo tâm thức thiêng liêng đó ; “ *Các vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước*”.

Vậy hãy coi trọng dòng họ mà mình mang trên người, các cụ ta có câu: “Công danh sự nghiệp rồi cũng qua đi nhưng dòng họ ta mang trên mình và Tổ quốc nơi ta sinh ra là còn mãi mãi” và hãy coi trọng, đoàn kết với dòng họ bạn vì biết đâu cái gốc của ta lại ở đó.

II. DANH NHÂN HỌ NGUYỄN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Trước hết ta phải hiểu Danh nhân ở đây giới hạn như thế nào?

Là người có danh tiếng và được xã hội công nhận

Hay là người có danh tiếng và được công chúng thừa nhận một cách rộng rãi, với hệ quả trực tiếp là được các phương tiện truyền thông đại chúng ca ngợi.

Hay chỉ là người có danh tiếng bởi có công trạng với xã hội và được xã hội ghi nhận. Họ có thể là những nhà văn hoá, nhà quân sự, nhà khoa học...

Ở bài viết này chúng ta giới hạn danh nhân là người có danh tiếng, có công trạng với xã hội và được xã hội ghi nhận.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử của hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Con người Việt Nam, từ xưa đến nay không ngừng phải vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, luôn thường trực với mệnh sống còn của dân tộc, đưa dân tộc ta vững bước đi lên sứng tầm với các dân tộc quốc tế. Trong môi trường lịch sử đấu tranh dựng nước và giữa nước thấm đẫm đầy máu và nước mắt ấy, dân tộc Việt Nam luôn luôn sản sinh những người con anh hùng, những bậc tài cao đức trọng, những con người có đầy nghị lực, ý chí và sự thông minh hơn người, có đức hy sinh cao cả để làm cho non sông đất nước ta, cho dân tộc ta thêm niềm tự hào. Để rồi những con người đó được dân tộc ta tôn vinh như những anh hùng của dân tộc. Nhiều người đã được linh thiêng hóa trở thành biểu tượng của những uy lực tối cao trong đời sống sinh hoạt tinh thần của cộng đồng với những nét tích cực và hữu ích. Phải chăng đó là các Danh nhân. Trong Danh nhân có Danh nhân thế giới, Danh nhân Dân tộc, Danh nhân văn hóa, Danh nhân Quân sự... Vậy sự chuẩn mực này này nên làm rõ trong bộ từ điển tiếng Việt.

Trong lịch sử Việt Nam dòng họ nào cũng có danh nhân. Chính họ là những ngôi sao sáng góp phần làm nên những trang sử mới, trang sử vẻ vang của dân tộc. Trong dòng lịch sử đó họ Nguyễn Việt Nam cũng vậy và trong lĩnh vực nào cũng có.

Họ Nguyễn Việt Nam rất tự hào vì có 3 danh nhân văn hóa, những người có tài năng lỗi lạc, đạo đức cao cả, có những trước tác văn học nổi tiếng và có giá trị nhân văn cao quý, có tác động và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa cộng đồng qua nhiều giai đoạn lịch sử được Unesco công nhận là danh nhân văn hóa thế giới đó là: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Chủ tịch Hồ Chí Minh – Nguyễn Ái Quốc.

III. DANH NHÂN VĂN HÓA THẾ GIỚI ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU

Trong khuôn khổ của bài tham luận này tôi chỉ xin giới thiệu về một trong 3 danh nhân văn hóa thế giới đó là Đại thi hào Nguyễn Du: **Nguyễn Du** sinh năm Ất Dậu 1765- mất năm Canh Thìn 1820 tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên, biệt hiệu **Hồng Sơn lạp hộ**, là một nhà thơ nổi tiếng thời Lê mạt, Nguyễn sơ ở Việt Nam. Ông là một nhà thơ lớn của Việt Nam, được người Việt kính trọng gọi ông là "Đại thi hào dân tộc". Năm 1965, Nguyễn Du được Hội đồng hòa bình thế giới công nhận là danh nhân văn hóa thế giới và ra quyết định kỷ niệm trọng thể nhân dịp 200 năm ngày sinh của ông.

Kiệt tác Truyện Kiều của Nguyễn Du nguyên có tên là "Đoạn trường tân thanh". Đây là tác phẩm truyện thơ nôm lục bát viết dựa trên cốt truyện "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Mượn bối cảnh xã hội Trung Quốc đời nhà Minh (Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh) nhưng Truyện Kiều chính là bức tranh rộng lớn về cuộc sống thời đại lúc nhà thơ đang sống. Tác phẩm gồm 3.254 câu lục bát kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc, chìm nổi của Thúy Kiều, người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng vì gia biến phải bán mình chuộc cha, rơi vào cảnh "Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần", bị các thế lực phong kiến dày xéo, chà đạp.

Về giá trị hiện thực: Tác phẩm đã phơi bày bộ mặt xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, đồng thời phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến Việt Nam.

Về giá trị nhân đạo: Truyện Kiều là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lý và ngợi ca vẻ đẹp của con người. Viết Truyện Kiều, Nguyễn Du thể hiện ước mơ đẹp đẽ về một tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy trong xã hội mà quan niệm về tình yêu, hôn nhân còn hết sức khắc nghiệt. Mối tình Kim - Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc. Truyện Kiều còn là bài ca ca ngợi vẻ đẹp của con người. Đó là vẻ đẹp của tài, sắc, tình, lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, đức tính vị tha, thủy chung, chí khí anh hùng… Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó. Thông qua nhân vật Từ Hải, người anh hùng hảo hán, một mình dám chống lại cả xã hội bạo tàn, Nguyễn Du còn thể hiện khát vọng công lý tự do, dân chủ giữa một xã hội bất công, tù túng.

Cùng với đó, Truyện Kiều còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo, chà đạp lên quyền sống con người. Thế lực đó được điển hình hóa qua các nhân vật như Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà, qua bộ mặt quan tham như Hồ Tôn Hiến… Đó còn là sự tàn phá, hủy diệt của đồng tiền trong tay bọn người bất lương tàn bạo, nó có sức mạnh đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán, chà đạp.

Về giá trị nghệ thuật: Nguyễn Du đã kết hợp tài tình tinh hoa của ngôn ngữ bác học với tinh hoa của ngôn ngữ bình dân. Với Truyện Kiều, tiếng Việt và thể thơ lục bát dân tộc đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ của nghệ thuật thi ca, là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại. Công đóng góp của Nguyễn Du về phương diện ngôn ngữ là có một không hai trong lịch sử.

Với những giá trị to lớn ấy, hàng trăm năm nay, Truyện Kiều luôn được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả từ trí thức tới người bình dân, làm lay động trái tim của bao thế hệ người Việt Nam, là cảm hứng sáng tác cho rất nhiều những tác phẩm thi ca nhạc họa sau này.

Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt ra khỏi bờ cõi của một quốc gia, trở thành một phần của tinh hoa văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc thế. Với Truyền Kiều nói riêng và toàn bộ trước tác của Nguyễn Du nói chung, ông được các thế hệ người Việt Nam tôn vinh là Đại thi hào dân tộc, Hội đồng Hòa bình thế giới vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới.

Đánh giá về Truyện Kiều, trong Lời đầu sách Từ điển Truyện Kiều (1974), Giáo sư Đào Duy Anh viết: "Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học Việt Nam, nếu Nguyễn Trãi với Quốc âm thi tập là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với Truyện Kiều lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta …".

Đến nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó tiếng Pháp có trên 10 bản dịch, tiếng Anh và tiếng Hàn Quốc trên 10 bản, tiếng Nhật có 5 bản…

Ngày 15/8/2014, Văn phòng Trung ương Đảng có Công văn số 8467-CV/VPTW thông báo ý kiến của Ban Bí thư về việc "Đồng ý chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2015. Tỉnh Hà Tĩnh chủ trì tổ chức Lễ kỷ niệm; mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự". (https://hanam.gov.vn/)

Ảnh hưởng của tác phẩm truyện Kiều

Sáng tác của Nguyễn Du không thật đồ sộ về khối lượng, nhưng có vị trí đặc biệt quan trọng trong di sản văn học và văn hóa dân tộc. Hơn nữa nó lại rất năng sản. Từ Truyện Kiều đã nảy sinh biết bao những hình thức sáng tạo văn học và văn hóa khác nhau. Đặc biệt là số lượng rất lớn những bài bình luận, những công trình phê bình, nghiên cứu.

Ít có tác phẩm ngay khi ra đời cho đến mãi mãi về sau vẫn được nhân dân cả nước yêu chuộng như Truyện Kiều. Không phải chỉ yêu thích mà còn gửi gắm niềm tin. Niềm tin khẳng định sức mạnh ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Niềm tin chia sẻ kinh nghiệm văn chương, nghệ thuật. Nhưng nhất là niềm tin về tình yêu và cuộc sống. Truyện Kiều đã là một bài ca tình yêu và là một cuốn sách Đời.

Một tác phẩm như thế đã là một công trình vĩ đại, một vinh dự tuyệt vời. Truyện Kiều là một tác phẩm có giá trị như một thông điệp cho con người giao cảm với thế giới vô hình, dạt dào xúc động, mơ mà như thực, ảo huyền mà minh bạch lạ lùng. Và cũng là một bản tổng kết cuộc đời, tổng kết nhưng là cáo trạng, cáo trạng về cuộc đời bao nhiêu nỗi thương tâm (bách niên đa thiểu thương tâm sự). Ở kia: "Những điều trông thấy mà đau đớn lòng!". Ở đây lại là một "trường dạ tối tăm trời đất!". Tác phẩm ấy là bài Văn tế thập loại chúng sinh, với cái tên quen thuộc: Bài ca chiêu hồn.

Vinh dự của Nguyễn Du đã vượt khá nhiều tác giả xưa nay. Chỉ riêng với một Truyện Kiều, văn học nghệ thuật Việt Nam trở nên thêm phong phú. Ca nhạc dân gian có giọng "lẩy Kiều". Sân khấu dân gian có "trò Kiều". Hội họa có nhiều tranh Kiều. Và Truyện Kiều từ xưa đến nay đã là đầu đề của nhiều trang bình luận và bút chiến. Thơ vịnh Kiều nhiều không kể xiết. Tuồng Kiều, phim Kiều xuất hiện. Và tiếng nói hằng ngày của nhân dân có thêm nhiều thành ngữ rút từ Truyện Kiều. Kiều đi vào mọi nẻo đường sinh hoạt: "Từ án sách đến bờ tre, xưởng máy; Ra chiến trường vẫn thấy tiếng Kiều ngân" là như vậy.

Đã có nhiều sách chú giải, nghiên cứu Đoạn trường tân thanh, có Từ điển Truyện Kiều, có tiểu thuyết Ba trăm năm lẻ. Nhưng vấn đề "Nguyễn Du và Truyện Kiều" thì chưa bao giờ hết? Cuộc đi tìm Nguyễn Du sẽ mãi là những gắng công của nhiều thế hệ

Nỗi sầu của ông mênh mông, tấm lòng của ông rộng lớn, ngòi bút của ông thần kỳ, chính ông cũng không nhận ra mà vẫn chờ đợi những ứng đáp của nhiều thế hệ hậu sinh tri kỷ:

... Hận xưa khôn hỏi trời già,
Nỗi oan phong vận mình ta buộc ràng,
Ba trăm năm lẻ mơ màng...
Biết ai hậu thế khóc chàng Tố Như?
Thơ văn viết về Nguyễn Du (trích)
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn
Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc
Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng

(Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng - Chế Lan Viên)

“Tiếng thơ ai động đất trời

Nghe như non nước vọng lời nghìn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày".
(Kính gửi cụ Nguyễn Du - Tố Hữu)
"Trải qua một cuộc bể dâu
Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình
Nổi chìm kiếp sống lênh đênh
Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều!"
(Tố Hữu)
Đời nay đẹp gấp trăm lần thuở trước
Giở trang Kiều còn rung động ý thơ
Thơ Người mãi sống cùng đất nước
Dù mai sau dù có bao giờ
(Thăm mộ cụ Nguyễn Du - Hoàng Trung Thông)
"Quê hương tôi có hát xoè, hát đúm...
"Có Nguyễn Du và có một Truyện Kiều"
(Bài thơ quê hương - 1966 - Nguyễn Xuân Lập)

Từ đầu thế kỷ XX, học giả Phạm Quỳnh đã có câu nói nổi tiếng "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn". Trải qua hàng trăm năm với biết bao dâu bể từ khi Đại Thi hào Nguyễn Du viết ra, Truyện Kiều vẫn mãi lay động tâm trí hàng triệu triệu người trên khắp thế giới. Có thể nói chưa có một áng văn thơ nào của Việt Nam được truyền tụng, thấm đẫm nhân văn trong đời sống xã hội như Truyện Kiều. (https://baomoi.com/, 27/11/2011)

"Truyện Kiều" hàng trăm năm được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả.

"Truyện Kiều" không biết tự bao giờ đã đi vào đời sống của nhân dân, và đã trở thành lời ăn tiếng nói của những người dân bình dị nhất cho đến những người trí thức, am hiểu về văn chương bác học.

Trong ca dao, người ta thấy có rất nhiều câu có vận dụng những hình ảnh trong "Truyện Kiều". Ví dụ:

"Sen xa hồ, sen khô hồ cạn,
Liễu xa đào liễu ngả liễu nghiêng.
Anh xa em như bến xa thuyền.
Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi!"

"Truyện Kiều" đã trở thành sức sống của dân tộc, là thứ thưởng ngoạn cho tao nhân mặc khách của mọi thời. Có câu:

"Làm trai biết đánh tổ tôm
Uống trà mạn hảo, xem Nôm Thúy Kiều".

Trong cuộc đời đầy bất trắc, dường như ai ai cũng thấy một vài câu thơ trong truyện Kiều nói lên thân phận mình. Như hoàn cảnh đưa đẩy phải làm một việc liều lĩnh, biết mai kia ra làm sao, người trong cuộc đành chép miệng:

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Thử xem con tạo xoay vần đến đâu.

Hoặc số phận hẩm hiu, bước trầm luân không dứt, kẻ xấu số đành an ủi:

Phận bèo bao quản nước sa,
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.

Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước từ năm 1911. Trong suốt 30 năm ở xứ người nhiều lần Bác đã lẩy Kiều để bộc lộ tư tưởng, tâm trạng của mình

Năm 1919, sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, các nước thắng trận họp "Hội nghị hoà bình" ở Vecrsaille (Pháp) có 27 nước liên quan tới dự. Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã gửi "Bản yêu sách 8 điểm" cho Hội nghị, sau này là "bản yêu sách của nhân dân Việt Nam" được Bác sáng tác thành bài "Việt Nam yêu cầu ca" theo thể lục bát và song thất lục bát có cả thảy 56 câu. Trong đó có 4 câu cuối theo dạng lẩy Kiều:

Đồng bào bình đẳng tự do
Xét mình rồi lại đem so mấy người (câu 3080)
Ngổn ngang lời vắn tình dài (câu 183)
Anh em đã thấu lòng này cho chưa? (câu 2716 - 2717)

Cũng tại Pháp vào khoảng năm 1921 - 1922, Nguyễn Ái Quốc cùng một số đồng chí lập ra "Hội liên hiệp thuộc địa". Nguyễn Ái Quốc đã giải thích ý nghĩa đoàn kết đấu tranh mới tạo nên sức mạnh bằng câu Kiều lẩy:

Rằng đây bốn biển một nhà (câu 2435)
Vàng, đen, trắng, đỏ đều là anh em

Năm 1928-1929, với tên mới là Thầu Chín, Bác đến Xiêm (Thái Lan) để vận động Kiều bào tham gia cách mạng, một hôm trời đã chập tối, Thầu Chín thoáng nghe tiếng một người mẹ ru con, Bác liền tức cảnh:

Xa nhà chốc mấy mươi niên (câu 2923)
Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con

Giữa năm 1931, Bác bị thực dân Anh bắt giam ở Hương Cảng. Ngồi trong tù Bác lo hết việc này đến việc khác, lo nhưng không giải quyết được gì, ngồi lo trong ngục mà lòng đầy ngổn ngang, Bác bèn ngâm câu Kiều lẩy:

Ngổn ngang trăm mối bên lòng (câu 183)

Ngủ không yên giấc, ăn không ngon mồm

(Nguồn trang tin điện tử ban quản lý lăng chủ tịch Hồ Chí Minh - http://bqllang.gov.vn/ ngày 02 tháng 8 năm 2012).

Theo báo Hà Tĩnh (https://baohatinh.vn/) ngày 26/9/2020 với nhan đề : Bác Hồ "lẩy Kiều" giới thiệu văn hoá Việt với thế giới" *Bác Hồ là người đầu tiên và rất thành công trong việc "lẩy Kiều", "tập Kiều", "phỏng Kiều" để tiếp đón, chào mừng, đưa tiễn các nguyên thủ quốc gia, khách quốc tế.*

Trong "lời tiễn Tổng thống Xu-các-nô tại sân bay Gia Lâm" năm 1959, Người đã 2 lần sử dụng "lẩy Kiều" với 6 câu thơ rất phù hợp và lý thú! Người nói: *Cánh hồng bay bổng tuyệt vời/ Trông mòn con mắt phương trời đăm đăm!* Rồi nhắc đến tình cảm lưu luyến của Nhân dân Việt Nam với Tổng thống Xu-các-nô: *Nhớ nhung trong lúc chia tay/ Tấm lòng lưu luyến cùng bay theo người/ Người về Tổ quốc xa khơi/ Chúc người thắng lợi, chúc người bình an* thật trọn vẹn nghĩa tình!

Trong "Lời phát biểu đón tiếp đồng chí Nô-vốt-ny, Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Tiệp Khắc vào năm 1963, Bác cũng đã vận dụng Kiều: *Trải bao tháng đợi, năm chờ/ Chờ người khách quý bao giờ đến thăm.* Và khi được gặp gỡ thì *Xuân này, xuân lại thêm xuân/ Nước non xa, anh em gần, vui thật là vui* đã diễn tả được tình cảm chân thành khi gặp khách quý.

Trong mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, năm 1963, khi tiếp đoàn đại biểu cấp cao của Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc mấy vần thơ tâm huyết: *Bấy lâu cách trở quan hà/ Từ nay Lào - Việt rất là gần nhau/ Thương nhau mấy núi cũng trèo/ Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua/ Việt - Lào hai nước chúng ta/ Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long.* Đó là sự khẳng định, lời căn dặn, mong ước và thông điệp cho mai sau.

Năm 1963, trong lời chào mừng đồng chí Lưu Thiếu Kỳ - Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bác đã nói luôn hai câu Kiều: *Đến bây giờ mới thấy đây/ Mà lòng đã chắc những ngày một hai.* Tiếp đến, Bác khẳng định*: Mối tình thắm thiết Việt - Hoa/ Vừa là đồng chí, vừa là anh em* rất hợp người, hợp cảnh.

Rồi ngày lên đường, Bác đã vận dụng "lẩy Kiều" mới lý thú và ý nghĩa: *Tiễn đưa, chẳng muốn chia tay/ Bạn về cố quốc nước mây nghìn trùng/ Cầm tay lòng lại dặn lòng/ Cùng nhau giương ngọn cờ hồng Mác - Lê.* Có thể coi đây là một trong những bài "lẩy Kiều" thành công nhất và có sức lôi cuốn, hấp dẫn người nghe.

Từ vận dụng 6 câu thơ Kiều ở các trường đoạn khác nhau (như câu thứ 3187: *Thoắt thôi tay lại cầm tay/ Càng yêu vì nết, càng say vì tình* lại về câu thứ 1787 *Bốn phương mây trắng một màu/ Trông vời cố quốc biết đâu là nhà*, sau đó trở lại câu thứ 1503: *Cầm tay dài ngắn thở than/ Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời* đã nói lên tất cả nỗi niềm của người trong cuộc.

Và từ câu thơ tưởng như rất riêng ấy đã dặn dò, nói được cái chung để cùng quyết tâm phấn đấu. Phải là người thực sự am hiểu sâu sắc nội dung, câu chữ trong từng trường đoạn của 3254 câu thơ của Truyện Kiều thì mới vận dụng được một cách tuyệt vời như vậy!

Cách "lẩy Kiều" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại không khí văn chương gần gũi, thân mật, thú vị, tăng hiệu quả ngoại giao. Việc "lẩy Kiều", "tập Kiều", "phỏng Kiều" trong tiếp đón các nguyên thủ quốc gia, các vị khách quốc tế của Người vừa kế thừa, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống, vừa thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

Lẩy Kiều đã phát sinh không chỉ trong cộng đồng người Việt mà cả những chính khách của thế giới

Trong chuyến thăm đầu tiên đến Việt Nam vào tháng 11/2000 với cương vị Tổng thống, tại bữa tiệc khoản đãi quốc khách ở Phủ Chủ tịch, Tổng thống Bill Clinton đã dùng hai câu thơ của Nguyễn Du trong Đoạn Trường Tân Thanh (Truyện Kiều) để diễn tả về sự thay đổi của vạn vật qua bốn mùa rồi từ đó chuyển sang ý tưởng thời cuộc và quan hệ bang giao giữa hai nước:

"Sen tàn cúc lại nở hoa;
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân."

Ông Clinton mượn hình ảnh "sen tàn" và "cúc nở hoa" để nói về hình ảnh băng giá của thời quá khứ đã bắt đầu tan và thay vào đó là những cơ hội trong tương lai của quan hệ Việt-Mỹ. (http://dantri.com.vn/ 10/07/2015).

Và gần đây nhất, ngày 7 tháng 7 năm 2015, sau cuộc gặp với Tổng thống Obama ở Nhà Trắng, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã dự tiệc chiêu đãi do Phó tổng thống Joe Biden chủ trì tại Bộ Ngoại giao nhân chuyến thăm chính thức Hoa

Kỳ. Phó tổng thống Biden - người kêu gọi chấm dứt chiến tranh Việt Nam khi lần đầu tiên được bầu làm thượng nghị sĩ năm 1972. Ông kết thúc bài phát biểu bằng việc dẫn hai câu thơ Kiều của đại thi hào Nguyễn Du, bày tỏ hy vọng vào tương lai tươi sáng của quan hệ song phương sau một giai đoạn lịch sử khó khăn:

"Trời còn để có hôm nay

*Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời". (*http://vietnamnet.vn/, 08/07/2015*)*

Trong bài phát biểu 30 phút trước các trí thức và giới trẻ Việt Nam, để kết thúc bài phát biểu của mình Tổng thống Obama đã dẫn 2 câu Kiều để nói về khát vọng cho tương lai Việt - Mỹ:

"Rằng trăm năm cũng từ đây/

Của tin gọi một chút này làm ghi."

(https://news.zing.vn, 24/05/2016)

Theo báo Người lao động (https://nld.com.vn/) ngày 27/5/2019 trong bài "Thủ tướng Việt Nam và Thụy Điển cùng lẩy Kiều để nói về quan hệ hai nước" có đoạn viết: Thủ tướng Thụy Điển đã lấy một câu trong truyện Kiều như một lời gửi gắm về tình cảm giữa hai đất nước có ý "gian nan mới tỏ lòng người".

"Dằn lòng chờ đợi ít lâu. Chầy ra thì cũng năm sau vội gì". Đây là câu lẩy Kiều của anh Sáu Thọ tại Hội nghị Pari năm 1972 báo Ấp Bắc (http://baoapbac.vn/) trong bài "Pa-ri ngày ấy, lẩy Kiều sang Xuân" để nói lên lòng mong mỏi ký được hiệp định.

Báo Quân đội nhân dân (https://ct.qdnd.vn) ngày 23/4/2021 trong bài: Các chính khách lẩy Kiều có viết: Tập Kiều là một cách tập cổ-một thú chơi tao nhã của người xưa, tập hợp các câu thơ có sẵn của người đời trước ghép lại thành bài thơ theo ý mới. Lẩy Kiều là cách lấy ra một câu hoặc cặp câu, thay đổi chút ít để biểu hiện một nội dung mới phù hợp với ngữ cảnh mới. Một chính khách Việt Nam lẩy Kiều nhiều, tinh tế mà sâu sắc nhất là Bác Hồ.

Ngày 21-6-1959, trên Báo Nhân Dân (số 1923), Bác Hồ có bài viết "Điện Biên Phủ" nhân kỷ niệm 5 năm ngày chiến thắng bằng 4 câu lẩy Kiều: *Cũng trong một cuộc Điện Biên,/ Ta mừng thắng lợi, Pháp phiền xấu xa/ Trăm năm trong cõi người ta,/ Bên chính ắt thắng, bên tà ắt thua".*

Bác mượn vỏ hình thức "Truyện Kiều", mượn cách triết lý của Nguyễn Du để nói về hoàn cảnh mới: Ta thắng lợi và sẽ thắng lợi vì chính nghĩa, Pháp đã thua và Mỹ sẽ thua vì là tà, phi nghĩa!

Ngày 26-6-2006, Quốc hội bầu đồng chí Nguyễn Phú Trọng giữ chức Chủ tịch Quốc hội. Phát biểu nhậm chức, đồng chí lẩy Kiều*:" Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn/ Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay"*! Đây là các câu thứ 411, 412 trong "Truyện Kiều"

Tháng 7-2011, mừng Chủ tịch Quốc hội khóa mới (Nguyễn Sinh Hùng), đồng chí Nguyễn Phú Trọng lẩy hai câu Kiều: "*Chén vui nhớ bữa hôm nay/ Chén mừng xin đợi ngày rày... 5 năm sau"*.

Ngày 23-4-2020, tại Hội nghị cán bộ toàn quốc, đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng lẩy Kiều trong lời phát biểu: "*Có tài mà cậy chi tài/ Chữ tài liền với chữ tai một vần"*.

IV. KẾT LUẬN

Danh nhân là những người, những ngôi sao sáng góp phần làm nên những trang sử mới, trang sử vẻ vang của dân tộc và thế giới. Việc Nghiên cứu Danh nhân là một hoạt động sáng tạo được thực hiện một cách có hệ thống nhằm làm giàu tri thức về con người, văn hóa, xã hội, và sử dụng vốn tri thức này để tạo ra những ứng dụng mới. Hoạt động nghiên cứu Danh nhân được dùng để thiết lập hay xác nhận các dữ kiện, tái xác nhận kết quả của công trình trước đó, giải quyết những vấn đề mới đặt ra, hay phát triển những ý tưởng mới. Các hình thức nghiên cứu bao gồm: khoa học, nhân văn, nghệ thuật, kinh tế, xã hội, quân sự, kinh doanh... về Danh nhân mà ta nghiên cứu.

Việc nghiên cứu bao hàm từ sự thu thập dữ liệu, thông tin, và dữ kiện. Nó bao gồm ba bước: Đặt câu hỏi, thu thập dữ liệu để trả lời cho câu hỏi, và trình bày câu trả lời cho câu hỏi đó.

Bối cảnh lịch sử của các Danh nhân ở đây rất quan trọng, nó có thể mang tính xã hội, lịch sử, chính trị, văn hóa... từ đó viết những kết quả mà người nghiên cứu thu hoạch được.

Tựu trung qua việc nghiên cứu Danh nhân sẽ làm cho chúng ta thêm tự hào về các Danh nhân về dân tộc về đất nước và con người Việt Nam, nếu ở cương vị thế giới thì cho chúng ta thêm tự hào về loài người về những thành tựu của loài người đã đạt được để thêm niềm tin, sức mạnh, niềm vui trong cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Giáo sư Vũ Khiêu *“Vai trò của các dòng họ việt nam qua các thời kỳ lịch sử”*

2- *Giáo sư Nguyễn Đình Chú: “Dòng họ và vai trò văn hóa của dòng họ trong đời sống văn hóa dân tộc”*

3- http://dsvh.gov.vn/ Ts. Bùi Quang Thành*: “Truyền thống tôn vinh Danh nhân của người Việt”*

4- *“Lịch sử họ Nguyễn Việt Nam”* của Ts. Nguyễn Văn Kiệm, NXB Hồng Đức xuất bản 2018

5- http://hodongba.vn/

6- https://vi.wikipedia.org/;

7- http://www.nguyendu.com.vn, 5-2-2018;

8- http://truyenviet.com/

9- https://hanam.gov.vn/

10- http://dantri.com.vn/ 10/07/2015.

11- http://vietnamnet.vn/, 08/07/2015

12- https://baomoi.com/, 27/11/2011

13- http://bqllang.gov.vn/ ngày 02 tháng 8 năm 2012

14- https://news.zing.vn, 24/05/2016

15- Báo Người lao động (https://nld.com.vn/) ngày 27/5/2019

16- Báo Ấp Bắc (http://baoapbac.vn/)

17- Báo Quân đội nhân dân (https://ct.qdnd.vn) ngày 23/4/2021

18- Báo Hà Tĩnh (https://baohatinh.vn/) ngày 26/9/2020

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DANH NHÂN HỌ HOÀNG - HUỲNH VIỆT NAM

THIẾU TƯỚNG, ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG HOÀNG KIỀN

A. SƠ LƯỢC VỀ HỌ HOÀNG - HUỲNH VIỆT NAM

Trải qua suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, từ đời nọ đến đời kia, nhân dân ta đã lớp lớp kế tục nhau lao động, chiến đấu, mở mang bờ cõi, khai hoang, thục hoá ruộng đồng, phát triển nông lâm ngư nghiệp, mở mang bờ cõi từ đất liền đến hải đảo. Nhờ công ơn trời biển đó của ông cha đời trước, non sông gấm vóc Đất Việt mới có ngày nay. Đó là sự nghiệp vĩ đại của cả trăm họ.

Các dòng họ ở Việt Nam hình thành và phát triển cùng với quá trình dựng nước giữ nước của dân tộc. Nước ta đã có 12 lần thay đổi tên, nhưng các dòng họ về cơ bản vẫn giữ được tên gốc từ ban đầu. Theo đăng ký ở tổ chức Hội đồng các dòng họ Việt Nam, cho đến nay có 208 dòng họ được thống kê, trong đó có họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam.

Cùng với các dòng họ khác, một bộ phận họ Hoàng đã hiện hữu trên đất nước Đại Việt, thời kỳ Hùng Vương có tướng Hoàng Quí Minh đến nay một số nơi có đền thờ. Thời hai Bà Trưng có nữ tướng Hoàng Thiều Hoa tham gia chống giặc ngoại xâm thật oanh liệt. Tiếp tục về sau, được bổ sung từ các đợt di dân từ phương Bắc xuống, chủ yếu từ các vùng thuộc cư dân Bách Việt. Cư dân họ hoàng ngày càng phát triển đến nay chiếm hơn 5 % dân số, xếp thứ 5 trong các dòng họ ở Việt Nam, một trong mười dòng họ lớn trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Người họ hoàng không chỉ có người kinh, mà còn những thành viên trong gia đình các dân tộc ít người như: Mường, Nùng, Tày, Thái, H'mông, Giao, Lô Lô...

Năm 1558 Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá đem theo nhiều người Thanh Nghệ trong đó có người họ Hoàng vào cùng, do kiêng tên huý Chúa Tiên (Nguyễn Hoàng), đã đổi họ từ Hoàng sang Huỳnh cùng một nghĩa (Hoàng, Huỳnh đều có nghĩa là vàng), từ đó xuất hiện họ Huỳnh ở phía Nam, một trong những dòng họ đông đảo trải dài từ nam sông Gianh đến mũi Cà Mau. Có một số người họ Hoàng vào Nam trước thời chúa Nguyễn Hoàng vẫn giữ họ Hoàng, trong đó có Họ Hoàng làng Nguyệt Biều - Huế, có nhà thờ họ Hoàng xây dựng cách đây hơn 500 năm.

Về nguồn gốc hai họ Hoàng - Huỳnh là một, nhưng bị phân làm hai, tồn tại suốt từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá, sau đó là thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước chia cắt làm hai miền tại giới tuyến sông Gianh. Đến năm 1802, thống nhất đất nước về cơ bản, Việt Nam trở thành một quốc gia có chiều dài từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau, sự di trú giữa họ Hoàng ở miền Bắc và họ Huỳnh ở miền Nam diễn ra, họ Hoàng xuất hiện ở miền Nam bên cạnh họ Huỳnh, nhưng vẫn chưa có ai đứng ra tổ chức thống nhất giữa hai dòng họ Hoàng - Huỳnh.

Năm 1954, hiệp đinh Giơnevo được ký kết, nước ta tạm chia làm hai miền thực hiện tập kết để chờ tổng tuyển cử, một bộ phận những người kháng chiến và gia đình từ miền Nam ra miền Bắc, trong đó có nhiều người họ Huỳnh cùng ra. Sự di dân từ miền Bắc vào miền Nam hơn một triệu người chủ yếu là đồng bào theo đạo Thiên chúa trong đó có người họ Hoàng.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhiều người họ Hoàng từ miền Bắc vào miền Nam chiến đấu rồi ở lại đây công tác, làm ăn sinh sống khi đất nước thống nhất.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, hoà bình thống nhất đất nước, nhiều cán bộ miền Bắc được điều động vào miền Nam, dân cư chuyển vào miền Nam làm ăn sinh sống ngày càng đông, có nhiều người họ Hoàng, số cán bộ miền Nam ra miền Bắc công tác có nhiều người họ Huỳnh, sự giao thoa giữa người họ Hoàng và họ Huỳnh diễn ra ngày càng tăng, nhất là ở miền Nam. Nhưng vẫn chưa có tổ chức kết nối hai dòng họ có chung một gốc.

Dù ở đâu, những người mang họ Hoàng, họ Huỳnh cũng đều có tâm nguyện tìm về cội nguồn Tổ Tiên để tôn vinh thờ cúng, nhưng do hoàn cảnh lịch sử của đất nước, chia cắt, chiến tranh, loạn lạc .....nên chưa có điều kiện thực hiện được tâm nguyện của mình.

Theo sáng kiến của cụ Hoàng Nghĩa Lược, mười thành viên họ Hoàng, họ Huỳnh đã gặp nhau vào năm 2004 tại Hà Nội - Thủ đô nghìn năm văn hiến thành lập ra Ban liên lạc họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam. Như vậy sau 446 năm từ thời Chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hoá rồi đến Trịnh - Nguyễn phân tranh, đất nước bị chia cắt, họ Hoàng cũng phân chia hai miền Nam Bắc, là họ duy nhất phải đổi tên ở phía nam sông Gianh, nay có Ban liên lạc họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam, mở ra một dấu mốc lịch sử cho sự thống nhất dòng họ có chung một gốc. Từ Ban liên lạc phát triển lên thành Hội đồng dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam. Ngày 1 tháng 12 năm 2019 Đại hội đại biểu họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam lần thứ

nhất nhiệm kỳ (2019-2024) được tổ chức tại Thành phố Hạ Long. Đây là Đại hội đầu tiên chính thức thống nhất họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam, một sự kiện thật ý nghĩa trong xây dựng và phát triển của tổ chức dòng họ. Trong gần hai thập kỷ vừa qua, Ban liên lạc, Hội đồng ở các khu vực, tỉnh thành, huyện quận, xã phường đã được thành lập, Hội đồng họ Hoàng - Huỳnh miền Bắc được thành lập sớm, hoạt động hiệu quả, là cơ sở kết nối phát triển ra các địa phương ở phía Bắc rồi phát triển vào miền Trung đến Thừa Thiên - Huế.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, Đại hội đại biểu họ Hoàng - Huỳnh miền Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức, một sự kiện quan trọng đánh dấu sự thống nhất họ Hoàng - Huỳnh nơi có đông đảo người họ Huỳnh vào Nam từ gần năm thế kỷ trước, cùng người họ Hoàng vào đây qua các giai đoạn. Hoàng, Huỳnh thống thống nhất thật vui mừng mở ra cho muôn đời con cháu mai sau.

Bắc Nam thống nhất đã lâu
Hoàng - Huỳnh nguồn cội sáng màu từ đây
Cùng dòng họ, cùng chung tay
Hướng về Tiên Tổ dựng xây vững vàng

Sau 18 năm hoạt động, nhất là từ Đại hội đại biểu họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam lần thứ nhất vào năm 2019 đến nay, các hoạt động xây dựng dòng họ đã phát triển toàn diện với những kết quả tích cực, thiết thực. Hoạt động của Hội đồng dòng họ đã và đang triển khai trên mọi mặt.

Ngày 6/8/2022, Hội nghị giữa nhiệm kỳ Hội đồng dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam đã đưa ra mục đích, phương châm hoạt động cụ thể của dòng họ:

Tập hợp - Đoàn kết - Tương trợ - Phát triển

Tìm về cội nguồn - Tri ân Tổ Tiên - Động viên con cháu.

B. CÁC NHÂN VẬT LỊCH SỬ HỌ HOÀNG - HUỲNH VIỆT NAM

Về truyền thống, trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, người họ Hoàng, họ Huỳnh có mặt ở mọi ngành, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhiều người thành danh khoa bảng, tướng tài, doanh nhân tiêu biểu, có tầm vóc được lưu danh trong mọi thời đại.

Con cháu họ Hoàng, Huỳnh đều phát huy truyền thống quí báu của Tổ Tiên, dòng họ để không ngừng phấn đấu vươn lên, có đóng góp xứng đáng cho quê hương, đất nước, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm rạng

danh cho dòng họ. Tự hào trong dòng họ có bà Hoàng Thị Loan, đã sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới; Cụ Huỳnh Thúc Kháng - Quyền Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Trong dòng họ còn nổi lên những tấm gương, những con người có tầm vóc, gắn liền với thời gian và không gian lịch sử nhất định.

Các nhân vật lịch sử:

Ngay từ khi mới thành lập, Ban liên lạc họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam đã đặt vấn đề nghiên cứu trong dòng họ qua các triều đại và thời đại Hồ Chí Minh chọn ra các nhân vật lịch sử. Đã viết cuốn sách: Các nhân vật lịch sử họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam Nam, với 255 nhân vật trên các lĩnh vực văn hóa, quân sự, chính trị, khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật, giáo dục, doanh nhân...Năm 2010 xuất bản quyển sách " Nhân vật lịch sử họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam dày 532 trang, phát hành trong dòng họ. Vẫn còn nhiều nhân vật nữa tiếp tục sưu tầm nghiên cứu bổ sung.

Đây là những nhân vật, những con người lỗi lạc, vừa làm vẻ vang cho dòng họ vừa góp phần tô thắm lịch sử của non sông đất nước.

Đây là những nhân vật góp phần làm nên lịch sử dân tộc và chính họ là những nhân vật lịch sử. Trong đó, rất nhiều người là những danh nhân Đất nước.

Giới thiệu những nhân vật lịch sử của dòng họ nhằm tôn vinh các thế hệ cha ông của dòng họ, những tấm gương tiêu biểu từng làm rạng rỡ truyền thống của gia đình và dòng tộc. Mặt khác qua giới thiệu là những lời nhắn nhủ của người xưa đối với con cháu đời nay. Qua đó tuyên truyền rộng rãi cho các thế hệ biết để tự hào về những nhân vật trong dòng họ đã có nhiều đóng góp cho dòng họ, cho dân tộc, cho đất nước, để phấn đấu noi theo.

Về tiêu chí nhân vật lịch sử: Tiêu chí chung là những người có chức tước, phẩm hàm, có vị trí trong xã hội, được nhiều người biết đến, có tiếng tăm trong một thời đoạn lịch sử, trong một không gian lịch sử, đã qua đời. Cuộc sống muôn màu, luôn luôn mang dấu ấn lịch sử. Bãi biển nương dâu, không có gì bất biến.

Những nhân vật lịch sử do các nhà khoa học về lịch sử, những người quan tâm nghiên cứu về lịch sử, các cá nhân ở từng chi họ các địa phương nghiên cứu phát hiện viết bài giới thiệu, Ban liên lạc dòng họ thảo luận tập hợp lại. Có người còn mặt này mặt khác, đồng thời cũng chưa xây dựng được quan niệm, các mặt biểu hiện của một danh nhân nên chưa xác định các danh nhân, mà mới tập hợp lại

chung là các nhân vật lịch sử. Trong số đó có nhiều người cũng đề cập đến là danh nhân của dòng họ, của đất nước.

Vinh danh:

Ngày 6 tháng 8 năm 2022 Hôi đồng dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam họp đã thống nhất hàng năm tổ chức vinh danh cho những người có thành tích xuất sắc trong dòng họ trên các lĩnh vực với các đối tượng sau:

- Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động.
- Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- Học sinh đạt giải quốc gia, quốc tế.
- Những người được phong hàm Giáo sư.
- Những người được tặng danh hiệu: Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, nghệ sĩ nhân dân.
- Các vận động viên, huấn luyện viên thi đấu quốc gia, quốc tế được huy chương.
- Các trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc trên các lĩnh vực.

Việc vinh danh nhằm động viên khuyến khích để các thành viên tiếp tục phấn đấu vươn lên hơn nữa, trở thành những danh nhân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm rạng danh cho dòng họ.

Hội đồng dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam cũng đặt ra vấn đề nghiên cứu tiêu chí của danh nhân làm cơ sở để xem xét tôn vinh.

C. CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ DANH NHÂN TIÊU BIỂU HỌ HOÀNG - HUỲNH VIỆT NAM

Trong số các nhân vật lịch sử của dòng họ, Hội đồng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam đã nghiên cứu thống nhất chọn cụ Huỳnh Thúc Kháng là Danh nhân tiêu biểu nhất của dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam.

Huỳnh Thúc Kháng : (1 tháng 10 năm 1876 - 21 tháng 4 năm 1947), là một chí sĩ yêu nước. Ông là Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1946-1947) và Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (giai đoạn từ 31 tháng 5 đến 21 tháng 10 năm 1946), trước đó ông từng giữ chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ thời thuộc Pháp. Nổi tiếng với tài năng, đức độ và lòng yêu nước, người dân Việt Nam thường nhắc đến ông với một tên gọi gần gũi: **Cụ Huỳnh**.

Thân thế

Theo tên chữ Hán trên trang bìa quyển *Tập diễn-văn của ông Hoàng-Thúc-Kháng*, in năm 1926 thì đúng ra đọc (và viết) tên ông phải là **Hoàng Thúc Kháng**. Tuy nhiên, do kiêng húy Đoan Quốc Công Nguyễn Hoàng, họ Hoàng phải đổi thành Huỳnh. Đến nay các tỉnh miền Trung và Nam vẫn dùng âm Huỳnh. Tuy vậy, vẫn có sách dùng *Hoàng Thúc Kháng*.

Ông sinh ngày 1 tháng 10 năm 1876, là người làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam. Cha ông là Huỳnh Văn Phương, tự Tấn Hữu, xuất thân nhà nông hào nhưng cũng học qua Nho học, nhiều phen thi cử nhưng không đỗ. Mẹ ông là Nguyễn Thị Tình, người làng Hội An nhưng cư trú làng Phú Thị (nay thuộc xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước), em ruột Phó bảng Nguyễn Đình Tựu.

Học vấn

Nguyên tên ông là **Huỳnh Văn Thước**, là con trai thứ 4 và là con trai út trong nhà, nhưng vì 2 anh trai mất sớm, chị gái cả Huỳnh Thị Duật sinh năm 1873, lấy chồng tại Hương Lâm, Tứ Chánh nay thuộc xã Tiên Hiệp - huyện Tiên Phước - tỉnh Quảng Nam nên ông là người con trai duy nhất. Bởi sự kỳ vọng của cha mẹ, từ nhỏ ông đã được rèn dạy để tiến thân bằng khoa cử.

Huỳnh Thúc Kháng vốn nổi tiếng thông minh, học giỏi và sớm đạt giải cao trong các kỳ thi. Ông bắt đầu học chữ Nho từ năm 8 tuổi dưới sự dạy dỗ của người cậu ruột là Tế tửu Quốc tử giám Nguyễn Đình Tựu, đổi tên là **Huỳnh Hanh**, tự là **Giới Sanh**. Năm 13 tuổi đã văn hay chữ tốt. Năm 1900 ông đậu Giải nguyên kỳ thi Hương năm Canh Tý 1900, được xưng tụng là một trong Thập Ngũ Phụng Tề Phi của đất Quảng Nam xưa. Năm Giáp Thìn 1904 ông đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Kế thừa truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc Việt Nam, cụ Huỳnh Thúc Kháng không ra làm quan mà dấn thân vào các hoạt động yêu nước diễn ra sôi nổi những năm đầu thế kỷ XX.

SỰ NGHIỆP

Lãnh đạo phong trào Duy Tân

Năm 1905, cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp đi tìm hiểu tình hình thực tế ở phía Nam, xem xét dân tình, sĩ khí, đề xướng tân học và tìm bạn cùng chí hướng. Năm 1906, trở về Quảng Nam khởi xướng, lãnh đạo phong trào Duy tân. Năm 1908, cụ Huỳnh Thúc Kháng bị thực dân

Pháp bắt, đày đi tù Côn Đảo suốt 13, đến mãi năm 1921 mới được trả tự do.

Hoạt động trong Nghị viện Trung Kỳ

Sau khi được trả tự do, cụ Huỳnh Thúc Kháng lại tích cực hoạt động đòi quyền lợi cho dân, cho nước. Năm 1926, ông đắc cử dân biểu rồi được cử làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kì. Trong ba năm hoạt động ở Viện, ông cương quyết tranh đấu trong nghị trường, rồi nhân việc chống lại Khâm sứ Pháp Jabouille, ông từ chức.

Sáng lập báo Tiếng Dân

Năm 1927, ông sáng lập ra nhà in và báo Tiếng Dân nhằm bảo vệ dân, Đặc đặc biệt nông dân, chống chính quyền Pháp hà khắc và bọn quan tham ô lại, suốt thời gian này Ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo tại Huế cho đến khi tờ báo Tiếng Dân bị đình bản vào năm 1943.

Tham gia Chính phủ Liên hiệp

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, trân trọng tài năng, đức độ của cụ Huỳnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời cụ tham gia nội các Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Theo sử gia Trần Trọng Kim thì trong thời gian này, khi được hỏi về công việc, Huỳnh Thúc Kháng đã nói: *"Bây giờ việc gì cũng do địa phương tự trị cả, thành ra không có việc gì mấy, và khi có việc gì, thì họ làm sẵn xong cả rồi, tôi chỉ có vài chữ ký mà thôi"*.

Đầu năm 1946, cụ làm Chủ tịch hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam. Tháng 5/1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp, Cụ được giao chức vụ Quyền Chủ tịch nước (31/5/1946-20/10/1946). Với cương vị Quyền Chủ tịch nước, cụ Huỳnh đã tham gia giải quyết nhiều công việc, góp phần quan trọng điều hành bộ máy Nhà nước, chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ, chỉ đạo giải quyết kịp thời những vấn đề về đối nội và đối ngoại theo phương châm “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn.

Cuối năm 1946, Cụ là Đặc phái viên của Chính phủ vào cơ quan Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Trung Bộ tại Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (tháng 12/1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh cử cụ Huỳnh làm Đặc phái viên của Chính phủ đi kinh lý miền Trung để giải thích đường lối kháng chiến, kêu gọi toàn dân ủng hộ Chính phủ, ủng hộ cách mạng. Đầu năm 1947, tiếp tục hành trình đi kinh lý miền Trung, do tuổi cao, sức yếu và lâm bệnh nặng, cụ Huỳnh qua đời tại huyện Nghĩa Bình tỉnh Quảng Ngãi ngày 21/4/1947 trong niềm tiếc thương vô hạn của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước.

Theo tâm nguyện của cụ, nhân dân đã an táng cụ trên đỉnh núi Thiên Ấn. Nơi đây là đệ nhất thắng cảnh của Quảng Ngãi , "Thiên Ấn (Ấn trời đóng xuống sông)". Nhà lưu niệm Huỳnh Thúc Kháng tại xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, Quảng Nam vẫn còn lưu giữ nhiều kỷ vật có giá trị, được một người cháu nuôi trong dòng tộc bảo quản.

MỘT TẤM GƯƠNG DŨNG CẢM, MỘT Ý CHÍ QUẬT CƯỜNG

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, mấy tháng sau cụ Huỳnh nhận được bức điện mời mời Cụ ra làm Bộ trưởng Bội Nội vụ, bức điện ký tên Hồ Chí Minh - Chủ tịch và Nguyễn Hải Thần Phó chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cụ trả lời: " Thời tiết xấu, tôi chưa đi được. Tôi không thể nhận chức Bộ trưởng, nhưng trước sau cũng sẽ gặp hai cụ..." . Rồi đến điện của ông Võ Nguyên Giáp: " Việc đại nghĩa, mong cụ đừng bỏ qua, Hồ Chủ Tịch trông được gặp cụ".

Cuộc gặp giữa hai cụ thật cảm động. Hai cụ khóc. Cụ Hồ ôm choàng cụ Huỳnh nói: "Tôi tưởng đã bỏ thây ở nước ngoài vì mấy chục năm trời gặp không biết bao nhiêu gian nan nguy hiểm". Cụ Huỳnh nói: khi ở Côn Lôn, tôi cũng tưởng không có ngày phục vụ Tổ quốc, dân tộc vì án chung thân, nay gặp cụ, tôi hả lắm".

Cụ Tú Nguyễn Hải Thần tranh thủ đến gặp cụ Huỳnh mời về nhà riêng ăn tiệc với đại diện hai đảng thân tưởng giới Thạch. Cụ Huỳnh cố gắng thuyết phục họ nên cộng tác thật sự với Chính phủ liên hiệp. Khi về, cụ rất ngán cu Tú Thần, bảo: " Làm cách mạng như vậy thì sướng thật ! Thấy bàn đèn, thấy mụ vợ Tàu trẻ, tự nhiên hết tưởng".

Chính phủ liên hiệp có 10 vị, thiếu Bộ trưởng Bộ Nội vụ nên chưa ra mắt được, cụ Huỳnh từ chối mãi, bảo nên giành cho người trẻ. Cụ Hồ nói: Người lanh lợi, tài giỏi không thiếu. Nhưng lại thiếu người có uy tín gửi quốc dân, đồng bào cả ba Kỳ. Trên con đường đấu tranh giành độc lập, Cụ đã đi được 99 dặm, chỉ còn một nữa, xin cụ đừng thoái thác.

Cuối cùng, cụ Huỳnh đành nhận. Nếu cu thấy ba chữ Huỳnh Thúc Kháng còn có chỗ dùng với Tổ quốc thì tôi xin hiến cho cụ dùng.

Ngày 2 tháng 3 năm 1946, Quốc hội họp kỳ đầu tiên thông qua Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Nguyễn Hải Thần chạy sang Tàu, cụ Huỳnh vỗ tay bảo: quả mình nhìn người không sai! Thế cũng hay!

Trong chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, dù tuổi cao, nhưng với lòng yêu nước nhiệt thành, Cụ đã nhận lời gánh vác

việc nước, sát cánh cùng các chiến sĩ cộng sản và đồng bào cả nước vượt qua khó khăn, giữ vững nền dân chủ cộng hòa non trẻ. Ngày 03/11/1946, Chính phủ mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu có lời tuyên bố trước Quốc hội: "như Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng tôi vì đại nghĩa mà lưu Cụ, Cụ cũng gắng ở lại… Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới".

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, cách mạng Việt Nam đứng trước hoàn cảnh hết sức khó khăn, phức tạp, có lúc như nghìn cân treo sợi tóc. Trong bối cảnh ấy, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã tham gia điều hành các công việc của Chính phủ, lãnh đạo và tổ chức thành công việc ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước, tiến hành đấu tranh với quân đội Trung Hoa Dân quốc (quân Tưởng) và đối phó với hành động bạo lực lấn lướt của thực dân Pháp khi chúng thay thế quân Tưởng ở Bắc vĩ tuyến 16.

Bắt đầu làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ Huỳnh Thúc Kháng dự phiên họp đầu tiên của Chính phủ vào ngày 4/3/1946 và sau đó đảm nhiệm vị trí quyền Chủ tịch Chính phủ, theo Sắc lệnh số 82 ngày 29/5/1946, do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, khi Người đi thăm Pháp, cho đến ngày 21/10/1946, khi Hồ Chí Minh về nước. Sau đó, cụ lại tiếp tục được tái nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ mới. Điều đó thể hiện sự tin tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng trong lúc cuộc kháng chiến hết sức nguy nan.

Dù ở cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, hay quyền Chủ tịch nước, cụ Huỳnh đã làm hết sức mình phụng sự cho đất nước. Đặc biệt trong thời gian giữ chức vụ quyền Chủ tịch nước, cụ đã ký 160 sắc lệnh (từ Sắc lệnh số 92 đến 251) và quyết định nhiều vấn đề quan trọng khi chủ trì các phiên họp của Hội đồng Chính phủ và đã thể hiện rất thành công trong thực hiện phương châm "dĩ bất biến ứng vạn biến" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong việc đối phó với kẻ thù và chuẩn bị lâu dài mọi mặt cho cuộc kháng chiến sắp tới chống lại thực dân Pháp.

Những đóng góp của cụ Huỳnh Thúc Kháng trong công cuộc điều hành đất nước, phối hợp chặt chẽ với những người cộng sản và tất cả các lực lượng yêu nước trong Chính phủ đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao.

Trong Lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về, ngày 23/10/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chia sẻ niềm tin tưởng và cảm ơn tới cụ Huỳnh Thúc Kháng: "Trong lúc tôi đi vắng, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của cụ Huỳnh quyền Chủ tịch,

sự săn sóc giúp đỡ của Quốc hội, sự ra sức gánh vác của Chính phủ, sự đồng tâm hợp lực của quốc dân, mà giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ".

Từ ngày 28/10 đến ngày 09/11/1946, Quốc Hội họp kỳ thứ hai tại Thủ đô Hà Nội, các đại biểu Quốc hội đã chất vấn Ban thường trực và Chính phủ nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực chính trị, quân sự ngoại giao, kinh tế, tài chính, nội vụ. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng nhiều vị Bộ trưởng đã trả lời nhiều câu hỏi do các đại biểu Quốc hội nêu ra.

Khoảng cuối tháng 11/1946, trên cương vị đặc phái viên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đi kinh lý miền Trung Bộ. Đi đến đâu, cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng được cán bộ lãnh đạo địa phương đón tiếp chu đáo và tổ chức mít tinh để cụ Huỳnh có điều kiện nói chuyện với nhân dân, giải thích đường lối kháng chiến và kiến quốc của Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vận động mọi người tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống xâm lược. Đặc biệt, cụ Huỳnh Thúc Kháng luôn ca ngợi đạo đức và tài năng của Bác Hồ, khuyên mọi người triệt để thi hành lệnh của Người.

Đầu tháng 4/1947 vừa vào đến Quảng Ngãi thì cụ Huỳnh bị bệnh nặng. Trước khi qua đời, trong những lời trối trăng với đại diện các đảng phái, cụ Huỳnh đã viết: "*Mong anh em hãy thực hiện ngay đại đoàn kết xung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng xuất chúng, vị anh hùng của dân tộc...*". Ngày 14/4/1947, trong điện gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh đã viết: "*Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước đã được độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không được gặp Cụ lần cuối cùng! Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân lên đường vinh quang, hạnh phúc*"....

ĐÁNH GIÁ

Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng, nhà lãnh đạo mẫu mực, người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cụ luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết. Nhân cách cao đẹp, cùng tài năng, đức độ, ý chí quật cường của cụ Huỳnh Thúc Kháng, quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cả cuộc đời không màng danh vị, không vì giàu sang, luôn phấn đấu, hy sinh cho hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển của đất nước. Cuộc đời của Cụ mãi mãi là tấm gương sáng ngời về mọi mặt để thế hệ cán bộ và nhân dân Việt Nam hôm nay cần noi theo phấn đấu không mệt mỏi cho một đất nước Việt Nam hùng cường,

thịnh vượng, phát triển dựa trên ý chí tự chủ, tự cường, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng đối với quần chúng nhân dân không phải là một con người có tính chất huyền thoại, mà Cụ đã sống rất gần gũi với nhân dân. Từ khi tóc còn để chỏm ôm sách "học đạo" ở các trường làng cho đến ngày trở thành một chính khách, một "Quyền chủ tịch nước", Cụ vẫn không bao giờ xa rời nhân dân. Huỳnh Thúc Kháng đã có những đóng góp và vai trò rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.

Ngày 29/4/1947, Chính phủ tổ chức Lễ truy điệu cụ Huỳnh Thúc Kháng theo nghi thức Quốc tang. Trong khi tiến hành lễ Quốc tang cụ Huỳnh Thúc Kháng - Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Ban tổ chức lễ tang đã trang trọng uy nghiêm đọc bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi vào: "Cụ Huỳnh là người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước mà Cụ trước đây bị bọn thực dân làm tội, đày ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường gian nan cực khổ, nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của Cụ chẳng những không sờn, mà lại thêm cương quyết. Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm siêu lòng, nghèo khó không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan. Cả đời cụ Huỳnh không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thèm làm giàu. Cả đời Cụ Huỳnh chỉ phấn đầu cho dân được tự do, nước được độc lập, đến ngày nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập Chính phủ ta mời Cụ ra. Tuy đã 71 tuổi, nhưng Cụ vẫn hăng hái nhận lời, Cụ nói: "Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái, ai cũng ra sức phụng sự Tổ Quốc. Cụ Huỳnh tạ thế, nhưng cái chí vì nước, vì nhà của Cụ vẫn luôn sống mạnh mẽ trong lòng hai mươi triệu đồng bào chúng ta".

Trong bài điếu văn "Thương tiếc cụ Huỳnh Thúc Kháng" đọc đầy xúc động của đại diện Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh Quảng Ngãi đã kết thúc bằng hai vế đối thật súc tích, đầy ý nghĩa.

"Làm nghệ sĩ không vinh, tù Côn Lôn không nhục, khí tiết cội Tùng trơ mộ gốc
Làm Bộ trưởng trọn tài, quyền Chủ tịch trọn đức, tinh anh sao Vì chiếu ngàn thu"

Tri ân và ghi nhận công lao, đóng góp to lớn của cụ Huỳnh Thúc Kháng, Ngày 19 tháng 2 năm 2013, Chủ Tịch Nước Trương Tấn Sang đã ký quyết định truy tặng Huân chương Sao Vàng để ghi nhận công lao của ông đối với đất nước. Trong bài phát biểu tại lễ truy tặng Huân chương Sao vàng cụ Huỳnh Thúc Kháng, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang có đoạn*: "Cụ là niềm tự hào của nhân dân Việt*

Nam nói chung, của đồng bào Quảng Nam, của họ Huỳnh xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước nói riêng. Cuộc đời hoạt động và nhân cách cao đẹp cùng tài năng, đức độ của nhà văn hoá, chí sĩ yêu nước, Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng là tấm gương sáng để các thế hệ con cháu hôm nay và mai sau học tập và noi theo.

TƯỞNG NHỚ

Để tưởng nhớ đến Cụ, tại nhiều tỉnh và thành phố như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Nam, Hạ Long (Quảng Ninh), Quảng Ngãi, Nhơn Trạch (Đồng Nai)... có những con đường và ngôi trường phổ thông trung học mang tên Huỳnh Thúc Kháng.

TÁC PHẨM

Huỳnh Thúc Kháng đồng thời là một nhà thơ, một nhà nghiên cứu văn học và lịch sử. Ông còn có nhiều bút danh khác như: *Sử Bình Tử, Tha Sơn Thạch, Khi Ưu Sinh, Xà Túc Tử, Thức Tự Dân, Ưu Thời Khách, Hải Âu, Ngu Sơn, Khách Quan*... Tác phẩm chủ yếu còn giữ hiện nay là:

- *Thi Tù Tùng Thoại*
- *Lịch sử Phan Tây Hồ tiên sinh*
- *Thơ văn với thời đại*
- *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam (ký Phi Bằng)*
- *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ*
- *Bức thư gởi Cường Để*
- Và rất nhiều thơ chữ Quốc ngữ, chữ Hán có giá trị khác.

Bài thơ **Bài ca lưu biệt** của ông viết năm 1908, trước khi ông bị đày ra Côn Đảo, từng được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân miền Trung thời kỳ Pháp thuộc:

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi tiết gian nan.
Đấng trượng phu tùy ngộ nhi an,
Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn.
Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,
Thâm tiêu do hứa mộng hoàn gia,
Bấy nhiêu năm cũng vẫn chưa già.
Nọ núi Ấn, này sông Đà
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.
Kìa tụ tán chẳng qua là tiểu biệt,
Ngựa Tái ông họa phúc biết về đâu!

Một mai kia con tạo khéo cơ cầu,
Thảy bốn biển cũng trong vòng trời đất cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Dẫu đến lúc núi sụp, biển lồi, trời nghiêng, đất ngả,
Tấm lòng vàng, tạc đá vẫn chưa mòn.
Trăng kia khuyết đó lại tròn!

CÂU CHUYỆN BÁC HỒ VỚI CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG

Khi ra Hà Nội gặp Bác Hồ, Cụ Huỳnh nói: Tôi ra đây là cốt gặp cụ, chớ lúc này là lúc cần tăng gia sản xuất mà tôi không biết cầm cày, cầm cuốc; lại cần phải kháng chiến mà tôi lại không mang súng nổi. Cụ nên kiến nghị người trẻ thạo việc để trao nhiệm vụ thì hơn.

Sau nhiều lần trao đổi cuối cùng cụ Huỳnh Thúc Kháng đã nhận lời tham gia Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Tại cuộc họp đầu tiên của Quốc hội ngày 2-3-1946, khi giới thiệu danh sách Chính phủ Liên hiệp để Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày:

Bộ Nội vụ: một người đạo đức danh vọng mà toàn quốc dân ai cũng biết: cụ Huỳnh Thúc Kháng. Sau đó cụ Huỳnh lại được cử làm Hội trưởng Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Gọi tắt là Hội Liên Việt).

Sáng ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà Nội đi Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức với Chính phủ Pháp. Sân bay Gia Lâm hôm ấy đông nghịt người ra tiễn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đi một vòng chào các đại biểu và đồng bào. Đồng bào vẫy cờ, vỗ tay hoan hô và chen lấn nhau ra phía trước để được nhìn rõ Người.

Sắp đến giờ lên máy bay, Bác tới nắm tay cụ Huỳnh nói:

Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ “dĩ bất biến ứng vạn biến" (lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi).

Cụ Huỳnh rất cảm động, cầm tay Bác Hồ lâu, Bác đã uỷ nhiệm cụ Huỳnh làm Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Bác đi vắng.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, có lúc cụ Huỳnh Thúc Kháng cảm thấy cô đơn, chán nản. Từ sau khi được gặp và hiểu rõ Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh Thúc Kháng vui mừng vì được gặp người bạn già tri kỷ là Hồ Chí Minh.

Cụ đã nói với một người bạn" "Dân ta có Cụ Hồ quả là hồng phúc". Trong bài "Thất thập tự thọ", cụ Huỳnh viết:

"Bảy tuần đầu bạc như bông
Gặp người tri kỷ thôi xong đã già"

Thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp, cụ Huỳnh đã có bài thơ ca ngợi Người:

"*Tung hoành bể Sở với non Ngô*
Đàm lược ai hơn Chủ tịch Hồ
Mưa gió dãi dầu bao tuế nguyệt
Nước non gây dựng nổi cơ đồ
Sen kia chẳng ngại hôi bùn lấm
Tùng nọ bao phen ngọn gió xô
Khắp cả ba kỳ đều tín nhiệm
Rộn ràng muôn miếng tiếng hoan hô"

Giải thích về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, cụ Huỳnh nói: "Hội đồng Chính phủ không bán nước!... Tôi xin tuyên bố vắn tắt với anh em, đó chẳng qua là một nước cờ của Hồ Chủ tịch với cả nước Pháp lẫn Tưởng Giới Thạch, Hồ Chủ tịch là một tay cao cờ. Tôi chắc chắn và anh em cứ đinh ninh rồi đây thế nào mình cũng thắng thế".

Trước ngày cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ngày 3-11-1946, báo cáo trước Quốc hội về việc thành lập Chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu cụ, cụ cũng gắng lại.

Sau đó, cụ Huỳnh được Bác cử đi kinh lý miền Trung và miền Nam Trung Bộ với danh nghĩa đại diện Chính phủ Trung ương. Cuối năm 1946, khi về thăm quê hương Tiên Phước, cụ Huỳnh tâm tình với bà con: "Tôi đã vào loại sáng nhưng cụ Hồ lại sáng hơn tôi nhiều. Cụ Hồ có những người giúp việc thông minh lắm, giỏi lắm, tin tưởng lắm.

Cụ Hồ rất vĩ đại, dưới có đội ngũ giúp việc tài năng nhất định sẽ đưa dân tộc ta đến toàn thắng. Ở Hà Nội, Hồ Chủ tịch tiết kiệm lắm. Mỗi bữa cơm, cụ Hồ chỉ dùng có một quả trứng ".

Đầu năm 1947 với danh nghĩa Hội trưởng Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, Cụ Huỳnh viết bức thư dài bằng chữ Hán (thể phú) nhan đề: "Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư".

Nói về Hồ Chủ tịch và Cách mạng Tháng Tám năm 1945, bức thư có đoạn (theo bản dịch của Nguyễn Văn Hạp…): "Người thân yêu, kính mến nhất của đồng bào quốc dân ta là Hồ Chí Minh tiên sinh. Là bậc yêu nước đại chí sĩ, là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia, chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm…"

Đầu tháng 4 năm 1947 tại Quảng Nam, trong một buổi nói chuyện với các thân hào nhân sĩ, có người lên tiếng hỏi cụ Huỳnh: "Tôi thuở nay nghe biết tên nhiều nhà cách mạng hoạt động trong nước cũng như ở nước ngoài. Nhưng chưa từng nghe tiếng ông Hồ Chí Minh. Vậy Hồ Chí Minh là ai?

Cụ Huỳnh trả lời: Ông Hồ Chí Minh là con cụ Phó bảng Sắc ở Nghệ An, suýt soát lớp ông và tôi. Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước Âu, Á, Phi và hoạt động bí mật, tất nhiên là thay tên đổi họ luôn luôn để tránh màng lưới mật thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc. Chắc ông biết, nhiều người biết".

Cụ Huỳnh nhận xét: "Ông Hồ không phải như nhiều người khác mượn hai tiếng cách mạng để rồi làm giàu hoặc làm quan to như các ông tưởng đâu. Ông Hồ không đồng xu dính túi. Nói về bằng cấp thì ông Hồ không là tiến sĩ, phó bảng gì cả. Nhưng nói về tri thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta không ai bằng kịp. Sự hiểu biết của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước mà cả việc thế giới nữa. Nước này tương lai sẽ đi về đâu? Nước kia rồi đây sẽ thế nào? Ông nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán".

Bác Hồ đối với cụ Huỳnh như đối với người thân. Nhiều chi tiết nhỏ trong mối quan hệ giữa Bác và Cụ đã nói lên điều này. Có một chai tương Nam Đàn do bà Nguyễn Thị Thanh (chị gái của Bác) đem ra làm quà, Bác cũng mời cụ Huỳnh đến dùng cơm để cùng thưởng thức hương vị quê hương xứ Nghệ. Lại có lần nhân dân Thái Bình gửi biếu hai chai mắm tôm đặc sản, Bác cũng viết thư gửi biếu cụ một chai. Cả trong chuyện thường ngày giữa hai người cũng hóm hỉnh thân tình.

Có một lần vào năm 1946, gặp Bác, cụ Huỳnh ứng tác hai câu thơ "nhắc nhở":

"Năm mươi sáu tuổi vẫn chưa già
Cụ ông thay, Cụ bà không?"

Lúc ấy Bác chỉ cười, nhưng rồi trong thời gian sang Pháp bên cạnh những bức điện văn gửi về hỏi tình hình và thăm cụ Huỳnh, Bác còn có riêng một bài thơ gửi cụ:

"Nghĩ rằng ra thơ để trả lời
Nhớ ơn cụ lắm cụ Huỳnh ơi
Non sông một mối chung nhau gánh
Độc lập xong rồi cưới vợ thôi."

Tháng 4-1947, cụ Huỳnh bị ốm nặng. Từ Quảng Ngãi, trên giường bệnh, ngày 14-4-1947, cụ Huỳnh đọc cho người thư ký riêng của mình ghi bức thư gửi Hồ Chủ tịch: “ Kính gửi Hồ Chủ tịch Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện, thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không được gặp Cụ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân trên đường vinh quang hạnh phúc Chào Vĩnh Quyết ”

Rất thương tiếc và đau buồn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

Gửi toàn thể đồng bào sau ngày cụ Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng tạ thế "Hỡi đồng bào yêu quý, Vị chiến sĩ lão tiền bối Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Hội trưởng Hội Liên hiệp Quốc dân vừa tạ thế.Trước sự đau xót đó, Chính phủ ta đã ra lệnh làm Quốc tang. Nhân dịp này, tôi có vài lời báo cáo cùng đồng bào.

Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước, mà trước đây cụ bị bọn thực dân làm tội, đầy ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường, gian nan cực khổ. Nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của cụ Huỳnh, chẳng những không sờn lại thêm kiên quyết.

Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan. Cả đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập.

Đến nay nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập, Chính phủ ta mời cụ ra. Tuy đã hơn 7l tuổi, nhưng cụ vẫn hăng hái nhận lời. Cụ nói: "Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già trẻ, trai, gái, ai cũng phải ra sức phụng sự Tổ quốc".

Nay chẳng may cụ Huỳnh sớm tạ thế, trước khi được thấy kháng chiến thành công.

Cụ Huỳnh tuy tạ thế nhưng cái chí vì nước, vì nòi của cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng 20 triệu đồng bào chúng ta.

Hỡi đồng bào yêu quý,

Chúng ta thương tiếc cụ Huỳnh vô cùng. Nhưng chúng ta không nên thương tiếc bằng cách than khóc rầu rĩ. Chúng ta thương tiếc cụ bằng cách: "càng đoàn kết chặt chẽ, càng hăng hái kháng chiến; bằng cách: theo gương dũng cảm, noi chí quật cường của cụ; bằng cách: hoàn thành sự nghiệp cứu nước, cứu dân mà cụ đã ra sức đeo đuổi suốt đời. Chúng ta phải đồng thanh thề trước tiên linh của cụ Huỳnh rằng:

Đồng bào Việt Nam quyết theo gương kiên quyết của cụ.
Con Rồng cháu Tiên quyết không làm nô lệ.
Tinh thần kháng chiến của cụ Huỳnh sống mãi.
Việt Nam thống nhất và độc lập muôn năm!
Ngày 29 tháng 4 năm 1947
HỒ CHÍ MINH

Ngày 3-5-1947, phóng viên các báo Việt Nam đi thăm mặt trận X, may mắn lại được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đến thăm mặt trận đó. Nhắc đến Huỳnh Bộ trưởng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rơi nước mắt mà nói rằng:

Cụ Huỳnh là một nhà cách mạng rất kiên quyết, trung thành. Cụ mất là một điều thiệt thòi lớn cho dân tộc, cho Tổ quốc ta. Nhưng tôi tin chắc rằng sẽ có hàng vạn, hang ức đồng bào theo gương dũng cảm vì nước vì dân của cụ Huỳnh.

Nhân giỗ đầu của cụ Huỳnh, Người có điện thăm hỏi đến gia đình. “Điện gửi gia đình cố Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng GỬI GIA ĐÌNH HUỲNH BỘ TRƯỞNG. Nhân ngày giỗ đầu cố Bộ trưởng, thay mặt Chính phủ, tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn cụ và xin gửi tới gia đình cụ lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 21 tháng 4 năm 1948.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng, nhà lãnh đạo mẫu mực, người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết. Tìm hiểu cuộc đời sự nghiệp của quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng, các thế hệ người họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam thấy tự hào và nguyện “theo gương dũng cảm, nối chí quật cường của Cụ”, học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy tinh thần yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tham gia đóng góp xây dựng dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam ngày càng

phát triển vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là danh nhân văn hoá thế giới. Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng là Danh nhân văn hoá của Việt Nam, Danh nhân tiêu biểu nhất trong dòng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam.

D. VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU DANH NHÂN

Trải qua quá trình lịch sử, dựng nước và giữ nước, đấu tranh chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thật kiên cường, bất khuất và hào hùng. Dân tộc Việt Nam đã xuất hiện rất nhiều Danh nhân trên các lĩnh vực, tiêu biểu nhất trong mọi thời đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã được tổ chức UNESCO tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới, niềm vinh dự tự hào cho đất nước ta, dân tộc ta. Trong các triều đại và thời đại Hồ Chí Minh, còn rất nhiều danh nhân trên các lĩnh vực cần được nghiên cứu, lựa chọn, tôn vinh.

Viện nghiên cứu Danh nhân thuộc Trung ương Hội khoa học phát triển nguồn Nhân lực - Nhân tài Việt Nam được thành lập để nghiên cứu trên lĩnh vực này là rất thiết thực và ý nghĩa. "Cuộc hội thảo Nghiên cứu danh nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn" được tổ chức. Trên cơ sở kết luận của hội thảo để tiến tới đưa ra được những vấn đề cơ bản quan niệm về danh nhân.

Thế nào là danh nhân, những phẩm chất đặc biệt của danh nhân, giá trị, bài học về cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân trong sự đánh giá và tôn vinh của xã hội, những đặc điểm và phong cách của danh nhân trong hoạt động lao động sáng tạo cụ thể, cơ cấu loại hình danh nhân. ...Đây là cơ sở khoa học quan trọng để vận dụng vào xem xét lựa chọn, tôn vinh các danh nhân trong dòng họ.

Hội đồng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam chúng tôi đang triển khai xây dựng nhà thờ họ, trong khu văn hoá tâm linh của dòng họ có nhà truyền thống, sau sẽ phát trển lên thành Bảo tàng họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam. Hội đồng dòng họ đã bàn đến việc lựa chọn tôn vinh các nhân vật tiêu biểu đó là các Danh nhân họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử từ thời Hùng Vương cho đến nay. Đồng thời đã bàn đến việc lựa chọn vinh danh các nhân vật tiêu biểu, danh nhân họ Hoàng - Huỳnh Việt Nam đang hoạt động hiện nay để đưa vào giới thiệu trong nhà truyền thống, bảo tàng. Khi có kết luận các vấn đề quan niệm về danh nhân sẽ là cơ sở sở khoa học để hội đồng dòng họ nghiên cứu áp dụng thực hiện.

Có được cơ sở khoa học về danh nhân để các dòng họ áp dụng tôn vinh những danh nhân trong dòng họ, sẽ có tác dụng rất lớn đến việc tuyên truyền, định hướng cho các thế hệ trẻ trong dòng họ noi theo học tập phấn đấu vươn lên để xây dựng dòng họ góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

DANH NHÂN KHOA BẢNG TIÊU BIỂU DÒNG HỌ GIÁP - THÂN

TS. GIÁP BÌNH NGA - VIỆN VITRA

Ngược dòng lịch sử, dòng họ Giáp (甲) và họ Thân (申) được xác định cùng chung nguồn cội. Dựa vào kết quả các công trình nghiên cứu khoa học (Tọa đàm khoa học 1000 năm họ Thân tại Văn Miếu Quốc Tử Giám), nhiều nhà sử học đã xác nhận là: họ Thân Việt Nam xuất phát từ dòng họ Giáp. Khởi phát chính của họ Thân tại Việt Nam bắt đầu từ Giáp Thừa Quý là người đứng đầu động Giáp, phò mã của vua Lý Thái Tổ, được vua Lý đổi họ sang họ Thân bằng việc ban thêm cho một nét chữ vào chữ Giáp (甲), tên họ, để trở thành chữ Thân (申). Từ đó, dân động Giáp phần nhiều mang họ Thân để ghi ơn vua. Dòng họ kép này cho đến nay có các danh nhân khoa bảng tiêu biểu.

Danh nhân khoa bảng tiêu biểu dòng họ Giáp là Trạng Nguyên Giáp Hải, theo tổng hợp từ gia phả họ Giáp và văn bia dòng họ (Lâm Giang, Trạng Nguyên Giáp Hải, Nxb Khoa học xã hội, 2009), ông sinh năm 1517, mất năm 1586. Năm 1538, Giáp Hải đỗ Tiến sĩ Đệ nhất giáp - Trạng Nguyên.



Sách đá do Giáp Hải soạn, khắc 1549.
Nguồn: Bảo tàng Bắc Giang.
Sách đã được đề xuất là Bảo vật Quốc gia năm 2017.

Giáp Hải không chỉ là nhà khoa bảng lừng lẫy, bậc tể thần của vương triều, mà còn được coi là hàng Bắc đẩu của học vấn nước Nam. Ông có các tác phẩm:

"Tuy Phong tập", "Ứng đáp bang giao tập", "Cổ kim bang giao bị lãm", "Cao lâu tỳ bà ký", "Thuận minh", "Tạ sĩ biểu", "Kim khê", 'Ngọc kiều". Nhưng phần lớn các tác phẩm này đã mất. Hiện chỉ còn: "Cổ kim bang giao bị lãm" gồm các bài biểu, tấu, công văn, trong có chép lẫn bài của người khác, và một số văn thơ trong "Lịch triều hiến chương loại chí", "Việt thi tục biên", "Phong tục sử",... và một số bài văn bia, trong đó tiêu biểu là văn bia "Tiên khảo Thái bảo Giáp phủ quân mộ chí"- bia mộ do đích thân ông soạn cho thân phụ Giáp Đức Kỳ. Bia khắc vào ngày 26 tháng 12 năm Kỷ Dậu niên hiệu Cảnh Lịch thứ 2 (1549). Hiện nay vẫn còn được dòng họ Giáp lưu giữ tại quê nhà Bắc Giang.

Phò tá triều Mạc qua 4 đời vua (Mạc Đăng Doanh, Mạc Phúc Hải, Mạc Phúc Nguyên, Mạc Mậu Hợp), Trạng nguyên Giáp Hải luôn tận tụy, lấy lời trung và lòng chính trực của một nhà nho để khuyên can vua lo việc chính sự. Năm 1578, Giáp Hải dâng sớ cảnh tỉnh nhà vua 6 điều đáng sợ.

"…Nay chính sự mỗi ngày một bậy… làm lễ tiên tổ… lễ vật kính dâng cẩu thả. Ấy là một điều đáng sợ. Nay những người bên cạnh bệ hạ quen thói nịnh hót, dỗ dành chơi bời để cầu hợp ý bệ hạ. Cung cấm là chỗ rất nghiêm mà nay ra vào không cấm kỵ, tuyên bố mệnh lệnh và thu nạp lời can là việc rất cẩn thận mà nay bị che lấp không thông. Ấy là hai điều đáng sợ.

Nay các quan trên dưới, người không ham lợi mười phần chỉ được hai, ba, còn ngoài ra đắm đuối về lợi cả. Nào những lạm quan tước, nào chiếm đoạt ruộng đất, các quan phiên trấn sách nhiễu và mua rẻ của dân không việc gì là không làm. Ấy là ba điều đáng sợ.

Nay xem quan lại trong ngoài, kể là chính đáng thì mười người chỉ độ hai, ba, còn đều là gian tà cả. Khi có sắc chỉ truyền việc gì thì quan lại sách nhiễu. Khi có kiện cáo to nhỏ thì đòi tiền đút lót, không biết đâu là cùng. Ấy là bốn điều đáng sợ.

Nay việc công, việc tư đều bị sách nhiễu khổ sở, dân khó lòng sống được, vậy thì đất nước nương tựa vào ai? Ấy là năm điều đáng sợ. Nay tướng soái trái ngược nhau, mỗi người một ý, quân sao thắng được? Ấy là sáu điều đáng sợ.

Ngoài ra còn nhiều việc trái ngược đạo lý không kể xiết được… xin bệ hạ tự răn, lo sợ, thay đổi việc chính sự. Khi lòng dân đã hòa thì ý trời cũng thuận. Nếu bệ hạ chỉ say đắm về sự yên vui, không chịu răn chừa sửa đổi thì sẽ có ngày suy vong, không sao giữ được nữa".

Ba năm sau (1581), Giáp Hải lại có sớ khuyên vua lo việc chính sự, võ bị. Đặc biệt nhấn mạnh lấy dân làm gốc: "Lại xin bệ hạ tôn trọng gốc nước cố kết lòng dân, hậu đãi mà đừng làm khốn dân, giúp đỡ mà đừng làm hại dân, dè dặt chứ không dùng hết sức của dân, nhẹ bớt cho dân những việc phục dịch…".

Năm 1586, Giáp Hải lại có sớ dâng Mạc Mậu Hợp mà cảnh tỉnh rằng: "Đang lúc thịnh trị cũng nên nghĩ tới sự nguy vong. Đó là lòng chí thành của bầy tôi già này cần bày tỏ". Năm ấy ông đã 70 tuổi, và là lần cuối cùng khuyên vua lo việc chính sự, võ bị một cách cụ thể. Ông còn chỉ ra những thành, những hào phải tu sửa, đắp cao, đào sâu, đặt đồn trại, đặt bẫy nỏ… thật tỉ mỉ.

Vua Mạc Mậu Hợp ban cho đôi câu đối: "Trạng đầu, Tể tướng, Đẩu Nam tuấn; Quốc lão, Đế sư, thiên hạ tôn". Lược dịch là đỗ Trạng nguyên, làm Tể tướng, gương sáng như sao Bắc Đẩu trời Nam; Đã Quốc lão, lại Đế sư [thầy của vua] được thiên hạ kính trọng".

Đời sau con trai ông cũng là Tiến sĩ Giáp Lễ đỗ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Danh nhân khoa bảng tiêu biểu dòng họ Thân là Thân Nhân Trung (1418-1499), Thân Nhân Trung tự là Hậu Phủ, người xã Yên Ninh, tổng Hoàng Mai, huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, Kinh Bắc xưa, nay là làng Yên Ninh, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Mùa xuân năm 1469 ông dự kỳ thi Hội nguyên, vào kỳ Điện thi đã đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu, niên hiệu Quang Thuận thứ 10 (1469), đời Lê Thánh Tông. Ông làm quan đến chức Lại bộ Thượng thư, Chưởng Hàn lâm viện kiêm Đông các đại học sĩ, Nhập nội phụ chính, Quốc tử giám tế tửu. Ông được vua Lê vời vào hoàng cung dạy học cho các hoàng tử và là thành viên hội Tao đàn và được vua Lê Thánh Tông phong là "Tao đàn Phó soái". Ông cũng là người được chọn viết bài văn trên tấm bia đầu tiên ở Văn Miếu Hà Nội với câu "Hiền tài là nguyên khí quốc gia" đã trở nên bất hủ và càng có giá trị trong công cuộc phục hưng đất nước ngày nay.

Theo các sách Đăng khoa lục thì Thân Nhân Trung sinh khoảng năm 1418 và mất khoảng năm 1499. Các tài liệu cho biết Thân Nhân Trung đỗ tiến sĩ khi đó đã 50 tuổi, về khoa thi Kỷ Sửu, năm 1469 (khoa Thân Nhân Trung đỗ tiến sĩ) sách Đại Việt sử ký toàn thư chép: "Ngày 26 (tháng hai năm Kỷ Sửu), vua ngự cửa Kính Thiên, thân hành ra đề văn sách, hỏi về đạo trị nước để lấy hiền sĩ…". Sau bốn tháng thi đỗ, ngày 12 tháng 5 năm 1469 vua xướng danh tiến sĩ là Thân Nhân Trung…và ân mệnh cho mũ, đai, y phục và ban yến ở Lễ bộ. Được ân mệnh này Thân Nhân Trung đã phải trải qua một chặng đường dùi mài kinh sử vất vả. Riêng

quá trình này với Thân Nhân Trung phải trải qua quãng đường dài ngót 50 năm khổ cực. Đó là một quá trình sinh trưởng, khổ luyện ở quê hương Bắc Giang và ở Quốc Tử Giám.

Thân Nhân Trung là người mở đầu cho một gia tộc khoa bảng, ba đời liên tiếp với 4 vị đỗ tiến sĩ và đều làm quan dưới thời vua Lê Thánh Tông.

Khoa thi năm Tân Sửu niên hiệu Hồng Đức thứ 12 (1481), con trai thứ của ông là Thân Nhân Vũ (còn gọi là Thân Tông Vũ), 38 tuổi đỗ Tiến sĩ. Thân Nhân Vũ sau này cũng tham gia hội Tao đàn Nhị thập bát tú.

Khoa thi năm Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức thứ 18 (1487) cháu nội ông là Thân Cảnh Vân, 25 tuổi đỗ Thám hoa. Thân Cảnh Vân là con Thân Nhân Tín, con cả của Thân Nhân Trung.

Khoa thi năm Canh Tuất niên hiệu Hồng Đức thứ 21 (1490), con trai đầu của ông là Thân Nhân Tín, 52 tuổi đỗ Tiến sĩ. Thân Nhân Tín đỗ sau con trai mình là Thân Cảnh Vân một khoa (sau 3 năm).

Cuộc đời, sự nghiệp nhà khoa bảng Thân Nhân Trung được lưu danh trong bản vàng bia đá, tỉnh Bắc Giang và cả nước ghi dấu về ông, ông là người thầy khai tâm cho nhiều thế hệ trước khi được vào học ở các trường bậc cao. Sự đóng góp lớn lao của các vị trí thức làng xã làm cho nền giáo dục nước nhà qua các triều đại phong kiến phát triển.

Những năm gần đây, việc nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu truyền thống được quan tâm, nhiều vấn đề cần phải gia công tìm tòi nghiên cứu thì mới hiểu được dân tộc, hiểu được con người Việt Nam. Bên cạnh nhiều vấn đề sâu xa và rộng lớn, vấn đề văn hoá danh nhân quả thật có nhiều tín hiệu giúp cho ta thấy đúng được bản sắc Việt Nam hơn. Do đó, việc làm như Hội thảo về danh nhân ngày hôm nay là việc cần thiết và ích lợi, không phải chỉ vì sự tự hào, vì niềm kính cẩn cha ông, vì ý thức trở về nguồn thiêng liêng sâu sắc mà còn vì sự trường tồn và phát triển của dân tộc.

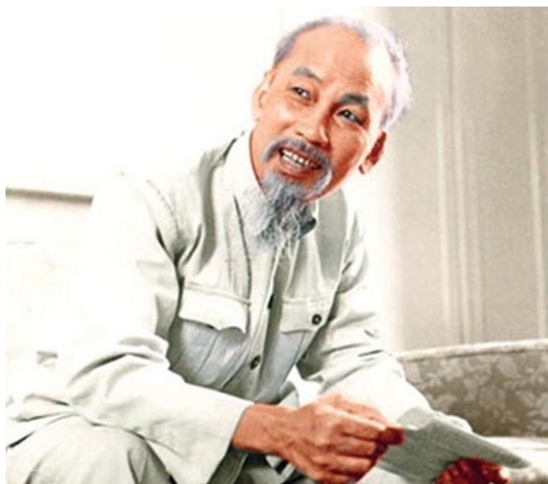
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Lâm Giang, Trạng Nguyên Giáp Hải, Nxb Khoa học xã hội, 2009
(2) Giáp thị gia phả chính biên (Gia phả họ Giáp ở Bảo Lộc Sơn).
(3) Website: https://giaoducthudo.giaoducthoidai.vn/trang-nguyen-giap-hai-sao-dau-troi-nam-vang-danh-hai-nuoc-8381.html
(4) Website: http://www.hothan.org
(5) Website:https://svhttdl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-
/asset_publisher/xqtf4Gcdcef5/content/vi-danh-nhan-khoa-bang-ho-than-o-tinh-
(6) bac-giang

DANH NHÂN VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH VÀ PHẠM VĂN ĐỒNG

PGS.TS ĐẶNG QUỐC BẢO

1. HỒ CHÍ MINH (1890-1969)



Chân dung một con người qua "Nếp nhà - Lập chí - Thân dân"

Câu chuyện sau đây thường được kể lại: Ngày Bác đi xa, Sài Gòn còn nằm trong vòng kìm kẹp của Mỹ - Thiệu. Cần thông báo cho đồng bào, nhưng công khai thì không được. Một bộ phận kẻ thù của cách mạng tuy kính nể Bác nhưng bọn đầu sỏ còn ngoan cố. Một tờ báo Sài Gòn đã có đăng đôi câu đối sau:

***Chí** khí tráng sơn hà, kim cổ anh hùng duy hữu nhất*

***Minh** tinh quang vũ trụ, Á Âu hào kiệt thị vô song.*

Cái hay của đôi câu đối là chữ đầu của vế trên và vế dưới khớp lại thành tên Bác: "**Chí Minh**" và nội dung là tổng kết đánh giá sự nghiệp vĩ đại của Bác:

Chí khí quyện vào sông núi, anh hùng xưa nay hiếm có ai như Người.

Ngôi sao sáng này bừng trong vũ trụ, hào kiệt từ Á sang Âu khó người sánh nổi.

Tác giả đôi câu đối còn khuyết danh. Có người nói của một nhân sĩ Sài Gòn tưởng nhớ Bác, lại có tài liệu cho rằng đó là lời viếng Bác của lãnh tụ một nước lớn, bạn thân thiết của Bác.

Ở thời điểm tháng 9/1969, đọc đôi câu đối trên, đồng bào ta tự hào về Bác, quý trọng tấm lòng và tài năng tác giả viết được hai vế đối hay, hàm súc. Song cứ nghĩ liệu nhân loại này, thế giới này có đồng thuận với sự ca ngợi đó không, điều này đã sớm được giải đáp: Trên hành tinh này biết bao bạn bè, đồng chí dù có thế

vị khác nhau đều công nhận: Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của thời đại, là con người tiêu biểu cho Nhân đạo và Nhân loại.

Mỗi cán bộ giáo dục chúng ta vô cùng tự hào phấn khởi vì Bác trên con đường cứu nước giải phóng dân tộc, lúc khởi thủy là một nhà giáo, thầy giáo Nguyễn Tất Thành. Bác sĩ **Nguyễn Kính Chi**, nhân sĩ đáng kính là học trò của Bác tại trường Dục Thanh (Trường Giáo dục Thanh niên) đã kể lại trong hồi ký của mình:

"Trên bờ phía Nam của sông Phan Thiết, cách cửa biển chừng vài cây số lúc bấy giờ có mấy ngôi nhà nho nhỏ lợp ngói âm dương, chung quanh không tường không vách chỉ có những song gỗ lưa thưa, những hôm trời nồm gió biển thổi vào mát rượi. Đó là trường Dục Thanh của Hội Liên thành. Trường và hội đều đã được lập ra trong phong trào Duy Tân mấy năm trước. Trong hoàn cảnh hồi bấy giờ, đó là hành động yêu nước nhằm mở mang dân trí khuyến khích thực nghiệp.

Trường dạy cả chữ Hán, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ cho khoảng sáu, bảy mươi học sinh từ lớp tư đến lớp nhất. Thầy Thành dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ cho lớp ba và lớp tư. Thầy Thành ở đấy được bảy, tám tháng. Bỗng một buổi sáng thứ hai vào khoảng tháng 10 năm 1911 có tin thầy đã bỏ đi và không cho ai biết. Học sinh rất xôn xao. Người nào cũng tiếc không những vì thầy dạy chu đáo mà còn vì ai nấy đều cảm thấy người thầy này dạy học không chỉ vì kiếm sống mà còn vì cái lẽ gì khác".

Từ thầy giáo Nguyễn Tất Thành đến nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc, đồng chí Vương, Lý Thụy, ông Chín và rồi lãnh tụ Hồ Chí Minh trong bất cứ hoàn cảnh nào, địa điểm nào, Bác cũng thực hiện: **Cách mạng là Giáo dục**, **Giáo dục phục vụ cách mạng**.

Bác là Anh hùng giải phóng dân tộc – Danh nhân văn hoá thế giới vì Người đã thâu góp và phát triển tinh hoa của dân tộc, thời đại.

Song để đi đến sự thâu góp này thì khởi nguyên Bác được thừa hưởng một "**Nếp nhà**", nhân tố quan trọng tạo nên tính cách một con người, cái khắc tạo vào con người những nguyên tắc sống cơ bản để nên người, thành người.

Chú bé Nguyễn Sinh Cung và sau này người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã được nuôi dưỡng trưởng thành trong một gia đình hấp thu những điều cao đẹp của Nho gia phương Đông.

Từ năm 1923, Bác từng tâm sự với nhà thơ Xô Viết Ôxíp Mandenxtam: "**Tôi xuất thân từ một gia đình nhà Nho Việt Nam. Bên nước tôi những gia đình như thế Thanh niên đều theo học đạo Khổng**".

Khi khai lý lịch với tư cách đại biểu tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản (1935) tại Matxcova ở mục thành phần gia đình, Bác đã không ngần ngại ghi "**Nhà nho**".

"Nhà nho" ở gia đình Nguyễn Tất Thành ứng xử theo nguyên tắc:

"**Khiêm – Cung – Tín – Mẫn – Huệ**"

(Khiêm tốn, Cung kính, Trung tín, Cần mẫn, Huệ ái)

Không phải ngẫu nhiên mà hai anh em Bác đã được ông ngoại đặt tên cho là **Nguyễn Sinh Khiêm – Nguyễn Sinh Cung**. Phải chăng cụ Hoàng Đường đã gửi vào các cháu niềm kỳ vọng "**Khiêm – Cung**" sẽ là lý tưởng hành động sống của các cháu trong cuộc đời.

"Nhà nho" trong gia đình Bác được thấm nhuần nguyên tắc **Tu thân** và **Xử thế**:

*/ " Phú quí bất năng dâm
Bần tiện bất năng di
Uy vũ bất năng khuất"
(Giàu sang không bị sa đọa
Nghèo khổ không thể chuyển lay
Uy vũ không thể khuất phục)

*/ " Hoành mi lãnh đối thiên phu chỉ
Phủ thủ cam vi nhũ tử ngưu"
(Trợn mắt xem khinh ngàn lực sĩ
Cúi đầu làm ngựa trước nhi đồng)

Trong diễn văn bế mạc Đại hội Đảng lần thứ 2 tại chiến khu Việt Bắc năm 1951, những ý tưởng trên đây của Mạnh Tử, Lỗ Tấn đã được Chủ Tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh với các đồng chí của mình.

"Nếp nhà" mà Nguyễn Sinh Cung – Nguyễn Tất Thành lớn lên là "Nếp nhà" với:

"**Gia đạo nhân văn**
Gia phong trong sáng
Gia pháp nghiêm minh
Gia giáo nền nếp
Gia cảnh thuận hoà"

Từ "Nếp nhà" này chú bé Nguyễn Sinh Cung đã bộc lộ cái "**Chí**" của mình từ lúc 5 tuổi:

"**Con siêng hơn hòn núi**
Con đường lười hơn con"
(Thơ **Con Đường**)
Ta lớn mau mau
Vượt qua ao lớn
(Thơ **Biển**)

Từ ông ngoại và cha, chú sớm hấp thụ tinh hoa trong "**Tứ thư**" của Nho gia, rồi "**Minh tâm bảo giám**", "**Ấu học ngũ ngôn thi**" với các thông điệp:

"Nhất sinh hành thiện
Thiện do bất túc
Nhất nhật hành ác
Ác tự hữu dư"
(Một đời làm điều thiện
Mà điều thiện chưa đủ
Một ngày làm điều ácThì điều ác đã thừa)
(**Minh Tâm bảo giám**)
Tạc sơn thông đại hải
Luyện thạch bồ thanh thiên
Thế thượng vô nan sự
Nhân tâm tự bất kiên
(Đào núi lấp biển
Luyện đá vá trời
Mọi điều không có gì khó cả
Chỉ sợ con người không đủ kiên nhẫn)
(**Ấu học ngũ ngôn thi**)

Các ý tưởng này đã truyền vào tâm thức Nguyễn Sinh Cung, để rồi sau này trên bước đường hoạt động cách mạng, Bác Hồ đã có những lời tự sự hoặc lời khuyên thanh niên:

"Thiện ác nguyên lai vô định tính
Đa do Giáo dục đích nguyên nhân"
(Hiền dữ phải đâu là tính sẵn
Phần nhiều do giáo dục mà nên)

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí cũng làm nên"

Trên con đường lập chí, Nguyễn Tất Thành đã được thân sinh – ông Bảng Sắc trang bị cho một vốn tri thức nền tảng. Khi ở Huế dù gia cảnh khá thanh bần, song ông Bảng Sắc đã mua tân thư cho các con đọc để họ sớm có nhận thức mới. Trạc tuổi 13, Nguyễn Tất Thành đã làm quen với các từ "**Tự do – Bình đẳng – Bác ái**" và anh đã có chí hướng tìm đến cội nguồn các phạm trù này.

Nhà nghiên cứu **Kôbêlép** người Nga kể lại:

"Qua tác phẩm "Thú tội" của Rousseau, Thành biết được rằng chàng Thanh niên Rousseau trước khi trở thành nhà khai sáng vĩ đại đã có tới mười năm lưu lạc trên các nẻo đường của các nước châu Âu và ông đã học được nhiều ở một ngành khoa học quan trọng và cũng là khó khăn nhất – Khoa học về cuộc sống".

Thành nung nấu chí "vượt biển" tìm đến các con đường mà Rousseau đã đi – Anh tâm sự với nhà thơ Ôxíp Mandenxtam:

"Lần đầu tiên vào tuổi 13 tôi đã nghe những từ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Đối với chúng tôi bấy giờ thì người da trắng nào cũng đều là người Pháp cả. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau cái từ ấy. Nhưng trong các trường bản xứ, bọn Pháp dạy như vẹt. Chẳng những chúng tôi không được phép đọc các nhà văn mới, mà thậm chí còn bị cấm đọc cả Rousseau và Montesquieu. Phải làm sao đây? Tôi quyết định đi ra nước ngoài. Tôi lần mò đến tận bờ biển và thế là tôi đã ra đi. Năm ấy tôi hai mươi mốt tuổi".

Đỉnh cao kiến thức trong hành trình lập chí của Nguyễn Ái Quốc là sự giác ngộ Chủ nghĩa **Mác – Lênin**. Tuy nhiên trong hành trình đi tới đỉnh cao này Nguyễn Ái Quốc luôn luôn biết trau chuốt các giá trị của đạo Khổng và tiếp nhận tinh hoa của các nguồn ánh sáng khác rồi gộp bội chúng lại, tìm ra cho bản thân mình, dân tộc mình con đường giải phóng.

Bác từng khuyên các đồng chí của mình:

"Chúng ta, người Việt Nam, hãy tự học, tự tu dưỡng bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử và hãy nghiên cứu về cách mạng trong các tác phẩm của Lênin".

(Phát biểu trên báo Thanh niên Quảng Châu số 80, ngày 20/02/1927)

Cuốn Hồ Chí Minh truyện do Nhà xuất bản Tam liên Thượng Hải ấn hành năm 1949 đã ghi lại nhận thức của Bác:

"Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân.

Tôn giáo của Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả.

Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng.

Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta.

Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao.

Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy". (Sđd tr 91)

Nguyễn Ái Quốc khẳng định từ năm 1921:

"Đức Khổng vĩ đại đã khởi xướng nền đại đồng và thuyết giải quyền bình đẳng về của cải. Ngài nói tóm tắt là: Nền hoà bình trên thế giới chỉ nảy nở từ một nền đại đồng trong thiên hạ. Người ta không sợ thiếu mà chỉ sợ không công bằng. Sự công bằng sẽ xoá bỏ sự nghèo khổ" (1, 35). Sau này năm 1927, trên báo Thanh niên, Người nhấn mạnh: "Nếu Khổng Tử còn sống ở thời đại chúng ta thì chắc hẳn bậc vĩ nhân ấy sẽ sớm tuỳ thời biến dịch và sẽ nhanh chóng trở thành người kế tục xứng đáng của Lênin".

Năm 1950, trong Hội nghị bàn về công tác huấn luyện tại chiến khu Việt Bắc, Hồ Chí Minh đã cho treo song song thông điệp của Khổng Tử với lời dạy: "Học nhi bất yếm, giáo nhân bất quyện" mà Người dịch là "Học không biết chán, dạy người không biết mỏi" và thông điệp của Lênin "Học, học nữa, học mãi".

Nhà văn hoá Nguyễn Khắc Viện đã có một nhận xét khá xác đáng: ***"Giữa các nhà Mácxít và các bậc chân nho không chỉ có sự tương đồng trong các mục tiêu chính trị mà còn có cả sự thân thiết trong lĩnh vực tư tưởng khiến đôi bên dễ dàng gần gũi nhau. Nhiều nhà nho đã nhảy vọt từ đạo Khổng sang học thuyết của Mác. Trường hợp nổi tiếng nhất chắc chắn là trường hợp của Hồ Chí Minh"***.

"Nếp nhà" – "Lập chí" là nền móng để Nguyễn Ái Quốc hướng tới đỉnh cao văn hoá mà ở con người này là văn hoá "Thân dân".

Nhà thơ Xô viết Ôxíp Manđenxtam đã dự cảm rất sâu sắc khi lần đầu tiên gặp Nguyễn Ái Quốc năm 1923 (lúc đó Nguyễn Ái Quốc 33 tuổi) tại Matxcơva.

"Cả diện mạo của Nguyễn Ái Quốc toát lên sự lịch thiệp và sự tế nhị. Từ Nguyễn ái Quốc toả ra một nền văn hoá, không phải nền văn hoá châu Âu mà có lẽ nền văn hoá tương lai.

Qua phong thái thanh cao trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái trên toàn thế giới".

"Văn hoá tương lai" mà Ôxíp Manđenxtam đề cập ở đây chính là văn hoá của một con người suốt đời chỉ có một ham muốn:

"Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn đến tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, ai cũng có áo mặc, ai cũng được học hành".

Từ một ý tưởng của Nho gia trong sách Đại học, Hồ Chí Minh đã nói đến phạm trù thân dân.

Sách Đại học nêu:

"*Đại học chi đạo*

Tại minh minh đức

Tại tân dân"

Tân dân = làm mới nhân dân. Cách diễn đạt này có thể coi là tích cực khi Nho gia khuyên người quân tử phải biết làm mới nhân dân, đem đến cho nhân dân cuộc sống mới. Cái tài tình và sâu sắc của Hồ Chí Minh là thêm vào (trong cách viết của người Việt) một chữ "H". "Tân dân" thành "Thân dân" đã làm cho tư tưởng của Nho gia nhân văn hơn, cao đẹp hơn, chí tình, chí nghĩa hơn.

Nói chuyện với tri thức Thủ đô năm 1956, Bác Hồ tóm tắt lý tưởng của con người trong 11 chữ "Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân".

Người giải thích:

"Minh minh đức là chính tâm"

Thân dân tức là phục vụ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết (8, 215).(1)

Quan điểm "Thân dân" của Hồ Chí Minh tuy dựa vào luận điểm của nho gia "Dân vi bản", "Dân vi qúy", song phản ảnh tâm thức của người VN.

Trong Di chúc trước lúc đi xa, Người nhấn mạnh:

"Đầu tiên là công việc đối với con người" (1969)

Suốt quá trình lãnh đạo Nhà nước, Người luôn luôn căn dặn đồng chí của mình:

"Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân:

Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi
Nếu dân rét, Đảng và Chính phủ có lỗi
Nếu dân dốt, Đảng và Chính phủ có lỗi
Nếu dân ốm, Đảng và Chính phủ có lỗi ” (1955)

Quan điểm “Thân dân” của Hồ Chí Minh xem xét con người với thái độ: “Mỗi con người đều có cái thiện, cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi” (12, 558).

Đất nước chúng ta đã đi vào con đường hội nhập sâu với thế giới trước bối cảnh toàn cầu hoá. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (9/1950 – 1956) đã đào tạo được những con người Việt Nam có các phẩm chất “Nhân – Nghĩa – Trí – Dũng – Liêm” chiến thắng chủ nghĩa thực dân cũ là bọn thực dân Pháp. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai (1956 – 1979) tiếp tục thành quả cuộc cải cách lần thứ nhất đã đào tạo những con người đánh thắng chủ nghĩa thực dân mới là đế quốc Mỹ. Cuộc cải cách lần thứ ba từ 1979 và ngày nay là cuộc Đổi mới giáo dục đang thực hiện đào tạo thế hệ trẻ có khả năng đưa đất nước thoát khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu.

Chỉ có thể thành công trong sự nghiệp vĩ đại này nếu xây dựng mỗi gia đình Việt Nam thành “Gia đình học hiệu”. Năm 1947, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp bước vào thời kỳ nóng bỏng và gian khổ, Bác Hồ đã giao cho chính quyền Thanh Hoá, các vị trí thức Thanh Hoá mà đại diện là các ông Đặng Thai Mai, Lê Thước nhiệm vụ xây dựng các gia đình tỉnh Thanh Hoá thành “Gia đình học hiệu”, mỗi người dân Thanh Hoá là một “tiểu giáo viên”. Ngày nay, UNESCO phát động các quốc gia kiến tạo xã hội học tập đã lưu ý vấn đề gia đình học hiệu (learning family). Tự hào thay ý tưởng của thời đại đã được Bác cảm nhận từ trước đó hàng mấy thập niên khi đất nước còn vô vàn khó khăn và Bác đã truyền tâm ý của mình cho đồng chí, cho nhân dân thực hiện ý tưởng này.

“Nếp nhà” là cái cơ bản để có gia đình học hiệu, để tuổi trẻ lập được chí và rồi lập thân, lập nghiệp. Phát động thế hệ trẻ lập thân, lập nghiệp song không lập chí làm sao lập được thân, lập được nghiệp.

Ngày 26/5/1946, trong một lần đến thăm một đơn vị thanh niên, Bác căn dặn: “Các em cần làm được như lời Tôn Trung Sơn đã nói “Những người thanh niên tốt muốn làm việc to chứ không muốn làm quan lớn”. Sau đó Bác trao cho họ lá cờ “Trung với nước, hiếu với dân”.

Bác còn căn dặn thanh niên:

"Người ta thường nói: Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc để chuẩn bị cái tương lai đó.

Chúng ta phải nhận rằng thanh niên ta rất hăng hái. Nhưng chúng ta cũng phải nhận rằng phong trào thanh niên ta còn chật hẹp, mặc dầu từ ngày Cách mạng tháng Tám đến nay, thanh niên có cơ hội để phát triển một cách mau chóng và rộng rãi hơn.

Vậy nên nhiệm vụ của các bạn là phải tìm đủ mọi cách để gây một phong trào thanh niên to lớn và mạnh mẽ.

Theo ý tôi, muốn đạt mục đích đó, thì mỗi thanh niên, nhất là mỗi cán bộ phải kiên quyết làm bằng được những điều sau đây:

a) Các sự hi sinh khó nhọc thì mình làm trước người ta, còn sự sung sướng thanh nhàn thì mình nhường người ta hưởng trước (tiên thiên hạ ưu, hậu thiên hạ lạc).

b) Các việc đáng làm, thì có khó mấy cũng quyết làm cho kì được.

c) Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý.

d) Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc.

đ) Quyết tâm làm gương về mọi mặt, siêng năng, tiết kiệm, trong sạch.

e) Chớ kiêu ngạo, tự mãn, tự túc, nên nói ít, làm nhiều, thân ái đoàn kết.

Tôi lại khuyên các bạn một điều nữa, là chớ đặt những chương trình kế hoạch mênh mông, đọc nghe sướng tai nhưng không thực hiện được.

Việc gì cũng cần phải thiết thực; nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ chỗ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hiện được, hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được" (5, 185 – 186)

Trong hành trình cách mạng, Bác Hồ mang nhiều tên, song "Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh" gợi mở và thúc đẩy thế hệ trẻ Việt Nam sống có mục đích, sống với lòng yêu nước, sự bền chí và thông minh. Một nhà giáo dục khả kính của Việt Nam từ " Tất Thành – Ái Quốc – Chí Minh " đã thu hoạch về 3H-3T của người thanh niên trên con đường sáng nghiệp.

Tất Thành : Tính mục đích: Thế tự lập (T_1)

Ái Quốc : Lòng yêu nước: Tình gắn bó (T_2)

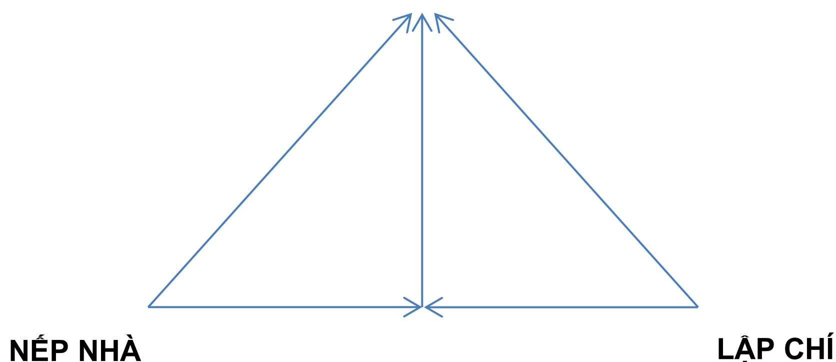
Chí Minh: Sự bền chí thông minh: Tâm ổn định (T_3)

(Tất Thành & Ái Quốc) : Tư duy Hiện thực (H_1)

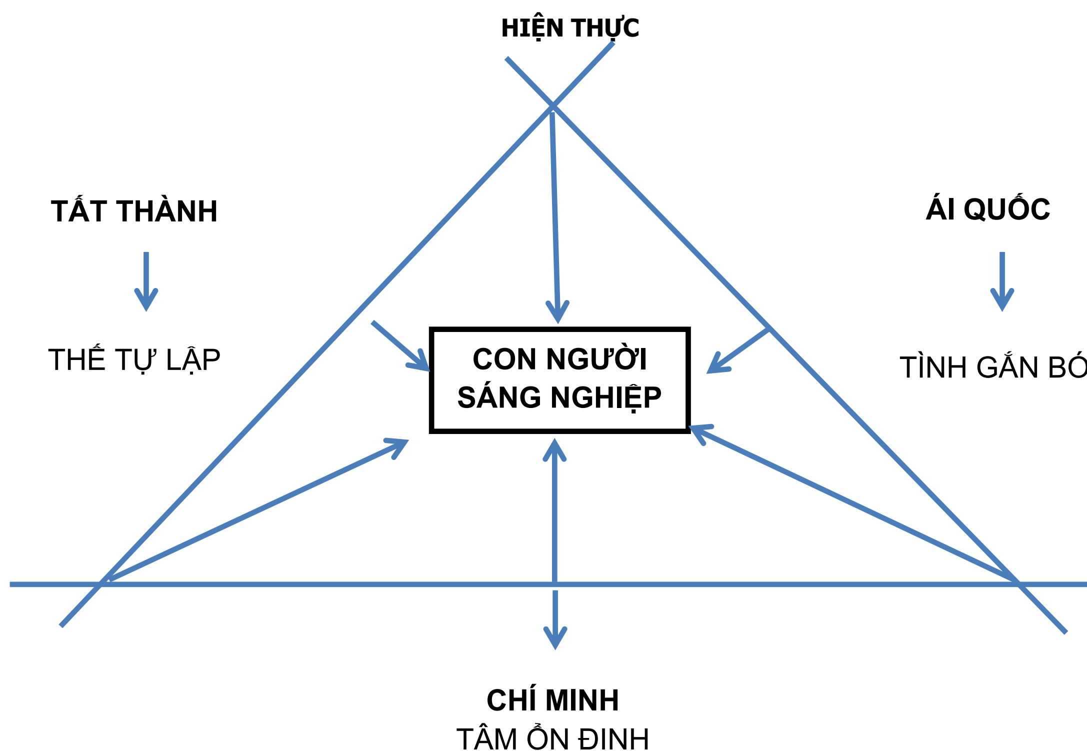
(Ái Quốc & Chí Minh): Lý tưởng Hoài bão (H_2)

(Tất Thành & Chí Minh) : Làm việc Hiệu quả (H_3)

"Nếp nhà – Lập chí – Thân dân" trong hành trình cách mạng của Bác Hồ mãi mãi là di sản vô giá cho ngành giáo dục, cho các nhà trường rèn luyện thế hệ trẻ đưa đất nước tiến đến đài vinh quang sánh vai với các cường quốc năm châu.



"ĐẠI HỌC CHI ĐẠO - TẠI MINH MINH ĐỨC - TẠI THÂN DÂN



2. PHẠM VĂN ĐỒNG (1906-2000)



Phạm Văn Đồng là nhà chính trị văn hóa ưu tú của đất nước, học trò xuất sắc và là cộng sự gần gũi của Chủ Tịch Hồ Chí Minh. Khi Hồ Chủ Tịch kiêm cả nhiệm vụ Thủ tướng thì ông là Phó Thủ tướng. Năm 1955, ông giữ chức Thủ tướng và ở cương vị này đến năm 1987 rồi được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương ĐCS VN. Khi đất nước chuẩn bị thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba, ông là Chủ Tịch của Ủy ban này.

Ông để lại hai tác phẩm quí báu bàn về giáo dục:

(1) Mấy vấn đề về văn hóa giáo dục *(NXB Sự thật, Hà Nội, 1980)*

(2) Về vấn đề Giáo dục – Đào tạo *(NXB CTQG – Sự thật, Hà Nội, 1999)*

Trong các tác phẩm này, Ông có những lời giáo huấn sâu sắc về phát triển giáo dục trong kỷ nguyên mới. Ngay từ những năm thập niên 80, Thế kỷ 20, Ông đã nêu ra yêu cầu:

“**Trường ra Trường – Lớp ra lớp**
Thày ra thày – Trò ra trò
Dạy ra dạy – Học ra học”

Khi ở cương vị Thủ tướng, ông đã nhiều lần xuống các trường kiểm tra và có những uốn nắn mạnh mẽ về trường lớp, thầy trò, dạy học để như ông mong muốn: “Con em chúng ta được học trong các ngôi trường xứng đáng với tên gọi là những ngôi trường”.

Tại một Hội nghị giáo dục tại Hà Nội (1981), ông nhắc lại lời trên và khẩn thiết yêu cầu các cấp:

"Phải nhất trí và phải làm được như vậy thì sự nghiệp giáo dục mới tốt, từ đó mới giảng dạy và học tập được tốt hơn để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về Cải cách giáo dục" ("Mấy vấn đề về Văn hóa giáo dục" – Nxb ST tr 216,217).

Ông bày tỏ quan điểm thực hiện luận điểm "Giáo dục là quốc sách hàng đầu" trong hoàn cảnh mới của đất nước:

"Nói hàng đầu có nghĩa là hàng thứ nhất và còn có nghĩa là đi trước một bước. Hiện nay ở nước ta nhân dân đòi hỏi một cách thiết tha một cách khẩn trương, một cách thiết thực, cả hai: giáo dục phải xếp hàng thứ nhất và đi trước một bước chứ nhất định không để nó ở hàng bét và lẹt đẹt theo sau"

Liên hệ vào thực tế, ông thẳng thắn chỉ ra:

"Giáo dục chưa phải hàng thứ nhất và cũng chưa phải đi trước một bước, trong khi người dân mong mỏi như vậy , còn người có quyền thì ít khi nhớ đến" *("**Về vấn đề giáo dục – đào tạo**", Nxb CTQG – H.1999, tr13)*

Phạm Văn Đồng có sự quan tâm đặc biệt đến công việc đào tạo bồi dưỡng Cán bộ QLGD. Năm 1994 đến thăm trường CBQLGD&ĐT (nay là HVQLGD). Ông căn dặn Tập thể Sư phạm trường này, phải bồi dưỡng được các Hiệu trưởng điều hành giáo viên thực hiện được Minh triết sư phạm: **Dạy học lấy người học làm Trung tâm**.

Ông nhắc đến câu chuyện thú vị sau: Nhạc sĩ Thiên tài Beethoven không biết làm toán nhân. Trong những đợt biểu diễn với các sự thù lao như nhau cho từng buổi diễn, Beethoven lại phải cộng tiền thù lao của từng buổi để biết được tổng thu nhập…

Phạm Văn Đồng nhấn mạnh:

"Mỗi người học không phải giỏi nhiều mặt, có khi giỏi mặt này thì lại bình thường mặt khác

Người Thày phải biết phát hiện các năng khiếu đặc biệt của người học để có phương pháp dạy học thích hợp. Như vậy người Thày phải biết được hoàn cảnh của trò, nguyện vọng của trò và năng lực đặc biệt của trò để từ đó đề ra kế hoạch cho Trò phấn đấu đạt được mục tiêu."

BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ VÀ PHẨM CHẤT THIÊN TÀI CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP: MỘT TIẾP CẬN LỊCH SỬ

GS.TS. PHẠM HỒNG TUNG
Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN

Đại tướng Võ Nguyên Giáp chắc chắn là một trong những nhân vật lịch sử nổi bật nhất trong lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới cận – hiện đại. Ông là "nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta; người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh."[193] Sinh thời, ông từng đảm nhận nhiều trọng trách: Uỷ viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VII. Tên tuổi của ông cũng vang xa khắp các châu lục, tài năng và uy tín của ông không chỉ được bạn bè, nhân loại tiến bộ mà cả những người đã từng đối địch với ông trên các chiến trường nể trọng.

Đã có nhiều nghiên cứu về cuộc đời, tài năng và sự nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được công bố ở Việt Nam và ở nước ngoài. Bài viết này mong muốn nêu ra những khám phá bước đầu về bản lĩnh chính trị của ông từ tiếp cận sử học. Như chỉ dẫn của Karl Marx: "Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"[194], việc trước tiên cần làm trong quá trình khám phá nhân cách, bản lĩnh chính trị của một cá nhân, nhất là một danh nhân, là làm rõ những nét chính của bối cảnh lịch sử, trong đó cá nhân đó đã trưởng thành và tỏa sáng.

1. Võ Nguyên Giáp – con người của lịch sử và góp phần làm nên lịch sử

Võ Nguyên Giáp sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo có truyền thống yêu nước ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ông được thụ hưởng nền giáo dục truyền thống, nền giáo dục Nho học trong gia đình, rồi sau đó là nền giáo dục "Tây học" trong các trường học thuộc địa. Chắc chắn, hai nền giáo dục đó đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên những nhân tố đầu tiên trong nhân cách của ông –

---

[193] Điếu văn do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đọc tại lễ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nguồn: https://tuyengiao.vn/thoi-su/toan-van-loi-dieu-truy-dieu-dai-tuong-vo-nguyen-giap-57491. Truy cập ngày 7/8/2021.

[194] C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập,* tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.11.

của cả thế hệ trí thức "Tây học" – những người giữ vai trò lãnh đạo trong hầu hết các tổ chức và phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX.

Ông tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng rất sớm: từ những hoạt động bãi khóa của sinh viên ở Huế (1927), rồi những hoạt động tuyên truyền hưởng ứng Cao trào cách mạng 1930-1931. Tháng 10 năm 1930, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tù khi đang là cộng tác viên của báo *Tiếng Dân* ở Huế.[195] Sau khi ra tù, ông đến Hà Nội, tiếp tục theo học, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo. Ông trở thành một trong những hạt nhân của Đảng trên mặt trận báo chí, cùng tham gia thành lập và lãnh đạo Hội truyền bá chữ Quốc ngữ.[196] Từ tháng 5 năm 1939, ông trở thành giáo sư dạy môn lịch sử tại Trường Thăng Long.

Trong bối cảnh chiến tranh thế giới sắp bùng nổ, cùng với Phạm Văn Đồng, đầu tháng 5 năm 1940 ông được Đảng Cộng sản Đông Dương lựa chọn cử sang Trung Quốc. Việc này nằm trong chủ trương có tầm chiến lược của Đảng nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ chuẩn bị cho sự nghiệp cách mạng trước những biến chuyển mới của thời cuộc.[197] Đây là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời Võ Nguyên Giáp: ông chia tay với gia đình nhỏ bé của mình – để đến khi gặp lại thì người vợ thân yêu của ông không còn nữa, dấn thân vào cuộc đời của một "nhà cách mạng chuyên nghiệp".[198]

Ở Côn Minh (Trung Quốc) lần đầu tiên ông gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, người mà ông đã nghe biết tên tuổi và thầm ngưỡng mộ từ lâu. Cũng rất nhanh chóng, với kinh nghiệm và nhãn quan của bậc thiên tài, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra ở Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp những dấu hiệu và tố chất của nhân tài. Nguyễn Ái Quốc dặn dò rồi cử hai ông đi chiến khu Diên An của Đảng Cộng Sản Trung Quốc để tham gia các khóa đào tạo về chính trị và quân sự, nhưng vừa khởi hành chưa được bao lâu thì Người lại báo cho hai ông không đi nữa. Do sự kiện nước Pháp bị phát xít Đức đánh bại (giữa tháng 6 năm 1940), sau khi phân tích kỹ

[195] *Tiếng Dân* là tờ báo tiến bộ, xuất bản công khai ở Huế, do nhân sĩ Huỳnh Thúc Kháng làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Chính trên số báo ra ngày 22/10/1930 cụ Huỳnh Thúc Kháng đã đăng tin Võ Nguyên Giáp bị thực dân Pháp bắt.

196 Trong thời gian này ông đã gặp gỡ và trở thành bạn tâm giao của nhiều người sau này sẽ trở thành những cán bộ lãnh đạo xuất sắc của Đảng hoặc những trí thức nổi tiếng, như Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), Hoàng Quốc Việt (Hạ Bá Cang), Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu, Nguyễn Văn Tố, Đặng Thai Mai, Hoàng Minh Giám vv.

[197] Đây là điều đích thân Ủy viên Thường vụ BCH Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ Hoàng Văn Thụ trao đổi và giao nhiệm vụ cho Võ Nguyên Giáp. Xem: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2011, tr. 12.

[198] "Nhà cách mạng chuyên nghiệp" là thuật ngữ của Lenin để chỉ những cán bộ của Đảng Cộng sản đi hoạt động thoát ly, dành hầu như toàn bộ thời gian, tâm sức, trí tuệ cho công tác cách mạng.

tình hình, Nguyễn Ái Quốc đã quyết định dứt khoát: "phải chuyển về biên giới tìm cách trở về nước ngay để hoạt động."[199]

Tháng 1 năm 1941, Võ Nguyên Giáp theo Nguyễn Ái Quốc về Pác Bó, một bản gần biên giới Việt - Trung thuộc huyện Hà Quảng, Cao Bằng. Từ đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng, ông đã cùng với đội ngũ cán bộ cách mạng kiên trung vừa chuẩn bị và triển khai đường lối chiến lược, sách lược mới, thành lập và lãnh đạo Mặt trận Việt Minh, lăn lộn trong công tác vận động quần chúng để phát triển các cứu quốc hội, xây dựng Cao – Bắc – Lạng thành chỗ đứng chân vững chắc đầu tiên của cách mạng Việt Nam "tiến khả công, thoái khả thủ". Ông được lãnh tụ Hồ Chí Minh đặc biệt tin cậy, giao phụ trách việc xây dựng và lãnh đạo lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên, từ *Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* đến *Giải phóng quân Việt Nam*. Ông cũng góp phần cùng Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân tiến hành thành công cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong năm tháng đầu tiên của chính quyền cách mạng, vận nước như "nghìn cân treo sợi tóc", trong vai trò là Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Võ Nguyên Giáp có mặt trên nhiều mặt trận: xây dựng, củng cố chính quyền, giao thiệp với đại diện Đồng Minh, tham gia đàm phán với thực dân Pháp và tướng lĩnh Trung Hoa Quốc dân đảng, trấn áp các thế lực phản động, đồng thời không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, khẩn trương chuẩn bị lực lượng vũ trang và cơ sở hậu cần cho kháng chiến.

Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Võ Nguyên Giáp được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng giao nhiệm vụ làm Tổng chỉ huy và Tổng Chính ủy, sau là Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, kiêm Bí thư Tổng quân ủy. Điều cần được đặc biệt lưu ý là: cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa của thực dân Pháp ở Đông Dương ngay từ đầu đã trở thành trọng điểm đối đầu quyết liệt nhất giữa ý chí vùng lên giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức với dã tâm khôi phục chế độ thực dân của các nước đế quốc; giữa phe xã hội chủ nghĩa và phe tư bản – ngay từ khi Chiến tranh lạnh còn chưa chính thức bắt đầu. Vì vậy, nước Pháp, và sau này là nước Mỹ, đã dốc vào chiến trường Việt Nam tất cả nhân tài, vật lực, vũ khí để quyết giành chiến thắng. Ở tầm chỉ huy chiến lược quân sự, đối thủ của Võ Nguyên Giáp, người từ tháng 1 năm 1948 được Chủ tịch Hồ Chí Minh giao "thụ

[199] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 23.

cấp Đại tướng”[200] là những danh tướng tài ba nhất, dày dã tâm nhất của nước Pháp và phương Tây, như Georges Thierry d'Argenlieu, Philippe Leclerc de Hauteclocque (1945–46), Jean-Étienne Valluy (1946–48), Roger Blaizot (1948–49), Jean de Lattre de Tassigny (1950–51), Raoul Salan (1952–53), Henri Navarre (1953–54), trong đó đặc biệt là Leclerc, de Lattre de Tassigny và Navarre là những viên tướng từng lừng lẫy chiến công trong Chiến tranh thế giới II. Đó là chưa kể đội ngũ cố vấn Mỹ với nhiều bộ óc sừng sỏ, lão luyện, bao gồm cả Richard Nixon, người về sau làm Tổng thống Mỹ, cũng từng trực tiếp sang chiến trường Việt Nam để bày mưu tính kế cho thực dân Pháp.

Vậy mà, tất cả những tướng lĩnh tài danh đó đều lần lượt bị bộ chỉ huy của VNDCCH do Hồ Chí Minh đứng đầu dồn vào thế bị động rồi chịu thất bại cay đắng. Trong chiến công vĩ đại đó chắc chắn có phần đóng góp đáng kể của “Võ Tổng” – Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Đuổi được thực dân Pháp thì đế quốc Mỹ lại nhảy vào. Hệ luận tư duy chiến lược của học thuyết Domino đã khiến 5 đời Tổng thống Mỹ gây ra một cuộc chiến phi nghĩa tàn bạo nhất trong nửa sau thế kỷ XX. Hơn 20 năm ròng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trên cương vị Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam lại cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và tập thể lãnh đạo Đảng, Nhà nước lãnh đạo toàn quân, toàn dân ta trong cuộc trường chính gian khó nhất.

Dưới góc nhìn lịch sử, cần nhấn mạnh ba khía cạnh sau đây.

Thứ nhất, trong tập thể lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, sự lãnh đạo tập thể không chỉ là một nguyên tắc mà là thực tế, mọi cá nhân, dù ở cương vị khác nhau, có vai trò và ảnh hưởng khác nhau thì đều phải tôn trọng nguyên tắc này, nhất là đối với các quyết sách chiến lược.

Thứ hai, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta diễn ra trong bối cảnh của Chiến tranh lạnh, do vậy kẻ thù hung ác nhất chính là đế quốc Mỹ, tay sai và các nước “chư hầu” của Mỹ. Nếu thực dân Pháp trước kia chỉ là con sói già, tuy hiểm ác nhưng tương đối yếu, thì đế quốc Mỹ là mãnh hổ hung tợn nhất. Hơn nữa, ngoài tấn công quân sự, Mỹ và các nước đế quốc cũng không từ bất kỳ thủ đoạn nào để phá hoại nước ta, phá hoại phe xã hội chủ nghĩa về cả kinh tế, chính trị, văn hóa. Thâm độc nhất là những đòn tấn công ngoại giao kiểu “đi đêm” *(detente)* với các nước Liên Xô và Trung Quốc để “mặc cả” trên đầu nhân dân ta.

[200] Sắc lệnh số 110-SL ngày 20 tháng 1 năm 1948 của Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thực tế là Mỹ, nhất là dưới thời Nixon – Kissinger đã khá thành công với thủ đoạn này, khiến cho từ sau năm 1972 sự ủng hộ của cả hai nước lớn nhất trong phe XHCN dành cho cách mạng Việt Nam bị cắt giảm nhanh chóng, đáng kể.[201]

Thứ ba, về phía mình, dân tộc ta lại có sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, của nhân dân yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có cả nhân dân Mỹ.

Tuy nhiên, thực tế lịch sử không đơn giản như vậy! Trong mỗi phe lại có nhiều phe, nhiều cánh. Phe xã hội chủ nghĩa, đứng đầu là Liên Xô và Trung Quốc tưởng chừng đoàn kết thống nhất với nhau chặt chẽ trên tình thần quốc tế vô sản, nhưng thực tế chưa bao giờ đoàn kết. Sự bất đồng ngày càng trở nên nghiêm trọng, nhất là sau khi Nikita Khrushchev công bố bản báo cáo lên án tệ sùng bái cá nhân Stalin và chiến lược "chung sống hòa bình". Mao Trạch Đông và ban lãnh đạo Trung Quốc liền chớp thời cơ giương ngọn cờ "chống xét lại", khiến cho nội bộ phe xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Cuối cùng thì chiến tranh biên giới đã nổ ra giữa hai nước "đàn anh" vào năm 1969.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta phải nỗ lực, khôn khéo tìm mọi cách vừa cố gắng giữ gìn tình hữu nghị, đoàn kết trong phe XHCN, huy động được tối đa sự ủng hộ về mọi mặt (kinh tế, quân sự, ngoại giao vv) cho công cuộc xây dựng và kháng chiến của ta, nhưng lại phải né tránh, hạn chế tối đa việc để cho các đảng, các nước "đàn anh" can thiệp vào công việc nội bộ của lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, hạn chế tối đa những ảnh hưởng có thể có từ cuộc tranh luận về "chủ nghĩa xét lại", của "đại nhảy vọt", "đại cách mạng văn hóa vô sản" vv…

Trong bối cảnh đó, tập thể lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cá nhân mỗi nhà lãnh đạo của ta, trong đó có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đều có thể trở thành "điểm ngắm" của cả những phe ta và phe địch. Vì vậy, sự cẩn trọng tối đa trên nền tảng của bản lĩnh chính trị vững vàng là điều vô cùng quan trọng. Chỉ cần một sơ hở, một dao động nhỏ rất có thể sẽ gây ra tổn thất khôn lường cho sự nghiệp cách mạng, nhất là đối với niềm tin của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Vượt qua tất cả thác ghềnh đó, Đảng và Nhà nước đã lãnh đạo quân và dân ta đến thắng lợi huy hoàng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

---

[201] Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 – thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 588.

Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh khốc liệt đó, nhân dân ta không mong muốn gì hơn là được sống trong hòa bình để xây dựng đất nước, nhưng vì nhiều nguyên nhân, chiến tranh lại bùng nổ ở cả hai đầu đất nước. Khó khăn chồng chất khó khăn.

Trong bối cảnh đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp trên cương vị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, rồi từ năm 1980, ông được phân công giữ chức Phó Thủ tướng thường trực, phụ trách các công tác khoa học, giáo dục, y tế, xã hội – đều là những vấn đề liên quan đến quốc kế dân sinh, đến tương lai của đất nước.

Chính trong lúc đất nước ta gặp muôn vàn khó khăn gay gắt về kinh tế, xã hội thì ở Liên Xô công cuộc cải tổ do M.X. Gorbachev khởi xướng sớm rơi vào bế tắc. Năm 1991 Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa sụp đổ. Từ năm 1986, Đảng ta cũng tiến hành công cuộc đổi mới. Tuy đường lối đúng đắn ngay từ đầu, song do nhiều lý do chủ quan và khách quan, cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội tiếp tục diễn ra trầm trọng cho tới đầu thập kỷ thứ 9 của thế kỷ trước. Trong hoàn cảnh đó, niềm tin của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trông cậy rất nhiều vào thế hệ cách mạng tiền bối, trong đó có Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Năm 1991 Đại tướng Võ Nguyên Giáp được chính thức nghỉ hưu ở tuổi 80, nhưng trong suốt hai thập kỷ tiếp theo ông vẫn đồng hành cùng Đảng, quân đội và nhân dân trên mỗi chặng đường của công cuộc đổi mới. Ông tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu lịch sử, văn hóa, đặc biệt dành nhiều tâm sức cho việc tổng kết nghệ thuật và tư duy quân sự Việt Nam. Chính ông là một trong những người đề xuất và đi tiên phong trong việc nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Ông cũng dành tâm sức chăm lo đến hội Cựu chiến binh, đến việc đền ơn đáp nghĩa những người có công với cách mạng, động viên các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên, đoàn kết, tin tưởng, hăng hái thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Ông cũng luôn là một nhịp cầu hữu nghị hướng tới bạn bè quốc tế muôn phương của Việt Nam, kể cả những người từng ở bên kia chiến tuyến một thời.

2. Bản lĩnh chính trị vô song của Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Từ góc nhìn lịch sử, có thể thấy ba đặc điểm nhân cách cốt lõi tạo nên con người chính trị và bản lĩnh chính trị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đó là: Nhà cách mạng chân chính, Người Đảng viên mẫu mực; và Nhân tài quân sự xuất chúng;

2.1. Võ Nguyên Giáp - nhà cách mạng chân chính

Ngay trong trang đầu tiên của cuốn *Đường Cách mệnh*, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra ba nhóm phẩm chất và năng lực mà một nhà cách mạng cần có: 1) *Tự mình phải*: cần kiệm, hòa mà không tư, cả quyết sửa lỗi mình, cẩn thận mà không nhút nhát, hay hỏi, nhẫn nại (chịu khó), hay nghiên cứu, xem xét, vị công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, nói thì phải làm, giữ chủ nghĩa cho vững, hy sinh, ít lòng tham muốn về vật chất, bí mật; 2) *Đối với người phải*: với từng người thì khoan thứ, với đoàn thể thì nghiêm, có lòng bày vẽ cho người, trực mà không táo bạo, hay xem xét người; 3) *Làm việc phải:* xem xét hoàn cảnh kỹ càng, quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể.[202] Nói tóm lại là phải gồm đủ đức, đủ tài, đặc biệt là sẵn sàng hy sinh tất cả vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Võ Nguyên Giáp đích thực là một người như vậy.

Các lớp người Việt Nam yêu nước, một khi đã quyết định tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách nô dịch của thực dân Pháp và giải phóng xã hội khỏi ách áp bức của chế độ quân chủ chuyên chế thì tức là đã sẵn sàng hy sinh tất cả: lợi ích cá nhân, gia đình, dòng họ và cả chính mạng sống của mình. Họ quyết chấp nhận hy sinh tất cả để giành quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc. Đó là ý nghĩa cao đẹp nhất của các lớp người Việt Nam đã xả thân vì nước, trong đó có Võ Nguyên Giáp.

Tuy nhiên, thực tế lịch sử đã chỉ ra, trong quá trình tranh đấu, không phải tất cả những người đã quyết định tham gia phong trào yêu nước và cách mạng đều có thể giữ gìn được đến cùng ý chí hy sinh. Tổ chức nào, phong trào nào, đảng phái nào, ở cấp độ nào cũng có những người nản chí, bỏ cuộc, có cả những người phản bội, trở thành tay sai của địch. Cho nên, sẵn sàng hy sinh tất cả và hy sinh đến cùng, tận hiến đến cùng mới là cái làm nên bản lĩnh một nhà cách mạng chân chính.

Võ Nguyên Giáp và nhiều nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là những người như vậy: tù ngục, mọi thủ đoạn mua chuộc và tra tấn của kẻ thù không thể nào khuất phục được những con người sắt thép ấy. Thậm chí, ngay cả khi lực lượng cách mạng bị vây ráp, hãm vào đường cùng, thì ý chí của Võ Nguyên Giáp và đồng đội của ông vẫn không nao núng.[203]

[202] Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 280-281.

[203] Xem: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 72-74.

Thử thách to lớn nhất đối với đức hy sinh của một nhà cách mạng như Võ Nguyên Giáp có lẽ không chỉ ở những lúc ông và đồng chí, đồng đội phải vượt qua gian khó, đối đầu sinh tử với kẻ thù, mà chính là từ lúc Cách mạng tháng Tám đã thành công, Đảng ta trở thành "đảng cầm quyền" và ông cùng với nhiều đồng chí khác trở thành những cán bộ lãnh đạo, có quyền uy và lực lượng trong tay. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ những ngày đầu sau Lễ Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945) trên báo *Cứu quốc* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải nhiều lần lên tiếng nghiêm khắc cảnh báo hiện tượng "quan cách mạng".[204] Chính thời gian này, ở tuổi 34, Võ Nguyên Giáp được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng giao đảm trách chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Người ta thấy ông như một chính khách chuyên nghiệp, lịch duyệt trong bộ comple màu trắng, caravat đen, giày đen, đội "mũ phớt" thay mặt Chính phủ đón tiếp các vị khách quốc tế đại diện Đồng Minh vừa đến Hà Nội, tiếp xúc, đàm phán với các tướng lĩnh Trung Hoa Quốc dân đảng; khi lại thấy ông kiên quyết, đanh thép trên bàn hội nghị, đối diện với thực dân Pháp. Rồi chính ông cũng là người chỉ đạo xây dựng lực lượng quân đội và công an cách mạng, kiên quyết trừng trị thẳng tay các thế lực phản động.

Là một trong những nhân vật quyền uy như thế, nhưng Võ Nguyên Giáp lại rất gần gũi với các tầng lớp nhân dân, vô cùng tận tụy với công việc. Theo chỉ dẫn của Hồ Chủ tịch, ông bắt tay ngay vào việc xây dựng chính quyền cách mạng nhân dân, đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ hành chính mới, vừa chuyên nghiệp, vừa biết trọng dân, vì dân. Toàn bộ kế hoạch này được ông trình bày ngắn gọn trên báo *Cứu quốc* số ra ngày 19/10/1945, trong đó ông đặc biệt nhấn mạnh việc: "khuyên nhân dân có điều gì muốn phàn nàn, có người nào muốn chỉ trích bất cứ việc gì thì gửi thư lên bá cáo, giúp tài liệu cho Chính phủ."[205]

Chính quyền cách mạng thực sự của dân, do dân, vì dân đã được Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh và những cán bộ như Võ Nguyên Giáp kiến tạo ngay từ những ngày đầu như thế. Hoàn thành được những nhiệm vụ nói trên trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn lúc đó chính là nhờ vào bản chất của Đảng, vào bản lĩnh chính trị của những cán bộ như Võ Nguyên Giáp: thực sự "hòa mà không tư, cả quyết sửa lỗi mình, cẩn thận mà không nhút nhát, hay hỏi, nhẫn nại (chịu khó), hay nghiên cứu, xem xét, vị công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, nói thì phải làm".

[204] Xem báo *Cứu quốc*, số 69 (ngày 17/10/1945), số 78 (ngày 30/10/1945).

[205] Xem báo Cứu quốc số 71 (ngày 19/10/1945).

Những đức tính đó đã được Võ Nguyên Giáp bền bỉ tôi rèn, để thực sự trở thành người *"phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"*, noi theo gương Hồ Chủ tịch, vừa có cái cốt cách của kẻ sĩ Nho học, vừa có sự lịch lãm, chuyên nghiệp của trí thức Tây học, và trên tất cả là nền tảng đạo đức của người chiến sĩ cách mạng chân chính: toàn tâm, toàn chí tận hiến cho Nhân dân, cho Tổ quốc. Đây là phẩm chất cao quý nhất của con người Đại tướng Võ Nguyên Giáp, được ông luôn trau dồi trong suốt cuộc đời mình, và điều này đã trở thành sức mạnh, thành niềm tin, bản lĩnh để giúp ông vượt qua những thác ghềnh của cuộc sống.

Lịch sử Việt Nam và lịch sử thế giới đều ghi lại những câu chuyện buồn, thậm chí là bi thảm, của những vị lãnh đạo, đặc biệt là những danh tướng lừng lẫy chiến công, nhưng vì lý do nào đó phải rời khỏi vị trí quyền lực mà họ từng nắm giữ. *"Điểu tận, cung tàng"* là bài học lịch sử nhân loại từng đúc kết.

Với trường hợp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nếu không có bệ đỡ là nhân cách cao thượng, bản lĩnh vô song của nhà cách mạng chân chính, có thể chưa chắc ông đã vượt qua được những "khúc quanh" của cuộc đời, khi ông thôi không làm Bí thư quân ủy Trung ương (1978), Tổng tư lệnh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1980), đồng thời được phân công giữ chức Phó Thủ tướng thường trực, phụ trách các công tác khoa học, giáo dục, trong đó có cả việc phụ trách Ủy ban quốc gia về dân số và sinh đẻ có kế hoạch. Khi đó, trong quân đội, trong nhân dân, và ngay cả trong dư luận quốc tế đã xuất hiện những lời đồn đoán về sự "bất mãn" nào đó của ông.

Sự thực lịch sử không phải như vậy. Đại tướng Võ Nguyễn Giáp đã thanh thản đón nhận và tận tụy hoàn thành những công việc được Đảng và Nhà nước giao, bởi với ông, không có chỗ cho danh vọng và lợi ích cá nhân; lợi ích và sự phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc đã và luôn được ông đặt lên hàng đầu. "Dĩ công vi thượng, vị công vong tư" là những lời Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy dỗ cán bộ mà ông luôn khắc ghi và nỗ lực thực hiện.

2.2. Võ Nguyên Giáp – người đảng viên cộng sản mẫu mực

Mặc dù được giác ngộ từ sớm, nhưng Võ Nguyên Giáp lại trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương khá muộn – giữa năm 1940. Từ đó, trong suốt cuộc đời hoạt động và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, ông luôn không ngừng phấn đấu để thực sự là người đảng viên mẫu mực của Đảng.

Đặc điểm và cũng là sứ mệnh quan trọng nhất của một đảng cộng sản và của từng đảng viên là *sự tiên phong*: tiên phong trong nhận thức lý luận, trong hoạt

động thực tiễn và gương mẫu trong lối sống. Chỉ khi nào xứng đáng là tổ chức tiên phong với những đảng viên tiên phong thì đảng cộng sản mới có thể hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Về lý luận, Hồ Chí Minh cho rằng: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam."[206] Đối với cá nhân đảng viên, Người yêu cầu phải "hay nghiên cứu, xem xét" và "giữ chủ nghĩa cho vững".[207] Nhìn lại lịch sử phong trào cộng sản và công nhân thế giới, tuyệt đại đa số những khuynh hướng sai lầm, cơ hội, giáo điều, xét lại vv… đều bắt nguồn từ những sai lầm trong nhận thức và vận dụng lý luận. Thậm chí, cả sự bế tắc, rơi vào khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu cũng bắt nguồn từ những sai lầm trong phương pháp nhận thức và vận dụng lý luận Mác-Lênin.

Là một trí thức bậc cao tham gia cách mạng, giác ngộ và trở thành đảng viên cộng sản, Võ Nguyên Giáp luôn không ngừng tự mình nghiên cứu, tìm hiểu lý luận, tổng kết thực tiễn, kiểm nghiệm, vận dụng lý luận. Ông thấu hiểu, rằng chủ nghĩa Mác – Lênin là lý luận cách mạng, là một khoa học, nên phải "đối xử" với nó một cách khoa học, và vì vậy, ông không tự giới hạn việc nghiên cứu của mình chỉ trong những trước tác, nhưng nguyên lý của hệ lý luận đó. Ông mở rộng khảo cứu, từ "vấn đề dân cày" cho tới chiến lược chiến tranh, nghệ thuật cầm quân và sách lược tác chiến của Napoléon, Kutuzov, Carl von Clausewitz, Tôn Vũ, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi vv… Vừa nghiên cứu, nghiền ngẫm và phản biện, nhất là vận dụng, kiểm nghiệm trong thực tiễn để rút ra những điều cốt yếu nhất.

Nhờ luôn để tâm học tập và nghiên cứu lý luận nên Võ Nguyên Giáp không khi nào tỏ ra "chông chênh", "nghiêng ngả" giữa những bão táp tranh cãi liên miên về "lý luận", "lập trường" ở cả trong nước và trên thế giới, từ chuyện cải cách ruộng đất, sửa sai, tập thể hóa nông nghiệp, rồi "chống chủ nghĩa xét lại", "chống sùng bái cá nhân", "chung sống hòa bình" vv… Ông hầu như không tham gia vào các cuộc tranh luận đó, nhưng ông có chính kiến riêng, có lập trường kiên định của mình, và mọi bão lốc nhân danh "lý luận" có lúc nhắm vào ông rồi cũng tự tiêu tán.

---

[206] Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 2, sđd, tr. 289.
[207] Hồ Chí Minh, *Toàn tập,* tập 2, sđd, tr. 280.

Phẩm chất cũng rất quan trọng, góp phần làm nên một Võ Nguyên Giáp là "Đại tướng của nhân dân", là "Anh cả" của quân đội, là "Anh Văn" của đồng chí, bạn bè chính là *mối quan hệ máu thịt với nhân dân và sự gắn bó chặt chẽ với bộ đội, đồng chí và bạn bè.* Ai gặp ông cũng vừa thấy thật gần gũi, gần gũi mà không suồng sã, vẫn mực thước, nhưng lại rất chân tình. Bản tính ông vốn vậy, nhưng phần chính là nhờ ông được rèn giũa trong thực tế. Ông ghi nhớ lời căn dặn của người Thầy – Hồ Chí Minh: "với từng người thì khoan thứ, với đoàn thể thì nghiêm, có lòng bày vẽ cho người, trực mà không táo bạo, hay xem xét người", rồi gắng vận dụng vào thực tiễn. Những ngày mới về tới Pác Bó, Hồ Chí Minh lập ra báo *Việt Nam độc lập*. Người tự mình soạn bài, còn giao cho Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí khác cùng tham gia viết. Là người đã có kinh nghiệm làm báo nhiều năm, nhưng những bài báo đầu tiên Võ Nguyên Giáp viết đều bị Hồ Chí Minh cho là "không đạt", vì vừa quá dài, lại khó hiểu đối với quần chúng. Ông được yêu cầu viết lại nhiều lần, cho tới khi đem đọc cho một đồng chí chưa biết chữ nghe mà hiểu hết thì mới được. Rồi Hồ Chí Minh yêu cầu Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng học tiếng nói, phong tục của đồng bào địa phương. Nhờ thế mà các ông đã thực hiện thành công "ba cùng" ở vùng căn cứ cách mạng đầu tiên. Những "cứu quốc hội" mà các ông xây dựng được ở khu Cao – Bắc – Lạng hồi đó là những tổ chức quần chúng có sức bền cố kết rất cao, dù bị địch khủng bố gắt gao, đồng bào vẫn một lòng tin vào cách mạng, ra sức che chở đùm bọc cán bộ. Ông nhớ lại: khi địch khủng bố, vây ráp cán bộ trên rừng "một số các đồng chí cán bộ trung kiên, trong đó có cả những em nhi đồng, vẫn bất chấp sự tàn sát của địch, đêm đêm vượt qua mũi súng đưa gạo, đưa bắp ra ngoài làng cho chúng tôi." Vì vậy, ông đã chỉ đạo các đồng chí: "Chính trong lúc này chúng ta càng phải bám chắc lấy cơ sở. (…) Dù khó khăn đến đâu, vẫn phải nắm lấy quần chúng, giữ vững cơ sở quần chúng."[208]

Tháng 12 năm 1944, khi được Hồ Chí Minh giao cho nhiệm vụ thành lập đội quân vũ trang cách mạng đầu tiên, để đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của "thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới", Võ Nguyên Giáp lại được học thêm từ người Thầy của mình: "Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được."[209] Đây chính là điều Đại tướng Võ Nguyên Giáp khắc cốt ghi tâm trong

[208] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 71 – 72.
[209] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 84.

suốt cuộc đời lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam cùng toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh nhân dân, đánh bại tất cả các chiến lược chiến tranh của các kẻ thù. Đó cũng là nguyên tắc ông thương yêu, kính trọng nhân dân khi làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, và cả sau khi đã về hưu. Và do vậy, ông đã trở thành một trong những nhà lãnh đạo được nhân dân yêu mến nhất trong thế kỷ XX.

Yếu tố cốt tử thứ ba tạo nên bản lĩnh người đảng viên cộng sản chân chính Võ Nguyên Giáp là: tuyệt đối phục tùng tổ chức, chấp hành nghiêm túc nguyên tắc làm việc và kỷ luật của Đảng.

Trong thời gian qua, Đảng ta đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Đã có hàng nghìn đảng viên và hàng trăm tổ chức đảng bị kỷ luật, trong đó có nhiều cán bộ cao cấp, có cả những cán bộ cấp tướng của quân đội và công an. Đó là một thực tế đau lòng, một sự tổn thất còn to lớn hơn tổng số những tổn thất về cán bộ cấp cao trong các cuộc kháng chiến trước kia. Nguyên nhân cội nguồn của tình hình trên là một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ đã sa vào chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, coi thường kỷ luật đảng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong bối cảnh đó, nhìn vào tấm gương, bản lĩnh chính trị của người đảng viên Võ Nguyên Giáp, chúng ta có thể học tập và rút ra được nhiều điều bổ ích, thiết thực.

Là nhà cách mạng chân chính, tận hiến tất cả cho Đảng, cho Nhân dân và Tổ quốc, Võ Nguyên Giáp đã vượt qua được sự cám dỗ mạnh mẽ và độc hại của chủ nghĩa cá nhân. Lập nhiều chiến công và thành tích to lớn, nhưng ông không tỏ ra công thần, kiêu ngạo, đòi hỏi chế độ và sự đãi ngộ nào đặc biệt; là người được thế giới, bạn bè năm châu ca ngợi, tôn vinh đến tột đỉnh, tên tuổi và hình ảnh chỉ đứng sau Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vậy mà ông vẫn bình thản, giản dị, chan hòa, bởi ông hiểu: chiến công to nhất, thành tích vĩ đại nhất là thuộc về nhân dân và chiến sĩ; vinh quang to nhất là thuộc về Tổ quốc và nhân dân.

Là người giữ những cương vị lãnh đạo rất quan trọng, với uy tín lớn và quyền lực trong tay, nhưng Đại tướng Võ Nguyễn Giáp không bao giờ tự đặt mình lên trên tổ chức, ra ngoài phạm vi nguyên tắc và kỷ luật của Đảng và của quân đội. Hơn thế nữa, ông lại luôn luôn gương mẫu chấp hành, luôn luôn phục tùng tổ chức Đảng và quân đội. Là người rất quyết đoán và cần phải quyết đoán, nhưng trước những quyết sách quan trọng, ông đều bàn bạc dân chủ, lắng nghe ý kiến của đồng chí, đồng đội. Từ lúc bàn cách đánh đồn Nà Ngần, Phai Khắt đến khi bàn bạc để phát động Chiến dịch Hồ Chí Minh, tác phong của vị Tổng tư lệnh vẫn như vậy.

Sau này, khi nghiên cứu tổng kết nghệ thuật quân sự Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, ông vẫn giữ tác phong nghiêm túc, cầu thị, dân chủ đó: ông gặp, trao đổi cặn kẽ, lắng nghe nhiều chuyên gia trước khi đưa ra ý kiến của mình.

Đối với người đảng viên Võ Nguyên Giáp, nhiệm vụ nào Đảng giao cũng là nhiệm vụ quan trọng. Trách nhiệm, danh dự của người đảng viên là phục tùng tổ chức và hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Vì thế, từ khi được giao giữ chức Phó Thủ tướng thường trực, được phân công phụ trách khoa học, giáo dục và cả những việc có thể gây ra hiểu lầm, làm tổn hại đến danh dự cá nhân, Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn nghiêm túc chấp hành, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ, và đặc biệt, không bộc lộ bất kỳ sự bất mãn cá nhân nào. Bản lĩnh chính trị của người đảng viên trong ông là thế! Vượt lên trên gian khổ, đánh bại mọi kẻ thù, nhưng chiến thắng được cái tôi vị kỷ, cá nhân của bản thân mình mới là chiến thắng khó khăn và vinh quang nhất.

2.3. Võ Nguyên Giáp – bản lĩnh chính trị của một nhân tài quân sự kiệt xuất

Một số nhà nghiên cứu phương Tây đã để tâm nghiên cứu và cố gắng đánh giá và "giải mã" tài năng quân sự của Võ Nguyên Giáp. Họ tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, và những kiến giải của họ cũng góp phần mang lại những ánh nhìn khác nhau. Tuy nhiên, cũng không tránh khỏi có cả những cách nhìn nhận sai lầm, ví dụ như cho rằng chiến lược chiến tranh nhân dân mà Võ Nguyên Giáp thực hiện ở Việt Nam là do học được từ Mao Trạch Đông, hay thậm chí từ những đội quân du kích Tây Ban Nha.[210] Vì vậy, việc đánh giá, nhìn nhận cho đúng bản lĩnh, tài năng quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn là một điều không hề dễ dàng.

Sự thực hiển nhiên mà nhân loại thừa nhận là trong nửa sau thế kỷ XX dân tộc Việt Nam đã ghi tên mình vào lịch sử thế giới với những võ công hiển hách, chấn động địa cầu. Trong đó, vị Tổng tư lệnh của đội quân chiến thắng chính là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nhưng suốt cuộc đời mình, Võ Nguyên Giáp không bao giờ nhận riêng về mình chiến công nào. Bởi, là một nhà cách mạng chân chính, một đảng viên mẫu mực và là một quân nhân, ông hiểu rất sâu sắc rằng sự lãnh đạo chính trị đối với quân đội ta là "thống soái", là toàn diện, triệt để. Và do đó, sự lãnh đạo chính trị và lãnh đạo quân sự ở Việt Nam luôn luôn là lãnh đạo tập thể; mọi quyết sách chiến lược đều là quyết định của tập thể lãnh đạo.

---

[210] Đây là quan điểm của sử gia Na uy nổi tiếng Stein Tønnesson. Xem bài phê phán: Phạm Hồng Tung, "Tưởng nhớ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Suy nghĩ thêm về chiến tranh nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam", *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2014, tr. 61-67.

Hơn nữa, cần phải nhớ rằng tập thể lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta trong các cuộc kháng chiến đều là những nhân tài xuất chúng, quy tụ xung quanh bậc thầy vĩ đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhiều nhà lãnh đạo tuy chưa hoặc không đeo quân hàm, mặc áo bộ đội, nhưng họ đều là những chiến lược gia quân sự xuất sắc với những đóng góp rất nổi bật vào các chiến công chung của dân tộc, như các đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Đỗ Mười vv… Họ không những chỉ tham gia vào việc lãnh đạo ở Tổng hành dinh (Quân ủy Trung ương) mà còn từng trực tiếp cầm quân ở chiến trường.

Đương nhiên, nguyên tắc lãnh đạo tập thể không trái ngược với việc cá nhân phụ trách và chịu trách nhiệm, và những cá nhân xuất chúng luôn để lại những dấu ấn không phai mờ đối với những quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước. Là một trong những thành viên chủ chốt nhất, hàng chục năm được giao nắm giữ cương vị Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tư lệnh cách lực lượng vũ trang cách mạng, chắc chắn Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một nhân tài quân sự xuất chúng với những cống hiến riêng, to lớn vào những chiến công chung của quân và dân Việt Nam. Đây là điều không ai có thể phủ nhận, tuy vậy, khuôn khổ bài viết này không cho phép đi sâu vào vấn đề này.

Bản lĩnh chính trị của thiên tài quân sự Võ Nguyên Giáp, theo chúng tôi, tập trung ở ba điểm cốt yếu sau đây:

Thứ nhất, đó là việc lãnh đạo xây dựng thành công lực lượng vũ trang cách mạng theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh, với nòng cốt là Quân đội nhân dân Việt Nam. Cuối năm 1944, tại khu căn cứ Cao – Bắc – Lạng Hồ Chí Minh đã quyết định giao nhiệm vụ này cho Võ Nguyên Giáp, và cũng chính Người đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản nhất đối với việc phát triển và lãnh đạo quân đội cách mạng. Nguyên tắc số một, như đã nói ở trên, là: "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt được."[211] Quân đội ta là quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà hy sinh, chiến đấu. Nguyên tắc thứ hai, như Hồ Chí Minh tự tay ghi lại trong huấn lệnh mà Võ Nguyên Giáp tuyên đọc trong lễ thành lập đội *Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* ngày 22-12-1944, là: "chính trị trọng hơn quân sự".[212] Ở tại thời điểm đó thì điều này chỉ có nghĩa: "Vận dụng vũ trang tuyên truyền để kêu gọi toàn dân đứng dậy, chuẩn bị cơ sở chính trị và quân

[211] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 84.
[212] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 88.

sự cho cuộc khởi nghĩa sau này."[213] Nhưng về lâu dài, nguyên tắc này đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với lực lượng vũ trang, đồng thời cũng có nghĩa là lực lượng vũ trang nói chung, quân đội nhân dân nói riêng chính là một phương tiện chính trị đặc biệt của Đảng. Nếu xa rời nguyên tắc này, quân đội ta sẽ mất bản chất cách mạng, sẽ không còn là một lực lượng vũ trang cách mạng gắn bó máu thịt với nhân dân. Nguyên tắc thứ ba là sự thống nhất chỉ huy, phối hợp hoạt động của các lực lượng vũ trang, và nguyên tắc thứ tư là phải không ngừng xây dựng quân đội lớn mạnh, chính quy, chuyên nghiệp chứ không chỉ dừng lại ở hình thức những đội du kích. "Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác. Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của Giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam."[214]

Thứ hai, đó là tài cầm quân, là năng lực phân tích và chỉ đạo chiến lược xuất sắc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Trong lời đề tựa cho cuốn *"Vạn Kiếp tông bí truyền thư"* của Trần Quốc Tuấn, danh tướng Trần Khánh Dư viết: "Người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết."[215] Từ cổ chí kim, trong khoa học quân sự, người ta coi trọng nhất chính là tài cầm quân là vì vậy.

Trong suốt hơn 30 năm, ở vị trí cầm quân (Tổng tư lệnh), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã đối địch với những nhà cầm quân là các danh tướng hàng đầu của phương Tây. Họ đều là những tướng lĩnh "nhà nghề", được đào tạo bài bản, lại nắm trong tay những lực lượng ưu trội hơn rất nhiều, với sự trợ giúp hùng hậu của đội ngũ chuyên gia giỏi, trang thiết bị tối tân. Vậy mà họ đều lần lượt phải chấp nhận thất bại một cách tâm phục, khẩu phục. Vậy, Võ Nguyên Giáp đã góp phần đánh bại họ ra sao?

Trước hết, vẫn là nguyên tắc của Hồ Chí Minh: *"chính trị trọng hơn quân sự"*. Trong suốt chiều dài các cuộc chiến, quân đội ta, dân tộc ta luôn giương cao ngọn cờ chính nghĩa. Đây là điều các đạo quân xâm lược của địch dù tìm mọi thủ đoạn cũng không sao có được. Thất bại của các danh tướng Mỹ, Pháp trước hết chính là thất bại về chính trị, trước sau gì họ cũng sẽ mất lòng dân, bị chính nhân dân nước họ phản đối, và đó là cội nguồn của tất cả các thất bại quân sự.

---

[213] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 89.

[214] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr. 89.

[215] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tập II, tr. 84.

Tiếp theo, trong khi cầm quân, Võ Nguyên Giáp và bộ chỉ huy ta *luôn nắm lấy thế chủ động chiến lược,* buộc đối phương phải rơi vào thế bị động chiến lược, phải tiến hành chiến tranh không theo cách họ mong muốn. Xét trên phương diện chiến lược quân sự thuần túy, đây chính là yếu tố quyết định nhất khiến cho cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ phải chịu thua trận ở Việt Nam. Chỉ xin lấy hai ví dụ điển hình: Khi Navarre sang cầm quân ở Đông Dương, ông ta "đọc" ngay ra thế bế tắc chiến lược của phía Pháp – Mỹ. Và ông ta quyết định xây dựng "quả đấm thép" có sức cơ động cao gồm 41 tiểu đoàn chủ lực tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ, có thể giáng cho "quân đội Việt Minh" những đòn chí mạng và thay đổi nhanh cục diện chiến trường. Với tài trí vô song, trong Đông – Xuân 1953-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và quân dân ta đã đánh vào những nơi địch tương đối yếu nhưng không thể mất, và đã "điều" quân chủ lực của Pháp ra năm hướng, căng ra khắp các chiến trường Đông Dương. Thế là Navarre lại rơi vào thế sa lầy, bị động chiến lược, và cuối cùng đã phải chọn một trận quyết chiến chiến lược trong thế bị động hoàn toàn. Thất bại do đó là khó tránh khỏi.

Đến lượt Mỹ, năm 1965, khi đổ hàng trăm nghìn quân vào chiến trường miền Nam, đánh phá ác liệt miền Bắc, Johnson và các chiến lược gia Mỹ âm mưu ép đối phương phải chấp nhận một cuộc chiến tranh quy ước và sẽ bị tiêu diệt, cục diện chiến tranh do đó mà xoay chuyển nhanh theo hướng có lợi cho Mỹ và tay sai. Nhưng tài cầm quân siêu việt của Bộ Tổng tư lệnh ta, đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã khiến cho Mỹ không thực hiện được âm mưu đó. Trong thế trận chiến tranh nhân dân của ta, các cuộc hành quân "tìm và diệt" của Mỹ như những quả đấm thép đấm thẳng vào không khí, trong khi quân Mỹ lại bị căng ra nhiều nơi, bị tấn công bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào. Và trong khi mọi sự chú ý của các chiến lược gia Mỹ đang tập trung vào chiến trường Khe Sanh thì quân dân ta đã bí mật ém lực lượng, vận chuyển hàng triệu tấn vũ khí, dạn dược… áp sát Sài Gòn và hàng trăm đô thị, nhất loạt tung ra một đòn tấn tổng công chiến lược Xuân 1968 làm chấn động toàn thế giới. Lãnh đạo chính trị và quân sự Mỹ khi đó hiểu rằng: họ đã thất bại trong phương lược chiến tranh và buộc phải tìm một lối thoát mới cho chính họ.[216]

Thứ ba, đó là không ngừng tổng kết thực tiễn, thậm chí biết rút ra những bài học từ những thất bại, sai lầm của chính mình.

[216] Xem: Phạm Hồng Tung, "Thất bại của Mỹ trong cuộc đối đầu về phương lược chiến tranh ở Việt Nam (1954-1975)", *Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn*, số 1/2015, tr. 3-12.

Nghiên cứu về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhiều người đặt vấn đề: ông đã học từ đâu tri thức quân sự để tạo nên tài cầm quân xuất chúng như vậy? Đúng là ông không qua trường lớp nào, nhưng lại tự mình nghiên cứu, học hỏi từ nhiều nguồn, nhiều người. Người ta biết ông từng say sưa nghiên cứu về Napoléon I, về Kuzutov và Clausewitz. Ông cũng tự mình nghiên cứu về Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi vv… nhưng chắc chắn người thầy lớn mà ông học hỏi được nhiều nhất chính là Hồ Chí Minh. Như đã nói ở trên, Hồ Chí Minh chính là người đã khai sáng và củng cố cho Võ Nguyên Giáp những nguyên tắc, phương châm cơ bản của việc xây dựng và lãnh đạo lực lượng vũ trang cách mạng, và cũng chính Người đã rèn giũa cho Đại tướng phương châm chiến lược: đánh chắc thắng, giảm thiểu mất mát hy sinh, quyết đoán, táo bạo khi thời cơ tới. Và người học trò Võ Nguyên Giáp đã trưởng thành nhanh chóng, nghiêm túc học hỏi, từ thực tiễn thành công và cả thất bại, sai lầm.

Trong lịch sử quân sự Việt Nam và thế giới, có lẽ chỉ trừ Hannibal[217] và Nguyễn Huệ, hầu như không có danh tướng nào không trải qua những thất bại trước khi gặt hái được những thành công. Trước khi cầm quân đánh bại hoàn toàn quân Mông Nguyên, Trần Quốc Tuấn cũng từng thua tan tác, đến mức phải bỏ chạy khi bên mình chỉ còn lại hai tướng tâm phúc là Dã Tượng và Yết Kiêu.[218] Võ Nguyên Giáp cũng vậy. Cuối năm 1943 cho đến mùa thu năm 1944, do bộc lộ lực lượng quá sớm, căn cứ Cao – Bắc – Lạng bị thực dân Pháp và tay sai khủng bố rất ác liệt, nhiều cơ sở bị thiệt hại nặng nề. Trong tình thế đó, Ban chỉ huy và Liên tỉnh ủy đã quyết định phát động khởi nghĩa. Đúng lúc đó Hồ Chí Minh đã trở về, ngay sau khi nghe Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh báo cáo, Người đã kịp thời yêu cầu hoãn cuộc khởi nghĩa, và chỉ ra đó sẽ là một cuộc khởi nghĩa non, khó tránh khỏi thất bại. Tiếp theo là bài học chọn điểm tấn công đột phá là cứ điểm Đông Khê chứ không phải là Cao Bằng trong Chiến dịch biên giới thu – đông năm 1950, và cả những bài học sâu sắc khi lần đầu tiên đưa quân đội xuống vùng trung du và đồng bằng sau chiến dịch biên giới. Tuy có thu được những kết quả nhất định, nhưng các chiến dịch đó đã gây ra thiệt hại khá to lớn về lực lượng. Đó là những kinh nghiệm nghiêm khắc và quý báu để Võ Nguyên Giáp thấu hiểu bài học đánh chắc thắng mà Hồ Chí Minh đã truyền thụ cho ông, để rồi sau này, ở thời khắc quyết

[217] Hannibal (247 – 183 TCN) là một danh tướng thời La Mã cổ đại.

[218] *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sđd, tr. 51.

định, ông đã dũng cảm đi tới quyết định: kéo pháo ra, thay đổi cách đánh và giành thắng lợi chung cuộc tại Điện Biên Phủ năm 1954.

Cũng từ Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp còn học được bài học quý báu: thận trọng, chắc thắng nhưng không do dự, mà phải kiên quyết, táo bạo, kịp thời khi chớp thời cơ chiến lược. Còn nhớ tháng Tám năm 1945, khi đó Hồ Chí Minh bị ốm rất nặng, sốt cao có lúc Người thiếp đi trong cơn mê, nhưng lúc tỉnh dậy thì lại dặn dò Võ Nguyên Giáp: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".[219] Tinh thần ấy, bản lĩnh ấy của Hồ Chí Minh được tiếp thu và tái hiện nhiều lần trong cuộc đời cầm quân của người học trò Võ Nguyên Giáp, nhất là trong bản quân lệnh ông gửi cho cán bộ và chiến sĩ ngày 7-4-1975: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa! Táo bạo, táo bạo hơn nữa! Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng Miền Nam. Quyết chiến! Quyết thắng!"

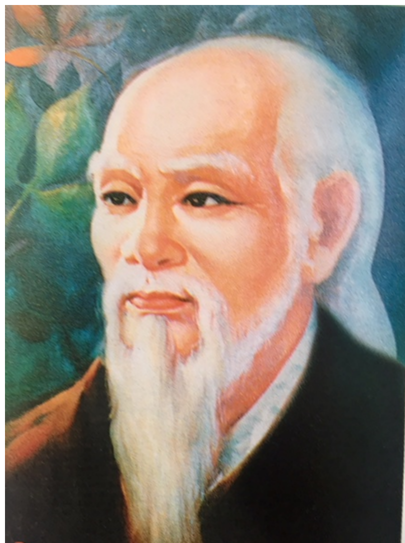
Lịch sử càng lùi xa càng cho phép chúng ta nhìn nhận và thấy rõ hơn tầm vóc và bản lĩnh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và thế hệ lãnh đạo cách mạng tiền bối. Càng đi sâu tìm hiểu, chúng ta biết hơn về ông - "người học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh"; "một vị "Tổng tư lệnh tài năng xuất chúng nhưng rất bình dị", càng hiểu sâu sắc hơn người "Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam." Đại tướng Võ Nguyên Giáp đích thực là "vị tướng của nhân dân", mãi mãi lưu danh trong lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

[219] Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi ký*, sđd, tr.130.

TRÍ TUỆ SÁNG NGỜI, TẤM LÒNG CAO ĐẸP

(Viết về Đại y tôn Hải Thượng Lãn Ông (1724-1791))

GS.TS.NGND LÊ GIA VINH



Hải Thượng Lãn Ông (1724-1791)

Trong lịch sử y học Việt Nam có lẽ ít người gây được những ảnh hưởng to lớn và sâu rộng đến các thế hệ mai sau như Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Với thiên tài kiệt xuất, khả năng lao động phi thường và lòng yêu thương con người tha thiết, ông đã cống hiến cho nền y học dân tộc những tác phẩm vô giá, những viên ngọc lấp lánh trong kho tàng văn học Việt Nam.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình dòng dõi khoa bảng, Lê Hữu Trác là con thứ bảy của tiến sĩ Lê Hữu Mưu, cháu ruột của tiến sĩ Lê Hữu Kiều (bố vợ nhà bác học Lê Quý Đôn), ngay từ thời thơ ấu, cậu đã rất thông minh và hiếu học. Lớn lên, theo con đường cử nghiệp của ông cha, Lê Hữu Trác cũng đỗ đạt và làm quan, nhưng bả vinh hoa không làm ông loá mắt, như lời ông vẫn thường tâm sự:

Lợi danh trước mắt trôi như nước
Nhân nghĩa trong lòng chẳng đổi phương

Chẳng bao lâu, Lê Hữu Trác cáo quan, về ở ẩn nơi quê mẹ và lấy tên hiệu là Hải Thượng Lãn Ông, nghĩa là ông già lười ở xứ Hải Dương (quê cha) và Bầu Thượng (quê mẹ), dựng nhà ở Hương Sơn (Hà Tĩnh) để hưởng thú điền viên phụng dưỡng mẹ già và trị bệnh giúp đời:

Cung đàn chén rượu vẫn ưa vui

Lo lắng cho người dạ chẳng nguôi

Trong suốt cuộc đời làm thuốc, Lãn Ông luôn luôn tâm niệm: "*Nghề làm thuốc là nhân thuật, thầy thuốc hẳn phải lấy việc giúp người làm điều hay...Lúc tuổi trẻ, tôi đã phải bỏ nghiệp nho theo nghề y hơn 10 năm đèn sách nghiên cứu đêm ngày, trau dồi nghề nghiệp, trong lòng chỉ luôn luôn nghĩ đến việc cứu giúp người đời...*".

Một hôm, người dân chài tên là Thuộc có con gái 13 tuổi mắc bệnh đậu mùa đến xin ông cứu chữa. Giữa trưa hè nóng bức, trên một bến sông hoang vắng, em bé nằm trong con đò nát, gối mình trong cát bỏng, mùi tanh thối nồng nặc xông lên. Mỗi lần tới thăm bệnh, Lãn Ông phải khom người chui xuống lòng thuyền chật chội, cố nén cơn buồn nôn, tay luôn luôn gạt những giọt mồ hôi đầm đìa trên trán. Ác chứng của cơn bệnh hiểm nghèo đã có lúc khiến cho ông nản lòng.

Nhưng ngay đêm hôm ấy, trước sự đau khổ và lòng thành tâm của hai vợ chồng bác thuyền chài, trái tim nhân đạo của vị y sư đã xúc động mãnh liệt. Thế là ông lại vượt lên gian khó, lao vào cuộc chiến đấu mới ác liệt với tử thần và trước sau đúng 1 tháng 4 ngày, cháu bé đã hoàn toàn khỏi bệnh. Chẳng những ông không lấy tiền thuốc men, lễ tạ mà còn giúp đỡ cả gạo, củi, dầu, đèn cho gia đình bệnh nhân.

Vào những năm 50-60 của đời mình, tiếng tăm của Lãn Ông được lan truyền khắp đất nước. Kẻ giàu sang, người nghèo hèn từ những xóm vắng, làng xa đến các cung vua, phủ chúa, hễ ai có bệnh "thập tử nhất sinh" đều tìm đến mái nhà tranh thôn dã của ông để xin chữa chạy. Năm 1782, chúa Trịnh Sâm lâm bệnh nặng. Ngưỡng mộ tài năng của vị y sư đã bạc trắng mái đầu, Phủ Chúa cho vời ông lên kinh đô để thăm bệnh. Trong thời gian ở kinh kỳ, Lãn Ông đã chữa khỏi cho nhiều vương tôn công tử chốn triều đình và bệnh tình của chúa Trịnh cũng dần dần thuyên giảm. Ông được chúa Trịnh rất trọng dụng và giữ lại ở trong phủ để thường trực thuốc thang cho nhà chuá. Vị y sư lập tức tạ sự thoái thác. Rồi khi có điều kiện thuận lợi, ông nằng nặc đòi Huy quận công Hoàng Đình Bảo cho trở về Hương Sơn.

Về tới quê nhà, ông lại sống cuộc đời thanh bạch của mình trong tình thương yêu của bà con thôn xóm. Và, tối đến bên be rượu, ấm trà bát ngát hương trời và mát dịu ánh trăng, những dòng thơ kỳ thú lại vang ngân:

Ngày ngày xem bệnh vừa xong
Đêm đêm tựa bóng trăng trong gẩy đàn
Vừng đông cao vẫn ngủ tràn

Bởi lòng tơ tưởng chữ nhàn mà say

Nhưng Lãn Ông đâu có nhàn mà cũng chẳng lười như ông thường nhận (Lãn Ông là Ông Già Lười). Có chăng ông chỉ lười ở chốn quan trường và say mê thú an nhàn nơi thôn dã. Cả cuộc đời ông là một tấm gương lao động cần cù, sáng tạo. Vào buổi hoàng hôn của đời mình, Lãn Ông đã chuyên tâm hoàn thành bộ *Y tông tâm lĩnh* gồm 28 tập, 66 quyển mà ông đã thai nghén từ gần 30 năm trước đó. Đêm đêm, ông làm việc cặm cụi trong thư phòng, dưới ánh đèn khuya, giữa những đống tài liệu và cây thuốc, tắm mình trong những suy tưởng thật cao quý, thiêng liêng...

Mùa đông năm Canh Tuất (1790), Lãn Ông đã tới gần tuổi 70. Ở vào độ tuổi "xưa nay hiếm", ông bắt đầu cảm thấy sức khoẻ giảm sút. Không dám xông xáo đi chữa bệnh ở nhiều nơi như trước, ông chỉ khám và chữa bệnh tại nhà. Ngoài giờ làm việc, ông thường cùng bạn hữu vui thú đàn nhạc, thưởng nguyệt, ngâm thơ và tranh thủ biên soạn y văn, lòng còn ôm ấp hoài bảo đem những kinh nghiệm quý báu của mình truyền lại cho thế hệ mai sau. Nhưng cái rét ghê gớm của mùa đông năm ấy đã ngăn cản những dự định tốt đẹp của ông.

Một buổi chiều cuối đông mưa phùn. Gió bấc từng cơn rít qua khe cửa, lùa vào đình Tối Quảng, nơi Lãn Ông ngồi đọc sách. Ông vội đứng dậy đi vào nhà, cảm thấy trong người khó chịu, ho giật từng hồi, khạc ra đờm đặc...

Tuy vậy, buổi tối, bên ngọn đèn dầu trong thư phòng, người dân ở Bầu Thượng vẫn thấy một ông già có chòm râu thưa dài và mái tóc bạc để xoã đến vai như một ông tiên đang ngồi cặm cụi ghi chép. Hình như làm việc đã là một thói quen, một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc đời của ông già tự xưng là Ông Già Lười này.

Nhưng đến một sáng đầu xuân, ngày 12 tháng Giêng năm Tân Hợi (1791), thì thói quen đó vĩnh viễn không bao giờ còn thực hiện được nữa. Sau mấy ngày vui cái Tết cuối cùng của cuộc đời mình, với kiến thức y học uyên bác, Lãn Ông linh cảm thấy sự chẳng lành đang đến với mình. Ông lên giường nằm, nhắm mắt nhưng không sao ngủ được, niềm đau nhân thế vẫn canh cánh bên lòng.

Đúng sáng hôm Rằm tháng Giêng, khi vợ con trong nhà đang làm lễ cúng gia tiên, thì Lãn Ông thiếp đi, không còn hay biết gì nữa. Mọi người đổ sâm cho ông, ông chỉ mở mắt nhìn khắp nhà mà chẳng nói được lời nào. Rồi ông từ biết cõi đời này trên quê mẹ, thôn Bầu Thượng, xã Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh trong niềm thương xót và biết ơn vô hạn của gia đình và bà con làng xóm.

Ánh nắng dịu nhẹ của một buổi sáng đầu xuân chiếu vào phòng dát vàng lên khuôn mặt hiền từ, nhân hậu của ông...

Đã hơn hai trăm năm trôi qua kể từ ngày Hải Tượng Lãn Ông Lê Hữu Trác qua đời, đất nước Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm và nền y học Việt Nam đã có những bước phát triển vô cùng mạnh mẽ, nhưng lịch sử Việt Nam sẽ mãi mãi không bao giờ có thể quên công lao to lớn của Lãn Ông đối với sự phát triển của y học nước nhà.

Hải Thượng Lãn Ông là sự kết tinh truyền thống vẻ vang của nền văn hoá Việt Nam. Bộ sách *Hải thượng y tông tâm lĩnh* gồm 28 tập, 66 quyển, do ông biên soạn trong 30 năm trời, là cả một kho tàng kinh nghiệm vô cùng quý báu cho tất cả những người làm công tác y tế ngày nay.

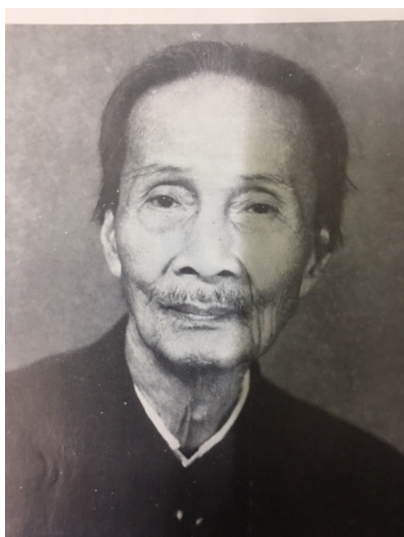
Bài học mà Lãn Ông truyền lại cho đời sau là vô cùng phong phú và sâu sắc. Đó là những bài học về lý tưởng tiến bộ và hoài bão tốt đẹp, về tình yêu nghề nghiệp tha thiết, về tinh thần phục vụ bệnh nhân vô điều kiện, về thái độ thận trọng và khiêm tốn, về quan hệ đồng nghiệp cao cả và về một quan niệm đạo đức y học trong sáng, cao thượng...Mặc dù đã qua đời hơn hai trăm năm nhưng tên tuổi và sự nghiệp, tâm hồn và trí tuệ của Hải Thượng Lãn Ông vẫn còn mãi mãi sống trong lòng những người thầy thuốc và nhân dân Việt Nam, tài năng và đức độ của ông vẫn như một ngôi sao sáng, lấp lánh giữa bầu trời y học nước nhà. Bởi vì, đúng như lời nhận định của Cố giáo sư Hồ Đắc Di, Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nguyên Chủ tịch Tổng hội Y học Việt Nam: "*Hải Thượng Lãn Ông là một bậc thiên tài kiệt xuất của nền y học Việt Nam*"

Như vậy Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác sẽ còn sống mãi với non sông trường cửu.

NHÀ HIỀN TRIẾT CỦA Y HỌC HIỆN ĐẠI

Viết về Giáo sư Bác sĩ Hồ Đắc Di (1900-1984)

GS.TS.NGND LÊ GIA VINH



Giáo sư Bác sĩ Hồ Đắc Di (1900-1984)

Giáo sư Hồ Đắc Di sinh năm 1990, năm đầu của thế kỷ XX, trong một gia đình danh gia vọng tộc dưới triều Nguyễn. Thân sinh là Quận công Hồ Đắc Trung, Thượng thư Bộ Học, Đông các đại học sĩ. Năm 1918, sau khi học xong chương trình phổ thông, ông lên đường sang Pháp du học và theo học ngành y để thực hiện ước mơ "cứu nhân độ thế", đẩy lùi Thần chết, đem lại hạnh phúc cho con người.

Trong thời gian 11 năm (1920 -1931), ông theo học Khoa Y Trường Đại học Tổng hợp Paris và làm sinh viên rồi bác sĩ nội trú ở các bệnh viện lớn của Pháp: Cochin, Saint Antoine, Tenon… thụ giáo các nhà y học và phẫu thuật nổi tiếng Ferdinand Widal, Lears, Sergent, Rathey, Pierre Duval, Gernez, Moulonguet...Qua học tập, làm việc và nghiên cứu, ông đã đề xuất một phương pháp mổ dạ dầy mới "*Phương pháp nối thông dạ dày-tá tràng*" nhằm điều trị bệnh hẹp môn vị mà không phải cắt bỏ dạ dày. Đây là một công trình nghiên cứu có giá trị mang tên ông, được ứng dụng trong hàng chục năm trên nhiều quốc gia và được trích dẫn trong nhiều sách và tạp chí chuyên ngành quốc tế: Tạp chí của *Viện Hàn lâm Phẫu thuật Paris* (Académie de Chirurgie de Paris), báo *Y học Pháp quốc hải ngoại* (Gazette médicale de la France d'Outre-Mer)...

Năm 1931, khi cuộc sống của bác sĩ Hồ đắc Di đã tương đối ổn định ở thủ đô Paris hoa lệ thì ông nhận được thư cha mẹ gọi về nước. Sau một thời gian ngắn làm việc tại bệnh viện Huế và bệnh viện Qui Nhơn, Hồ Đắc Di chuyển ra làm việc tại bệnh viện Phủ Doãn Hà Nội. Tại đây, ông đã nhiều lần đấu tranh với các bác sĩ người Pháp đòi quyền độc lập, tự chủ và bình đẳng cho các thầy thuốc Việt Nam. Vào thời đó, có thể nói bác sĩ Hồ Đắc Di đã tạo nên một sự thay đổi trong nhận thức của không ít người khi ông đồng thời trở thành giảng viên người Việt Nam đầu tiên đứng trên bục giảng của Trường Đại học Y khoa Hà Nội và cũng là người thầy thuốc Việt Nam đầu tiên giữ vai trò bác sĩ phẫu thuật thường trực tại Bệnh viện Phủ Doãn.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công như một luồng gió mới thổi qua khắp các nẻo đường đất nước, giống như mọi người Việt Nam khác, bác sĩ Hồ Đắc Di say sưa hít thở bầu không khí tự do trên Tổ quốc mình. Trong những ngày đầu cách mạng, ông được Hồ Chủ tịch và Chính phủ giao cho nhiều trọng trách. Ông vừa làm giám đốc Trường Đại học Y khoa, Tổng thanh tra y tế, vừa làm giám đốc Đại học vụ và giám đốc Bệnh viện Đồn Thủy. Mặc dù công việc rất bận rộn, nhưng vững tin vào tương lai của dân tộc, ông đã say mê làm việc với tất cả trí tuệ và tâm hồn mình.

Cuối năm 1946, kháng chiến chống Pháp bùng nổ, giáo sư Hồ Đắc Di cùng gia đình tạm biệt Hà Nội đi lên vùng chiến khu. Tại đây, ông đã cùng giáo sư Tôn Thất Tùng và các vị giáo sư, bác sĩ khác vẫn quyết tâm duy trì Trường Đại học Y kháng chiến. Trong suốt chín năm kháng chiến trường kỳ, Trường Đại học Y đã nhiều lần di chuyển địa điểm từ Chiêm Hóa về Phú Thọ rồi sang Tuyên Quang, phải làm đi làm lại cả thảy mười ba lần. Thầy trò vừa dạy vừa học, vừa thay nhau đi phục vụ các chiến dịch. Khó khăn, gian khổ chồng chất nhưng nhà trường đã đào tạo ra số bác sĩ nhiều gấp bốn lần so với trước khi kháng chiến bắt đầu. Trong số đó, sau này nhiều người đã trở thành giáo sư, viện trưởng, bộ trưởng, hiệu trưởng..., nắm các trọng trách trong ngành y tế nước nhà.

Hòa bình lập lại (1954), giáo sư Hồ Đắc Di được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ làm Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Chủ tịch Tổng hội Y học Việt Nam, Uỷ viên Uỷ ban Thường vụ Quốc hội trong nhiều khoá..., ở cương vị công tác nào ông cũng say mê làm việc và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Cùng với các đồng nghiệp và học trò, ông đã góp phần xây dựng Trường Đại học Y khoa Hà Nội và Tổng hội Y học Việt Nam phát triển theo đà tiến bộ của khoa học thế giới...

Cuộc đời và sự nghiệp của giáo sư bác sĩ Hồ Đắc Di thật là trong sáng và đẹp

đẽ, thật là phong phú và sâu sắc. Cuộc đời và sự nghiệp ấy là sự kết hợp hài hoà và sự biểu hiện tinh tế của một tâm hồn cao thượng với một trí tuệ tuyệt vời. Vì vậy, đã có nhiều bài viết rất hay, rất cảm động về cuộc đời và sự nghiệp của ông. Trong bài này, chúng tôi chỉ xin được nhắc tới khía cạnh triết học trong những quan điểm y học của ông qua tác phẩm "*Vinh và luỵ của ngành y*" mà ông đã trình bày trong Lễ khai mạc Hội nghị y tế toàn quốc tại Việt Bắc vào năm 1949, là một trong nhiều tác phẩm về những vấn đề triết học trong y học do giáo sư Hồ Đắc Di viết trong khoảng gần ba chục năm (1948-1976). Những quan điểm này cũng có nhiều nét tương đồng với những quan điểm y đức của Hippocrate và Hải Thượng Lãn Ông, nhưng vì được tổng kết trong thời điểm lịch sử và không gian đất nước gần gũi với chúng ta nên ngày nay, mặc dù đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, vẫn còn tươi nguyên giá trị.

Trong phần đầu của tác phẩm, giáo sư Hồ Đắc Di đã nhận định rất đúng: "*Y học mới đầu là nghệ thuật chữa bệnh, sau là kỹ thuật phòng bệnh, từ chỗ đứng cuối trong đội ngũ khoa học đang có xu hướng vươn lên hàng đầu...*". Với ý tưởng này, ông khẳng định y học điều trị và dự phòng phải luôn đi đôi với nhau và y học vừa là kỹ thuật, vừa là nghệ thuật.

Giáo sư Hồ Đắc Di đánh giá rất cao ảnh hưởng của các khoa học khác, đặc biệt là sinh học, đối với sự phát triển và tiến bộ của y học: "*Ý thức của người thầy thuốc phải luôn luôn hướng về những tư tưởng sinh học, ở đó những khái niệm về sự tương đối, về sự tiêu hao năng lượng sống, về sự điều hoà bằng tác dụng hiệp đồng và đối lập và về biến cố sinh ra sự thay đổi giữ vai trò chủ đạo. Người thầy thuốc cần hiểu rằng họ không sửa chữa một cỗ máy mà là một sinh vật tiến triển tới mức cao nhất và phức tạp nhất mà chúng ta biết được: con người...*"

Có thể nói giáo sư Hồ Đắc Di là người đầu tiên nêu cao quan điểm y học dự phòng và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng trong nền y học hiện đại ở nước ta. Ngay từ năm 1949, ông đã kêu gọi: " *...Vậy thì tập thể phải bảo đảm đời sống, phòng bệnh và chữa bệnh cho họ. Vì thế, khẩu hiệu của ngành y trong tương lai sẽ là khoa học bảo vệ sức khoẻ thay cho khoa học về bệnh tật. Từ người chữa bệnh, người thầy thuốc sẽ trở thành nhà vệ sinh học và làm việc để bảo vệ sức khỏe cho bệnh nhân thay việc chữa bệnh cho họ...*"

Nhưng có lẽ xuyên suốt cả tác phẩm này đúng như tựa đề của nó " *Vinh và luỵ của ngành y* ", giáo sư Hồ Đắc Di chủ yếu bàn về *vinh* và *luỵ*, về *y đức* của người thầy thuốc. Thật cảm động biết bao khi đọc lại những lời nhắn nhủ của ông: " *Cái không khí của tình thương mà người thầy thuốc trải qua suốt cuộc đời hành nghề là hơi thở của cuộc sống nghiệp vụ của họ. Trong mọi nghề thì nghề y là*

nghề làm nhiều điều tốt nhất, an ủi người ta nhất vì sự khô cằn của trái tim không thể dung hoà được với tiếng nói của y học. Đó là vinh dự đặc biệt nhưng cũng lại là nghĩa vụ cao quý, thiêng liêng của người thầy thuốc..."

Để đáp ứng niềm tin tưởng và lòng kính trọng của người bệnh, giáo sư Hồ Đắc Di khuyên nhủ những người thầy thuốc: "*Muốn làm tròn nhiệm vụ và xứng đáng với vai trò của mình trong xã hội mới, người thầy thuốc vốn lấy việc nghiên cứu và xoa dịu nỗi khổ đau của mọi người làm mục đích chính, phải được hai nguyên tắc cơ bản chỉ đạo: Khoa học và Lương tâm*".

Đối với nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học để phấn đấu, vươn lên, không ngừng tự hoàn thiện, thực hiện sứ mạng vẻ vang của người thầy thuốc, giáo sư Hồ Đắc Di cũng cho chúng ta lời dạy bổ ích: " *Nghề nghiệp của người thầy thuốc phải theo sát mọi phát minh mới đang cung cấp cho họ những phương tiện phát hiện bệnh tinh xảo, những phương pháp thăm dò bảo đảm chẩn đoán chính xác và bảo đảm kiểm tra được những ấn tượng của giác quan... Vì y học có liên quan mật thiết với những khoa học xã hội nên người thầy thuốc buộc phải có một trình độ văn hoá cao...".*

Nhấn mạnh tính nghệ thuật và nhân văn của ngành của y, với một tâm hồn nhạy cảm và lãng mạn, giáo sư Hồ Đắc Di viết tiếp:"*... Bản chất của nghệ thuật phải chăng là khả năng cảm xúc mãnh liệt trước cảnh vật của thiên nhiên, biết chọn lọc những cảm xúc ấy và truyền lại cho người khác cái tinh hoa nhất, nhờ sự kỳ ảo của giai điệu, ca từ nơi bản nhạc, bài thơ, vẻ kiều diễm của mầu sắc, đường nét trong bức hoạ, sự bay bổng của hình khối, dáng điệu trên pho tượng… Người thầy thuốc là một nghệ sĩ bởi vì khoa học của họ là một nghệ thuật thì họ phải là một hiền nhân bởi vì tâm hồn họ là một đức tin và nghề nghiệp của họ là một sứ mệnh...*"

Những công trình nghiên cứu của giáo sư Hồ Đắc Di sau được tổng kết lại trong hai chuyên đề lớn "*Sinh học và bệnh học đại cương*","*Quan điểm, đường lối, phương pháp luận đào tạo cán bộ y tế Việt Nam*" và năm 1996 được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học Kỹ thuật đợt I.

Suốt cuộc đời sống giản dị, thanh cao, giáo sư Hồ đắc Di còn khoẻ mạnh, minh mẫn và say mê làm việc đến lúc ngoài 80 tuổi. Sau mùa hè năm 1982, khi giáo sư viện sĩ Tôn Thất Tùng, người học trò và người bạn lớn của ông, đột ngột qua đời, "*Chung Kỳ ký một, Bá Nha đoạn huyền*" ông thương tiếc khôn nguôi...Hai năm sau, do tuổi cao bệnh trọng, cũng vào một đêm mùa hè 25 tháng 6 năm 1984, giáo sư Hồ Đắc Di đã từ biệt cuộc đời này đi vào cõi Vĩnh hằng, để lại cho nền y học Việt Nam một khoảng trống không có gì bù đắp nổi.

ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH VỚI BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS. TS LÝ VIỆT QUANG

Đồng chí Trường Chinh là một nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và cách mạng Việt Nam. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của đồng chí gắn liền với những trang sử vẻ vang của Đảng và dân tộc, đặc biệt là ở những thời điểm có tính bước ngoặt. Là một nhà chính trị giàu kinh nghiệm, có nhiều cống hiến to lớn, đồng chí còn được Đảng, Nhà nước và đông đảo các nhà nghiên cứu khẳng định là nhà văn hóa lớn. Hoạt động và những đóng góp của đồng chí với báo chí cách mạng nước ta chính là một trong những cơ sở quan trọng minh chứng cho sự khẳng định này.

1. Nhà báo cách mạng mẫu mực

Đồng chí Trường Chinh sớm ý thức rõ vai trò quan trọng của báo chí đối với sự nghiệp cách mạng và sớm đến với nghề báo. Mùa hè năm 1928, tại quê nhà Hành Thiện, đồng chí đã sáng lập, làm chủ bút và cũng là cây bút chủ chốt báo *Dân cày*, với nội dung lên án ách áp bức, bóc lột của chính quyền thực dân phong kiến đối với nông dân và kêu gọi nông dân đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi. Dù còn sơ lược và chỉ ra được ít số, song tờ báo đã có ảnh hưởng nhất định đến người dân trong vùng, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.

Trong cuộc vận động thành lập Đảng, đồng chí Trường Chinh đã được cử tham gia nhóm biên tập của báo *Búa liềm* - cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản Đảng và góp phần vào công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, nhân rộng ảnh hưởng của tổ chức cộng sản này.

Từ tháng 11-1930 đến tháng 9-1936, trong thời gian bị bắt giam tại các nhà tù Hỏa Lò và Sơn La, dù hoàn cảnh khắc nghiệt chốn lao tù đế quốc, đồng chí Trường Chinh vẫn bí mật tham gia tổ chức và trực tiếp viết báo tuyên truyền, huấn luyện lý luận cách mạng, đồng thời đấu tranh chống những quan điểm sai trái của một số tù chính trị là đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng. Đồng chí đã được tổ chức Đảng trong nhà tù Hỏa Lò cử làm chủ bút báo *Con đường chính*, trực tiếp viết nhiều bài tuyên truyền, luận chiến cho báo và tờ *Lao tù tạp chí*. Tại nhà tù Sơn La, vừa lãnh đạo tổ chức của những chiến sĩ cộng sản trong tù, đồng chí vừa tham gia viết bài cho báo *Suối reo*.

Trong những năm Đảng ta phát động và lãnh đạo Cao trào cách mạng dân chủ (1936-1939), trên cương vị là Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, phụ trách hoạt động tuyên truyền công khai hợp pháp và nửa hợp pháp, trong đó đặc biệt là lĩnh vực văn hóa, báo chí, đồng chí Trường Chinh là thành viên chủ chốt trong ban biên tập các báo *Le Travail* (*Lao động*), *Rassemblement* (*Tập hợp*), *En avant* (*Tiến lên*), trực tiếp chỉ đạo báo *Tin tức*, báo *Đời nay, tập mới* và tham gia chỉ đạo các báo *Notre Voix* (*Tiếng nói của chúng ta*), *Ngày mới*, *Người mới*.

Trong Cao trào giải phóng dân tộc (1939-1945), nhất là sau khi được giao trọng trách làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Trường Chinh đã chỉ đạo xuất bản và viết bài cho *Tạp chí Cộng sản* (tháng 10-1941) - cơ quan lý luận của Trung ương Đảng, báo *Cờ Giải phóng* (tháng 10-1942) - cơ quan tuyên truyền, cổ động của Đảng, báo *Cứu quốc* (tháng 1-1942) - cơ quan ngôn luận của Tổng bộ Việt Minh.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng chí Trường Chinh trực tiếp phụ trách và viết bài cho báo *Sự thật* - tiền thân của báo *Nhân dân* sau này.

Điều nổi bật ở đồng chí Trường Chinh là tinh thần học tập không ngừng, học tập suốt đời. Kế thừa truyền thống hiếu học của quê hương, gia đình, đồng chí đã rèn luyện, xây dựng cho mình một khối lượng tri thức phong phú trên nhiều lĩnh vực, làm cơ sở cho những bài báo sắc sảo, được cán bộ, đảng viên và nhân dân hoan nghênh, đón nhận.

Với văn phong chính luận cách mạng mẫu mực, có tính chiến đấu cao và sức truyền cảm lớn, Trường Chinh thực sự là cây bút xuất sắc của báo chí cách mạng Việt Nam. Tên tuổi của đồng chí gắn liền với sự phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam.

Đồng chí Trường Chinh còn là nhà báo bậc thầy luôn luôn quan tâm đào tạo, dìu dắt các thế hệ làm báo lớp sau. Đồng chí đặt niềm tin, giao công việc cho những người làm báo trẻ tuổi và thường xuyên tìm cách bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kiến thức thực tiễn để họ trưởng thành qua thực tiễn công tác. Chẳng những tạo điều kiện cho các nhà báo đi cùng trong những chuyến đi công tác địa phương để có tư liệu thực tế viết bài, đồng chí còn chú trọng giới thiệu những nét lớn về nơi đến, mục đích, nội dung kế hoạch chuyến đi và gợi ý những vấn đề cần quan tâm khi viết bài. Sau đó, mặc dù công việc luôn bận rộn, đồng chí vẫn cố gắng thu xếp thời gian để đọc góp ý, bổ sung cho bài viết hoặc trực tiếp gặp gỡ, trao đổi, giải thích với tác giả bài viết về những chỗ cần bổ sung, sửa chữa. Đồng chí khuyến khích mở các diễn đàn tranh luận trên báo chí về những vấn đề xã hội đang quan

tâm vừa để phát huy không khí dân chủ, huy động trí tuệ của xã hội, vừa khuyến khích các nhà báo không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng báo chí.

2. Nhà lý luận sắc sảo về văn hóa **- báo chí**

Sinh ra và lớn lên trong môi trường giàu truyền thống văn hóa của quê hương, gia đình, Trường Chinh ý thức rất rõ vai trò hết sức quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội, trước hết là với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Từ đó, đồng chí đề ra những quan điểm về xây dựng một nền văn hóa mới - văn hóa cách mạng, nền văn hóa gắn liền với sự nghiệp cách mạng và nhằm phục vụ quảng đại quần chúng nhân dân. Đồng chí xác định văn hóa là một mặt trận quan trọng giống như mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị và người cộng sản không thể đứng ngoài, mà phải tham gia hoạt động trên mặt trận này. Nền văn hóa mới là nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, được xây dựng theo 3 nguyên tắc cơ bản là dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa.

Đảng ta ghi nhận: "Đồng chí là nhà văn hóa đã sớm đặt cơ sở lý luận cho việc xây dựng một nền văn hóa mới Việt Nam theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng"[1].

Trong những quan điểm của đồng chí Trường Chinh về xây dựng một nền văn hóa mới, có bao hàm nội dung về báo chí. Các tác phẩm tiêu biểu của đồng chí Trường Chinh như "*Đề cương về văn h*óa *Việt Nam*" (1943), "*Chủ nghĩa Mác và văn h*óa *Việt Nam*" (1948) ... không chỉ là các công trình lý luận xuất sắc về xây dựng một nền văn hóa mới, mà còn có giá trị chỉ đạo to lớn đối với báo chí cách mạng Việt Nam.

Cùng với những quan điểm chung về xây dựng một nền văn hóa mới, trong đó có lĩnh vực báo chí, được thể hiện qua các tác phẩm trên, đồng chí Trường Chinh còn có những bài nói, bài viết cụ thể về nền báo chí cách mạng.

Quán triệt quan điểm của V.I.Lênin về *vai trò, vị trí* của báo chí cách mạng, đồng chí nhấn mạnh: "*Tờ báo phải là người tuyên truyền, cổ động tập thể và người tổ chức tập thể*"[2]. Việc tuyên truyền, cổ động và tổ chức tập thể này nhằm vào các yêu cầu, nhiệm vụ chính yếu của cách mạng trong thời điểm hiện tại.

Đồng chí giải thích sở dĩ báo chí là *người tuyên truyền, cổ động tập thể* bởi ba lý do chủ yếu:

[1] Điếu văn do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Trường Chinh ngày 5/10/1988.

[2] Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 525.

Một là, bởi báo chí phải giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho bạn đọc, cho quần chúng đảng viên và quần chúng ngoài Đảng, phổ biến và giải thích những đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, những nghị quyết và chỉ thị của Đảng và Nhà nước trong nhân dân; đồng thời nó kêu gọi, động viên quần chúng nhân dân ra sức phấn đấu để thực hiện một cách tự giác, tự nguyện.

Hai là, báo chí không chỉ nói lên tiếng nói của riêng tập thể nhỏ bé những anh chị em làm báo, mà còn nói lên tiếng nói của tập thể to lớn hơn là Đảng, nói lên tiếng nói của đoàn thể mà tờ báo là cơ quan ngôn luận.

Ba là, báo chí có thể thuyết phục quần chúng trên nhiều vấn đề khác nhau, giải thích cho rất nhiều đối tượng khác nhau, đó là điều mà bất cứ người tuyên truyền, cổ động riêng lẻ nào cũng không thể làm được trong một lúc[1].

Giải thích báo chí còn là *người tổ chức tập thể*, đồng chí Trường Chinh chỉ ra bốn lý do chủ yếu:

Thứ nhất, thông qua đọc báo, nhiều người được thuyết phục về mục tiêu, đường lối, chính sách của Đảng, các đoàn thể quần chúng và có thể trở thành những đối tượng để tuyên truyền, kết nạp vào các tổ chức này.

Thứ hai, trong khi nêu lên những khẩu hiệu, phổ biến và giải thích những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tờ báo có thể thúc đẩy quần chúng ở các cơ sở và các đơn vị họp lại để thảo luận và thi hành. Khi đó tờ báo có tác dụng tập hợp và tổ chức quần chúng, hướng dẫn quần chúng thi đua sản xuất và đấu tranh.

Thứ ba, trong quá trình thi đua sản xuất và đấu tranh, nổi lên những anh hùng, chiến sĩ, những người lao động tiên tiến là những đối tượng để kết nạp vào tổ chức của Đảng, Đoàn hoặc nếu đã kết nạp thì được bồi dưỡng, giúp đỡ tiến bộ hơn. Đồng thời quá trình này sẽ đào thải những người lạc hậu, phạm nhiều khuyết điểm, làm cho tổ chức Đảng, Đoàn trong sạch, vững mạnh hơn.

Thứ tư, tờ báo có cả một mạng lưới thông tín viên và cộng tác viên ở các cấp, các ngành, có khi còn có riêng một hệ thống phát hành, một mạng lưới tổ chức đọc báo của quần chúng và những nhóm ủng hộ. Tất cả những tổ chức ấy làm cho tờ báo đóng vai trò tranh thủ quần chúng, tập hợp đông đảo quần chúng dưới lá cờ của Đảng, phát triển Đảng, phát triển tổ chức quần chúng[2].

[1] Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 526.

[2] Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 526-527.

Muốn hoàn thành vâi trò, vị trí của báo chí như trên, đội ngũ các nhà báo phải *có những phẩm chất cả về năng lực chuyên môn và tư cách đạo đức*. Đồng chí Trường Chinh yêu cầu:

Trước hết, những người làm báo phải nhận rõ trách nhiệm nặng nề, vẻ vang của mình, từ đó mà yêu nghề, hăng say hoàn thành nhiệm vụ.

Cùng với đó, cán bộ làm báo phải nêu cao tinh thần học tập không ngừng, học tập nhiều cả về chính trị và văn hóa và chuyên môn, nghiệp vụ làm báo, bởi "làm báo là viết cho người khác xem, là tuyên truyền, cổ động nhân dân ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chính sách và khẩu hiệu của Đảng, là nói lên tiếng nói của Đảng".

Đồng thời, những người làm báo còn phải chú ý gần gũi quần chúng, đi sâu vào phong trào quần chúng để hiểu biết quyền lợi, nguyện vọng và trình độ quần chúng, để học tập kinh nghiệm sản xuất và đấu tranh của quần chúng - những điều rất cần thiết cho người làm báo.

Cuối cùng, người làm báo cần có đạo đức cách mạng và phẩm chất chính trị cao, phải có tinh thần hy sinh phấn đấu vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, có lòng tin vô hạn vào thắng lợi của cách mạng[1].

Năm tháng đã trôi qua nhưng những quan điểm của đồng chí Trường Chinh về vai trò, vị trí của báo chí cách mạng, về nhiệm vụ, phẩm chất của người làm báo ..., đặc biệt là tấm gương của đồng chí - một nhà báo cách mạng sắc sảo, tài năng vẫn mang giá trị sâu sắc đối với công tác báo chí của đất nước ta hiện nay.

[1] Xem Trường Chinh: *Về văn hóa văn nghệ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 539-542.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DANH NHÂN TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÀ THỰC TẾ GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG ĐINH TIÊN HOÀNG - BA ĐÌNH

TS. NGUYỄN TÙNG LÂM

Tóm tắt: Bài viết tập trung giải quyết các nội dung chính

- Tầm quan trọng của việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống Danh nhân cho học sinh PT trong bối cảnh đổi mới giáo dục và khát vọng xây dựng đất nước Việt Nam hiện nay.
- Nội dung cách thức tiến hành giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân cho học sinh THPT ở trường Đinh Tiên Hoàng trong suốt hơn 30 năm qua.
- Kết luận và khuyến nghị.

Từ khóa:

"Văn hóa học đường", "giá trị văn hóa", "mô hình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân cho học sinh phổ thông", "Trường THPT Đinh Tiên Hoàng Hà Nội".

Nội dung:

I. GIÁO DỤC GÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

1.1 Vai trò Giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông hiện nay.

Trong bài phát biểu khai mạc Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tổng bí thư Nguyễn Phu Trọng có nhấn mạnh 6 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhiệm vụ trọng tâm thứ 2 của Đại hội là phải xây dựng con người Việt Nam với phương hướng: "Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. **Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa**, đời sống văn hóa phong phú đa dạng, văn minh, lành mạnh, vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để văn hóa thật sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế".

Và khi phân tích vào 3 khâu đột phá trong chiến lược xây dựng đất nước, đồng chí Tổng Bí Thư lại nhấn mạnh: "Phải khơi dậy khát vọng phát triển đất nước

phồn vinh, hạnh phúc, ý chí phấn đấu vươn lên, **phát huy giá trị văn hóa**, sức mạnh con người Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc".

Chúng tôi tham gia Hội thảo tháng 2 của Viện Nghiên cứu Danh Nhân với tiêu đề "Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân trong các trường phổ thông và thực tế giáo dục ở trường Đinh Tiên Hoàng – Ba Đình" nhằm trao đổi để làm rõ cơ sở lí luận của vấn đề và nêu những bài học thực tiễn chúng tôi đã vận dụng để giáo dục gía trị truyền thống danh nhân mà nhà trường mang tên trong suốt hơn 30 năm qua.

1.1.1 Văn hóa học đường

Giáo dục giá trị văn hóa trước hết phải gắn với việc xây dựng văn hóa học đường trong mỗi nhà trường. Đây là vấn đề cốt lõi, tiên quyết để chúng ta tiến hành giáo dục giá trị văn hóa.

Văn hóa học đường, trước hết thuộc phạm trù văn hóa, khái niệm về văn hóa khá rộng song theo định nghĩa của UNESCO năm 2002 trong văn hiện "Tuyên bố chung về đa dạng văn hóa" đã định nghĩa: **"Văn hóa là một tổ hợp các đặc điểm tinh thần, vật chất, trí tuệ và tình cảm nổi bật của xã hội hay nhóm xã hội, bao hàm cả nghệ thuật văn học, lối sống cùng với đương thơi, hệ giá trị truyền thống và niềm tin"** (1).

Và theo GS. Phạm Minh Hạc *(2009)* thì quan niệm của UNESCO đã nhấn mạnh những yếu tố cơ bản của văn hóa là "văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, là khoa học về giá trị *(giá trị học)*, coi niềm tin và truyền thống là cả đương thời nữa đều là các giá trị: **văn hóa là các giá trị tinh thần của từng người, gia đình, cộng đồng"** (2).

Như vậy nói đến văn hóa là phải nói đến giá trị và hệ giá trị của nó. Văn hóa là thước đo của giá trị. Giáo dục trong các nhà trường đạt đến các chuẩn văn hóa là giáo dục có chất lượng, văn hóa và giá trị là thước đo của hiệu quả giáo dục mỗi nhà trường.

Do đó để giáo dục đạt hiệu quả cao trong các nhà trường chúng ta phải xây dựng VHHD. Và khái niệm về VHHD hiện nay cũng có quá nhiều định nghĩa, chúng tôi thống nhất với GS. Phạm Minh Hạc *(2009)* "VHHD là hệ các chuẩn mực, giá trị giúp cho các cán bộ quản lý nhà trường, các thầy cô, các vị phụ huynh và các em học sinh, sinh viên có các cách thức hay suy nghĩ tình cảm, hành động tốt đẹp" (3).

Những năm cuối thế kỷ 20, nhiều nhà khoa học trên thế giới cũng bàn thêm và làm rõ thêm một số khía cạnh của VHHD; Stephen. Stolp "VHHD là một cấu

trúc, một quá trình và bầu không khí của các giá trị và chuẩn mực dẫn dắt giáo viên, học sinh đến việc giảng dạy và học tập có hiệu quả" (4).

Deal và Peter Son *(2009)* **"VHHD là tập hợp các chuẩn mực, giá trị, niềm tin, các lễ nghi, các nghi thức, các biểu tượng và truyền thống tạo ra "nét riêng" của nhà trường"** (5).

Nắm được những nội dung phải tiến hành VHHD trong mỗi nhà trường chúng ta mới thấy được sự cần thiết của việc giáo dục giá trị và giáo dục giá trị văn hóa trong trường phổ thông hiện nay như thế nào trên con đường thực hiện đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế để tạo ra bản sắc riêng của mỗi nhà trường trong nền kinh thế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

1.1.2 Giá trị văn hóa

Bàn về giáo dục giá trị văn hóa, nhiều tác giả đã có những định nghĩa khác nhau. Từ điển bách khoa Tâm lý học, giáo dục học Việt Nam do GS.TSKH Phạm Minh Hạc chủ biên, tác giả Ngô Đức Thịnh đã nêu "Giá trị văn hóa là tất cả những gì mà con người mong muốn, ước vọng, đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của con người, được con người cho là tốt đẹp, có lớp giá trị văn hóa là thứ do con người sáng tạo ra và được cộng đồng thừa nhận. Khi giá trị văn hóa hình thành và định hình, nó lại tác động trở lại đối với con người, định hướng cho nhận thức, tỉnh cảm và hành vi của con người trở xuống" *(tr.288).*

Và mới đây khi bàn về "Xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với phát huy ý chí, khát vọng phát triển và sức mạnh con người Việt Nam" đăng trên báo nhandan.com.vn, GS.TSKH Trần Ngọc Thêm đã nêu:

- Tác giả nhấn mạnh "vì sao hiện nay chúng ta phải quan tâm đến việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam? Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người luôn tồn tại một cách khách quan, bất kể ta có nhận thức được sự tồn tại của chúng hay không. Tuy nhiên, nếu nhận thức được và chủ động hoàn thiện, xây dựng chúng thì con người và xã hội con người sẽ phát triển nhanh hơn, đúng hướng hơn. Điều này đặc biệt quan trọng mỗi khi lịch sử trải qua những bước ngoặt lớn. Giai đoạn hiện nay chính là một thời điểm như thế. Trên phạm vi quốc tế, các quốc gia đang từ chỗ tồn tại biệt lập chuyển sang phải liên kết với nhau để cùng tồn tại; từ chỗ phân cực đối đầu chuyển sang phải hợp tác với nhau để cùng phát triển. Trong phạm vi quốc gia, nước ta từ một nền kinh tế chỉ huy, bao cấp đang chuyển mạnh sang "hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa", từ một xã hội nông nghiệp - nông thôn - nông dân đang chuyển mạnh sang một xã hội công nghiệp - đô thị - công dân; từ

một hệ giá trị lấy ổn định làm mục tiêu chuyển sang một hệ giá trị lấy phát triển làm đích đến.

- Quan trọng tác giả đã khái quát tổng kết 10 điểm trong hệ giá trị xã hội của người Việt Nam hiện nay theo 5 cặp. Đề tài đã đề xuất một mô hình hệ giá trị định hướng cốt lõi trọng điểm với hai giá trị phổ biến thuộc phạm vi toàn xã hội là dân chủ và Pháp quyền cùng tám giá trị thuộc về con người cá nhân gom thành bốn cặp là: Yêu nước và nhân ái, trung thực và bản lĩnh, trách nhiệm và hợp tác, tính khoa học và sáng tạo (5). **Dân chủ và Pháp quyền** là hai giá trị đi liền với nhau, hỗ trợ cho nhau; dân chủ là giá trị đi từ dưới lên, pháp quyền là giá trị đi từ trên xuống, hai giá trị này giúp khắc phục nạn quan liêu cửa quyền, nạn tham nhũng, bệnh thiếu ý thức pháp luật. **Yêu nước** và **Nhân ái** là hai giá trị truyền thống được bảo tồn, song với cách hiểu cần được bổ sung, điều chỉnh: Yêu nước không chỉ khi quốc gia hữu sự mà cả khi hòa bình; nhân ái không chỉ với người quen mà cả với người lạ ngoài xã hội. **Trung thực** và **Bản lĩnh** là hai giá trị con người rất cần cho thời hội nhập: Trung thực giúp khắc phục bệnh giả dối, nói không đi với làm; bản lĩnh giúp khắc phục thói dựa dẫm. **Trách nhiệm** và **Hợp tác** là hai giá trị con người trong quan hệ với đồng loại ở quy mô xã hội mà người Việt Nam còn thiếu. **Tính khoa học** và **Sáng tạo** là hai giá trị con người trong thời đại công nghiệp và kinh tế tri thức mà người Việt Nam cần có. Các giá trị này sẽ giúp khắc phục các bệnh thành tích, bệnh phong trào, bệnh bè phái, bệnh đối phó, bệnh nói xấu sau lưng, bệnh sĩ diện, háo danh…

Về hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam đã được chương trình giáo dục phổ thông 2018 xác định theo 5 phẩm chất mà mỗi nhà trường, mỗi cấp học phổ thông đều phải quán triệt: đó là yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

Như vậy đề xuất hệ giá trị với 10 tiêu chí của GS. Trần Ngọc Thêm cũng là những gợi ý cho các nhà trường phổ thông tham khảo để tiến hành giáo dục giá văn hóa cho học sinh mỗi nhà trường.

1.1.3 Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân cho học sinh phổ thông

Mỗi trường phổ thông đều mang một tên, ngoài việc phân biệt cấp học hay liên cấp, các trường đều có tên theo địa phương trường đóng hoặc nhiêu trườngđã có ý thức lấy tên Danh nhân, những anh hùng dân tộc, những người có công lao cho đất nước lam tên riêng của trương nhăm giao duc truyền thống choc ac thế hê hoc sinh.

Như vậy giáo dục giá trị văn hóa là yêu cầu chung của mỗi cấp học, nó không chỉ thông qua các bộ môn văn hóa như văn học, lịch sử, giáo dục công dân … mà nó còn là yêu cầu bắt buộc để rèn phẩm chất yêu nước, khát vọng cống hiến cho học sinh, mà còn rèn luyện những phẩm chất khác cho học sinh.

Tuy vậy mỗi nhà trường phổ thông là một thực thể mang nhiều giá trị văn hóa; Nó tồn tại theo thời gian gắn bó với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi địa phương, đồng thời gắn liền với sự trưởng thành của các thế hệ học sinh đã được rèn giũa, trưởng thành từ mỗi nhà trường. Do đó khi xây dựng văn hóa học đường của mỗi nhà trường, các thầy cô giáo, các cán bộ quản lý đều có ý thức xây dựng, gìn giữ, sứ mệnh riêng, mà theo năm tháng nó phải trở thành nét riêng có, những đặc điểm truyền thống vượt trội ghi sâu đậm tạo thành niềm tự hào của học sinh mỗi trường.

Nếu các trường mang tên danh nhân, anh hùng liệt sĩ thường bao giờ cũng gắn với việc giáo dục, lấy những nét đặc sắc về nhân cách, về sự cống hiến của danh nhân mà nhà trường mang tên để giáo dục giá trị văn hóa truyền thống của danh nhân mà trường mang tên.

Do đó giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân mỗi trường phổ thông nào đấy cũng bao hàm hai nội dung cơ bản:

- Đó là những giá trị văn hóa truyền thống của đất nước, con người Việt Nam nói chung được gắn với các hoạt động giáo dục của mỗi nhà trường nhằm rèn luyện những năng lực phẩm chất mà mỗi cấp học trong chương trình giáo dục phổ thông đã quy định.

- Nhưng đó còn là những giá trị văn hóa truyền thống của mỗi nhà trường: “các chuẩn mực, giá trị, niềm tin, các lễ nghi, các nghi thức, các biểu tượng và truyền thống tạo ra “nét riêng của mỗi nhà trường” (Deal – Peter Som) phải gắn với những nét riêng của các danh nhân mà trường được mang tên mới thể hiện sự hoàn hảo của mỗi nhà trường khi xây dựng văn hóa học đường.

Đây là sự đòi hỏi khắt khe thách thức của mỗi nhà trường nhưng cũng là những gợi ý, những cơ hội để mỗi nhà trường sáng tạo nên những nét riêng có của mình nhằm hình thành chất lượng giáo dục của mỗi nhà trường theo cách riêng mới dễ dàng tạo nên những tình cảm sâu đậm trong mỗi thầy cô, học trò và cả phụ huynh nữa.

Những nét “riêng có” trong chương trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân của mỗi nhà trường thường được biểu hiện qua nghi thức truyền thống khai giảng, bế giảng; qua bài trường ca của mỗi nhà trường, qua Logo *(biểu tượng)*

của trường; Qua những khẩu hiệu, hoặc các biểu hiện kiến trúc đặc biệt tạo nên được những phong cách học sinh, giáo viên, những giá trị nhân văn nhà trường thường đề cao, luôn lặp đi lặp lại hàng năm nhưng không gây nhàm chán mà tạo nên sự tự hào, ý nghĩa quyết tâm thực hiện của thầy và trò.

Để làm rõ những quan niệm chúng tôi trình bầy khái quát trên, chúng tôi xin minh họa cách làm "riêng có" của thầy trò trường Đinh Tiên Hoàng.

II.GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG DANH NHÂN Ở TRƯỜNG ĐINH TIÊN HOÀNG

2.1 Thể hiện truyền thống văn hóa, những giá trị tốt đẹp bằng những biểu hiện "riêng có" của Đinh Tiên Hoàng.

a. Biểu trưng mô hình giáo dục, phát triển nhân cách học sinh

Trường Đinh Tiên Hoàng được thành lập từ năm 1989 – một trong 2 trường dân lập đầu tiên của Hà Nội, nhưng trường Đinh Tiên Hoàng là một mô hình giáo dục đặc biệt nhằm giúp đỡ những học sinh có khó khăn trong việc học tập và rèn luyện nên hàng năm đều nhận những học sinh không đủ tiêu chuẩn vào các trường công lập. Nên ngoài việc dạy chữ, để các em có đủ tiêu chuẩn vào tốt nghiệp THPT để tiếp tục học Đại học, cao đẳng, trường Đinh Tiên Hoàng tập trung "Dạy người" giúp các em lấy mục tiêu "Vì ngày mai lập nghiệp", không chạy theo việc chỉ học văn hóa để vào Đại học, việc giáo dục nhân cách học sinh được chúng tôi lựa chọn hàng đầu. Trường luôn nêu cao giá trị phát triển nhân cách. Đặc biệt hình ảnh từ một cậu bé chăn trâu Đinh Bộ Lĩnh đầy cá tính, nghịch ngợm đã sớm trưởng thành thành chàng thanh niên có lòng yêu nước thiết tha, có khí phách tự tôn dân tộc đã tập hợp thu phục các đầu mục tướng lĩnh thống nhất xây dựng đất nước Việt Nam độc lập, chấm dứt ách đô hộ 1.000 năm Bắc thuộc để xưng danh Đinh Tiên Hoàng đế. Những nét tính cách tiêu biểu của cậu bé và chàng thanh niên sôi nổi Đinh Bộ Lĩnh, không chỉ là người giầu lòng yêu nước, mà là người thông minh, quả cảm, có ý chí quyết tâm cao để tập hợp quân lính khởi nghĩa thành công trở thành người anh hùng áo vải của dân tộc Việt Nam Từ quá trình phát triển tính cách của Đinh Bộ Lĩnh chúng tôi khái quát thành phương châm giáo dục của nhà trường.

Nhằm giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh có hiệu quả đội ngũ lãnh đạo, mọi cán bộ giáo viên nhà trường đã tuân thủ các quy trình quản lý theo mô hình quản lý chất lượng của UNESCO và tổ chức quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001 – 2000.

MÔ HÌNH NHÂN CÁCH CẦN TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI HS ĐINH TIÊN HOÀNG

"Nhân cách không chỉ được hình thành bởi những gì nghe và nói,
Mà chủ yếu phải được hình thành bởi chính sự nỗ lực hành động của mỗi cá nhân"

b. Nghi thức dâng hương và lời thề khuyến học trong lễ khai giảng

Hàng năm, trong ngày khai giảng nhà trường đều tổ chức cho học sinh ôn lại truyền thống bằng việc tổ chức lễ dâng hương và đọc lời thề khuyến học của Đinh Tiên Hoàng. Đây là nghi thức khai giảng bắt buộc hàng năm đều thực hiện; Nó không chỉ tạo nét đẹp truyền thống dân tộc mà nó chính là hình thức khắc ghi để học sinh nhớ về lịch sử người anh hùng dân tộc trường mang tên, nó còn nhắc nhở học sinh phải "nên người" để thực hiện sứ mệnh cao cả con cháu Bác Hồ.

Các trò yêu quý
Nghe lời non nước
Khí thiêng ngưng tụ
Hun đúc nên người
Gặp thời loạn lạc
Đất nước cắt chia
Mười hai đầu mục
Xưng bá xưng hùng
Vua dốc một lòng
Quy tụ nhân tâm
Non sông một mối
Đất nước dựng xây
Lừng danh Đại Việt
Rạng rỡ từ đây
Cháu con ghi nhớ!

Ôi! Cây có gốc
Nước có nguồn
Nghe lời non nước
Ngàn năm vọng về
Các trò yêu quý!
Nay trường Trung học
Tại đất Thăng Long
Được mang tên Người
Nhân ngày khai giảng
Lễ trọng thường năm
Toàn thể thầy trò
Quyết tâm xin hứa:
Dốc lòng nhân ái
Mang tài sư phạm

Thầy, cô gắng sức
Luyện rèn trò ngoan
Tiên lễ hậu văn
Kính thầy yêu bạn
Văn minh lịch sự
Trung thực dũng cảm
Trí sáng đức bền
Năm châu sánh bước
Vận nước thịnh hưng
Là nhờ Đạo học
Xứng đáng cháu con
Đinh Tiên Hoàng Đế
Rạng danh thế hệ
Cháu con Bác Hồ"

c. Về trường ca và những bài hát về trường, có lẽ hiếm có trường phổ thông nào có những bốn bài hát về trường như trường Đinh Tiên Hoàng. Nhạc sĩ Duy Quang luôn cộng tác với trường, giúp trường tổ chức các hoạt động tập thể hàng năm hoặc có sự kiện lớn kỷ niệm 5 năm, 10 năm trường Đinh Tiên Hoàng, nhạc sĩ đều có sáng tác những bài hát, điệu múa riêng cho trường. Kỷ niệm 5 năm thành lập trường, nhạc sĩ Duy Quang đã sáng tác cho trường: Trường ca có bài "Tiếng trống hoa lư" và "Cờ lau tập trận" và bản hợp xướng "Hoa lư ngàn xưa". Đây là những bài hát mà khai giảng hoặc lễ hội năm nào chúng tôi cũng dùng để ôn cố tri tâm; luôn khắc ghi công ơn những anh hùng đã mang lại độc lập tự do cho đất nước. Nó càng khích lệ, thổi bùng chay những khát vọng trưởng thành cống hiến bao thế hệ học sinh Đinh Tiên Hoàng.

Năm 2005 khi chuẩn bị kỷ niệm 15 năm thành lập trường, nhạc sĩ Lê Vinh là một trong 10 tác giả có bài hát hay nhất về Hà Nội đã gửi cho chúng tôi "Bài ca Đinh Tiên Hoàng", có điều lạ là nhạc sĩ chưa hề đến trường, chỉ nghe đài báo về trường mà nhạc sĩ đã sáng tác rất đúng, rất hay về trường. Thế là chúng tôi đã lấy bài "Bài ca Đinh Tiên Hoàng" của nhạc sĩ Lê Vinh thành trường ca. Chúng tôi hết sức tự hào vì các nhạc sĩ đã chung tay thêu dệt nên giá trị truyền thống cho trường Đinh Tiên Hoàng, khích lệ thầy trò trường Đinh Tiên Hoàng có thêm sức mạnh trên hành trình gian khó, sáng tạo đáng tự hào.

"Đây Đinh Tiên Hoàng trường mình kiêu hãnh
Đất nước vang danh, Hà Nội sáng tên
Học trò miệt mài quyết luyện trí luyện tài
Dũng cảm thông minh như thuở nào Vua Đinh
Đây Đinh Tiên Hoàng dạt dào tình thương…"

d. Biểu trưng *(Logo)* của trường cũng là sản phẩm văn hóa độc đáo đã được họa sĩ Linh Chi thể hiện theo ý tưởng của nhà trường.



Vòng tròn có nửa trắng, nửa đen, thể hiện quy luật Vũ trụ âm và dương để tạo nên nhân cách hài hòa. Chữ S ngăn 2 màu đen và trắng thể hiện ý chí độc lập, thống nhất đất nước từ thời Đinh Tiên Hoàng dựng nước. Vòng tròn nhân cách được đặt trên những trang sách mở như những cánh chim đang tung bay như những

ước mơ trong sáng, mãnh liệt của học trò và vòng nguyệt quế bao bọc thể hiện sự thành công, "nên người" của mỗi học sinh khi ra trường.

Chúng tôi nêu những nét "riêng có" đã làm nên truyền thống đáng tự hào cho học sinh Đinh Tiên Hoàng các khóa, nhưng cái mà thầy trò Đinh Tiên Hoàng tự hào hơn cả, đó chính là quá trình giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống danh nhân cho học sinh Đinh Tiên Hoàng; Nó chứng minh với một mô hình giáo dục đặc biệt, gặp nhiều khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất nhưng trường Đinh Tiên Hoàng vẫn tồn tại hơn 30 năm qua, giữ mãi truyền thống mà đồng chí Lê Xuân Tùng, nguyên ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư thành ủy Hà Nội đã khích lệ: "Thủ đô ta tự hào có điểm sáng, một mô hình tốt, đó là trường Đinh Tiên Hoàng" (1995).

2.2 Những nội dung chủ yếu khi tiến hành giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh Đinh Tiên Hoàng.

Sớm thấy được tác động của giá trị văn hóa truyền thống, trường Đinh Tiên Hoàng ngoài việc thực hiện các chương trình, các hoạt động giáo dục theo đúng các yêu cầu của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đinh Tiên Hoàng còn chú ý tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo những cách riêng để phù hợp với đặc điểm học sinh Đinh Tiên Hoàng, cố gắng đảm bảo các chương trình giáo dục của nhà trường phải thật sự tác động đến học sinh và quan trọng là làm học sinh thay đổi. Vì không chọn lọc đầu vào nên hàng năm tỷ lệ học sinh Đinh Tiên Hoàng còn yếu kém không chỉ về mặt xã hội mà cả rèn luyện đạo đức cũng còn một tỷ lệ không nhỏ, có nhiều học sinh không được các nhà trường chấp nhận, thế mà sau 3 năm giáo dục ở Đinh Tiên Hoàng, các em vẫn vào được các trường đại học, cao đẳng với một tỷ lệ không nhỏ, và quan trọng các em đã làm chủ cuộc sống của mình, các em đã "nên người" không trở thành gánh nặng của gia đình, xã hội.

Đây là một quá trình giáo dục lâu dài, phức tạp, phải phối hợp nhiều yếu tố, nhiều nguồn lực để phục vụ cho chuyên đề "giáo dục giá trị văn hóa" truyền thống "Đinh Tiên Hoàng". Trong chuyên đề này, chúng tôi tập trung làm rõ các vấn đề sau:

2.2.1 Xây dựng nguyên tắc văn hóa ứng xử và rèn thói quen tốt cho học sinh

Căn cứ đặc điểm tâm sinh lý, tính cách của học sinh, qua thử nghiệm ở Đinh Tiên Hoàng chúng tôi đã đúc kết *5 nguyên tắc ứng xử để tạo ra những thói quen ứng xử tốt, trừ bỏ những thói quen ứng xử không phù hợp với chuẩn mực chung* của nhà trường, gia đình, xã hội.

- Một là : ***Các lực lượng giáo dục phải kiên trì chấp nhận những mặt mạnh và cả những mặt yếu kém của học sinh***.

Theo phân loại của nhà bác học Howard Gardner: con người có những tám loại trí thông minh, chứ không chỉ như các nhà trường chúng ta hiện nay chỉ ai học toán, văn, ngoại ngữ giỏi mới là thông minh. Đặc biệt trong giáo dục hiện nay, giáo viên thường không chấp nhận những cá tính, những yếu kém của học sinh *(theo quan niệm một chiều của giáo viên)*. Chỉ những học sinh "chăm ngoan" mới được quan tâm giáo dục. Với học sinh Đinh Tiên Hoàng, chúng tôi yêu cầu các thầy cô phải chấp nhận mọi biểu hiện của học sinh để từ đó đưa ra phương pháp giáo dục phù hợp.

Trên cơ sở chấp nhận để hiểu rõ nguyên nhân, lý do dẫn đến tình trạng yếu kém hiện tại ở các em để rồi từ đó tìm cách giúp các em biết cách điều chỉnh. Nếu thiếu bước khởi đầu thừa nhận này, nhà sư phạm sẽ không thấy hết trách nhiệm, không đủ kiên trì giáo dục. Các trường THPT ở các thành phố đều đòi hỏi học sinh không chỉ có đủ hồ sơ hợp lệ mà còn đòi hỏi học sinh phải có 1 hồ sơ "đẹp": văn hóa khá, đạo đức tốt, khi chuyển trường. Nhưng thực chất học sinh có đạt như vậy hay không chúng ta lại không cần biết đến. Do đó với học sinh chúng ta không có quan điểm chấp nhận để giáo dục thì chắc chắn nhà sư phạm chỉ nhận được những học sinh đã được đánh giá không đúng về bản thân họ và dễ tạo ra những xung đột thầy trò.

- Hai là: ***Các lực lượng giáo dục phải khách quan trong việc nhìn nhận đánh giá thiếu sót của học sinh.***

Nghĩa là với mỗi hành vi, mỗi thiếu sót của học sinh đều được ghi nhận và tìm cách hiểu rõ bản chất, nguyên nhân rồi đi đến kết luận xử lý, còn trong quá trình tìm hiểu không được thành kiến, chụp mũ, hoặc thờ ơ với thiếu sót của học sinh.

- Ba là: ***Các lực lượng giáo dục phải giúp học sinh thấy rõ những cái lợi cái hại để học sinh tự lựa chọn cách ứng xử sao cho hợp chuẩn mực chung xã hội.***

Học sinh lứa tuổi THPT đang trong quá trình hoàn thiện thành những người lớn nên có nhiều cá tính, tính độc lập cao, không thể ép buộc học sinh ngay mà phải có phương pháp để học sinh thấy hết cả cái lợi, cái hại của mỗi hành vi. Từ đó học sinh tự lựa chọn, tự quyết định. Nhưng thầy cô và cha mẹ phải theo dõi chặt chẽ và giúp đỡ học sinh điều chỉnh kịp thời những sự lựa chọn chưa hợp chuẩn mực, khích lệ kịp thời những hành vi tốt. Nhà trường nào cũng phải thực hiện song hành kỷ luật áp đặt và kỷ luật tự giác, tích cực nhưng với học sinh yếu kém phải kiên trì thực hiện kỷ luật tự giác.

- Bốn là: ***Các lực lượng giáo dục phải giúp học sinh biết cách hòa nhập tập thể, tôn trọng lợi ích tập thể, cộng đồng.***

Học sinh lứa tuổi THPT cũng dễ có thói quen tự do, coi thường lợi ích của người khác, bất chấp chuẩn mực giá trị của xã hội. Có cách nào điều chỉnh để học sinh có thể dễ dàng thích nghi và nhanh chóng hòa nhập với xã hội ? Tập thể mà học sinh phải hòa nhập đầu tiên là tập thể lớp học. Giáo viên chủ nhiệm phải mất nhiều công sức để tác động hình thành các thói quen, những yêu cầu cao của tập thể mỗi lớp. Những lớp học đạt hiệu quả giáo dục cao là những lớp giáo viên chủ nhiệm biết hình thành dư luận tập thể, buộc mỗi thành viên của lớp phải tôn trọng lợi ích tập thể để điều chỉnh hành vi cá nhân. Lớp không thể chấp nhận những học sinh tự ý bỏ học. đi muộn nhiều lần, nói tục, chửi bậy ... Tất cả đều bị trừ điểm thi đua của lớp. Có như vậy tập thể học sinh mới biết cách giám sát, động viên từng thành viên thực hiện tốt nội qui, qui chế của trường.

Chỉ có con đường này chúng ta mới giải quyết được những nhân cách rối nhiễu buộc học sinh phải điều chỉnh tính cách cho phù hợp với nhu cầu sống chung của mọi người xung quanh.

Giáo viên chủ nhiệm trường Đinh Tiên Hoàng luôn chú ý rèn học sinh của mình theo mô hình văn hóa phát triển của trường Đinh Tiên Hoàng, chú ý rèn học sinh trong tinh thần học hỏi, hợp tác và từ năm 2018 chúng tôi bắt đầu xây dựng chương trình giáo dục “Lớp học hạnh phúc” *(Xem mục 2.7 của bài viết này)*

- Năm là: ***Các lực lượng giáo dục phải biết gieo nhu cầu mới và quan trọng là biết tổ chức cho học sinh thực hiện dần yêu cầu giáo dục đó***

Từ những yêu cầu giáo dục chung, giáo viên chủ nhiệm cũng như cha mẹ học sinh còn phải biết kích thích đúng những sở trường cá nhân, những ham muốn của nhóm học sinh và từ đó đưa ra những hình thức sinh hoạt tập thể cũng như hướng dẫn cá nhân hoạt động. Đây là một trong những biện pháp giáo dục hữu hiệu với nhiều học sinh. Giáo viên Trường Đinh Tiên Hoàng luôn có nhiều sáng kiến tổ chức những hoạt động tập thể hấp dẫn học sinh.

Bên cạnh việc gieo những nhu cầu mới cho học sinh, các lực lượng giáo dục luôn luôn phải biết đứng đằng sau tổ chức, tạo ra những điều kiện để học sinh dần dần thực hiện được các yêu cầu giáo dục.

Từ 5 nguyên tắc ứng xử trên đây với học sinh, giáo viên Trường Đinh Tiên Hoàng có thể hình thành cho học sinh có được những thói quen chủ yếu sau đây:

- Thói quen sống tự lập, thói quen biết tự học sáng tạo.

- Thói quen sống có kỷ luật.
- Thói quen tôn trọng và bảo vệ của công, giữ vệ sinh chung.
- Thói quen tôn trọng bản thân và người khác.
- Thói quen không nói tục chửi bậy và nhiều thói quen khác…

Khẩu hiệu của học sinh Đinh Tiên Hoàng hết sức khiêm tốn và thiết thực:

"Vì ngày mai lập nghiệp!
Học tập tốt – Kỷ luật tốt!
Nói lời hay làm việc tốt"

2.2.2 Xây dựng phong cách sống học sinh Đinh Tiên Hoàng theo "5 tự"

Từ năm 2015 để ổn định việc xây dựng những thói quen, hành vi ứng xử và làm cho chương trình giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, chương trình giáo dục năng lực phẩm chất của học sinh trở thành những giá trị văn hóa riêng có của học sinh Đinh Tiên Hoàng, nhà trường đã tổ chức thành chương trình giáo dục có tính chất ổn định và có thể đánh giá mức độ rèn luyện của học sinh hàng tháng, hàng học kỳ để ghi nhận những chuyển biến của học sinh trong việc "Tự học, Tự rèn theo "5 tự":

…

Có thể khẳng định, mục tiêu GD đạo đức, lối sống cho HS trường Đinh Tiên Hoàng được gói ngắn gọn trong **"5 tự".** Điều đặc biệt là 5 tự này dễ dàng chuyển hóa thành hành vi để rèn luyện, quan sát, đánh giá và điều chỉnh:

- Tự học sáng tạo

+ Thích học: Chủ động, tích cực tự học; Có niềm tin: Học không khó; Luôn liên hệ với thực tế và tìm được hứng thú trong học tập.

+ Biết cách học: có mục tiêu, kế hoạch học tập; Chú ý nghe giảng, biết ghi chép; Tham gia thảo luận, phản biện; Dùng sơ đồ tư duy trong học tập; Áp dụng kiến thức vào đời sống.

+ Có thói quen học: Hoàn thành mọi nhiệm vụ học tập; việc hôm nay không để ngày mai; học mọi lúc, mọi nơi; Liên hệ bài học với đời sống

+ Học có hiệu quả: Luôn tự đánh giá kết quả học tập theo các mức: Nhớ - Hiểu – vận dụng kiến thức; Điều chỉnh kế hoạch; Chọn phương pháp học phù hợp với bản thân.

- Tự chủ:

+ Có sáng tạo và kiên trì theo đuổi hoài bão, ước mơ của mỗi người;

+ Luôn làm chủ suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của bản thân. Có thiện chí hợp tác với mọi người để thành công

+ Có lối sống phù hợp với chuẩn mực xã hội và pháp luật; Luôn yêu thương, khoan dung, quan tâm giúp đỡ mọi người.

+ Không ỷ lại, dựa dẫm vào sự giúp đỡ của người khács

- Tự trọng

+ Trọng danh dự, nhân phẩm của bản thân và tôn trọng người khác

+ Có lối sống đẹp, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã họi và pháp luật

+ Biết xấu hổ, biết nhận lỗi, biết sửa lỗi khi mắc lỗi; Khoan dung, giúp đỡ người khác

+ Trung thực trong suy nghĩ, lời nói, hành động

- Tự tin

+ Luôn học tập, trau dồi kiến thức về khoa học và đời sống

+ Đánh giá đúng năng lực của bản thân, cả điểm mạnh, điểm yếu và kiên trì rèn luyện

+ Biết vượt qua nỗi sợ hãi, thử thách, và khó khăn trong cuộc sống

+ Không chủ quan, ngạo mạn hoặc mặc cảm tự ti

- Tự chịu trách nhiệm

+ 3 nguyên tắc hành động: Làm đúng; Làm lợi; Không làm hại; Nỗ lực làm tốt nhất công việc

+ Suy nghĩ ký trước khi hành động; Trung thực tự đánh giá và chịu trách nhiệm về việc làm của bản thân

+ Sẵn sàng chia sẻ khó khăn với mọi người; Có ý thức vì người khác, vì cộng đồng và môi trường

+ Không đổ lỗi dám nhận lỗi và biết chuộc lỗi

2.2.3 Xây dựng giá trị văn hóa phát triển cho thầy và trò

Để thầy trò dễ nhớ, dễ thực hiện những yêu cầu của công tác giáo dục, đặc biệt quá trình giáo dục phải làm sao chuyển hóa thành quá trình tự giáo dục, tự kiểm soát được quá trình phát triển bản thân, học sinh đến trường không phải chỉ để học lấy bằng, lấy điểm số cao mà chú ý phải nhận thức và hành động để làm sao phát triển bản thân. Hôm nay tiến bộ hơn hôm qua, ngày mai tốt hơn hôm nay.

Trường Đinh Tiên Hoàng đã tổng kết những yêu cầu giáo dục từ phong trào này thành một phương trình phát triển văn hóa của mỗi thành viên nhà trường là:

Vft = d.t.h – x^2 + cđ

Vft: Văn hóa phát triển của mỗi cá nhân, mỗi tập thể

Ở đây không để chỉ Đinh Tiên Hoàng mà là một khẩu hiệu đòi hỏi giáo viên, học sinh Đinh Tiên Hoàng phải thống nhất khi hành động, đó là:

đ: Đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp giáo dục, phương pháp phục vụ;

t: Tận tâm, tận lực trong mọi công việc; Tôn trọng học sinh và phụ huynh;

h: Học hỏi nâng cao năng lực, trình độ; Hợp tác với đồng nghiệp, bạn bè để sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn trở ngại; "Ham học, ham làm, ham tiến bộ" (Hồ Chí Minh)

x^2: Trừ đi mọi hành vi xấu xí trong nhà trường:

Không định kiến, trù úm, mạt sát hạ thấp nhân cách người khác

Không được vô trách nhiệm, vô lương tâm, giả dối, tùy tiện, cẩu thả, vô nguyên tắc trong công việc, cũng như ứng xử với mọi người

Trong hoàn cảnh nào cũng không được đánh mất nhân cách, phẩm giá, giá trị bản thân

cđ: cộng đồng: thỏa mãn nhu cầu được đóng góp, cống hiến tích cực cho cộng đồng nơi ở, nơi học tập, nơi công tác…

2.2.4 Xây dựng "lớp học hạnh phúc"

Từ năm học 2018 – 2019 Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động xây dựng trường học hạnh phúc. Trường Đinh Tiên Hoàng lại tập trung xây dựng "lớp học hạnh phúc" để học sinh các lớp tự giác, tự bảo ban sao cho đạt được lớp học của chính mình, mang lại hạnh phúc cho thầy trò từng lớp. Nhiều lớp học hạnh phúc thành "trường học hạnh phúc"; Trường Đinh Tiên Hoàng đưa ra nguyên tắc xây dựng "lớp học hạnh phúc" phải hướng tới:

- Thỏa mãn nhu cầu được tôn trọng, được cống hiến hết khả năng sáng tạo của mỗi người cho cộng đồng xã hội, cho gia đình, cho bản thân.
- Sống trong một môi trường văn hóa: Dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.
- Phải giúp cho học sinh khơi mở tiềm năng bản thân, tự đưa ra những quy định tự dẫn dắt, tự chịu trách nhiệm trước cuộc sống của mỗi người

Do đó trường đã quyết định thực hiện chủ đề xây dựng “Lớp học hạnh phúc”. Chúng tôi không đưa ra tiêu chuẩn hoặc chỉ tiêu của một lớp học hạnh phúc một cách cứng nhắc mà chỉ đưa ra 3 yêu cầu:

1/ Có kế hoạch việc làm cụ thể để xây dựng lớp đoàn kết, thân thiện, quan tâm giúp đỡ nhau cùng tiến bộ “Một người vì mọi người, mọi người vì một người”

2/ Giúp cho mỗi học sinh tự nhận ra giá trị sống hạnh phúc của bản thân mỗi người là gì? Làm thế nào thực hiện nó? Có kế hoạch để giải quyết những khó khăn trở ngại ở mỗi người?

3/ Thường xuyên biểu dương, khích lệ những việc làm tốt của mỗi thành viên, mỗi nhóm, tổ trong lớp. Nhất là những việc làm để “Cha mẹ hạnh phúc” và “Thầy cô hạnh phúc”

Để học sinh thực hiện được những yêu cầu này, chúng tôi yêu cầu thầy trò trao đổi thống nhất “giá trị hạnh phúc trong cuộc sống hiện nay của mỗi người là gì? Để có được những giá trị hạnh phúc đó, mỗi người phải tuân thủ những quy luật, nguyên tắc nào? Có những kỹ năng nào trong cuộc sống mà người ta phải chú ý trao đổi để có cuộc sống hạnh phúc?”

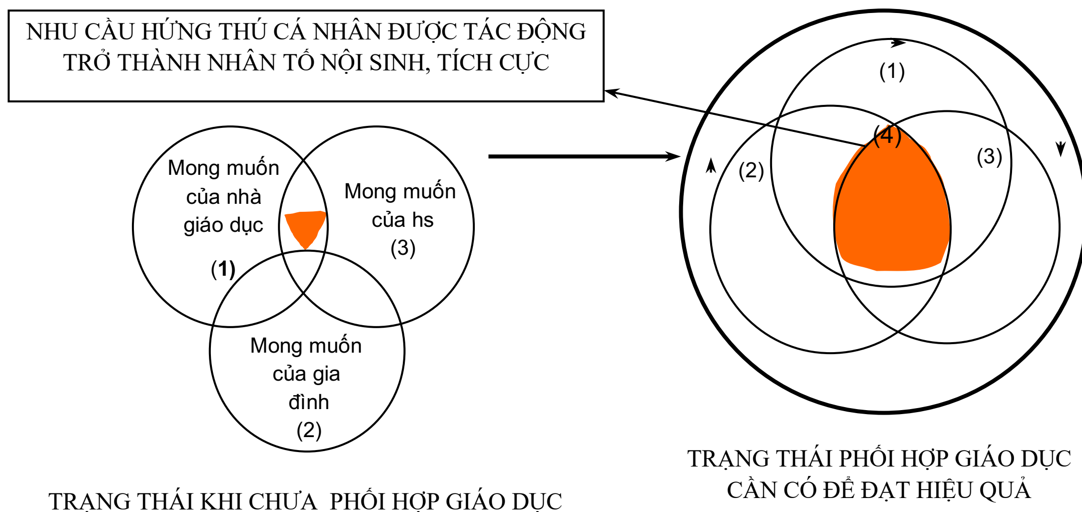
Khảo sát cuối năm đã có 64.2% học sinh cho rằng có thể được công nhận lớp học hạnh phúc; Học sinh khối 10 có tỷ lệ công nhận cao hơn 72.4% nhưng khối 12 chỉ có 49.5%, có thể các em vẫn bị áp lực thi cử.

2.3 Phối hợp các lực lượng giáo dục tạo động lực để học sinh tự học, tự rèn theo các chuẩn mực của các chương trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống

Theo J.Piaget "nhà trường kiểu mới phải làm việc một cách chủ động dựa trên nhu cầu hứng thú cá nhân" *(Tuyển tập tâm lý học NXB Giáo dục. HN 1996 tr294)*

Do đó quá trình giáo dục ở đây không phải chỉ biết “đòi hỏi” học sinh “phải thế này, phải thế kia” mà cái chính là nhà sư phạm phải chủ động tìm phương pháp tác động để giúp cho học sinh tự phấn đấu đạt được những điều tốt đẹp mà chúng mong muốn; đồng thời đây cũng chính là mong muốn của các nhà giáo dục và cha mẹ học sinh. Như vậy là phải chuyển hóa được những mong muốn của các lực lượng giáo dục thành cái học sinh cũng mong muốn. Đó chính là nhu cầu và hứng thú cá nhân của học sinh. Trên quan điểm tác động giữa các nhân tố tạo ra nội năng, chúng tôi tạm đưa ra sơ đồ sau để minh họa cho quan điểm của mình:

Mô hình tạo nhu cầu hứng thú cá nhân



TRẠNG THÁI KHI CHƯA PHỐI HỢP GIÁO DỤC

TRẠNG THÁI PHỐI HỢP GIÁO DỤC CẦN CÓ ĐỂ ĐẠT HIỆU QUẢ

Như vậy miền giao của vòng tròn 1,2,3 càng lớn lên bao nhiêu, giáo dục càng dễ thành công và hiệu quả bấy nhiêu.

Để có hiệu quả giáo dục, nhà sư phạm không thể ngồi chờ học sinh hứng thú mới giáo dục. Điều quan trọng nhà sư phạm phải tìm được cách tạo ra hứng thú cho mỗi học sinh. Muốn đạt được điều đó nhà sư phạm phải mất nhiều công sức, mỗi việc làm đều phải tạo được sự chú ý của học sinh, giúp học sinh đạt được kết quả trong từng bước đi nhất định. Nhưng tất cả những việc làm như vậy mới chỉ là những việc làm nhất thời ứng phó. Cách nào đây để tự học sinh hướng chú ý của mình vào học tập, rèn luyện. Đó là *phải tạo ra cho học sinh có động lực sống, động lực học tập, rèn luyện.* Để làm được điều này nhà sư phạm không chỉ nâng nhận thức, lý tưởng sống cao cả cho học sinh mà thật sự *phải thức tỉnh được hoài bão ước mơ của mỗi học sinh.*

Tạo cho học sinh một viễn cảnh là tạo cho học sinh có động lực sống, thôi thúc học sinh hành động cho những mục tiêu sống cao cả, có vậy học sinh mới có đủ nghị lực vượt qua những cám dỗ ham muốn tầm thường hàng ngày, tích cực rèn luyện những thói quen tốt.

III. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐƯỢC CÁC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1 Một nhà trường Tự chủ - Dân chủ - Nhân văn - Sáng tạo

Trường ĐTH ngay từ đầu đã là trường dân lập và hiện nay là trường tư thục. Đây là cơ chế tự chủ, mặc nhiên theo pháp luật mà có. Nhờ cơ chế này, trường ĐTH mới được tự do làm những việc mình muốn, những việc thấy cần phải làm, tất nhiên là làm trong khuôn khổ điều lệ trường THPT, trong việc thực hiện chương trình PTTH hiện hành.

Giả sử trường ĐTH là trường công lập thì liệu mô hình này có thực hiện được không? - Nó chỉ thực hiện được khi nhà trường được giao quyền tự chủ! Năm 1996, tác giả bài viết đã được đến thăm 1 trường THPT ở bang California – Mỹ: Đây là trường công và là nơi nhận những HS bị các trường THPT khác từ chối/ loại ra – cũng làm việc giáo dục lại như ĐTH. Nhưng trường đặc biệt này được đầu tư gấp 4 lần các trường công lập bình thường khác về cơ sở vật chất và các điều kiện giáo dục. Ở nước Mỹ, tất cả các trường đều được tự chủ.

Ở Hà Nội, nếu một trường công lập bình thường có thể vận dụng các phương pháp giáo dục của Đinh Tiên Hoàng để giáo dục những học sinh gặp khó khăn nhưng chuyển đổi sang mô hình giáo dục đặc biệt giúp đỡ những HS gặp khó khăn chắc khó có thể thực hiện. Nhưng lấy mô hình trường công tự chủ chất lượng cao rồi giao nhiệm vụ giúp đỡ những HS gặp khó khăn về học tập, rèn luyện đạo đức thì điều này có thể thực hiện được. Khó là chúng ta có muốn làm hay không.

Trường ĐTH không chỉ chủ động trong các chương trình giáo dục vì được thực hiện cơ chế tự chủ, mà trường còn là một môi trường dân chủ và nhân văn. Trong quy luật của kinh tế thị trường, bao giờ quy luật cung – cầu cũng gắn với lợi ích, lợi nhuận. Cơ chế tự chủ của trường tư thục chỉ giúp các trường làm sao tạo ra hiệu quả kinh tế cao nhất, lôi kéo được nhiều HS theo học nhất và chắc chắn không trường nào muốn nhận những HS khó khăn này. Mục tiêu của các trường ngoài công lập có tiếng ở Hà Nội hiện này đều gắn với việc có bao nhiêu % HS vào đại học, bao nhiêu % HS đi du học nước ngoài... Trường ĐTH không chạy theo xu hướng đó mà vẫn kiên trì theo đuổi triết lý của mình. Trường không tích lũy đủ để xây dựng trường to đẹp, khang trang như nhiều trường ngoài công lập khác, vì học phí mà người lao động đóng góp cho con em họ là rất thấp *(từ 1.8 triệu đến 2,2 triệu đồng/tháng – trong khi các trường ngoài công lập có tiếng ở Hà Nội có mức học phí từ 7 đến 15 triệu đồng/tháng).*

Với kinh phí hạn hẹp, trường ĐTH vẫn phải tổ chức nhiều hoạt động giáo dục tốn kém. Nguyên phòng Tham vấn tâm lý học đường của trường hiện nay có 3 biên chế cho khoảng 600-800 HS còn ít trường ngoài công lập có. Trường ĐTH hấp dẫn phụ huynh, HS, ngoài hiệu quả giáo dục giúp HS "nên người" thì môi trường giáo dục dân chủ, HS được tôn trọng, được yêu thương, luôn đồng hành với cha mẹ HS để "dạy con nên người" là triết lý giáo dục nhân văn mà trường đang theo đuổi. Nhiều HS ở trường khác, do bị thành kiến bởi những cá tính đặc biệt, vì một vài thái độ ứng xử sai trái với thầy cô đã bị kỷ luật, bị sa thải, khi chuyển đến trường ĐTH các em được lắng nghe, được chia sẻ, được tôn trọng. Điều đó đã giúp các em tự thay đổi, chưa cần phải áp dụng phương pháp giáo dục nào khác.

Vì thế, chúng tôi nhấn mạnh yếu tố điều kiện đầu tiên với mô hình giáo dục đặc biệt này, chúng ta phải lựa chọn là cho nhà trường được *"Tự chủ - Dân chủ - Nhân văn – Sáng tạo"*.

3.2 Có một đội ngũ nhà giáo tâm huyết, sáng tạo

Với đối tượng HS có nhiều cá tính, hoàn cảnh gia đình đều rất khó khăn, phức tạp, nếu không có được đội ngũ nhà giáo tâm huyết, có đủ phẩm chất, năng lực, tình nguyện đồng hành cùng những HS gặp khó khăn, chắc chắn trường ĐTH không thể thành công trong nhiều năm qua.

Đối tượng HS đặc biệt, không có trường sư phạm nào, trường phổ thông nào đào tạo được những giáo viên đủ năng lực làm công việc giáo dục khó khăn này. Trường ĐTH phải tự tuyển chọn, tự đào tạo – bồi dưỡng và đãi ngộ sao cho xứng đáng, giữ được giáo viên trong nền kinh tế thị trường.

Từng năm học, theo đặc điểm của từng HS, trường ĐTH thường xuyên bồi dưỡng để giáo viên có được quan điểm giáo dục tiên tiến, phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục hiệu quả, phù hợp với HS. Để giáo viên ĐTH được tự điều chỉnh sao cho phù hợp với đối tượng HS. Từng học kỳ, trường ĐTH thường xuyên lấy ý kiến học sinh, cho các em được bình chọn những giáo viên mà các em yêu thích, các giáo viên đã giúp đỡ nhiều HS thay đổi, tiến bộ và cả những môn các em cho là khó tiếp thu…

Đặc biệt, lãnh đạo nhà trường luôn khích lệ giáo viên, tạo ra môi trường văn hóa để giáo viên tự phát triển, tự trưởng thành, đáp ứng được yêu cầu giáo dục của nhà trường theo công thức:

VFt = đ.t.h – x^2

Công thức văn hóa học đường trường ĐTH đã thể hiện sâu sắc những phẩm chất, năng lực của giáo viên ĐTH trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay. Với

trường ĐTH, năng lực đóng góp tài chính của cha mẹ HS còn có hạn, thì đội ngũ nhà giáo là yếu tố quyết định để làm nên chất lượng và *"thương hiệu Đinh Tiên Hoàng"*.

Ngoài đội ngũ giáo viên giảng dạy, trường ĐTH tập trung xây dựng *đội ngũ giáo viên chủ nhiệm* – những nhà giáo dục thật sự ngày đêm tác động tạo nên sự thay đổi nhân cách HS.

Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm ở ĐTH luôn được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng; sử dụng, chọn lọc và bồi dưỡng đãi ngộ theo đúng vị trí, vai trò của họ.

Tại trường ĐTH, giáo viên chủ nhiệm thật sự phải là những nhà giáo dục, nhà sư phạm, không chỉ quản lý tốt HS mà phải giúp HS phát triển nhân cách; giáo viên chủ nhiệm phải là điểm tựa, là niềm tin của HS. Do đó, chúng tôi đã xác định: giáo viên chủ nhiệm ĐTH phải có những năng lực sau đây:

Năng lực quản lý và lãnh đạo: Chúng tôi quan niệm mỗi giáo viên chủ nhiệm là một giáo dục viên, đúng hơn là một hiệu trưởng của mỗi lớp… Họ phải có kỹ năng "truyền lửa" kỹ năng "đọc vị" như các huấn luyện viên. Giáo viên chủ nhiệm không được lạm dụng lối quản lý "quyền uy", mà phải biết "hội tụ" và "lan tỏa".

Năng lực tác động để phát triển nhân cách người học*:* sản phẩm công tác giáo dục của giáo viên chủ nhiệm là làm sao tác động để HS của mình chuyển biến, tự thay đổi, hình thành nhân cách mà nhà giáo dục muốn hướng tới.

Năng lực phối hợp các lực lượng giáo dục*:* Giáo viên chủ nhiệm không thể thành công nếu họ không biết phối hợp các lực lượng giáo dục: giáo viên bộ môn, cha mẹ HS, Đoàn TNCSHCM... các lực lượng khác ngoài xã hội cho công việc giáo dục… Ở trường ĐTH, việc kết hợp với các cán bộ chuyên trách ở văn phòng Tham vấn tâm lý học đường cũng rất quan trọng.

Trường ĐTH cũng huấn luyện để giáo viên chủ nhiệm có thể làm được những công việc cụ thể như:

- Năng lực thực hiện các chương trình giáo dục Giá trị sống – Kỹ năng sống
- Năng lực giúp HS định hướng nghề nghiệp
- Năng lực hoạt động tập thể, trải nghiệm sáng tạo
- Năng lực giáo dục giới tính, kỷ luật tự giác...

Chính nhờ lực lượng giáo viên chủ nhiệm có phẩm chất, có kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, được đãi ngộ đúng mức, những chương trình giáo dục của trường ĐTH mới chuyển tải được đến từng HS.

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Trường Đinh Tiên Hoàng phát triển hơn 30 năm qua đều kiên trì thực hiện mục tiêu nhân văn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định từ khai giảng đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam Dân chủ cộng hòa, tháng 9/1945 "Ngày nay các em được cái may mắn hơn chính là được hấp thu một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em".

Thành công của mô hình giáo dục Đinh Tiên Hoàng, không phải chỉ vì chúng tôi có cơ chế tự chủ, tạo được môi trường giáo dục dân chủ, nhân văn, sáng tạo mà phải khẳng định: Đinh Tiên Hoàng sớm xây dựng văn hóa học đường để biến các chương trình giáo dục phổ thông bậc trung học thành chương trình giáo dục giá trị văn hóa. Tạo cho Đinh Tiên Hoàng không chỉ có chất lượng giáo dục bền vững, mà còn mang đậm bản sắc văn hóa riêng, phù hợp tâm sinh lý, cá tính, hoàn cảnh kinh tế xã hội của học sinh Đinh Tiên Hoàng. Nếu không dựa trên nền tảng của quan điểm giáo dục nhân văn và giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân Đinh Tiên Hoàng để chắc chắn trường Đinh Tiên Hoàng khó có thể thành công như hôm nay.

Và quan trọng trường Đinh Tiên Hoàng không chỉ góp phần thực hiện ý nghĩa nhân văn của một nền giáo dục tiên tiến mà chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc đến ngay từ ngày đầu khai giảng từ năm 1945 mà Đinh Tiên Hoàng còn góp phần trả lời câu hỏi băn khoăn của nhà giáo dục, nhà Tâm lý học nổi tiếng Stephen Covey (1932 – 2012) "Thách thức lớn nhất của giáo dục ngày nay là làm sao khơi mở tiềm năng của tất cả trẻ em để chúng có thể chủ động dẫn dắt cuộc sống của chính mình thay vì người khác dẫn dắt. Đây là mấu chốt của chuyển đổi giáo dục… nhiệm vụ của giáo dục là giúp đỡ mỗi đứa trẻ đưa ra những quyết định cho chính mình".

4.2. Khuyến nghị:

Vì tầm quan trọng của văn hóa học đường và việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân trong các nhà trường phổ thông, Viện nghiên cứu danh nhân cần kiến nghị với Chính phủ và Bộ giáo dục và Đào tạo có văn bản pháp quy để hướng dẫn các cơ sở giáo dục tiến hành xây dựng văn hóa học đường và chương trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống để đáp ứng nhu cầu xây dựng nguồn

nhân lực chất lượng cao mà Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã trình bày ở Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII,

Để xây dựng văn hóa học đường và tiến hành giáo dục giá trị văn hóa truyền thống danh nhân cho các cơ sở giáo dục phổ thông, Viện cần kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền sớm có văn bản giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục phổ thông và có cơ chế để nâng cao chất lượng đào tạo trong các trường sư phạm đào tạo giáo viên chất lượng cao và tổ chức đào tạo lại giáo viên phổ thông có đủ năng lực làm công tác giáo dục giá trị văn hóa truyền thống trong các nhà trường.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2023

Tác giả:

- TS. Nguyễn Tùng Lâm, chủ tịch Hội đồng giáo dục trường THPT Đinh Tiên Hoàng – Ba Đình, Hà Nội
- Địa chỉ: Phòng 1502 nhà G03 Khu đô thị Ciputra, quận Tây Hồ, HN
- Số điện thoại: 0913 235 297
- Email: tunglamdth@gmail.com

Chú thích:

- [1], [2], [3] trích trong kỷ yếu Hội thảo của Hội Khoa học Tâm lý giáo dục Việt Nam "Văn hóa học đường – lý luận và thực tiễn" tháng 3/2009, tr.9-11 của Phạm Minh Hạc " Giáo dục giá trị xây dựng văn hóa học đường".
- [4], [5] Dẫn theo TS. Phạm Kim Dung trong kỷ yếu hội thảo "Văn hóa học đường – lý luận và thực tiễn" tháng 3/2009, tr 259 của Hội Khoa học Tâm lý giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần XIII của Đảng.

- Hội Khoa học Tâm lý giáo dục Việt Nam *(2009)*. Kỷ yếu hội thảo khoa học "Văn hóa học đường: lý luận – thực tiễn". Tháng 9/2009.

- Phạm Minh Hạc *(2009)* "Giáo dục giá trị xây dựng văn hóa học đường". Kỷ yếu hội thảo "Văn hóa học đường – lý luận – thực tiễn".

- Phạm Minh Hạc *(chủ biên) (2013)* Từ điển bách khoa Tâm lý giáo dục Việt Nam.

- Nguyễn Tùng Lâm *(2009)* "Văn hóa học đường trong thời kỳ hội nhập: vấn đề và giải pháp". Trích kỷ yếu hội thảo khoa học "Văn hóa học đường – lý luận – thực tiễn".

- Nguyễn Tùng Lâm *(2019)* "Báo cáo tổng kết Mô hình giáo dục Đinh Tiên Hoàng với 30 năm trồng người *(1989 – 2019)*. Tập san kỷ niệm 30 năm thành lập trường THPT Đinh Tiên Hoàng – Ba Đình *(1989 – 2019)*.

- Trần Ngọc Thêm *(2021)* "Xây dựng hệ giá trị văn hóa và khát vọng phát triển và sức mạnh con người Việt Nam". Nhandan.com.vn ngày 08/04/2021.

- Lê Thị Ngọc Thúy *(2014)* "Xây dựng văn hóa nhà trường phổ thông: lý thuyết và thực hành". NXB Đại học quốc gia Hà Nội *(2014)*.

CỐNG HIẾN CỦA NỮ DOANH NHÂN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

TS. DƯƠNG QUỲNH HOA
Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu danh nhân

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, phụ nữ Việt Nam có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước ngàn năm văn hiến, tạo dựng nên truyền thống bản sắc của người Việt nói chung và truyền thống riêng của phụ nữ Việt Nam; họ có những tiềm năng to lớn, là động lực quan trọng trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội (trong bài tham luận này, tác giả tiếp cận dưới góc độ giới và hoạt động sản xuất kinh doanh trong nghiên cứu danh nhân).

I-Vai trò của nữ Doanh nhân Việt Nam đối với phát triển kinh tế xã hội

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Người khẳng định: "*Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ",* làm cách mạng mà không giải phóng phụ nữ thì mới giải phóng một nửa thế giới và chỉ làm cách mạng giải phóng dân tộc để có độc lập dân tộc thì phụ nữ mới được giải phóng. Người xác định: "*Phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ"*. Qua bao thế hệ, phụ nữ Việt Nam luôn làm tốt vai trò không thể thiếu với gia đình, xã hội. Trong đạn lửa, người phụ nữ tự hào với 8 chữ vàng mà Bác Hồ trao tặng "Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang" và ngày nay, phụ nữ Việt Nam được gắn với những phẩm chất vô cùng đáng quý "Tự tin, Tự trọng, Trung hậu, Đảm đang", "Giỏi việc nước, Đảm việc nhà", phụ nữ Việt Nam đang ngày càng phát huy được năng lực của mình, giữ lửa cho gia đình ấm êm, hòa thuận; góp sức để dựng xây đất nước phồn vinh.

Kế thừa tư tưởng của Bác, sau khi đất nước thống nhất và đặc biệt từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới; Đảng ta luôn quan tâm đến phát triển doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân nói chung, trong đó việc ưu tiên tạo điều kiện để các nữ doanh nhân có điều kiện phát huy năng lực trí tuệ đã được các cấp lãnh đạo đặc biệt quan tâm.Việt Nam là một trong số những nước đầu tiên ký kết Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); tạo điều kiện để phụ nữ tham gia vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội với những đóng góp tích cực và

hiệu quả vào thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước. Đặc biệt, từ khi Luật Bình đẳng giới chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2007 đã góp phần đưa vai trò của phụ nữ trong xã hội ngày càng được nâng cao trên tất cả mọi lĩnh vực.

Sau hơn 3 thập kỷ đổi mới, vị thế, vai trò của phụ nữ ngày càng được khẳng định trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của đất nước; đặc biệt là trong phát triển kinh tế, phụ nữ có vai trò quan trọng, phát huy năng lực, ngày càng tiến bộ, khẳng định bản thân và làm thay đổi nhận thức chung của xã hội về bình đẳng giới. Tại Việt Nam, theo thống kê quí 4/2022, tỷ lệ dân số nữ chiếm 50,2% dân số và tỷ lệ tham gia của lao động nữ là 62,7% ; như vậy, phụ nữ Việt Nam đóng vai trò quan trọng và hiện diện trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Tại Diễn đàn Doanh nhân Việt Nam ngày 6/3/2011 ở Hà Nội, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã phát biểu: "Doanh nghiệp, doanh nhân Việt Nam vừa là đội quân chủ lực của công cuộc đổi mới của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta, đồng thời là đội quân tiên phong trong hội nhập quốc tế, trong đó các doanh nhân, doanh nghiệp nữ đóng vai trò rất quan trọng”.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; hiện tổng số lao động nữ chiếm 47,4%, riêng trong hợp tác xã chiếm đến 80%; thống kê này cho thấy phụ nữ đã và đang có nhiều đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là trong nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2022 ngành nông nghiệp ghi nhận nhiều chỉ tiêu phát triển đạt và vượt kế hoạch đề ra, đánh dấu năm đổi mới tư duy và mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, với thặng dư thương mại đạt trên 8,5 tỷ USD, chiếm tới gần 76% xuất siêu của cả nền kinh tế. trong thành tích đó, không thể phủ nhận vai trò lao động nữ. Phụ nữ không chỉ chứng tỏ khả năng "tay hòm chìa khóa" của mình mà còn rất năng động, đảm đang, từng bước xây dựng kinh tế gia đình vững chắc; cùng với nam giới, phụ nữ góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, tăng kim ngạch xuất khẩu. Ở nông thôn, trước những diễn biến phức tạp của thời tiết, dịch bệnh, giá cả, áp lực cạnh tranh..., các hộ kinh doanh, chủ trang trại do phụ nữ làm chủ vẫn chủ động đầu tư phát triển sản xuất, học tập và áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đa dạng ngành nghề, tăng sản phẩm có giá trị kinh tế cho tiêu dùng, xuất khẩu, góp phần phát triển nông thôn, làm giàu cho gia đình và đất nước.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động kinh tế, khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI),

tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ chiếm trong tổng số doanh nghiệp Việt Nam tăng từ 4% năm 2009 lên 21% vào năm 2011 và 24% vào năm 2019 đến tháng 3/2022 là 26,5%. Doanh nghiệp do nữ làm chủ không ngừng lớn mạnh cả về số lượng, qui mô và tầm ảnh hưởng. Nhiều tập đoàn kinh tế lớn của Việt Nam do các nữ doanh nhân chèo lái, đã làm rạng danh hình ảnh phụ nữ Việt Nam trên thương trường quốc tế và được bình chọn vào TOP 100 tỷ phú thế giới, TOP 50 phụ nữ quyền lực của Châu Á, đạt danh hiệu Nữ doanh nhân ASEAN tiêu biểu, Nữ doanh nhân nữ Việt Nam tiêu biểu - Cúp Bông Hồng Vàng.

Sau hơn 2 năm đại dịch Covid-19 và ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu đã tàn phá nền kinh tế, làm cho nhiều doanh nghiệp điêu đứng, trong đó có doanh nhân nữ; khoảng 87% doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ bị ảnh hưởng tiêu cực và hết sức tiêu cực từ dịch bệnh. Dịch bệnh đã khiến doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có doanh thu sụt giảm, kinh doanh thua lỗ tăng mạnh so với các năm trước. Nhưng với tinh thần vượt khó, bứt phá vươn lên mọi hoàn cảnh, đã hun đúc cho các nữ doanh nhân bản lĩnh vững vàng, năng động, sáng tạo họ đã chèo lái con thuyền qua cơn sóng gió, vượt lên trong chính những khó khăn, thách thức đó. Nhiều doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ vẫn trụ vững và đã nhanh nhạy nắm bắt các cơ hội để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các sáng kiến chung tay cùng Chính phủ trong cuộc chiến chống đại dịch Covid đã được các doanh nhân nữ triển khai như "siêu thị 0 đồng", "bữa cơm miễn phí", "Áo ấm mùa đông", chia sẻ thuốc men, lương thực, thực phẩm, vật phẩm y tế, tài chính… hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo, vùng bị ảnh hưởng bão lũ, dịch bệnh và hỗ trợ lực lượng ngành y trong tuyến đầu chống dịch Covid-19.

Tính đến năm 2022, cùng với các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp và xây dựng vẫn được coi là lĩnh vực đặc quyền của nam giới, ngày nay các nữ doanh nhân đã góp phần tăng tỷ trọng giá trị công nghiệp và xây dựng đạt 38,26%. Nữ doanh nhân và phụ nữ là lực lượng đông đảo trong các ngành chế biến, dệt may, da giày, tiểu thủ công nghiệp. Các doanh nghiệp này đã hoạt động rất có hiệu quả, góp phần không nhỏ trong việc tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, tham gia hội nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường thế giới và khu vực. Nữ doanh nhân cũng chiếm tới 36,7% trong lĩnh vực dịch vụ là lĩnh vực có sự phát triển mạnh trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Các loại hình dịch vụ đa dạng, phong phú, chất lượng cao đang hình thành và phát triển, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của con người và đây cũng là ngành thu hút nhiều ngoại tệ cho đất nước. Chị em đã năng động học hỏi, đổi mới phương thức

kinh doanh, cách thức cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của xã hội, đây là một đóng góp không nhỏ vào nền kinh tế quốc dân.

Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho thấy, trên cơ sở thông tin đăng ký doanh nghiệp có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, tính đến hết tháng 9/2022, toàn quốc có 263.444 doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ đang hoạt động, chiếm 29,8% trong tổng số 883.000 doanh nghiệp đang hoạt động.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. Ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Trong bức tranh toàn ảnh chung đó, không thể không nói đến sự đóng góp của các doanh nghiệp nữ.

Tháng 8/2022, Hội đồng doanh nhân nữ Việt Nam và VCCI đã tổ chức Chương trình "Kết nối Doanh nhân nữ: Cùng nhau phát triển trong nền kinh tế số"; đây là một trong những nỗ lực của Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp do nữ làm chủ vượt qua các khó khăn, thách thức của đại dịch Covid-19, thích ứng với nền kinh tế số và phát triển doanh nghiệp trong bối cảnh thực tiễn mới.

Một vài con số trên đây cho thấy, ngày nay càng tham gia vào nền kinh tế, phụ nữ càng có điều kiện tiếp cận và phát triển vốn tài chính, vốn con người và vốn xã hội. Đây là các điều kiện tốt nhất để phụ nữ có thể hoàn thiện và phát triển bản thân mình với tư cách là công dân, là người sản xuất, người con, người vợ, người mẹ và người lãnh đạo doanh nghiệp. Đặc biệt doanh nhân nữ cũng là lực lượng quan trọng trong hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện, cứu giúp người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và cứu trợ những vùng có thiên tai. Hằng năm, các doanh nhân nữ đã đóng góp tiền, quà trị giá trên hàng trăm tỷ đồng cho các gia đình chính sách; chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, mẹ liệt sĩ; ủng hộ lương thực, quần áo, vật dụng thiết yếu cho đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ. Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng "Mái ấm tình thương", các doanh nhân nữ đã hỗ trợ xây dựng và sửa chữa được hàng nghìn "Mái ấm tình thương" cho phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, khuyết tật, phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Theo khảo sát của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) thì doanh nhân nữ tại Việt Nam đang ngày càng chiếm nhiều vị thế quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, tạo ra một phong cách kinh doanh độc đáo, mềm dẻo, linh hoạt rất có hiệu quả.

Với trí thông minh, tâm trong sáng và bản lĩnh vững vàng, cùng sự tiếp sức, đồng hành của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, VCCI và các tổ chức xã hội, hiệp hội doanh nghiệp… nữ doanh nhân Việt Nam nhất định sẽ hiện thực hóa được khát vọng vươn lên vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và sự thịnh vượng, hùng cường của quốc gia, chung tay cùng toàn dân điểm tô "non sông gấm vóc Việt Nam" "ngày thêm tốt đẹp, rực rỡ" hơn như lời Bác Hồ dạy.

II- Một số nữ doanh nhân Việt Nam tiêu biểu với khát vọng vươn lên trong thời đại mới

1. Bà Thái Hương, Nhà sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Chiến lược Tập đoàn TH

Người phụ nữ quyền lực Châu Á

Bà Thái Hương hiện là Chủ tịch Hội đồng Chiến lược Tập đoàn TH, Phó Chủ tịch, TGĐ Ngân hàng Bắc Á. Doanh nhân Thái Hương được biết đến với danh xưng "Người phụ nữ quyền lực nhất châu Á"…

Trong mắt các chuyên gia thực phẩm thế giới, bà Thái Hương là người tạo ra cuộc cách mạng cho ngành sữa Việt Nam, đưa ngành sữa Việt từ con số 0 có một vị thế đĩnh đạc trên bản đồ thế giới. Về phần mình, bà Thái Hương chỉ tự nhận là một người nội trợ tử tế, đang nỗ lực làm ra những món ăn tươi sạch, an toàn, bổ dưỡng và ngon miệng cho gia đình và cho cộng đồng. Là phụ nữ, tham gia vào lĩnh vực kinh doanh 15 năm nay, bà Thái Hương tự nhận ưu điểm của phụ nữ khi dấn thân vào chốn thương trường là sự bao dung, nhạy cảm, tinh tế và tử tế. "Sự tử tế của phụ nữ kết hợp với vai trò của CEO sẽ là lợi thế mang lại thành công trong quá trình điều hành doanh nghiệp ".

Trong suốt gần 15 năm qua, bà đã xây dựng thương hiệu TH "True Happiness - hạnh phúc đích thực" dựa trên giá trị cốt lõi "Vì sức khỏe cộng đồng"; tiên phong xây dựng nền nông nghiệp sạch, hữu cơ; ứng dụng công nghệ cao, khởi dựng Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa từ năm 2008, với quy mô đàn bò sữa gần 70.000 con.

Những dự án của Tập đoàn TH do bà dẫn dắt và tư vấn chiến lược nhằm tạo ra những sản phẩm với sản lượng và chất lượng vượt trội, theo hướng phát triển bền vững và vì sức khỏe cộng đồng. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, Tập đoàn TH hướng đến một nền nông nghiệp sạch, hữu cơ và một nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tập đoàn TH đã đưa người nông dân thành một mắt xích trong chuỗi sản xuất hàng hóa đạt chất lượng quốc tế, làm cho người nông dân có quyền tự hào về mảnh đất của họ. Từ kinh nghiệm này bà tiếp tục đưa thương hiệu TH ra thế giới, kiến tạo những dự án ở Liên bang Nga và Úc.

Với những nỗ lực cống hiến, năm 2020 bà Thái Hương đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới; là đại diện đầu tiên và duy nhất của Việt Nam được CSRWorks International vinh danh trong danh sách Top 10 'Phụ nữ vì sự phát triển bền vững' 2021 tại châu Á (tính đến thời điểm năm 2021). Đây là sự ghi nhận những thành tựu mà bà đã đóng góp cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, xã hội, môi trường; là sự vinh danh những phụ nữ truyền cảm hứng và có đóng góp nổi bật nhất đối với phát triển bền vững ở châu Á. Đặc biệt là những nữ lãnh đạo, những người đang dẫn dắt sự thay đổi trong và ngoài tổ chức của mình thông qua các chiến lược, sáng kiến phát triển bền vững và hoạt động kinh doanh có trách nhiệm.

2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - CEO Vietjet Air

Người phụ nữ lãnh đạo bằng yêu thương để tạo nên kỳ tích

Là Tổng giám đốc của VietJet Air, Phó chủ tịch thường trực HĐQT Ngân hàng HDBank. Dưới sự lãnh đạo của mình, hãng hàng không giá rẻ Việt Nam đã có những bước tăng trưởng thần tốc. Tính đến năm 2019, Vietjet đã đứng đầu thị trường hàng không Việt Nam và chiếm tới 41,2% thị phần. Là người sống ở nước ngoài nhiều năm nhưng bà Thảo vẫn giữ cốt cách của cô gái Hà Nội gốc. Bà cho rằng “Doanh nhân khởi nghiệp đừng tiết kiệm ước mơ, hãy mơ những giấc mơ to lớn và biến ước mơ thành hiện thực bằng những hành động giản dị mỗi ngày tại doanh nghiệp, tổ chức của mình”.

CEO Nguyễn Thị Phương Thảo khẳng định: “Không phải công nghệ làm thay đổi thế giới mà chính ước mơ của con người đã làm thay đổi thế giới; công nghệ chỉ là công cụ, và công nghệ cũng được sáng tạo từ những ước mơ của con người”. Thành công trong kinh doanh nhưng với nữ tỉ phú Phương Thảo, mục tiêu cao hơn của hoạt động kinh doanh là tạo ra giá trị, nhất là các giá trị mới mẻ cho cộng đồng. Bên cạnh đó, bà nhấn mạnh yếu tố kinh doanh lương thiện. “Tính lương thiện sẽ hướng mình làm điều đúng đắn, có ích cho xã hội”.

Trong đại dịch Covid-19, các chuyến bay Vietjet đã đưa miễn phí các học sinh mất người thân do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đang theo học tại Trường Hy Vọng ở Đà Nẵng về TP.HCM, Hà Nội, Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Lạt... đón Tết cùng gia đình. Sau Tết, Vietjet đã đưa các em bay trở lại để tiếp tục học tập tại trường trong kỳ học mới.

Năm 2023, Vietjet đã tổ chức các chuyến bay yêu thương chở "giấc mơ" Tết đoàn viên của hơn 500 công nhân, người lao động đang làm việc tại TPHCM, Bình Dương, Đồng Nai và Long An về quê đón Tết Nguyên đán Quý Mão; trong thành tích đó, có phần không nhỏ của doanh nhân Nguyễn Thị Phương Thảo.

3. Bà Hà Thị Thu Thanh, Chủ tịch HĐTV Deloitte Việt Nam

Chủ tịch HĐTV Deloitte Việt Nam: Kiên định, tiên phong trong lĩnh vực kiểm toán

Là Chủ tịch HĐTV và là một trong những người sáng lập của Deloitte Việt Nam – một trong bốn công ty tư vấn và kiểm toán lớn nhất trên thế giới, Bà Hà Thị Thu Thanh có hơn 38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn chuyên ngành và kiểm toán và 30 năm làm việc cho Deloitte Việt Nam kể từ ngày thành lập.

Qua 3 thập kỷ phát triển, Deloitte Việt Nam đã nỗ lực không ngừng để có được những "dấu ấn tiên phong" trong việc mang những dịch vụ giá trị gia tăng vượt trội và bền vững tới khách hàng, tới đối tác và tới cộng đồng. Bà đã dẫn dắt Deloitte Việt Nam kế thừa tinh hoa 175 năm của Deloitte toàn cầu, biết kết hợp và sáng tạo cùng bản sắc truyền thống và giá trị thuần Việt, để tạo nên những giá trị đặc trưng riêng có của Deloitte Việt Nam. Ba thập kỷ phát triển, bà cùng các cộng sự đã nỗ lực không ngừng để có được những dịch vụ giá trị gia tăng vượt trội và bền vững tới khách hàng, tới đối tác và tới cộng đồng.

Chặng đường 30 năm phát triển và thành công của Deloitte Việt Nam cũng chính là chặng đường phát triển của ngành kiểm toán độc lập Việt Nam. Và cũng bởi thế, bà Hà Thị Thu Thanh còn được mệnh danh là "người đàn bà thép" của ngành kiểm toán Việt Nam. Và hơn hết, bà tự hào về việc Deloitte Việt Nam đang "sở hữu" một đội ngũ hùng hậu hơn 1.000 cán bộ, nhân viên, chuyên gia được đào tạo bài bản, có năng lực và trình độ quốc tế, am hiểu văn hóa và pháp luật của Việt Nam. Vì vậy, Deloitte Việt Nam trong 3 thập kỷ vừa qua luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các doanh nghiệp muốn tìm kiếm các dịch vụ tư vấn chuyên ngành, giúp doanh nghiệp quản trị minh bạch, phát triển bền vững và đưa ra những tư vấn chiến lược hiệu quả.

Trong mọi hoàn cảnh và giai đoạn phát triển, Deloitte Việt Nam vẫn luôn kiên tâm theo tôn chỉ "kiến tạo những giá trị ảnh hưởng". Đây không chỉ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Deloitte Việt Nam, mà còn cho tất cả các thành viên của Deloitte toàn cầu. Đó cũng là một trong những giá trị cốt lõi để Deloitte toàn cầu liên tục nhiều năm liền là hãng số 1 trong 4 hãng kiểm toán lớn nhất thế giới về quy mô doanh thu, về tốc độ tăng trưởng, và giá trị thương hiệu.

Theo bà Hà Thị Thu Thanh, trong con người chúng ta cần có sự kiên định. Sự kiên định không phải là cái gì quá to lớn, bắt đầu bằng việc chọn con đường, đi mà không ngã, bám vào những giá trị mình chọn. Kiên định chỉ đơn giản là nội lực của bản thân, là nỗ lực đến tột cùng để vượt qua khó khăn, đi đúng con đường đã chọn để bước tới thành công.

Với góc nhìn từ một doanh nghiệp, bà Hà Thị Thu Thanh luôn cho rằng chấn hưng văn hóa là 1 chính sách của Đảng và Nhà nước đưa ra và cũng đồng thời nằm trong chiến lược của Deloitte. Điều kiện cần của các doanh nghiệp để xây dựng nền tảng văn hóa bền vững đó chính là sự tuân thủ. Tuân thủ luật pháp một cách hiệu quả và tạo giá trị từ sự tuân thủ đó chính là điều mà doanh nghiệp cần hướng tới. Các doanh nghiệp phải nâng cao nhận thức về việc thực thi trách nghiệm xã hội một cách tự nguyện, đóng góp cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam; trong sự phát triển văn hóa chính là nền tảng vô cùng quan trọng.

III- Khuyến nghị, đề xuất vì sự tiến bộ của nữ doanh nhân

Trong những năm qua, với sự phát triển, tiến bộ chung của nhân loại và nỗ lực của các quốc gia, vị thế của phụ nữ Việt Nam ngày càng được tăng lên đáng kể thông qua việc tăng cường hợp tác bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ; thúc đẩy phụ nữ tham gia hoạt động kinh doanh và phát triển kỹ năng; tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; tăng khả năng đại diện và vai trò lãnh đạo của phụ nữ; khuyến khích hợp tác công tư… Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn những khó khăn từ nhiều phía mà doanh nhân nữ đang phải đối mặt, chúng tôi xin đưa ra một số khuyến nghị như sau:

1. Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

2. Hoàn thiện chính sách và pháp luật để thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

3. Cần dành nguồn lực để thực hiện nghiêm túc các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ. Nâng cao hiệu quả thực thi các hỗ trợ về kiến thức kinh doanh và kiến thức bình đẳng giới; hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng; Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh…

4. Xây dựng chiến lược một cách có hệ thống phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các ưu tiên và biện pháp thực hiện cụ thể với sự tham gia của toàn xã hội nhằm tăng cường trao quyền kinh tế cho phụ nữ, bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và hỗ trợ phát triển tiềm năng kinh doanh của họ.

5. Nâng cao nhận thức về vai trò của phụ nữ nói chung và trong nền kinh tế nói riêng. Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp để doanh nhân nữ liên tục phát triển.

6. Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên biệt, phù hợp với phương thức phát triển kinh doanh hiện đại, đặc biệt tập trung vào nhu cầu của doanh

nhân nữ nhằm nâng cao năng lực và tăng cường sự hiện diện của phụ nữ trong quá trình hoạch định chính sách liên quan đến hoạt động khởi nghiệp, kinh doanh của phụ nữ.

7. Nâng cao hiệu quả triển khai các chính sách hỗ trợ dành nữ doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch COVID-19.

8. Tăng cường truyền thông, tạo điều kiện liên kết giữa các doanh nhân nữ, các Hiệp hội, Hội, Câu lạc bộ nữ doanh nhân của các tỉnh/thành phố; giúp các doanh nghiệp nữ có sự hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ tư vấn, thông tin, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, các kỹ năng mềm và cung cấp các dịch vụ xúc tiến thương mại và đầu tư; được Hội LHPN Việt Nam hỗ trợ về chuyên môn, kiến thức, kỹ năng để triển khai lồng ghép giới và thực hiện bình đẳng giới, được bảo vệ quyền lợi chính đáng và hợp pháp của doanh nghiệp, doanh nhân nữ và lao động nữ trong doanh nghiệp

Lời kết: *Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng được dự báo tiếp tục còn nhiều khó khăn và thách thức, chúng ta tin tưởng rằng các doanh nhân nữ Việt Nam với truyền thống đáng tự hào của phụ nữ Việt Nam nói riêng và của dân tộc, với bản lĩnh và nghị lực của mình, họ sẽ vẫn tiếp tục sáng tạo, sẵn sàng đối mặt với thách thức mới đầy cam go, khốc liệt của thương trường và làm nên những điều kỳ diệu, đóng góp cho sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội…*

Theo cá nhân người viết bài, những nữ doanh nhân Việt Nam tiêu biểu có thể họ chưa đạt đến tiêu chí để được gọi là danh nhân, nhưng họ là những cá nhân xuất sắc có nhiều đóng góp cho xã hội và mục tiêu phát triển bền vững; các nữ doanh nhân đang từng ngày cần mẫn, nỗ lực để góp phần đưa cái tên Việt Nam vươn tầm khu vực và thế giới, vì hơn ai hết, họ hiểu rằng một quốc gia thịnh vượng phải có đội ngũ doanh nhân hùng hậu, về cả tài năng và nhiệt huyết, mang đầy tinh thần dân tộc và chính họ sẽ tiếp tục trở thành những người truyền lửa cho thế hệ tiếp theo về ý chí, tinh thần và khát vọng cống hiến vì sự phồn vinh của tổ quốc.

ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG

TS NGUYỄN THỊ NGÂN
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

MỞ ĐẦU

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - cuộc đời và sự nghiệp mãi mãi là một tấm gương mẫu mực của người chiến sĩ cách mạng, đảng viên cộng sản, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, Nhà nước, quân đội, là người có đức, có tài, có tâm huyết và có sự lôi cuốn mạnh mẽ đối với nhân dân, cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam. Không chỉ là người có tài thao lược, đưa ra những chủ trương chỉ đạo kịp thời trong chiến tranh cách mang, Đại tướng còn là một người lãnh đạo kiên trung, sáng ngời về đạo đức cách mạng, là tấm gương sáng về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

1. Tóm tắt cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tên khai sinh là Nguyễn Vịnh, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1914 ở làng Niêm Phò, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đại tướng là người sớm giác ngộ cách mạng, tham gia cách mạng từ tuổi thanh niên và trưởng thành nhanh chóng qua các cương vị lãnh đạo, chỉ huy cả ở ngoài dân sự cũng như ở trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 20 tuổi (1934), Đại tướng tham gia cách mạng. Năm 23 tuổi (1937), Đại tướng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 24 tuổi (1938), Đại tướng giữ chức Bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên. Trong thời gian này, Đại tướng đã cùng với các đồng chí trong Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân địa phương đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ tổ chức xây dựng lực lượng cách mạng trong phong trào dân chủ, chuẩn bị điều kiện tiến lên giải phóng dân tộc sau này. Tháng 9 năm 1938, Đại tướng bị thực dân Pháp bắt vì những hoạt động cách mạng tích cực và ảnh hưởng to lớn của người cộng sản trẻ tuổi ở Thừa Thiên Huế. Đồng chí đã bị thực dân Pháp giam cầm ở các nhà lao Thừa Phủ, Lao Bảo, Buôn Mê Thuột. Ở đâu, Đại tướng cũng cùng với các đảng viên trong tù kiên trì đấu tranh chống chính sách hà khắc của nhà tù, phản đối sự tra tấn dã man của các cai ngục với các tù nhân, động viên tù nhân giữ vững khí tiết của người cộng sản. Năm 1941, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cùng với một

số đồng chí vượt ngục thành công, trở về thành lập tỉnh ủy lâm thời tỉnh Thừa Thiên Huế, tiếp tục xây dựng lực lượng, cơ sở cách mạng ở nhiều nơi trong tỉnh, từng bước đưa quần chúng ra đấu tranh chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở trung tâm đầu não chế độ phong kiến Việt Nam. Năm 31 tuổi (1945), Đại tướng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Bí thư xứ ủy Trung Kỳ và được Bác Hồ đặt tên là Nguyễn Chí Thanh. Năm 36 tuổi (1950), lúc này cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân ta chuyển sang một giai đoạn mới, chuẩn bị tổng phản công, nhiệm vụ của kháng chiến, của quân đội có bước phát triển mới. Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã điều động Đại tướng Nguyễn Chí Thanh vào quân đội giữ chức Phó Tổng quân ủy, kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Chính Trị Quân đội nhân dân Việt Nam đồng chí giữ chức vụ Bí thư Liên khu ủy IV, sau đó vào làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 45 tuổi (1959), Nguyễn Chí Thanh được phong hàm Đại tướng. Năm 46 tuổi (1960), Đại tướng được bầu vào Bộ Chính trị - Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 50 tuổi (1964), Đại tướng vào Nam chiến đấu và giữ cương vị Bí thư Trung ương Cục miền Nam. Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam.

2. Những đóng góp của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh với sự nghiệp cách mạng

Thế hệ chúng tôi, may mắn sinh ra trong thời đại hòa bình. Không còn hứng chịu hòn tên mũi đạn của kẻ địch, chỉ được nghe qua những câu chuyện kể, qua sách báo và qua nghiên cứu lịch sử của dân tộc, chúng tôi luôn tự hào về truyền thống của thế hệ cha anh đi trước. Đối với Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, qua nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp của Đại tướng đối với cách mạng Việt Nam và đối với Quân đội nhân dân Việt Nam tôi xin khái quát thành những đặc trưng nổi bật về phẩm chất, nhân cách tác phong của một nhà cách mạng, nhà lãnh đạo mẫu mực, tài năng, một vị tướng tài ba của Quân đội nhân dân Việt Nam

Thứ nhất, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là người có khả năng đề ra những chủ trương mang tính khái quát có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc

Sau 1950, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn phát triển mới, Chiến dịch Biên giới đã phá vỡ thế bao vây của địch, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc tạo điều kiện thuận lợi để ta phát triển lực lượng và giành quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường. Trước tình hình đó, quân đội phải vừa chiến đấu, vừa tích cực chuẩn bị về mọi mặt để cùng toàn dân tiến tới

đánh những đòn quyết định nhằm kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Vì thế, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và cán bộ chính trị cần có những phát triển mới nhằm tăng cường cán bộ chính trị cho các đơn vị chiến đấu để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cuộc chiến. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh được Đảng, Bác Hồ điều động vào quân đội. Với cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Bí thư Tổng Quân ủy, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Đồng chí đã chủ động và sớm phát hiện những vấn đề quan trọng, cấp thiết đặt ra từ thực tiễn xây dựng đội ngũ cán bộ chính trị, đáp ứng yêu cầu tăng cường hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng quân đội về chính trị, về công tác đảng, công tác chính trị, Đồng chí đã cùng Tổng Quân ủy tập trung nghiên cứu xác định những vấn đề cơ bản về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị trong hoàn cảnh quân đội ta vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đại tướng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy ở chiến trường miền Nam đánh Mỹ trong vòng 3 năm (10/1964 - 7/1967). Đại tướng đã để lại những chiến tích hào hùng góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh thực sự là một vị tướng mưu lược, tài trí, dũng cảm, kiên cường... vừa có tầm tư duy chiến lược, nhìn xa, trông rộng, đồng thời cũng rất giỏi về các hình thức chiến thuật, qua thực tiễn chiến trường đã chứng minh điều đó. Tháng 10 năm 1964, Đại tướng vào chiến trường miền Nam với cương vị Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Ngay sau khi vào chiến trường, Đại tướng cùng với Bộ Tư lệnh Miền Nam đã chỉ đạo quân và dân miền Nam tiến hành hàng loạt chiến dịch tiến công quân Mỹ, Ngụy.

Cuộc đọ sức giữa quân và dân ta với đế quốc Mỹ, bè lũ tay sai trên chiến trường miền Nam diễn ra trong điều kiện có nhiều điểm khác biệt so với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Với nhãn quan chiến lược sâu sắc, lăn lộn, sâu sát với thực tiễn chiến trường, chỉ trong một thời gian ngắn, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã nắm chắc tình hình, đánh giá chính xác tương quan địch - ta, thấy rõ điểm mạnh và những điểm yếu của địch, nhất là về cách đánh của quân Mỹ, cũng như trạng thái tâm lý, tinh thần của tướng tá, binh lính ngụy. Đây là điểm mấu

chốt, là cơ sở để Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cùng các đồng chí trong Trung ương Cục miền Nam kịp thời đề xuất các phương án, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân ta đánh thắng kẻ thù xâm lược. Với tư tưởng: "Dám đánh Mỹ ta sẽ tìm ra cách đánh Mỹ và nhất định thắng Mỹ", Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã cùng Trung ương Cục miền Nam trực tiếp chỉ đạo chiến trường miền Nam; tập trung xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, tạo lập thế đứng vững chắc ở cả 3 vùng chiến lược, mở các mặt trận ở những địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng, tiến hành đồng thời 3 mũi giáp công.

Song song với xây dựng lực lượng, tạo thế trên chiến trường, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đặc biệt quan tâm đến cách đánh quân Mỹ, coi đó là điều có ý nghĩa then chốt nhất để đánh thắng địch trên chiến trường. Bám sát thực tiễn, sống trong lòng dân, kiên cường, dũng cảm chiến đấu, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tổng Quân ủy, Đại tướng đã phát huy sự sáng tạo của toàn thể cán bộ, chiến sĩ, quân và dân ta để đề ra cách đánh sáng tạo: "Nắm thắt lưng địch mà đánh", qua đó, tổng kết kinh nghiệm, nâng lên thành phương châm chỉ đạo tác chiến trên chiến trường miền Nam. Nhờ đó, quân và dân ta đã hạn chế tối đa sức mạnh của vũ khí tối tân, phương tiện chiến tranh hiện đại, lối đánh dựa vào công hiệu của vũ khí hỏa lực, buộc quân Mỹ, Ngụy phải rơi vào thế bị động đối phó, phải đánh theo cách đánh mà chúng không có sở trường. Phương châm chỉ đạo: "Nắm thắt lưng địch mà đánh" đã nhanh chóng lan rộng, trở thành khẩu hiệu hành động cách mạng nổi tiếng trên chiến trường miền Nam; là điểm khởi đầu để dấy lên phong trào: "Tìm Mỹ mà đánh, tìm Nguỵ mà diệt", lập các "Vành đai diệt Mỹ". Nhiều cán bộ, chiến sĩ đã trở thành "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt xe tăng", "Dũng sĩ hạ máy bay"… Phương châm chỉ đạo "đánh gần" đã góp phần đặc biệt quan trọng đưa đến những thắng lợi vang dội trên chiến trường miền Nam.

Thực tiễn chỉ đạo đánh Mỹ của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và các đồng chí trong Trung ương Cục miền Nam đã trở thành cơ sở lý luận, thực tiễn quan trọng, góp phần cùng Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đề ra những quyết sách đúng đắn, sáng tạo để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến ngày toàn thắng. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 14 (tháng 6 năm 1967), Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã báo cáo một cách toàn diện về tình hình cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Nội dung của báo cáo toát lên tinh thần cơ bản là: "Ta nhất định thắng Mỹ. Mỹ thua đã rõ ràng. Cần phải tiếp tục thế tiến công địch để tiến lên giành thắng lợi quyết định". Sự khẳng định ấy là cơ sở quan trọng để Bộ Chính trị vạch quyết

tâm chiến lược: chuẩn bị cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân (năm 1968), phấn đấu thực hiện ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào", giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thứ hai, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là người cộng sản luôn trung thành, tận tụy với sự nghiệp cách mạng của Đảng

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh thể hiện là một chiến sĩ cộng sản trung kiên, luôn tận trung với nước, tận hiếu với dân, một người quân nhân cách mạng trung thành vô hạn với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Dù trong điều kiện, hoàn cảnh nào Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cũng luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên, lên trước hết; khi cần sẵn sàng hy sinh lợi ích riêng, kể cả tính mạng vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc. Lòng trung thành vô hạn của Đại tướng với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc được biểu hiện sinh động và phát huy hiệu quả cao trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ chiến lược mà Đảng, Bác Hồ và quân đội giao phó.

Là một tướng lĩnh trong quân đội, nhiều bài nói, bài viết về quân đội, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh luôn nhấn mạnh phải tăng cường giáo dục nâng cao bản chất cách mạng của Đảng đối với Quân đội nhân dân, đây là vấn đề cốt lõi của đạo đức cách mạng theo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại tướng căn dặn: "Đạo đức cao quý nhất của người cộng sản là hy sinh phấn đấu, hy sinh là hy sinh cá nhân, phấn đấu là phấn đấu vì cách mạng"[225]. Thông qua hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn xây dựng quân đội về chính trị, Đại tướng luôn dồn tâm sức cho việc tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, toàn diện của Đảng đối với quân đội và khẳng định: "…quân đội phải luôn nhằm vào mục tiêu chính trị của Đảng để phấn đấu thực hiện. Ngoài mục tiêu đó ra, quân đội không còn mục tiêu chính trị nào khác"[226]. Theo quan điểm giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, việc nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc của mỗi cán bộ, chiến sĩ để nhằm phát huy lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Vì vậy, Đại tướng thường xuyên nhắc nhở các cấp lãnh đạo, chỉ huy phải chú trọng giáo dục cán bộ, chiến sĩ nhận rõ bản chất và mục tiêu, lý tưởng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam. Phải chỉ rõ mục tiêu chiến đấu của quân đội: "Chiến đấu cho ai? Vì ai

[225] Nguyễn Chí Thanh, *Những bài chọn lọc về quân sự,* Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977, tr. 135.
[226] Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác chính trị trong quân đội*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 286.

mà phục vụ? Chống kẻ thù nào? Chiến đấu cho độc lập dân tộc có quan hệ gì đến quyền lợi giai cấp, quyền lợi gia đình và bản thân mình?"[227]. Đại tướng khẳng định: sự lãnh đạo của Đảng là linh hồn, công tác đảng, công tác chính trị là mạch sống của Quân đội nhân dân. Nếu xa rời sự lãnh đạo hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng thì quân đội sẽ rơi vào nguy cơ biến chất. Vì vậy, "Phải ra sức tăng cường và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò công tác chính trị. Đó là bài học lớn nhất, vứt bỏ kinh nghiệm đó, vi phạm nguyên tắc đó bất cứ lúc nào, trong điều kiện nào, đều là sai lầm và dẫn đến thất bại"[228].

Những tư tưởng, quan điểm và sự chỉ đạo thực tiễn trên đây của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cũng là vấn đề tâm huyết lớn nhất, là một trong những cống hiến có giá trị to lớn, lâu dài đối với việc xây dựng nền tảng chính trị - tinh thần cho quân đội ta. Qua đó càng làm nổi bật tấm gương mẫu mực của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh về lòng trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, về lập trường giai cấp kiên định, tinh thần cách mạng triệt để, không lùi bước trước bất kỳ hiểm nguy, khó khăn nào, luôn nêu cao khí phách kiên cường của người chiến sĩ cộng sản để bảo vệ Đảng, bảo vệ chân lý, để giành thắng lợi vẻ vang cho quân đội, cho cách mạng.

Thứ ba, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh luôn quan tâm đến giáo dục tư tưởng, ý chí chiến đấu, coi sức mạnh tinh thần là yếu tố quyết định nhất

Bằng sự hiểu biết sâu sắc, khoa học về vai trò của quần chúng nhân, về mối quan hệ giữa sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, cùng với sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng luôn tâm niệm: "người trước, súng sau", "con người, tinh thần là yếu tố quyết định", "Trong việc xây dựng quân đội và chỉ đạo tác chiến, chúng ta đã coi trọng yếu tố con người, yếu tố tinh thần…. Kỹ thuật là quan trọng nhưng con người và tinh thần con người vẫn giữ vai trò quyết định" và "Tinh thần chiến đấu của bất cứ một quân đội nào cũng bắt nguồn từ sự giác ngộ giai cấp, giác ngộ chính trị của mỗi cán bộ, chiến sĩ trong quân đội đó"[229].

---

[227] *Đại tướng Nguyễn Chí Thanh với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004, tr. 265.

[228] Tổng cục Chính trị, *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1960, tr. 264

[229] Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và công tác chính trị trong quân đội, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 192.

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Quân đội ta mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền đường lối cách mạng dân tộc dân chủ của Đảng, đường lối chiến tranh nhân dân, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân trước vận mệnh của Tổ quốc, nâng cao lòng yêu nước, căm thù giặc cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, khoét sâu những chỗ yếu về chính trị tinh thần của địch. Bằng nhiều nội dung, hình thức giáo dục phong phú, phù hợp với điều kiện của chiến tranh và trình độ của cán bộ, chiến sĩ; kết hợp chặt chẽ giáo dục lý luận chính trị với bồi dưỡng đạo đức cách mạng để xây dựng ý chí quyết tâm cho cán bộ, chiến sĩ và xây dựng, củng cố sự đoàn kết nhất trí, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, huy động mọi lực lượng, tiến hành chiến tranh nhân dân, từng bước tiêu hao, tiêu diệt quân địch; không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang làm cho thế và lực của quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp càng đánh, càng mạnh, kết thúc bằng đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

Lý giải về sự thất bại của thực dân Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, Đại tướng cho rằng dù quân đông và vũ khí trang bị có thừa nhưng quân đội Pháp đã mắc sai lầm nghiêm trọng không đánh giá đúng tiềm lực chính trị tinh thần của nhân dân ta, quân đội ta và tinh thần chiến đấu sút kém nghiêm trọng của binh lính Pháp. Đại tướng viết: "Điểm xuất phát là do họ đánh giá quá thấp yếu tố tinh thần của chúng ta" và "Từ trong chính sách phản động và chiến tranh phi nghĩa ấy, quân đội Pháp không đào đâu ra được một lý tưởng chiến đấu"; "Bọn lính đánh thuê không bao giờ có lý tưởng chiến đấu", "Số quân của họ có thừa, tiền của họ có thừa, trang bị kỹ thuật của họ có thừa, cán bộ của họ có thừa, ít ra cũng là quá thừa so với lực lượng của ta lúc đầu. Thế nhưng họ vẫn thất bại."; "một điều nổi bật của quân đội Pháp lúc bấy giờ là tinh thần chiến đấu quá sút kém. Đó là một nguyên nhân chính làm cho quân đội Pháp thất bại"

Là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và tổ chức thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội; thiết lập hệ thống cấp ủy, tổ chức đảng từ Quân ủy Trung ương đến chi bộ; xác định vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc công tác đảng, công tác chính trị; xây dựng hệ thống cơ quan chính trị và đội ngũ

cán bộ chính trị trong quân đội, tăng cường công tác đảng, công tác chính trị để phát huy cao độ nhân tố chính trị tinh thần của cán bộ, chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược...

Năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân xâm lược miền Nam và tiến hành chiến tranh leo thang, sử dụng không quân, hải quân ném bom, đánh phá miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hành động phiêu lưu, dã man, tàn bạo của đế quốc Mỹ khiến bạn bè quốc tế lo ngại cho nhân dân Việt Nam, gây hoang mang, lo sợ cho một bộ phận cán bộ, nhân dân. Vấn đề đặt ra cho công tác tư tưởng lúc này là phải trả lời cho được câu hỏi chúng ta có đánh Mỹ được không và đánh Mỹ bằng cách nào?. Với tầm nhìn chiến lược, phương pháp tư duy khoa học, bám sát thực tiễn chiến đấu của quân và dân miền Nam, Đại tướng đã sớm phát hiện việc chuyển đổi chiến lược của đế quốc Mỹ sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt." Đại tướng đã nhận định Mỹ vào miền Nam trong thế thua và bị động nên chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược: Mỹ có mặt mạnh hơn ta, nhưng Mỹ không có sức mạnh nào là vô địch. Chúng đang ở thế thua và bị động về chiến lược do thất bại của chiến tranh đặc biệt. Trái lại, cách mạng miền Nam đang có bước phát triển nhảy vọt; nhiều nhân tố mới đã xuất hiện cho phép chúng ta phát huy quyền chủ động trên chiến trường, tiếp tục tiến công Mỹ. Theo Đại tướng: Mỹ có cả một kho vũ khí khổng lồ, nhưng nội bộ nước Mỹ chứa cả núi mâu thuẫn, Mỹ là tỷ phú đôla, quân và dân ta là tỷ phú về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Mỹ có vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại, ta có đường lối chiến tranh nhân dân, nếu ta có chiến thuật đúng, ta sẽ bắt quân địch phải đánh theo cách đánh của ta. Từ những nhận định, đánh giá đúng về thực chất của quân Mỹ, Đại tướng cho rằng: Cần phải tăng cường giáo dục, thuyết phục, động viên, cổ vũ, xây dựng cho cán bộ, chiến sĩ có ý chí quyết tâm chiến đấu cao, tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt. Với tư tưởng chỉ đạo đó, trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, lực lượng ta với sức mạnh tinh thần vô song đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, từng bước đánh cho Mỹ cút, tạo điều kiện đánh cho Ngụy nhào, tiến lên giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thứ tư, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh luôn coi trọng rèn luyện đạo đức, nhân cách, trình độ về mọi mặt, là tấm gương mẫu mực về việc học tập và làm theo đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đại tướng sinh ra từ một gia đình nông dân nghèo có truyền thống yêu nước; trên quê hương đã từng là trung tâm của chế độ phong kiến Việt Nam. Đại tướng

đã chứng kiến sự bất công giữa lối sống xa hoa của vua chúa, quan lại phong kiến; sự bần cùng đến tột độ của người dân lao động; chứng kiến sự áp bức bóc lột đàn áp dã man tàn bạo của bọn thực dân, phong kiến đối với người dân và tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân chống lại bọn thực dân, phong kiến. Tất cả đều tác động, hun đúc nên tinh thần yêu nước, căm thù và khinh ghét bọn thực dân, phong kiến đã đưa Nguyễn Chí Thanh đến với cách mạng, với quân đội. Cũng chính bởi như vậy cho nên ngay từ rất sớm, Đại tướng đã tham gia hoạt động cách mạng. Trong quá trình hoạt động Đại tướng Nguyễn Chí Thanh luôn khẳng định sự thống nhất giữa lý tưởng chính trị và lý tưởng đạo đức cách mạng đó là những giá trị đạo đức thực tiễn, có sức cảm hóa rất lớn tới các thế hệ cán bộ, chiến sĩ quân đội và nhận được sự quý trọng của nhân dân. Tấm gương mẫu mực về thực hành đạo đức cách mạng của Đại tướng, thực hiện "lời nói đi đôi với việc làm" đã có giá trị định hướng toàn quân phấn đấu vươn lên giành nhiều thắng lợi mới.

Trên cương vị nào, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh cũng rất coi trọng việc rèn luyện đạo đức, lối sống và tác phong của một người lãnh đạo. Đối với quân đội, Đại tướng căn dặn đội ngũ cán bộ chính trị: "Phải chống tác phong ba hoa, sáo rỗng, đại khái, chung chung, quan liêu bàn giấy, lề mề, vô trách nhiệm; đồng thời xây dựng tác phong làm việc thực tế, cụ thể, tỷ mỉ, chu đáo, sâu sát, nghiêm túc, chính xác, khẩn trương[230]. Đại tướng đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện, động viên đội ngũ chính ủy, chính trị viên tích cực tu dưỡng, phát triển những phẩm chất của người lãnh đạo, người cán bộ chính trị; nhắc nhở người chính ủy, chính trị viên phải có quan điểm quần chúng, phát huy tốt dân chủ, đoàn kết và kỷ luật, thật sự bình đẳng về chính trị với chiến sĩ, hết lòng thương yêu, dìu dắt, giúp đỡ đồng chí đồng đội cùng tiến bộ, trưởng thành.

Bản thân Đại tướng Nguyễn Chí Thanh luôn là một tấm gương mẫu mực về nếp sống giản dị, khiêm tốn, gần gũi, chân thành với đồng chí đồng đội; trọn vẹn về lòng nhân ái, vị tha, nhân hậu, hết mực vì con người; nhưng với bản thân luôn giữ đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không đòi hỏi sự ưu đãi, hưởng thụ cho riêng mình. Đại tướng thực sự tiêu biểu cho phẩm chất cao đẹp của "Bộ đội Cụ Hồ". Đại tướng xứng đáng được cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân, toàn dân noi theo.

[230] Nguyễn Chí Thanh, *Những bài chọn lọc về quân sự, Nxb Quân đội nhân dân*, Hà Nội, 1977, tr. 302 - 327.

Là một vị tướng trải qua nhiều cương vị trong hoạt động thực tiễn và đấu tranh cách mạng vì vậy thực tiễn đã cung cấp cho Đại tướng những yếu tố quan trọng để hình thành phẩm chất nhân cách, tác phong của nhà lãnh đạo tài giỏi. Hơn nữa, Đại tướng đã được làm việc bên lãnh tụ vĩ đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh, bên Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Người anh cả của quân đội. Là những tấm gương sáng soi đường, có ảnh hưởng sâu sắc đến Đại tướng trong sự nghiệp hoạt động cách mạng và hình thành nhân cách cao đẹp của Đại tướng.

KẾT LUẬN

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là Đại tướng của nhân dân bởi "Ở đâu nghèo đói gọi – xung phong; Ở đâu tiền tuyến cần- anh đến". Nói đến Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là nói đến một vị tướng đức độ "sáng trong như ngọc", tài năng thao lược xuất chúng, là Đại tướng của quân đội và cũng là Đại tướng của được toàn dân, toàn quân kính yêu, mến mộ. Những đóng góp của Đại tướng đối với sự nghiệp cách mạng, đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, với nhân dân vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay

TỔNG BÍ THƯ LÊ HỒNG PHONG VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG THÁNG 6 NĂM 1932

TS. NGUYỄN THỊ NGÂN
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Tóm tắt:

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, giai đoạn từ cuối năm 1931 đến giữa năm 1932 nhìn chung phong trào cách mạng có nhiều tổn thất. Tuy nhiên, các chính sách của thực dân Pháp đã không giúp cho chúng thực hiện được âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng mà trái lại càng làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam và đế quốc tay sai thêm sâu sắc. Nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là cần phải nhanh chóng khôi phục tổ chức đảng, phục hồi phong trào cách mạng nhưng dưới những hình thức mới, bước đi mới cho phù hợp. Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 6 năm 1932 gắn liền với vai trò của Tổng bí thư Lê Hồng có ý nghĩa sâu sắc trong giai đoạn này.

MỞ ĐẦU

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 3 tháng 2 năm 1930 là một bước ngoặt lớn của cách mạng Việt Nam. Trải qua hơn 90 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam gặt hái được rất nhiều thành công. Tuy nhiên, lịch sử lãnh đạo đấu tranh cách mạng của Đảng cũng chỉ ra rằng, con đường cách mạng không bao giờ là bằng phẳng mà luôn là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ với nhiều hi sinh, mất mát. Những năm từ 1931 đến năm 1932 là thời kỳ hết sức gian khó đối với cách mạng Việt Nam, khi một Đảng vừa mới ra đời phải đối mặt với sự khủng bố hết sức tàn bạo của thực dân Pháp. Trước tình hình đó, Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong khởi thảo có ý nghĩa quan trọng nhằm khôi phục các tổ chức và phong trào cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam sang giai đoạn mới.

NỘI DUNG

1. Đồng chí Lê Hồng Phong, sinh ra và lớn lên khi nước đã mất, nhà tan, quê hương bị thực dân giày xéo, đồng chí sớm hướng tinh thần yêu nước vào con đường

hoạt động cách mạng để góp phần cứu dân, cứu nước. Năm 1923, khi mới 21 tuổi, Lê Hồng Phong cùng Phạm Hồng Thái và một số bạn tâm huyết đã tìm đường xuất dương qua Xiêm, rồi tới Quảng Châu (Trung Quốc), hoạt động sôi nổi trong nhóm Tâm Tâm xã. Lê Hồng Phong tham gia lớp huấn luyện chính trị do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mở và tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội do Người sáng lập; tham gia hoạt động Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức, trong Quốc tế đỏ (MOPR), tham gia các cuộc mít tinh, tuần hành, thị uy do Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức tại Quảng Châu; cuối năm 1925 tốt nghiệp Trường Quân sự Hoàng Phố, học tiếp Trường Hàng không Quảng Châu, ngày 10-2-1926 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Do có kết quả của quá trình học tập xuất sắc, tháng 10-1926, Lê Hồng Phong được cử sang Liên Xô học và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1929. Đến giữa năm 1931, khi mới 29 tuổi, qua 8 năm được đào tạo liên tục, chính quy, bài bản ở Trung Quốc, Liên Xô và trở thành đảng viên của 2 Đảng Cộng sản Trung Quốc và Liên Xô. Với trình độ và uy tín, Lê Hồng Phong được Quốc tế Cộng sản chọn lựa gửi về nước nhằm phục hồi phong trào cách mạng năm 1932.

2. Tháng 6 năm 1932, BCHTW lâm thời thảo ra "Chương trình hành động", được Quốc tế Cộng sản thông qua, sau đó in thành sách lấy tên là "*Chuyện tình non*" gửi về nước, chỉ đạo phong trào cách mạng. Nhìn chung, Chương trình hành động đã khẳng định đường lối cơ bản của Đảng trong Luận cương chính trị năm 1930 là đúng, đồng thời đã vạch ra kế hoạch thực hiện đường lối đó trong tình hình mới. Nội dung cơ bản " Chương trình hành động" của Đảng, gồm 3 phần:

Phần thứ nhất, những nhiệm vụ căn bản của cách mạng Đông Dương

Một là, Đảng đã lên án tội ác của bọn đế quốc, thực dân và vạch trần bộ mặt phản động của bọn quốc gia cải lương. Đối với bọn đế quốc Pháp, Chương trình hành động chỉ rõ: "Bảy mươi năm vừa qua, tư bản Pháp dùng võ lực chiếm đoạt Đông Dương làm thuộc địa. Từ đó đế quốc Pháp kết cuộc đồng minh với lũ vua quan, với bọn địa chủ bản xứ, thẳng tay áp bức 20 triệu nhân dân, lấy máu mủ của công nông làm mối giàu sang của chúng nó. Chính vì thế mà xứ Đông Dương nghèo nàn lạc hậu, chính vì thế mà dân Đông Dương đói khát gian truân"[231].

Đối với bọn tay sai đế quốc, Chương trình hành động chỉ rõ: "Bọn địa chủ, lý hào cùng tư bản bản xứ đều sẵn lòng đóng vai tuồng đao phủ, giúp đế quốc thảm

---

[231] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.1

sát công nông binh”[232]. Đặc biệt, Chương trình đã vạch trần bộ mặt phản động của các đảng phái cải lương: “Ngoài môi thì bọn quốc gia cải lương "tả" cùng hữu lâu lâu lại ra tuồng nhân đạo phỉnh phờ cúi xin đế quốc giảm khủng bố, giúp lao động, kỳ thật chúng là một bầy chó săn chim mồi hết sức nhiệt thành cùng đế quốc Pháp.”[233] Từ đó, Chương trình hành động nhắc nhở đảng viên: nếu không bền chí hằng ngày vạch mặt chỉ trán bọn quốc gia cải lương, nhất là bọn đề huề "tả phái" cho hàng triệu công nông thấy rõ cái vai tuồng phản động của chúng nó, thì không có thể dắt lao động ra quyết chiến với quân thù, cuộc cách mạng điền địa và phản đế cũng không thể thành công được. Trong bối cảnh thực dân Pháp và tay sai tăng cường lừa bịp, mị dân, đàn áp phong trào cách mạng, việc vạch trần âm mưu thủ đoạn của chúng là hết sức đúng đắn và cần thiết.

Hai là, Đảng đã đánh giá toàn diện về quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 -1931. Về thắng lợi, Chương trình hành động chỉ rõ: Đội ngũ đảng viên của Đảng thêm đông, thêm mạnh, uy tín của Đảng lan rộng, bám sâu trong quần chúng. Đã tổ chức được nhiều đoàn thể quần chúng (Công hội, Nông hội, Đoàn thanh niên…). Trong nhiều nhà máy qua đấu tranh nên giành được thắng lợi bước đầu như tăng lương, giảm giờ làm…Ở Nghệ An và Hà Tĩnh đã đánh đổ được đế quốc, phong kiến, lần đầu tiên ở Đông Dương lập nên được Xôviết công nông. Ở Nam Kỳ nhiều tỉnh nông dân đấu tranh kiên quyết, buộc kẻ thù phải nhượng bộ.

Về hạn chế: Công tác vận động quần chúng chưa thật sâu rộng nhất là trong nhà máy. Phong trào đấu tranh còn mang tính địa phương cục bộ. Chưa gắn chặt giữa đánh đế quốc với phong kiến. Chưa kịp thời đúc kết và phổ biến kinh nghiệm về giải quyết vấn đề ruộng đất ở Nghệ An, Hà Tĩnh cho các nơi khác. Đảng đã kịp thời tổng kết công tác lãnh đạo cách mạng, qua đó rút ra nhiều bài học kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo cách mạng trong thời gian tới.

Ba là, Đảng khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, đồng thời động viên tinh thần của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước những khó khăn tạm thời của phong trào cách mạng.

Chương trình hành động chỉ rõ: “Kinh nghiệm hai năm đấu tranh dạy ta rằng con đường giải phóng độc nhất chỉ có thể là con đường võ trang tranh đấu của quần chúng mà thôi”[234]. Đồng thời cũng động viên tinh thần chiến đấu của các đảng viên và quần chúng: “Trong từng giai cấp tranh đấu việc thắng bại tạm thời là bình

[232] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.6
[233] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.8
[234] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.10

thường và chính nhờ đó mà quần chúng học hỏi kinh nghiệm chứ còn phần thắng lợi cuối cùng ta đã cầm chắc trong tay".[235]

Bốn là, Đảng khẳng định lại những nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của cách mạng Đông Dương: "1- Đông Dương hoàn toàn độc lập về kinh tế và chính trị. Đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp; trục xuất cả lục quân, hải quân, không quân và cảnh sát của đế quốc khỏi địa phận xứ Đông Dương của công nông. 2- Đánh đổ các triều vua ở Trung Kỳ… tịch ký cả thảy tài sản của chúng; 3- Thiết lập chính phủ cách mạng công nông thao hình thức Xô viết và tổ chức công nông cách mạng quân đội. Phát cõ trang cho cả thảy lao động;, lao động được hoàn toàn tự do tập võ bị; 4- Giao lại cho nhà nước công nông cả thảy ngân hàng xí nghiệp, kỹ nghệ Pháp và ngoại quốc, cả thảy đồn điền, tàu hỏa, tàu thủy và cơ quan dẫn thủy nhập điền; 5- Tịch ký không bồi thường tất cả tài sản ruộng đất và rừng của đế quốc, cố đạo, địa chủ và lũ cho vay… Chia đất đó lại cho công nhân nông nghiệp, cho bần nông và trung nông. Chia công điền. công thổ lại cho dân cày; 6- Thủ tiêu cả nợ nần của lao động; thủ tiêu cả các quốc trái…;7- Các dân tộc ở Đông Dương đều liên hiệp đệ huynh với nhau. Để dân Cao Miên, Ai Lao đều được quyền tự quyết;8- Ngày làm việc tám giờ, cải thiện hẳn điều kiện lao động. Xã hội bảo hiểm do nhà nước và chủ trả đề ngừa đau bịnh, tuổi già, thất nghiệp, tàn tật…; 9- Đàn bà được hoàn toàn bình đẳng về chính trị, kinh tế và pháp luật với đà ông; 10- Liên hiệp đệ huynh với công nông cách mạng Tàu và Ấn Độ"[236]. Thực chất đây là sự khẳng định lại nhiệm vụ chiến lược cách mạng Tư sản dân quyền trong Luận cương chính trị.

Phần thứ hai: con đường cách mạng tranh đấu

Về mục tiêu đấu tranh trong tình hình mới: Chương trình hành động xác định: "phải liên kết những điều yêu cầu khẩn yếu hằng ngày với những nhiệm vụ căn bản của cuộc cách mạng phản đế và điền địa"[237]

Mục tiêu đấu tranh chung trước mắt: "1- cho lao động được tự do tổ chức, tự do ấn hành, tự do ngôn luận, tự do đi lại trong xứ và tự do xuất dương; 2- Bỏ những bộ luật hình riêng cho người bản xứ. thả hết thảy tù chính trị phạm. Bỏ ngay chinh sách đàn áp và giải tán các toàn án binh để xử chiến sĩ cách mạng. Rút các quân tuần canh và đồn đóng trong làng; 3- Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư, thuế phụ và các

[235] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.11
[236] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.13-14
[237] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.15

khoản thuế khác, đặt ra thuế "lũy tấn" (người giàu có phải nộp còn dân nghèo được miễn); 4- Bỏ độc quyền thuế rượu, muối, và thuốc phiện"[238]

Mục tiêu đấu tranh cụ thể với các giai cấp: Với mỗi giai cấp, tầng lớp, lứa tuổi, Chương trình hành động đều nêu lên những khẩu hiệu phù hợp. Cụ thể:

Đối với công nhân: Cấm bớt tiền công. Tiền công phải tăng ngang với sinh hoạt đắt đỏ. Cấm cúp lương, cấm trả tiền công bằng phẩm vật. Công bằng nhau thì phải trả lương bằng nhau, bất luận dân tộc nào, đàn ông hay đàn bà, người lớn hoặc thanh niên, thợ được lĩnh thuốc thang không mất tiền.

Đối với nông dân: Bỏ hết các thứ thuế mà dân đang chịu (thuế đất, thuế trâu bò, thuế bách phân, v. v.). Đặt ra một thứ thuế mà dân nghèo khó được miễn, và chỉ đánh những bọn giàu có thôi. Đuổi bọn thâu thuế ra khỏi làng. Cấm không được bán tài sản của nông dân và cấm bỏ tù lúc không có tiền nộp thuế.

Đối với binh lính: Bỏ cái chế độ tập luyện quá sức, ăn dơ ngủ bẩn , v.v. ở trong trại. Cấm đánh đập, chửi mắng, bỏ tù. Tự do tổ chức. Có quyền mang khí giới ngoài giờ làm việc. Trong khi tập được dùng tiếng bản xứ.

Đối với tiểu thương, tiểu chủ: Phản đối sự bớt tiền lương, bớt tiền phụ cấp của người làm việc. Không được đuổi người làm việc. Nhà nước phải phụ cấp cho những người làm việc bị thất nghiệp. Lương người làm việc Đông Dương phải bằng lương người Pháp…

Về lực lượng cách mạng: Phải tập hợp đa số quần chúng lao động (trước hết là quần chúng công nông); Ra sức củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng của quần chúng nhất là công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ; Phải lập ra công nông tự vệ để bảo hộ anh em lao động lúc đình công, hội họp, thị uy, tuần hành.

Về hình thức đấu tranh: Giữ vững hình thức đấu tranh bất hợp pháp, lợi dụng hết thảy các hình thức hoạt động công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp.

Về mặt củng cố Đảng: Phải xây dựng một Đảng Cộng sản vững mạnh: "cứng như sắt, vững như đồng", giáo dục cán bộ đảng viên kiên định đường lối của Đảng, hết sức bí mật và có kỷ luật, nghiêm minh. Đảng Chỉ thị cho các cấp bộ đảng phải thực hiện nghiêm bản Chương trình hành động, coi đó là nhiệm vụ trung tâm hằng ngày của các chi bộ, những đảng viên nào không công nhận một phần hay toàn bộ Chương trình hành động thì khai trừ ra khỏi Đảng.

[238] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tr.15-16

Phần thứ ba: Kết luận

Khẳng định "Chương trình hành động" trên là xuất phát từ yêu cầu cách mạng, từ nguyện vọng, tình cảm của quần chúng cách mạng Đông Dương, từ đó kêu gọi các giai cấp, tầng lớp cách mạng hãy đoàn kết trong các đoàn thể cách mạng, hãy quán triệt và hành động theo chương trình để đưa cách mạng vượt qua khó khăn, dự bị cho khởi nghĩa vũ trang sau này.

Chương trình hành động kêu gọi: "Thợ thuyền! Nông dân! Binh lính, Thanh niên cách mạng cùng tất cả lao động! Hãy chen vai thích cánh theo bản chương trình cách mạng của mình vì giai cấp mà hy sinh, vì lợi quyền mà tranh đấu dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Đông Dương."[239]

Chương trình hành động đã xác định lực lượng cách mạng gồm đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Chủ nghĩa Mác - Lê nin cho rằng : "Quần chúng là người sáng tạo ra lịch sử". Theo C. Mác, cách mạng vô sản muốn thắng lợi, phải được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, người lao động. V.I. Lê-nin cho rằng, nếu không có sự đồng tình và ủng hộ của đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình thì giai cấp vô sản sẽ không thể thực hiện cách mạng thành công.

Dưới sự cai trị của thực dân, mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam đều mâu thuẫn với thực dân Pháp. Thực tiễn chỉ đạo cách mạng những năm 1930 – 1931 cũng chỉ ra rằng, để chiến thắng kẻ thù lớn mạnh, đạt đến thắng lợi nhanh nhất và giảm bớt tổn thất cho cách mạng, đội quân chính trị do Đảng lãnh đạo không thể chỉ có công nông mà phải bao gồm hết thảy các giai cấp và tầng lớp có khả năng chống đế quốc và chống phong kiến.

Thực tiễn sau khủng bố trắng cũng cho thấy, các tầng lớp khác trong xã hội ngoài công nông cũng đều chịu chung sự áp bức, khủng bố của thực dân Pháp. Họ cũng ngày càng nhận rõ âm mưu lừa bịp của thực dân và sẵn sàng chờ đợi một cuộc cách mạng mới. Thành công nổi bật nhất của Chương trình hành động là vạch ra được các mục tiêu đấu tranh cụ thể trước mắt, và hướng dẫn quần chúng tập trung thực hiện những mục tiêu ấy.

Chương trình hành động xác định tập trung đấu tranh vào các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trước mắt. Thứ nhất, xuất phát từ mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược lâu dài với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trước mắt; giữa việc sử dụng phương pháp cách mạng khi có và chưa có tình thế cách mạng. Thứ hai, thực tiễn cách

---

[239] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.1999, tập 4, tr.28

mạng sau năm 1931, nửa đầu 1932 chứng minh rằng cả về chính trị và tổ chức của ta chưa thể đạt tới trình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, giành độc lập dân tộc và giải quyết vấn đề điền địa. Thứ ba, tổ chức Đảng đang bị tan rã, đời sống kinh tế khó khăn đặt ra yêu cầu phải phục hồi tổ chức Đảng, đấu tranh giành những quyền sống, quyền dân sinh, dân chủ trước mắt cho nhân dân. Bốn là, chủ trương đấu tranh "phải liên kết những điều yêu cầu khẩn yếu hằng ngày với những nhiệm vụ căn bản của cuộc cách mạng phản đế và điền địa" là xuất phát từ Luận cương chính trị "lấy những nhu yếu hàng ngày làm bước đầu mà dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng"240. Khẳng định điều này để thấy được ý nghĩa của Luận cương trong thực tiễn cách mạng, Luận cương có nhiều điểm phát triển, chứ không phải chỉ toàn có những hạn chế.

KẾT LUẬN

Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời đáp ứng những đòi hỏi cấp thiết của tình hình trong lúc khó khăn, đã củng cố được niềm tin vào sự thắng lợi của cách mạng, ổn định tư tưởng và tổ chức. Chỉ ra cho quần chúng phương hướng đấu tranh cụ thể, phù hợp với đặc điểm của tình hình. Đánh dấu bước trưởng thành của Đảng về tư duy lý luận, làm cơ sở để Đảng tiếp tục bổ sung lý luận trong những giai đoạn sau. Chương trình hành động có giá trị như một Cương lĩnh hành động của Đảng trong hoàn cảnh tạm thời thoái trào cách mạng.

[240] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 2, tr.101

DANH NHÂN, NHÀ BÁO XUÂN THỦY NGƯỜI XÂY ĐẮP NỀN MÓNG CỦA BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TS. NGUYỄN THU HIỀN

Hội Nhà báo Việt Nam

Danh nhân, theo từ điển tiếng Việt[241] (có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán- Việt), được hiểu là người có danh tiếng và được xã hội công nhận. Như vậy, khái niệm danh nhân ở đây được hiểu là người nổi tiếng trong xã hội ở các lĩnh vực khác nhau. Trong lĩnh vực báo chí, có nhiều nhà báo nổi tiếng, tên tuổi của họ gắn với sự phát triển của ngành; tiêu biểu có nhà báo Trương Vĩnh Ký, người có công rất lớn trong việc phát triển báo chí tiếng Việt ở nước ta. Đặc biệt phải kể đến nhà báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người khai sinh dòng báo chí cách mạng Việt Nam. Từ đây, đã có một thế hệ nhà báo cách mạng ra đời như, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh, Võ Nguyên Giáp, Trần Lâm, Lưu Qúy Kỳ, Hoàng Tùng, Hữu Thọ, Trần Kim Xuyến…; và không thể không nói đến vai trò của người xây đắp nền móng cho sự phát triển báo chí cách mạng là nhà báo Xuân Thủy.

Nhà báo Xuân Thủy, tên khai sinh là Nguyễn Trọng Nhâm, bạn bè thường gọi là "Anh Xuân". Ông sinh ngày 02.09.1912, trong một gia đình nhà nho yêu nước, Bố ông từng tham gia trong phong trào cách mạng của Phan Châu Trinh. Ông sinh ở thôn Hòe Thị, xã Phương Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, một trong bốn xã vùng gần Hà Nội từ xưa nổi tiếng về học hành, đỗ đạt là "Mỗ, La, Canh, Cót - tứ danh hương". Từ truyền thống gia đình và quê hương, ông đã sớm giác ngộ, tham gia hoạt động cách mạng sôi nổi khi chưa là thành viên của Đảng. Cuộc đời, sự nghiệp của ông được nhắc đến với nhiều cương vị lãnh đạo: nhà báo, nhà thơ, nhà hoạt động chính trị - xã hội - ngoại giao lỗi lạc của nước ta nửa sau thế kỷ XX. Tên ông được vinh danh trên đường phố của Thủ đô, nơi quê hương ông và thành phố Thủ Đức- Thành phố Hồ Chí Minh. Dù ở vị trí nào ông cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhớ.

[241] Trung tâm Từ điển học Vietlex, *Từ điển Tiếng Việt* (Có chú chữ Hán cho từ ngữ Hán - Việt), Nxb Đà Nẵng, Tr. 391.

Xuân Thủy - từ nhà báo đến nhà tổ chức báo chí tài ba

Vào những thập niên 30 của thế kỷ XX, những bài viết đầu tiên của Xuân Thủy đã được đăng trên một số tờ báo ở Hà Nội như Tin Tức, Đời Nay; ông còn là thông tin viên cho tờ Trung Bắc Tân Văn. Và cũng từ báo chí, bút danh Xuân Thủy ra đời và trở thành tên gọi của ông cho đến khi qua đời. Sau thời gian tham gia các hoạt động cách mạng, ông bị địch theo giõi, năm 1938 ông bị bắt và giam giữ tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Chưa đầy một năm sau (năm 1939), ông lại bị bắt giam ở nhà tù Sơn La. Tại nhà tù Sơn La, năm 1941, Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập, ông Xuân Thủy được đồng chí Tô Hiệu và Trần Huy Liệu giới thiệu kết nạp vào Đảng, đồng thời đặc cách công nhận là đảng viên chính thức. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển biến về tư tưởng, nhận thức và hành động của một người con yêu nước thành một đảng viên cộng sản. Cũng trong thời gian này, Chi bộ trong tù do đồng chí Tô Hiệu làm bí thư đã giao cho Trần Huy Liệu và Xuân Thủy ra một tờ báo để làm tài liệu giáo dục chính trị, động viên tinh thần anh em và đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù, Báo *Suối reo* đã được ra đời trong hoàn cảnh đó. Dù hoạt động trong bí mật, báo ra 2 tháng 1 số, và bằng nhiều cách khác nhau báo cũng đã được truyền bá ra ngoài và ngay trong đội ngũ binh lính Pháp. Trong ngục, báo chí trở thành vũ khí sắc bén nhất để đấu tranh cách mạng của các tù nhân chính trị. Tờ báo thực sự có ý nghĩa lớn khi Đảng chưa giành được chính quyền và có những đóng góp nhất định trong lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam.

Năm 1942, Báo Cứu Quốc- thuộc cơ quan tuyên truyền đấu tranh của Tổng bộ Việt Minh ra đời, do Tổng Bí thư Trường Chinh phụ trách. Năm 1944, sau khi ra tù, Xuân Thủy được giao Chủ nhiệm tờ báo này dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư Trường Chinh. Từ đây, Xuân Thủy đã dành nhiều tâm sức cho việc tổ chức và phát triển báo Cứu Quốc, vừa giữ vai trò tổ chức, kiến tạo hệ thống báo chí của mặt trận, triển khai thực hiện chủ trương của Đảng về thông tin, tuyên truyền thông qua tin, bài chất lượng có giá trị, kịp thời cổ vũ tinh thần cách mạng. Bên cạnh Báo Cứu Quốc của Trung ương, ông đã đề nghị cho thành lập Báo Cứu Quốc ở địa phương, ông khẳng định: "Từ ngày ra đời, Cứu Quốc luôn là người lính xung phong tranh đấu cho Việt Nam độc lập và thống nhất. Vẫn nhiệm vụ ấy, từ ngày toàn quốc kháng chiến, Cứu Quốc ngày càng thấy mình không được phép một lúc nào vắng mặt nới mũi súng, đường gươm, cũng như nới luống cày,

giá bút, nới xưởng máy, nhà hàng. Bởi vậy, mặc dầu gặp khó khăn trong thời chiến, chúng tôi cũng quyết thành lập cho bằng được các chi nhánh Cứu Quốc ở hầu khắp các chiến khu trên toàn cõi nước nhà."[242]

Khi nói về nhà báo Xuân Thủy, Tổng Bí thư Trường Chinh khẳng định: "Anh Xuân Thủy được Đảng phân công trực tiếp phụ trách Báo Cứu Quốc từ thời kỳ hoạt động bí mật và suốt cả thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Chúng ta có Báo Cứu Quốc Trung ương, lại có Báo Cứu Quốc địa phương ở khắp các Liên khu kháng chiến. Đó là tờ báo hàng ngày của Đảng và nhân dân ta trong thời kỳ này. Chỉ riêng báo ra đều đặn suốt gần ba nghìn ngày trong điều kiện chiến tranh vô cùng ác liệt, gian khổ, thiếu thốn, cũng có thể nói đó là một kỳ tích của nhân dân ta. Báo Cứu Quốc là niềm tự hào chung của báo chí cách mạng nước ta"[243]. Nhà báo Nguyễn Thành Lê, một đồng nghiệp từng nhiều năm làm Chủ bút tờ Cứu Quốc cũng đã từng nhận xét "Xuân Thủy là linh hồn của Báo Cứu Quốc. Điều đó đúng với thời kỳ anh trực tiếp phụ trách tờ báo từ năm 1944 đến năm 1954 cũng như đúng với thời kỳ anh không trực tiếp phụ trách tờ báo, từ sau khi ký hiệp định Geneve (1954) đến đầu năm 1977". Nhà báo Nguyễn Văn Hải, cán bộ lão thành cách mạng, nguyên Quản lý báo Cứu Quốc viết: "Lịch sử Báo Cứu quốc trong những thời kỳ khó khăn nhất và oanh liệt nhất gắn liền với tên tuổi của Xuân Thủy".

Báo Cứu Quốc không chỉ là báo của Mặt trận Việt Minh mà là báo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, là niềm tự hào của báo chí cách mạng nước ta. Có thể nói, trong điều kiện kháng chiến, đất nước bị cắt chia, điều kiện vật chất thiếu thốn, tổ chức được một tập đoàn báo chí – xuất bản như vậy, Xuân Thủy quả là một tài năng tổ chức quản lý, một người có tầm nhìn chiến lược!

[242] Báo *Cứu Quốc*, số ra ngày 01-01-1948

[243] Trường Chinh, *Anh Xuân Thủy*, Tuyển tập Xuân Thủy, Văn học, 1999.



Nhà báo Xuân Thủy (quàng khăn), Chủ nhiệm Báo Cứu Quốc cùng cán bộ, nhân viên tại Chiến khu Việt Bắc (Nguồn: Bảo tàng Báo chí Việt Nam)

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, trên cương vị Ủy viên Ủy ban Cách mạng lâm thời Bắc Bộ, Ủy viên Thường trực Thường vụ, Trưởng ban Tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh, Xuân Thủy đã nhạy bén đề xuất và được Bác Hồ giao cho việc thành lập Đài Tiếng nói Việt Nam, Việt Nam Thông tấn xã, Đoàn Báo chí Việt Nam. Nhà báo Nguyễn Tường Phượng được bầu làm chủ tịch Đoàn Báo chí Việt Nam. Cuối năm 1946, kháng chiến nổ ra, việc tản cư đã làm lực lượng bị phân tán, ông Nguyễn Tường Phượng không tản cư về chiến khu Việt Bắc, vì vậy, vị trí chủ tịch Đoàn bị khuyết. Để kịp thời tập hợp lực lượng phục vụ kháng chiến, Xuân Thủy đã đề nghị đổi tên Đoàn Báo chí Việt Nam thành Đoàn Báo chí Kháng chiến và ông được bầu làm chủ tịch năm 1948.

Thời gian này, nhà báo Xuân Thủy vừa là Chủ tịch Đoàn Báo chí Kháng chiến vừa là Thường trực của Ban thường vụ Tổng bộ Việt Minh. Để chuẩn bị lực lượng báo chí lâu dài phục vụ cách mạng, ông đã đề xuất và đứng ra tổ chức mở lớp đào tạo báo chí tại xã Tân Thái, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, mời các nhà báo hàng đầu trên các lĩnh vực báo chí khác nhau về giảng dạy, đề nghị các ngành, đoàn thể cử người đi học. Trong điều thiếu thốn, vô vàn khó khăn ở chiến khu, nhà báo Xuân Thủy đã lo thành lập ban giám hiệu và người quản lý trường. Ông cử các lãnh đạo chủ chốt của Báo Cứu Quốc sang phục vụ trường. Ông huy động nhân lực, vật lực để phục vụ cho trường dạy làm báo Huỳnh Thúc

Kháng, ngay cả Nhà in báo Cứu Quốc cũng được điều động chuyển đến gần trường một bộ phận in nhỏ để lớp học có cơ sở thực hành làm báo. Trường học dù chỉ mở được một khóa học duy nhất, học viên học ngắn hạn trong 3 tháng, nhưng đã đào tạo được 43 học viên, làm nòng cốt cho lực lượng báo chí cách mạng về sau. Việc tổ chức trường dạy làm báo trong thời gian này là minh chứng rõ nét về một nhà báo, nhà tổ chức báo chí tài ba Xuân Thủy.



Các học viên Trường dạy làm báo Huỳnh Thúc Kháng
(Nguồn: Bảo tàng Báo chí Việt Nam)

Nhà báo Thành Lê, trong bài *Nhà báo cộng sản Xuân Thủy* có đoạn viết: “Chỉ ít lâu sau ngày cả nước kháng chiến, anh Xuân Thủy đã nghĩ ngay đến việc đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ viết báo cách mạng”; còn nhà báo Hoàng Phong khi nói về nhà báo Xuân Thủy, trong bài *Nhớ một nhà báo của Hà Nội* cũng đã viết: “Cùng với lò đào tạo- là cơ quan Báo Cứu Quốc, anh đã đề xuất và phụ trách Lớp báo chí Huỳnh Thúc Kháng của Tổng bộ Việt Minh…”.

Tháng 4/1950, tại Tòa soạn Báo Cứu Quốc ở xóm Roòng Khoa, xã Điềm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, nhà báo Xuân Thủy đã chủ trì thành lập Hội Những người viết báo Việt Nam. Ông được bầu làm Hội trưởng, nhà báo Nguyễn Thành Lê làm Tổng Thư ký. Tại Đại Hội lần thứ II, năm 1959, Hội đã đổi thành Hội Nhà báo Việt Nam, nhà báo Xuân Thủy được tái bầu làm Chủ tịch Hội. Năm 1976, khi đất nước được thống nhất, với cương vị là Bí Thư Trung ương Đảng, nhà báo Xuân Thủy đã chỉ đạo hợp nhất Hội Nhà báo Việt Nam và Hội Nhà báo yêu nước và dân chủ miền nam Việt Nam thành Hội Nhà báo Việt Nam hoạt động trên cả nước như hiện nay.

Nhà báo Xuân Thủy giữ chức Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam trong hai nhiệm kỳ, từ năm 1950 - 1962; thực chất là người tổ chức, lãnh đạo báo chí cách mạng từ năm 1945 và quan tâm sự nghiệp báo chí suốt cả cuộc đời. Xuân Thủy đã trực tiếp xây dựng nên nền móng vững vàng của lâu đài báo chí cách mạng Việt Nam; đào tạo, huấn luyện, xây dựng đội ngũ nhà báo – chiến sĩ một lòng vì Tổ quốc. Ông được bầu làm Phó Chủ tịch Tổ chức quốc tế các nhà báo (OIJ) và là người làm báo Việt Nam đầu tiên được OIJ trao tặng Huân chương báo chí quốc tế mang tên Julius Fucik[244] .



Nhà báo Xuân Thủy (ngoài cùng bên trái), Hội trưởng Hội những người viết báo Việt Nam vinh dự được cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn Hội Nhà báo Khmer, năm 1958 tại Phủ Chủ tịch (Nguồn: Bảo tàng Báo chí Việt Nam)

Xuân Thủy - Nhà ngoại giao xuất chúng

Có thể nói, từ ngòi bút sắc sảo của một nhà báo cách mạng, Xuân Thủy đã lại một lần nữa cho thấy tài năng xuất chúng của mình trong lĩnh vực ngoại giao. Với lợi thế là một người làm báo, ngày từ những ngày đầu giành độc lập, nhà báo Xuân Thủy đã nhiều lần được tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh hoặc cùng các nhà lãnh đạo khác của ta đàm phán trực tiếp với các tướng lĩnh của Tưởng Giới Thạch và Việt Quốc, Việt Cách để giải quyết việc thành lập Chính phủ Liên hiệp, nhằm bảo vệ thành quả cách mạng còn non trẻ. Từ năm 1961 - 1979, dưới cương vị là Trưởng ban Đối ngoại Trung ương, kiêm Bộ Trưởng Bộ ngoại giao (từ tháng

[244] Julius Fucik là tên một nhà báo cộng sản Tiệp Khắc với tác phẩm nổi tiếng: *Hỡi loài người! Hãy cảnh giác!*

4.1963 - 4.1965) khi mà phong trào cộng sản và công nhân quốc tế khủng hoảng về đường lối, gây chia rẽ trong nội bộ, bối cảnh trong nước còn nhiều rối ren, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta đang ngày càng cam go cần sự ủng hộ của quốc tế; trước tình cảnh đó, bản lĩnh và trí tuệ ngoại giao của Xuân Thủy càng bộc lộ rõ hơn. Ông là người có đóng góp lớn lao trong việc hình thành và phát triển nền ngoại giao nhân dân cho nước nhà. Xuân Thủy là Tổng chỉ huy đối ngoại nhân dân, năm 1952, Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam; năm 1954, Ủy viên Hội đồng Hòa bình thế giới; năm 1957, Phó Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Á – Phi của Việt Nam.

Dấu ấn đậm nét nhất nhà ngoại giao Xuân Thủy là từ năm 1968 – 1973, khi ông làm Bộ trưởng, Trưởng đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Paris về Việt Nam. Giai đoạn này là một trang sử chói lọi nhất trong lịch sử ngoại giao của Việt Nam và của thế giới thế kỷ XX. Sau gần 5 năm đàm phán, Phía Mỹ đã bốn lần thay trưởng đoàn, trong khi, phía Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nhà ngoại giao Xuân Thủy vẫn làm Trưởng đoàn. Hơn 500 cuộc họp bên lề, hàng chục cuộc đàm phán 2 bên, 4 bên được diễn ra, cuối cùng phía Mỹ cũng chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam. Để có được thắng lợi trên bàn đàm phán đó, ngoài phong thái ung dung, trí tuệ trong đàm phán, nhà ngoại giao Xuân Thủy còn khéo léo tranh thủ được sự ủng hộ của quốc tế đối với Việt Nam, nhất là Liên Xô và Trung Quốc (lúc này đang mâu thuẫn với nhau). Khi nói về Xuân Thủy, bà Nguyễn thị Bình, Nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chính phủ Cách mạng lâm thời Công hòa miền Nam Việt Nam tham gia đàm phán tại Paris cho rằng: “Với tài năng và bản lĩnh thể hiện trong công tác vận động quần chúng, đồng chí Xuân Thủy đã phát huy sang lĩnh vực ngoại giao một cách nhuần nhuyễn. Đối với đối phương, đồng chí có thái độ đàng hoàng, tự tin nhưng nội dung đối thoại sắc bén, đập lại những luận điệu xuyên tạc, làm sáng tỏ lập trường chính nghĩa của ta, làm đối phương khó đáp lại, và nhiều khi họ phải chọn cách im lặng”. Bản lĩnh và cốt cách đó không phải nhà ngoại giao nào cũng có được. Chính sự điềm tĩnh đến kỳ là của ông trong mọi hoàn cảnh đã gây ấn tượng mạnh cho đối phương. Đại sứ Phạm Ngạc, thành viên Đoàn đàm phán của Việt Nam Dân chủ cộng hòa tại Hội nghị Paris đã cho rằng: Ông là linh hồn của Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam. Với phong thái chững chạc, phát biểu mạch lạc, đối đáp sắc sảo, nụ cười tươi tắn, ông là hình ảnh của các sứ thần Việt Nam xưa, đầy đủ bản lĩnh đối phó và đề cao tự tôn dân tộc. Ông có gốc Nho học thâm thúy nhưng lại tiếp thu nhanh nhạy văn hóa phương Tây”.



Nhà báo Xuân Thủy tại Hội nghị Paris, năm 1968
(Nguồn: Bảo tàng Báo chí Việt Nam)

Nhà ngoại giao Xuân Thủy được nhắc tới với một danh xưng là "người có nụ cười đẹp nhất" hay "Nụ cười Xuân Thủy". Nhà báo Nguyễn Minh Vỹ, Phó Trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã viết: "Ông có nụ cười rất đẹp, tự nhiên, ung dung, tự tại, có ý nghĩa sâu sắc bên trong, làm cho mọi người có cảm tình. Nụ cười đó đã thuyết phục các nhà báo thuộc mọi khuynh hướng. Nụ cười đó suy rộng ra, không phải là nụ cười của cá nhân Xuân Thủy, mà là nụ cười của nhân dân Việt Nam".



Trưởng Đoàn đàm phán ngoại giao Xuân Thủy tại Hội nghị Paris, 1973.

Trở về sau Hội Nghi Paris năm 1973, ông kinh qua các chức vụ: Trưởng ban Đối ngoại Trung ương Đảng; Trưởng ban Cán sự Đảng ngoài nước; Trưởng ban hoạt động quốc tế của Trung ương Đảng; Trưởng ban công tác miền Tây; Trưởng ban Dân vận và Mặt trận Trung ương. Ông mất ngày 18.6.1985 tại nhà riêng.

Có thể nói, dù kinh qua các vị trí công tác khác nhau, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, lĩnh vực nào cũng có những đóng góp xuất sắc, và suốt đời gìn giữ, tỏa sáng một nhân cách của người cộng sản chân chính; nhưng Xuân Thủy vẫn vẹn nguyên tình yêu với nghề báo. Ông tham gia cách mạng từ nghề báo, trưởng thành từ nghề báo và ra đi khi bản thảo về "Những chặng đường Báo Cứu Quốc" ông viết còn dang dở. Và Xuân Thủy sẽ mãi mãi được nhớ như một vì sao sáng, người xây đắp nền móng cho sự phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam!

N.T.H

ĐẠI THIỀN SƯ TUỆ TĨNH: THÁNH THUỐC NAM

NHÀ BÁO NGUYỄN THÁI HÀ
Viên trưởng Viện Nghiên cứu Y học dân tộc và dưỡng sinh Việt
Phó Chủ tịch Hội Nam y Việt Nam

1. Tuệ Tĩnh Thiền sư thế kỷ 14 được hậu thế tôn vinh là Thánh thuốc nam và Tổ ngành dược Việt Nam. Tên thật của Ngài là Nguyễn Bá Tĩnh. Thủa thiếu thời Người được các nhà sư nuôi dưỡng. Năm 22 tuổi Ngài đỗ đạt nhưng không ra làm quan mà đi tu với pháp danh Tuễ Tĩnh tại chùa. Tuệ Tĩnh dày công nghiên cứu về y học dân gian, làm thuốc cứu người. Năm 55 tuổi với kiến thức uyên bác về y dược Ngài bị cống sang Trung Quốc.

Tài năng xuất chúng Ngài được vua vời làm Thái y viện triều đình nhà Minh. Với quan điểm độc lập và chủ động, Tuệ Tĩnh đề ra tư tưởng y học: "Nam dược trị Nam nhân" định hướng người Việt nên dùng dược thảo từ chính địa linh nước Việt chứ không phụ thuộc vào thuốc bắc. Ngài từng viết: "Thiên thư dĩ định Nam bang, thổ sản hà thù Bắc quốc" (Sách trời đã định phận nước Nam, thổ sản không khác gì Bắc quốc). Tuệ Tĩnh đề cao "phòng bệnh hơn chữa bệnh" qua cách dưỡng sinh tâm, trí, lực với khẩu quyết: "bế tinh, dưỡng khí, tồn thần,thanh tâm, quả dục, thủ chân, luyện hình".

Năm 1979 Tổ chức Y tế thế giới (WHO) định nghĩa:"sức khỏe là một trạng huống cân bằng về tâm thể, hoàn hảo về thể chất và tinh thần". Định nghĩa này gần với tư duy của danh y Tuệ Tĩnh đã từng viết từ 700 năm trước.

Không chỉ là ông tổ của ngành dược Đại Thiền sư Tuệ Tĩnh còn là ông tổ của ngành y Việt bởi các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc, dùng thuốc; đặc biệt trong y văn cổ Việt Ngài là người đầu tiên khái quát đề cập hệ thống kinh lạc huyệt.

Ở kỷ nguyên 4.0 này người Việt cần lắm một chính phái dưỡng sinh Việt để rèn luyện tâm, trí, lực cho cộng đồng mà nguồn cội xuất phát từ tư tưởng dẫn xuất của Tuệ Tĩnh. Trước tác của Thiền sư Tuệ Tĩnh, cho thấy tầm tư duy biện chứng của Ngài khi mô tả quy trình khám bệnh một cách khoa học từ tìm nguyên nhân bệnh, trị bệnh qua những phương pháp không dùng thuốc như châm, chích, chườm, bóp, xoa… kết hợp dùng thuốc một cách linh hoạt.

Kết tinh giá trị Phật học và Y học, Đại Thiền sư Tuệ Tĩnh chú giải sách "Thiền tông khóa hư lục " do Vua Trần Thái Tông soạn. Ngài đã nghiên cứu và viết lDược tính chỉ Nam, "giới thiệu hàng trăm bài thuốc cổ với những dược liệu từ những cây, con Việt Nam. Ngoài ra ông chú trọng thực dưỡng (ăn uống một cách phù hợp) để phòng và chữa bệnh. Rất tiếc, một số tác phẩm của Ngài thất truyền hoặc không còn nguyên vẹn và đều do hậu thế thu thập và biên tập lại. Nhưng chỉ riêng hai tác phẩm: "Nam dược thần hiệu"và "Hồng nghĩa giác tư y thư " đã khẳng định đóng góp vô cùng to lớn của Ngài -đặt viên gạch đầu tiên cho nền y học cổ truyền Việt Nam.

Đại Thiền sư Tuệ Tĩnh mất tại Giang Nam, Trung Quốc.Trên mộ Ngài tạc dòng chữ đầy xúc cảm hướng tâm về quê hương và bất hủ: "Ai về nước Nam cho tôi về với".

Kế thừa y đạo, y thuât của Đại Thiền sư Tuệ Tĩnh tháng 6/2017 Hội Nam y Việt Nam được thành lập.

Hy vọng những giá trị của ông tổ ngành y Việt được kế thừa phát huy trong đời sống hiện đại hiệu quả.

bất chợt tôi chia sẻ với anh em về câu văn bia lay động tình cảm và tâm linh nhiều người Việt của Đại danh y Tuệ Tĩnh “Ai về nước Nam cho tôi về với “khắc trên một tấm bia mộ đang hiện hữu ở Giang Nam, Trung Quốc...

Hơn sáu thế kỷ đã qua, lời nhắn gửi của Ngài trước khi qua đời ở phương Bắc vẫn vang vọng, khắc khoải soáy vào tim óc nhiều thế hệ Việt bởi môt tình yêu thống thiết với quê nhà, một nỗi đau tới chết của một người xa xứ chốn cất nơi quê người...

2. Theo tài liệu lịch sử gần 300 năm sau khi Tuệ Tĩnh mất Tiến sĩ Nguyễn Danh Nho (1638-1699), người cùng làng với Ngài đi sứ sang Trung Quốc. Trên đường kinh lý thấy mộ cụ Tuệ Tĩnh. Trên bia mộ Ngài có in dòng chữ: “Đời sau có ai sang đây thì nhớ cho hài cốt tôi về với”. Khi ấy vì ko thể đưa di cốt của Thiền sư về nước Nguyễn Danh Nho đã lấy giấy bản ốp vào Bia để lưu lại dòng chữ đó. Khi về nước Tiến sĩ khắc lại trên Bia đá rồi cho chuyển về quê. Khi vận chuyển, đến chỗ bây giờ là Đền Bia, lúc này cả vùng quê đang ngập nước, bỗng dưng thuyền lật, tấm Bia rơi xuống không lấy lên được. Ít lâu sau, nước cạn, nhân dân tìm lại được Bia, thấy rẻo đất ở đây có hình dao cầu thái thuốc nên đã dựng Miếu nhỏ để thờ Bia...

Sao tôi cứ tự vấn mình và đạo hữu : “Phải chăng hậu thế chúng ta có lỗi với tiền nhân vì chưa thực hiện trọn vẹn di ngôn của Đai danh y, Thiền sư Tuệ Tĩnh là đưa đươc thân ngọc của Ngài “về nước Nam” thờ phụng và chiêm bái”...

Tình cờ tôi vừa đọc 1 bài thơ đẫm nước mắt sót xa về Tuệ Tĩnh của Nhà thơ Trần Nhuận Minh. Xin chia sẻ cùng đạo hữu:

"Ngày sau, có ai người nước Nam qua đây/Xin đưa hài cốt tôi về với…".
Lời ông khẩn cầu lúc lâm chung
Đã khắc vào đá
Đặt trên mộ
600 năm
Mưa nắng Giang Nam không mòn được
Trời đất Trung Hoa sương khói mịt mùng…
Bao người nước Nam đã qua đây
Đọc lời ông trong cỏ rối
Còn thấy bia đá đẫm nước mắt
Nhưng không một ai nghĩ đến việc đưa ông về
Hài cốt ông
Lặng lẽ tan trong hoang lạnh
Đất xứ người
Hài cốt ông
Lặng lẽ tan trong hoang lạnh...u

PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG MỘT BIỂU TƯỢNG CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

TS. NGUYỄN VĂN ANH
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

Trần Nhân Tông là vị vua thứ 3 của Nhà Trần, tên húy là Khâm, ông sinh ngày 11 tháng Mười Một (1258), năm 16 tuổi (1274 được sắc phong làm Hoàng thái tử, năm 21 tuổi được vua cha Trần Thánh Tông nhường ngôi, ở ngôi 14 năm (1278 – 1293). Năm 1293, ở tuổi 35, ông nhường ngôi cho con, lui về Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng, xuất gia tu tập tại hành cung Vũ Lâm. Năm 1299, giao toàn bộ quyền bính cho vua con, chính thức xuất gia tu hành khổ hạnh tại am Tử Tiêu, núi Yên Tử.

Vua Trần Nhân Tông là một đấng minh quân, một anh hùng buổi cưu nguy dân tộc và nhà văn hóa lớn. Trần Nhân Tông là một biểu tượng của nền văn hoá Việt Nam.

1. Một đấng minh quân

Vốn là người thông minh trời phú cộng vơi tính ham học, lại thừa hưởng một nền giáo dục hết sức rộng rãi với tinh thần cởi mở, ngay từ khi còn trẻ Trần Nhân Tông đã học thông tam giáo và hiểu sâu Phật điển. Những tri thức liên quan: thiên văn, lịch số, binh pháp, y thuật, âm luật, đều được ông sớm tiếp thu, nắm bắt một cách sâu sắc. Sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng đó đã tạo lên tầm vóc, bản lĩnh và trí tuệ của Trần Nhân Tông, do vậy, mặc dù vừa lên ngôi ông đã lãnh đạo quân dân Đại Việt vượt qua tình thế hiểm nghèo đe dọa sự tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trước tình thế quân Mông Nguyên đang ráo riết chuẩn bị xâm lược Đại Việt lần thứ hai, với sự nhạy cảm của một nhà chính trị, ngoại giao một mặt ông khéo léo thi hành các chính sách ngoại giao mềm dẻo nhằm tạo cơ hội cho quân dân Đại Việt có thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị khí giới, mặt khác ông khẩn trương tiến hành một loạt biện pháp nhằm nâng cao tiềm lực chính trị, kinh tế, quân sự, của Đại Việt để chuẩn bị đối phó với các cuộc chiến tranh xâm lược mà ông biết chắc chắn sẽ diễn ra.

Sự khéo léo trong chuẩn bị chu đáo như vậy, ông đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt đánh bại hai cuộc tấn công xâm chiếm của Mông Nguyên, cuộc xâm lược lần thứ hai (1285) và cuộc xâm lược lần thứ ba (1288) kết thúc bằng chiến thắng trên

sông Bạch Đằng, một trong những chiến thắng vĩ đại nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, để cho "non sông ngàn thuở vững âu vàng".

Sau chiến tranh nhiều làng xóm, gia đình bị li tán, mùa màng bị tàn phá, trước tình hình đó, chỉ mấy ngày sau chiến thắng, khi về Thăng Long, vua Trần Nhân Tông lập tức ban chiếu, tuyên bố đại xá thiên hạ và tha tô thuế, tạp dịch cho những vùng trải qua chiến tranh, các vùng khác tùy vào mức độ bị tàn phá mà giảm. Tiếp sau đó, vua ban hành hàng loạt chính sách nhằm "khoan thư sức dân" thúc đẩy sản xuất, tiến hành khen thưởng những người có công lao trong hai cuộc chiến, đồng thời tùy vào nặng nhẹ mà xử lý những người mắc tội. Vua Trần Nhân Tông không cần xem mà lập tức cho đốt toàn bộ giấy tờ, biểu tấu mà những người đầu hàng đã gửi cho giặc, hành động đó đã thể hiện rõ tinh thần bao dung, hoà giải và cũng chính hành động này đã giúp những người có lỗi lầm yên tâm sống, làm việc và có cơ hội chuộc lại lỗi lầm, tiếp tục lao động, sản xuất và cống hiến.

2. Một nhà văn hoá, một nhà tu hành đắc đạo

Không chỉ là một vị tướng tài mà Trần Nhân Tông là một nhà tư tưởng, một nhà thơ Trần Nhân Tông sáng tác nhiều thể loại văn học khác nhau bao gồm: thơ, phú, ngữ lục, v.v… thơ văn của Trần Nhân Tông "là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, có tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách cỡ lớn và sự rung động tinh tế, lòng yên tự do của một nghệ sĩ."

3. Một nhà tu hành đắc đạo

Và đặc biệt ông là vị vua xuất gia, một nhà sư có tư tưởng lớn, người sáng lập dòng thiền Trúc Lâm mang dấu ấn Việt sâu sắc; ông kết nối và tổ chức giới tu hành thành giáo hội, tạo đặc sắc cho đường tu, kết dựng Thiền phái với tư tưởng hòa quang đồng trần, giải thoát không rời thế gian.

Khi đang ở đỉnh cao Quyền lực, đức vua Trần Nhân Tông nhừng ngôi cho con lui về làm Thái Thương hoàng. Làm Thái Thượng hoàng không phải để nghỉ ngơi mà là để tập dượt cho vua con gánh vác giang sơn xã tắc. Khi vua con tự mình đảm đương, gánh vác việc nước, ông hoàn toàn rời bỏ nơi lầu son gác tía, xuất gia tu hành, lập am Tử Tiêu trên núi Yên Tử, siêng năng tu hành, lấy hiệu là *Hương Vân Đại Đầu Đà*, sau đổi là *Trúc Lâm Đại sĩ*. Tại đây, thực hành phép tu khổ hạnh với áo mặc một manh, cà một vò và tương một hũ. Sau thời gian tu hành khổ hạnh tại Vân Tiêu – Hoa Yên, *Trúc Lâm đại sĩ* xuống núi, đi khắp xóm làng khuyên dân phá bỏ niềm tin sai lệch, tin vào chính pháp, thực hành thập thiện; giảng pháp, độ tặng, phát hành sách *Phật giáo, pháp sư đạo tràng công văn cách thức* nhằm thống

nhất các nghi lễ Phật giáo; kết nối và tổ chức giới tu hành thành giáo hội, xây dựng tổ chức và tư tưởng của tông phái, phép tu vui đạo giữa đời; hoà quang đồng trần làm nền tảng triết lý cho việc tu hành.

Tháng 5, năm 1307, *Trúc Lâm Đại sĩ* lên lập am nhỏ tại ngọn Ngọa Vân (卧雲峯)" gọi là am Ngọa Vân trên núi Bảo Đài làm nơi tu hành. Tại đây, vào giờ Tý ngày mồng một, tháng 11 năm 1308, Ngài an nhiên hóa Phật ở thế sư tử nằm, kết thúc hành trình tu hành, hóa phật của đức vua, Trúc Lâm Đại sĩ Trần Nhân Tông. Vua Anh Tông tôn xưng là *Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật.*

NGUYỄN DU - TRUYỆN KIỀU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM VÀ BẠN BÈ QUỐC TẾ

THẠC SỸ BÙI THIÊN NGA
Chủ tịch hội đồng Viện
Viện Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ và Đào tạo nguồn nhân lực

Hơn 250 năm qua, Truyện Kiều của Nguyễn Du không lúc nào vắng người thưởng thức, Truyện Kiều là tâm điểm của hàng nghìn bài báo, bài nghiên cứu,... việc thể hiện sự trân trọng, ngợi ca, yêu quý Nguyễn Du và kiệt tác Truyện Kiều đã trở thành hoạt động mang tính văn hóa và được xem như một nếp sống tri thức đẹp, không chỉ với người Việt Nam trong nước mà còn ở đông đảo bạn bè quốc tế. Di cảo của Nguyễn Du đã được lan tỏa qua hàng loạt bản dịch, đến tay bạn đọc khắp các châu lục.

1. Nguyễn Du- Truyện Kiều trong đời sống văn hóa Việt Nam

1.1. Nguyễn Du - Truyện Kiều trong không gian văn hóa làng xã và trong đời sống nhân dân lao động

Làng xã là một cộng đồng cư dân gồm nhiều thành phần, nhiều tầng lớp xã hội. Trình độ học vấn của mỗi thành phần xã hội khác nhau. Có người học vấn cao, có người học vấn ít ỏi, đại đa số ít biết chữ hoặc mù chữ. Trình độ học vấn đã ảnh hưởng đến cách ứng xử văn hóa, tiếp cận và tiếp nhận văn hóa, sinh hoạt văn hóa của mỗi tầng lớp xã hội trong không gian văn hóa làng xã.

Truyện Kiều của danh nhân Nguyễn Du là một tác phẩm văn chương bác học, nhưng khi được phổ biến vào môi trường văn hóa làng xã Truyện Kiều được văn hóa làng xã đón nhận nhanh chóng, nồng nhiệt và lập tức được lan truyền rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân từ thế hệ này đến thế hệ khác như một tác phẩm văn học dân gian.

Truyện Kiều trở thành một sản phẩm văn hóa dân gian hòa nhập vào không gian văn hóa dân gian làng xã.

Không chỉ một ông vua hay chữ như Tự Đức mê thơ Nôm Kiều đến mức :

Mê gì mê đánh tổ tôm
Mê ngựa hậu bổ, mê nôm Thúy Kiều.

Mà quần chúng nhân dân làng xã cũng mê Kiều không kém vua Tự Đức, thậm chí còn hơn thế nữa.

Nói về cách tiếp nhận và thưởng thức Tuyện Kiều của nhân dân lao động chúng ta thấy trong mọi tầng lớp nhân dân làng xã trước đây, ai ai cũng thuộc một ít câu Kiều, một số trường hợp thuộc lòng cả 3254 câu thơ Kiều.

Sự thần tình của Truyện Kiều là bất cứ chỗ nào trong thơ Kiều cũng nói hộ được tâm trạng, hoàn cảnh, cảnh ngộ, niềm vui, nỗi buồn cuộc sống quá khứ và mở ra niềm hy vọng tương lai của mỗi người, của mỗi gia đình. Dân gian đã tiếp nhận Kiều, trước hết là trong cách tiếp nhận văn hóa như thế (Sức lan tỏa của truyện Kiều – Google)

Nhà Nghiên cứu Trần Đình Sử có viết "Từ khi ra đời đến nay Truyện Kiều của Nguyễn Du đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của đời sống tâm hồn dân tộc Việt Nam nói chung và đời sống văn hóa nói riêng"

Truyện Kiều là tác phẩm được nhiều người, đủ mọi tầng lớp thuộc lòng. Người ta đã dùng ngôn ngữ, lời lẽ trong Truyện Kiều để đối đáp trong sinh hoạt văn hóa của của cộng đồng ngày trước như lẩy Kiều, trò Kiều, vịnh Kiều, Bói Kiều, vẽ tranh Kiều, viết thư pháp Truyện Kiều, điêu khắc Truyện Kiều trên nhiều chất liệu khác nhau như gỗ, đá quý…, hát ví, giặm Nghệ Tĩnh bằng lời thơ trong Truyện Kiều, hát chèo về Kiều, trai gái thì lượm lặt câu Kiều để viết thư tình, rồi còn hát đối đáp để giao duyên với nhau, ra vế đối xem ai thuộc và hiểu biết Truyện Kiều hơn, đến nỗi nhà buôn cũng dùng tích Kiều để làm quảng cáo.

Vì sao Truyện Kiều có tính phổ biến như thế ? Theo Giáo sư Đào Duy Anh thì "Văn chương Truyện Kiều đủ tính nghiêm trang, đường hoàng điêu luyện, đủ khiến cho kẻ học thức phải khâm phục và yêu mến, mà lại đủ tính giản dị, phổ thông để khiến cho bình dân hiểu được và thưởng thức, âm điệu nhịp nhàng của câu văn êm như bài hát khiến ai cũng phải say mê từ những người nhà quê, những đứa trẻ chăn trâu, những con bé giữ em, hát những câu Kiều mà nó không hiểu gì cả. Người ta không cần nghĩ đến nghĩa, chỉ cốt để cho cái âm điệu véo von, uyển chuyển của câu hát ru mê hồn mà thôi" .

Trong nhân dân, nhiều người yêu quý Truyện Kiều đến mức lấy tên Thúy Kiều, Thúy Vân đặt tên con gái cưng của mình hay đặt tên khu vườn xinh đẹp của mình là "Vườn Kiều". "Muốn sang thì bắc cầu Kiều. Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy" (Ca dao).

Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường trong bài kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông" đã yêu mến, trân trọng khi cho rằng Sông Hương chính là nàng Kiều, "là người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya"

Các nhà tri thức đã không ngừng nghiên cứu, phê bình, nghị luận bằng đủ các loại như "bình văn" "tựa", vịnh thơ, án Kiều, phú Kiều, dịch Truyện Kiều ra tiếng nước ngoài, soạn từ điển Truyện Kiều để người đọc tra cứu điển tích, ngữ nghĩa.

Án Kiều là một dạng sáng tác đặc biệt do Nguyễn Văn Thắng (1803- ?) soạn bằng văn Nôm (gồm 22 bản án soạn cho 22 nhân vật trong truyện với "phán quyết" kết tội, tha tội hay khen thưởng; sau này Kiều Án Mậu soạn thêm 2 án nữa thành 24 án cho 24 nhân vật).

Lẩy Kiều là lối vận dụng các câu thơ, đoạn thơ trong Truyện Kiều với những mục đích khác nhau (để đố, để bói, để hát) mà tính chất chung là tạo ra một văn bản có hàm nghĩa khác đi, tuy dùng toàn câu chữ Truyện Kiều. Ví dụ một đoạn trong bài lẩy Kiều của Nguyễn Bính năm 1965:

"...Trăm năm trong cõi người ta
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau
Khen tài nhả ngọc phun châu
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình
Mấy lời ký chú đinh ninh
Rằng nên tài trọng mà tình nên thương
Khen rằng giá đáng Thịnh Đường
Thì treo giải nhất chi nhường cho ai...".

Tập Kiều là một thú chơi tao nhã trong các dịp giao tiếp giữa những người yêu thích văn thơ. Mỗi bài tập Kiều là một sáng tác theo kiểu mô phỏng (tức là nhại theo ý nghĩa của thể loại của nó) lời thơ Truyện Kiều; trong bài tập Kiều vừa có những chữ lấy từ Truyện Kiều, vừa có những chữ câu do người làm đặt ra. Ví dụ một đoạn trong bài dài của Dương Lâm:

"Trăm năm trong cõi người ta
Chữ cường, chữ nhược khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng...".

Đố Kiều là hình thức sinh hoạt trong các giao tiếp văn hóa dân gian; có những hình thức đố nhau liên quan đến Truyện Kiều hoặc câu chữ Truyện Kiều như: đố nhau về các sự việc, nhân vật trong truyện (năm nào Kiều bán mình?), năm nào

lấy Thúc Sinh?. . . , đố nhau về mức độ thuộc lòng văn bản Truyện Kiều (ví dụ: đố nhau kể tất cả những câu có chữ “trăm năm”, “mười lăm năm”, một câu tóm cả truyện; một câu toàn chữ Nho; những câu có năm người , mười người; mượn ý trong truyện để đố (ví dụ: Hoa gì thường nở bên sông?/ Hoa gì được gặp gió đông mỉm cười?- người giải đố phải thuộc tác phẩm để lấy các từ “phù dung, “hoa đào”, điền thành câu giải), ngoài ra còn có các cách đố khắc lấy văn chương Truyện Kiều làm cơ sở.

Bói Kiều là một sinh hoạt phong tục - nghi lễ đặc biệt, vừa mang màu sắc dị đoan, vừa mang tính trò chơi, ở đây văn chương TK (dưới dạng cắt rời và lắp ghép lại theo lối “tập Kiều”, “lẩy Kiều” nói trên) được xem như những lời thiêng liêng, chứa đựng những điều dự đoán, dự báo số phận của người bói. Cách bói dân dã thông thường là người bói cầm một quyển Kiều, rồi tâm niệm điều ao ước, băn khoăn và thành tâm, có khi còn thắp hương khấn vái, đọc một câu: “lạy vua Từ Hải, lạy vải Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều, con tên là…, ở…, xin được… câu đầu, cuối hoặc giữa trang, rồi theo luật “trai tay trái, gái tay phải” lật sách tìm câu ứng nghiệm, căn cứ vào câu ấy mà đem tình cảnh riêng ra so sánh, suy ngẫm. Trong các hình thức bói toán ở sinh hoạt dân gian, bói Kiều tuy có sắc thái mê tín, nhưng vẫn là một trò chơi. Bản thân sự xuất hiện hình thức bói Kiều chứng tỏ tác phẩm đã thâm nhập sâu vào tâm thức cư dân các thế hệ trong cộng đồng người Việt”(tham khảo tại Wikipedia Tiếng Việt)

1.2. Nguyễn Du - Truyện Kiều trong thời kì kháng chiến

Trong những năm khói lửa chiến tranh ác liệt, những năm tháng mưa bom bão đạn, bên cạnh những giây phút chiếu đấu trên chiến trường, những người lính còn có những giây phút gắn bên nhau. Những người lính với cây đàn, những khúc ca ngân lên đầy sức sống mãnh liệt, vượt qua những khó khăn, gian khổ để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Và truyện Kiều cũng như những vần thơ, bài ca đó gắn bó, gần gũi với người lính.



Đó là những câu ngâm Kiều của các anh, các chị đứng tuổi. Đó là những lời ghẹo trêu của các cô chú thanh niên

Ví dụ như:

Nữ:

Bây giờ mới gặp gỡ nhau đây
Mà lòng đã chắc những ngày một hai
Khăng khăng cửa đóng then gài
Nhị đào chờ đợi con người tình chung.

Nam:

Hai ta quyết chí hai ta
Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều
Tóc tơ căn vặn hết điều
Hôm sau hẹn gặp Kim Kiều kết giao.
Hay đó là những câu đố vui xuất phát từ truyện Kiều:
"Truyện Kiều anh đã thuộc lòng,
đố anh kể được một câu năm người"

Hay:

Kim Kiều có phải công nhân
Xưa kia từng đã góp phần đấu tranh?

Đáp:

Kim Kiều chính cánh thợ ta
Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ!

Đố:

Thời Kiều đã có ngân hàng
Em đây chưa tỏ, xin chàng chỉ cho?

Đáp:

Nhà băng... đưa mối rước vào
Tiền nong thanh toán việc nào chẳng xong

Đó là những giay phút bên nhau của những chàng trai, cô gái trong môi trường bom đạn. Truyện Kiều đã đi vào trong kháng chiến như thế.

1.3. Nguyễn Du - Truyện Kiều với chủ tịch Hồ Chí Minh

Với đồng bào, chiến sĩ cả nước, Người thường xuyên sử dụng lẩy Kiều trong công tác tuyên truyền, làm nổi bật những vấn đề cần nhấn mạnh. Ngày 22/12/1954, nhân kỷ niệm 10 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã khái quát chặng đường trưởng thành của Quân đội ta với những vinh quang và cũng không ít khó khăn, gian khổ gắn liền với lịch sử dân tộc:

"Quân ta công trạng lớn lao
Mười năm lịch sử biết bao nhiêu tình!"



Trong công cuộc chiến đấu, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, vấn đề cấp thiết đặt ra là thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tất cả hướng về tiền tuyến. Năm 1960, khi nói chuyện về vấn đề "Mừng Tết Nguyên đán như thế nào?", Chủ tịch Hồ Minh khéo léo nhắc nhở đồng bào, chiến sĩ cả nước:

Trăm năm trong cõi người ta
Cần kiệm xây dựng nước nhà mới ngoan
Mừng Xuân, Xuân cả thế gian
Phải đâu lãng phí cỗ bàn mới Xuân.

Khi về nước hoạt động, trong các bài ca tuyên truyền cách mạng, Bác Hồ cũng dùng nhiều câu tập cổ như vậy. Bài "Lịch sử nước ta" viết năm 1942, do Việt minh tuyên truyền bộ xuất bản, có nhiều câu na ná văn Kiều:

"Anh hùng thay ông Lý Bôn,
Tài kiêm văn võ sức hơn muôn người".
"Hai lần đại thắng nguyên binh,
Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời…".
"Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm yên ngựa Bắc Nam ngang tàng…"

Trong "Bài ca sợi chỉ" có câu:

"Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng".

Về sau, trong thơ ca, bài nói, bài viết của Bác ta càng gặp nhiều câu phỏng Kiều, tập Kiều hơn. Vào dịp tết năm Bính Tuất (1946), nữ sĩ Hằng Phương gửi cam biếu Hồ Chủ Tịch, kèm theo bài thơ với 4 câu đầu là:

"Cam ngon Thanh Hóa vốn dòng,
Kính dâng Chủ tịch tỏ lòng mến yêu.
Đắng cay cụ nếm đã nhiều,
Ngọt bùi trời trả đủ điều từ đây…".

Đọc bài thơ phỏng Kiều trên, Bác Hồ liền làm bài thơ 4 câu "Cảm ơn người tặng cam" với câu kết tập Kiều:

"Cảm ơn người biếu gói cam,
Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?"

Câu thơ Kiều vừa dí dỏm, vừa chân thật, là một câu hỏi mà cũng là một câu đáp, là niềm tin, là lời khẳng định thắng lợi của cách mạng.

Nói chuyện trong các cuộc họp của Quốc hội, của Đảng hay trước cán bộ, nhân dân, Bác vẫn dùng những câu như vậy.

Câu phỏng Kiều này còn được Bác dùng khi trở về Kim Liên sau 50 năm xa quê. Gặp bà con làng xóm, Bác xúc động đọc:

"Quê hương nghĩa nặng tình sâu,
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình".

Trong lời khai mạc Đại hội Đảng lần thứ III, Bác dùng trọn một câu Kiều:

"Đến bây giờ mới thấy đây
Mà lòng đã chắc những ngày một hai".

Lên đường đi thăm 9 nước bạn trong 1 tháng, Bác tươi cười nói với cán bộ, đồng bào ra tiễn Người ở sân bay:

"Tiễn đưa nhớ buổi hôm nay,
Vui mừng xin đợi ngày này tháng sau".

Ngay cả khi giao tiếp với bạn bầu quốc tế, Bác Hồ cũng dùng những câu thơ phỏng Kiều, gây thêm không khí vui vẻ, thân mật.

Lần tiễn đại biểu các Đảng anh em dự đại hội lần thứ III của Đảng ta lên đường về nước, trong lời chào, Bác đọc: "Quan san muôn dặm một nhà/Bốn phương vô sản đều là anh em" làm cho các đại biểu vừa vui, vừa xúc động.

Bác Hồ của chúng ta rất thuộc Kiều, hiểu Kiều và vận dụng những câu Kiều vào thơ ca, bài nói của mình cũng tự nhiên, tinh tế như vận dụng ca dao, tục ngữ vậy

Khác với lối phỏng Kiều của các cụ ngày xưa, những câu phỏng Kiều, lẫy Kiều của Bác Hồ chứa đựng nội dung tư tưởng, tình cảm hoàn toàn mới. Đồng thời, cấu trúc câu, cách sử dụng ngôn ngữ cũng mới mẻ, phóng khoáng, nhưng đọc lên vẫn phảng phất câu thơ Kiều, vẫn mang nét đậm đà, ý vị của thơ ca truyền thống Việt Nam. Ngay cả khi Bác dùng nguyên một câu Kiều, thì câu thơ ấy cũng chứa đựng nội dung mới, vì nó nằm trong văn cảnh của bài nói, bài viết.

Bác Hồ yêu thích và trân trọng vốn văn hóa của ông cha, trong đó có Truyện Kiều. Như con ong hút nhụy của hoa thơm, làm nên mật ngọt, Bác nắm lấy cái tinh, bắt lấy cái thần của tâm hồn dân tộc trong thơ xưa, trong thơ Kiều, sáng tạo nên những câu thơ, câu ca hiện đại mà không xa lạ với nhân dân.

Đọc lại câu văn vần - hay câu thơ trong Di chúc thiêng liêng của Bác:

"Còn non, còn nước, còn người,
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay".

Ta thấy rõ đây là câu văn rất mới, hiện đại: "Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay", như là một khẩu hiệu, như là một lời dặn, một lời hứa, một lời thề. Nhưng lại làm ta liên tưởng đến một câu Kiều:

"Còn non, còn nước, còn dài
Còn về còn nhớ đến người hôm nay".

Thật là kỳ diệu, câu văn vần của Bác rất Việt Nam, rất "Cụ Hồ".

Như thế truyện Kiều đã lan rộng ở mọi môi trường: giáo dục, kháng chiến, đời sống

2. Truyện Kiều với bạn bè quốc tế

Sức lan tỏa của Truyện Kiều của Nguyễn Du đã vượt ra khỏi giới hạn của một dân tộc để đến với bè bạn khắp bốn biển, năm châu. Cho đến nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng khác nhau như: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc, tiếng Đức, tiếng Hung- ga- ry, tiến Bulgary, tiếng Tiệp Khắc, tiếng Ba Lan, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Lào, tiếng Thái Lan v...v. Truyện Kiều là một trong những tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam được nghiên cứu, lược dịch và đưa vào giảng dạy trong những khoa tiếng Việt và bộ môn Văn học Phương Đông trong các trường Đại học ở Liên Xô trước đây và Liên bang Nga hiện nay cũng như nhiều nước khác trên thế giới. Chúng ta càng tự hào hơn khi các chính khách, các nhà nghiên cứu văn học uy tín trên thế giới đã không

tiếc nhưng lời ngợi khen, lời đánh gia rất cao về thiên tài Nguyễn Du và Kiệt tác Truyện Kiều, tiêu biểu có các bài nghiên cứu: Truyện Kiều và xã hội Á Đông của Rơnê Crayxắc; Nguyễn Du và Đoạn Trường Tân Thanh của G. Boudaven; Một nhà thơ và chiến tranh của SácLơ fuaniô; Nguyễn Du, nhà thơ kiệt xuất Việt Nam và Truyện Kiều của ông của Lưu Thế Đức và Lý Tu Chương; Nguyễn Du nhà thơ nhân đạo lỗi lạc của N. I. Niculin; Đề tặng bản Kiều dịch ra tiếng Đức của Jôhan ĐichMan; Nguyễn Du nhà thơ vĩ đại của dân tộc Việt nam của CatĐua Mamxatxi. . . Trong bài nghiên cứu của mình, các tác giả đã có những lời ngợi ca như sau: “Trên thế giới, ít nhà thơ tìm thấy được ngay giữa lòng nhân dân nước mình một tiếng vang lớn như nhà thơ Nguyễn Du ở Việt Nam. Truyện Kiều của ông là cuốn sách kinh điển trong văn học Việt Nam, nhưng là thứ kinh điển mà mọi người đều biết, không sót một ai. Người nông dân nơi đồng ruộng cũng có thể ngâm thuộc lòng từng đoạn Kiều. Và có lẽ ở thời trước thời mà nạn mù chữ đang ngự trị hầu như tuyệt đối ở nông thôn, người ta còn thuộc Kiều nhiều hơn là thời nay nữa…Hệt như những bài dân ca mà các nghệ sĩ hát rong đã hát ở miền Nam nước Pháp thời trung cổ, Truyện Kiều được nhân Việt Nam ngâm nga thuộc lòng ngay trong những nếp nhà tranh nghèo khổ nhất … ”. (Joocjơ Budaven, người Pháp). Cùng quan điểm đó, nhà văn Cu Ba Fêlích Pita Rôđriget cho rằng “Thiên tài sáng tạo của Nguyễn Du và sự thông cảm sâu sắc của ông đối với tâm hồn của nhân dân nước ông đã kết hợp với nhau, khiến cho nhà thơ đã có thể đưa sự nghiệp vĩ đại- làm cho ngôn ngữ Việt Nam có một giá trị vĩnh viễn- lên một đỉnh cao.Với một trình độ học vấn uyên bác, là một trong số ít người thời đó hiểu biết gia tài phong phú của nền văn hóa Trung Quốc, Nguyễn Du đã biết tìm và đã tìm được tài sản phong phú của nền văn hóa dân gian Việt Nam và đã kết hợp cả hai nền văn hóa đó một cách sáng tạo thiên tài, ông đã làm cho ngôn ngữ Việt Nam vốn đã phong phú lại càng rực rỡ hơn”. Còn Joohan Đíchmam: Giáo sư tiến sĩ, Chủ tịch Quốc hội nước cộng hòa dân chủ Đức cho rằng: “Với tác phẩm này, độc giả Đức tìm thấy một thế giới văn học mà cho tới nay họ chưa biết tới: trước mắt họ, thấm nhuần trong Truyện Kiều là cả một kho tàng nhân văn, đỉnh cao tuyệt vời của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

Với nước Mỹ, một đấy nước đã từng xâm lược nước ta, sau hòa bình lập lại, ít nhất có 3 vị tổng thống Mỹ đã sử dụng một số câu thơ trong tác phẩm Truyện Kiều trong bài diễn văn trang trọng của họ. Lần thứ nhất, trong diễn văn đáp từ của Tổng thống Bill Clinton tại cuộc chiêu đãi trọng thể của Chủ tịch nước Trần Đức Lương tối ngày 17 tháng 11 năm 2000 “ Sen tàn cúc lại nở hoa, sầu dài ngày ngắn

đông đà sang xuân". Lần thứ hai, trong diễn văn của Phó Tổng thống Mỹ Joe Binden, thay mặt Tổng thống Barack Obama chủ trì, tại buổi tiệc trưa ngày 7 tháng 7 năm 2015 chiêu đãi trọng thể Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và đoàn đại biểu Việt Nam tại Nhà Trắng. Trong cuộc hội đàm với Tổng bí thư nước ta, ngài phó tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden đã mượn câu Kiều của Đại thi hào Nguyễn Du "Trời còn để có hôm nay/ Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời" để nói về mối quan hệ tươi sáng Việt- Mỹ trong tương lai. Và, lần thứ ba, Tổng thống Barack Obama trích dẫn Truyện Kiều trong bài phát biểu trước 2000 người Việt Nam tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia ngày 25 tháng 5 năm 2016 với câu Kiều " Rằng trăm năm cũng từ đây – Của tin gọi một chút này làm ghi"

Các bài diễn văn nói trên thể hiện sự am tường lịch sử, văn hóa Việt Nam và sự chuẩn bị công phu, tinh tế của những người đứng đầu nước Mỹ, vai trò quan trọng của đội ngũ cố vấn, chuyên gia và cả những người phiên dịch Việt Nam. Họ đã vận dụng, đưa văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn chương Việt Nam, vào ngoại giao, chính trị. Những diện mạo văn hóa tiêu biểu nhất của Việt Nam trong tất cả các lĩnh vực Chính trị, Quân sự, Tôn giáo, Ngoại giao, Khoa học, Văn học nghệ thuật. Một vị Tổng thống (hoặc Phó Tổng thống Mỹ) lẩy Kiều "cho thấy rõ một thực tế: Truyện Kiều đã được thế giới mặc định là tác phẩm tiêu biểu tại Việt Nam, gắn với văn hóa Việt Nam" (Cúc Đường, Khi người Mỹ lẩy Kiều, http://thethaovanhoa.vn)



Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng Và phó Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden

Đặc biệt hơn, tối ngày 5/12/2015, tại Quảng trường trung tâm thành phố Hà Tĩnh, Ban chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, UBMTTQ Việt Nam, Bộ VHTT&DL và tỉnh Hà Tĩnh long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du – Danh nhân văn hóa thế giới.

Trong buổi lễ, có bà Katherine Muller Marin - Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO tại Việt Nam, ngài Phôm Ma Xi Phế Na - Công sứ Đại sứ quán Lào tại Việt Nam; đại diện lãnh đạo tỉnh Bôlykhămxay (Lào) cùng đồng hành.

Dưới nhãn quan của người làm công tác khoa học, giáo dục và văn hóa, bà Katherine Muller Marin - Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO tại Việt Nam nhận thấy tầm vóc của Nguyễn Du không chỉ đối với dân tộc Việt Nam mà còn ở cả nhân loại.

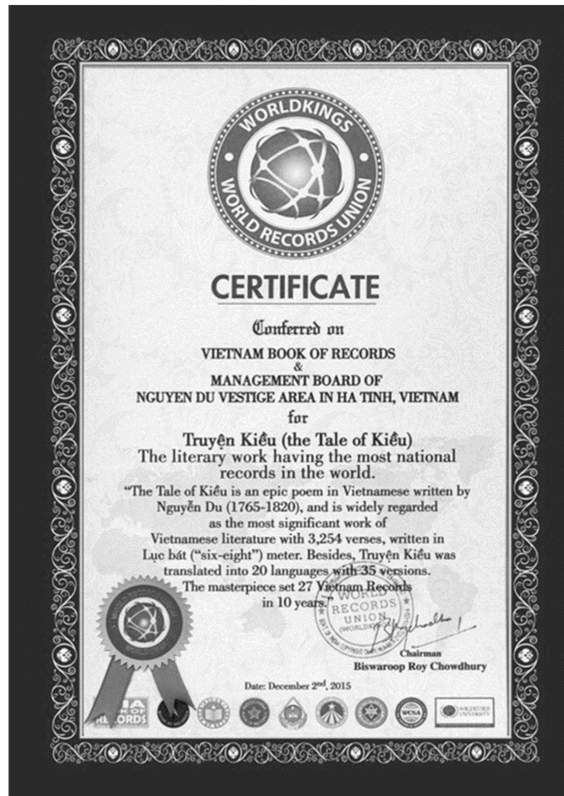
Bà Katherine Muller-Marin cho rằng, ở tác phẩm Nguyễn Du đã có mối liên hệ chặt chẽ với các lĩnh vực trọng tâm của UNESCO, tiêu biểu như: liên quan đến khát vọng hòa bình, chủ nghĩa nhân văn, giá trị gia đình, truyền thống văn hóa. Tác phẩm của Nguyễn Du còn có mối liên hệ với bình đẳng giới - lĩnh vực hoạt động của UNESCO.[9]



Bà đại sứ Unesco tại việt nam tại buổi lễ kỷ niệm 250 ngày sinh Nguyễn Du

Văn bản của Hội đồng Liên minh Kỷ lục thế giới đánh giá: Truyện Kiều của Nguyễn Du (1765-1820) gồm 3.254 câu thơ lục bát là một kiệt tác văn học. Tác phẩm này đã chinh phục các thế hệ công chúng trong hơn 200 năm qua. Truyện Kiều cũng đã được chuyển ngữ sang hơn 20 thứ tiếng khác nhau trên thế giới như Anh, Nga, Pháp… với trên 35 bản dịch. Có thể thấy Truyện Kiều của Việt Nam

đã vượt ra ngoài biên giới đến với độc giả nhiều nước trên thế giới. Với Truyện Kiều, đại thi hào Nguyễn Du đã được vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới.



WORLDKINGS
WORLD RECORDS UNION

CERTIFICATE

Conferred on

VIETNAM BOOK OF RECORDS
&
MANAGEMENT BOARD OF
NGUYEN DU VESTIGE AREA IN HA TINH, VIETNAM

for

Truyện Kiều (the Tale of Kiều)
The literary work having the most national records in the world.

"The Tale of Kiều is an epic poem in Vietnamese written by Nguyễn Du (1765-1820), and is widely regarded as the most significant work of Vietnamese literature with 3,254 verses, written in Lục bát ("six-eight") meter. Besides, Truyện Kiều was translated into 20 languages with 35 versions. The masterpiece set 27 Vietnam Records in 10 years."

WORLD RECORDS UNION

Chairman
Biswaroop Roy Chowdhury

Date: December 2nd, 2015

Bằng chứng nhận của Tổ chức Liên minh Kỷ lục thế giới cấp cho Truyện Kiều

Như vậy, với một ý nghĩa to lớn, Truyện Kiều đã có sứ mệnh gắn kết các dân tộc xích lại gần nhau, trân trọng nền văn hóa của nhau, hiểu và chia sẽ, sát cách bên nhau đánh đuổi kẻ thù xâm lược, xóa bỏ chiến tranh, xây dựng cuộc sống hòa bình. Truyện Kiều của danh nhân Nguyễn Du là kiệt tác của văn học Việt Nam, tự hào đứng cùng những tác phẩm bất hủ thế giới được bạn đọc trong và ngoài nước yêu mến. Từ khi ra đời đến nay Truyện Kiều là món ăn tinh thần gần gũi với người dân Việt Nam, trở thành nơi để con người gửi gắm niềm tin về vận mệnh của mình, của dân tộc mình. Truyện Kiều trở thành một hình tượng dân gian mang đậm tính chất tâm linh. Truyện Kiều và Nguyễn Du là niềm tự hào của nhân dân Việt Nam.